

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 32/3

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẶNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 32/3 - No. 1648 - 1667

SỐ 1648
LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO
(*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 3

*A-la-hán Ưu-ba-đề-sa tạo luận
Tam tạng Tăng-già-bà-la dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 6: PHÂN BIỆT HÀNH

Bấy giờ, vị A-xà-lê mà đệ tử theo học, qua nhiều ngày quan sát hạnh của người đệ tử, rồi mới dạy cho những hành xứ tương ứng với hạnh của người đệ tử.

Do đó, hành giả có tất cả 14 hành, đó là: 1. Dục hành. 2. Sân hành. 3. Si hành. 4. Tín hành. 5. Ý hành. 6. Giác hành. 7. Dục sân hành. 8. Dục si hành. 9. Sân si hành. 10. Dục sân si đẳng phân hành. 11. Tín ý hành. 12. Tín giác hành. 13. Ý giác hành. 14. Tín ý giác đẳng phân hành.

Ngoài ra lại có các thứ ái hành, kiến hành, mạn hành v.v... có thể biết được. Do đó tham, dục, ý 3 sử hành tính giống nhau đều đeo bám ái lạc

Do ý nghĩa của các hành mà hình thành 14 loại hành nhân, tức là con người hành vi. Đó là người dục hành, người sân hành, người si

hành, người tín hành, người ý hành, người giác hành, người dục sân hành, người dục si hành, người sân si hành, người dục sân si đẳng phần hành, người tín ý hành, người tín giác hành, người ý giác hành, và người tín ý giác đẳng phần hành.

Do đó, dục dục, dục sử, dục tính, dục lạc đều gọi là người dục hành.

Thường hành dục khiến dục tăng thượng, đó gọi là dục hành. Tất cả các hành khác cũng phải phân biệt như vậy.

Bấy giờ, 14 loại hành nhân đó có thể giản hóa thành 7 loại:

Người dục hành với người tín hành thành 1 loại.

Người sân hành với người ý hành thành 1 loại.

Người si hành nhân với người giác hành thành 1 loại.

Người dục sân hành với người tín ý hành thành 1 loại.

Người dục si hành với người tín giác hành thành 1 loại.

Người sân si hành với người giác ý hành thành 1 loại.

Người dục sân si đẳng phần hành với người tín ý giác đẳng phần hành thành 1 loại.

Hỏi: Vì sao người dục hành với người tín hành lại thành một loại ?

Đáp: Người dục hành theo học thiện tri thức thì được tăng trưởng tín hành dục, đó là công đức của sự gần gũi thiện tri thức.

Lại nữa, do 3 hành dục và tín, câu này thành 1 tướng có nghĩa của ái niệm, có nghĩa của tìm cầu công đức và có nghĩa của không xả bỏ. Do đó, người dục hành thường nghĩ nhớ dục, người tín hành thường nghĩ nhớ điều thiện, người dục hành tìm cầu công đức của dục, người tín hành tìm cầu công đức của điều thiện, người dục hành

không xả bỏ những gì phi khả ái làm tướng, còn người tín hành thì không xả bỏ những gì khả ái làm tướng. Bởi thế cho nên, dục hành và tín hành hợp thành 1 tướng.

Hỏi: Vì sao sân hành và ý hành lại cùng 1 loại ?

Đáp: Người sân hành theo học thiện tri thức thì được tăng trưởng trí hành sân, đó là công đức của sự gần gũi thiện tri thức.

Lại nữa, do 3 hành sân và trí thành 1 tướng. Ba hành vi đó có ý nghĩa là phi ái niệm, tìm cầu chỗ lỗi lầm, và lia bỏ. Do đó, người sân hành không an trụ nơi ái niệm, còn người ý hành thì không an trụ nơi hành niệm. Người sân hành thường tìm kiếm những chỗ đáng tức giận, còn người ý hành thì tìm kiếm chỗ lỗi lầm của các hành động. Người sân hành thường vất bỏ, còn người ý hành thì thường từ bỏ về hành động. Bởi thế cho nên, người sân hành và người ý hành giống nhau hợp thành 1 tướng.

Hỏi: Tại sao người si hành với người giác hành lại thành 1 loại ?

Đáp: Người si hành theo học thiện tri thức được tăng trưởng giác hành si, đó là công đức do thân cận thiện tri thức. Cũng do trí tuệ của tín hành mà lia bỏ được tâm si.

Lại nữa, do 2 hành động si với giác thành 1 tướng đó là không tự định, và động. Bởi si thì ở nơi loạn nên không an, giác thì có nhiều thứ giác ức nên thành không an. Si thì không có nơi hướng về nên thành động, còn giác thì khinh an nên cũng thành động. Cho nên, cả 2 si và giác trở thành 1 tướng.

Dùng phương tiện này cũng phân biệt các hành khác, như vậy đây thành ra 7 loại người.

Trong 7 loại người tu hành này, người thế nào là tu hành mau, người thế nào là tu hành chậm ?

Người dục hành dễ giáo hoá tu hành mau nhờ có sức tin mạnh, sức si giác yếu mỏng.

Người sân hành dễ giáo hóa tu hành mau, nhờ có sức ý chí mạnh, sức si giác mỏng.

Người si hành không dễ giáo hóa, tu hành chậm vì sức si giác mạnh, sức tin và ý chí mỏng yếu.

Người dục sân hành thì dễ giáo hóa tu hành mau nhờ có sức tin và ý chí mạnh, sức si giác mỏng yếu

Người dục si hành thì không dễ giáo hóa tu hành chậm vì hoàn toàn không có sức tin và sức si giác mạnh.

Người sân si hành thì không dễ giáo hóa, tu hành chậm vì hoàn toàn không có sức ý chí và sức si giác mạnh.

Người dục sân si đặng phần hành thì không dễ giáo hóa, tu hành chậm vì tuy có ý chí nhưng không ổn định, có sức si giác nhưng không mạnh.

Bảy loại người kể trên do các phiền não căn bản mà thành ra 3 loại người là người dục hành, người sân hành, và người si hành.

Hỏi: Do nhân duyên nào có tên 3 loại người như trên đây ? Làm sao biết được là người dục hành, người sân hành, người si hành ? Làm cách nào để phân biệt được qua cách mặc áo, đi khất thực, nằm ngòai và oai nghi trong hành động ?

Đáp: Có 3 thứ nhân duyên tạo thành 3 loại người dục hành, sân hành và si hành. Đó là do nhân duyên tạo nghiệp ban đầu, do hành giới làm nhân duyên, và do lỗi lầm làm nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là do nhân duyên tạo nghiệp ban đầu ?

Đáp: Là lúc mới tu hành, lấy khả ái làm phương tiện, do đó tạo nhiều thiện nghiệp thành người dục hành. Rồi từ trên thiên đường

sinh xuống cõi này khởi nhiều nghiệp sát hại, đánh đập mà thành người sân hành, bị nghiệp bất ái che khuất sa vào địa ngục, hoặc sinh thành rồng, rồi sau từ các nơi ấy sinh vào cõi này.

Ban đầu hay uống rượu, gây chia rẽ mà thành người si hành sinh vào cõi súc sinh, rồi sau từ cõi súc sinh lại sinh vào cõi này.

Đó là các hành động tạo nghiệp ban đầu làm nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là giới làm nhân duyên ?

Đáp: Vì người ở gần với 2 giới là địa giới và thủy giới nên thành người si hành. Còn ở gần 2 giới là hỏa giới và phong giới thì thành người sân hành. Còn như đồng đều với 4 giới địa thủy hỏa phong thì thành người dục hành.

Đó là các hành giới làm nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là các lỗi lầm làm nhân duyên ?

Đáp: Quá nhiều đờm dãi thành người dục hành. Quá nhiều mật thành người sân hành. Quá nhiều gió thành người si hành.

Lại có thuyết cho rằng, quá nhiều đờm dãi thành người si hành, quá nhiều gió thành người dục hành.

Đó là các lỗi lầm làm nhân duyên.

Làm sao có thể biết được người nào là dục hành, người nào là sân hành, người nào là si hành ?

Đáp: Do 7 hành vi có thể biết được. Đó là:

1. Do sự.
2. Do phiền não.
3. Do cách đi.
4. Do cách nhận lấy.
5. Do cách ăn.

6. Do cách làm công việc.

7. Do cách nắm.

Thế nào là do sự mà biết được người ?

Người dục hành do tham dục mà thấy có việc. Việc không thường thấy người ấy cũng có thể thấy đến. Sau khi thấy rồi, khởi thường quán, không tham nhập tư duy tác ý nơi chỗ thấy là chân thật mà thành lỗi lầm không lìa bỏ. Đối với công đức nhỏ không phép tắc theo dục được giải thoát. Đối với sự việc có thể quán mà không thể xả bỏ. Người như thế là người dục hành.

Người sân hành do sân giận mà thấy có việc, thường chán nản mỗi một không thể nhìn thấy lâu, tùy theo chỗ cố chấp mà thành lỗi lầm, hay hủy báng kẻ khác, ngay nơi có nhiều công đức chẳng phải không khó từ đó không bỏ, chỉ bởi lỗi lầm để được tiện. Đối với các sự việc khác cũng như thế, do đó có thể phân biệt biết được người sân hành.

Người si hành do si thấy có việc, là công đức hay lỗi lầm thường nhẹ tin theo kẻ khác, mù quáng nghe theo người khác, người chê chê theo, người khen khen theo, tự mình không có chút kiến thức. Người như thế là người si hành.

Hỏi: Thế nào là do phiền não mà biết được người ?

Đáp: Người dục hành phần nhiều hành động theo 5 thứ phiền não: ganh ghét, keo kiệt, huyễn hoặc, nịnh bợ, tham dục. Đó là 5 thứ.

Người sân hành phần nhiều hành động theo 5 thứ phiền não: phần uất, căm hờn, che đậy, buồn phiền, giận dữ. Đó là 5 thứ.

Người si hành phần nhiều hành động theo 5 thứ phiền não: uê oải, lười biếng, nghi ngờ, hối tiếc, vô minh. Đó là 5 thứ.

Như vậy là do các phiền não, có thể biết được tính người.

Hỏi: Thế nào là do cách đi mà biết được tính người ?

Đáp: Người dục hành, trông cách đi biết được tính người, như bước đi nhanh, giở chân hạ chân bằng thẳng, không bước dài, bước đi dễ mền. Như vậy trông cách đi biết được tính người.

Người sân hành, trông cách đi biết được tính người, như bước đi gấp gáp vội vã, chân không kịp chạm đất. Như vậy trông cách đi biết được tính người.

Người si hành, trông cách đi biết được tính người, đi kéo lê không khỏi mặt đất, chân nọ đụng chân kia. Như vậy trông cách đi biết được tính người.

Hỏi: Thế nào là do cách mặc áo biết được tính người ?

Đáp: Người dục hành khi lấy áo không lựa chọn nhiều, mặc áo không quá rộng, không quá dài, vuông vắn tròn trịa, trông đẹp và khả ái.

Người sân hành mặc áo quá gấp gáp, quá ngắn, không vuông vắn đều đặn, trông khó coi.

Người si hành mặc áo quá rộng, không vuông vắn, trông rất khó coi không đẹp mắt chút nào.

Như vậy là theo cách mặc áo có thể biết được tính người.

Hỏi: Thế nào là do cách ăn biết được tính người ?

Đáp: Người dục hành thích món béo, ngọt. Người sân hành thích chua. Người si hành không có sở thích nhất định.

Lại nữa, người dục hành, đến giờ ăn, tự lượng sức mình lấy vừa đủ thức ăn, ăn từng miếng, không ăn nhanh, biết hương vị thức ăn, nếu gặp món không hợp khẩu vị cũng không chán bỏ.

Người sân hành khi thấy thức ăn đến thì lấy nhiều thức ăn, nhai đầy miệng, gặp món không ngon, thì nổi phiền giận.

Người si hành khi ăn lấy ít thức ăn, ăn uống không gọn gàng, thức ăn dính miệng, nửa vào miệng, nửa rơi xuống mâm, loạn tâm không giữ chính niệm trong khi dùng bữa.

Như vậy là do cách ăn mà biết được tính người.

Hỏi: Thế nào do cách làm việc mà biết được tính người ?

Đáp: Người dục hành khi quét đất đứng thẳng người, cầm chổi quét không quá nhanh, không bốc bụi đất, mà quét được sạch sẽ.

Người sân hành khi quét đất, cầm chổi quét nhanh bên này bên kia, bốc bụi đất, gây tiếng động, mà không sạch đều.

Người si hành khi quét đất, cầm chổi quét chậm chạp, xem hết chỗ này xem hết chỗ kia tuy quét hết không sạch đều.

Còn những công việc như giặt nhuộm vá may cũng vậy. Người dục hành thì làm mọi việc một cách đồng đều, chuyên chú không loạn tâm. Người sân hành thì làm không đồng đều, chỉ có điều là không loạn tâm. Người si hành thì tâm hay loạn động, làm việc gì cũng không thành.

Như vậy là do công việc làm mà biết được tính người.

Hỏi : Thế nào là do nằm ngòì mà biết được tính người ?

Đáp: Người dục hành khi đi ngủ không gấp gáp vội vã, trước khi ngủ, dọn giường sắp xếp ngay ngắn, thân nằm nghiêng co tay mà ngủ, nửa đêm có ai gọi thì thức, có nghi điều gì liền lên tiếng trả lời.

Người sân hành ngủ thì vội vã gập đầu nằm đó, châu mày nhắm mắt, đang đêm có ai gọi thì nổi giận trả lời.

Người si hành khi ngủ giường chiếu lồi thoi, chỉ đắp mình còn tay chân thò ra ngoài, nửa đêm có ai gọi thì ú ớ giây lâu mới đáp.

Đó là xem cách nằm ngủ mà biết tính người.

Hỏi: Nên hành xử theo pháp nào khi mặc áo, khát thực và nằm ngòì ?

Đáp: Người dục hành mặc áo vải thô, không nhuộm màu tươi sáng. Người sân hành mặc áo đẹp để kỹ lưỡng, sạch sẽ, có màu sắc khả ái. Người si hành tùy được áo nào mặc áo ấy.

Người dục hành khát thực món ăn thô sơ không mỹ vị và ăn ít. Người sân hành khát thực thích món ăn ngon, các mỹ vị hợp ý mình. Người si hành thì tùy các món khát thực được và ăn uống có tiết độ.

Người dục hành nằm ngòì dưới bóng cây, bên mé nước, trong vườn nhỏ không xa xóm làng, nơi chùa am chưa xây cất xong, những nơi không có giường nằm nệm ngòì. Người sân hành nằm ngòì dưới bóng cây, bên mé nước, chỗ đất bằng phẳng, nơi chùa am đã hoàn thành, có đủ giường nằm đầy đủ. Người si hành thì nương theo nơi an trú của thầy mình.

Người dục hành đi đến là nơi có cơm nước sơ sài, khi vào làng thì đi theo hướng mặt trời, đối với nơi có người ác là nơi người dục hành nên đi đến. Người sân hành đi đến nơi có đầy đủ cơm nước, vào làng không theo hướng mặt trời mà nhắm hướng có nhiều tín thí. Người si hành thì tùy nơi gặp được mà đi không theo hướng nhất định.

Về oai nghi, người dục hành đa phần là du tăng hành cước. Người sân hành thì nương tựa ngòì nằm. Người si hành thì nương theo cách đi.

Người dục hành nhờ cảnh giới khả ái làm tin. Người sân hành nhờ cảnh giới không khả ái làm tin. Người si hành nhờ lấy cảnh có thể quán làm nhân.

Người dục hành như nô lệ, người sân hành như chủ nhân, người si hành như chất độc.

Người tham ít bị lỗi lầm, đoạn trừ không nhiễm. Người giận dữ lỗi lầm lớn, khiến không nhiễm. Người si mê lỗi lầm lớn, đoạn trừ không nhiễm.

Người dục hành ưa thích sắc dục.

Người sân hành ưa tranh cãi.

Người si hành ưa lừa dối.

Phẩm 7: PHÂN BIỆT HÀNH XỨ

Bấy giờ, y chỉ sư sau khi quán sát phẩm hạnh của đệ tử, mới trao cho 38 hành xứ, tức đối tượng của quán tâm tu hành mà truyền dạy, khiến cho việc tu hành phù hợp với phẩm hạnh.

Hỏi: Ba mươi tám hành xứ là những gì ?

Đáp: Đó là 10 nhất thiết nhập: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, thức xứ.

Và 10 phép quán tưởng bất tịnh: tưởng chương sinh, tưởng xanh bầm, tưởng rữa nát, tưởng vất bỏ, tưởng bị chim thú ăn thừa, tưởng thịt trong thân thối nát, tưởng chặt chém nát, tưởng máu huyết bê bết, tưởng trùng hôi thối, tưởng xương.

Lại thêm 10 niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên, niệm về sự chết, niệm thân, niệm hơi thở, niệm an tịch.

Lại thêm 4 vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả.

Và thêm 4 quán tưởng: về tứ đại, về thức ăn bất tịnh, về vô sở hữu xứ, về phi phi tưởng xứ.

Đó là 38 hành xứ.

Trong 38 hành xứ này có 9 hành pháp là vượt trội hơn cả: 1. Thiên. 2. Chính việt. 3. Tăng trưởng. 4. Duyên. 5. Sự. 6. Thắng. 7. Địa. 8. Thủ. 9. Người.

Hỏi: Thế nào là do thiên?

Đáp: Có 10 hành xứ đưa đến sự thành tựu thiên ngoại hành.

Lại có 11 hành xứ khiến thành tựu Sơ thiên.

Lại có 3 hành xứ thành tựu Tam thiên.

Lại có 1 hành xứ thành tựu Tứ thiên.

Lại có 9 hành xứ thành tựu Tứ thiên, Ngũ thiên.

Lại có 4 hành xứ thành tựu 4 thiên Vô sắc.

Hỏi: Thế nào là 10 hành xứ thành tựu được thiên ngoại hành ?

Đáp: Trong 10 niệm trừ niệm sở tức và niệm thân, 8 niệm còn lại cùng với pháp quán 4 đại, tướng thực phẩm bất tịnh, là 10 pháp thiên ngoại hành.

Hỏi: Thế nào là 11 hành xứ thành tựu Sơ thiên ?

Đáp: Quán tưởng 10 pháp bất tịnh và niệm thân là 11 hành xứ thành tựu Sơ thiên.

Hỏi: Thế nào là 3 hành xứ thành tựu Tam thiên ?

Đáp: Đó là quán 3 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ.

Hỏi: Thế nào là 1 hành xứ thành tựu Tứ thiên ?

Đáp: Đó là quán 1 tâm vô lượng: xả.

Hỏi: Thế nào là 9 hành xứ thành tựu Tứ thiên, Ngũ thiên ?

Đáp: Trừ không nhất thiết nhập và thức nhất thiết nhập ra, còn lại 8 nhất thiết nhập với niệm sở tức, đồng đưa đến sự thành tựu Tứ thiên, Ngũ thiên.

Hỏi: Thế nào là 4 hành xứ thành tựu 4 cõi Vô sắc ?

Đáp: Hư không nhất thiết nhập, thức nhất thiết nhập, vô sở hữu xứ, phi phi tướng xứ là 4 hành xứ thành tựu cõi Vô sắc.

Như vậy do thiên có thể biết được các hành xứ.

Hỏi: Sao gọi là chính việt ?

Đáp: Chính việt nghĩa là vượt thẳng lên, tức là vào hành xứ thành tựu được sự vượt lên thẳng. Sự vượt thẳng này có 3 trường hợp là vượt Sắc, vượt sự và vượt thụ tướng.

Vượt Sắc là trừ Vô sắc nhất thiết nhập, 8 nhất thiết nhập còn lại và 30 hành xứ còn lại không vượt lên thẳng khỏi cõi Sắc.

Vượt sự là có 3 hành xứ vượt thẳng lên khỏi sự việc. Đó là 3 Vô sắc nhất thiết nhập và về vô sở hữu xứ, 35 hành xứ còn lại thì không thành tựu được sự vượt lên khỏi sự việc.

Vượt thụ tướng có 1 hành xứ, đó là phi phi tướng xứ. Ba mươi bảy hành xứ còn lại thì không vượt lên khỏi được thụ và tướng.

Như vậy do sự vượt thẳng có thể biết được công đức thù thắng của các hành xứ.

Hỏi: Sao gọi là do sự tăng trưởng ?

Đáp: Mười bốn hành xứ có thể khiến tăng trưởng. Đó là 10 nhất thiết nhập và 4 vô lượng tâm, 24 hành xứ còn lại không có khả năng làm tăng trưởng.

Như vậy do tăng trưởng biết được sự thù thắng của các hành xứ.

Hỏi: Thế nào là do nhân duyên ?

Đáp: Nhân duyên chia làm 2 thứ: Thần thông duyên và Tì-bà-xá-na duyên.

Có 9 hành xứ làm nhân duyên chứng đắc thần thông. Đó là, trừ Vô sắc nhất thiết nhập, 8 nhất thiết nhập còn lại và phân biệt hư không nhất thiết nhập. Ngoài ra 30 hành xứ còn lại không làm nhân duyên chứng đắc thần thông. Ba mươi bảy hành xứ này làm nhân duyên cho Tỳ-bà-xá-na, ngoại trừ phi phi tướng xứ.

Lại có 1 hành xứ không làm nhân duyên cho Tỳ-bà-xá-na duyên đó là phi phi tướng xứ.

Như vậy do nhân duyên mà biết được sự thù thắng của các hành xứ.

Hỏi: Thế nào là do sự ?

Đáp: Sự được chia làm 3 loại là sự phân biệt, sự thật, và sự không nên nói là sự phân biệt hay sự thật.

Hai mươi một hành xứ là sự phân biệt, 12 hành xứ là sự thật, 5 hành xứ là sự không nên nói là sự phân biệt hay sự thật.

Hỏi: Thế nào là 21 hành xứ là phân biệt sự ?

Đáp: Trừ thức nhất thiết nhập, còn lại là 9 nhất thiết nhập, 10 bất tịnh tướng, với niệm sở tức và niệm thân, đều là phân biệt sự.

Hỏi: Thế nào là 12 thực sự ?

Đáp: Đó là thức nhất thiết nhập, phi phi tướng xứ và 10 thiền ngoại hành.

Hỏi: Thế nào là 5 hành xứ không nên nói là phân biệt sự hay thực sự ?

Đáp: Đó là 4 vô lượng tâm, và vô sở hữu xứ.

Lại nữa, có 2 hành xứ, là nội doanh sự và nội sự.

Lại nữa có 2 hành xứ, là nội doanh sự và ngoại sự.

Lại nữa có 1 hành xứ, là ngoại doanh sự và nội sự.

Lại có 21 hành xứ, là ngoại doanh sự và ngoại sự.

Lại có 4 hành xứ, là nội doanh sự nội sự thiết lập ngoại sự.

Lại có 4 hành xứ, là thiết lập nội doanh sự, thiết lập ngoại doanh sự và thiết lập ngoại sự.

Lại có 2 hành xứ, là thiết lập nội doanh sự, thiết lập ngoại doanh sự, thiết lập nội sự, thiết lập ngoại sự.

Lại có 1 hành xứ là nội ngoại doanh sự và nội sự.

Lại có 1 hành xứ là nội doanh sự không nên nói và nội sự, ngoại sự.

Do đó 2 hành xứ nội doanh sự và nội sự là thức nhất thiết nhập và phi phi tướng xứ.

Lại có 2 hành xứ là nội doanh sự và ngoại sự, đó là niệm sở tức và niệm thân.

Lại có 1 hành xứ là ngoại danh sự và nội sự, đó là niệm về sự chết.

Lại có 21 hành xứ là ngoại doanh sự và ngoại sự. Đó là 10 bất tịnh tướng, 4 vô lượng tâm, 4 sắc nhất thiết nhập, hư không nhất thiết nhập và niệm Phật, niệm tăng

Lại có 4 hành xứ là nội doanh sự nội sự thiết lập ngoại sự, tức là niệm giới, niệm thí, quán 4 đại và bất tịnh thức tướng.

Lại có 4 hành xứ là thiết lập nội doanh sự thiết lập ngoại doanh sự nói ngoại sự. Tức là 4 đặc nhất thiết nhập.

Lại có 2 hành xứ là thiết lập nội doanh sự thiết lập ngoại doanh sự thiết lập nội sự thiết lập ngoại sự. Tức là niệm pháp, niệm tịch tĩnh.

Lại có 1 hành xứ là nội ngoại doanh sự nội sự. Tức là niệm Thiên.

Lại có 1 hành xứ là nội doanh sự nội sự ngoại sự không nên nói. Tức là vô sở hữu xứ.

Lại có 2 hành xứ về quá khứ sự. Tức là thức nhất thiết nhập và phi phi tướng xứ.

Lại có 1 hành xứ về vị lai sự. Đó là niệm về sự chết.

Lại có 1 hành xứ đối với hiện tại sự. Đó là niệm Thiên.

Lại có 6 hành xứ thiết lập quá khứ sự, thiết lập vị lai sự, thiết lập hiện tại sự. Tức là niệm Phật, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, và quán 4 đại, bất tịnh thực tướng.

Lại có 2 hành xứ là thiết lập quá khứ sự, thiết lập hiện tại sự, thiết lập không nên nói. Quá khứ vị lai đó là niệm pháp và niệm tịch tĩnh.

Lại có 26 hành xứ không nên thiết lập sự trong 3 đời. Tức là 9 nhất thiết nhập, 10 bất tịnh tướng, 4 vô lượng tâm, và niệm sở tức và niệm thân, vô sở hữu xứ.

Lại có 4 hành xứ động sự. Tức là hỏa nhất thiết nhập, phong nhất thiết nhập và trùng hủ tướng, và niệm sở tức. Xứ thì động mà tướng của nó thì không động. Ngoài ra 34 sự bất động dùng các sự ấy có thể biết được.

Hỏi: Sao gọi là thắng ?

Đáp: Nói thắng nghĩa là vượt trội, gồm có 4 thứ là danh thắng, định thắng, tướng thắng và tuệ thắng.

Vì 8 nhất thiết nhập, 4 Vô sắc định, được gọi là thù thắng chân thật sự, nhân đó gọi là danh thắng. Bởi 8 nhất thiết nhập có thể khiến Đệ tứ thiên trụ ở bậc thắng địa, nhân đó gọi là định thắng. Thiên của 4 Vô sắc giới do định thành trụ, nhân đó cho định là thắng.

Mười tướng bất tịnh và tướng thức ăn bất tịnh gọi là tướng thắng, do sắc, do hình, do hư không, do phương hướng, do phân biệt, do hoà hợp, do chấp trước cho nên lấy 10 niệm xứ gọi là thắng niệm.

Do vi tế, do tùy niệm, 4 vô lượng tâm do đó được sự thù thắng vì không lỗi, được lợi ích. Quán 4 đại vì chấp giữ cái không, nên đó gọi là tuệ thắng.

Như vậy là do sự thù thắng mà biết được các hành xứ.

Hỏi: Thế nào là do cảnh địa ?

Đáp: Người thành tựu 12 hành xứ, không sinh lên cõi trời. Mười hai hành xứ đó là 10 bất tịnh tướng, với niệm thân và tướng thức ăn bất tịnh.

Lại nữa người thành tựu 13 hành xứ không sinh lên cõi Sắc. Đó là 12 hành xứ đầu tiên và niệm sở tức.

Ngoại trừ 4 Vô sắc xứ, các hành xứ còn lại không sinh lên cõi Vô sắc.

Như vậy là do cảnh địa mà biết được các hành xứ.

Hỏi: Sao gọi là do thủ ?

Đáp: Là có 17 hành xứ dùng kiến tương ưng với thủ tướng. Mười bảy hành xứ này tức trừ phong nhất thiết nhập và 2 Vô sắc nhất thiết nhập, ngoài ra 7 nhất thiết nhập và 10 bất tịnh tướng.

Lại có 1 hành xứ dùng xúc tương ưng với thủ tướng, đó là niệm sở tức.

Lại có 1 hành xứ hoặc dùng cái thấy hoặc dùng xúc tương ứng với thủ tướng, đó là phong nhất thiết nhập.

Ngoài ra 19 hành xứ dùng cái nghe phân biệt tương ứng với thủ tướng.

Ngoài đây ra có 5 hành xứ người mới học ngồi thiền không nên tu hành, tức 4 Vô sắc xứ và xả vô lượng tâm.

Ngoài ra 33 hành xứ khác người mới học tu thiền đều nên chấp thủ.

Đó gọi là dùng thủ có thể biết được 58 hành xứ.

Hỏi: Sao gọi là do người ?

Đáp: Có 6 loại người tu hành:

1. Người dục hành.
2. Người sân hành.
3. Người si hành.
4. Người tín hành.
5. Người ý hành.
6. Người giác hành.

Người dục hành không nên tu hành 4 vô lượng tâm, do không có tịnh tướng. Vì sao vậy ? Vì người dục hành chỉ tác ý về tịnh tướng mà chỗ làm đều không thanh tịnh. Như người bị bệnh đờm mà ăn nhiều thức ăn dầu mỡ là không thích hợp.

Người sân hành không nên tu hành 10 bất tịnh tướng. Do vì sân tâm, người sân hành chỗ tác ý với chỗ ra làm đều không nhất trí. Cũng như người bị bệnh đờm mà ăn đồ ăn nóng là không phù hợp.

Người si hành vì trí tuệ chưa tăng trưởng, không nên tu chỗ khởi tu các hành xứ, vì lìa phương tiện. Nếu lìa phương tiện thì sự tinh tiến không có hiệu quả. Như người cưỡi voi mà không cầm theo cây móc câu.

Người dục hành nên tu quán tướng bất tịnh và quán tướng về thân, vì để đối trị với tham dục.

Người sân hành nên tu 4 vô lượng tâm, vì đối trị với sân, hoặc nên tu Sắc nhất thiết nhập vì khiến tâm theo đuổi.

Người tín hành nên tu 6 niệm xứ, vì niệm Phật khiến niềm tin ban đầu được kiên định.

Người ý hành nên tu quán 4 đại, tưởng thức ăn bất tịnh, niệm về sự chết, niệm về tịch tịch, vì có thể được thâm nhập hành xứ.

Lại nữa, người ý hành đối với tất cả các hành xứ, đều có thể tu mà không phương hại gì cả.

Người giác hành nên tu niệm sở tức, có thể đoạn giác.

Người si hành trước tiên phải dùng lời hỏi đạo pháp, thường thời nghe pháp, cung kính pháp bảo cùng ở với thầy khiến trí tuệ tăng trưởng rồi ngay trí tuệ đó sau khi đã đạt được sự tăng trưởng nhất định mà chọn các hành xứ tu hành, lấy niệm về sự chết và quán tưởng 4 đại là lý tưởng nhất.

Lại có thuyết nói: Khi phân biệt các hành xứ, ta thấy sự thù thắng của chúng. Tuy nhiên, phân biệt trong 6 loại người có thể tóm lược thành 3 loại.

Hỏi: Nếu vậy, thì lúc đầu mới học có hay không có phương hại gì ?

Đáp: Có 2 hạng người dục hành là người dục hành độn căn, và người dục hành lợi căn.

Người dục hành độn căn, nên tu quán bất tịnh, đối trị tham dục. Đó là điều nên dạy cho tu hành để trừ tham dục.

Người dục hành lợi căn nên tu 10 tùy niệm xứ để làm tăng trưởng lòng tin ban đầu. Đó là điều nên dạy cho tu hành diệt trừ tham dục.

Có 2 hạng người sân hành là người sân hành độn căn và người sân hành lợi căn.

Người sân hành độn căn nên tu 4 vô lượng tâm để đối trị sân nhuế. Đó là điều nên dạy cho tu hành để trừ sân nhuế.

Người sân hành lợi căn nhờ trí tuệ tăng trưởng, nên tu các thắng xứ. Đó là điều nên dạy cho tu hành để diệt trừ sân nhuế.

Người si hành cũng có 2 hạng là người si hành độn căn và người si hành vô căn.

Người si hành vô căn thì không nên dạy tu các hành xứ. Còn người si hành độn căn thì vì để trừ giác, nên dạy cho tu niệm sở tức.

Như vậy là đã tóm lược thành 3 hạng người để tu hành mà không có gì phương hại. Theo các pháp nói trên, 11 nhất thiết nhập và niệm sở tức, có thể khiến pháp không tăng trưởng, đối với tất cả các hành xứ đều không phương hại. Nếu đã đầy đủ công đức thù thắng, đối với tất cả các hành, tất cả hành xứ đều không tạo thành chướng ngại.

QUYỂN 3 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

(*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 4

Phẩm 8: HÀNH MÔN 1

Hỏi: Thế nào là Địa nhất thiết nhập ? Tu hành như thế nào ? Tướng như thế nào ? Vị như thế nào ? Hành xứ thế nào ? Được các công đức gì ? Nhất thiết nhập là ý nghĩa gì ? Có bao nhiêu loại ? Sao lấy tướng là đất ? Làm sao tác pháp Mạn-đà-la ? Tu hành Địa pháp như thế nào ?

Đáp: Tâm người tu hành nương theo tướng đất sinh, do đó gọi là Địa nhất thiết nhập. Tâm trụ nơi tướng đất không loạn, đó là tu hành theo pháp Địa nhất thiết nhập. Khéo vui thích ý tướng bám đất là tướng. Không xả bỏ là vị. Ý không có niệm nào khác là xứ.

Có các công đức gì ?

Có 12 công đức sinh ra do Địa nhất thiết nhập là:

1. Tướng này dễ được trong mọi thời gian.
2. Qua mọi hoạt động tâm không trở ngại.
3. Tâm được dễ dàng trong mọi hành xứ.
4. Tâm không trở ngại trong mọi hành xứ.
5. Được thân thông như ý.

6. Đi trên mặt nước, bay trên không trung như đi trên mặt đất.
7. Nhận rõ mọi loại sắc.
8. Biết rõ niệm ban đầu.
9. Biết rõ các kiếp trước.
10. Được thiên nhĩ. Phân biệt rõ các cảnh giới.
11. Đi theo các nẻo thiện.
12. Đến bờ cam lộ.

Hỏi: Nhất thiết nhập nghĩa là gì ?

Đáp: Là thâm nhập vào khắp tất cả. Như Phật nói trong bài kệ:

*Nếu nhớ công đức Phật,
Hoan hỷ khắp châu thân
Quán Địa nhất thiết nhập,
Đầy cõi Diêm-phù-đề.
Quán này duyên đất sinh,
Tâm hoan hỷ cũng vậy.*

Tu quán như vậy thấy Mạn-đà-la thâm nhập vào tất cả.

Hỏi: Đất có mấy loại ? Tu tướng đất như thế nào ?

Đáp: Đất có 2 loại: đất tự tướng và đất tạo thành.

Cứng chắc là tự tướng của địa giới, gọi là đất tự tướng. Nếu tự mình đào xới lên, hoặc bảo người đào xới, đó là đất do tạo tác làm ra, gọi là đất tạo thành.

Đất có 4 màu sắc: trắng, đen, đỏ và sáng. Nơi đất tự tướng, người ngồi thiền không nên tác ý vào tướng của đất, mà nên loại trừ 3 màu sắc trắng, đen và đỏ.

Vì sao vậy ? Vì quán tưởng vào tự tướng của đất thì từ đó không khởi các phần tướng khác. Nếu lấy màu trắng, đen, đỏ thì trở thành quán Sắc nhất thiết nhập.

Vì sao vậy ? Quán tự tướng của đất phải lia các màu trắng, đen và đỏ, dù tạo tác không tạo tác phải giữ lấy tướng đất, khi tướng sáng hiện lên thì phải giữ lấy tướng đất đó.

Hỏi: Sao gọi là đất không tạo tác ?

Đáp: Trong tầm nhìn nơi nào cũng thấy bằng phẳng, không có bụi rậm, cây trơ trụi, khiến khởi tướng về đất đó là tướng đất không tạo tác.

Người ngồi thiền kỳ cựu, tùy vui hay không vui, liền thấy được tướng phần khác của đất mà an trụ trong phần không thoái chuyển.

Người mới tập thiền muốn giữ lấy tướng đất tạo tác, tạo Mạn-đà-la, mà không quán đất không tạo tác.

Hỏi: Thế nào là tạo Mạn-đà-la ?

Đáp: Nếu người ngồi thiền muốn tạo Mạn-đà-la trên đất, trước nên tìm nơi tĩnh mịch, hoặc ở chùa, hoặc nơi hang đá, hoặc dưới bóng cây, tránh ở nơi u ám không ánh mặt trời, hoặc nơi gần đường người qua lại. Tại nơi đó, cách xa chừng một tầm, tưới quét sạch sẽ để cho đất khô ráo. Nơi đó, khi mặt trời lên màu đất làm phát khởi tướng đất. Với dung nghi cung kính, tính trước một số vừa phải, rồi cầm thau lấy nước hòa với đất, loại bỏ cỏ rác, rễ cây, các vật không sạch, dùng chéo khăn vắt chất bùn ướt lên nơi đất sạch. Chỗ ngồi được che ánh nắng nơi đất sạch, không cách quá xa mà cũng không quá gần. Dùng thước đo quay một vòng tròn, bên trong bằng phẳng, không có ngăn cao thấp. Sau đó, dùng bùn trét lên đất, không cho có màu tạp lẫn lộn vào đất rồi che lại giữ yên cho đến khi thật khô. Đến khi khô, dùng một màu khác vẽ bọc vòng phía ngoài, trông lớn bằng như một cái sàng gạo hoặc một cái đồng la, hoặc tròn, hoặc vuông, hoặc 3 góc, hay 4 góc đều có tác dụng khác biệt.

Theo Đức Bản Sư nói thì làm Mạn-đà-la hình tròn là tốt nhất. Mạn-đà-la có thể làm trên tấm vải, trên mặt gỗ, trên vách tường đều được, nhưng trên mặt đất là tốt nhất.

Hỏi: Thế nào là pháp tu Địa nhất thiết nhập ?

Đáp: Người ngồi thiền muốn tu hành theo pháp Địa nhất thiết nhập, trước hết phải quán các lỗi lầm của sự ham muốn, rồi phải quán các công đức của sự xuất ly.

Hỏi: Vì sao phải quán lỗi lầm của sự ham muốn ?

Đáp: Tham dục sướng ít khổ nhiều, cho nên trong tham dục có nhiều lỗi lầm.

Dục ví như khúc xương ít đem lại thích thú.

Dục ví như miếng thịt có nhiều phụ thuộc.

Dục như cầm lửa đi ngược gió sẽ bị đốt cháy.

Dục ví như lửa than, lớn cũng có nhỏ cũng có.

Dục như giấc mơ mau biến mất.

Dục như vật mượn tạm, không thể giữ lâu.

Dục như cây ăn quả bị người khác đốn chặt.

Dục như gươm đao dùng để chém chặt.

Dục như ngọn giáo để đâm.

Dục như đầu rắn độc đáng sợ.

Dục như gió thổi bông gòn không thể giữ không bay.

Dục như trò ảo thuật mê hoặc người ngu.

Dục là bóng tối làm cho không thấy được gì.

Dục làm chướng ngại đường đi, làm trở ngại các pháp lành.

Dục là si mê, vì làm mất chính niệm.

Dục như vật đã chín muối sẽ ung thối.

Dục là gông cùm trói buộc.

Dục là kẻ trộm đánh cắp công đức.

Dục là oan gia thù oán khởi đầu tranh.

Dục là khô, tạo các lỗi lầm.

Như vậy, khi đã quán các lỗi lầm của tham dục xong, nên quán công đức của sự xuất ly.

Nói xuất ly là người mới xuất gia tu Sơ thiền, thực hành các điều thiện, đó gọi là xuất ly.

Hỏi: Thế nào công đức của sự xuất ly ?

Đáp: Tâm tự tại vô tận trụ nơi niềm vui tịch tĩnh, kham nhẫn khổ vui an trụ không quên mất, rộng cứu giúp chúng sinh được đạo quả lớn, kham thụ cúng dường, làm lợi ích cho 2 xứ là đại trí tuệ, là tất cả thiện xứ, gọi là vượt qua khỏi 3 cõi.

Lại nữa, gọi xuất ly là xuất ly khỏi dâm dục, vắng lặng các triền cái, an lạc không nhớ, là con đường đạt đến nơi tối thắng, là khiến tâm nhớ được thanh tịnh. Đó là do công đức tu hành tạo nên công đức, là an lạc trong tu hành..

Dục là thô, xuất ly là thắng diệu.

Dục là có phiền não, xuất ly thì không phiền não.

Dục thì thấp, xuất ly thì cao.

Dục thì có giận dữ, xuất ly thì không giận dữ.

Dục thì không có quả báo tốt, xuất ly thì có quả báo tốt.

Dục thì có lo sợ, xuất ly thì không có lo sợ.

Như vậy, sau khi quán các lỗi lầm của dâm dục và các công đức của xuất ly, hành giả y theo xuất ly mà sinh khởi dục lạc, tâm sinh tin tưởng, cung kính, quán sát việc đáng làm, việc không đáng làm. Tiết độ việc ăn uống, an trí y bát, thân không nhọc mệt, tâm không lười biếng. Sau khi tiểu hành cước xong, rửa sạch tay chân, an nhiên tĩnh tọa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tu các thiện hạnh. Niệm xong khiến tâm hoan hỷ nghĩ rằng: Ta do xuất ly mà được đầy đủ như thế này, nếu chưa xuất ly sẽ không được an định lâu dài. Như vậy, ta phải tinh tiến dũng mãnh hơn lên.

Nên an trí Mạn-đà-la cách nơi tọa thiền không quá xa cũng không quá gần, độ chừng một khoảng bằng từ cái ách con bò đến cái xe bò, hoặc một tầm nhìn, đặt tọa cụ phía trước Mạn-đà-la, rồi ngay ngắn ngồi kết già, tâm khởi chính niệm và nhắm mắt một lúc cho thân tâm trừ được loạn động, thâm nhiếp tất cả tâm thành nhất tâm, hé mắt chăm chú nhìn vào Mạn-đà-la mà quán tưởng.

Người tọa thiền quán hình Mạn-đà-la, do thực hành 3 quán mà giữ được tướng. Đó là đẳng quán, phương tiện và lia loạn.

Hỏi: Thế nào là do đẳng quán mà giữ tướng ?

Đáp: Người ngồi thiền khi quán Mạn-đà-la, không mở to mắt, không nhắm kín mắt. Vì sao vậy ? Nếu mở to mắt sẽ dễ mỏi, không thể nhận thấy tự tính của Mạn-đà-la hiện khởi.

Nếu nhắm kín mắt lại thì thấy Mạn-đà-la mờ tối, không thấy được tướng của nó mà sinh ra giải đãi. Vì vậy không nên mở to mắt, cũng không nên nhắm kín mắt lại, chỉ nên chuyên tâm an trụ vào Mạn-đà-la. Để cho tâm an trụ, phải quán như người nhìn mặt mình trong gương soi, nương theo gương mà thấy mặt mình, mặt mình theo gương mà sinh. Người ngồi thiền quán Mạn-đà-la thấy được tướng định khởi lên, nương theo Mạn-đà-la mà khởi. Do đó, phải quán đẳng quán mà giữ tướng là tâm được an trụ.

Như vậy là do đấng quán mà giữ tướng.

Hỏi: Thế nào là do phương tiện giữ tướng ?

Đáp: Là 4 phương tiện tác ý:

1. Tác ý ngăn cách bên trong.
2. Tác ý đầy hình vuông.
3. Chuyển tác ý.
4. Tác ý đầy khắp.

Khi thấy tướng của Mạn-đà-la xuất hiện phân tán không ngăn cách thì phải dùng tác ý ngăn cách bên trong.

Khi thấy tướng xuất hiện nhỏ, hoặc thấy còn nửa phần Mạn-đà-la, thì khởi tác ý thấy Mạn-đà-la đầy hình vuông.

Khi thấy tâm tán loạn hoặc giải đãi, thì nên khởi tác ý thúc giục xoay chuyển như người thợ đồ gốm xoay chuyển cái bàn xoay.

Khi thấy tâm an trụ, thấy Mạn-đà-la đầy khắp, không khuyết thì nên quán xả.

Như vậy là có thể do phương tiện tác ý mà giữ tướng.

Hỏi: Thế nào là do lìa loạn động mà giữ tướng ?

Đáp: Có 4 thứ lìa loạn động:

1. Khởi tinh tiến quá gấp.
2. Khởi tinh tiến quá chậm.
3. Quá cao.
4. Quá thấp.

Hỏi: Thế nào là khởi tinh tiến quá gấp ?

Đáp: Là tác ý gấp gáp, không đợi thời tiết, sớm ngồi chiều nghỉ cho đến khi thân mỗi mệt, đó là khởi tác ý quá gấp.

Hỏi: Thế nào là khởi tác ý tinh tiến quá chậm ?

Đáp: Là lìa bỏ phương tiện tác ý. Tuy có thể thấy Mạn-đà-la, nhưng không tác ý một cách cung kính, lúc thì khởi, lúc thì ngủ quên.

Nếu tác ý tinh tiến gấp thì thân nhọc, tâm thoái, tâm chạy theo các duyên bên ngoài sinh các thứ đùa cợt. Nếu tác ý tinh tiến chậm thì thân tâm lười biếng, buồn ngủ nổi lên.

Quá cao là, khi tâm thoái thì khởi các đùa cợt loạn động, hành xử không an vui. Do không an vui nảy sinh lòng dục cao mà có nói năng đùa cợt.

Lại nữa, nơi hành xử được các thứ hành tướng thì dục tâm do hỷ lạc mà tăng trưởng thì tâm ham muốn cũng thành cao.

Quá thấp là khi các thứ vui đùa thoái mất, với nghiệp thành ra không vui thích. Nếu hành xử ban đầu không vui thì nơi hành xử trở thành nơi sinh khởi giận dữ, và do tâm giận dữ khiến cho nơi hành xử trở thành thành thấp.

Lại nữa, do mệt mỏi với giác quán mà từ chỗ thù thắng thoái đọa, tâm do âu lo mà trở thành thấp.

Người ngời thiên, nếu tâm tác ý gấp gáp sẽ thoái đọa vào loạn động, nên dùng niệm căn và định căn mà nhiếp phục để xả bỏ sự loạn động.

Nếu tâm tác ý chậm chạp sẽ thoái đọa vào chỗ lười biếng, nên dùng niệm căn và tinh tiến căn mà nhiếp phục để xả bỏ sự lười biếng.

Nếu tâm ấy trở thành cao sẽ thoái đọa rơi vào chỗ ham muốn mà thành hiện tri, thì dùng tâm xả để lìa bỏ sự ham muốn.

Nếu tâm ấy trở thành thấp sẽ thoái đọa rơi vào giận dữ mà thành hiện tri thì dùng tâm xả lìa bỏ sự giận dữ.

Như vậy, 4 nơi loạn động này thành tâm thanh tịnh, thành tâm chuyên nhất.

Đây rõ ràng do thức hành 3 định tâm mà được tùy ý thấy hình Mạn-đà-la.

Nếu quán tưởng chuyên nhất tâm được thành thì gọi đó là khởi tướng.

Khởi tướng có 2 loại: thủ tướng và bỉ phần tướng.

Hỏi: Thế nào là thủ tướng ?

Đáp: Là nếu người ngồi thiền dùng tâm không tán loạn hiện quán Mạn-đà-la, từ Mạn-đà-la khởi tướng, như thấy nơi hư không, lúc xa lúc gần, lúc bên trái, lúc bên phải, lúc lớn lúc nhỏ, lúc xấu, lúc tốt, lúc nhiều lúc ít.

Không dùng mắt quán Mạn-đà-la, mà dùng phương tiện tác ý để giữ tướng khởi, đó gọi là thủ tướng. Từ sở duyên kia mà sinh khởi nhiều thứ tác ý thì gọi là bỉ phần tướng.

Bỉ phần tướng khi tác ý thì tùy theo tâm mà khởi hiện liền, không phải mắt thấy Mạn-đà-la rồi sau mới sinh khởi tâm niệm. Chỉ cần tâm tác ý như trước quán tưởng mà nhắm mắt cũng vẫn thấy. Nếu tác ý xa thì thấy xa, tác ý gần, bên trái, bên phải, trong, ngoài, trên, dưới, cũng đều như vậy, đều có thể tùy theo tâm mà hiện khởi. Đó gọi là bỉ phần tướng.

Tướng nghĩa là gì ? Nghĩa của tướng là nghĩa của nhân. Như Phật dạy các Tỳ-kheo: Các pháp ác bất thiện kia đều có tướng khởi lên, đó là nghĩa của nhân duyên.

Lại nói nghĩa của trí, tức là nghĩa của tướng. Như Phật nói: Bởi tướng khởi, nên xả bỏ. Đó là nghĩa của trí.

Lại nói nghĩa của hình tượng là nghĩa của tướng. Như người soi thấy bóng mình trong gương, tướng tượng và bỉ phần, nghĩa không khác.

Bấy giờ người ngồi thiền đã được nghĩa của tướng, khởi tâm cung kính thầy mình, giữ lấy tướng thù thắng đó và phải giữ gìn. Nếu không giữ gìn sẽ mất.

Hỏi: Thế nào là phải bảo vệ tướng ?

Đáp: Dùng 3 thứ hành pháp để giữ gìn tướng. Đó là lìa điều ác, tu hành điều thiện, thường xuyên thực hành.

Thế nào là lìa điều bất thiện ?

Ưa thích làm các công việc, ưa thích các loại nói năng đùa cợt, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích tụ họp, ưa thích sống theo thế tục, không giữ gìn kèm chế các căn, không tiết độ trong việc ăn uống, đầu hôm sớm mai không tập ngồi thiền, không kính sợ học, nhiều bạn ác, tập theo chỗ phi pháp. Nên lìa sự ăn uống không tiết độ, nằm ngồi không đúng thời. Để đối trị các việc ác, đó là thường xuyên làm các điều thiện.

Hỏi: Thế nào là thường xuyên thực hành ?

Đáp: Người ngồi thiền khéo giữ tướng này thường quán tưởng đến các công đức tướng như như châu báu, thường hoan hỷ thực hành, thường tu và tu nhiều. Hoặc ngày đêm đều tu, hoặc ngồi, nằm tâm ưa các duyên sự bên ngoài, phóng tâm giữ tướng, giữ lấy tướng rồi khiến khởi, khởi rồi theo quán, quán rồi tu. Tu thì thường thường quán Mạn-đà-la.

Như vậy là do thường xuyên thực hành mà thấy và giữ gìn được tướng mà được tự tại.

Nếu tướng tùy theo tâm thì được thiền ngoại hành.

Nếu thiền ngoại hành được tùy theo tâm thì được an định.

Hỏi: Thế nào là thiền ngoại hành ?

Đáp: Việc này tùy theo tâm tác ý không loạn để điều phục các triền cái. Nhưng chưa tu hành giác, quán, hỷ, lạc, và nhất tâm, cùng

với tín v.v... 5 căn. Tuy được định lực, niệm niệm vẫn còn khởi. Đó là thiền ngoại hành.

Tiếp theo thiền ngoại hành này là an. Nghĩa là người ngồi thiền do tâm sinh pháp được sức mạnh của tu hành. Pháp này là giác v.v...5 thiền chi và tín v.v...5 căn, pháp này không động tâm đối với đối tượng, đó gọi là an.

Hỏi: Thiền ngoại hành và an khác nhau thế nào ?

Đáp: Nếu điều phục 5 triền cái là thiền ngoại hành. Bởi điều phục 5 triền cái này nên trở thành an. Do thiền ngoại hành mà được thắng định.

Nếu được thắng định, thì gọi là an.

Nếu thân tâm chưa được yên tĩnh, ngoài định tâm động như thuyền trên sóng.

Nếu thân tâm đã được yên tĩnh, thì an ổn không động như thuyền trên mặt nước không gặp gió. Vì các căn không có sức nên ngoại thiền hành không an trụ lâu nơi đối tượng, giống như đứa trẻ nhỏ. Khi các căn có sức thì có thể an trụ lâu nơi đối tượng, ví như người lớn có sức mạnh. Vì tu không được tự tại, nên thiền ngoại hành thành ra không hoà hợp. Như người tụng kinh bỏ phở lâu thì quên. Nếu tu được tự tại thì thành ra an ổn, hoà hợp. Như người tụng kinh thường đọc tụng luôn nên không quên. Nếu không khéo điều phục các triền cái thì như người mù, đối với thiền ngoại hành cũng thành mù vậy. Những pháp không thanh tịnh nếu khéo điều phục các triền cái thì thành không mù, mà được an định. Như vậy các pháp thanh tịnh từ lúc ban sơ khai thủy tướng tự tại cho đến khi trừ được tính triền cái, gọi là ngoại hành. Liên tục trừ được hết các tính triền cái gọi là an.

Hỏi: Ngoại hành là nghĩa thế nào ?

Đáp: Nghĩa của thiên ngoại hành là thiên cận, tức tiếp cận với thiên. Như con đường tiếp cận làng gọi là đường làng. Tên khác nhưng nghĩa là một.

Hỏi : An là nghĩa thế nào ?

Đáp: An có nghĩa là hoà hợp. Như đến Mạn-đà-la. Xuất ly và thiên an, không khác nghĩa nhau. Ở đây, người ngồi thiền khi trụ vào thiên ngoại hành, cần phải tăng trưởng nhất thiết nhập. Hoặc ở giai đoạn an định, hoặc ở giai đoạn Sơ thiền, cần phải làm tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là phải làm tăng trưởng ?

Đáp: Nghĩa là từ lúc ban sơ, tướng của nhất thiết nhập như 4 ngón của bàn tay, nên làm tăng lên từ từ. Người ngồi thiền như thế mà tác ý, như thế mà được tự tại, như thế theo thứ lớp, như bánh xe, như dù lọng, như bóng cây, như ruộng phúc, như xóm, như làng, như quách, như thành. Như vậy lần lượt theo thứ lớp làm tăng trưởng lên cho đến khi tướng ấy tràn khắp cả đại địa. Nếu có núi sông cao thấp, cây cối gai góc, các chỗ không bằng phẳng, thì đừng tác ý. Cho đến biển cả đại dương cũng tác ý thành tướng đất liền. Cứ như vậy tăng lên lớn mãi thì tâm sở hành sẽ thành định tối thắng.

Nếu người ngồi thiền được thiên ngoại hành mà không được an định thì nên theo 2 cách sau đây để làm phương tiện an định: Thứ nhất là dùng nhân duyên. Thứ hai là dùng sự thụ trì.

Dùng 10 hành pháp làm nhân duyên phương tiện khởi an định:

1. Khiến chỗ quán tưởng được phân minh thanh tịnh.
2. Khởi quán khắp các căn.
3. Hiểu tướng rõ ràng.
4. Chế ngự điều phục tâm.
5. Bẻ gãy tâm lười biếng.

6. Tâm không đắm trước mùi vị.
7. Tâm hoan hỷ.
8. Tâm định thành tâm xả.
9. Xa người không học định, gần người học định.
10. Vui trụ trong an định.

Hỏi: Thế nào là khiến chỗ quán tưởng được phân minh thanh tịnh ?

Đáp: Có 3 thứ hành pháp làm cho quán xứ được rõ ràng:

1. Tu tập việc ăn uống thích nghi điều độ.
2. Tu tập theo thời tiết.
3. Tu tập oai nghi thích hợp.

Quán khắp các căn là quán tín v.v... 5 căn đồng đều không cho căn nào tiêu diệt, không giải đãi, như cưỡi ngựa chạy xe nhanh.

Hiểu tướng rõ ràng là khéo nắm lấy ý tưởng không gấp rút không buông lơi, như người thợ mộc giỏi giữ đúng mực thước ngay thẳng không lệch, lại khéo rõ tác ý lia bỏ gấp hay không lia bỏ.

Chế ngự điều phục tâm là có 2 thứ tâm cần phải chế ngự điều phục:

1. Tâm tinh tiến quá độ.
2. Chấp trước vào chỗ tinh tiến quá độ, hoặc để tâm đi đến dâm xứ hoặc các nơi có nhiều thứ tướng khiến tăng trưởng loạn ý.

Người ngồi thiền nếu khởi tinh tiến quá độ thì điều phục tâm bằng cách dùng 2 hành pháp điều phục tâm để khiến tinh tiến thích hợp.

Nếu tâm đi dâm xứ và có nhiều thứ tướng thì tăng trưởng điều phục tâm, dùng 2 hành pháp chiết phục, dùng quán tìm các khổ và các quả báo ác.

Bẻ gãy tâm lười biếng là do 2 việc mà tâm trở thành lười biếng:

1. Vì không được được thắng định.
2. Vì tâm vô vị nên trở thành lười biếng.

Nếu tâm nhiều lười biếng thì sinh buồn ngủ. Người ngồi thiền nếu không được thắng định khiến tâm vô vị thành ra lười biếng thì nên dùng 2 hành pháp để chiết phục đó là quán tưởng công đức của ngài thiền khiến khởi tâm tinh tiến.

Nếu sinh lười biếng, buồn ngủ và lười, thì làm theo 4 việc này để chiết phục:

1. Tiết chế việc ăn uống, bởi do ăn nhiều quá nên sinh tướng lười biếng.
2. Tự chấn chỉnh 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi.
3. Ở chỗ trống trải để sử dụng tướng sáng.
4. Khiến tâm hoan hỷ không chấp trước bất cứ điều gì.

Do 3 việc mà thành vô vị thiếu phương tiện, tuệ căn chậm lụt, không được cái vui tĩnh lặng.

Người ngồi thiền nếu tâm vô vị, nên làm 2 pháp khiến tâm hoan hỷ:

1. Lấy sự sợ hãi.
2. Lấy sự hoan hỷ.

Nếu quán cảnh sinh, già, chết và 4 đường dữ, thấy các thứ đáng sợ, tâm sinh sầu não.

Nếu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên, thấy 6 công đức tâm sinh hoan hỷ.

Tâm định thành tâm xả là do 2 thứ chính hành mà thành tựu thiền ngoại địa định:

1. Đoạn diệt các triền cái khiến tâm thành định.

2. Do cảnh giới được định, sinh khởi các thiện chi mà thành tựu định tâm.

Người ngồi thiền sau khi thành tựu định tâm còn phải xả bỏ 2 thứ:

1. Điều gì khiến không trụ tâm.
2. Điều gì khiến mất sự điều hòa thích hợp.

Xa người không học định là người nào hoặc chưa được an định, hoặc chưa được thiền ngoại hành định, hoặc chưa đầy đủ uy nghi định, còn chưa tu học về định, thì không nên cúng dường. Với người học là người đã được an định, được thiền ngoại hành định, đầy đủ uy nghi định, thì nên theo tu học và cúng dường.

Vui trụ trong an định là người ngồi thiền luôn vui cung kính việc tu hành, như nguồn sâu, như suối chảy, như ở dưới cây thấp, tu hành nhiều. Làm 10 việc nhân duyên này sẽ được an định.

Hỏi: Thế nào là dùng sự thụ trì có thể sinh phương tiện an định ?

Đáp: Người ngồi thiền khéo hiểu rõ duyên khởi thì có thể vào được chỗ tĩnh lặng, với sự hiểu rõ tướng định đang tu tập thì được tùy tâm tự tại, khiến tâm sinh khởi tâm vui thích. Từ sự vui thích đó, thân tâm kham nhiệm hữu dụng, khiến được thụ trì.

Do sinh hoan hỷ mà tâm được thụ trì.

Do sinh vui thích mà thân tâm được thụ trì.

Do sinh sáng suốt mà tâm được thụ trì.

Do sinh bi thương mà tâm được thụ trì.

Do bi thương đó mà tâm được tĩnh.

Do khéo giữ tĩnh tâm mà tâm được thụ trì.

Như vậy khéo giữ, khiến xả bỏ, mà tâm được thụ trì. Từ vô biên phiền não, tâm được giải thoát, thành tựu được thụ trì. Do giải thoát, nên thành tựu 1 pháp vị. Do 1 pháp vị ấy mà tâm được thụ trì tu hành.

Cho nên, từ sự thắng diệu đó, tâm được tăng trưởng thụ trì. An trụ nơi thụ trì như vậy, khởi phương tiện an định. Như vậy khéo hiểu rõ duyên khởi, và tâm thụ trì thì không lâu sẽ khởi định.

Người ngồi thiền lia sự ham muốn, bỏ các pháp bất thiện, có giác, có quán, tâm thành tựu nơi an tĩnh, có hỷ, có lạc, chứng được Sơ thiền. Đó là công đức của Địa nhất thiết nhập.

Nói về lia dục có 3 thứ: thân ly, tâm ly và phiền não ly.

Hỏi: Thế nào là thân ly ?

Đáp: Là thân lia những nơi náo loạn, ở nơi sơn dã.

Hỏi: Thế nào là tâm ly ?

Đáp: Với tâm thanh tịnh đến ở nơi thắng thiện.

Hỏi: Thế nào là phiền não ly ?

Đáp: Không còn mọi ràng buộc, tu hành vô sinh tử xứ.

Lại nữa, có 5 thứ lia bỏ là: phục ly, phân ly, đoạn ly, y ly, và xuất ly.

Thế nào là phục ly ?

Là tu Sơ thiền đè bẹp 5 triền cái.

Thế nào là phân ly ?

Là tu được một phân định, chế phục được các tà kiến.

Thế nào là đoạn ly ?

Là theo đường tu xuất thế gian, cắt đứt phiền não.

Thế nào là ý ly ?

Là khi được quả thì an vui.

Thế nào là xuất ly ?

Là Niết-bàn.

Dục có 2 thứ: dục xứ và dục phiền não.

Cảnh giới Thiên đường cùng các thứ con người yêu thích như hình sắc, hương thơm, mùi vị, sự chạm xúc. Đó gọi là dục xứ. Nơi các dục xứ khởi tư duy dục nhiễm. Đó là dục phiền não. Từ các dục đó, dùng tâm biệt ly, dùng chế phục biệt ly. Đó là pháp viễn ly, pháp xuất ly, cũng là pháp giải thoát, là pháp không tương ưng. Đó gọi là ly dục.

Hỏi: Thế nào là lìa pháp bất thiện ?

Đáp: Bất thiện căn có 3 thứ: 1. Tham. 2. Sân. 3. Si. Ba thứ này tương ưng với thụ, tưởng, hành, thức và thân, khẩu, ý nghiệp, gọi đó là các pháp bất thiện.

Lại bất thiện có 3 thứ: 1. Tự tính. 2. Tương ưng. 3. Sinh duyên tính. Ba bất thiện căn này là tham, sân, si được gọi là tự tính. Cùng với chúng tương ưng thụ, tưởng, hành, thức gọi là tương ưng. Khởi thân, khẩu, ý nghiệp, gọi là duyên tính.

Xa lìa được 3 thứ pháp bất thiện đó gọi là viễn ly, là xuất, là thoát, là không tương ưng. Đó gọi là lìa các pháp bất thiện.

Lại nữa, lìa dục có nghĩa là lìa các tham dục ngăn che. Lìa các pháp bất thiện là lìa các thứ ngăn che còn lại.

Hỏi: Đã nói về việc lìa các pháp bất thiện, tức trong đó đã có dục là một pháp bất thiện, vì sao còn đặc biệt nói lìa dâm dục ?

Đáp: Dâm dục chẳng qua chỉ là đưa ra một thứ pháp đối trị. Như Phật có nói: Dục có khả năng trừ phiền não. Lìa dục Phật nói là

pháp xuất. Như khi được nhập vào Sơ thiên, dục tướng tác ý tương ưng với Sơ thiên, hình thành thoái phần pháp. Cho nên do dục hoà hợp với phiền não, nếu mà biệt ly thì tất cả các phiền não cũng đều biệt ly. Do đó cần đặc biệt nhấn mạnh về lìa dục.

Lại nữa, ly dục là được pháp xuất ly ra khỏi dục. Lìa pháp bất thiện là:

Nếu được sự không giận thì thành tựu pháp lìa giận.

Nếu được tướng sáng thì thành tựu pháp lìa biếng nhác và mê ngủ.

Nếu được sự không loạn tâm thì thành tựu pháp lìa sự loạn động, diễu cợt.

Nếu được sự không hối thì thành tựu pháp lìa được sự hối tiếc.

Nếu được sự an định thì thành tựu pháp lìa sự nghi ngờ.

Nếu được trí tuệ thì thành tựu pháp lìa vô minh.

Nếu được chính tư duy thì thành tựu pháp lìa tà niệm.

Nếu được hoan hỷ, thì thành tựu pháp lìa sự không vui.

Nếu tâm được niềm vui thì thành tựu pháp lìa khổ.

Nếu được tất cả thiện pháp thì thành tựu pháp lìa được tất cả bất thiện. Như trong Tam tạng kinh có nói: Do hoàn toàn không tham nên thành tựu sự lìa dục. Do hoàn toàn không sân, không si nên thành tựu sự lìa các pháp bất thiện.

Lại nữa, lìa dục là nói thân lìa. Lìa các pháp bất thiện là nói tâm lìa.

Lại nữa, lìa dục là nói cắt đứt các ý tưởng về tham dục. Lìa các pháp bất thiện là nói cắt đứt các ý tưởng về giận dữ và gây náo hại.

Lại nữa, lìa dục là nói tránh xa dục lạc. Lìa các pháp bất thiện là nói tránh sự lười biếng của thân.

Lại nữa, lia dục là nói cắt đứt thú vui của 6 căn và sự hoan lạc. Lia các pháp bất thiện là nói cắt đứt các ý tưởng về vui đùa và buồn khổ. Cũng nói cắt đứt sự vui đùa và xả.

Lại nữa, lia dục là nói cái vui hiện được thoát ra khỏi dục lạc thường tình. Lia các pháp bất thiện là nói hiện được cái tâm vui không tội lỗi.

Lại nữa, lia dục là nói siêu việt khỏi dòng đời cõi Dục. Lia các pháp bất thiện là nói siêu việt hết các phiền não còn sót làm nguyên nhân tái sinh vào cõi Dục, mà chuyển sinh về cõi Sắc. Đó là ý nghĩa của siêu việt.

Có giác và quán, sao gọi là giác ?

Giác là các thứ tri giác, tư duy, tư tưởng cho là an ổn, mà tâm không biết nhập vào chính tư duy. Đó gọi là giác.

Khi giác này thành tựu thì được gọi là Sơ thiên có giác.

Lại nữa, khi quán tưởng vào Địa nhất thiết nhập, nương theo tướng đất không gián đoạn, thành ra cái giác tư duy, nghĩa là cái biết có suy nghĩ, cho nên gọi là giác, như tâm người khi tụng kinh đang theo dõi lời kinh.

Hỏi: Giác có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Đáp: Giác lấy khinh an làm tướng, lấy tu tưởng khinh an làm vị, lấy hạ tâm làm niệm là khởi, lấy tướng khinh an làm hành xứ.

Hỏi: Thế nào là quán?

Đáp: Khi tu quán, tùy chỗ lựa chọn mà quán. Khi tâm an trụ nơi quán xứ thì tùy tâm mà xả. Đó gọi là quán.

Người ngồi thiền khi tương ưng với các hành pháp này thì gọi là thành tựu Sơ thiên có quán.

Lại nữa, người nhập định vào Địa nhất thiết nhập, khi quán tướng đất, như quán các nghĩa. Đó gọi là quán.

Hỏi: Quán có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Đáp: Quán lấy sự lựa chọn làm tướng, khiến tâm khinh an làm vị, lấy kiến giác làm khởi, lấy tùy kiến giác làm hành xứ.

Hỏi: Giác và Quán khác nhau thế nào ?

Đáp: Cũng như đánh chuông, tiếng chuông ban đầu là giác, tiếng chuông lúc sau là quán.

Lại nữa, như khi tâm duyên cảnh, lúc đầu là giác, lúc sau là quán.

Lại nữa, cầu được thiền là giác, gìn giữ thiền là quán.

Lại nữa, nhớ lại là giác; không lìa bỏ là quán.

Lại nữa, thô tâm thụ trì là giác; thụ trì với tâm vi tế là quán.

Nơi nào có giác, nơi đó có quán.

Nơi nào có quán, nơi đó hoặc có giác, hoặc không có giác. Như trong Tam tạng kinh có nói: Tâm mới vừa an nơi sự là giác, tâm được giác nhưng chưa định là quán. Như thấy người từ xa đi lại, chưa rõ nam nữ, hay biết là nam nữ, hình, sắc, đó là giác. Từ đó, quán sát người ấy có hay không có giới hạnh, giàu sang hay nghèo hèn, đó gọi là quán.

Giác là cầu dẫn đến tương lai, quán thì giữ lấy, đeo đuổi. Như con chim bay liệng trên không, vỗ cánh là giác, đậu lại là quán. Mới dạy là giác, dạy dỗ lâu lâu là quán. Giác dùng để giữ gìn, quán dùng để lựa chọn. Dùng giác để tư duy, dùng quán để đi sâu vào tư duy.

Giác hạnh thì không nghĩ các pháp ác. Quán hạnh thì thường thụ trì thiền. Nếu ai có năng lực, thâm tụng văn kinh, đó là giác. Có

thể tùy niệm nghĩa kinh, hiểu được nghĩa lý văn kinh, đó là quán. Nếu như giác ngộ chỗ giác ngộ của mình, giác ngộ xong lại hiểu biết rõ ràng, đó là quán. Với lời văn hiểu rõ ràng và nói trôi chảy là giác. Rõ nghĩa, rõ pháp là quán. Tâm hiểu chỗ hơn là giác; tâm hiểu phân biệt là quán. Đó là chỗ khác biệt giữa giác và quán.

Tịch tịch làm thành. Nói tịch tịch là lia 5 triền cái thì gọi là tịch tịch.

Lại nữa, thiện căn của cõi Sắc, Sơ thiên, thiên ngoại hành, Thiên tâm v.v... đều do từ tâm này sinh ra, nên gọi là tịch tịch làm thành. Như đất, nước sinh cây hoa, gọi là hoa đất, hoa nước.

Hỷ, lạc là bấy giờ tâm được rất hoan hỷ, vui cười. Tâm tràn đầy mát mẻ gọi là hỷ.

Hỏi: Hỷ có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào? Có mấy thứ hỷ?

Đáp: Hỷ lấy sự tràn đầy hân hoan làm tướng, lấy sự thích thú làm vị, lấy sự điều phục loạn tâm làm khởi, lấy sự phần chấn hành động làm hành xứ.

Hỷ có 6 thứ:

1. Do dục sinh hỷ.
2. Do tin sinh hỷ.
3. Do sự không hối tiếc sinh hỷ.
4. Do tịch tịch sinh hỷ.
5. Do định sinh hỷ.
6. Do Bồ-đề phần sinh hỷ.

Thế nào là do dục sinh hỷ?

Tham dục đắm nhiễm tâm mà vui mừng, đó là do dục sinh hỷ.

Thế nào là do tin sinh hỷ?

Người có nhiều tin tưởng mà sinh vui mừng, như người thợ đồ gốm tin sản phẩm mình làm ra.

Thế nào là do sự không hối tiếc sinh hỷ ?

Đó là tâm vui mừng của người trì giới thanh tịnh, không có gì phải hối tiếc.

Thế nào là do tịch tịch sinh hỷ ?

Đó là sự vui mừng được vào Sơ thiên.

Thế nào là do định sinh hỷ ?

Đó là sự vui mừng sinh ra khi được vào Nhị thiên.

Thế nào là do Bồ-đề phần sinh hỷ ?

Đó là sự vui mừng của người được Nhị thiên đang theo con đường tu hành xuất thế gian.

Lại có thuyết nói có 5 thứ hỷ:

1. Tiểu hỷ.
2. Niệm niệm hỷ.
3. Lưu hỷ.
4. Việt hỷ.
5. Mãn hỷ.

Tiểu hỷ là như mưa nhỏ thấm vào người làm rón chân lông.

Niệm niệm hỷ là khởi diệt không dừng trụ lâu, như cơn mưa đêm.

Lưu hỷ là như dầu thoa trên thân chảy lan ra, nhưng không thấm khắp.

Việt hỷ là khắp giáp tất cả, tâm sinh hoan hỷ, không lâu thì mất, như người nghèo trông thấy kho tàng.

Mãn hỷ là toàn thân tràn đầy vui mừng, như trận mưa giông.

Như vậy trong 5 thứ hỷ, tiêu hỷ và niệm niệm hỷ là do sức tin vào thiên ngoại hành mà sinh khởi.

Lưu hỷ là nếu có đủ sức thì khởi thiên ngoại hành.

Việt hỷ thì do nơi Mạn-đà-la bất luận ngay thẳng hay không ngay thẳng đều khởi xứ phương tiện.

Mãn hỷ thì sinh nơi an tĩnh.

Hỏi: Thế nào là lạc ?

Đáp: Là khi tâm tiếp xúc và cảm nhận sự khả ái sinh ra vui, đó là lạc.

Hỏi: Lạc có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ? Hỷ và lạc khác biệt nhau thế nào ?

Đáp: Lạc lấy vị làm tướng.

Lạc duyên cảnh khả ái, ái vị là vị của lạc.

Lạc lấy nhiếp thụ làm sinh khởi.

Lạc lấy sự khinh an làm hành xứ.

Lạc có 5 thứ:

1. Nhân lạc.
2. Tư cụ lạc.
3. Tịch tịch lạc.
4. Vô phiền não lạc.
5. Thụ lạc.

Sao gọi là nhân lạc ? Như Phật nói: Niềm vui giữ vẹn giới hạnh là nhân lạc, là công đức của lạc.

Tư cụ lạc là như Phật nói: Phật sinh ra niềm vui cho cả thế gian.

Tịch tịch lạc là niềm vui do do định sinh xả, và thiền định tịch diệt.

Vô phiền não lạc là niềm vui do dứt sạch các phiền não, như Phật có nói: Niềm vui cao nhất là sự thụ lạc của Niết-bàn.

Thụ lạc là niềm vui do cảm thụ mà thụ trì. Đó là sự thụ lạc được nói trong bản luận này.

Hỷ và lạc khác biệt nhau như thế nào ?

Tâm phần chán rộn rã là hỷ, tâm dịu dàng là lạc.

Tâm khinh an là lạc, tâm định là hỷ.

Tâm thô là hỷ, tâm vi tế là lạc.

Hỷ thuộc hành ấm, lạc thuộc thụ ấm.

Nơi nào có hỷ thì có lạc, nơi có lạc thì có thể có hoặc không có hỷ.

Sơ là có thể hình thành Đệ nhị, đó là Sơ. Thiền ngoại hành được thành tựu, cảnh giới được nhập vào là Sơ thiền. Giác, quán, hỷ, lạc, và nhất tâm là 5 thiền chi.

Thiền nghĩa là gì ?

Thiền là tư duy bình đẳng trước một đối tượng, phần chân tư duy đối trị 5 triền cái.

Nhập Sơ thiền được chính thụ là đã được, đã xúc, đã tác chứng và an trú. Đó gọi là được nhập vào Sơ thiền.

Lại nữa, từ Dục giới địa thì nói Sơ thiền là thắng tướng. Từ có giác và quán thì nói Nhị thiền là thắng tướng.

Dùng tịch tịch làm thành có hỷ có lạc, từ tịch tịch làm thành hỷ lạc là thắng tướng.

Lại nữa, lia dục và các pháp bất thiện là nói đoạn dứt, đối trị. Có giác có quán là nói thiền tướng. Tịch tịch làm thành hỷ lạc là

nói tương tự thiên. Chính thụ và an trú ở đó là nói được nhập vào Sơ thiên. Là 5 phần, thành tựu 5 phần, 3 thiện, 10 tướng đầy đủ 25 công đức tương ứng. Nhờ các phúc thiện này được sinh lên cõi Phạm Thiên thắng diệu.

Là 5 phần là là 5 triền cái.

Những gì là 5 ?

Là:

1. Tham dục.
2. Sân nhuế.
3. Giải đãi thụy miên.
4. Điệu hối.
5. Nghi.

Tham dục là tâm sinh tham nhiễm nơi 5 trần. Sân nhuế là làm 10 điều phiền não. Giải đãi là tâm lười biếng. Thụy miên là thân nặng nề mê ngủ.

Có 3 thứ làm nguyên do của mê ngủ:

1. Do ăn uống.
2. Do thời tiết.
3. Do tâm sinh.

Nếu do tâm sinh thì dùng tư duy đoạn trừ. Nếu do ăn uống hay do thời tiết, như một A-la-hán không do tâm sinh nên không bị triền cái. Nếu buồn ngủ là do ăn uống và thời tiết thì lấy tinh tiến mà đoạn trừ. Như Tôn giả A-nậu-lâu-đà có nói: Từ khi tôi bắt đầu hết các lậu đã không mê ngủ vì do tâm. Đến nay 55 tuổi, trong khoảng thời gian đó, đã 25 năm tôi cắt đứt không buồn ngủ vì do ăn uống hay do thời tiết.

Hỏi: Nếu ngũ là sắc pháp tạo nên, vì sao lại thành tâm số phiền não ?

Đáp: Sắc pháp từ trước đã thành tâm số phiền não. Như ta thấy người uống rượu và đang ăn thì có thể biết được.

Hỏi: Nếu ngũ là thân pháp và giải đãi là tâm số pháp thì sao hợp 2 pháp thành chung 1 triền cái ?

Đáp: Hai thứ pháp đó một là sự, một là tướng, nên gọi một mỗi, giải đãi là cộng chung làm 1 triền cái.

Điều là tâm không tịch tịch. Hối là tâm hận không định. Tướng của chúng như nhau, nên chung làm 1 triền cái.

Nghi là tâm chấp nhiều thứ. Có 4 thứ nghi:

1. Nghi ngờ Xa-ma-tha.
2. Nghi ngờ Tỳ-bà-xá-na.
3. Nghi ngờ cả hai.
4. Nghi ngờ các phi pháp.

Tịch tịch đầy đủ thì được Xa-ma-tha. Đối với tịch tịch hoặc đối tự thân còn nghi ngờ rằng ta có thể được tịch tịch hay không được tịch tịch, đó gọi là nghi ngờ Xa-ma-tha.

Đối với 4 Thánh đế có nghi ngờ, hoặc nghi nơi 3 đời, đó gọi là nghi ngờ Tỳ-bà-xá-na.

Đối với Phật, Pháp, Tăng có chỗ nghi ngờ, đó là nghi ngờ cả 2 Xa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na.

Đối với quốc gia, thành trì, đường sá, nam nữ, tên họ có chỗ nghi ngờ, đó là nghi ngờ các phi pháp.

Nơi Kinh luận này, nghi có nghĩa là nghi ngờ pháp tịch tịch. Điều đó có thể chấp nhận.

Triền cái nghĩa là gì ? Có nghĩa là làm chướng ngại đạo, là che lấp, là phiền não, là trói buộc, nói chung không có 2 nghĩa khác nhau.

Hỏi: Có nhiều kết sử vi tế là phú, não v.v...sao chỉ nói đến 5 triền cái ?

Đáp: Vì kể gồm chung lại tất cả thành 5.

Lại nữa, lấy chấp trước dâm dục có thể bao gồm tất cả tham dục. Lấy chấp trước giận dữ có thể bao gồm tất cả pháp bất thiện. Lấy chấp trước lười biếng, mê ngủ, điều hối và nghi có thể bao gồm tất cả si và các pháp bất thiện. Như vậy, lấy chấp trước 5 triền cái có thể gồm thấu tất cả phiền não. Do tướng này mà thành ra 5 triền cái

Năm phần thành tựu là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm.

Hỏi: Nếu nói Sơ thiền, thành tựu 5 chi là thiền, thì không thể lại nói riêng mỗi chi ấy là thiền được. Nếu nói riêng mỗi chi thì sao Sơ thiền lại nói tương ứng với 5 chi ?

Đáp: Y vào các thiền chi mà thành thiền, không tách rời thiền chi mà có thiền, không có thiền nào khác. Cũng như y vào mỗi mỗi bộ phận của xe mà nói cái xe, nếu tách rời bộ phận thì không có xe. Cũng như dựa vào các đơn vị trong quân đội mà nói là quân đội, tách lia các đơn vị thì không có quân đội.

Như vậy, dựa vào thiền chi gọi là thiền, không phải tách rời các chi mà có một thứ gọi là thiền. Thống nhất mà nói thì gọi là thiền, phân tích mà nói thì gọi là chi. Nói về sự là thiền, nói về công đức gọi là thiền chi. Nói dựa vào chế gọi là thiền, nói dựa vào tính chế thì gọi là chi.

Hỏi: Còn có các pháp nữa như niệm, tinh tiến, sao chỉ nói có 5 chi thôi ?

Đáp: Vì chấp thủ vào tướng nên hình thành 5 thiên chi.

Hỏi: Thế nào là chấp thủ tướng ?

Đáp: Giác là tùy nơi sự tâm được tự an. Quán là tùy nơi giữ gìn tâm mà được thụ trì. Giác quán không tạp loạn nơi phương tiện. Nếu đầy đủ phương tiện thì sinh hỷ, lạc. Nếu khởi phương tiện đầy đủ thì đồng thời sinh khởi tâm hỷ, tâm lạc tăng trưởng thì tâm lạc được thành mãn.

Do 4 công đức đó mà tâm thành tựu không loạn. Nếu được tâm không loạn là có thể được định. Đó gọi là chấp thủ tướng. Như vậy là do chấp thủ tướng mà thành 5 thiên chi.

Lại nữa, dùng 5 bậc thiên để đối trị với 5 triền cái mà hình thành 5 thiên chi. Sơ thiên đối trị triền cái thứ nhất, cho đến Ngũ thiên đối trị triền cái thứ 5. Giác, là chi thù thắng nhất của Sơ thiên, vì giác tiêu trừ tham dục. Nếu giác chi lớn mạnh vào được chính định thì các chi khác chắc chắn sinh khởi. Quán, trong các chi của Nhị thiên, khởi lên trước nhất. Hỷ, trong Tam thiên, khởi lên trước. Lạc trong Tứ thiên, khởi lên trước. Nhất tâm, nơi Ngũ thiên, khởi lên trước. Như vậy lấy sự thù thắng của các chi mà thành ra có 5 chi.

Lại nữa, cũng để đối trị với 5 triền cái mà có 5 chi, như Tam Tạng Kinh có nói: Nhất tâm đối trị dâm dục. Hoan hỷ đối trị giận dữ. Giác đối trị lười biếng, mê ngủ. Lạc đối trị điệu hối. Quán đối trị nghi ngờ. Do đối trị với 5 triền cái mà thành ra có 5 chi.

Hỏi: Người ngồi thiền tác ý quán tưởng tất cả tướng đất làm sao khởi hỷ, lạc ?

Đáp: Tướng Địa nhất thiết nhập không phải khởi hỷ, lạc nhưng do nhân duyên lìa xa các nhiệt não của triền cái và tùy tính tu hành, thân làm pháp tử nên khởi hỷ, lạc.

Lại hỏi: Nếu đã là pháp tử, vì sao ở Tứ thiên không khởi hỷ, lạc ?

Đáp: Bởi vì đó không phải nơi thích nghi, lại nữa vì khi được Tứ thiên, thì đã đoạn xả hỷ lạc.

Lại nữa, buổi đầu khởi hỷ, lạc đã dùng phương tiện đè bẹp đoạn trừ tội lỗi chỉ muốn sự tĩnh lặng của xả lạc, thành ra không khởi hỷ, lạc.

Ba thứ thiện là sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Lấy sự tu hành thanh tịnh làm sơ thiện. Lấy sự xả bỏ tăng trưởng làm trung thiện. Lấy sự hoan hỷ làm hậu thiện.

Thế nào là tu hành thanh tịnh ?

Là khiến cho các nhu cầu về thiện được đầy đủ.

Thế nào là xả bỏ tăng trưởng ?

Là được an định.

Thế nào là hoan hỷ ?

Đó là quán.

Như vậy, được Sơ thiên là thành tựu được 3 loại thiện.

Mười tướng đầy đủ là những gì ?

Tu hành thanh tịnh có 3 tướng, xả bỏ tăng trưởng có 3 tướng, và hoan hỷ có 4 tướng. Đó là 10 tướng.

Hỏi: Thế nào là 3 tướng tu hành thanh tịnh ?

Đáp: 1. Do lià các chướng ngại của thiên khiến tâm thanh tịnh.

2. Do tâm thanh tịnh được tướng Xa-ma-tha.

3. Do được tướng Xa-ma-tha, khiến tâm phần chấn.

Đó là 3 tướng của sự tu hành thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là 3 tướng khi xả bỏ tăng trưởng ?

Đáp: 1. Tâm thanh tịnh thành xả. Nhân xả mà tăng trưởng tâm thanh tịnh. 2. Được tịch tịch thành xả. Nhân xả mà tăng trưởng tịch tịch. 3. Nhất tâm trụ thành xả. Nhân xả mà tăng trưởng nhất tâm.

Đó là 3 tướng của xả bỏ tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là có 4 tướng khiến sinh hoan hỷ?

Đáp: 1. Nơi 10 tướng này, các pháp lần lượt sinh khiến việc tu hành thành hoan hỷ.

2. Nơi các pháp đó, các căn trở thành một vị, khiến sinh hoan hỷ.

3. Lần lượt tu hành tinh tiến khiến sinh hoan hỷ.

4. Do năng tu hành mà thành hoan hỷ.

Đó là 4 tướng khiến sinh hoan hỷ.

Như vậy là nhập vào Sơ thiên có đầy đủ 10 tướng.

Hai mươi lăm công đức tương ứng với Sơ thiên là: 1. Giác đầy đủ. 2. Quán đầy đủ. 3. Hỷ đầy đủ. 4. Lạc đầy đủ. 5. Nhất tâm đầy đủ. 6. Tín đầy đủ. 7. Tinh tiến đầy đủ. 8. Niệm đầy đủ. 9. Định đầy đủ. 10. Tuệ đầy đủ. 11. Sơ thiên đầy đủ. 12. Trung thiên đầy đủ, 13. Hậu thiên đầy đủ. 14. Thân nhiếp đầy đủ. 15. Tu hành đầy đủ. 16. Tịch tịch đầy đủ. 17. Y đầy đủ. 18. Nhiếp thụ đầy đủ. 19. Tùng đầy đủ. 20. Quán đầy đủ. 21. Tu đầy đủ. 22. Lực đầy đủ. 23. Giải thoát đầy đủ. 24. Thanh tịnh đầy đủ. 25. Tu thành thanh tịnh tối thắng, an trú nơi thắng xứ cõi trời tương ứng với 25 công đức. Đó là nơi thắng xứ cõi trời từ nơi tịch tịch sinh khởi, an trú vào hỷ, lạc, siêu việt cõi nhân gian.

Như Phật dạy các Tỳ-kheo: Như người phục vụ tắm hoặc người phụ giúp, dùng cái mâm đồng đựng bột tắm làm bằng gạo và đậu vụn, hòa nước lại cho nhão vò thành viên tròn, tắm nước đều cả trong

ngoài cho khỏi rã. Cũng như vậy, Tỳ-kheo thân tâm tịch tịch sẽ sinh hỷ lạc, thậm khắp thân tâm không chỗ nào không thấm khắp. Như dùng tịch tịch sinh hỷ lạc thì thân tâm không đâu không nhuần thấm. Cũng như người phục vụ tắm hay người phụ giúp đã làm, người toạ thiền cũng vậy.

Như vậy, cái mâm đồng là tướng của nhất thiết nhập điều đó ta có thể biết được.

Hỏi: Nhất thiết nhập có những tướng như thế nào ?

Đáp: Như trong mâm đồng, bột tẩm cứng, nhuyễn, nóng sáng, là vì khéo thủ lấy tướng nhất thiết nhập mà thành tính cứng, do sinh hỷ mà thành mịn nhuyễn, do thanh tịnh mà thành nóng sáng, do tâm pháp và các tâm số pháp mà thành sự. Cho nên mới nói, cái mâm đồng với tướng nhất thiết nhập của tâm pháp và tâm số pháp bằng nhau, cho đến bột tẩm cũng vậy. Điều đó có thể biết được.

Hỏi: Thế nào là bột tẩm như tâm và tâm số pháp ?

Đáp: Nếu bột tẩm thô, không hòa hợp thì bị gió thổi bay. Cũng vậy, tính của tâm pháp và tâm số pháp lia hỷ lạc thì thành thô, rời định thì không hòa hợp, sẽ bị thổi bay theo gió của 5 triền cái. Đó là nói bột tẩm giống như tính của tâm và tâm số pháp.

Thế nào là như nước ?

Là hỷ, lạc và định cũng như nước đã làm cho bột tẩm ướt nhuyễn thành viên tròn. Cũng như vậy, hỷ, lạc khiến tâm và tâm số pháp thấm nhuyễn mà thành định. Như vậy, nước như hỷ, lạc, định. Cho đến giác và quán cũng như vậy, điều đó ta có thể biết được.

Hỏi: Thế nào là như viên tròn ?

Đáp: Đó là nói đến giác và quán cũng như muốn khiến bột tẩm ở trong mâm đồng khuấy với nước rồi dùng tay nắn thành viên tròn.

Sau khi nắn thành viên xong, tức bột tẩm hòa chung với nước thành viên, thì không tẩn đi mất rồi mới đặt vào mâm đồng. Cũng vậy, người ngồi thiền đặt tâm và tâm số pháp vào đối tượng quán sát, mới sinh tịch tịch.

Sơ thiền lấy hỷ lạc làm nước, lấy giác, quán làm tay, nhồi nặn thành viên tròn mới có thể sinh khởi tịch tịch an tịch. Tâm và tâm số pháp do Sơ thiền tạo thành có giác, quán, hỷ, lạc theo nhau thành tướng một viên tròn, tâm không tán loạn, đặt trên đối tượng.

Như vậy viên tròn như giác, quán, giống như bột tẩm thấm ướt trong ngoài dính vào nhau không tan rã.

Cũng vậy, người ngồi thiền khi nhập Sơ thiền, nơi thân trên dưới, từ đầu đến chân, từ chân đến sọ, tóc da trong ngoài khắp chỗ đều đầy khắp hỷ lạc, trụ nơi không thoái chuyển. Như vậy thành an trú vào cõi trời Phạm Thiên.

Hỏi: Hỷ lạc chỉ là danh tướng, chẳng phải tướng của sắc pháp, không có tướng hữu đối, làm sao trụ khắp trong thân ?

Đáp: Danh là dựa nơi sắc, sắc dựa nơi danh. Do đó, nếu danh thành hỷ, sắc cũng thành hỷ. Nếu danh thành lạc, sắc cũng thành lạc.

Lại nữa, sắc theo lạc sinh, khiến thân khởi khinh an. Ngay khi thân được khinh an, sắc cũng sinh lạc. Do đó, giữa sắc và thân hoàn toàn không chướng ngại.

Công đức của Sơ thiền khiến sinh lên cõi Phạm Thiên là Sơ thiền có 3 hạng: 1. Hạ phẩm. 2. Trung phẩm. 3. Thượng phẩm.

Nếu quán tưởng nhân duyên thù thắng, nhưng không khéo trừ 5 triền cái, không đạt được tự tại như ý, đó là hạ phẩm Sơ thiền.

Nếu quán tưởng nhân duyên thù thắng, khéo trừ được 5 triền cái, nhưng chưa đạt được tự tại như ý, đó là trung phẩm Sơ thiền.

Nếu quán tưởng nhân duyên thù thắng, khéo trừ được 5 triền cái, lại đạt được tự tại như ý, đó là thượng phẩm Sơ thiền.

Như vậy người ngồi thiền nếu tu hạ phẩm Sơ thiền khi mạng chung sẽ sinh lên cõi Phạm Thiên làm thiên chúng, thọ mạng 1/3 kiếp. Nếu tu trung phẩm Sơ thiền, mạng chung sẽ sinh lên cõi Phạm Thiên, thọ được 1/2 kiếp. Nếu tu thượng phẩm Sơ thiền, mạng chung sẽ sinh cõi Đại Phạm Thiên, thọ mạng 1 kiếp.

Công đức được sinh lên Phạm Thiên có 4 hạng: 1. Có người thành thoái phần. 2. Có người thành trụ phần. 3. Có người thành thắng phần. 4. Có người thành đạt phần.

Người độn căn vì còn tham dục nên ở nơi phóng túng, tuy tác ý tương tùy mà khởi Sơ thiền, nhưng thành được thoái phần. Lại nữa, người này dùng giác và lạc 2 chi mà hành thiền, mà thành thoái phần. Đó là sự trói buộc rất lớn khiến không tinh tiến. Nếu người này từ đầu đã khởi ác giác không thể tiêu trừ, đó là sự trói buộc rất lớn nên thoái lui mau chóng.

Hành thiền mà còn ham thích sự nghiệp, thích nói năng, mê ngủ nghỉ, không tinh tiến bền lâu, chắc chắn thành thoái phần.

Hỏi: Ai thoái ? Vì sao thoái ?

Đáp: Có thuyết cho rằng, nếu gặp phiền não đến gấp thì thành thoái.

Lại có thuyết cho rằng, phiền não đến chậm, từ từ làm tâm ô nhiễm thì thành thoái.

Lại còn có thuyết cho rằng, vì mất Xa-ma-tha nên thành thoái.

Lại có thuyết nói có tướng tu hành mà lâu không tu hành, không thể nơi duyên đó khiến thiên sinh khởi. Do không được định mà thiên sở duyên thành thoái.

Nếu người độn căn trụ không phóng dật, được pháp niệm, thì thành thiên trụ phần.

Nếu người lợi căn trụ không phóng dật, tùy ý được Đệ Nhị thiên, không còn giác, tác ý tương tùy, nếu khởi thiên thì thành thiên thắng phần.

Nếu người lợi căn trụ không phóng dật, tùy ý được Tì-bà-xá-na, theo đuổi tư tưởng nhàm chán, không bị ô nhiễm, thì thành thiên đạt phần.

QUYỂN 4 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 5

Phẩm 8: HÀNH MÔN 2

Đây nói về câu Đệ Nhị thiên, tư duy các lỗi lầm của Sơ thiên và công đức của Nhị thiên.

Bấy giờ, người ngồi thiền muốn khởi Đệ Nhị thiên, khi Sơ thiên thân đã được tự tại.

Vì sao vậy ? Vì nếu nơi Sơ thiên chưa được tự tại, tuy lại tư duy muốn trừ giác, quán, mong được Nhị thiên, vẫn lại bị thoái mất, thì không kham nổi việc khởi Đệ Nhị thiên, lại không thể vào nhập Sơ thiên trở lại nữa.

Như Thế Tôn có nói ví dụ con bê núi, dạy các Tỳ-kheo rằng: Có một con bê núi, ngu si không biết nơi kiếm ăn, chưa biết lối đi, mà muốn đi đến nơi xa và nguy hiểm, tự nghĩ như vậy: Ta nay muốn tới một nơi chưa từng đến, ăn thứ cỏ chưa từng thưởng thức, uống thứ nước chưa từng uống. Chân trước chưa đứng vững, đã giở chân sau, nghiêng ngã không yên, không thể bước tới được. Và vì không tới được nơi chưa từng đến, cũng không gặm được thứ cỏ chưa từng ăn, không uống được thứ nước chưa từng uống. Nó liền suy nghĩ: Đã không đi tới được nữa, thì phải trở lại nơi mình ăn uống cũ trước kia vậy.

Cũng vậy, Tỳ-kheo ngu si, chưa thông đạt, không biết chỗ hành xử, không hiểu lìa dục nhập vào Sơ thiền, không tu pháp này, không học tập nhiều, vội có ý nghĩ muốn nhập vào Nhị thiền, lìa bỏ giác, quán, không rõ tự an, lại tự nghĩ: Ta không đủ sức nhập vào Đệ Nhị thiền mà lìa bỏ giác, quán, muốn thoái lui quay về Sơ thiền và lìa dục. Tỳ-kheo ấy ngu si như con bê núi không biết đường đi đến đồng cỏ. Vì thế phải tu Sơ thiền cho tâm được tự tại.

Vào trước giờ ăn và sau khi ăn, vào lúc đầu hôm và gần sáng, tùy tâm vui thích, tùy theo dục lâu hay mới gần đây, tùy ý không ngại mà khởi nhập quán. Nếu trong một lần, cho đến nhiều lần, hoặc nhập nhiều lần, xuất nhiều lần, đối với Sơ thiền cũng được thành tự tại. Khi được vui tự tại rồi, khởi Đệ Nhị thiền vượt qua Sơ thiền. Bấy giờ mới suy nghĩ rằng Sơ thiền còn thô sơ, Nhị thiền vi tế hơn, và thấy các lỗi lầm của Sơ thiền, thấy các công đức của Nhị thiền.

Hỏi: Thế nào là các lỗi lầm của Sơ thiền ?

Đáp: Gắn với 5 triền cái là kẻ thù, khiến quấy động giác quán, khiến thân giải đãi, khiến tâm tán loạn, nên tất cả pháp đều là định thô, không đủ sức chứng trụ thân thông. Đã thích Sơ thiền thì không thành tựu thắng phần. Đó là các lỗi lầm của Sơ thiền.

Công đức của Đệ Nhị thiền là đối trị các điều đó. Đã quán các lỗi lầm của Sơ thiền, lại thấy công đức của Nhị thiền là tất cả nhập tương tác ý tu hành Đệ Nhị thiền pháp. Không tác ý hòa hợp với Sơ thiền, không tác ý về giác, không tác ý về quán. Do từ định sinh hỷ, lạc, tự tại, khiến tâm thụ trì. Người ngồi thiền tác ý như vậy, không lâu giác, quán sẽ tiêu diệt. Do định khởi hỷ, lạc, tự tại, khiến tâm được an trụ.

Sau đây nói về 4 thiền chi của Nhị thiền.

Người ngồi thiền đó giác, quán đã diệt, thành tựu nội tín, tâm thành một tính, không giác không quán, từ định sinh hỷ, lạc, mà nhập

vào Đệ Nhị thiên. Đó là công đức của Địa nhất thiết nhập. Giác và quán diệt là do khéo phân biệt. Giác và quán diệt còn gọi là đoạn.

Hỏi: Thế nào là giác, quán diệt ?

Đáp: Đó là sự tiêu diệt các lỗi lầm về giác quán của Sơ thiên, và tất cả nguồn gốc của giác quán, lỗi lầm của giác quán. Nguồn gốc của giác quán cùng với giác quán đều trừ hết thành giác quán diệt.

Lại nữa, do đoạn trừ hạ phẩm thô thiên nên được thượng phẩm thắng thiên. Lại còn khiến hiện lần lượt diệt.

Về nội tín, nội là hiện chứng. Nội có 3 thứ: 1. Nội nội. 2. Nội định. 3. Nội hành xứ.

Thế nào là nội nội ?

Là 6 nhập. Nội định là sự tự quán thân. Nội hành xứ là ý tưởng bên trong không hướng ra ngoài, thủ nghĩa là tính. Trong bộ kinh luận này, chữ nội nội có nghĩa là khá ưa thích.

Tín là niềm tin chân chính có thể làm cho tư duy tăng trưởng. Đó là niềm tin bên trong nên gọi là nội tín.

Nội tín có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Nội tín lấy không loạn làm tướng, tịch tịch là vị, không ô trược là khởi, giác quán là xứ.

Tâm thành 1 tính có nghĩa là tâm trụ trong chính định.

Tâm thành 1 tính, nghĩa là sao ? Tâm là ý nghĩ. Một đây là 1 niệm, tức chính niệm. Gọi là tính là như Thanh luận nói sinh tính. Tính là nói nghĩa bản tính tự nhiên. Nhất tâm nơi Nhị thiên có khả năng diệt giác quán do 1 tính được khởi. Đó gọi là tâm thành 1 tính.,

Tâm thành 1 tính có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Chuyên chính là tướng, tịch tịch là vị, không bỗng bột là khởi. Giác quán diệt là hành xứ.

Hỏi: Vì sao nơi Sơ Thiên không gồm có Tín và Tâm thành 1 tính ?

Đáp: Sơ thiên bởi giác quán quấy động làm nhiễm bản, nội tín và tâm thành 1 tính bị mất thanh tịnh. Như nước có gió động nổi sóng, khiến hình bóng không rõ ràng.

Cũng như vậy, trong Sơ thiên, giác quán làm sóng quấy động khiến nội tín và tâm 1 tính thành không thanh tịnh. Vì vậy Sơ thiên không gồm có thiên chi này.

Không giác, không quán có nghĩa là đoạn dứt giác thành không có giác, lia quán thành không có quán.

Hỏi: Giác quán diệt thì không có giác, không có quán. Hai thứ đoạn trừ giác quán chằng này, vì sao nói hai ?

Đáp: Giác quán diệt, là hiện nội tín. Tâm 1 tính là nhân không giác không quán, là hiện tịch tịch thành diệu tướng của hỷ lạc.

Lại nữa, giác quán diệt là bởi giác quán đó mà thấy lỗi lầm của giác quán nên theo pháp đoạn trừ giác quán đó. Vô giác vô quán là đoạn giác quán của cõi Sắc.

Lại nữa, có 2 thứ vô giác vô quán: 1. Không do giác quán diệt mà thành vô giác vô quán. 2. Do giác quán diệt mà thành vô giác vô quán.

Ở 5 thức và Đệ Tam thiên không do giác quán diệt mà thành vô giác vô quán.

Ở Đệ Nhị thiên, dùng tịch tịch làm phương tiện, do đó lấy giác quán diệt mà thành vô giác vô quán. Đó là nói 2 nghĩa.

Từ định sinh, gọi là định. Sơ thiên từ định trí mà sinh. Đệ Nhị thiên từ định trí của Sơ thiên mà sinh.

Lại nữa, ở Đệ Nhị thiên, định được cùng sinh với nhất tâm, thành định sinh hỷ lạc. Hỷ lạc, như trước đã giải thích.

Nhị thiên được gọi như vậy, vì dựa vào Sơ thiên mà có tên.

Nhập chính thụ có nghĩa là nhập vào Đệ Nhị thiên. Thiên, là nội tín, hỷ, lạc, nhất tâm, gọi là thiên.

Nhập chính thụ và an trụ là thành được Đệ Nhị thiên, lia 2 chi giác và quán, thành tựu 2 chi hỷ và lạc, 3 thứ thiện, 10 tướng đầy đủ, 23 thứ công đức tương ứng. Đó là công đức được sinh lên cõi trời Quang Diệu Thiên.

Như trước đã nói, thiên trụ là từ định sinh hỷ lạc, vượt khỏi ở cõi nhân gian, sinh ở cõi trời nên gọi thiên trụ.

Nên Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Như nước trong ao, không phải do 4 phương chảy về, cũng không phải do nước mưa xuống trái thời tiết, mà từ nguồn mạch trong và mát thấm chảy từ xa. Cũng như vậy, các Tỳ-kheo, thân này từ định sinh ra hỷ lạc, khiến được mát mẻ, không nơi nào không nhuần thấm. Từ định sinh hỷ biến khắp thân tâm, như nước nguồn mạch. Người ngồi thiên khi nhập vào Đệ Nhị thiên, tự thân có thể biết được. Nó giống như nước không từ 4 phương chảy về, không từ trời mưa xuống. Giác quán diệt nơi người ngồi thiên ra sao cũng có thể biết được. Cũng vậy, như nước do từ nguồn mạch chảy ra, tràn đầy châu thân mà không nổi sóng. Giống như trạng thái người ngồi thiên, từ định sinh hỷ lạc. Đây gọi là sắc thân tràn đầy hỷ lạc mà không khởi loạn tâm. Như dùng nước lạnh rưới làm cho khắp thân mát mẻ. Như vậy, do định sinh hỷ lạc, tất cả sắc thân đầy đủ quả báo của tu định.

Công đức tu định được quả báo sinh lên cõi trời Quang Diệu.

Nhị thiên này có 3 bậc: hạ phẩm, trung phẩm và thượng phẩm.

Người tu thiên hạ phẩm, mạng chung sinh lên trời Thiểu Quang Thiên, sống lâu 2 kiếp.

Người tu thiên trung phẩm, sinh Vô Lượng Quang Thiên, thọ mạng 4 kiếp.

Người tu thiên thượng phẩm sinh Quang Diệu Thiên, thọ mạng 8 kiếp.

Sau đây suy gẫm về các lỗi lầm của Nhị thiên.

Bấy giờ, người ngòi thiên đã tu Đệ Nhị thiên, thân được tự tại, nhận thấy Nhị thiên còn thô sơ, Tam thiên thì tĩnh lặng hơn, biết các lỗi lầm của Nhị thiên và các công đức của Tam thiên, liền khởi tu Đệ Tam thiên.

Thế nào là các lỗi lầm của Nhị thiên ?

Vì gần với giác quán là kẻ thù của định, cùng với hỷ tương ưng sung mãn, cho nên Nhị thiên thành thô. Vì sung mãn tâm quá phần khởi loạn động, khiến không thể khởi các thiên chi khác. Nếu bám dính vào hỷ, tức là lỗi. Nếu biết đó là lỗi thì thành không lỗi. Nếu không thể tác chứng thần thông, nếu ưa thích Nhị thiên, thì không thành tựu thắng phần. Đó là biết các lỗi của Đệ Nhị thiên.

Thấy các công đức của Đệ Tam thiên là đối trị lại các lỗi lầm đó. Đã quán sát các lỗi của Nhị thiên, lại thấy các công đức của Tam thiên, rồi y theo tướng của nhất thiết nhập mà tác ý khiến diệt tâm hỷ. Do hỷ lạc mà sinh tâm thụ trì, tác ý như vậy không bao lâu thì không còn hỷ lạc, khiến tâm được an.

Giải thích các thiên chi của Tam thiên.

Người ngòi thiên không đắm nhiễm cái hỷ, được xả niệm, trí, dùng thân thụ lạc. Như Phật nói được xả, niệm, trí, lạc, trụ trong chính thụ của Đệ tam thiên. Đó là công đức của Địa nhất thiết nhập, do không đắm nhiễm hỷ.

Hỷ là gì, trước đã phân biệt là không nhiễm hỷ, là đoạn dứt hỷ, tức được trụ trong xả.

Thế nào là xả ?

Xả có nghĩa là hộ trì cho không thoái cũng không tiến, tâm bình đẳng là xả. Xả có 8 thứ: 1. Thụ xả. 2. Tinh tiến xả. 3. Kiến xả. 4. Bồ-đề xả. 5. Vô lượng xả. 6. Lục phần xả. 7. Thiên chi xả. 8. Thanh tịnh xả.

Năm căn là thụ trì xả.

Khi không tác ý tướng xả là tinh tiến xả.

Với khổ tập ta phải đoạn trừ được xả là kiến xả.

Tu Bồ-đề giác là Bồ-đề xả.

Từ, bi, hỷ, xả, là vô lượng xả.

Mắt nhìn hình sắc không khởi khổ, không khởi mừng, là một trong lục phần xả.

Có hỷ mà không bị nhiễm, lại trụ nơi xả, đó là thiên chi xả.

Xả niệm thanh tịnh là thanh tịnh xả.

Trong 8 thứ xả đó, trừ thụ xả, còn 7 pháp xả kia, là bình đẳng xả.

Lại nữa, có 3 thứ xả: 1. Tương ưng thừa xả. 2. Thiểu kinh doanh xả. 3. Vô kinh doanh xả.

Trong tất cả các cách hành thiền, phương tiện giữ cho thiền bình đẳng, không gấp gáp, không trì hoãn. Đó gọi là tương ưng thừa xả. Xả này tiếp cận với Đệ Nhị thiền. Có khả năng đoạn trừ được tâm quá bùng bột.

Nếu tâm không kinh doanh tạo tác thì gọi là thiểu kinh doanh xả. Xả này tiếp cận với Đệ Tam thiền, có khả năng đoạn trừ tất cả tâm bùng bột loạn động.

Không động thân tâm, không kinh doanh tạo tác việc gì nữa, gọi là vô sự xả. Xả này tiếp cận với Đệ Tứ thiền.

Xả có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Bình đẳng là tướng, không chấp trước là vị, không kinh doanh tạo tác là khởi, không nhiễm ô là xứ.

Hỏi: Vì sao nói đến xả này ở thiên này , mà không nói đến xả ở Nhị thiên và Sơ thiên ?

Đáp: Ở Sơ thiên và Nhị thiên, tâm hỷ lạc sung mãn, tâm thành ra chấp trước, thân tâm duyên nơi hỷ lạc, sôi nổi bùng bột, tâm hỷ nên không thể diệt được, do đó ở Sơ thiên và Nhị thiên vì tâm xả không viên mãn nên không nói đến xả.

Ở Tam thiên, không có tâm hỷ nhiễm trước, tướng chấp trước đã diệt, thiên chi xả sinh khởi, thiên chi xả tự tại, nên gọi là xả niệm chính trí.

Thế nào là niệm ?

Niệm tùy niệm, niệm ấy biết rõ, nhớ rõ, giữ gìn không quên đều là niệm. Ngoài ra niệm căn, niệm lực và chính niệm, cũng đều là niệm.

Hỏi: Niệm có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Đáp: Tùy niệm là tướng, không quên là vị, bảo vệ là khởi, 4 niệm là xứ.

Thế nào là trí ?

Tri giải là tuệ, chính trí này gọi là trí. Có 4 thứ chính trí: 1. Hữu nghĩa trí. 2. Tự tướng trí. 3. Bất ngu si trí. 4. Hành xứ trí.

Hữu nghĩa trí là có 4 oai nghi. Tự tướng trí là trí nhập vào Không xứ. Bất ngu si trí là trí hiểu biết 8 pháp thế gian. Hành xứ trí là có trí nơi sự việc. Tại bộ kinh luận này, trí hành xứ là khả thủ.

Hỏi: Trí có tướng, vị, khởi, xứ như thế nào ?

Đáp: Không ngu si là tướng, duyên trước là vị, lựa lấy các pháp là khởi, tác ý chân chính là xứ.

Hỏi: Vì sao niệm chính trí phải có mặt ở tất cả mọi nơi, không thể thiếu ?

Đáp: Vì nếu người mất niệm sẽ không sinh khởi chính trí, mà nếu thiếu chính trí thì không khởi được thiền ngoại hành.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ở Đệ Tam thiền, mà không thấy nói ở Đệ Nhị thiền và Sơ thiền ?

Đáp: Nơi Tam thiền này, đứng đầu là hỷ vì các thiền chi thô khác đều diệt, chính định lại vi tế, nên định này đi vào chỗ vi tế, cho nên chính trí có thể khởi ở Đệ Tam thiền và do đó, các thiền chi được tự tại.

Lại nữa, Tam thiền này dễ đi đến chỗ sở duyên lạc xứ, mà chỗ có khí vị nhất đồng thời cũng tạo tác ngu tâm. Do đó, cũng gọi là lạc chấp trước xứ. Cho nên đối với thiền này, biết được tự tại thì có thể đoạn trừ hỷ.

Lại có thuyết nói hỷ và lạc là đôi bạn thân thiết. Do đó cần phải niệm chính trí và phân biệt mới có thể có lạc mà không có hỷ, mà tu hành an trụ vào Tam thiền. Ví như bê con cứ đi theo bên con mẹ, nếu không nắm 2 tai giữ lại là nó cứ đi theo. Cũng như vậy, không hỷ mà có lạc là nhờ niệm trí phân biệt nên lạc được an trụ được nơi hành xứ. Nếu không phân biệt thì có hỷ mà thành ra thoái phần.

Để cho lạc thiền chi được tự tại, nên mới nói đến niệm trí. Sau khi xả bỏ niệm trí được thành tựu, thì gọi là xả niệm chính trí. Ngay sau khi xả niệm chính trí thành tựu, thân mới cảm thụ lạc.

Hỏi: Thế nào là tâm lạc ?

Đáp: Tâm tiếp thụ là tâm lạc. Từ tâm tiếp xúc, sinh tiếp nhận, là tâm thụ lạc. Đó gọi là lạc.

Hỏi: Còn thân thì sao ?

Đáp: Tướng âm, hành âm, thức âm, đó gọi là thân. Cái lạc này do thân thụ gọi là thân thụ lạc.

Hỏi: Vì sao cái lạc không có hỷ này, không do thân thụ ?

Đáp: Vì ở Đệ Tam thiền lạc căn đã diệt.

Vì sao Thế Tôn nói, ở Đệ Tam thiền, lạc căn diệt ?

Nói Thánh nhân nói, nghĩa là Thánh tức Phật và các đệ tử, khai hợp chế giáo, phân biệt và chỉ rõ, nên gọi là Thánh nhân nói.

Hỏi: Tại sao Thánh giả chỉ nói ở thân này mà không phải nơi nào khác ?

Đáp: Trong Đệ Tam thiền này, người ngồi thiền dễ

sinh khởi sở duyên lạc xứ, nhưng không thụ lạc. Còn Thánh giả thì an trụ nơi lạc xứ là Thánh giả được thành tựu. Cho nên Thánh giả bảo Tam thiền rất thù thắng.

Xả, niệm, lạc tức là thành tựu xả bỏ hữu niệm mà được an lạc trụ trong Tam thiền.

Nói Đệ Tam là tiếp theo Đệ Nhị mà gọi Đệ Tam. Tam thiền có xả, niệm, chính trí, lạc và nhất tâm. Đó gọi là thành tựu nhập trụ Đệ Tam thiền.

Nói nhập trụ là nói người ngồi thiền đã được nhập Đệ Tam thiền, lia 1 chi là hỷ, 5 phần là xả, niệm, chính trí, lạc và nhất tâm, thành tựu 3 thứ thiện, đầy đủ 10 tướng, tương ứng với 22 công đức, được sinh lên cõi trời Biến Tịnh Thiên.

Như đã được nói qua trước đây, sinh lên cõi trời tức là an trụ trong trạng thái lạc không có hỷ, siêu vượt cõi nhân gian.

Cho nên Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Nay các Tỳ-kheo ! Trong ao có hoa Uất-ba-la, trong ao có hoa Phân-đà-lợi. Nếu hoa Uất-ba-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi sống trong nước, lớn

lên trong nước, ở trong nước, từ gốc đến ngọn, bên trong đều có nước. Cũng vậy, thân tâm của Tỳ-kheo tràn đầy có lạc không hỷ. Giống như hoa Uất-ba-la, hoa Phân-đà-lợi sinh từ trong nước. Cũng như vậy, nhập vào Đệ Tam thiên, thì phải biết thân như ngó sen sinh trong nước, từ gốc đến ngọn, tất cả đều tràn đầy nước. Cũng như vậy, nhập vào Đệ Tam thiên thì thân có lạc không hỷ, thấm nhuần khắp cả thân tâm quả báo của tu định, như công đức sinh lên cõi trời Biên Tịnh Thiên.

Đệ Tam thiên này cũng có 3 thứ hạng: thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm.

Người ngò thiên tu hạ phẩm Tam thiên, khi mạng chung, sinh lên cõi Diệu Tịnh Thiên, thọ mạng 6 kiếp. Tu trung phẩm thiên, sinh Vô Lượng Tịnh Thiên, thọ mạng 32 kiếp. Tu thượng phẩm thiên sinh Biên Tịnh Thiên, thọ mạng 64 kiếp.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Tam thiên.

Bấy giờ người ngò thiên sau khi đã hoàn thành sự tu tập Tam thiên, thân được tự tại rồi, khởi ý tưởng vượt Đệ Tam thiên lên Đệ tứ thiên. Đệ Tam thiên thì thô, Đệ Tứ thiên vi diệu hơn. Biết được các lỗi lầm của Đệ Tam thiên, và thấy các công đức của Đệ Tứ thiên.

Thế nào là các lỗi lầm của Tam thiên ?

Vì gần với hỷ vốn là kẻ thù của chính định. Bởi lạc thiên chi còn thô sơ, chưa thể chịu đựng tiếp thụ, không thể tác chứng thân thông nơi Tam thiên, khiến không thành tựu thắng phần. Như vậy, đã thấy các lỗi lầm của Đệ Tam thiên, và thấy các công đức của Đệ Tứ thiên là đối trị lại, người ngò thiên chỉ tác ý theo tướng của nhất thiết nhập mà tác ý khiến hiện diệt lạc diệt. Do tâm xả thụ trì như vậy tác ý không lâu, tâm được yên ổn, được giải thoát 4 thiên chi là giác, quán, hỷ, lạc.

Người ngồi thiền muốn đoạn trừ lạc, trước phải đoạn khổ, khi mừng lo ban đầu hết thì không còn khổ vui, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an trụ Đệ Tứ thiền. Đó là công đức của địa nhất thiết nhập.

Đoạn vui là đoạn cái vui của thân. Đoạn khổ đoạn cái khổ của thân. Trước nói diệt mừng lo có nghĩa là, mừng là tâm vui, lo là tâm khổ, đều diệt hết.

Hỏi: Vui, khổ, lo âu diệt ở đâu ?

Đáp: Bắt đầu từ Sơ thiền, khổ căn đã diệt. Đến đây Đệ Tứ thiền Phật chỉ nói khổ diệt.

Hỏi: Khổ căn khởi ở đâu, và trong bao lâu thì diệt hết ?

Đáp: Phật có bảo các Tỳ-kheo rằng Sơ thiền thành tựu ly dục, nơi đó các khổ căn khởi không bao lâu thì diệt.

Hỏi: Vì sao ở Sơ thiền, khổ căn diệt ?

Đáp: Vì tràn đầy hoan hỷ nên thân vui, vì thân vui nên khổ căn diệt do lấy đoạn mà đối trị. Thế nên, ở Sơ thiền, khổ căn diệt. Ở Đệ Nhị thiền, ưu căn diệt, thành ra đoạn dứt ưu căn. Như Phật có nói: Nơi nào hỷ căn khởi không bao lâu thì diệt, thì nơi đó Tỳ-kheo giác quán diệt, an trụ chính thụ của Đệ Tam thiền, nơi đó ưu căn khởi không bao lâu thì diệt.

Vì sao ở Đệ Nhị thiền ưu căn diệt ?

Vì nếu có giác quán cứ đuổi theo giác quán lâu ngày, thì làm cho thân giải đãi, tâm sinh lười biếng. Nếu tâm lười biếng thì ưu căn liền khởi.

Nơi Đệ Nhị thiền, giác quán diệt nói là ưu căn cũng diệt. Nơi Đệ Tam thiền, nơi đó lạc diệt. Như Thế tôn có nói: Nơi nào lạc căn khởi không bao lâu thì diệt, thì nơi đó Tỳ-kheo nhằm chán hỷ nên nhập vào chính thụ an trụ Đệ Tam thiền. Nơi đó, lạc căn đã khởi không bao lâu sẽ diệt.

Hỏi: Vì sao ở Đệ Tam thiên, lạc căn diệt ?

Đáp: Vì hỷ diệt, mà hỷ là nguyên nhân của lạc, cho nên ở Đệ Tam thiên, lạc căn diệt.

Hỏi: Nếu khổ, lạc, ưu đã diệt ở Đệ Tam thiên, sao còn nói diệt ở Đệ Tứ thiên ?

Đáp: Tam thiên là con đường dẫn đến Tứ thiên. Ở Tam thiên đã diệt thụ, nên ở Đệ Tứ thiên nói là diệt.

Lại nữa, lấy sự không khổ không vui đối trị lại với khổ vui, cho nên nói khổ vui là đối trị không khổ không vui.

Lại nữa, ở Tứ thiên, sự đối trị và sự thâm nhận cùng hợp nhau.

Lại nữa, xả phiền não không còn gì để đoạn.

Thụ không khổ không vui có nghĩa là ý không tiếp nhận, tâm không vất bỏ, đó gọi là gụ không khổ không vui.

Thụ không khổ không vui, tướng, vị, khởi, xứ của chúng như thế nào ?

Trung gian là tướng, trụ ở giữa là vị, trừ là khởi, hỷ diệt là xứ.

Thế nào là xả niệm thanh tịnh ?

Xả là trung tính, niệm là tùy niệm, chính niệm. Lấy xả làm niệm mà thành rõ ràng, trong trắng. Đó gọi là xả niệm thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao niệm đó phải dùng xả mới được rõ ràng trong trắng ?

Đáp: Vì xả này có thể lia tất cả phiền não, thụ tương tự với tương ưng nên trở thành bất động, không kinh doanh tạo tác. Vì sự không kinh doanh tạo tác cùng với xả tương ưng, cho nên niệm này vươn tới chỗ không động mà thành không kinh doanh tạo tác. Do đó, niệm này nhờ xả mà trở thành rõ ràng và trong trắng.

Tứ thiên dựa theo sau Tam thiên, nên gọi là Tứ thiên. Nhập định Tứ thiên là xả, niệm, nhất tâm, đó gọi là thành tựu Tứ thiên.

Nhập trụ là thành được được Đệ Tứ thiên, lia 1 phần là lạc, đoạn 3 phần là khổ, hỷ, ưu, thành trụ 3 phần là không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, nhất tâm. Do 3 thiện, 10 tướng đầy đủ, 22 công đức tương ưng, quả báo sinh lên cõi trời Quả Thật Thiên. Như có nói trước đây, sinh lên cõi trời là, vui trụ nơi xả, vượt khỏi cõi nhân gian.

Cho nên, Thế Tôn có bảo các Tỳ-kheo: Có người ngồi, dùng vải trắng quấn che khắp thân từ đầu đến chân, không chỗ nào không quấn che. Cũng vậy, Tỳ-kheo dùng tâm trong trắng đầy khắp châu thân, không có chỗ nào không đến. Ví như người tự quấn che vải trắng, người ngồi thiền cũng vậy lia được hết tất cả thượng phiền não. Trong Đệ Tứ thiên, có thể biết được trạng thái ấy. Giống như dùng vải trắng quấn từ đầu đến chân khiến cho không lạnh, không nóng, thời tiết điều hòa, thân tâm thanh tịnh cũng như vậy. Như vậy, nhập vào Tứ thiên thì được không khổ không vui, đó là tâm xả tràn đầy khắp thân.

Quả báo công đức của Tứ thiên là sinh lên cõi trời Quả Thật Thiên. Tu Đệ Tứ thiên khi chết, thì phạm phu sinh lên cõi trời Quả Thật Thiên. Nếu tâm nhầm chán lỗi lầm thì sinh cõi trời Vô Tướng Thiên, thọ 50 kiếp. Nếu Sa-môn thì hoặc sinh lên trời Quả Thật Thiên hoặc sinh lên Ngũ Tịnh Cư.

Hỏi: Vì sao ở Tam thiên phân biệt 3 bậc hạ, trung, thượng, nói quả địa hơn, còn ở Tứ thiên nói ?

Đáp: Theo chỗ chứng ở Tam thiên có thô, có diệu, nên lấy thắng chi mà nói có quả địa thắng. Còn Tứ thiên đã đến được diệu chi bờ bên kia, không có diệu chi nào hơn nên ở đây không có thắng quả địa nữa.

Suy gẫm về các lỗi lầm của Tứ thiên.

Bấy giờ, người ngồi thiền đã được tự tại an lạc nơi Đệ Tứ thiên rồi, khởi Hư không định vượt khỏi Sắc giới, lại suy nghĩ Sắc giới định

thì thô, Hư không định thì vi tế hơn. Người ngồi thiền thấy được các lỗi lầm của Sắc giới định và thấy được công đức của Hư không định.

Thế nào là các lỗi lầm của Sắc giới ?

Như dùng khí giới, đao trượng đấu tranh, chặt đứt ta chân người, nói đâm thọc, nói dối, đủ thức việc, lại còn đau mắt, bệnh tật, lạnh, nóng, đói khát,... các thứ khổ đó là những lỗi lầm của Sắc Dục giới tạo ra.

Thế nào là các lỗi lầm của Đệ Tứ thiền ?

Hỷ lạc là bạn thân của nhau, thân cận hỷ tức thành kẻ thù. Dựa vào việc của Sắc giới, thì thiền định thành thô. Việc của Sắc giới thì chấp trước vào lạc, khiến không thành tựu thắng phần. Chỉ dựa vào Hư không xứ, dùng tịch tịch mới có thể giải thoát thô định này. Nơi sắc, thấy các lỗi lầm của Đệ Tứ thiền, thấy công đức của Hư không định đối trị các lỗi lầm đó.

Người ngồi thiền khi đã thấy lỗi lầm của Sắc như vậy, thấy lỗi lầm của Đệ tứ thiền, đã thấy công đức của Hư không định, dùng chính niệm nhập Đệ Tứ thiền, sáng tỏ thế nào là Hư không định. Từ định này khởi Vô biên hư không định, trừ tướng của địa nhất thiết nhập, tu theo tướng Hư không định, tướng địa thành mất.

Những tác sự nơi Hư không xứ, do vô biên tác ý, tác ý sau khi hiện khởi không bao lâu thì tướng của địa nhất thiết nhập sẽ mất.

Từ nơi tướng địa đã mất, tâm khởi vượt lên Hư không, nhập tướng tự tại, tâm được an ổn. Người ngồi thiền ấy khi siêu vượt tất cả sắc tướng, tướng hữu đối liền diệt, không khởi tác ý các tướng nữa, dùng chính thụ vào trụ nơi Vô biên hư không xứ.

Nói tất cả, là nói không còn gì khởi nữa.

Nói Sắc tướng, là nhập vào tướng trí, chính trí, của Sắc giới định. Đó gọi Sắc tướng.

Việt, là vượt qua, là vượt lên. Từ đây khởi.

Nói tướng hữu đối diệt, thế nào là tướng hữu đối ?

Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, đó là tướng hữu đối.

Diệt, là hết các thứ tướng vừa kể.

Thế nào là tất cả các thứ tướng ?

Người không nhập định thì hoặc từ ý giới hòa hợp, hoặc từ ý thức giới hoà hợp tướng trí, chính trí. Đó gọi là các thứ tướng.

Các thứ tướng này không tác ý, đó gọi là các thứ tướng không tác ý.

Hỏi: Vì sao chỉ nói vượt tướng, mà không nói đến thụ, hành, thức ?

Đáp: Nếu vượt khỏi tướng, thì tất cả đều vượt qua hết. Vì sao vậy ? Nếu không lìa tướng, thì tâm không khởi được.

Lại nữa, Thế Tôn khi muốn nói đến sự vượt khỏi các sự việc về sắc, thì nói đến vượt sắc tướng, vì tất cả các sự việc về định đều do tướng.

Hỏi: Nếu không như vậy, thì nhập Sắc giới định có tướng hữu đối và các thứ tướng khác chứ chẳng phải không có ?

Đáp: Có người nhập Sắc giới định mà vẫn có tướng hữu đối, và các tướng khác, vì chúng sẽ được diệt.

Hỏi: Vì sao người ấy ở Sắc giới không thể tu thành giải thoát đạo ?

Đáp: Vì Sắc giới xứ còn nhàm chán Sắc, nên còn chưa diệt, hoặc chưa tận diệt hết. Có trường hợp như khi ở Sơ thiền, âm thanh như gai châm. Như Phật có nói: Nơi Đệ Tứ thiền xứ, vì nhàm chán Sắc mới tu hành giải thoát đạo, đoạn trừ Sắc tướng, khởi tướng bất động hành, tướng tịch tịch giải thoát của Vô sắc định.

Như Ca-lan và Uất-đầu-lam-phát nhập Vô tướng định, có 500 xe cộ chạy qua lại phía trước mà không thấy, không nghe. Cho nên nói Đệ tứ thiên là nơi diệt tướng.

Như vậy, Vô tướng định siêu vượt tất cả Sắc tướng, bởi tướng hữu đối, các thứ tướng diệt đoạn diệt tất cả pháp của Sắc giới.

Không tác ý, là đoạn pháp của Dục giới.

Siêu vượt tất cả Sắc tướng, là được nhập Vô sắc giới định.

Tướng hữu đối diệt, là hiển hiện trạng thái không động mà đoạn diệt tất cả Sắc định loạn động bên ngoài.

Các thứ không tác ý, là hiển hiện tướng tịch tịch giải thoát mà diệt tất cả Sắc định loạn động bên trong.

Hỏi: Nói Vô biên Hư không là không như thế nào ?

Đáp: Là nhập vào hư không, là cõi không, là rỗng không, và không tiếp xúc với 4 đại. Đó gọi là không.

Vô biên, là nơi cái không đó, có thể chính an tâm tràn đầy khắp không biên giới.

Vô biên không, là chỉ cho sự nhập vào vô biên không, là tâm và các tâm số pháp nhập vào hư không xứ. Đó cũng gọi là nhập vào hư không xứ.

Nhập vào hư không nghĩa là thế nào ?

Tính của hư không là vô biên. Tính của không xứ là vô biên. Hư không xứ ví như nơi trời ở được gọi là cõi trời. Người ngồi thiền trụ nơi định hư không xứ, nên gọi là nhập vào hư không xứ.

Nhập vào chính trụ, tức gọi là được nhập vào định vô biên hư không xứ.

Khi được vào định hư không xứ, thì vượt lên trên các sự việc về Sắc giới 3 phần là nhất tâm, tư duy và tinh tiến, thành tựu 3

thứ thiện, 10 tướng đầy đủ, 22 công đức tương ứng, an trú trong tịch tịch.

Quả báo của tu định hư không xứ và dựa trên công đức này được sinh lên cõi vô biên hư không xứ thiên. Như đã có nói trước đây, công đức của người tu hư không xứ là khi chết được sinh lên cõi Hư không thiên, thọ mạng 2 ngàn kiếp.

Suy gẫm về các lỗi lầm của định hư không.

Bấy giờ, người ngồi thiền ấy nơi hư không xứ đã được vui tự tại, liền khởi định thức nhất thiết nhập. Vượt qua khỏi không nhất thiết nhập, suy nghĩ rằng định hư không còn thô, thấy thức xứ vi tế hơn, lại thấy được các lỗi lầm của hư không và nhận ra các công đức của thức xứ.

Thế nào là các lỗi lầm của Hư không định ? Định này tiếp cận Sắc giới, là kẻ thù, đối với Hư không định việc ấy thành thô, với tướng hữu đối, các thứ tướng không xa cách nhau thành ra chấp trước không được thắng phần.

Như vậy, thấy được các lỗi lầm của Hư không, thấy được công đức của thức nhất thiết nhập, là đối trị lại chúng.

Nói rõ về Vô biên thức định:

Người ngồi thiền ấy đã thấy các lỗi lầm của Hư không định, đã thấy các công đức của thức xứ, liền khởi ý niệm rõ ràng ổn định tu Hư không thức, tác ý đầy đủ khiến thức trở nên vô biên, do thức xứ tướng, tâm thụ trì, như vậy mà tác ý, không bao lâu từ tướng Hư không xứ mà tâm khởi, vượt qua tới được thức xứ. Nhờ tướng về thức xứ mà tâm được an. Người ngồi thiền ấy khởi tất cả Hư không, suy nghĩ về vô biên thức thành tựu nhập vào chính thụ, trụ vào nhất thiết thức xứ.

Nói tắt cả, có nghĩa là không sót chỗ nào.

Vượt khỏi Hư không xứ, có nghĩa là vượt qua cõi hư không. Vượt, nghĩa là đi thẳng qua, đó là vượt hết tất cả cõi hư không.

Vô biên thức, có nghĩa là dùng thức tác ý, duyên vào hư không, khiến tràn đầy khắp vô biên. Đó gọi là vô biên thức xứ.

Hỏi: Sắc pháp và phi sắc pháp, làm sao chấp là vô biên ?

Đáp: Chỉ có vô sắc pháp là vô biên. Vì sao vậy ? Các pháp vô sắc không có biên giới bờ bến gì cả, nên không thể được.

Lại nữa, vì hư không không biên giới, nên nói nó vô biên.

Nói vô biên, chỉ là tác ý vô biên thì thành vô biên, vì vậy đối với tất cả việc tu hành không tạo thành chướng ngại.

Thức nhập xứ, là tâm và tâm số pháp nhập vào thức xứ, cũng gọi là thức xứ.

Thức xứ, là nghĩa gì ?

Thức xứ không có biên giới, nên cũng gọi là thức vô biên xứ.

Thức xứ, cũng như ở cõi trời thì gọi là thiên xứ. Người ngồi thiền thụ trì thức nhất thiết nhập định, gọi là thức xứ định.

Nhập chính thụ xứ, là được nhập vào thức xứ định của cảnh sở duyên.

Định, là siêu vượt Hư không xứ định.

Chính khi nhập vào vô biên thức xứ và thức xứ được định thì vượt qua được vô biên hư không, thành tựu 3 phần là nhất tâm, tư duy và tinh tiến, với 3 thứ thiện, 10 tướng đầy đủ, 22 công đức tương ưng, trụ vào tịch tịch. Tu định quả báo và dựa vào công đức này sinh lên cõi thức xứ. Như trước có nói rõ, người tu hành thức xứ định khi chết sinh lên cõi Thức Xứ Thiên, thọ mạng 4 ngàn kiếp.

(Đến đây giải thích xong về thức nhập)

Suy gẫm về lỗi lầm của Vô Biên Thức Định:

Bấy giờ, người ngồi thiền đã được tự tại về thức xứ, muốn khởi Vô sở hữu xứ định, vượt qua khỏi thức xứ, lại suy nghĩ rằng Thức xứ định thì thô, Vô sở hữu xứ định thì vi tế hơn, lại thấy các lỗi lầm của thức xứ, và nhận ra được các công đức của Vô sở hữu xứ định.

Thế nào là các lỗi lầm của thức xứ ?

Vô biên thức xứ tiếp cận với Vô biên hư không xứ, sở hành thành oán, các việc nơi thức thành thô, tư duy vô biên tưởng tạo thành chấp trước đối với vô biên, do đó không được thắng phần. Công đức của vô sở hữu xứ có thể đối trị lỗi lầm của Vô biên thức xứ định.

Người ngồi thiền ấy, như vậy thấy các lỗi lầm của thức xứ, lại nhận ra được các công đức của vô sở hữu xứ, liền từ thức xứ định khởi ý thức một cách an tường không tiếp tục tu theo đó nữa, không tiếp tục phân biệt nữa, khiến cho thức ấy mất đi, thấy tướng tự tại của Vô sở hữu xứ, tâm nguyện thụ trì, tác ý như vậy không lâu, từ Vô biên thức xứ tưởng khởi Vô sở hữu xứ tưởng mà tâm được an, đối với Vô biên thức xứ định rõ ràng phân minh. Bấy giờ, người ngồi thiền vượt tất cả thức xứ, thấy vô sở hữu, nhập vào chính thụ xứ và trụ ở đấy.

Nói tất cả, là nói không còn sót chỗ nào.

Vượt thức xứ, là vượt qua thức này.

Siêu nhập thẳng, là nói vượt tất cả thức xứ.

Vô sở hữu xứ, là không tiếp tục hành theo đó nữa, không tiếp tục phân biệt nữa, thành ra mất thức ấy, khi thấy vô sở hữu, thì chỗ thấy đó gọi là Vô sở hữu xứ.

Khi tâm và các tâm số pháp nhập vào Vô sở hữu xứ định, đó gọi là Vô sở hữu xứ.

Vô sở hữu xứ, là nghĩa gì ?

Đó là thức vô tính là vô sở hữu.

Vô sở hữu xứ là thụ trì, cũng là vô sở hữu thụ trì chính định, đó gọi là Vô sở hữu xứ định.

Người ngồi thiền nhập chính định trụ thành tựu Vô sở hữu định, thành tựu 3 phần thức sự là nhất tâm, tư duy và tinh tiến, thành tựu 3 thứ thiện, 10 tướng đầy đủ, 22 công đức tương ưng, trụ vào tịch tịch.

Quả báo tu định và công đức được sinh cõi Vô sở hữu xứ thiên. Như trước có nói rõ, người ngồi thiền đã tu Vô sở hữu định, khi chết sinh cõi trời Vô sở hữu xứ thiên, sống lâu 6 ngàn kiếp.

(Đến đây nói xong về Vô sở hữu định)

Suy gẫm về các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ:

Bấy giờ, người ngồi thiền nơi Vô sở hữu xứ đã được tự tại, muốn khởi Phi tướng phi phi tướng xứ định, vượt khỏi Vô sở hữu xứ, lại nghĩ Vô sở hữu xứ là thô, thấy Phi tướng phi phi tướng xứ vi tế hơn, lại thấy các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ và thấy các công đức của Phi tướng phi phi tướng xứ định.

Thế nào là các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ định ?

Vô sở hữu xứ tiếp cận với Vô biên thức xứ, cùng khởi với phân minh tướng, do đó thành oán, vì vậy định tâm thành thô, khiến chấp trước Vô biên thức xứ định, đối với cảnh sở duyên không được thắng phần thắng thượng.

Như vậy là thấy các lỗi lầm của Vô sở hữu xứ, lại thấy công đức của Phi tướng phi phi tướng xứ là đối trị lại.

Lại nữa, thấy tướng này là bệnh hoạn, là ung nhọt, là gai đâm, còn vô tướng mới là chính, là tịch tịch, là vi diệu. Đó là Phi tướng phi phi tướng. Người ngồi thiền ấy thấy như vậy rồi, niệm nhập vào

Vô sở hữu xứ, an ổn rõ ràng mà khởi, từ nơi Vô sở hữu xứ tịch tịch kia, tác ý khởi tu hành thứ định khác. Tác ý như vậy không bao lâu thì từ Vô sở hữu xứ, tưởng tâm khởi theo Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà tâm an trụ vào đó. Đó là nói rõ về Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

Người ngồi thiền siêu vượt tất cả Vô sở hữu xứ, thành tựu và nhập trụ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Nói tất cả, là nói không còn dư sót chỗ nào.

Vượt Vô sở hữu xứ, là thành công vượt qua khỏi Vô sở hữu xứ.

Siêu nhập thẳng, là vượt được tất cả Vô sở hữu xứ.

Phi tưởng phi phi tưởng, nghĩa là từ nơi Vô sở hữu xứ kia tịch tịch tác ý tu hành theo một định khác, đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nghĩa là tâm và các tâm số pháp nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, gọi là Phi phi tưởng xứ.

Phi phi tưởng xứ là nghĩa thế nào ?

Là diệt phân minh tướng, được thành vô tướng, nhưng còn dư chút tướng vi tế, mà thành Phi tưởng phi phi tưởng là hành xứ. Đó gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Nhập chính trụ, là chỉ cho nhập trụ vào chính định của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vượt qua Vô sở hữu xứ, thành tựu 3 phần là nhất tâm, tư duy và tinh tiến, được 3 thứ thiện, 10 tướng đầy đủ, và 22 công đức tương ưng, trụ vào nơi tịch tịch.

Quả báo tu định và công đức được sinh cõi Phi tưởng phi phi tưởng thiên. Như đã nói rõ ở trước, công đức tu hành Phi tưởng phi phi tưởng xứ định khi chết được sinh cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng thiên, thọ mạng 8 vạn 4 ngàn kiếp.

Hỏi: Vì sao nói Phi phi tướng xứ mà không nói Thức xứ?

Đáp: Vì lia chấp giữ vào Vô biên, vì khởi tướng vi tế nên không thành Thức xứ.

Lại hỏi: Vì sao tu theo định này không thành tựu lậu tận ?

Đáp: Vì lia phân minh tướng, do đó không thể thấy được giải thoát đạo.

Lại nữa, định này hết sức vi tế, phi tướng phi phi tướng không thể phân biệt được, cho nên không thành tựu lậu tận.

(Đã xong phần nói về Phi phi tướng định)

Giải rõ thêm nghĩa trên:

Hỏi: Liên quan đến định xứ này, có những gì cần bổ sung ?

Đáp: Về định xứ, có 10 pháp cần bổ sung: 1. Diệt. 2. Âm thanh. 3. Điên đảo. 4. Khởi. 5. Vượt. 6. Ngoại hành. 7. Giác. 8. Thụ. 9. Nghi. 10. Không cho được.

1. Diệt, là nhập Sơ thiên thì diệt nói năng, nhập Đệ Tứ thiên thì diệt hơi thở ra vào. Đó gọi là diệt tuần tự.

2. Âm thanh, là người nhập định nghe âm thanh không được nói. Vì sao vậy ? Vì nơi người nhập định, nhĩ thức không hòa hợp.

Lại nữa, khi nhập vào Sắc định, âm thanh khởi thành loạn động. Như Thế Tôn có nói: Với người nhập thiền, âm thanh là gai đâm.

3. Điên đảo, là khi quán Địa nhất thiết nhập, thì nơi không phải đất mà tác ý theo tướng đất.

Hỏi: Nếu đã như thế, vì sao không thành điên đảo ?

Đáp: Vì 4 tướng điên đảo là thường, lạc, ngã, tịnh không khác nhau. Chẳng qua tướng về đất đó làm thành tướng bề ngoài, vì thế mà không thành điên đảo.

4. Khởi, là khởi ra khỏi định, do 5 nhân duyên làm cho từ định khởi ra: 1. Do đau đớn trong tư thế. 2. Do mắc quá nhiều cảnh giới. 3. Do chướng ngại nổi lên. 4. Do phương tiện không đồng đều. 5. Do tùy ý muốn.

Nếu nhập Vô sắc định, các cảnh giới quá nhiều cũng không làm cho khởi ra khỏi định vì đang trú trong cảnh bất động.

Nếu nhập Diệt định và Quả định, thì có thể khởi ra khỏi do hành động trước, mà không do các nguyên nhân khác.

5. Vượt, có 2 thứ: vượt về phần và vượt về sự.

Từ Sắc giới thiên vượt qua nhập Sắc giới định, đó là vượt về phần.

Từ Sắc giới thiên vượt qua nhập Vô sắc giới định, rồi từ Vô sắc giới định vượt qua Vô sắc giới định, đó là vượt về sự.

6. Ngoại hành, là tất cả các định ngoại hành có thể thành tựu 5 thiên chi.

7. Giác, là từ Đệ Nhị Thiên trở lên tính bình đẳng, trừ vô gián, đoạn, thành không có giác quán.

8. Thụ, là từ Đệ Tứ thiên trở lên tính bình đẳng, trừ vô gián, cùng khởi với xả.

9. Nghi, là vì chưa đoạn trừ hết tất cả tham dục ngăn che, nên trụ trong cõi Phi tướng phi phi tướng, đó được gọi là còn dư sót lại. Giống như sợ rắn độc mà trèo lên trên cây.

10. Không được, là có 4 hạng người không được khởi định, nếu khởi định ắt sẽ rơi vào các đường dữ, đó là: 1. Vô nhân, tức đoạn thiện căn. 2. Tội ngũ nghịch. 3. Tà kiến. 4. Ngu si.

(Xong phần Địa nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Thủy nhất thiết nhập ? Thủy nhất thiết nhập có tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao giữ tướng đó ?

Đáp: Tâm duyên tướng của nước, là Thủy nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn, là tu hành theo Thủy nhất thiết nhập. Chuyên tâm nghĩ tưởng đến Thủy nhất thiết nhập là tướng. Không dứt nghĩ tưởng nước là vị. Tâm không khởi 2 ý là xứ.

Tu Thủy nhất thiết nhập được 5 thứ công đức: 1. Nhập vào và ra khỏi nước một cách tự tại. 2. Làm cho lay động. 3. Khiến mưa xuống. 4. Khiến thân tạo ra nước. 5. Khiến thành sông qua biển. Còn các công đức khác của Thủy nhất thiết nhập cũng giống với các công đức của Địa nhất thiết nhập. Người ngồi thiền tu hành theo pháp Thủy nhất thiết nhập, thì nơi nơi đều thấy toàn là nước.

Làm sao giữ tướng đó ?

Đang quán Thủy nhất thiết nhập là đang giữ tướng của nước ấy, hoặc nước tự nhiên, hoặc nước tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, ngay cả những nơi không có nước, cũng giữ được tướng nước, người ấy thấy nước ở khắp nơi, ở giếng, ở trong bình, ở đầm, ở ao, ở sông, ở hồ, ở biển cả, do chỗ sở quán tùy ý liền thấy phần tướng nước sinh khởi. Không như người mới ngồi thiền, chỉ giữ được tướng ở những nơi tác ý mà không thể giữ được tướng ở nơi không tác ý. Do đó có thể biết rằng có nhiều thứ phương tiện tu Thủy nhất thiết nhập.

Người mới tập ngồi thiền quán Thủy nhất thiết nhập nên tìm một nơi thanh tịnh, hoặc nơi nhà chùa, hoặc nơi hang đá, hoặc dưới cây, nơi đó không tối tăm, không nắng gay gắt, không gió bụi, không muỗi mòng, không có các chướng ngại. Tại nơi ấy, chọn nơi mặt đất bằng phẳng đào một cái lỗ để chôn một cái bát hay một cái chậu, miệng bát ngang mặt đất chu vi khoảng 1 tầm, cho nước mưa trong sạch, không xen tạp màu khác, đầy đến miệng bát, rồi ngồi tác ý tưởng đến nước.

Có 3 hành động tác ý quán tướng nước: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Lìa loạn động mà quán.

Còn các việc khác cần làm cũng giống như khi đã nói rộng về Địa nhất thiết nhập, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ.

(Xong phần Thủy nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Hỏa nhất thiết nhập ? Hỏa nhất thiết nhập có tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng lửa ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng lửa, là Hỏa nhất thiết nhập. Khi ấy tâm trụ nơi tướng lửa không loạn, đó là tu hành theo Hỏa nhất thiết nhập. chuyên tâm là tướng của Hỏa nhất thiết nhập. Không ngừng tưởng đến lửa là vị. Không tác ý nào khác ngoài lửa, là hành xứ.

Có 5 công đức của Hỏa nhất thiết nhập: 1. Có thể nổi lên khói lửa nóng. 2. Có thể nhìn thấy các vật khác qua ánh sáng. 3. Có thể diệt các sắc sáng khác. 4. Có thể tùy ý đốt cháy các vật khác. 5. Có thể thấy ánh sáng biết được nơi đó có lửa. Còn các công đức khác cũng giống như Địa nhất thiết nhập. Người ngồi thiền tu Hỏa nhất thiết nhập, mọi nơi đều thấy toàn là lửa.

Làm sao giữ tướng lửa ?

Nếu hiện đang quán Hỏa nhất thiết nhập, là đang thủ tướng lửa, hoặc nơi lửa do mình tạo nên, hoặc nơi lửa tự nhiên. Người ngồi thiền đã có kinh nghiệm thì thủ tướng tự nhiên, người ấy tại nơi nơi, khi nhìn thấy lửa cỏ, lửa củi, lửa rừng, lửa cháy nhà, bùng bùng bốc cháy, từ đó bắt đầu tác quán hoặc tự thụ lạc hoặc không tự thụ lạc, liền thấy tướng lửa sở duyên khởi lên. Người mới học ngồi thiền chỉ thấy được tướng lửa ở nơi đã chuẩn bị, còn ở những nơi không chuẩn bị thì không thủ tướng lửa được. Do đó có thể biết rõ có nhiều thứ phương tiện để tu Hỏa nhất thiết nhập.

Người ngồi thiền bắt đầu tu học quán tướng Hỏa nhất thiết nhập, trước hết phải chọn một nơi thanh tịnh, gom củi khô chất thành

đồng, đốt lửa vào lúc mặt trời mọc, hay lúc mặt trời lặn. Lúc đốt, bắt đầu từ phía dưới, không tác ý nơi đồng củi hay cỏ, cũng không tác ý vào lửa ngọn và khói ở bên trên, chỉ tác ý để khởi tướng lửa vào ngay chính giữa ngọn lửa.

Dùng 3 hành pháp để khởi và giữ tướng Hỏa nhất thiết nhập: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện. 3. Lìa nơi loạn động, như đã nói ở trước.

(Xong phần Hỏa nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Phong nhất thiết nhập ? Phong nhất thiết nhập có tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng gió ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng gió, đó là Phong nhất thiết nhập. Tu tâm trụ không loạn, là tu Phong nhất thiết nhập. Phóng ý là tướng. Không trừ tướng về gió là vị. Tác ý vô song là hành xứ.

Tu hành Phong nhất thiết nhập có 3 thứ công đức: 1. Đi theo gió một cách tự tại. 2. Có thể khiến gió nổi lên. 3. Tác ý thụ trì có thể được sự mát mẻ. Các công đức khác và phương tiện tu, cũng giống với Địa nhất thiết nhập.

Làm sao thủ tướng gió ? Người mới bắt đầu ngồi thiền hiện tu theo Phong nhất thiết nhập, do 2 cách mà thủ được tướng gió: hoặc do thấy, hoặc do chạm xúc.

Làm cách nào nhờ thấy mà thủ tướng gió ? Người ngồi thiền, hoặc ở nơi vườn mía, hoặc nơi rừng tre, hoặc nơi có nhiều cỏ theo gió lay động mà khởi tướng về gió. Người ấy đã thấy và khởi tướng về gió, dùng 3 pháp thủ tướng gió: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng lìa sự loạn động. Đó là nhờ thấy mà thủ được tướng.

Làm cách nào nhờ chạm xúc mà thủ tướng gió ? Người mới học ngồi thiền đến nơi thanh vắng, ngồi khởi ý tướng gió thổi đến. Nơi đó

khoét một lỗ nhỏ xuyên tường, đặt một ống trúc rỗng xuyên qua, ngồi ngay nơi đó để gió thổi lọt lên thân và tác ý thủ tướng gió. Như vậy là do xúc thủ tướng gió. Còn người ngồi thiền đã có kinh nghiệm thì ở mọi nơi, trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, gió đến chạm vào thân, tùy theo gió động khởi quán, hoặc tự thụ lạc hoặc không thụ lạc liền khiến cho tướng gió sở duyên được khởi, không như người mới học ngồi thiền.

(Xong phần Phong nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Xanh nhất thiết nhập ? Xanh nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng xanh ?

Đáp: Tâm luôn ở nơi tướng xanh, là Xanh nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn là tu. Chuyên tâm nơi tướng xanh, đó là tướng. Tướng xanh không dứt, là vị. Không có tác ý nào khác ý tướng xanh, đó là hành xứ.

Tu hành Xanh nhất thiết nhập được 5 thứ công đức: 1. Tâm duyên theo Xanh nhất thiết nhập. 2. Được tịnh giải thoát. 3. Được màu xanh, trừ nhập. 4. Được hoa sen xanh tâm thụ trì. 5. Có thể hoá mọi thứ ra màu xanh.

Giống như nói các thứ công đức của Địa nhất thiết nhập, công đức của Xanh nhất thiết nhập cũng vậy. Người ngồi thiền nhân tu Xanh nhất thiết nhập mà nơi nơi đều thấy toàn màu xanh.

Làm cách nào thủ tướng xanh ?

Thủ lấy tướng Xanh nhất thiết nhập hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, thủ tướng xanh không đợi ở các nơi có tạo tác đã chuẩn bị sẵn mà thủ tướng ấy khắp nơi, hoặc nơi bông hoa xanh, hoặc nơi áo xanh, hay bất cứ màu xanh nào nhìn thấy trước mắt, dầu có thuận ý hay không, cũng thấy tướng xanh sở duyên hiện khởi. Còn người mới tu tập, thủ tướng nơi có chuẩn bị trước mà không thủ được tướng xanh nơi tự nhiên.

Phương tiện tu Xanh nhất thiết nhập, người ngồi thiền quán sát nơi áo, nơi ván gỗ, nơi tường, lấy hoa A-đa-tư màu xanh mà tạo nên hình hoa Mạn-đà-la hình 3 góc hay 4 góc, dùng màu sắc khác viền vòng quanh bên ngoài, để tạo nên màu xanh.

Dùng 3 hành pháp mà thủ tướng: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng sự lia loạn động. Kỳ dư, như đã được nói ở trước.

(Xong phần Xanh nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Vàng nhất thiết nhập ? Vàng nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng vàng ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng vàng, là Vàng nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn là tu. Chuyên tâm nơi tướng vàng, là tướng. Tướng vàng không dứt, là vị. Không có tác ý nào khác ý tướng vàng, là hành xứ.

Tu hành Vàng nhất thiết nhập được 5 thứ công đức: 1. Tâm chuyên theo Vàng nhất thiết nhập. 2. Được tịnh giải thoát. 3. Được màu vàng, trừ nhập. 4. Được hoa sen vàng tâm thụ trì. 5. Có thể hoá mọi thứ ra màu vàng.

Giống như nói các công đức của Địa nhất thiết nhập, công đức của Vàng nhất thiết nhập cũng vậy. Người ngồi thiền nhân tu Vàng nhất thiết nhập mà nơi nơi đều thấy toàn màu vàng.

Làm cách nào thủ tướng vàng ?

Thủ lấy tướng Vàng nhất thiết nhập hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, thủ tướng vàng không đợi ở các nơi có tạo tác đã chuẩn bị sẵn mà thủ tướng ấy khắp nơi, hoặc nơi bông hoa vàng, hoặc nơi áo vàng, từ đó thường thấy, dầu thích hay không, cũng thấy tướng vàng sở duyên hiện khởi. Không như người mới tu tập, thủ tướng nơi có chuẩn bị trước mà không thủ được tướng vàng nơi tự nhiên.

Phương tiện tu Vàng nhất thiết nhập là người này hoặc nơi áo, nơi ván gỗ, nơi vách tường, lấy hoa Ca-ni-ca-la màu vàng làm thành hoa Mạn-đà-la hình 3 góc hay 4 góc, dùng màu khác viền chung quanh, để tác ý khởi tướng màu vàng.

Dùng 3 hành pháp để thủ tướng: 1. Dùng bình đảnh quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng trừ sự loạn động. Kỳ dư, như trước đã nói.

(Xong phần Vàng nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Đỏ nhất thiết nhập ? Đỏ nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đỏ ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng đỏ, là Vàng nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn là tu. Chuyên tâm nơi tướng đỏ, là tướng. Tướng đỏ không dứt, là vị. Không có tác ý nào khác, là hành xứ.

Tu hành Đỏ nhất thiết nhập được 4 thứ công đức: 1. Tâm duyên theo Đỏ nhất thiết nhập. 2. Được tịnh giải thoát. 3. Được màu đỏ, trừ nhập. 4. Có thể hoá mọi thứ ra màu đỏ.

Giống như nói các công đức của Địa nhất thiết nhập, công đức của Đỏ nhất thiết nhập cũng vậy. Người ngồi thiền nhân tu Đỏ nhất thiết nhập mà nơi nơi đều thấy toàn màu đỏ.

Làm cách nào thủ tướng đỏ ?

Thủ lấy tướng Đỏ nhất thiết nhập hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, thủ tướng đỏ không đợi ở các nơi có tạo tác đã chuẩn bị sẵn mà thủ tướng ấy khắp nơi, hoặc nơi bông hoa đỏ, hoặc nơi áo đỏ, hoặc màu đỏ, từ đó thường thấy, dầu thích hay không, cũng thấy tướng đỏ sở duyên hiện khởi. Không như người mới tu tập, thủ tướng nơi có chuẩn bị trước mà không thủ được tướng đỏ nơi tự nhiên.

Phương tiện tu Đỏ nhất thiết nhập là người này hoặc nơi áo, nơi ván gỗ, nơi vách tường, dùng màu đỏ như hoa Bàn-thâu-thì-bà làm

thành hoa Mạn-đà-la hình 3 góc hay 4 góc, rồi dùng màu khác viền chung quanh, để tác ý khởi tướng màu đỏ.

Dùng 3 hành pháp để thủ tướng: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng trừ sự loạn động. Kỳ dư, như trước đã nói.

(Xong phần Đỏ nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Trắng nhất thiết nhập ? Trắng nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng trắng ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng trắng, là Trắng nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn là tu. Chuyên tâm nơi tướng trắng, là tướng. Tướng trắng không dứt, là vị. Không có tác ý nào khác, là hành xứ.

Tu hành Trắng nhất thiết nhập được 8 thứ công đức: 1. Tâm duyên theo Trắng nhất thiết nhập. 2. Được tịnh giải thoát. 3. Được màu trắng, trừ nhập. 4. Được hoa sen trắng tâm thụ trì. 5. Có thể hoá mọi thứ ra màu đỏ. 6. Điều phục lười biếng, mê ngủ. 7. Trừ tối làm sáng. 8. Được khởi thiên nhãn.

Giống như nói các công đức của Địa nhất thiết nhập, công đức của Trắng nhất thiết nhập cũng vậy. Người ngồi thiền nhân tu Trắng nhất thiết nhập mà nơi nơi đều thấy toàn màu trắng.

Làm cách nào thủ tướng trắng ?

Thủ lấy tướng Trắng nhất thiết nhập hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, thủ tướng trắng không đợi ở các nơi có tạo tác đã chuẩn bị sẵn mà thủ tướng ấy khắp nơi, hoặc nơi bông hoa trắng, hoặc nơi áo trắng, hoặc màu trắng, hoặc ánh sáng trắng, hoặc ánh sáng mặt trời, hoặc ánh sao, hoặc gương soi tròn, từ đó thường thấy, dầu thích hay không, cũng thấy tướng trắng sở duyên hiện khởi. Không như người mới tu tập ngồi thiền, thủ tướng nơi có chuẩn bị trước mà không thủ được tướng trắng nơi tự nhiên.

Phương tiện tu Trắng nhất thiết nhập là người ngồi thiền này hoặc nơi áo, nơi ván gỗ, nơi vách tường, dùng màu sao Thái Bạch làm thành hoa Mạn-đà-la hình 3 góc hay 4 góc, rồi dùng màu khác viền chung quanh, để tác ý khởi tướng màu trắng.

Dùng 3 hành pháp để thủ tướng: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng lìa sự loạn động. Kỳ dư, như trước đã nói.

(Xong phần Trắng nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Ánh sáng nhất thiết nhập ? Ánh sáng nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng ánh sáng ?

Đáp: Tâm luôn luôn ở nơi tướng ánh sáng, là Ánh sáng nhất thiết nhập. Tâm trụ không loạn là tu. Chuyên tâm nơi tướng ánh sáng, là tướng. Tướng ánh sáng không dứt, là vị. Không có tác ý nào khác, là hành xứ.

Tu hành Ánh sáng nhất thiết nhập có công đức gì ?

Công đức của Ánh sáng nhất thiết nhập cũng đồng với công đức của Trắng nhất thiết nhập. Tu Ánh sáng nhất thiết nhập thì nơi nơi đều thấy ánh sáng.

Làm cách nào thủ tướng ánh sáng ?

Thủ lấy tướng Ánh sáng nhất thiết nhập hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi tạo tác. Người ngồi thiền đã lâu, thủ tướng ánh sáng không đợi ở các nơi có tạo tác đã chuẩn bị sẵn mà thủ tướng ấy khắp nơi, hoặc ánh sáng trắng, hoặc ánh sáng mặt trời, hoặc ánh sáng đèn, hoặc ánh sáng châu ngọc, từ đó thường thấy, dầu thích hay không, cũng thấy tướng ánh sáng sở duyên hiện khởi. Không như người mới tu tập ngồi thiền, thủ tướng nơi có chuẩn bị trước mà không thủ được tướng trắng nơi tự nhiên.

Phương tiện tu Ánh sáng nhất thiết nhập là người ngồi thiền này đến gần một vách tường hướng Đông hay Tây ngồi, lấy một cái bát cho đầy nước vào đặt nơi có ánh nắng chiếu đến, ánh sáng phản chiếu từ nước khởi thành một Mạn-đà-la, rồi từ ánh sáng Mạn-đà-la đó mà khởi lên tướng ánh sáng trên vách tường.

Dùng 3 hành pháp để thủ tướng: 1. Dùng bình đẳng quán. 2. Dùng phương tiện quán. 3. Dùng lia sự loạn động. Kỳ dư, như trước đã nói.

(Xong phần Ánh sáng nhất thiết nhập)

QUYỂN 5 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

(*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 6

Phẩm 8: HÀNH MÔN 3

Hỏi: Thế nào là Hư không nhất thiết nhập ? Hư không nhất thiết nhập thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao giữ tướng ấy ?

Đáp: Hư không nhất thiết nhập có 2 loại:

1. Có hư không lia sắc.
2. Có hư không không lia sắc.

Hư không lia sắc, là chỉ tướng nhập xứ của hư không.

Hư không không lia sắc là tướng hư không nơi trống không như giếng, hang.

Duyên tướng hư không, tâm trụ không loạn, là tu.

Chuyên tâm nơi tướng hư không là tướng.

Tướng hư không không lia là vị.

Không có tác ý nào khác, là hành xứ.

Về công đức của Hư không nhất thiết nhập có 2 công đức không đồng với các Nhất thiết nhập khác:

1. Vượt xuyên vào hư không, không bị chướng ngại vật ngăn ngại như vách tường, núi non.

2. Thân đi qua lại tự tại không ngại, không lo sợ.

Làm cách nào thủ tướng đó ?

Thủ tướng không nơi hư không hiện khởi, hoặc nơi tự nhiên, hoặc nơi có chuẩn bị. Người quen ngồi thiền có thể thủ tướng không khắp mọi nơi, hoặc thấy lỗ hổng nơi song cửa, hoặc giữa các cành cây, từ đó mà thường nhìn thấy, dầu thích hay không thích cũng thấy được tướng duyên của Hư không khởi. Không giống như người mới tập thiền chỉ thấy được tướng đó ở những nơi có tạo tác, chuẩn bị sẵn, còn ở nơi tự nhiên thì không thấy được. Người tập ngồi thiền này hoặc ở trong nhà, hoặc ở ngoài trời, nơi không có chướng ngại, khoét một lỗ trống tròn để khởi tướng về hư không.

Dùng 3 hành pháp để thủ tướng ấy:

1. Dùng bình đẳng quán.
2. Dùng phương tiện quán.
3. Lìa nơi loạn động.

Tu Hư không nhập nhất thiết nhập được sinh Tứ thiên, Ngũ thiên. Ngoài ra như trước đã nói.

(Xong phần Hư không nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là Thức nhất thiết nhập ?

Đáp: Là Thức hư không. Đây gọi là Thức nhất thiết nhập. Ngoài ra như trước đã được nói rộng.

(Xong phần nói về 10 Nhất thiết nhập)

Hỏi: Có những câu nào cần bổ sung về Nhất thiết nhập ?

Đáp: Nếu một tướng được tự tại, các tướng khác của các Nhất thiết nhập còn lại cũng được tác ý tự tại. Nếu từ một nơi Nhất thiết

nhập vào được Sơ thiên và được tự tại, thì các Nhất thiết nhập còn lại có thể khởi Đệ Nhị thiên. Cũng như vậy, Đệ Nhị thiên được tự tại, thì có thể khởi Đệ Tam thiên. Đệ Tam thiên được tự tại có thể khởi Đệ Tứ thiên.

Hỏi: Trong các Nhất thiết nhập, cái nào là tối thắng ?

Đáp: Bốn Nhất thiết nhập về màu sắc : xanh vàng đỏ trắng là tối thắng, vì thành tựu giải thoát đạo, có thể diệt trừ tất cả nhập. Lại nữa Trắng nhất thiết nhập là tối thắng vì chiếu sáng khiến tâm được tự tại.

Ngay khi tâm được tự tại thì có thể dùng 16 hành pháp vào trong 8 Nhất thiết nhập là địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng an ổn rõ ràng sinh khởi 8 thứ định là 4 thứ Sắc giới định và 4 thứ Vô sắc giới định. Mười sáu hành pháp đó là:

1. Khởi tùy nơi thích.
2. Tùy định ưa thích.
3. Tùy lúc nào thích.
4. Không trở ngại.
5. Thứ tự lên.
6. Thứ tự xuống.
7. Lên xuống theo thứ tự.
8. Khiến mỗi mỗi tăng trưởng.
9. Khiến đều tăng trưởng.
10. Bỏ đoạn giữa.
11. Bỏ một phần.
12. Bỏ sự.
13. Bỏ một phần sự.
14. Đủ các phần.

15. Đủ sự.

16. Đủ phần đủ sự.

1. Tùy nơi thích là hoặc tại thôn xóm, hoặc nơi A-lan-nhã. Đó là nơi thích thì liền nhập Tam-muội.

2. Tùy ý thích nhập định và tùy theo thiên định thích nhập liền được nhập Tam-muội.

3. Tùy lúc thích là tùy theo ý muốn mà được nhập Tam-muội.

4. Không chương ngại là tùy nơi, tùy định, tùy lúc đều không chương ngại được nhập Tam-muội hoặc nhập chính thụ.

5. Thứ tự lên là từ nhập định vào Sơ thiền, theo thứ lớp vượt lên đến Phi phi tướng xứ định.

6 Thứ tự xuống là từ nhập định Phi tướng phi phi tướng xứ lần lượt xuống đến định Sơ thiền.

7. Lên xuống theo thứ tự là tự do vượt qua hoặc trở lại trong khoảng 4 Sắc giới định và 4 Vô sắc giới định. Như từ Sơ thiền vào Đệ Tam thiền, từ Đệ Tam thiền vào Đệ Nhị thiền, từ Đệ Nhị thiền vào Đệ Tứ thiền, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ định.

8. Khiến mỗi mỗi tăng trưởng là theo thứ tự nhập vào Đệ Tứ thiền, hoặc đi lên, hoặc đi xuống.

9. Khiến đều tăng trưởng là từ Đệ Tứ thiền đồng thời được nhập 2 thứ định là Hư không và Đệ Tam thiền.

10. Bỏ đoạn giữa là sau khi đã nhập Sơ thiền, liền trực tiếp vượt nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ định. Hoặc từ Đệ Nhị thiền vượt nhập Vô sở hữu xứ định. Và có thể hiện nhập chính thụ và có thể nhận rõ Hư không xứ.

11. Bỏ một phần là do từ 1 thứ thiền nhập vào 8 Nhất thiết nhập, được nhập định xứ.

12. Bỏ sự là do từ 2 thứ Nhất thiết nhập được nhập vào 8 định.

13. Bỏ một phần sự là nơi 8 thứ Nhất thiết nhập chỉ có thể đạt được 2 thứ định.

14. Đủ các phần là nơi 2 thứ Nhất thiết nhập, được nhập Đệ Nhị thiền.

15. Đủ sự là nơi 4 thứ Nhất thiết nhập, được nhập Đệ Nhị thiền.

16. Đủ phần đủ sự là nơi 6 thứ Nhất thiết nhập của câu 14 và 15 trên đây, được nhập Đệ Nhị thiền.

(Xong phần bổ sung cho 10 Nhất thiết nhập)

Hỏi: Thế nào là tướng tăng trưởng? Tướng tăng trưởng có tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Tướng tăng trưởng là nói tương sinh khắp cả như xác chết tương sinh trong đầy da bốc mùi hôi thối. Nơi tương tương sinh đó, dùng chính trí mà biết, đó gọi là tướng tương sinh.

Tu theo tướng đó, tâm trụ không loạn, gọi là tu tướng tương sinh.

Thụ trì tướng tương sinh ấy để theo đó quán sát là tướng.

Lấy trạng thái tương sinh đó làm vị.

Khởi ý tướng không chịu nổi sự ô uế, bất tịnh, đó là hành xứ.

Tu tướng tương sinh được công đức gì ?

Tu tướng tương sinh được 9 công đức:

1. Được nghĩ về nội thân.
2. Được tưởng vô thường.
3. Được tưởng về sự chết.
4. Được chán lỗi lầm.
5. Được khắc phục dâm dục.

6. Được cắt đứt sự kiêu mạn về sắc đẹp.
7. Được bỏ sự kiêu mạn về không bệnh hoạn.
8. Được hướng thiện.
9. Hướng đến Nê-hoàn.

Làm sao thủ tướng đó?

Người mới tập thiền hiện giữ tướng tướng trưng sinh bất tịnh, không làm việc gì khác, giữ tâm niệm không động, không ngu si, các căn hướng vào trong, không phóng tâm ra ngoài, đến nơi bất tịnh, nơi có các tử thi hôi thối, ngòi ngược gió, đối tượng bất tịnh không gần cũng không xa mà quán tướng, hoặc ngòi, hoặc đứng dựa. Gần nơi bất tịnh, hoặc có phiến đá, hoặc có đồng đất, hoặc cây cối, cành khô, dây leo v.v..., đều lấy vật ấy làm tướng để quán tướng phiến đá này v.v... đều bất tịnh như tử thi v.v...

Sau khi tướng đã lập đối tượng quán tướng xong, bắt đầu thực hành quán 10 tướng bất tịnh trưng sinh, từ tự tính làm xuất phát điểm tu hành như sau:

1. Quán theo theo sắc.
2. Quán theo hình nam hay nữ.
3. Quán theo phương hướng.
4. Quán theo nơi chốn.
5. Quán theo phân biệt.
6. Quán đốt xương.
7. Quán lỗ hồng.
8. Quán hang hàm.
9. Quán đất bằng.
10. Quán bình đẳng tất cả.

1. Quán theo sắc, là nếu đen quán thấy đen, nếu không đen không trắng quán thấy không đen không trắng, nếu trắng quán thấy trắng, nếu da hôi thối quán thấy da hôi thối.

2. Quán theo hình nam hay nữ, là nếu hình người nữ, người nam theo đó mà quán trẻ, trung niên hay đã già, đến như cao quán thấy cao, nếu thấp quán thấy thấp, nếu mập quán thấy mập, nếu ốm quán thấy ốm, tùy theo hình dạng mà quán.

3. Quán theo phương hướng, là đầu ở hướng này, tay ở hướng kia, chân ở hướng nọ, lưng ở hướng này, bụng ở hướng kia, còn ta đang ngồi theo phương này và tướng bất tịnh ở phương kia.

4. Quán theo nơi chốn, là chỗ này ánh sáng chiếu vào là tay, chỗ kia ánh sáng chiếu vào là chân, chỗ nọ ánh sáng chiếu vào là đầu, còn ta đang ngồi nơi dưới ánh sáng này và tướng bất tịnh đang ở phía dưới ánh sáng kia.

5. Quán theo phân biệt, là từ đầu đến chân, từ dưới lên đến đầu, tóc da ở ngoài bì, tất cả đều trông như một đồng phân.

6. Quán đốt xương, là nơi 2 tay có 6 đốt xương, nơi 2 chân có 6 đốt, và đốt xương cổ, đốt xương hông, cả thảy là 14 đốt xương lớn.

7. Quán lỗ hồng, là quán miệng hoặc há ra hay ngậm lại, quán mắt mở hay nhắm, quán lỗ huyết nơi lòng bàn tay, lòng bàn chân.

8. Quán hang hằm và 9. Quán đất bằng, là quán tùy theo chỗ tướng bất tịnh hoặc ở chỗ trống không hoặc ở trên đất, mà tùy theo đó quán. Hoặc ta đang ở nơi trống không, tướng bất tịnh đang ở trên mặt đất, hoặc tướng bất tịnh ở dưới, ta ở trên đất.

10. Quán bình đẳng tất cả, là ta không ngồi gần quá hay xa quá, cách tướng bất tịnh chừng 2 hay 3 tầm, theo đó mà quán tướng

Người ngồi thiền tùy theo tất cả mọi nơi dùng chính niệm tùy quán, thấy được tướng bất tịnh của cảnh sở duyên. Hay thay ! Hay

thay ! Như vậy thụ trì để khéo tự an, người ngồi thiền ấy đã khéo thủ tướng, đã khéo thụ trì, đã khéo tự an, chuyên nhất không làm việc gì khác, tâm niệm không động, tâm không ngu si, các căn hướng vào bên trong, không phóng tâm ra ngoài, trên đường đi lại hoặc đi hoặc ngồi, đều quán tướng bất tịnh ấy, tâm thường thụ trì.

Chuyên nhất không làm việc gì khác nghĩa là gì ?

Là để cho thân được tịch tịch.

Khiến niệm không động, tâm không ngu si, dùng các căn hướng vào bên trong, không phóng tâm ra ngoài, đường đi lại nghĩa là gì ?

Là để cho thân được tịch tịch.

Lìa nơi ngược gió, nghĩa là gì?

Là để không tránh mùi hôi thối.

Ngồi không gần không xa, nghĩa là gì?

Là nếu ngồi xa, thì không thủ được tướng. Nếu ngồi gần, không sinh tướng chán lìa, không thấy được bản tính bất tịnh của tướng sở duyên, làm cho tướng bất tịnh không sinh khởi. Do đó nên không ngồi gần cũng không ngồi xa.

Quán khắp tất cả là tướng bất tịnh, nghĩa là gì ?

Là vì tự mình không ngu si mới được gọi là người không ngu si.

Sao gọi là không ngu si ?

Là người ngồi thiền được nhập tịch tịch xứ, mới có thể quán thấy tướng bất tịnh. Nếu như tâm sinh kinh sợ, thì không quán thấy tướng bất tịnh. Người ngồi thiền tu quán bất tịnh phải giống như cái cây chết, tuyệt đối không thể khởi tâm tư duy. Người ngồi thiền, sau khi không khởi tâm, biết được ức niệm của mình là chính niệm tức biết chính mình đang thụ trì quán tướng bất tịnh cũng đã quán khắp tất cả tướng bất tịnh. Tác ý như vậy là không ngu si.

Hỏi: Thủ 10 thứ hành tướng có nghĩa gì ?

Đáp: Để buộc tâm lại.

Quán đường đi lại có nghĩa gì ?

Để sinh khởi pháp thứ tự.

Pháp thứ tự nghĩa là, nếu người ngồi thiền đến nơi tịch tịch, có lúc loạn tâm, bởi không thường quán, thì tướng bất tịnh không khởi. Cho nên người ngồi thiền phải luôn luôn nhiếp thủ tâm ý, phải quán đường đi lại, phải quán chỗ ngồi, phải quán tướng khắp cả, phải quán 10 thứ thủ tướng. Người ngồi thiền ấy quán như vậy nhiều lần. Rồi lại khởi tướng như chính mắt thấy. Đó gọi là pháp khởi thứ tự.

Người mới tập thiền quán tướng tử thi thành tướng châu báu, như vậy tâm sinh hoan hỷ được thụ trì, tâm thường tu hành diệt các triền cái, thiền phần thành khởi.

Người ngồi thiền ấy đã lìa dục, đã lìa các pháp bất thiện, có giác, có quán, tịch tịch thành có hỷ lạc, nhập định, và tướng trưng sinh.

Hỏi: Vì sao do hành pháp tướng bất tịnh khởi Sơ thiền mà không khởi các thiền khác ?

Đáp: Vì hành bất tịnh tướng không thể đơn độc sinh khởi quán thiền phần, do đó tạo thành trói buộc. Bất tịnh tướng thường theo giác quán. Thường giác quán nên tướng bất tịnh mới hiện được. Không lìa bỏ giác quán mà khiến tâm được an, bởi thế tu tướng bất tịnh chỉ có thể sinh khởi Sơ thiền, mà không ở các thiền phần khác.

Lại có thuyết cho rằng, tướng bất tịnh không chỉ dùng 1 thứ hành pháp là sắc, hình, phải thêm tư duy mới có thể sinh khởi tướng bất tịnh, mà tư duy thuộc giác quán sự, không thể lìa giác quán, vì bất tịnh tướng là tư duy hành, do đó chỉ có thể sinh khởi Sơ thiền mà không phải các thiền phần khác.

Lại còn có thuyết cho rằng, tướng bất tịnh thuộc đối tượng không thể chịu đựng được, do không thể chịu đựng được mà không thể khởi tâm nơi bất tịnh khiến tâm sinh khởi hỷ lạc mà trừ bỏ phương tiện giác quán. Tướng bất tịnh là dùng phương tiện giác quán mà tu hành, do đó nó giống như đồ đại tiểu tiện, vì vậy chỉ có thể sinh khởi Sơ thiền mà không phải các thiền phần khác.

Hỏi: Đối với sự khó kham chịu đựng, làm sao khởi hỷ lạc ?

Đáp: Sự không kham chịu đựng không phải là nhân duyên sinh khởi hỷ lạc. Lại nữa, do khéo đoạn trừ 5 triền cái nhiệt não, do tu tâm mà được tự tại, do tự tại mà khởi hỷ lạc. Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần nói về tướng chương sinh)

Hỏi: Thế nào là tướng xanh bầm ? Tướng xanh bầm có tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng ấy ?

Đáp: Tướng xanh bầm là, hoặc chết qua 1 đêm, hay 2, 3 đêm, thân thành tướng xanh bầm, như bị nhuộm màu tái xanh, đó gọi là tướng xanh bầm.

Lấy chính trí mà biết về tướng đó, là tướng xanh bầm.

Tâm trụ không loạn nơi tướng đó, là tu.

Thụ trì tướng xanh bầm để tùy quán là tướng.

Chán ghét là vị.

Lấy tác ý về sự không kham chịu nổi là hành xứ.

Công đức đạt được cũng giống như thụ trì tướng trưng sinh. Tu hành tướng ấy, như trước đã nói rộng.

(Xong phần nói về tướng xanh bầm)

Hỏi: Thế nào là tướng rỉ mủ ? Tướng rỉ mủ tu, tướng, vị, công đức như thế nào ? Làm sao tử tướng ấy ?

Đáp: Rỉ mủ là, hoặc chết đã qua 2, 3 đêm, mủ máu rỉ chảy ra như bơ sữa chảy khắp châu thân, đó gọi là rỉ mủ.

Lấy chính trí mà biết tướng rỉ mủ sở duyên, đó gọi là tướng rỉ mủ.

Tâm trụ không loạn, đó gọi là tu tướng rỉ mủ.

Thụ trì tướng rỉ mủ để tùy quán là tướng.

Chán gớm tướng rỉ mủ là vị.

Tác ý không kham chịu nổi là hành xứ.

Công đức của tu hành tướng rỉ mủ cũng giống như tướng trương sinh. Về làm sao thủ tướng rỉ mủ, có thể biết được, như trước đã nói rộng.

(Xong phần tướng rỉ mủ)

Hỏi: Thế nào là tướng chặt chém nát ? Tướng chặt chém tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Chặt chém nát là, hoặc dùng đao, kiếm chém chặt thân thể đứt lìa. Lại nói vất bỏ tử thi, cũng gọi là chặt chém nát.

Đối với sự chặt chém nát, dùng chính trí hiểu biết được, đó gọi là tướng chặt chém nát.

Tâm trụ không loạn, là tu tướng chặt chém nát.

Tướng chặt chém nát là tướng.

Tướng chán gớm, là vị.

Tác ý tướng về sự bất tịnh, là hành xứ.

Công đức đạt được giống như thụ trì tướng trương sinh.

Hỏi: Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Lấy tướng chặt chém nát lia 2 tai hay 2 ngón tay còn trống không, là thủ tướng. Ngoài ra cũng giống như trước đã được nói rộng.

(Xong phần tướng chặt chém nát)

Hỏi: Thế nào là tướng ăn nuốt ? Tướng ăn nuốt tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Ăn nuốt, là hoặc quạ, chim thước, chim ung, điều hâu, kênh kênh, heo, chó, chồn, sói, cọp, beo ăn nuốt tử thi, đó gọi là bị ăn nuốt.

Với tướng ăn nuốt, dùng chính trí mà hiểu biết, gọi là tướng bị ăn nuốt.

Tâm trụ không loạn, là tu.

Tướng ăn nuốt là tướng.

Chán gớm là vị.

Tác ý bất tịnh là hành xứ.

Công đức của tướng này giống như tướng tương sinh. Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần tướng ăn nuốt)

Hỏi: Thế nào là tướng vất bỏ ? Tướng vất bỏ tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Vất bỏ, là đầu mình và tay chân bị vất bỏ phân tán đó đây.

Với tướng bị vất bỏ đó, dùng chính trí mà hiểu biết được, gọi là tướng vất bỏ.

Tâm trụ không loạn vào tướng này là tu.

Thụ trì tướng vất bỏ là tướng.

Chán gớm là vị.

Tác ý bất tịnh là hành xử.

Công đức của tướng này giống như tướng tương sinh.

Làm sao thủ tướng này?

Gom hết các phần thân thể lại tại một chỗ, sắp xếp các phần cách nhau chừng 2 tấc, xong khởi tướng vật bỏ mà thủ tướng.

Ngoài ra như trước đã được nói rộng.

(Xong phần tướng vật bỏ)

Hỏi: Thế nào tướng giết chết bỏ ? Tướng giết chết bỏ tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Bị giết chết bỏ, là hoặc do đao, gậy, hoặc do cung tên, đâm chém khắp nơi trên tử thi, gọi là giết bỏ.

Với tướng giết bỏ đó, dùng chính trí mà hiểu biết được, gọi là tướng giết bỏ.

Tâm trụ không loạn vào tướng ấy, là tu.

Thụ trì tướng giết chết bỏ là tướng.

Chán gớm là vị.

Tác ý về sự bất tịnh là hành xử.

Công đức của tướng này cũng giống như tướng tương sinh.

Làm sao thủ tướng ấy thì như trước đã nói rộng.

(Xong phần tướng giết chết bỏ)

Hỏi: Thế nào là tướng bê bết máu me ? Tu tướng bê bết máu me thì tu, tướng, vị, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Bê bết máu me, là hoặc chém đứt tay chân, phân rã hình hài, máu đổ đầy thân thể.

Với tướng dính máu đỏ, dùng chính trí mà hiểu biết được, đó gọi là tướng bê bết máu me.

Tâm trụ không loạn nơi tướng ấy là tu.

Thụ trì tướng bê bết máu me là tướng.

Chán gồm là vị.

Tác ý về sự bất tịnh là hành xử.

Công đức của tu tướng này cũng giống như tướng tương sinh.

Làm sao thủ tướng đó, trước đã được nói rộng.

(Xong phần nói về tướng bê bết máu me)

Hỏi: Thế nào là tướng trùng hôi thối ? Tướng trùng hôi thối thì tu, tướng, vị, xử, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Trùng hôi thối, là các loại trùng sinh sản khắp thi thể, tụ lại giống như hạt trai trắng.

Với tướng trùng hôi thối đó, dùng chính trí mà hiểu biết được, gọi là tướng trùng hôi thối.

Tâm trụ không loạn vào tướng ấy là tu.

Thụ trì tướng trùng hôi thối là tướng.

Chán gồm là vị.

Tác ý về sự bất tịnh là hành xử.

Công đức cũng giống như tướng tương sinh.

Làm sao thủ tướng trùng hôi thối, cũng giống như trước đã nói rộng.

(Xong phần tướng trùng hôi thối)

Hỏi: Thế nào là tướng xương ? Tướng xương thì tu, tướng, vị, xử, công đức như thế nào ? Làm sao thủ tướng đó ?

Đáp: Xương, là các khúc xương nối liền nhau như móc xích nhờ máu, thịt, gân mạch buộc lại, hoặc không máu thịt chỉ có gân buộc lại.

Với tướng xương này, dùng chính trí mà hiểu biết được, đó gọi là tướng xương.

Tâm trụ không loạn nơi tướng ấy, là tu.

Thụ trì tướng xương là tướng.

Chán gồm là vị.

Tác ý về sự bất tịnh là hành xử.

Công đức cũng giống như trường hợp tướng trưng sinh.

Làm sao thủ tướng đó, như trước đã nói rộng.

(Xong phần tướng xương)

Hỏi: Về bất tịnh xứ cần có những bổ sung nào ?

Đáp: Người mới tập thiền có nhiều phiền não nặng nề, thì không nên thủ tướng không cùng một loại. Không cùng một loại là như thân người nam với thân người nữ. Nếu người hành nghề không thanh tịnh, không nên tác ý vào tướng bất tịnh. Vì sao vậy ? Vì thường quán về nghề nghiệp ấy, nên sự nhàm chán không sinh khởi. Nơi thân súc sinh, không nên khởi tướng thanh tịnh.

Người ngồi thiền dùng một khúc xương khởi quán, nếu có thể khởi tướng tự tại thì với một đống xương cũng như vậy. Nếu tướng bất tịnh là do từ sắc mà khởi tướng thì nên quán Nhất thiết nhập. Nếu tướng ấy từ hư không mà khởi thì nên quán tướng cảnh giới. Nếu tướng bất tịnh là nhân bất tịnh khởi thì nên quán bất tịnh.

Hỏi: Vì sao chỉ có 10 bất tịnh tướng, không nhiều hơn ít hơn ?

Đáp: Vì lỗi của thân có 10 thứ. Lại nữa có 10 pháp được thân người, do đó bất tịnh tướng cũng có 10 thứ.

Người nhiều tham dục, nên tu quán tưởng tướng tương sinh. Người tham sắc ái nhiều, nên tu quán tưởng tướng xanh bầm. Người muốn tịnh dục nên quán tưởng rỉ mù. Các hạng người khác có thể suy ra biết được.

Lại nữa, tướng bất tịnh trên thật tế là bất khả đắc. Cho nên tất cả tướng bất tịnh là để đối trị dục. Đối với người dục hành thấy là sở đắc thì sẽ thủ lấy tướng. Bởi lẽ ấy nên nói tất cả các tướng bất tịnh đều thuộc vào 10 tướng bất tịnh.

Hỏi: Vì sao không khiến các tướng bất tịnh tăng trưởng ?

Đáp: Nếu có người muốn chán ghét lòng ham muốn, người ấy nên khiến khởi tướng về tự tính của thân. Vì sao ? Vì nếu có được tướng về tự tính của thân, thì nhờ đó mau sinh khởi chán ghét mà được tướng của sở duyên. Nếu khiến cho tướng bất tịnh tăng trưởng thì thân tướng lại bị loại trừ, tướng về tự tính của thân cũng không tồn tại, do đó không thể mau khởi được tâm chán ghét. Vì lẽ đó, không nên khiến tướng bất tịnh tăng trưởng.

Lại có thuyết cho rằng, người đã dứt ham muốn, muốn tu thành đại tâm, cần phải tăng trưởng tướng bất tịnh, như trong A-tỳ-đàm có nói: Người ly dục nhập Sơ thiền, trụ trong chính thụ về tướng tương sinh và khởi vô lượng sự.

Như Đại đức Tê Cầu Phụ (Singalapita) có nói kệ:

*Gia tài Phật, Tỳ-kheo,
Ở trong rừng đáng sợ,
Đã tu quán tưởng xương,
Khiến đầy khắp mặt đất,
Ta biết Tỳ-kheo ấy,
Sớm dứt được dục nhiễm.*

(Xong phần nói về 10 bất tịnh)

Hỏi: Thế nào là niệm Phật ? Tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Tu hành như thế nào ?

Đáp: Phật, là bậc được đời tôn trọng, tự nhiên không có thầy dạy mà chính giác chân lý đối với pháp chưa từng nghe, có thể biết tất cả, được sức tự tại, đó gọi là Phật.

Niệm Phật, là niệm Phật Thế Tôn, Chính biến tri, công đức đạo Bồ-đề.

Niệm phải theo sát niệm, niệm giữ niệm, không mất niệm căn, niệm lực, chính niệm, đó gọi là niệm Phật.

Tâm trụ không loạn là tu.

Khiến khởi công đức của Phật là tướng.

Cung kính là vị.

Làm tăng trưởng lòng tin là hành xứ.

Nếu tu hành niệm Phật thành tựu thì được 18 công đức:

1. Tín tăng trưởng.
2. Niệm tăng trưởng.
3. Tuệ tăng trưởng.
4. Cung kính tăng trưởng.
5. Công đức tăng trưởng.
6. Nhiều hoan hỷ.
7. Chịu được khổ hạnh.
8. Lìa sự sợ hãi.
9. Thụ ác pháp thì sinh hồ thẹn.
10. Thường ở cùng thầy.
11. Tâm ưa đất Phật.

12. Làm hướng về nẻo thiện.
13. Cứu cánh Nê-hoàn.
- (Sau đây nguyên văn thiếu:
14. Tham dục không khiến tăng trưởng.
15. Sân nhuế không khiến tăng trưởng.
16. Mê ngủ không khiến tăng trưởng.
17. Điệu hối không khiến tăng trưởng.
18. Nghi ngờ pháp không khiến tăng trưởng.)

Như trong Kinh Niết-đề-lí (Nitiri Sutta) có nói: Nếu có người muốn tu pháp niệm Phật, phải kính ngưỡng nơi có tượng Phật.

Tu hành như thế nào ?

Người mới học ngồi thiền đến nơi yên tĩnh, giữ tâm không loạn, đem tâm không loạn ấy mà niệm như vậy: Như Lai Thế Tôn, Ứng cúng, Chính biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Do tất cả các công đức đó đã đến được bờ kia.

Thế Tôn, là được thế gian khen ngợi, nên gọi là Thế Tôn.

Lại được diệu pháp, nên gọi là Thế Tôn.

Lại được cúng dường, nên gọi là Thế Tôn.

Đầy đủ phúc đức, nên gọi là Thế Tôn.

Là bậc giáo chủ, nên gọi là Thế Tôn.

Do các nhân duyên đó nên gọi là Thế Tôn.

Cũng do các nhân duyên đó thụ cúng dường, nên gọi là A-la-hán. Giết giặc phiền não, nên gọi là A-la-hán. Bẻ gãy bánh xe sinh tử, nên gọi là A-la-hán.

Chính biến tri, là Thế Tôn dùng tất cả các hành, chính giác tất cả các pháp, nên gọi là chính biến giác. Lại diệt được vô minh nên gọi là chính biến giác. Do độc tự giác ngộ vô thượng Bồ-đề, nên gọi là chính biến giác.

Minh hạnh túc, là minh túc 3 minh: 1. Túc mạng minh. 2. Chúng sinh sinh tử minh. 3. Lưu tận minh.

Thế Tôn dùng trí túc mạng minh đoạn dứt tất cả vô minh trong quá khứ, dùng trí sinh tử minh đoạn dứt tất cả vô minh trong tương lai, và trí lưu tận minh đoạn dứt tất cả vô minh trong hiện tại.

Vì Thế Tôn đã đoạn dứt vô minh trong quá khứ, cho nên người tu hành dùng tất cả hành, tất cả pháp quá khứ niệm Thế Tôn, Thế Tôn ứng niệm liền hiện.

Vì Thế Tôn đã đoạn dứt vô minh trong tương lai, cho nên người tu hành dùng tất cả hành, tất cả pháp vị lai niệm Thế Tôn, Thế Tôn ứng niệm liền hiện.

Vì Thế Tôn đã đoạn dứt vô minh trong hiện tại, cho nên người tu hành dùng tất cả hành, tất cả pháp hiện tại niệm Thế Tôn, Thế Tôn ứng niệm liền hiện.

Hạnh, là đầy đủ giới định. Giới, là đầy đủ tất cả thiện pháp, cũng gọi là minh.

Hạnh túc, là đầy đủ các thần thông, nên gọi là minh hạnh túc.

Túc, là đầy đủ tất cả định.

Như vậy, do nhất thiết trí, do 3 minh và do chính hạnh, Thế Tôn được đại từ bi, làm lợi ích cho cả thế gian, được sáng suốt tự tại. Do biết khắp tất cả, do luận đạo không ai thắng nổi, diệt xong các phiền não, chính hạnh thanh tịnh, đầy đủ sáng suốt, Thế Tôn làm con mắt của thế gian thực hiện lợi ích cho những nơi còn chưa được lợi ích.

Do đầy đủ các hạnh, làm nơi nương tựa cho thế gian, cứu hộ mọi sự sợ hãi, do mình giải thoát, đã được thông đạt đệ nhất nghĩa. Do chính hạnh tế độ làm nghĩa cho cả thế gian, Thế Tôn đối với tất cả mọi sự việc, tự nhiên không thầy dạy bảo, thực hành bình đẳng, được tịch tĩnh vô thượng.

Do Minh hạnh túc, Thế Tôn thành tựu đầy đủ minh và hành.

Thiện thế, là tới được nơi đường thiện, nên gọi là thiện thế. Đã đến cõi Nê-hoàn vô vi, không trở lại thế gian nên gọi là thiện thế.

Lại nữa, thuyết pháp không điên đảo, nên gọi là thiện thế.

Lại nữa thuyết pháp không tà vạy, nên gọi là thiện thế.

Lại nữa thuyết pháp không lỗi lầm, nên gọi là thiện thế.

Lại nữa thuyết pháp không nhiều cũng không ít, nên gọi là thiện thế.

Thế gian giải, là thế gian có 2 thứ: 1. Chúng sinh thế gian. 2. Hành thế gian.

Thế Tôn, qua tất cả các hành, biết rõ chúng sinh trên thế gian, biết các dục lạc, các căn cơ sai khác, do đời sống kiếp trước, do thiên nhãn, do từ khứ lai, do hoà hợp, do thành tựu, do các loài có thể giáo hóa, do các loài có thể hay không thể giáo hoá, do các đời, do các nẻo đường, do các địa vị, do các nghiệp, do các thứ phiền não, do các thứ quả báo, do các thứ thiện ác, do các thứ trói buộc cõi mờ... , do các hành như vậy Thế Tôn biết tất cả chúng sinh trong thế gian.

Lại nữa, hành thế gian, là Thế Tôn cũng biết do tất cả nghiệp, cũng biết do các hành, do định tướng, do tự tướng, nhân duyên, thiện, bất thiện, vô ký, do các âm, giới, nhập, do trí minh liễu, do vô thường, khổ, vô ngã, do sinh, không sinh ... các hành như vậy Thế Tôn đều biết hết tất cả các hành của thế gian. Đó gọi là Thế gian giải.

Vô thượng, là ở thế gian không gì trên nữa, gọi là vô thượng.

Lại nữa, không có ai sánh bằng.

Lại nữa, hơn cả không ai có thể so sánh, không ai vượt qua, nên gọi là vô thượng.

Điều ngự trượng phu, có 3 hạng người:

1. Nghe pháp liền ngộ.
2. Có thể thuyết về nhân duyên.
3. Có thể thuyết về túc mạng.

Thế Tôn thì nói rõ 8 con đường chân chính, con đường giải thoát điều phục chúng sinh, nên gọi là Điều ngự trượng phu.

Thiên nhân sư, là Thế Tôn hay độ thoát trời, người, qua khỏi cảnh sinh, già, chết, trong rừng sợ hãi, nên gọi là thầy của trời và người.

Lại nữa, còn dạy cho thấy con đường tư duy, nên gọi là thầy của trời và người.

Như vậy do môn này, do hành này, người ngò thiên phải niệm Như Lai.

Lại nữa, theo Đức Bản Sư, có 4 cách tu hành để niệm công đức của Thế Tôn:

1. Do truyện nhân duyên xưa.
2. Do khởi tự thân.
3. Do được được pháp thù thắng.
4. Do làm lợi ích cho chúng sinh.

Từ sở nguyện ban sơ cho đến đời sau cùng, trong khoảng giữa thời gian dài lâu 20 kiếp A-tăng-kì, hoặc 1 trăm ngàn ức năm, Thế Tôn trong vô số kiếp quá khứ đã quán thấy căn cơ chúng sinh, chính

niệm vào sở duyên các căn ban đầu, dùng tâm từ bi quán sát thế gian phát 4 thệ nguyện lớn:

1. Nếu ta đã được giải thoát, ta phải khiến chúng sinh được giải thoát.

2. Nếu ta đã được điều phục, ta phải khiến chúng sinh được điều phục.

3. Nếu ta được an định, ta phải khiến chúng sinh được an định.

4. Nếu ta được nhập Nê-hoàn, ta phải khiến chúng sinh được nhập Nê-hoàn.

Thế Tôn bất luận là bố thí, trì giới, xuất ly, nhẫn nhục, đế lý, thụ trì, từ, xả, tinh tiến, trí tuệ, tất cả các phương diện đều khiến tất cả được đầy đủ.

Để khiến tất cả đều được Bồ-đề, Thế Tôn có thuật lại sự tích lúc còn tu hạnh Bồ-tát, như từng sinh làm thân con chó thường tu hạnh bố thí. Qua sự tích sinh làm Khả hộ (Sarhkhapala), nên niệm trì giới. Qua sự tích trong Ma-ha Cù-tần-đà (Maha Govinda), nên niệm hạnh xuất ly. Qua sự tích sinh làm người nhẫn nhục (Khanti), thì niệm hạnh nhẫn nhục. Qua sự tích sinh làm Phổ Minh (Maha Sutasoma) thì niệm hạnh thật ngữ. Qua sự tích sinh làm người câm tàn tật thì niệm thụ trì. Qua sự tích sinh làm Đế-Thích (Sakkha), niệm hạnh từ bi. Qua sự tích sinh làm người hành xả (Lomahamsa) thì niệm hạnh xả. Qua sự tích sinh làm thương chủ, thì niệm hạnh tinh tiến. Qua sự tích sinh làm con chương, thì niệm hạnh trí tuệ. Qua sự tích sinh làm Trường thọ (Dighiti Kosala), thì niệm lời của người cha. Qua sự tích sinh làm con voi trắng sáu ngà, thì niệm sự cung kính đối với người tiên. Qua sự tích sinh làm con ngựa trắng thì niệm việc sang nước La-sát để cứu độ chúng sinh. Qua sự tích sinh làm con nai, thì niệm việc bỏ mạng mình để cứu mạng kẻ khác. Qua sự tích sinh làm con khi, thì niệm việc giải thoát cho một người đang bị đau khổ nặng nề. Lại

nữa, cũng niệm việc con khi thấy người sa xuống hố sâu, đem tâm từ cứu thoát, đem củ quả cho ăn, nhưng người kia lại đòi ăn thịt, nên bị người kia đập vào đầu, nhưng con khi cũng đem tâm từ bi thuyết pháp chỉ dẫn đường thiện cho người ấy.

Như vậy, qua các nguyện môn, nên niệm công đức bản sinh của Thế Tôn.

Thế nào là niệm công đức tự xả thân mình của Thế Tôn ?

Thế Tôn đã có các câu chuyện bản sinh đầy đủ như vậy. Ngay trong đời này, từ thuở thiếu thời, đã lìa tất cả tham đắm nơi cư trú, cha mẹ, vợ con, bạn bè, một mình đi đến nơi hoang vắng, để cầu Nê-hoàn vô vi tịch diệt. Tại nước Ma-già-đà, vượt qua sông Ni-liên-thiền, ngồi dưới cội Bồ-đề, hàng phục Ma vương và các quỷ binh. Vào khoảng đầu hôm, tự nhớ lại các kiếp trước. Vào khoảng nửa đêm, chứng được thiên nhãn. Đến cuối đêm, rõ khổ, đoạn tập, chứng Nê-hoàn giới, tu hành 8 chính đạo, được lậu tận, thành tựu Bồ-đề giác.

Thế Tôn đã khởi thân ra khỏi thế gian, trụ nơi thanh tịnh bậc nhất, dứt hết mọi phiền não. Như vậy, nên theo các hành môn đó mà niệm công đức của Thế Tôn đã khởi thân ra khỏi thế gian.

Thế nào là niệm công đức được pháp tối thắng của Thế Tôn ?

Là nên niệm Thế Tôn có tâm giải thoát, do 10 lực của Như Lai, 14 thứ trí tuệ của Phật, 18 pháp của Phật, và nhiều thiên pháp khác, đạt được giải thoát, thành tựu tự tại đến bờ kia. Do đó phải niệm công đức thắng pháp của Thế Tôn.

Thế nào là Thế Tôn thành tựu 10 lực ?

1. Như Lai biết rõ như thật chỗ đúng, chỗ sai.
2. Như Lai biết rõ như thật giới, nhân, quả báo, nhân duyên thiện nghiệp trong quá khứ, vị lai, hiện tại.

3. Như Lai biết đúng như thật tất cả mọi cảnh giới đầy đủ.
 4. Như Lai biết rõ như thật không phải 1 giới mà nhiều thứ giới khác nhau của thế gian.
 5. Như Lai biết rõ như thật các thứ dục lạc của chúng sinh.
 6. Như Lai biết rõ như thật các căn cơ sai khác của chúng sinh.
 7. Như Lai biết rõ như thật thiên giải thoát, định chính thụ, có phiền não, không có phiền não.
 8. Như Lai biết rõ như thật các kiếp trước.
 9. Như Lai biết như thật sự sống chết của chúng sinh.
 10. Như Lai biết rõ như thật sự tận diệt các lậu hoặc.
- Đó là 10 năng lực của Như Lai, Thế Tôn đã thành tựu.
Thế nào là Thế Tôn thành tựu 14 thứ trí tuệ của Phật ?
Mười bốn thứ trí tuệ Phật là:
1. Khổ trí.
 2. Tập trí.
 3. Diệt trí.
 4. Đạo trí.
 5. Trí phân biệt nghiã.
 6. Trí phân biệt pháp.
 7. Trí phân biệt lời nói.
 8. Trí phân biệt lạc thuyết.
 9. Trí hiểu biết các căn.
 10. Trí hiểu biết các dục lạc, các sử phiền não của chúng sinh.
 11. Trí song biến.

12. Trí đại từ bi định.

13. Nhất thiết trí.

14. Trí không chướng ngại.

Mười bốn trí của Phật đó, Thế Tôn đều thành tựu.

Thế nào là Thế Tôn thành tựu 18 pháp ?

Mười tám pháp chia thành 3 nhóm:

1. Với quá khứ, Phật trí không chướng ngại.
2. Với vị lai, Phật trí không chướng ngại.
3. Với hiện tại, Phật trí không chướng ngại.
4. Tùy theo Phật trí, khởi khắp thân nghiệp.
5. Tùy theo Phật trí, khởi khắp khẩu nghiệp.
6. Tùy theo Phật trí, khởi khắp ý nghiệp.

Do sáu pháp vừa kể, Thế Tôn thành tựu được:

1. Dục không thoái chuyển.
2. Tinh tiến không thoái chuyển.
3. Niệm không thoái chuyển.
4. Định không thoái chuyển.
5. Tuệ không thoái chuyển.
6. Giải thoát không thoái chuyển.

Do 12 pháp vừa kể, Thế Tôn thành tựu:

1. Không có việc khả nghi, tức không có việc gian dối.
2. Không có sự bịa đặt, tức không có việc gi vội vã.
3. Không gì không phân minh, tức biết không gì không tiếp xúc.
4. Không có việc gì gấp, tức không có việc gì phải gấp.

5. Không có chỗ ẩn khuất, tức không có tâm hành nào không nhớ biết.

6. Không gì không quán xả, tức không có quán nào không biết xả.

Như vậy, Thế Tôn thành tựu 18 Phật pháp.

Lại nữa, Thế Tôn lấy 4 vô úy, 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 6 thần thông, 7 Bồ-đề phần, 8 Thánh đạo phần, 8 trừ nhập, 8 giải thoát, 9 định theo thứ lớp, 10 nơi Thánh cư, 10 sức lậu tận v.v... các thứ thiện pháp khác nữa được thành tựu nên Thế Tôn đã tự tại đến bờ kia.

Như vậy, theo các hành môn đó mà niệm công đức Thế Tôn được các thắng pháp.

Thế nào là niệm công đức Thế Tôn làm lợi ích cho thế gian ?

Thế Tôn thành tựu tất cả hạnh, tất cả các công đức đến bờ kia, vì lòng từ bi thương chúng sinh nên chuyển Pháp luân mà thế gian không ai chuyển nổi.

Thế Tôn dùng pháp bí mật hộ trì tất cả chúng sinh, vì tất cả chúng sinh mở cửa Đề hồ hoàn toàn không phân biệt trong ngoài.

Thế Tôn đã làm cho vô lượng trời và người chúng được quả Sa-môn.

Thế Tôn đã khiến vô lượng chúng sinh được hưởng đầy đủ công đức.

Thế Tôn dùng 3 thứ biến hoá là thân biến, thuyết biến và giáo biến, khiến tất cả chúng sinh trên thế gian được nhập chính tín.

Thế Tôn đã hàng phục tà kiến, tà sư, chú thuật.

Thế Tôn đã lấp đường ác mở đường thiện, đã sinh lên cõi trời, được quả giải thoát.

Thế Tôn đã an lập Thanh Văn, đã trụ pháp Thanh Văn.

Thế Tôn đã chế giới luật, giảng dạy Ba-la-đề-mộc-xoa.

Thế Tôn đã được lợi dưỡng tốt, được Phật pháp tối thắng.

Thế Tôn đã được tự tại biến khắp thế gian.

Thế Tôn đã được tất cả chúng sinh cho đến trời, người đều cung kính, tôn trọng.

Thế Tôn đoạn dứt tất cả sự nghe biết, an trụ bất động.

Thế Tôn từ bi làm lợi ích cho thế gian. Tất cả những gì phải làm, Thế Tôn đều đã làm viên mãn.

Do đó, người ngồi thiền nên theo đó mà niệm Phật môn, niệm Phật hạnh, niệm theo các công đức mà Thế Tôn đã làm lợi ích thế gian. Người ngồi thiền dùng công đức đó mà niệm Phật môn, niệm Phật hạnh, lấy các công đức Thế Tôn đã làm lợi ích thế gian, hiện niệm Như Lai khiến tín tâm mình thành tựu.

Người ngồi thiền do tín tự tại, niệm tự tại thì tâm thường không loạn. Người ngồi thiền nếu tâm đã không loạn, thì diệt được 5 thứ triền cái, các thiền phần nhân đây sinh khởi, mà trụ trong thiền nội hành.

Hỏi: Vì sao niệm Phật làm khởi nội hành mà không phải an ?

Đáp: Công đức Phật, về Đệ nhất nghĩa là trí hành xứ thâm sâu. Với trí hành xứ thâm sâu của Đệ nhất nghĩa và vì vi tế nên tâm không được an.

Lại nữa, vì người ngồi thiền phải niệm rất nhiều công đức khác nhau của Thế Tôn, nên tâm duyên các thứ, theo đó tác ý cùng khởi lên, thành ra tâm không an, đó là hành xứ của tất cả thiền ngoại hành.

Hỏi: Nếu niệm nhiều công đức, tâm đã không là một, thì thiền ngoại hành không thành. Nếu chuyên nhất tâm, thiền ngoại hành có thể thành chăng ?

Đáp: Nếu niệm công đức của Như Lai và niệm Phật mà thành nhất tâm, thì không có lỗi. Lại nữa, có thuyết cho rằng, niệm Phật có thể khởi Tứ thiền.

(Xong phần niệm Phật)

Hỏi: Thế nào là niệm Pháp ? Niệm Pháp thì tu, tướng, vị, xứ thế nào ? Tu hành niệm Pháp như thế nào ?

Đáp: Pháp, là Nê-hoàn, và tu hành đến Nê-hoàn.

Thế nào là Nê-hoàn ?

Là diệt tất cả hành, xuất ly tất cả phiền não, diệt ái, không nhiễm, tịch diệt, đó gọi là Nê-hoàn.

Thế nào là tu hành đến Nê-hoàn ?

Là tu 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 chính đạo phần. Đó là tu hành đến Nê-hoàn. Niệm Pháp xuất ly công đức, thừa công đức, niệm tùy niệm, chính niệm. Đó gọi là niệm Pháp.

Tâm ấy trụ không loạn, là tu.

Khởi công đức của Pháp, là tướng.

Lựa chọn Pháp, là vị.

Hiểu rõ nghĩa, là hành xứ.

Niệm Pháp có công đức bằng với niệm Phật.

Tu niệm Pháp như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thâu giữ tất cả tâm ý, dùng tâm không loạn chính niệm vào Pháp như vậy: Pháp do Thế Tôn khéo giảng, bất cứ thời nào đều được hiện chứng, bất cứ thời nào đều có thể đến thấy Như Lai thừa, bất cứ thời nào đều có thể tương ứng với Như Lai thừa. Người trí tuệ thông qua hiện chứng có thể hoàn toàn hiểu rõ tất cả.

Pháp do Thế Tôn khéo giảng, là chỉ cho pháp trung đạo lia 2 bên cực đoan, nên gọi là khéo giảng.

Không mâu thuẫn, nên gọi là khéo giảng.

Không sai lầm, nên đủ 3 pháp thiện là đã khởi, đang khởi, sẽ khởi, nên gọi là khéo giảng.

Sung mãn thanh tịnh, nên gọi là khéo giảng.

Khiến hiện Nê-hoàn và tu hành đến Nê-hoàn, nên gọi là khéo giảng.

Hiện chứng, là tuân tự tu hành được vào đạo quả, gọi là hiện chứng.

Tác chứng Nê-hoàn và đạo quả, cũng gọi là hiện chứng.

Bất cứ thời nào, không đợi đến lúc khác mới chứng được đạo quả, gọi là hiện chứng.

Đến thấy, là hãy đến nơi ta, thấy thiện pháp của ta có tính dạy dỗ được kẻ khác, đó gọi là đến sẽ thấy.

Tương ưng với Như Lai thừa, là nếu người ưa thích tiếp thụ, hàng phục 5 triền cái, thành tựu nhập Đề hồ giới, gọi là tương ưng Như Lai thừa. Nhất tâm hướng về quả Sa-môn, cũng gọi là tương ưng Như Lai thừa.

Người trí tuệ thông qua hiện chứng có thể hoàn toàn hiểu rõ tất cả, có nghĩa là, người tiếp thụ hàng phục 5 triền cái, không theo lời dạy của kẻ khác, sẽ sinh khởi diệt trí, vô sinh trí, giải thoát trí, đó gọi là hiện chứng trí tuệ.

Lại nữa, người ngồi thiền còn thực hành các thứ niệm Pháp, như là mắt, là trí, là an lạc, là cửa dẫn tới Đề hồ thừa, là xuất ly, là phương tiện, là đến cõi tịch diệt, là đến Đề hồ,

Không có đọa lạc là Đề hồ, vô vi tịch diệt, hoàn toàn vi diệu, không phải là người tu hành theo sắc pháp hữu tướng thông thường

có thể tu hành được. Chỉ có người có diệu trí mới có thể lý giải trí đưa tới bờ kia, đó mới là là nơi nương tựa chân chính.

Người ngòi thiền tu hành theo pháp môn này, hiện niệm các công đức của Pháp, hiện niệm đến khi đạt được tín tâm của mình thành tựu, nhờ tín tâm mà trụ tâm không loạn, dùng tâm không loạn diệt các triền cái, khởi lên các thiền phần, thiền ngoại hành nhờ đó mà được an trụ.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần niệm Pháp)

Hỏi: Thế nào là niệm Tăng ? Niệm Tăng thì tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Tu hành niệm Tăng như thế nào ?

Đáp: Tăng, là Thánh tăng hoà hợp, gọi là Tăng. Dùng niệm sở duyên, tùy niệm, chính niệm hiện niệm công đức tu hành của Tăng, là niệm Tăng.

Niệm trụ vào Tăng không loạn là tu.

Niệm khởi công đức của Tăng là tướng.

Tâm cung kính là vị.

Công đức hoan hỷ hoà hợp là hành xứ.

Công đức của việc niệm Tăng bằng với công đức niệm Phật.

Tu hành niệm Tăng như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, thân giữ tất cả tâm ý tâm không loạn, dùng tâm không loạn khởi chính niệm như vậy:

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tu hành theo như vậy.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tu hành theo đúng như pháp.

Các Thánh chúng của Thế Tôn tu hành theo đúng pháp hoà hợp.

Nói các Thánh chúng của Thế Tôn, là nói tứ song bát bối, tức là 4 Thánh đạo và 4 Thánh quả.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn là những bậc xứng đáng được cung kính cúng dường, đáng được chấp tay vái lạy. Chúng Sa-môn của Thế Tôn là những bậc khéo tu hành tạo lập ruộng phúc vô thượng cho thế gian.

Như vậy, chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn khéo thuyết pháp, gọi là tu hành.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn làm lợi ích cho mình và cho người, gọi là tu hành.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn thực hành đến chỗ đầy đủ, gọi là tu hành.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn thực hành đầy đủ không oán, gọi là tu hành.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn thực hành trung đạo li nhị biên một cách đầy đủ, gọi là tu hành.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn li siểm nịnh, gọi là nhuyển thiện.

Chúng Sa-môn của Thế Tôn tùy tùng như Thế Tôn li thân miệng tà vạy xấu ác, gọi là nhuyển thiện.

Nói tùy tùng như, nghĩa là theo đúng như 8 Thánh đạo chân chính mà tu hành, nên gọi là tùy tùng như, tức là tu theo như vậy.

Lại nữa, như có nghĩa là nói đến Nê-hoàn, tùy tùng theo 8 chính đạo đó tu hành được Nê-hoàn, gọi là như tu hành.

Nói như tu hành, là tùy tùng như trí, tu hành 4 Thánh đế Thế Tôn thuyết giảng, gọi là như tu hành.

Nói tùy tùng hoà hợp, là chúng Sa-môn sống theo pháp hoà hợp đầy đủ, gọi là tùy tùng hòa hợp. Do tùy tùng làm sự nghiệp hoà hợp, nên thành tựu quả lớn, được công đức lớn. Tùy tùng như vậy gọi là tùy tùng hòa hợp.

Nói tứ song bát bối, là:

Trụ Tu-đà-hoàn đạo và trụ Tu-đà-hoàn quả là 1 cặp.

Trụ Tu-đà-hàm đạo và trụ Tu-đà-hàm quả là 1 cặp.

Trụ A-na-hàm đạo và trụ A-na-hàm quả là 1 cặp.

Trụ A-la-hán đạo và trụ A-la-hán quả là 1 cặp.

Đó gọi tứ song, tức trụ đạo và đạo quả. Bát bối, là 4 hướng và 4 quả.

Sa-môn, là từ nghe pháp mà thành tựu, gọi là Sa-môn.

Tăng, là chúng Thánh tăng hoà hợp.

Xứng đáng được thỉnh, được cúng dường, được bố thí, được cung kính, làm ruộng phúc vô thượng cho thế gian, có nghĩa là: Xứng đáng được thỉnh là có thể nhận lời thỉnh mời của kẻ khác. Xứng đáng được cúng dường là đối với người thí có thể làm thành quả lớn nên có thể nhận của cúng dường. Xứng đáng được bố thí, là nếu đối với người thí có thể được quả báo lớn. Đáng được cung kính, là có thể nhận được sự cung kính.

Vô thượng, là công đức rất nhiều gọi là vô thượng.

Ruộng phúc cho thế gian, là nơi chúng sinh tạo công đức, nên gọi là thế gian phúc điền.

Ngoài ra người ngời thiên còn thực hành các thứ niệm Tăng, như niệm Tăng là chúng tối thắng, là chúng chân thật, là Đề hồ.

Đề hồ là nói giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ.

Người ngồi thiền theo pháp môn tu hành này, hiện niệm công đức Tăng, cho đến khi tâm thành niệm tin, nhờ niệm tin ấy, mà tâm không loạn, rồi dùng tâm không loạn ấy mà diệt trừ các triền cái, khởi ngoại thiền thành tựu mà an trụ vào đó.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần niệm Tăng)

Hỏi: Thế nào là niệm giới ? Niệm giới thì tu, tướng, vị, công đức như thế nào ? Tu hành niệm giới như thế nào ?

Đáp: Đó là niệm công đức của sự trì giới thanh tịnh. Niệm ấy tùy niệm, chính niệm, là niệm giới.

Niệm giới trụ không loạn, gọi là tu.

Khiến khởi công đức của giới, là tướng.

Thấy lỗi lầm và lo sợ phạm lỗi, là vị.

Được hoan hỷ vì đã không có lỗi, là hành xứ.

Người tu niệm giới có thể được 12 công đức:

1. Biết tôn trọng thầy.
2. Biết tôn trọng Pháp.
3. Biết tôn trọng Tăng.
4. Biết tôn trọng giới học.
5. Biết tôn trọng sự cúng dường.
6. Biết tôn trọng sự không phóng túng.
7. Thường thấy và biết sợ các lỗi nhỏ nhặt.
8. Biết giữ mình.
9. Biết bảo hộ kẻ khác.
10. Biết lo sợ giải thoát thế giới này.

11. Biết lo sợ giải thoát thế giới khác.

12. Được nhiều hoan hỷ, thụ hưởng các công đức khả ái của giới.

Đó là công đức của niệm giới.

Tu hành niệm giới như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thâm nhiếp tất cả tâm ý, tâm không loạn niệm giới của chính mình, thấy không nghiêng lệch, không xuyên thủng, không có đốm, không bản, không tạp nhạp, tự tại, được bậc có trí tuệ khen ngợi, không chổ xúc chạm, khiến định khởi.

Nếu không nghiêng lệch thì không bị xuyên thủng. Nếu không bị xuyên thủng thì không nhiễm bản. Cũng giống như vậy, có thể biết được tất cả.

Lại nữa, nếu giới hạnh thanh tịnh viên mãn thì đó là trụ xứ của thiện pháp. Đó gọi là không nghiêng lệch, không xuyên thủng. Tự tính sở tác gặp được sự ngợi khen, đó gọi là không có đốm, không bản. Do đoạn ái dục, nên gọi là tự tại. Tu niệm giới hạnh, không phạm lỗi trở lại là chúng Thánh ưa thích, người trí tuệ ngợi khen. Là bỏ kiến chấp của giới cầm thủ, nên gọi là không chạm xúc. Thành tựu đến nơi không thoái chuyển, nên khiến định thành khởi.

Người ngồi thiền còn niệm các thứ giới khác.

Ngoài ra giới là niềm vui không lỗi lầm, đức tính của giới đáng quý trọng, như có của cải tự tại sử dụng.

Liên quan đến công đức của giới, như trước có nói rộng.

Người ngồi thiền theo pháp môn này tu hành, lấy các công đức đó mà niệm giới, hiện niệm cho đến khi lòng tin tăng thêm, do niềm tin ấy tâm trở nên không loạn, rồi dùng tâm không loạn mà diệt bỏ các triền cái, khởi lên các thiền phần của thiền ngoại hành mà an trú.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần niệm giới)

Hỏi: Thế nào là niệm thí ? Niệm thí thì tu, tướng, vị, công đức như thế nào ? Tu hành niệm thí như thế nào ?

Đáp: Thí là, vì lợi ích cho kẻ khác nên thích giúp ích cho kẻ khác, vì kẻ khác mà xả bỏ được tài vật của mình, đó gọi là thí.

Lấy niệm sở duyên, tùy niệm, chính niệm, hiện niệm công đức của thí, đó gọi là niệm thí.

Niệm ấy trụ không loạn, gọi là tu.

Khiến khởi lên công đức của thí, đó là tướng.

Không tích trữ là vị.

Không bỏn sẻn là hành xứ.

Nếu người tu hành niệm thí có thể thành tựu 10 công đức:

1. Được niềm vui.
2. Không bỏn sẻn.
3. Không tâm tham.
4. Vì nghĩ đến nhiều người.
5. Khéo lấy ý kẻ khác.
6. Không sợ nơi đông người.
7. Nhiều hoan hỷ.
8. Có tâm từ bi.
9. Hướng về nẻo thiện.
10. Hướng đến Đê hồ.

Tu hành thí như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thâu nhiếp tất cả tâm ý không loạn. Tâm không loạn chính niệm vào tự thân thí như vậy: Ta xả bỏ vật của ta là ta có lợi, ta khéo được lợi. Người đời bị xan tham cấu uế lôi kéo. Ta trụ tâm không xan tham cấu uế. Ta thường thí và thường ưa hành thí, thường cung cấp và thường phân phát rộng rãi.

Người ngồi thiền tu hành dùng pháp môn này, dùng hạnh này, dùng công đức này mà hiện niệm thí. Tâm ấy thành niềm tin, nhờ niềm tin ấy mà tâm thường không loạn, rồi dùng tâm không loạn tiêu diệt các triền cái, thiền phần thành khởi, an trụ thiền ngoại hành.

Ngoài ra giống như trước đã nói rộng.

(Xong phần niệm thí)

Hỏi: Thế nào là niệm thiên ? Niệm thiên thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Tu hành niệm thiên như thế nào ?

Đáp: Dựa theo công đức được sinh lên cõi trời mà niệm công đức của mình, dùng niệm sở duyên ấy tùy niệm, chính niệm hiện niệm công đức chính mình, đó gọi là niệm thiên.

Niệm đó trụ không loạn, là tu.

Khiến khởi lên công đức của tự thân dựa vào công đức sinh cõi trời, là tướng.

Lấy sự ái kính công đức sinh lên cõi trời, làm vị.

Lấy sự tin vào quả báo của công đức sinh cõi Trời, làm hành xứ.

Người tu hành niệm thiên có thể thành tựu 8 công đức:

1. Tín, giới, văn, thí, tuệ, 5 pháp tăng trưởng.
2. Được trời người kính yêu.
3. Được hoan hỷ phần chần khi nói đến quả báo công đức.
4. Tự trọng thân mình.

5. Được trời người quý trọng.
6. Niệm giới, niệm thí để nhập vào trong.
7. Hướng về nẻo thiện.
8. Hướng đến Đê hồ.

Tu hành niệm thiên như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thâm nhiếp tất cả tâm ý. Dùng tâm không loạn mà niệm thiên như vậy: Có 4 Thiên vương, có cõi Trời 33, có cõi Trời Diệm- ma, có cõi Trời Đâu-suất, có cõi Trời Hoá Lạc, có cõi Trời Tha Hoá Tự Tại, có cõi Trời Phạm Thân v.v... Có những thiên chúng sinh ra nơi đó, nếu lòng tin ta thành tựu cũng sẽ sinh lên các cõi kia. Như vậy, ngay sau khi tín thành tựu, thì giới, văn, thí, tuệ thành tựu sẽ sinh lên các cõi đó. Ngay sau khi tuệ thành tựu sẽ niệm tự thân mình, niệm tín, giới, văn, thí, tuệ của chư thiên.

Người ngồi thiền đó y theo pháp môn này tu hành, hiện niệm các công đức của chư thiên, cho đến khi lòng tin được thành tựu, đem lòng tin của mình mà trụ tâm không loạn, rồi dùng tâm không loạn mà đoạn diệt hết các triền cái, thiền phần nhân đây được khởi, thiền ngoại hành nhân đây thành tựu.

Hỏi: Vì sao niệm công đức của trời mà không niệm công đức của con người ?

Đáp: Công đức của chư thiên thắng diệu hơn, sinh ra nơi thắng diệu hơn, tâm ở nơi thắng diệu tu hành mà thành thắng diệu. Vì thế nên niệm công đức chư thiên, mà không niệm công đức con người.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần niệm thiên)

QUYỀN 6 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 7

Phẩm 8: HÀNH MÔN 4

Hỏi: Thế nào là niệm An-ban ? Niệm An-ban thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Tu hành như thế nào ?

Đáp: An là nhập. Ban là xuất. Niệm An-ban là quán niệm hơi thở ra vào. Nơi tướng ra vào đó tùy niệm, chính niệm, gọi là niệm An-ban.

Tâm trụ không loạn, là tu.

Khởi tướng An-ban, là tướng.

Xúc tư duy, là vị.

Đoạn giác, là hành xứ.

Công đức như thế nào ?

Người tu hành niệm An-ban được tịch tịch, thắng diệu, trang nghiêm, khả ái và tự có niềm vui. Nếu tâm khởi lên nhiều pháp bất thiện thì niệm trừ dứt, thân không lười biếng, mắt cũng không lười biếng, thân không loạn động, tâm không dao động, khiến viên mãn 4 niệm xứ, viên mãn 7 giác ý và viên mãn giải thoát. Được Thế tôn khen ngợi là nơi các Thánh trụ, là nơi các Phạm hạnh trụ, là nơi Như Lai thường an trụ.

Tu niệm hơi thở như thế nào ?

Người mới tập ngồi thiền đến nơi A-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh, ngồi kết già, thân ngay ngắn. Người ngồi thiền niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra:

Khi hơi thở ra dài, biết rõ ta thở ra dài.

Khi hơi thở vào dài, biết rõ ta thở vào dài.

Khi hơi thở vào ngắn, biết rõ ta thở vào ngắn.

Khi hơi thở ra ngắn, biết rõ ta thở ra ngắn.

Biết mừng, biết vui, biết các tâm hành và khiến diệt tâm hành, khiến tâm hoan hỷ, khiến tâm giáo hoá, khiến tâm được giải thoát, thấy vô thường, thấy không ham muốn, thấy diệt, thấy xuất ly. Cũng như vậy, biết hơi thở ra vào của ta. Cũng như vậy từ hơi thở ra vào của ta biết thấy sự xuất ly.

Nơi cái biết về xuất ly này, người học tập được an. Có nghĩa là người học tập buộc niệm, trụ nơi chót mũi, hoặc ở đầu môi, đó là nơi sở duyên của hơi thở ra vào. Người ngồi thiền lấy an niệm nơi đây, nơi hơi thở ra vào ở chót mũi hay đầu môi, dùng niệm quán xúc, hoặc hiện niệm khiến hơi thở vào, hiện niệm khiến hơi thở ra.

Khi hơi vào không tác ý, khi hơi ra cũng không tác ý. Hơi thở vào ra chạm xúc nơi chót mũi hay đầu môi, dùng quán niệm mà biết xúc. Hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, cũng như người cưa gỗ ngó theo cây cưa mà không khởi ý tưởng lưỡi cưa đang chạy tới lui. Cũng vậy, người ngồi thiền khi thở ra, thở vào, cũng không tác ý về hơi thở vào ra chạm xúc chót mũi đầu môi, mà dùng quán niệm biết hiện niệm hơi thở ra vào. Nếu người ngồi thiền tác ý hơi thở ra vào thì tâm loạn động. Nếu loạn động, thì thân giải đãi, tâm dao động, đó là một lỗi lầm.

Khi thở hơi thật dài, hoặc hơi thật ngắn, cũng không nên tác ý. Nếu cố ý thở thật dài, hoặc thở thật ngắn, thân cũng trở nên giải đãi và tâm thành dao động, đó cũng là một lỗi lầm. Do đó, đối với mỗi loại tướng của hơi thở, không nên để cho ý dính mắc vào. Nếu để dính mắc, tâm sẽ chạy theo các duyên khác mà trở nên loạn động. Nếu tâm loạn, thì thân và tâm đều thành giải đãi, dao động, sẽ tạo thành lỗi lầm vô biên. Hơi thở ra vào khởi lên, do xúc chạm vô biên nên có tướng như vậy tâm không loạn.

Khi tâm chậm lụt, hay nhanh nhạy, không nên khởi tinh tiến, vì khi chậm lụt mà khởi tinh tiến thì thân giải đãi, buồn ngủ, còn khi nhanh nhạy mà khởi tinh tiến, tâm thành xao động.

Nếu người ngồi thiền để cho tâm với sự giải đãi, buồn ngủ cùng khởi, hoặc với dao động cùng khởi, thì thân và tâm sẽ thành lười biếng, thành dao động, đó cũng là lỗi lầm.

Người ngồi thiền tâm thanh tịnh 9 phần nhỏ, hiện niệm hơi thở ra vào, tướng hơi thở ra vào sở duyên ấy nhân đó được khởi, đó gọi là tướng niệm hơi thở.

Nói tướng của nó là như lụa, như gấm chạm xúc vào thân tạo nên cảm xúc ưa thích, như làn gió mát thoảng trên thân, tạo nên cảm giác ưa thích. Hơi thở ra vào chạm vào chót mũi đầu môi cũng như vậy, lấy niệm khởi ý tưởng về gió, mà không lấy hình sắc tác tướng về gió, đó gọi là tướng của niệm hơi thở.

Nếu người ngồi thiền tu niệm nhiều, khiến tướng gió tăng trưởng, lan rộng khoảng giữa 2 chân mày, khắp trán, đầu, ở nhiều chỗ, từ đó khiến tăng trưởng đến toàn thân tràn đầy niềm an lạc, đó gọi là đầy đủ.

Lại nữa, có người ngồi thiền ngay buổi đầu tu tập niệm An-ban thấy những tướng kỳ lạ như khói, như sương mù, như bụi bặm, như kim chích, như kiến cắn, các màu sắc khác thường, những lúc như

vậy nếu người ngồi thiền không đủ sáng suốt để hiểu rõ các dị tướng đó mà có tư tưởng kỳ dị nổi lên thì thành điên đảo, không thể thành tựu tướng hơi thở ra vào. Nếu người ngồi thiền đủ sáng suốt hiểu rõ, không khởi tướng kỳ lạ, buộc niệm nơi hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, đem tất cả các tướng tác ý xuất ly thì các tướng kỳ dị tự tiêu diệt.

Người ngồi thiền từ niệm An-ban được tướng vi diệu, tâm không phóng dật. Người ngồi thiền buộc niệm vào hiện hơi thở vào, hơi thở ra, qua sở duyên niệm An-ban đó mà được tướng tự tại.

Người ngồi thiền nhờ tướng tự tại mà khởi ý muốn tu hành.

Người ngồi thiền do ý muốn tu được tự tại rồi, buộc niệm vào hơi thở vào, hơi thở ra, qua niệm An-ban sở duyên kia mà tâm hỷ thành khởi.

Người ngồi thiền đã được hỷ tự tại, và dục tự tại, buộc niệm vào hiện hơi thở vào, hiện hơi thở ra, qua niệm An-ban sở duyên kia mà tâm xả thành khởi.

Người ngồi thiền đã được xả tự tại, hỷ tự tại, dục tự tại, buộc niệm vào hiện hơi thở vào, hiện hơi thở ra, qua niệm An-ban sở duyên kia mà tâm không loạn.

Người ngồi thiền tâm đã không loạn thì các triền cái đều diệt, các phiền nhân đó được khởi.

Bấy giờ người ngồi thiền ấy đã được nhập vào 4 thiền định tịch diệt thù thắng.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

Lại nữa, Tiên Sư có dạy 4 pháp môn tu hành về niệm An-ban là: toán, tùy trực, an trí, và tùy quán.

Hỏi: Sao gọi là toán ?

Đáp: Người mới tập thiền đếm từ 1 đến 10, kể từ hơi thở ra đầu tiên cho đến hơi thở vào thứ 10, quá 10 không đếm.

Lại nữa có thuyết dạy chỉ đếm đến 5, quá 5 không đếm. Không được đếm nhầm, nếu nhầm ngưng đếm tiếp và trở lại hơi thở đầu.

Theo ra vào của hơi thở mà niệm trụ, gọi là toán tức là đếm.

Tùy trực là theo đuôi, có nghĩa là chuyên chú đếm theo hơi thở ra vào không gián đoạn, gọi là tùy trực.

An trí, là hoặc đặt tại chót mũi, hoặc ở đầu môi là điểm chạm xúc của hơi thở ra vào, tại nơi đó khởi tương gió khiến niệm trụ yên, gọi là an trí.

Tùy quán, là do xúc được tự tại, nên nơi đó khởi các pháp hỷ lạc nên phải tùy theo quán sát tướng ấy, đó gọi là tùy quán.

Phương pháp toán, tức đếm, là vì giác diệt, khiến được xuất ly giác.

Phương pháp tùy trực, tức theo đuôi, là diệt thô giác, nơi hơi thở ra vào, khiến niệm niệm không gián đoạn.

Phương pháp an trí, tức trụ yên, là dứt loạn tướng, khiến bất động.

Phương pháp tùy quán, tức quán sát theo, là thụ trì tướng là biết rõ thắng pháp.

Người ngồi thiền quán tướng hơi thở ra dài, hơi thở vào dài, hơi thở ra ngắn, hơi thở vào ngắn, cách học tập như vậy chẳng qua chỉ là phương tiện làm tăng trưởng và siêu việt tự tính. Đó gọi là trường tính là hiện trí. Thứ trí này là để hiện khởi sự không ngu si.

Hỏi: Thế nào là sự không ngu si ?

Đáp: Người mới tập ngồi thiền được thân tâm khinh an do niệm hơi thở ra vào hiện tác niệm trụ, bấy giờ hơi thở ra vào trở thành vi tế. Hơi thở ra vào vi tế nên không thể thủ. Bấy giờ người ngồi thiền nếu

thở hơi dài, thì tùy quán là hơi dài, cho đến khi tướng hơi thở khởi trụ. Khi tướng hơi thở đã khởi trụ, thì tự tính tương ưng tác ý, đó gọi là sự không ngu si.

Lại nữa, khi tâm tiêu hơi thở thì hơi thở ra vào có khi dài, có khi ngắn. Trong tình huống đó lại phải tinh tiến tu tập.

Lại nữa, người ngồi thiền, cần phải nơi tác sự của mình phải sinh khởi tướng rõ ràng, và phải thêm tinh tiến tu tập.

Người ngồi thiền tu niệm An-ban biết hơi thở ra vào của tất cả thân, của ta. Đó là 2 thứ hạnh để biết tất cả thân. Hai thứ hạnh đó là: 1. Không ngu si. 2. Sự nghiệp hạnh.

Hỏi: Thế nào là biết tất cả thân không ngu si ?

Đáp: Nếu người ngồi thiền niệm An-ban định, thân tâm xúc hỷ lạc tràn đầy. Do hỷ lạc xúc tràn đầy, nên tất cả thân thành không ngu si.

Hỏi: Làm thế nào lấy sự mà biết tất cả thân ?

Đáp: Buộc niệm nơi hơi thở ra vào, đó là nơi trụ lại của sắc thân và sự kiện hơi thở ra vào. Tâm và tâm số pháp gọi là thân và sắc thân cũng gọi là thân. Cho nên gọi là tất cả thân.

Người ngồi thiền lấy đó mà biết tất cả thân. Tuy nhiên có thân đó, nhưng không có chúng sinh, không có mạng sống.

Cái học như vậy gọi là 3 môn học:

1. Tăng thượng giới học.
2. Tăng thượng tâm học.
3. Tăng thượng tuệ học.

Như thật giới, là tăng thượng giới học.

Như thật định, là tăng thượng tâm học.

Như thật tuệ, là tăng thượng tuệ học.

Người ngồi thiền dùng 3 môn học đó vào đối tượng sở duyên lấy niệm tác ý mà tu tập. Tu tập nhiều lần cho thuần thục, là học tập.

Khiến thân hành này, khiến hơi thở ra vào của ta thành diệt, là học tập.

Thế nào là thân hành ?

Tu tập hơi thở ra vào là thân hành. Thân hình co duỗi, nhảy nhót lay động, là thân hành. Các thân hành như vậy hiện khiến tịch diệt.

Lại nữa, với các thân hành thô, thì khiến hơi thở ra vào làm cho tịch diệt. Lấy thân hành vi tế tu hành Sơ thiền.

Từ thân hành Sơ thiền đến thân hành vi tế hơn nữa, thì tu Đệ Nhị thiền.

Từ thân hành Đệ Nhị thiền càng vi tế hơn nữa, thì tu Đệ Tam thiền.

Từ thân hành Đệ Tam thiền khiến diệt hết các thân hành không còn sót, thì tu Đệ Tứ thiền.

Hỏi: Nếu người ngồi thiền diệt hết mọi thân hành còn lại của hơi thở vào ra, thì làm sao người ấy tu hành niệm An-ban được ?

Đáp: Vì khéo giữ tướng ban đầu nên khi diệt hơi thở ra vào, tướng ấy vẫn khởi được thành tướng tu hành. Bởi vì sao ? Vì biết hỷ và hơi thở ra vào của ta.

Người ngồi thiền đối với các thiền tướng, lấy biết hỷ làm sự.

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, khởi hỷ tại Đệ Nhị thiền. Cái hỷ sở duyên kia do 2 hành mà biết được hỷ và hơi thở ra vào của ta.

Hai hành đó tức là: Hành không ngu si, và Hành sự nghiệp.

Như vậy, khi nhập định, người ngồi thiền biết hỷ, vì quán mà không ngu si, vì đối trị, vì sự nghiệp hành mà thành biết lạc và hơi thở ra vào của ta.

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, nơi Đệ Tam thiền khởi lạc. Cái lạc sở duyên kia do 2 hành mà biết được lạc và hơi thở ra vào của ta. Hai hành đó tức là: Hành không ngu si, và Hành sự nghiệp.

Ngoài ra, như trước đã nói.

Biết tâm hành và hơi thở ra vào của ta, về mặt tu học mà nói thì tâm hành, tâm thụ, tâm tưởng hoàn toàn giống nhau. Người ngồi thiền nơi Đệ Tứ thiền khởi các tâm hành kia và do 2 hành mà biết tâm hành và hơi thở ra vào của ta. Hai hành đó tức là: Hành không ngu si, và Hành sự nghiệp.

Ngoài ra, như trước đã nói.

Khiến cho tâm hành được tịch diệt, ta thở vào, như vậy mà luyện tập. Nói tâm hành là nói đến thụ, tưởng nơi tâm hành còn thô, nay tu tập cho tâm hành thô đó trở nên được tịch diệt.

Ngoài ra như trước đã nói.

Để biết tâm, ta thở vào, cứ như vậy mà luyện tập. Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, tâm đó theo sự ra vào qua 2 hành mà biết được. Hai hành đó tức là: Hành không ngu si, và Hành sự nghiệp.

Ngoài ra, như trước đã nói.

Khiến tâm hoan hỷ, ta thở ra vào, và như thế mà luyện tập. Người ngồi thiền làm cho tâm hoan hỷ là nơi Đệ Nhị thiền, dùng hỷ khiến tâm phân chấn mà mà học tập.

Ngoài ra, như trước đã nói.

Khiến giáo hoá tâm, ta thở ra vào.

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, dùng niệm và tác ý lên tâm sở duyên khiến hơi thở ra vào an trụ và

khiến tâm chuyên nhất được giáo hoá phải học tập như thế nào cho tâm an trụ.

Khiến giải thoát tâm, ta thở ra vào.

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra. Nếu tâm lơ lửng thì phải tập như thế nào cho thoát khỏi sự giải đãi. Nếu tâm nhanh nhạy thì phải tập như thế nào cho thoát khỏi sự vọng động. Nếu tâm cao ngạo thì phải tập như thế nào cho thoát khỏi sự nhiễm trước. Nếu tâm hạ liệt thì phải tập làm sao cho thoát khỏi sự giận hờn. Nếu tâm ô uế thì phải tập làm sao cho thoát khỏi các tiêu phiền não.

Lại nữa, đối với sự mà nói, cần phải học tập làm sao khiến tâm không chấp đắm vào lạc.

Thường thấy vô thường, ta thở ra vào

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra biết mình tu tập hơi thở vào, hơi thở ra, và với việc hơi thở ra vào là tâm tâm số pháp để học tập thấy sự sinh diệt của tâm.

Thường thấy vô dục, ta thở vào, thở ra.

Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra biết pháp An-ban sở duyên kia là pháp vô thường, chỉ thấy pháp An-ban sở duyên kia vô dục mới có thể chứng đắc Nê-hoàn nên học tập niệm diệt hơi thở ra vào

Thường thấy tịch diệt, ta thở ra vào.

Người ngồi thiền biết pháp An-ban sở duyên kia là pháp vô thường, thấy như thật lỗi lầm, chỉ khiến sở duyên kia ta được diệt mới có thể chứng đắc Nê-hoàn, dùng kiến tịch diệt mà học tập.

Thường thấy xuất ly, ta thở ra vào.

Người ngồi thiền biết pháp An-ban sở duyên kia là pháp vô thường, thấy như thật lỗi lầm, với lỗi lầm sở duyên đó hiện khởi tâm

xả, an trú trong Nê-hoàn tịch diệt, khiến tâm an lạc, nên như vậy mà học tập.

Với 16 xứ này được nhập tịch tịch là rất vi diệu. Đó gọi là tất cả hành tịch tịch, tất cả phiền não đều xuất ly, diệt được sự tham ái, không còn ham muốn, được tịch diệt Nê-hoàn.

Trong 16 xứ này 12 xứ đầu thành tựu Sa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, thấy được vô thường, 4 xứ sau chỉ thành tựu Tỳ-bà-xá-na. Như vậy, lấy Sa-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na có thể biết.

Lại nữa, trong tất cả 16 xứ đó có thể chia thành 4 thứ. Đó là: 1. Tu. 2. Khiến khởi. 3. Quán chiếu đầy đủ. 4. Có khi thấy.

1. Người ngồi thiền hiện niệm hơi thở vào, hiện niệm hơi thở ra, đó gọi là tu.

2. Biết hơi thở ra vào dài ngắn khiến thân hành thành diệt, khiến tâm hành thành diệt, khiến tâm khởi hoan hỷ, khiến khởi tâm giáo hoá, khiến khởi tâm giải thoát tâm. Đó gọi là khiến khởi.

3. Biết tất cả thân, biết lạc, biết tâm hành, biết tâm. Đó gọi là quán đầy đủ.

4. Thường thấy vô thường 4 hành đầu tiên. Đó gọi là có khi thấy.

Lại nữa, người ngồi thiền tu là lấy bậc niệm An-ban mà thụ trì là tu.

Biết bậc tu thụ trì niệm An-ban là có giác có quán. Sở duyên có quán có quán là bậc có giác có quán, tức bậc Sơ thiền.

Biết hỷ là bậc Đệ Nhị thiền.

Biết lạc là bậc Đệ Tam thiền.

Biết tâm là bậc Đệ Tứ thiền.

Lại nữa, trong tất cả 16 xứ đó có thể chia thành 2 thứ là: tu và thành mãn.

Tu, là tên gọi của 16 pháp này duy nhất chỉ có tác dụng tu hành.

Thành mãn, là 16 pháp này tu hành không dứt gọi là thành mãn.

Tu là nhân gieo trồng công đức.

Thành mãn là khai hoa kết quả.

Trên đây nói xuất xứ các pháp hoàn toàn tương tự. Căn cứ các pháp trên tu hành niệm An-ban, có thể khiến 4 niệm xứ thành mãn.

Tu hành 4 niệm xứ có thể khiến thành mãn 7 Bồ-đề giác phần.

Tu hành 7 Bồ-đề giác phần có thể thành mãn minh giải thoát.

Hỏi: Làm sao tu niệm An-ban có thể khiến 4 niệm xứ được thành mãn ?

Đáp: Người ngồi thiền tu hành khi thở hơi thở ra vào dài, buộc niệm vào 4 chỗ là mũi miệng trán và đầu, đó là thân niệm xứ.

Chỗ bắt đầu biết được hỉ, lạc đó là thụ niệm xứ.

Khi biết tất cả xúc sinh khởi, đó là thụ niệm xứ.

Khi biết tâm không loạn, đó là tâm niệm xứ.

Khi thấy vô thường, đó là pháp niệm xứ.

Như vậy, tu niệm An-ban thì khiến thành mãn được 4 niệm xứ.

Hỏi: Thế nào là tu 4 niệm xứ có thể làm thành mãn được 7 Bồ-đề giác phần ?

Đáp: Người ngồi thiền khi tu niệm xứ, do niệm trụ được thành không ngu si. Đó gọi là niệm Bồ-đề giác phần.

Người ngồi thiền khi tu 4 niệm xứ, do niệm trụ biết lựa chọn khổ, vô thường. Đó gọi là trạch pháp Bồ-đề giác phần.

Người ngồi thiền khi tu 4 niệm xứ, do niệm trụ do hiện trạch pháp, tu hành tinh tiến không lơ lửng. Đó gọi là tinh tiến Bồ-đề giác phần.

Người ngồi thiền khi tu 4 niệm xứ, do niệm trụ, do tu hành tinh tiến khởi tâm hỷ, không phiền não. Đó gọi là hỷ Bồ-đề giác phần.

Người ngồi thiền khi tu 4 niệm xứ, do niệm trụ, do tâm hoan hỷ khiến thân tâm khinh an. Đó gọi là khinh an Bồ-đề giác phần.

Người ngồi thiền khi tu 4 niệm xứ, do niệm trụ, do tâm định thành xả. Đó gọi là xả Bồ-đề giác phần.

Như vậy là do tu 4 niệm xứ mà thành mãn 7 Bồ-đề giác phần.

Hỏi: Thế nào là tu 7 giác phần có thể thành mãn minh giải thoát ?

Đáp: Người ngồi thiền do tu nhiều 7 Bồ-đề giác phần, trong sát-na được đạo, được minh thành mãn, trong sát-na được quả, được giải thoát thành mãn.

Như vậy là tu 7 Bồ-đề giác phần khiến minh giải thoát thành mãn.

Hỏi: Tất cả các hành đều tùy theo bậc, mà có giác, không có giác, như vậy niệm An-ban cũng không ngoại lệ, vì sao niệm An-ban chỉ trừ giác mà không nói trừ các thứ khác ?

Đáp: Không phải nói theo nghĩa đó. Phải biết giác không trừ sẽ thành chướng ngại cho thiền, bởi thế nên phải trừ bỏ giác. Cho nên nói trừ giác là y nơi nghĩa này.

Vì sao gió là một cảm xúc ưa thích ? Vì gió làm tâm ưa thích, giống như giác, như vì giác mà biết tiếng nhạc của Càn-thát-bà và sinh chấp trước. Do đó phải đoạn giác.

Lại nữa, cũng như đi bộ trên bờ hồ, do tâm chuyên niệm mà thành an ổn, tâm không động. Cho nên nói niệm An-ban là để trừ bỏ giác.

(Xong phần niệm An-ban.)

Hỏi: Thế nào là niệm tử ? Niệm tử thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao tu ?

Đáp: Thọ mạng dứt, gọi là tử, tức là chết.

Niệm ấy trụ không loạn, là tu.

Thọ mạng mình dứt là tướng.

Chán ghét là vị.

Không khó khăn là hành xứ.

Về công đức, người tu hành niệm tử, được 10 thứ công đức:

1. Không phóng dật đối với pháp thượng thiện.
2. Chán ghét pháp bất thiện.
3. Đối với các thứ ăn mặc không nhận nhiều không tích trữ.
4. Tâm không bồn sồn.
5. Thấy thân thọ mạng.
6. Tâm không tham trước.
7. Các tướng vô thường, khổ, vô ngã, đều khiến thành mãn.
8. Hướng về nẻo thiện.
9. Hướng đến Đề hồ.
10. Khi lâm chung, tâm không mê mờ lầm lẫn.

Làm sao tu ?

Người ngòi thiền đến nơi yên tĩnh, thâm nhiếp tất cả tâm ý, dùng tâm không loạn, khởi chính niệm về sự sinh tử. Tất cả chúng sinh đều chết, ta cũng sẽ chết. Hướng đến cõi chết, chẳng qua là chắm dứt pháp chết.

Như trong Kinh Niết-đề-lí-ba-đà có nói: Nếu ai muốn quán niệm tử, nên quán người bị giết, thấy nhân duyên cái chết.

Niệm tử có 4 thứ:

1. Tương ứng với lo âu.

2. Tương ứng với kinh hãi.

3. Tương ứng với thờ ơ.

4. Tương ứng với trí tuệ.

Như tâm niệm khi mất đứa con yêu thương, là tương ứng với sự lo âu.

Như tâm niệm khi đứa con nhỏ của mình chết thành linh, là tương ứng với sự kinh hãi.

Như tâm niệm của người hành nghề thiêu xác chết, là tương ứng với sự thờ ơ.

Như tâm niệm thường quán thế gian tâm sinh chán ghét, là tương ứng với trí tuệ.

Người ngộ thiên không nên tu hành niệm tử tương ứng với lo âu, kinh hãi và thờ ơ.

Vì sao vậy ?

Vì các niệm ấy không diệt trừ được lỗi lầm. Chỉ có niệm tử tương ứng với trí tuệ mới có khả năng trừ được lỗi lầm mà thôi.

Chết có 3 thứ: 1. Đẳng tử. 2. Đoạn tử. 3. Niệm niệm tử.

Đẳng tử là cái chết thông thường của mọi chúng sinh.

Đoạn tử là nói các bậc A-la-hán đã đoạn diệt hết tất cả phiền não.

Niệm niệm tử là nói đến tất cả các hành đều diệt trong từng mỗi niệm.

Lại nữa, có 2 thứ chết: chết không đúng thời, và chết đúng thời. Như tự sát, hoặc bị giết, bị bệnh, hay không có nhân duyên gì rõ trước khi chết, đó gọi là chết không đúng thời. Khi thọ mạng đã hết, cho đến cảnh già lão, đó là chết đúng thời. Người ngộ thiên phải nên niệm tử về 2 thứ chết này.

Lại nữa, Tiên Sư có dạy 8 thứ hành pháp về tu hành niệm tử:

1. Do bị kẻ hung ác rượt đuổi mà tu hành niệm tử.
2. Do không có nhân duyên mà tu hành niệm tử.
3. Do bản thủ mà tu hành niệm tử.
4. Do thân nhiều lệ thuộc mà tu hành niệm tử.
5. Do thọ mạng bất lực mà tu hành niệm tử.
6. Do phân biệt từ xa xưa mà tu hành niệm tử.
7. Do vô tướng mà tu hành niệm tử.
8. Do sát-na mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do bị kẻ hung ác rượt đuổi mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Như bị kẻ hung ác theo sau vung đao dẫn đến chỗ hành hình, người sắp bị giết nghĩ rằng, ta sẽ chết lúc nào, ta bước tới từng bước rồi đến bước nào sẽ chết, ta đi cũng chết, ta dừng lại cũng chết, ta ngồi xuống cũng chết, ta nằm cũng phải chết. Người ngồi thiền nghĩ đến việc bị kẻ hung ác rượt đuổi như vậy mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do không có nhân duyên mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Là nói không có nhân duyên nào, không có phương tiện nào có thể làm cho đã sinh mà không chết. Như mặt trời, mặt trăng khi đã mọc lên rồi, thì không có nhân duyên hay phương tiện nào có thể làm cho chúng không lặn được. Như vậy là do không nhân duyên, mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do bản thủ mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Là chính niệm về các bậc vua chúa giàu của cải, xe cộ, quyền lực to tát, như Đại Thiện Kiến vương, Đỉnh sinh vương rồi cũng chết.

Lại nữa, các vị tiên nhân có đại thần thông, đại thần lực như Tỳ-sa-mật-đa, Xà-ma-đạt-lê, thân xuất ra nước lửa, rồi cũng chết.

Lại nữa, các Thanh Văn, có đại trí tuệ, có đại thần thông, có đại thân lực như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... rồi cũng chết.

Lại nữa, các bậc Duyên Giác, từ sinh ra không có thầy mà thành tựu tất cả công đức, rồi cũng chết.

Lại nữa, các bậc Như Lai, Ứng cúng, Chính giác vô lượng vô thượng, Minh hạnh cụ túc, công đức đến bờ kia, rồi cũng vào tử pháp. Huống chi là ta, với thọ mạng ngắn ngủi, lại không đi vào cõi chết sao ? So sánh với người trước như vậy mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do thân lệ thuộc nhiều, mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Do gió và đằm nhót hoà hợp mà thành tử pháp. Hoặc do các loài trùng hợp nhau, hoặc do ăn uống không điều độ mà vào tử pháp. Hoặc do rắn độc, rết, chuột cắn mà chết. Hoặc bị sư tử, hổ, báo mãnh thú v.v... mà chết. Hoặc bị người hay loài phi nhân giết mà chết. Thân này bị lệ thuộc nhiều như vậy, cho nên tu hành pháp niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do thọ mạng bất lực mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Thọ mạng bất lực vì 2 lẽ: 1. Vì nơi bất lực. 2. Vì nương tựa bất lực.

Sao gọi thân là nơi bất lực ? Là vì thân này không có tự tính, như cây chuối, như bọt nước, không có gì là chân thật, vì lìa xa chân thật, thành ra thọ mạng trở nên bất lực.

Sao gọi là thân này nương vào bất lực ? Vì ràng buộc vào hơi thở, vào 4 đại, vào ăn uống, vào 4 oai nghi, vào sự lạnh nóng. Như thế, làm cho thọ mạng thành bất lực.

Do nơi bất lực, nương tựa bất lực khiến thọ mạng bất lực. Do thọ mạng bất lực đó mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do phân biệt xa xưa, mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Từ xa xưa cho đến hiện tại, ai cũng sống không quá trăm năm rồi đều vào cõi chết. Đó gọi là phân biệt từ xa xưa mà tu hành niệm tử.

Lại nữa, nên tu niệm như vậy: Trong một ngày một đêm, không biết ta còn sống chăng, nên ngày đêm nghĩ đến giáo pháp của Thế tôn, ta được ơn đức rất lớn. Cũng như vậy một ngày, nửa ngày, hay trong một thời gian ngắn, thời gian một bữa ăn, nửa bữa ăn, hay 4, 5 miếng ăn, hoặc trong hơi thở vào liệu có thể thở ra chăng, hoặc khi thở ra liệu có thở vào chăng ? Đó là do nghĩ tưởng đến sự phân biệt mà tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do vô tướng mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Vì không có tướng, cũng không có báo hiệu thời điểm cái chết đến. Vì không có tướng nên tu hành niệm tử.

Hỏi: Thế nào là do sát-na mà tu hành niệm tử ?

Đáp: Bởi không kể quá khứ vị lai, chỉ kể hiện tại thì thọ mạng của chúng sinh chỉ trụ trong một niệm. Từ niệm đó không trụ niệm thứ hai. Tất cả chúng sinh, tâm diệt trong từng sát-na. Như trong A-tì-đàm nói: Nơi tâm quá khứ, không có đã sinh, không có sẽ sinh, không có đang sinh. Nơi tâm vị lai, không có đã sinh, không có đang sinh, không có sẽ sinh. Nơi tâm hiện tại, không có đã sinh, không có sẽ sinh, mà chỉ có đang sinh.

Lại nữa, như có kệ rằng:

*Thọ mạng và thân tính,
Khổ, vui, và sở hữu,
Tương ứng với một tâm,
Sinh khởi trong sát-na.
Ở vị lai, không sinh,
Ở hiện tại, có sinh.*

*Tâm dứt, thì mạng chết.
Đó là thọ mạng hết.*

Như vậy là do sát-na mà tu hành niệm tử.

Người ngồi thiền theo pháp môn này mà tu hành, hiện tu hành pháp niệm tử, sinh khởi chán ngán đối với mạng sống. Do chán ngán nên được tự tại. Do niệm được tự tại, nên thành tựu tâm không loạn. Dùng tâm không loạn đó diệt các triền cái, khởi các thiền phần, thành tựu được thiền ngoại hành.

Hỏi: Tưởng vô thường với niệm tử, khác nhau thế nào ?

Đáp: Sự sinh diệt của các ám gọi là tưởng vô thường. Niệm các căn hoại gọi là niệm tử. Tu tướng vô thường, tu tướng vô ngã, trừ được kiêu mạn. Tu niệm tử thì trụ nơi tướng vô thường và tướng khổ. Thọ mạng dứt và tâm diệt, đó là chỗ khác nhau.

(Xong phần niệm tử)

Hỏi: Thế nào là niệm thân ? Niệm thân thì tu, tướng, vị, công đức như thế nào ? Làm sao tu ?

Đáp: Tu niệm thân là niệm về thân tính, tức là bản tính của thân. Niệm đó tùy niệm, chính niệm, hiện niệm tu hành vào thân tính của chính mình, đó gọi là niệm thân.

Tâm trụ không loạn là tu.

Khiến khởi thân tính là tướng.

Thấy thân này không thật, là khởi.

Tu niệm thân được các công đức này: Nhờ tu niệm thân mà nhẫn nại, kham chịu sự sợ hãi, chịu đựng được sự nóng, lạnh v.v...

Người ngồi thiền tu hành niệm thân, do tướng vô thường, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng lỗi lầm, khiến các tướng này

được thành mãn, được tùy ý, khiến 4 thiền phân biệt rõ ràng, khiến các pháp tu hành đầy đủ, khiến hướng đến nẻo thiện, hướng đến Đê hò.

Làm sao tu hành niệm thân ?

Người ngồi thiền đến nơi yên tĩnh, thân nhiếp tất cả tâm ý, dùng tâm không loạn chỉ tu về thân tính

Thế nào là chỉ tu về thân tính ?

Chúng ta gọi thân, tức một tổ hợp tạo thành bởi 32 vật bất tịnh như sau: 1. Tóc. 2. Lông. 3. Móng. 4. Răng. 5. Da. 6. Thịt. 7. Gân. 8. Xương. 9. Tủy. 10. Não. 11. Gan. 12. Tim. 13. Lá lách. 14. Phổi. 15. Mật. 16. Dạ dày. 17. Mô màng. 18. Mỡ. 19. Màng não. 20. Ruột già. 21. Ruột non. 22. Phân. 23. Nước tiểu. 24. Mủ. 25. Máu. 26. Đàm. 27. Mồ hôi. 28. Nước dãi. 29. Nước mắt. 30. Nước mũi. 31. Nước bọt. 32. Chất nhầy.

Người ngồi thiền hiện niệm 32 hành đó bắt đầu từ dưới lên, rồi từ trên xuống, thường niệm thường quán:

Hay thay ! Do miệng thường nói bằng ngôn ngữ. Do tâm nên thường quán.

Hay thay ! Người ngồi thiền chỉ dùng tâm, giác biết bằng sắc, thường quán vào ngôn ngữ của miệng.

Những lúc ấy người ngồi thiền dùng 4 hành pháp:

1. Theo màu sắc.
2. Theo hành.
3. Theo hình.
4. Theo xứ.

Dùng phân biệt khởi tướng thô, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, khéo nắm giữ các tướng tương ứng ấy.

Người ngồi thiền như vậy dùng 3 thứ giác thành khởi :

1. Dùng sắc.
2. Dùng sự chán ghét.
3. Dùng hư không.

Người ngồi thiền nếu dùng sắc khởi tướng, người ấy phải tác ý làm sao khiến sắc nhất thiết nhập được tự tại.

Người ngồi thiền nếu dùng sự chán ghét khởi tướng, người ấy phải tác ý tướng tất cả bất tịnh.

Người ngồi thiền nếu dùng hư không khởi tướng, người ấy phải tác ý về cảnh giới.

Người ngồi thiền y theo nhất thiết nhập, tức sắc giác, mà tu hành thì có thể khởi Đệ Tứ thiền.

Người ngồi thiền y theo tướng bất tịnh, tức yếm giác mà tu hành thì có thể khởi Sơ thiền.

Người ngồi thiền y vào cảnh giới, tức không giác, mà tu hành thì có thể khởi thiền ngoại hành.

Như vậy nếu người nhiều giận hờn nên dùng sắc mà khởi tướng.

Người nhiều ham muốn nên lấy sự chán ghét mà khởi tướng.

Người có nhiều trí tuệ thì dùng cảnh giới mà khởi tướng.

Lại nữa, người nhiều giận hờn nên dùng sắc mà tác ý.

Người nhiều ham muốn nên lấy sự chán ghét mà tác ý.

Người trí tuệ thì theo các cảnh giới mà tác ý.

Lại nữa, niệm tự tính của thân còn có 13 hành pháp:

1. Theo giống.
2. Theo xứ.

3. Theo duyên.
4. Theo rỉ chảy.
5. Theo thứ tự hình thành.
6. Theo các loại trùng.
7. Theo an xứ.
8. Theo sự tụ lại.
9. Theo sự chán ghét.
10. Theo bất tịnh.
11. Theo xứ.
12. Theo sự không biết ơn.
13. Theo chỗ có giới hạn.

Hỏi: Thế nào là theo giống mà niệm thân tính ?

Đáp: Là như giống độc sinh ra cây thù du, Câu-sa, Đa-kỷ. Cũng như vậy, thân thể này sinh ra từ bất tịnh của cha mẹ, nên thân thể cũng bất tịnh.

Như vậy là theo giống mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo xứ mà niệm thân tính ?

Đáp: Là thân này không phải do hoa Uất-đa-la, hoa Câu-mâu-đà, hoa Phân-đà-lợi-ca sinh ra, mà do từ bụng mẹ sinh, nơi bất tịnh, hôi hám dồn ép nhau sinh ra, từ sinh thực 2 tạng sinh, từ 2 bên hông bọc bào thai quấn dựa vào xương sống. Những nơi không sạch đó tạo thành thân cũng không sạch. Như vậy là theo xứ mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo duyên mà niệm thân tính ?

Đáp: Là thân bất tịnh này không phải do vàng bạc, châu báu nuôi dưỡng mà lớn lên, cũng không do Chiên-đàn, Đa-già-la, trầm hương v.v... các duyên nuôi dưỡng. Thân này từ bụng mẹ sinh,

những thức mẹ ăn vào lẫn lộn cùng nước bọt nước dãi, thai mẹ sinh chất dịch làm một thứ thức ăn hôi hám chảy khắp nuôi lớn. Từ nơi như vậy sinh ra rồi ăn cơm, sữa, đậu, hòa lẫn nước dãi, nước bọt, mà được nuôi dưỡng. Thân này lớn lên giữa nơi bất tịnh, hôi hám ấy.

Như vậy là do theo duyên mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo rỉ chảy mà niệm thân tính ?

Đáp: Là thân này như một cái bịch da chứa đầy phân, nước tiểu. Do có nhiều lỗ nên chất bất tịnh rỉ chảy ra. Nơi thân này, thức ăn uống hoà lẫn nước mắt, nước mũi, nước bọt, phân, nước tiểu hôi hám đủ loại mà thành các thứ bất tịnh. Các thứ bất tịnh này do chín lỗ mà thoát ra ngoài.

Như vậy là theo sự rỉ chảy mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo thứ tự hình thành mà niệm thân tính ?

Đáp: Là thân này, từ nghiệp ban đầu tuần tự mà hình thành thân thể như sau:

Bảy ngày đầu tiên thành Ca-la-la.

Bảy ngày thứ 2 thành A-phù-đà.

Bảy ngày thứ 3 thành Ti-thi.

Bảy ngày thứ 4 thành A-á-na.

Bảy ngày thứ 5 thành 5 đốt xương.

Bảy ngày thứ 6 thành 4 đốt xương.

Bảy ngày thứ 7 lại sinh 4 đốt xương.

Bảy ngày thứ 8 lại sinh 28 đốt xương.

Bảy ngày thứ 9 và 7 ngày thứ 10 lại sinh xương sống.

Bảy ngày thứ 11 lại sinh 300 cái xương.

Bảy ngày thứ 12 lại sinh 800 đốt xương.

Bảy ngày thứ 13 lại sinh 900 gân.

Bảy ngày thứ 14 lại sinh 100 thớ thịt.

Bảy ngày thứ 15 lại sinh máu huyết.

Bảy ngày thứ 16 sinh các mô.

Bảy ngày thứ 17 sinh da.

Bảy ngày thứ 18 sinh màu da.

Bảy ngày thứ 19 do nghiệp sinh ra gió khắp châu thân.

Bảy ngày thứ 20 thành 9 lỗ.

Bảy ngày thứ 25 sinh 1 vạn 7 ngàn thớ thịt.

Bảy ngày thứ 26 thành thân hình.

Bảy ngày thứ 27 có sức lực.

Bảy ngày thứ 28 sinh 9 vạn 9 ngàn lỗ chân lông.

Bảy ngày thứ 29 hoàn thành đầy đủ tất cả thân phần.

Lại nữa, có thuyết cho rằng vào 7 ngày lần thứ 7, thai nhi đã có hình thể. Dựa vào xương sống của mẹ, ngồi xổm quay đầu xuống vào 7 ngày thứ 42, do nghiệp sinh ra gió chuyển 2 chân ngược lên, đầu chúc xuống sản môn, hướng về phía sản môn và sinh ra đời vào lúc đó, được tạm gọi là người.

Như vậy là do theo thứ tự hình thành mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào do theo loại trùng mà niệm thân tính ?

Đáp: Thân thể bị 8 vạn loại trùng gặm nhấm.

Ở tóc có trùng gọi là phát thiết.

Ở sọ có trùng gọi là nhĩ thũng.

Ở óc có trùng gọi là điên cuồng. Trùng điên cuồng có 4 loại:

1. Âu-câu-lâm-bà.
2. Thấp-bà-la.
3. Đà-la-ha.
4. Đà-a-thi-la.

Ở mắt có trùng gọi là thị nhãn.

Ở tai có trùng gọi là thị nhĩ.

Ở mũi có trùng gọi là thị ty, Trùng thị ty có 3 loại:

1. Lôu-khấu-mẫu-khả.
2. A-lâu-khấu.
3. Ma-na-lâu-mẫu-khả.

Ở lưỡi có trùng Vật-già.

Ở thiệt căn có trùng Mẫu-đản-đa.

Ở răng có trùng Cầu-bà.

Ở xỉ căn có trùng Ưu-bà-câu-bà.

Ở họng có trùng A-bà-li-ha.

Ở cổ, có 2 loại trùng:

1. Lỗ-ha-la.
2. Tì-lỗ-ha-la.

Ở lông có trùng thị mao.

Ở móng tay chân có trùng thị thảo.

Ở da có 2 loại trùng:

1. Đâu-na. 2
2. Đâu-nan-đa.

Ở niêm mạc có 2 loại trùng:

1. Tì-lam-bà.
2. Ma-ha Tì-lam-bà.

Ở thịt có 2 loại trùng:

1. A-la-bà.
2. La-bà.

Ở máu có 2 loại trùng:

1. Bà-la.
2. Bà-đa-la.

Ở gân có 4 loại trùng:

1. Lại-đa-lỗ.
2. Hỉ-đa-bà.
3. Bà-la-bà-đa-la.
4. La-na-bà-la-na.

Ở mạch có trùng Giá-lật-hiệp-na.

Ở mạch căn có 2 loại trùng:

1. Thi-bà-la.
2. Ưu-bà thi-bà-la.

Ở xương có 4 loại trùng:

1. Át-sĩ-tì-đà.
2. An-na-tì-đà,
3. Đãi-lí-đà-tì-đà.
4. Át-sĩ-căng-khả-la.

Ở tủy có 2 loại trùng:

1. Nhĩ-xã.

2. Nhĩ-xã-thi-la.

Ổ lá lách có 2 loại trùng:

1. Ni-la.

2. Ti-đa.

Ổ tim có 2 loại trùng:

1. Tử-tì-đa.

2. Ưu-bát-đa-tử-ti-đa.

Ổ tâm căn có 2 loại trùng:

1. Mãn-khả.

2. Thi-la.

Ổ lớp mỡ có 2 loại trùng:

1. Kha-la.

2. Kha-la thi-la.

Ổ bàng quang có 2 loại trùng:

1. Nhị-kha-la.

2. Ma-ha-kha-la.

Ổ bàng quang căn có 2 loại trùng:

1. Kha-la.

2. Kha-la-thi-la.

Ổ thai bào có 2 loại trùng:

1. Sa-bà-la.

2. Ma-ha sa-bà-la.

Ổ thai bào căn có 2 loại trùng:

1. Lại-đa.

2. Ma-ha-lại-đa.

Ở ruột non có 2 loại trùng:

1. Trửu-lại-đa.

2. Ma-ha-lại-đa.

Ở gốc ruột có 2 loại trùng:

1. Tử-ba.

2. Ma-ha-tử-ba.

Ở gốc ruột già có 2 loại trùng:

1. An-na-bà-ha.

2. Bác-quả-bà-ha.

Ở dạ dày có 4 loại trùng:

1. Ưu-thụ-kha.

2. Ưu-xã-bà.

3. Tri-xã-bà.

4. Tiên-thị-bà.

Ở thực tạng có 4 loại trùng:

1. Bà-ha-na.

2. Ma-ha Bà-ha-na.

3. Đà-na-bàn.

4. Phấn-na-mẫu-khả.

Ở mật có trùng Tất-đa-li-ha.

Ở nước bọt có trùng Tiêm-ha.

Ở mồ hôi có trùng Tỳ-đà-li-ha.

Ở chất mỡ có trùng Nhị-đà-li-ha.

Ở nước dãi có 2 loại trùng:

1. Tẩu-bà-ha-mẫu.
2. Xã-ma-khiết-đa.

Ở gốc nước dãi có 3 loại trùng:

1. Xứ-ha-mẫu-kha.
2. Đà-lỗ-ha-mẫu-kha.
3. Sa-na-mẫu-kha.

Có 5 loại trùng ở phía trước thân ăn thân trước, ở phía sau thân ăn thân sau, ở bên trái thân ăn thân bên trái, ở bên phải thân ăn thân bên phải. Đó là các loại có tên Chiên-đà, Tử-la, Thần-ha-tử-la, Bất-thâu-la, và các loại khác.

Ở 2 lỗ dưới có 3 loại trùng:

1. Câu-lâu-câu-la-duy-dụ.
2. Giá-la-dụ.
3. Hàn-đầu-ba-đà.

Như vậy là do theo các loại trùng, mà niệm về thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo an xứ mà niệm thân tính ?

Đáp: Nơi xương chân nối liền xương ống quyển. Xương ống quyển nối liền với xương đùi. Xương đùi nối liền với xương chậu. Xương chậu nối liền với xương sống. Xương sống nối liền với xương bả vai. Xương bả vai nối liền với xương tay. Xương tay nối liền với xương cổ. Xương cổ nối liền với xương đầu. Xương đầu nối liền với xương má. Xương má nối liền với xương răng. Như vậy thân này do sự an trụ giữa các xương được da bọc ngoài mà thành thân ô uế. Thân ô uế đó do hành nghiệp sinh ra, không phải do ai tạo nên được.

Như vậy là theo sự an trú mà tu hành niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo sự tụ họp mà niệm thân tính ?

Đáp: Là 9 chín mảnh xương đầu, 2 miếng xương má, 32 xương răng, 7 xương cổ, 14 xương sườn, 24 xương hông, 18 đốt xương sống, 2 xương chậu, 64 xương tay, 64 xương chân, 64 xương sụn nơi thịt.

Ba trăm xương đó, cùng với 8 trăm đốt xương, 9 trăm dây gân quần chằng chịt nhau. Lại có chín trăm thớ thịt, 1 vạn 7 ngàn thớ da, 8 trăm vạn sợi tóc, 9 vạn 9 ngàn sợi lông, 60 chỗ hở, 8 vạn loại trùng.

Mật, nước miếng và não, mỗi thứ nặng 1 Ba-lại-tha, theo tiếng nước Lương, là nặng bằng 4 lượng. Huyết thì nặng 1 A-tha, theo tiếng nước Lương là nặng bằng 3 đấu.

Tất cả những thứ đó, không thể tính kể bao nhiêu hình thức khác nhau, tụ họp lại chỉ là một đồng phân, nước tiểu, được gọi đó là thân.

Như vậy là theo sự tụ họp mà tu hành niệm về tự tính của thân.

Hỏi: Thế nào là theo sự chán ghét mà niệm thân tính ?

Đáp: Con người quý trọng sự thanh tịnh vào bậc nhất. Lại thích sự phục sức, dùng hương, hoa ướp vào mình, mặc y phục trang điểm, nằm ngòai trên giường nệm, chiếu chăn, gối, màn, trướng, thụ dụng thức ăn uống, cùng nơi cư trú. Ban đầu tâm sinh ái trọng, sau lại thành chán ghét.

Như vậy là do theo sự chán ghét mà tu hành niệm tự tính của thân.

Hỏi: Thế nào là theo sự không sạch mà niệm thân tính ?

Đáp: Khi quần áo, vật trang sức các loại ấy đã không sạch sẽ, có thể giặt giữ làm cho sạch. Vì sao vậy ? Vì bản tính chúng vốn

thanh tịnh. Nhưng với thân thể bất tịnh này, không thể làm cho sạch sẽ được.

Lại nữa, thân này dầu có xông ướp xúc hương thơm, tắm rửa bằng dầu thơm, cũng không khiến cho tinh khiết được. Vì sao vậy ? Vì tự tính của thân là bất tịnh.

Như vậy là lấy sự không thanh tịnh mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo xứ mà niệm về tự tính của thân ?

Đáp: Như hoa mọc trong hồ ao, tùy theo hồ ao mà sinh trưởng. Quả trĩ trong vườn cây, tùy theo vườn cây mà ra quả. Cũng như vậy, thân này tùy nơi các loại phiền não mà bệnh hoạn sinh ra. Như vậy, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau lưỡi, đau mình, đau đầu, đau miệng, đau răng, ho, hơi thở dòn dập, nóng, lạnh, đau bụng, đau tim, điên cuồng, bệnh phong, dịch tả, hủi lác, bثور cổ, ói máu, ghẻ lở, ung nhọt, hoa liễu, cảm lạnh, và các bệnh khác mà thân này mắc phải bao nhiêu thứ bệnh hoạn.

Như vậy là do theo xứ mà tu hành niệm về tự tính của thân.

Hỏi: Thế nào là theo sự không biết ơn niệm về thân tính ?

Đáp: Con người lo chăm sóc tắm thân, nào ăn ngon mặc đẹp, tắm rửa thoa dầu thơm, nằm ngòì trên giường êm nệm ấm. Thế mà thân này như một thứ cây độc, phản phúc không biết ơn, cứ hướng tới cái già, bệnh tật, và cái chết, coi đó như thể là bạn thân, chẳng biết ơn gì đối với kẻ chăm sóc nó.

Như vậy là theo sự không biết ơn mà niệm thân tính.

Hỏi: Thế nào là theo chỗ có giới hạn mà niệm thân tính ?

Đáp: Thân này có thể bị hoả thiêu, hoặc bị ăn thịt, hoặc bị phá hoại, hoặc bị hủy diệt. Thân này là vật có giới hạn.

Như vậy là theo chỗ có giới hạn mà tu hành niệm tự tính của thân. Người ngồi thiền theo pháp môn này, theo hành nghiệp này mà niệm tự tính của thân. Khi niệm đã tự tại, tuệ đã tự tại, thì tâm không loạn. Do tâm không loạn mà các triền cái tiêu diệt, các thiền phần khởi, tùy theo chỗ thích mà đạt được thắng định.

(Xong phần niệm thân)

Hỏi: Thế nào là niệm tịch tịch ? Niệm tịch tịch thì tu, tướng, vị, xứ, công đức như thế nào ? Làm sao tu ?

Đáp: Tịch tịch, là diệt sự loạn động của thân tâm. Đã dè bẹp, đoạn dứt nên gọi là tịch tịch. Hiện niệm tịch tịch, niệm ấy tùy niệm, chính niệm. Đó gọi là niệm tịch tịch.

Niệm trụ không loạn, là tu.

Làm khởi công đức bất động, là tướng.

Không điều hòa là vị.

Được giải thoát vi diệu, là xứ.

Về công đức của niệm tịch tịch, là nếu tu hành niệm tịch tịch sẽ được công đức như sau: ngủ được yên giấc, thức được an ổn, tâm yên tĩnh, các căn vắng lặng, tâm nguyện được đầy đủ, trở nên khả ái, biết hổ thẹn, thường được người quý trọng, hướng đến các nẻo thiện, hướng về Đê hồ.

Làm sao tu ?

Người ngồi thiền đến nơi yên tĩnh, thân nhiếp tất cả tâm ý, không khởi loạn tâm. Tì-kheo ngồi thiền, các căn tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, ưa thích một nơi yên tĩnh, tương ưng với tịch tĩnh mà an trụ. Tì-kheo ngồi thiền nơi thân, miệng, ý, dầu thấy dầu nghe đều giữ niệm vắng lặng, công đức vắng lặng.

Như Thế Tôn nói: Tì-kheo tu hành niệm tịch tịch giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ. Nếu có Tì-kheo sơ học nào được trông thấy Tì-kheo đó, thì ta nói người ấy sẽ được ơn đức lớn. Nếu Tì-kheo nào nghe đến vị Tì-kheo đó, thì ta nói người ấy sẽ được ơn đức lớn. Nếu Tì-kheo nào đến viếng vị Tỳ-kheo đó, thì ta nói người ấy sẽ được ơn đức lớn. Nếu Tì-kheo nào cúng dường vị Tỳ-kheo đó, niệm tưởng đến vị Tì-kheo đó, xuất gia tu theo vị Tì-kheo đó, thì ta nói người ấy sẽ được ơn đức lớn.

Vì sao vậy ? Vì các Tì-kheo ấy đã được nghe vị Tì-kheo đó nói chính pháp, được lia 2 sự náo động. Đó là lia náo động của thân và lia náo động của tâm.

Tì-kheo ngồi thiền khi được nhập Sơ thiền, dùng niệm tịch tịch diệt các triền cái.

Khi được nhập Đệ Nhị thiền, tùy niệm sở duyên Đệ Nhị thiền khiến diệt giác và quán.

Khi được nhập Đệ Tam thiền, tùy niệm sở duyên Đệ Tam thiền khiến hỷ diệt.

Khi được nhập Đệ Tứ thiền, tùy niệm sở duyên Đệ Tứ thiền khiến lạc diệt.

Khi được nhập niệm Hư không định, thì tướng về sắc, tướng gian dữ, và các tướng khác diệt.

Khi được nhập niệm Thức định, thì khiến tướng Hư không sở duyên kia diệt.

Khi được nhập niệm Vô sở hữu định, thì khiến tướng Thức nhập sở duyên kia diệt.

Khi được nhập niệm Phi tướng phi phi tướng định, thì khiến tướng Vô sở hữu sở duyên kia diệt.

Khi được nhập niệm Tướng thụ diệt định, thì tướng thụ sở duyên kia diệt.

Khi được nhập niệm quả Tu-đà-hoàn, thì kiến nhất xứ phiền não diệt.

Khi được nhập niệm quả Tu-đà-hàm, thì thô tham dục, thô sân hận, thô phiền não diệt.

Khi được nhập niệm quả A-na-hàm, thì vi tế phiền não, vi tế tham dục, vi tế sân nhuế diệt.

Khi được nhập niệm quả A-la-hán, thì tất cả phiền não sở duyên kia diệt.

Khi dùng niệm tịch tịch được nhập Nê-hoàn, thì tất cả đều diệt.

Người ngồi thiền y theo pháp môn này mà tu hành, chính niệm vào công đức tịch tịch, tâm sở duyên thành tín. Do lòng tín tự tại, niệm tự tại, khiến tâm không loạn. Do tâm không loạn, diệt các triền cái, thiền phần do đây được khởi, nhờ đó mà trụ được thiền ngoại hành.

(Xong phần niệm tịch tịch)

(Xong phần 10 niệm)

Dưới đây là những câu bổ sung cho phần tu tập 10 niệm:

Nếu niệm công đức các Phật quá khứ, vị lai, đó gọi là tu hành niệm Phật. Cũng vậy đối với niệm công đức các Duyên Giác.

Nếu niệm Thế Tôn khéo thuyết pháp, đó gọi là tu hành niệm Pháp.

Nếu niệm công đức tu hành của các Thanh Văn, đó gọi là tu hành niệm Tăng.

Niệm giới sở duyên, tức là tu hành niệm giới.

Niệm thí sở duyên, tức là tu hành niệm thí.

Nếu là mình thích mà niệm thí, người nhận là bậc có công đức, nên giữ tướng thụ nhận.

Nếu vật thí mà không đúng pháp thì cho dầu một nắm cơm cũng không được nhận.

Tu hành niệm thiên thành tựu được lòng tin. Tu hành niệm thiên có 5 pháp môn, người ngồi thiền nên tu niệm thiên.

(Xong phần các câu bổ sung)

QUYỂN 7 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 8

Phẩm 8: HÀNH MÔN 5

Hỏi: Thế nào là Từ vô lượng tâm ? Từ vô lượng tâm thì tu, tướng, vị, khởi và công đức như thế nào ? Làm sao tu hành từ vô lượng tâm ?

Đáp: Là như lòng thương của cha mẹ khi nhìn đứa con duy nhất của mình, khởi dậy lòng từ và tâm làm lợi ích cho con. Đem tâm như vậy đến với tất cả chúng sinh, gọi là từ. Giữ tâm từ ấy an trụ không loạn, là tu tâm từ. Khiến làm lợi ích, là tướng của tâm từ. Ái niệm là vị của tâm từ. Không giận là khởi của tâm từ.

Tu hành tâm từ được 11 công đức:

1. Ngủ yên giấc.
2. Thức an ổn.
3. Không thấy ác mộng.
4. Được người yêu mến.
5. Được phi nhân yêu mến.
6. Được chư thiên bảo hộ.
7. Không bị lửa, chát độc, đao, gây hại thân.

8. Khiến tâm chóng được định.

9. Sắc diện tươi vui.

10. Khi sắp chết không hôn mê.

11. Nếu chưa được thắng pháp, thì được sinh lên cõi trời Phạm Thế.

Làm sao tu hành từ vô lượng tâm ?

Người tu thiền muốn tu hành tâm từ, trước tiên quán lỗi lầm của sự hờn giận, quán công đức của sự nhẫn nhục và tâm phải thụ trì nhẫn nhục.

Thế nào là quán các lỗi lầm của sự giận hờn ?

Là nếu ai khởi giận hờn thì sự giận hờn thiêu đốt tâm từ, khiến tâm như bản. Do đó làm cho sắc mặt cau có, miệng nói lời thô ác, rồi quắc nhìn 4 phía, tay chộp đao, gậy, cơn giận sôi lên đến ói máu, đập phá đồ đạc, hủy hoại tài sản, đến nổi giết người hoặc tự sát.

Lại nữa, nếu ai thường ôm lòng uất hận, có thể đưa đến việc giết cha mẹ, giết A-la-hán, hoặc phá hoại Tăng đoàn, hoặc ác tâm làm thân Phật chảy máu. Đó là làm những việc đáng sợ, nên quán tưởng như vậy.

Lại nữa, nên quán như vậy: Ta mang danh là Thanh Văn mà không đoạn dứt tâm giận hờn, thật đáng hổ thẹn. Ta nhớ trong kinh có nói thí dụ cây cưa: Ta vui theo pháp thiện. Nếu ta để tâm giận hờn tăng trưởng thì thật đáng ghét, khác nào người muốn tắm mà lại vào nơi dơ dáy. Ta tự coi mình là người biết nghe nhiều mà còn chưa khắc phục được sự phẫn hận, thì sẽ bị khinh bạc chê bai, như chê cười thầy thuốc mà mắc bệnh thổ tả. Ta được thế gian quý trọng, nếu ta không trừ được tâm giận hờn, sẽ bị người khinh bỏ, như chiếc lọ đẹp bên trong chứa đầy đồ bất tịnh mà không che đậy. Nếu ai có trí tuệ mà khởi sân hận cũng giống như người cố ăn các món độc.

Vì sao vậy ? Vì do phần hận đáng chê bỏ đó mà tạo thành quả báo khổ. Như người bị rắn độc cắn, tự mình có thuốc giải độc mà không chịu uống, nên chỉ biết khổ mà không biết vui.

Cũng vậy, Ti-kheo nào khi giận hờn nổi lên mà không mau khắc phục, thì chỉ thấy khổ mà không thấy vui. Sao lại giữ tâm phần hận đáng sợ đó ?

Lại nữa, nên quán sự phần hận như vậy: Người giận hờn bị oan gia cười chê, bị xấu hổ với bạn. Dầu là người có thịnh đức nhưng vì phần hận vẫn bị người đời khinh dể. Dầu xưa nay được quý trọng nhưng vì phần hận mà đổi ra bị khinh dể. Dầu xưa nay được khen ngợi nay vì phần hận mà thành bị chê bai.

Sự phần hận khiến cầu vui lại thành khổ, muốn không động hoá ra loạn động, có mắt mà thành mù lòa, thông minh trở nên vô trí.

Do đó, hãy quán các lỗi lầm của sự phần hận như vậy.

Hỏi: Thế nào là quán công đức của sự nhẫn nhục ?

Đáp: Nhẫn nhục là sức mạnh, là áo giáp có thể hộ thân.

Nhẫn nhục có thể trừ sự giận hờn, là tiếng khen, được người trí khen ngợi.

Nhẫn nhục là niềm vui có thể khiến tin tâm không thoái chuyển.

Nhẫn nhục là người bảo vệ, có thể giữ gìn tất cả và khiến tất cả đầy đủ.

Nhẫn nhục là trí thông hiểu khiến quán thấy các nghĩa.

Cho nên nhẫn nhục còn gọi là khởi hổ thẹn.

Lại nữa, nên quán như thế này: Ta đã cạo đầu đi tu chỉ nên lấy sự nhẫn nhục làm điều mà ta yêu thích.

Ta đã nhận sự bố thí của cả nước, nên phải nhẫn nhục cho các thí chủ được quả báo lớn.

Ta mang hình dáng và phục sức của Thánh giả, thì sự nhẫn nhục của ta đây cũng là Thánh hạnh.

Ta có giận dữ thì khiến không còn giận dữ.

Ta mang danh là Thanh Văn, phải làm sao thật sự xứng đáng là Thanh Văn.

Đàn-việt bố thí ta, với lòng nhẫn nhục này ta sẽ làm cho thí chủ được quả báo lớn.

Ta có niềm tin, và sự nhẫn nhục chính là chỗ trụ của niềm tin đó.

Ta có trí tuệ, và sự nhẫn nhục chính là chỗ trụ của trí tuệ đó.

Nếu ta có độc hại của sự giận hờn, thì nhẫn nhục này là thuốc giải độc.

Như vậy, quán lỗi lầm của phần hận và công đức của nhẫn nhục, khiến tâm thụ trì nhẫn nhục. Khi có người mắng nhiếc ta phải nhẫn nhục. Ta phải dịu dàng không kiêu mạn.

Như vậy là người tu thiền hướng đến cái vui nhẫn nhục, tự làm lợi ích, đến nơi yên tĩnh, dùng tâm không loạn bắt đầu khiến ý nghĩ này đầy khắp toàn thân: Ta đã được vui cái tâm vui, trong tâm không còn khổ nữa.

Thế nào là ta không có oan gia, không giận dữ, vui xa lìa các phiền não huyên não, thành tựu tất cả công đức ?

Người tu thiền điều phục tâm mình, làm cho tâm nhuần nhuyễn đủ sức thụ trì. Nếu tâm đã nhuần nhuyễn đủ sức thụ trì rồi, từ đó mới nên khởi tu tâm từ, xem tất cả chúng sinh như chính thân mình.

Nếu người tu thiền tu hành tâm từ đối với tất cả chúng sinh, mới đầu không nên khởi tâm từ đối với kẻ thù oán, người dung, bọn ác nhân, những người không có công đức, người đã chết. Người tu thiền tu tâm từ nên bắt đầu khởi tâm đến những người được đời quý

trọng, người không bị khinh khi xấu hổ bị thương tổn, người làm lợi ích cho đời. Đối với những người ấy không khởi ý ganh ghét hay hờn giận. Chính những người ấy là nơi thích hợp cho người tu thiền bắt đầu tu tập tâm từ.

Trước tiên, người tu thiền nên nghĩ nhớ công đức của việc tạo lợi ích, công đức quý trọng. Người tu thiền như vậy do tính thành tựu, do sự khen ngợi thành tựu, do nghe thành tựu, do giới thành tựu, do định thành tựu, do tuệ thành tựu, mà thành tựu tâm từ vô lượng quý trọng của mình.

Như vậy, do bố thí, do ái ngữ, do lợi ích, do đồng sự thành tựu. Thành tựu này đã làm lợi ích cho tâm từ vô lượng của mình.

Như vậy, nhờ khéo niệm công đức quý trọng và công đức làm lợi ích của tâm từ vô lượng khiến sinh khởi tâm từ vô lượng đối với tất cả chúng sinh và thân hữu.

Người tu thiền đối với sở duyên những người ấy mà tu hành tâm từ vô lượng, làm việc lợi ích.

Người tu thiền, tâm thường giác quán những điều sau đây:

1. Nguyện không có tâm thù oán.
2. Nguyện không giận dữ.
3. Nguyện thành tựu an lạc.
4. Nguyện lià xa tất cả ồn ào náo nhiệt.
5. Nguyện thành tựu tất cả công đức.
6. Nguyện được thiện lợi.
7. Nguyện được khen ngợi.
8. Nguyện có đức tin.
9. Nguyện có niềm vui.
10. Nguyện giữ giới hạnh.
11. Nguyện được văn tuệ.

12. Nguyện hành bồ thí.
13. Nguyện được trí tuệ.
14. Nguyện được ngủ yên.
15. Nguyện thức được an ổn.
16. Nguyện không thấy ác mộng.
17. Nguyện được người kính mến.
18. Nguyện được phi nhân kính yêu.
19. Nguyện được chư thiên bảo hộ.
20. Nguyện lửa cháy, dao, gậy, chất độc không hại thân.
21. Nguyện sớm được định tâm.
22. Nguyện được sắc diện vui tươi.
23. Nguyện được sinh nơi trung tâm đất nước.
24. Nguyện được gặp người thiện.
25. Nguyện được thân thể trọn vẹn.
26. Nguyện không bệnh tật.
27. Nguyện được sống lâu.
28. Nguyện thường được an lạc.

Lại nữa, người tu thiền nên suy nghĩ về các pháp sở duyên bất thiện như sau: Nếu chưa sinh, nguyện chúng đừng sinh. Nếu đã sinh thì nguyện tiêu diệt.

Suy nghĩ về các pháp lành như sau: Nếu chưa sinh thì nguyện sinh, nếu đã sinh thì nguyện tăng trưởng.

Suy nghĩ về các pháp không khả ái như sau: Nếu chưa sinh, nguyện đừng sinh. Nếu đã sinh thì nguyện tiêu diệt.

Suy nghĩ về các pháp không khả ái như sau: Nếu chưa sinh thì nguyện sinh, nếu đã sinh thì nguyện tăng trưởng.

Theo các pháp sở duyên đó do tâm từ mà được tự tại. Người tu thiền, do tin mà giữ tâm niệm được tự tại, do giữ được tự tại khiến niệm trụ. Do niệm tự tại, giữ tự tại, tín tự tại mà tâm không loạn.

Người tu thiền hiện biết tâm không loạn, y theo pháp môn này tu hành, đối với chỗ sở duyên kia tu tâm từ vô lượng, đã tu rồi phải tu nhiều lần.

Người tu thiền hiện biết tâm không loạn, y theo pháp môn này tu hành, đối với người sở duyên kia tu tâm từ vô lượng, đã tu rồi phải tu nhiều lần.

Người tu thiền, cũng như vậy dùng tâm nhu nhuyễn, dùng tâm thụ trì, theo thứ lớp mà tu tâm từ hướng đến người thân yêu. Sau khi tu tâm từ đối với người thân yêu rồi, lần lượt đến người dung, đến kẻ thù oán, rồi đến tất cả chúng sinh. Như vậy, đem tất cả chúng sinh tưởng như chính bản thân mình, không phân biệt, không sót lọt.

Người tu thiền khi tu tâm từ vô lượng, nếu với người dung kẻ lạ mà tâm từ không sinh khởi, hoặc tạm thời không sinh khởi thì phải coi như một sự lầm lỗi đáng ghét. Sự lầm lỗi đáng ghét này làm cho ta thành bất thiện, không khả ái. Thường tự thức tỉnh rằng ta muốn được thiện pháp và tín tâm nên mới xuất gia. Ta phải y theo đức Bản Sư, khởi đại từ bi làm lợi ích cho chúng sinh, mà nay đối với người dung kẻ lạ còn chưa có tâm từ, hướng chi đối với kẻ oan gia. Nếu quán lỗi lầm chán ghét như vậy mà sự sân giận không diệt, người tu thiền tu tâm từ, không nên tinh tiến thêm, mà phải dùng các phương tiện khác giúp trừ bỏ được sự hờn giận.

Hỏi: Thế nào là phương tiện trừ bỏ giận hờn ?

Đáp: Đối với người mình coi là oan gia, người tu thiền nên nghĩ cho chu toàn, nghĩ đến công đức của người ấy, nghĩ đến nghiệp mình đã tạo, nghĩ đến làm sao giải thoát nợ nần, nghĩ đến thân tộc, tội lỗi của tự thân, không nên tác ý gây hiện nghiệp, tự tính các căn

là niệm diệt, biết niệm diệt nên phải quán không. Cho nên tiếp nhận phương tiện này.

Người kia dầu giận dữ, nhưng nếu có đến hỏi xin điều gì cũng nên tùy nghi thí cho. Hoặc nếu người kia có cho mình thứ gì cũng nên tùy nghi nhận lấy, thường cùng nhau nói năng hòa hảo. Người kia có làm việc gì, mình cũng thuận theo. Giao tiếp như vậy thì sự hờn giận cũng sẽ hết.

Về công đức, nếu thấy người kia có công đức gì, người tu thiền phải nghĩ đến công đức đó, chớ cho là phi công đức. Như nước có bèo, cứ vớt bèo mà mức nước. Nếu người kia thật sự không có công đức, thì nên khởi tâm từ, thương cho y là kẻ không công đức sẽ đến các nẻo dữ.

Về ơn, nên nghĩ đến ơn của người ấy. Nếu người ấy không ái kính, nên khiến cho y nghĩ đến ơn. Nếu người ấy đã làm điều không ái kính, thì nên khiến y tạo công đức.

Lại nữa, đã khiến diệt bất thiện, tức hướng đến nẻo thiện. Như vậy có thể biết là oán trở thành ơn.

Về tự nghiệp đã làm, là người nào đã tạo điều ác, thì chính tự thân người ấy là nơi sinh khởi sự sân giận. Ác nghiệp sẽ sinh ra nơi người ấy.

Quán về sự giải thoát nợ nần, là nếu có người mắng nhiếc ta, làm hại ta, đó là do nghiệp trước, người kia giải thoát nợ cũ cho ta. Ta nay đã chứng nên quán như thế mà hoan hỷ.

Suy nghĩ về thân tộc, là trong sinh tử nối tiếp nhau tất cả chúng sinh đều là họ hàng thân tộc của ta. Nhớ như vậy khiến khởi tưởng về thân tộc.

Về tội lỗi của tự thân, nên quán tội lỗi là ta làm, giận dữ do ta mà sinh. Tội lỗi này, sự giận dữ này làm cho ta không được công đức. Nhớ như vậy khiến khởi tưởng biết về tội lỗi chính mình.

Về không tác ý, không tác ý là tướng của sự không giận hờn. Cũng như người không muốn nhìn đến sắc không vừa ý thì nhắm mắt lại.

Về khổ, ở đây nói khổ tức là tự làm khổ mình. Đối với người tu hành không nên tạo thành chướng ngại. Nên khiến khởi tướng như thế nào ? Như người ngu do dùng tâm không đúng, nhớ nghĩ những cái khổ chính mình làm do đó sinh khổ tâm. Chỉ cần nhận thức đúng đắn mà quán tưởng có thể biết rõ. Nơi đang có kẻ thù oán ở, nên tránh xa, tìm nơi nào không nghe, không thấy mà ở.

Về tự tính của các căn, là các căn thường hay thủ lấy các cảnh giới khả ái và không khả ái. Đó là nguyên nhân gây nên sự sân giận, vì không ức niệm đúng đắn. Chỉ cần nhận thức quán tưởng như vậy là có thể hiểu rõ.

Về niệm diệt, là người ấy khổ vì sinh ra, nên người ấy chịu khổ. Tất cả pháp này trong tâm diệt từng sát-na, tại sao với chỗ không phải sân giận kia, mà ta lại nổi giận ? Nên quán tưởng như vậy.

Về hòa hợp, nếu tâm trong ngoài không nhất trí, không hoà hợp, do đó khổ sẽ sinh khởi, tâm ta ở nơi nhất trí, ở nơi hòa hợp, do đó tâm giận dữ không nên sinh khởi. Nên nhận thức và quán tưởng như vậy.

Về quán không, là khi người nào gây nghiệp khổ, thì người ấy chịu khổ. Nhưng theo đệ nhất nghĩa về không, thì điều đó không thể được, vì thân này do nhân duyên sinh, không có chúng sinh, không có ngã, cũng không do giới tụ mà thành. Nên nhận thức và quán tưởng như vậy.

Cho nên Thế Tôn có nói kệ như sau:

*Ở trong làng trong rừng,
Thường chạm phải khổ vui.*

*Không người không mình quấy,
Do phiền não mà ra.
Nếu tâm không phiền não,
Thì ai quấy được ta ?*

Người tu thiền đó đã diệt trừ sân giận như vậy, hiểu rõ các phương tiện, đối với bạn bè, người dung, oan gia, đã phân biệt tu tướng tâm từ vô lượng, đã được tự tại. Sau khi tâm được tự tại tiếp theo thứ lớp mà khởi tướng tâm từ:

Quán tướng tu hành tự tại trong chúng Tì-kheo.

Quán tướng tu hành tự tại trong Tăng chúng.

Quán tướng tu hành tự tại trong chư thiên, nhân.

Quán tướng tu hành tự tại trong tất cả chúng sinh..

Quán tướng tu hành tự tại trong ngoài làng xóm, làng này đến làng khác, nước này đến nước khác. Rồi kế tiếp quán tướng dùng tâm từ quán tướng đến một phương. Sau khi viên mãn rồi tiếp tục quán tướng đến phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Sau đến 4 phương bàng và trên dưới, đem tâm từ phát tán đến tất cả chúng sinh.

Trong tất cả thế gian, quán tâm từ vô cùng rộng lớn, không oán, không giận, người ngòai thiền nên làm viên mãn tâm từ.

Người tu thiền tu hành quán tâm từ như vậy, dùng 3 thứ tâm để cho thiền từ an trụ, bao quát tất cả chúng sinh, bao quát tất cả thôn làng, bao quát tất cả các phương hướng.

Người tu thiền như vậy, dùng quán tướng 1 chúng sinh khiến thiền từ an trụ, rồi như vậy quán tướng đến 2, 3 chúng sinh, cho đến nhiều chúng sinh khiến thiền từ an trụ.

Người tu thiền như vậy, dùng quán tướng chúng sinh 1 thôn làng khiến thiền từ an trụ, và cũng như vậy dùng quán tướng chúng

sinh 2, 3 thôn làng cho đến chúng sinh nhiều thôn làng khiến thiên từ an trụ.

Người tu thiên như vậy, dùng quán tưởng chúng sinh 1 phương hướng khiến thiên từ an trụ, và cũng như vậy dùng quán tưởng chúng sinh 2, 3, 4 phương cho đến 4 phương bàng và phương trên phương dưới khiến thiên từ an trụ.

Như vậy, nếu dựa vào 1 chúng sinh tu tâm từ, nếu chúng sinh đó chết, thì đối tượng để tu hành tâm từ bị mất, mất thì không thể khởi tâm từ được. Cho nên, tu tâm từ phải mở rộng, bấy giờ sự tu hành mới thành diệu dụng, được quả báo lớn, được công đức lớn.

Hỏi: Từ là gì ? Căn, xứ, sự đầy đủ không đầy đủ, đối tượng của từ là gì ?

Đáp: Tâm từ lấy không tham làm căn, lấy không sân làm căn, lấy không si làm căn, lấy dục làm căn, lấy tác ý chân chính làm căn của tâm từ.

Khởi như thế nào ? Là các căn đó khiến căn của tâm từ sinh khởi.

Sao gọi là đầy đủ ? Là nếu tu hành tâm từ thành tựu, diệt trừ sân giận, trừ sự yêu thích việc bất thiện, khiến 3 nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Đó là đầy đủ.

Sao gọi là tu tâm từ chưa đầy đủ ? Là do 2 nhân làm mất tâm từ là còn giận hờn người thân, và còn ưa thích điều bất thiện. Vì đối trị mà sinh oán, vì khởi sân giận nên đó gọi là tâm từ chưa đầy đủ.

Đối tượng của tâm từ là chúng sinh. Lấy chúng sinh làm đối tượng.

Hỏi: Nói thế không đúng. Theo đệ nhất nghĩa thì chúng sinh là không thể có được. Vậy làm sao có thể lấy chúng sinh làm đối tượng cho tâm từ ?

Đáp: Vì y theo chủng loại các căn mà tạm gọi là thể gian chúng sinh. Bây giờ Bồ-tát Ma-ha-tát tu tâm từ trải khắp tất cả chúng sinh đầy đủ 10 Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao như vậy ?

Đáp: Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích nhiếp thụ chúng sinh, bố thí sự không lo sợ, như vậy thành tựu đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, thành tựu sự không não hại, sự không mất công dụng của pháp, như cha đối với con, như vậy thành tựu đầy đủ Giới Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, thành tựu ý không tham, lìa bỏ việc không lợi ích, hướng đến thiền, hướng đến sự xuất gia, như vậy thành tựu đầy đủ Xuất ly Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, thành tựu nhiều tư duy về lợi ích, không lợi ích, nói đúng nghĩa rõ ràng các phương tiện trừ ác được thiện, như vậy thành tựu đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, giữ tinh tiến không bỏ, tất cả mọi thời đều kiên trì tinh tiến, như vậy thành tựu đầy đủ Tinh tiến Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, nhận chịu lời thô ác mắng nhiếc của chúng sinh mà không uất giận, như vậy thành tựu đầy đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, vì chúng sinh mà dùng lời chân thật nói sự thật, an trú nơi sự thật, giữ gìn sự thật, như vậy thành tựu đầy đủ Thật đế Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, vì chúng sinh cho đến mất thân mạng cũng không bỏ thế nguyện, thụ trì vững chắc, như vậy thành tựu đầy đủ Thụ trì Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh, xem tất cả chúng sinh như bản thân mình, như vậy là thành tựu đầy đủ Từ Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát trải tâm từ đến tất cả chúng sinh, bình đẳng xem người thân, người dung, kẻ thù đều như nhau, tâm lià hờn giận yêu thương, như vậy là thành tựu đầy đủ Xả Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tâm từ như vậy thành tựu viên mãn 10 Ba-la-mật, khiến cho 4 sự thụ trì tâm từ được thành tựu.

Bốn pháp thụ trì là:

1. Đế thụ trì.
2. Thí thụ trì.
3. Tịch tịch thụ trì.
4. Tuệ thụ trì.

Bồ-tát Ma-ha-tát lấy Đế Ba-la-mật, Thụ trì Ba-la-mật, Tinh tiến Ba-la-mật làm cho Đế thụ trì viên mãn.

Bồ-tát Ma-ha-tát lấy Thí Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Xuất ly Ba-la-mật làm cho Thí thụ trì viên mãn.

Bồ-tát Ma-ha-tát lấy Nhẫn nhục Ba-la-mật, Từ Ba-la-mật, Xả Ba-la-mật làm cho Tịch tịch thụ trì viên mãn.

Bồ-tát Ma-ha-tát lấy Tuệ Ba-la-mật làm cho Tuệ thụ trì viên mãn.

Như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát đã tu tâm từ đầy khắp, đầy đủ 10 Ba-la-mật, đầy đủ 4 Thụ trì, sẽ làm cho 2 pháp được viên mãn. Đó là pháp Xa-ma-tha và pháp Tì-bà-xá-na.

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát, với Đế thụ trì, Thí thụ trì, Tịch tịch thụ trì làm viên mãn Xa-ma-tha, với Tuệ thụ trì làm viên mãn Tì-bà-xá-na.

Do đầy đủ Xa-ma-tha mà thành tựu được tất cả thiền, giải thoát, định, chính thụ, khiến khởi song biến định và đại bi định.

Do đầy đủ Tì-bà-xá-na mà thành tựu được tất cả thần thông, có sức biện luận không sợ sệt, khiến khởi tự nhiên trí và nhất thiết trí.

Như vậy là Bồ-tát Ma-ha-tát theo thứ tự tu hành tâm từ khiến thành tựu Phật Địa.

(Xong phần nói về Từ vô lượng tâm)

Hỏi: Thế nào là Bi vô lượng tâm ? Bi vô lượng tâm thì tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao tu ?

Đáp: Như cha mẹ có đứa con một, lòng thương con, thấy con khổ, tâm khởi buồn rầu đau khổ. Cũng như vậy, đối với tất cả chúng sinh khởi lòng từ thương yêu, đó gọi là Bi vô lượng tâm.

Tâm trụ không loạn là tu. Không để cho sự không lợi ích xảy ra, đó là tướng. Niềm vui là vị. Không làm tổn hại là khởi. Tâm bi có đồng các công đức như tâm từ.

Tu hành tâm bi như thế nào ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, thâm nhiếp tất cả tâm ý, dùng tâm không loạn thấy chúng sinh sở duyên kia bệnh tật, già yếu, nghèo khổ, thấy, nghe các tướng khổ như vậy thì tự hỏi phải dùng phương tiện gì giúp chúng giải thoát khỏi khổ.

Lại nữa, khi thấy chúng sinh điên đảo, hoặc bị phiền não trói buộc vào vô minh, hoặc người có công đức mà không chịu tu học, thấy, nghe như vậy thì khởi ý nghĩ rằng các chúng sinh ấy đang bị khổ sẽ sinh vào nẻo dữ, làm sao có phương tiện giúp chúng giải thoát khỏi khổ.

Lại nữa, nếu thấy chúng sinh theo pháp bất thiện và không theo pháp thiện, theo pháp không khả ái mà không theo pháp khả ái, thấy nghe các tướng khổ như vậy thì khởi ý nghĩ rằng chúng sinh ấy bị khổ sẽ sinh vào nẻo dữ, làm sao có phương tiện giải thoát chúng khỏi khổ.

Người tu thiền theo pháp môn này tu tâm bi vô lượng. Nếu đã tu lại phải tu nhiều cho tâm thành điều hòa nhuần nhuyễn, mới có thể thụ trì tâm bi vô lượng.

Người tu thiền theo thứ lớp tu hành tâm bi vô lượng, với thân tộc, với người dung kẻ lạ, rồi đến kẻ oán thù, cho đến tất cả chúng sinh đầy khắp 4 phương, như trước đã nói rộng.

Hỏi: Thế nào là đầy đủ tâm bi, thế nào là không đầy đủ ?

Đáp: Nếu tu tâm bi thành tựu thì trừ được tâm ưa sát hại, không khởi ưu não, không ưa việc bất thiện.

Có 2 nhân duyên khiến mất tâm bi:

1. Vì các thứ lo rầu khiến người thân thành oan gia.
2. Vì đối trị mà phần hận sinh khủng bố.

Đó gọi là không đầy đủ.

Hỏi: Không phải tất cả chúng sinh đều khổ, không phải mọi thời đều khổ, thế thì sao phải tu tâm bi với tất cả chúng sinh ?

Đáp: Chúng sinh nào cũng có thời chịu khổ, nên khéo giữ tướng khổ. Đã giữ tướng đó mà thành tu tâm bi đến tất cả mọi nơi.

Lại nữa, sự sinh và sự chết là những nỗi khổ chung của mọi chúng sinh, do đó tu hành tâm bi là tu khắp mọi nơi.

(Xong phần nói về Bi vô lượng tâm)

Hỏi: Thế nào là Hỷ vô lượng tâm ? Hỷ vô lượng tâm thì tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao tu ?

Đáp: Như cha mẹ có đứa con một, lòng thương thấy con được vui, khiến tâm sinh hoan hỷ. Hay thay ! Cũng như vậy, lấy tâm hoan hỷ đó đối với tất cả chúng sinh, đó gọi là tâm hỷ vô lượng. Tâm trụ không loạn, là tu. Vui tươi là tướng. Không lo sợ là vị. Trừ bỏ sự không vui là hỷ. Tâm hỷ có đồng các công đức như tâm từ.

Làm sao tu tâm hỷ vô lượng ?

Người mới tập thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thiền nhiếp tất cả tâm ý, tâm không loạn, được người kính trọng, thấy được an lạc, tâm sinh hoan hỷ. Nếu nghe, nếu thấy như vậy, tâm khởi lên ý vui mừng rằng: Hay thay! Hay thay! Nguyện chúng sinh kia được hoan hỷ lâu dài.

Lại nữa, nếu thấy chúng sinh không theo pháp bất thiện, theo pháp thiện, không theo pháp không khả ái, theo pháp khả ái, thì khởi ý rằng: Hay thay ! Hay thay ! Nguyện chúng sinh kia được hoan hỷ lâu dài.

Người tu thiền theo pháp môn này tu tâm hỷ, tu đã nhiều lần, khiến tâm điều hoà nhuần nhuyễn, có thể kham được việc thụ trì. Rồi từ đó tuân tự tu hành đối với người thân, đến người dung, đến kẻ thù, khiến cho lan rộng ra, trùm khắp cả 4 phương.

Thế nào là đầy đủ tâm hỷ, thế nào là không đầy đủ ?

Nếu tu tâm hỷ thành tựu thì diệt trừ sự không vui, không khởi ý thích điều bất thiện, diệt trừ lối nói thù ghét.

Có 2 nguyên nhân khiến mất tâm hỷ:

1. Vì đùa cợt khiến người thân thành oán.
2. Vì đối trị oán, khiến sinh không vui.

Ngoài ra như trước đã nói rộng.

(Xong phần nói về Hỷ vô lượng tâm)

Hỏi: Thế nào là Xả vô lượng tâm ? Xả vô lượng tâm thì tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao tu tâm xả ?

Đáp: Như cha mẹ đối với con cái, tâm hoàn toàn vô tư bình đẳng là xả. Cũng như vậy bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, đó gọi là xả. Niệm xả trụ không loạn là tu. Không chấp trước là tướng. Bình đẳng là vị. Khắc phục giận ghét yêu thương là khởi. Tâm xả có đồng công đức với tâm từ.

Hỏi: Làm sao tu tâm xả vô lượng ?

Đáp: Người tu thiền khi bắt đầu tu 4 vô lượng tâm cùng khởi với tâm từ, cùng khởi với tâm bi, cùng khởi với tâm hỷ, là đã khởi Đệ Tam thiền. Khi người tu thiền đã được Đệ Tam thiền, tự tại trong Tam thiền rồi, người ấy bắt đầu quán thấy các lỗi lầm trong từ, bi và hỷ. Vì chúng gần với yêu và giận, nên cùng khởi với mừng vui, cùng khởi với hoan hỷ phần chẵn.

Người tu thiền khi biết các lỗi lầm, sinh tâm đối trị thấy các công đức của tâm xả, đối với ban đầu đã tu niệm chẳng phải khả ái, niệm chẳng phải không khả ái, với xả cùng khởi niệm khiến tâm đầy đủ, tâm xả tăng trưởng.

Người tu thiền y theo pháp môn này tu hành Xả vô lượng tâm. Tu như vậy, tu nhiều lần cho đến khi tâm điều hòa nhuần nhuyễn, có thể thụ trì niệm xả, rồi theo thứ lớp tu tâm xả với người thân thích, với người dung, rồi với người thù oán, cho đến khắp 4 phương. Ngoài ra, như trước đã nói rộng.

Như vậy, người tu thiền tu hành Xả vô lượng tâm, cùng với tâm xả khởi Đệ Tứ thiền, do 3 thứ hành pháp làm cho Đệ Tứ thiền an trụ.

Ba thứ hành pháp đó là:

1. Do bao quát chúng sinh.
2. Do bao quát xóm làng.

3. Do bao quát các phương.

Hỏi: Người tu thiền khi tu hành Xả vô lượng tâm, đối với tất cả chúng sinh, phải tác ý như thế nào ?

Đáp: Nên tác ý như vậy: Với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, người tu thiền đối với tất cả chúng sinh mà nói thì nên trừ diệt tác hoan hỷ và hành hoan hỷ. Như vậy mới có thể tác ý vui bình đẳng.

Như một người khi gặp được người thân sau bao năm xa cách thì vui mừng khoản đãi, cùng ở với nhau rồi sau đó trở thành bình thường. Cũng như vậy, trụ ở tâm từ, bi, hỷ lâu, rồi thành xả nhiếp thụ. Cũng như vậy tác ý mà tu hành Xả vô lượng tâm.

Lại có người nói tác ý nơi tất cả chúng sinh sẽ sinh khởi tất cả tâm, tâm số pháp. Đó cũng đồng một phương pháp tác ý.

Thế nào là đầy đủ tâm xả, thế nào là còn chưa đủ ?

Nếu tâm xả thành tựu, thì trừ được sự giận hờn, yêu ghét, không khởi vô minh.

Có 2 nguyên nhân khiến mất tâm xả:

1. Do khởi vô minh mà sinh oán với người thân.
2. Do đối trị sinh oán mà khởi sân ái.

(Xong phần nói về Xả vô lượng tâm)

Các vấn đề bổ sung về 4 vô lượng tâm:

Tu hành 4 vô lượng tâm bắt đầu từ 1 chúng sinh khởi tu hành, rồi sau trải rộng đến các hành xứ khác. Như người mẹ đối với các giai đoạn trưởng thành của đứa con.

Cũng như vậy, tu hành 4 vô lượng tâm có thể lấy nhiều đối tượng khác nhau như nơi súc sinh, nơi người phạm giới, nơi người đầy đủ giới, nơi người chán ghét tham dục, nơi người Thanh Văn, nơi bậc Duyên giác, nơi bậc Chính biến tri.

Quy y nơi thắng xứ thì biết sẽ thành tựu tối thắng vô lượng.

Hỏi: Vì sao từ, bi, hỷ, khởi ở Tam thiên mà không khởi ở Đệ Tứ thiên ?

Đáp: Chúng sinh đầy ưu não, do ưu não khởi giận dữ, tổn hại, không vui. Người tu thiên phải dùng tâm hỷ cùng sinh để đối trị tất cả ưu não này. Do đó tu hành các tâm từ, bi, hỷ chỉ có thể sinh khởi ở Đệ Tam thiên, mà không ở Đệ Tứ thiên.

Lại nữa, Đệ Tứ thiên là xả địa, thành tựu do 2 thứ xả: tức thụ trì xả và pháp trung xả.

Tất cả chúng sinh đều ở trong tướng Địa nhất thiết nhập, lấy nhiều ích mà thành xả. Do đó từ, bi, hỷ chỉ có thể sinh khởi Đệ Tam thiên mà không là Đệ Tứ thiên.

Lại có thuyết cho rằng 4 vô lượng tâm tuần tự với 4 cấp thiên tương ứng sinh khởi.

Như Thế Tôn nói: Các Tỳ-kheo nên tu 4 tâm vô lượng. Các vị nên tu Định có giác có quán, nên tu Định có giác không có quán, nên tu Định không giác không quán, nên tu Định có hỷ cùng sinh, nên tu Định có lạc cùng sinh, nên tu Định có xả cùng sinh.

Hỏi: Sao nói có 4 vô lượng tâm, mà không nói 3 hay 5 vô lượng tâm ?

Đáp: Nếu nói có 3 hay 5 vô lượng tâm thì cũng gặp nghi vấn tương tự.

Lại nữa, 4 vô lượng tâm là để đối trị với giận hờn, não hại, không vui, và thương ghét.

Lại có thuyết cho rằng, trong 4 vô lượng tâm, chỉ có từ vô lượng tâm là trừ diệt sân giận, não hại v.v... các phiền não thường sinh khởi trong chúng ta, nên mới hình thành 4 pháp môn thù thắng này.

Về tâm xả, là khi từ, bi, hỷ được thanh tịnh rồi thì xả sinh khởi, vì tâm xả đối trị được với sự thương ghét.

Do đó, 4 vô lượng tâm tuy tướng khác nhau từng loại nhưng cùng chung một tính.

Như thế, vì cùng đối trị được các lỗi lầm, vì cùng lấy chúng sinh làm đối tượng, vì cùng làm lợi ích cho chúng sinh, nên 4 vô lượng tâm cùng chung một tướng.

Lại còn có thuyết nữa cho rằng, nếu kể về sự đối trị thù thắng, sự nắm giữ đối tượng thù thắng, sự làm lợi ích thù thắng cho chúng sinh, mà hình thành các hình tướng sai biệt.

Như trong Kinh Hoàng Y, Thế Tôn nói: Nơi thanh tịnh xứ, từ là bậc nhất. Nơi hư không xứ, bi là bậc nhất. Nơi thức xứ, hỷ là bậc nhất. Nơi vô sở hữu xứ, xả là bậc nhất.

Hỏi: Làm sao biết ?

Đáp: Do quá tiếp cận với ý nghĩa của 4 thứ tâm mà biết được.

Hỏi: Thế là thế nào ?

Đáp: Người tu thiền tùy theo ý nguyện của mình đối với tất cả chúng sinh tu hành tâm từ vô lượng. Thường tùy theo các nhất thiết nhập như Xanh, Vàng, mà tác ý, dùng phương tiện nhỏ khiến tâm được an. Đó là với các loại chúng sinh phóng ý vào nhất thiết nhập, thành tựu Sắc giới thanh tịnh.

Người tu thiền bấy giờ được Sắc giới Đệ Tứ Thiên. Cho nên nói nơi thanh tịnh xứ tâm từ là bậc nhất. Người tu thiền khi y vào Sắc giới Đệ Tứ thiên tu hành tâm từ vô lượng mà vượt qua khỏi Sắc giới.

Hỏi: Nghĩa này như thế nào ?

Đáp: Vì tu tâm từ nên tâm biết các lỗi lầm của Sắc giới.

Vì sao ?

Người tu thiền khi thấy chúng sinh biết là vì sắc mà chịu khổ. Do đây biết được các lỗi lầm của Sắc giới, liền hiện tác ý muốn xuất ly ra khỏi Sắc giới, nơi hư không xứ dùng phương tiện nhỏ khiến tâm được an. Cho nên nói nơi hư không xứ tâm bi là bậc nhất.

Hỏi: Người tu thiền ấy dựa vào hỷ vượt qua hư không xứ, nghĩa này như thế nào ?

Đáp: Do đã tu hỷ nên tâm không chấp trước, thường giữ lấy vô biên thức. Vì sao vậy ? Vì hỷ này không đắm trước, an trụ chúng sinh nơi vô biên thức xứ. Từ nơi tâm không chấp trước đó thường giữ đối tượng vô biên thức, lià sự ràng buộc của Sắc giới. Nơi hư không vô biên thức, hiện khởi tác ý, dùng phương tiện nhỏ làm tâm được an. Cho nên nói, nơi thức xứ, hỷ là bậc nhất.

Hỏi: Người tu thiền nương theo xả, vượt qua thức xứ, nghĩa này như thế nào ?

Đáp: Do đã tu xả, nên tâm lià chấp trước. Vì sao ? Vì chúng sinh do không tu tâm xả, nên chấp trước, do tâm mừng, vui mà thành có khổ có vui.

Người tu thiền tu hành Xả vô lượng tâm, dùng tâm xả lià bỏ chấp trước, do tâm không chấp trước khiến tâm hoan hỷ, nơi vô sở hữu xứ dùng phương tiện nhỏ mà tâm được an không chấp trước các thứ.

Vì sao vậy ? Vì nơi vô sở hữu xứ, không còn chấp trước vào thức, hoặc vào vô biên nữa. Cho nên nói, nơi vô sở hữu xứ, xả là bậc nhất.

(Xong phần bổ sung về 4 vô lượng tâm)

Hỏi: Thế nào là quán 4 đại ? Quán 4 đại thì tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao tu quán 4 đại ?

Đáp: Vì trí tuệ có tính lựa chọn giải thích tự tướng bên trong của 4 đại: đất, nước, gió, lửa. Đó gọi là quán 4 đại. Tâm trụ không loạn vào sở duyên 4 đại đó, gọi là tu. Tùy quán theo 4 đại, đó là tướng. Thông đạt tính không, đó là vị. Trừ tướng về chúng sinh, đó là khởi.

Tu quán 4 đại thành tựu được 8 công đức:

1. Có thể chịu được sự khủng bố.
2. Đối với tất cả việc không vui, có thể khởi tâm vui.
3. Tâm bình đẳng đối với khả ái hay không khả ái.
4. Dẹp bỏ ý phân biệt nam nữ.
5. Thành đạt đại trí tuệ.
6. Hướng đến nẻo thiện.
7. Hướng về Đè hồ.
8. Hiểu tất cả pháp có 4 đại, khiến người tu hành thành tựu viên mãn tất cả việc tu hành.

Làm sao tu quán 4 đại ?

Người mới tập thiền dùng 2 hành pháp nắm giữ các đại. Đó là sơ lược và rộng rãi.

Hỏi: Thế nào là sơ lược nắm giữ các đại ?

Đáp: Người tu thiền đến nơi yên tĩnh, thâm nhiếp tất cả tâm ý, dùng tâm không loạn, quán tưởng thân này đúng là do 4 đại. Nơi thân này tất cả những gì có tính cứng chắc là thuộc địa giới, những gì có tính ẩm ướt là thuộc thủy giới, những gì có tính nóng là thuộc hỏa giới, những gì có tính động là thuộc phong giới. Quán tưởng như vậy thì thân này tuy có các giới, nhưng không có chúng sinh cũng không có mạng. Đó là cách sơ lược nắm giữ các giới.

Lại có thuyết cho rằng, người tập thiền sơ lược nắm giữ các giới của 4 đại bằng 4 cách này là:

1. Quán thân này dựa vào các lớp mạc mà phân biệt. Người tu thiền có thể đối hình sắc các lớp mạc mà phân biệt rõ. Đó là đã sơ lược nắm giữ 4 giới, dựa vào mạc đã phân biệt tất cả tính của thân.

2. Quán thân này dựa vào các thớ thịt mà phân biệt. Người tu thiền có thể đối hình sắc của thớ thịt mà phân biệt rõ. Đó là đã sơ lược nắm giữ 4 giới, dựa vào các thớ thịt đã phân biệt tất cả tính của thân.

3. Quán thân này dựa vào các mạch mà phân biệt. Người tu thiền có thể đối hình sắc của mạch mà phân biệt rõ. Đó là đã sơ lược nắm giữ 4 giới, dựa vào các mạch đã phân biệt tất cả tính của thân.

4. Quán thân này dựa vào xương mà phân biệt. Người tu thiền có thể đối hình sắc của xương mà phân biệt rõ. Đó là đã sơ lược nắm giữ 4 giới, dựa vào xương đã phân biệt tất cả tính của thân.

Người tu thiền, nơi 4 hành pháp này là dùng sắc, hình, nơi, sự phân biệt. Do 4 hành pháp này khắc phục tâm khiến tâm điều hòa nhu nhuyễn, khiến tâm thụ trì.

Người tu thiền đã tu tập 4 hành pháp này, lấy 4 hành pháp hàng phục tâm, tâm đã điều hòa nhu nhuyễn, đã thụ trì, hiểu rõ ràng nơi 4 hành pháp này thì có tính cứng, biết tính cứng là địa giới. Có tính ướt, biết tính ướt là thủy giới. Có tính nóng, biết tính nóng là hỏa giới. Có tính động, biết tính động là phong giới.

Người tu thiền do 4 hành pháp mà phân biệt rõ, nơi thân thể này, chỉ có giới, không có chúng sinh, không có mạng. Lấy đó so với các cách khác mà tâm thành an trụ.

Như vậy là cách nắm giữ sơ lược các giới của 4 đại.

Hỏi: Thế nào là nắm giữ rộng rãi các giới ?

Đáp: Có 20 hành pháp nắm giữ rộng rãi địa giới. Đó là nơi thân này: 1. Tóc. 2. Lông. 3. Móng. 4. Răng. 5. Da. 6. Thịt. 7. Gân. 8. Mạch. 9. Xương. 10. Tủy. 11. Thận. 12. Tim. 13. Gan. 14. Phổi.

15. Lá lách. 16. Dạ dày. 17. Ruột non. 18. Ruột già. 19. Bàng quang.
20. Não.

Có 12 hành pháp nắm giữ rộng rãi thủy giới. Đó là nơi thân này: 1. Mật. 2. Nước miếng. 3. Mủ. 4. Máu. 5. Mồ hôi. 6. Mỡ đặc. 7. Nước mắt. 8. Mỡ lỏng. 9. Nước bọt. 10. Nước mũi. 11. Nước dãi. 12. Nước tiểu.

Có 4 hành pháp nắm giữ rộng rãi hoả giới: 1. Nóng. 2. Ấm. 3. Nong nóng. 4. Bình thường tiêu hoá thức ăn trong người, đó là hoả giới.

Có 6 hành pháp nắm giữ rộng rãi phong giới: 1. Hơi lên. 2. Hơi xuống. 3. Hơi trong bụng. 4. Hơi nơi lưng. 5. Hơi nơi tay chân. 6. Hơi thở ra, và hơi thở vào.

Như vậy là dùng 42 hành pháp để thấy thân này chỉ có giới, mà không có chúng sinh, không có mạng. Đó là cách quán để nắm giữ rộng rãi các giới.

Lại nữa, Đức Bản Sư có nói, dùng 10 hành pháp mà quán 4 đại. Đó là:

1. Dùng nghiã của ngôn ngữ.
2. Dùng sự.
3. Dùng tụ.
4. Dùng tán.
5. Dùng không chỗ đeo bám.
6. Dùng duyên.
7. Dùng tướng.
8. Dùng chủng loại và không phải chủng loại.
9. Dùng 1 nghĩa nhiều nghĩa.
10. Dùng giới giải thích Đệ nhất.

Hỏi: Thế nào là dùng nghĩa ngôn ngữ để phân biệt các giới của 4 đại ?

Đáp: Có 2 loại ngôn ngữ là đồng ngôn và thảng ngôn. Như nói 4 đại là đồng ngôn. Địa giới, thủy giới, hoả giới, phong giới là thảng ngôn.

Hỏi: Bốn đại đó, nghĩa như thế nào ?

Đáp: Đại sinh gọi là đại. Có đại chẳng phải thật nghĩa, mà làm cho hiện thật nghĩa. Cho nên gọi là đại. Đại, là giống như hình quý, gọi là đại.

Sao đại sinh gọi là đại ?

Vì các giới do đại sinh, nên gọi là đại. Như Thế Tôn có nói kệ:

*Lược nói tướng địa,
 Có 20 vạn,
 4 Na-dữu-tha.
 Thủy 40 vạn,
 8 Na-dữu-tha.
 Phong trụ hư không,
 Có 90 vạn,
 6 Na-dữu-tha.
 Thế giới trụ được,
 Cũng do hỏa thành.
 Ở trong thế giới,
 Có ngọn lửa sáng,
 Đến trời Phạm Thế,
 Cho đến 7 ngày,
 Thế rồi đại sinh,
 Nên gọi là đại.*

Hỏi: Sao gọi là đại không thật nghĩa mà làm hiện thật nghĩa ?

Đáp: Gọi là đại, tức là giới, không phải nam, không phải nữ, nhưng lại nhìn thấy dưới sắc tướng nam nữ. Giới, là không dài không ngắn, nhưng lại nhìn thấy dưới hình tướng dài ngắn. Giới, là không phải cây cối, không phải núi non, nhưng lại nhìn thấy dưới hình sắc núi non, cây cối.

Như vậy, đại là phi thật nghĩa mà làm cho hiện ra thật nghĩa, nên gọi là đại.

Hỏi: Sao gọi là hình dạng dị kỳ giống như quý ?

Đáp: Hình dạng kỳ dị như quý nhập vào thân người, lấy đó làm thân mình. Do mang hình giống như quý thành ra thân ấy khởi lên 4 hành vi: 1. Cứng. 2. Chảy. 3. Nóng. 4. Nhẹ động.

Như vậy, nơi thân ấy lấy hoả giới hoà hợp mà thành, khởi lên 4 hành vi. Do địa giới hoà hợp thành cứng. Do thủy giới hoà hợp thành chảy. Do hoả giới hoà hợp thành có sức nóng. Do phong giới hoà hợp thành nhẹ động.

Có những hình dạng như quý, nên gọi là đại.

Nói đại là theo nghĩa của ngôn ngữ.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của địa giới, thủy giới, hoả giới, phong giới ?

Đáp: Rộng lớn là nghĩa của địa. Có thể uống được, có thể giữ gìn là nghĩa của thủy. Làm cho sáng sủa là nghĩa của hoả. Đến đi được là nghĩa của phong.

Giới, nghĩa là gì ? Giới có nghĩa là giữ gìn tướng của chính nó.

Lại nữa, tự tính của đất là địa giới, tự tính của nước là thủy giới, tự tính của lửa là hoả giới, tự tính của gió là phong giới.

Tự tính của đất là gì ?

Là tính cứng chắc, tính mạnh, tính bền, tính không động, tính ở yên, tính gìn giữ, đó là địa tính.

Tự tính của nước là gì ?

Là tính ẩm ướt, tính thấm nhuần, tính trôi chảy, tính nhỏ giọt, tính tràn đầy, tính tăng trưởng, tính gây vui, tính bám dính, đó gọi là thủy tính.

Tự tính của lửa là gì ?

Là tính nóng, tính ẩm, tính làm bốc hơi, tính làm chín, tính thiêu đốt, tính đoạt lấy, đó gọi là hoả tính.

Tự tính của gió là gì ?

Là tính mang theo, tính lạnh, tính qua lại, tính nhẹ động, tính thấp, tính đoạt lấy, đó gọi là phong tính.

Trên đây là ý nghĩa của ngôn ngữ. Như vậy là người tu thiền dùng nghĩa của ngôn ngữ mà quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là lấy sự mà quán 4 giới ?

Đáp: Địa giới lấy gìn giữ làm sự. Thủy giới lấy bám dính làm sự. Hoả giới lấy tạo sức nóng làm sự. Phong giới lấy sự ngăn chặn làm sự.

Lại nữa, địa giới dựng đứng lên là sự. Thủy giới chảy xuống là sự. Hoả giới bốc lên là sự. Phong giới chuyển động là sự.

Lại nữa, khi 2 giới gần nhau thì tạo thành chân trước bước rồi chân sau bước, khi 2 giới gần nhau thì tạo thành ngồi nằm rồi đứng đi, khi 2 giới gần nhau thì tạo thành lười biếng buồn ngủ, rồi sau khởi dũng mãnh tinh tiến, khi 2 giới gần nhau thì tạo thành trước cảm thấy thân nặng nề, sau thấy nhẹ nhàng. Như vậy là người tu thiền lấy sự mà quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là lấy tụ mà quán 4 đại ?

Đáp: Tụ, là khi địa giới, thủy giới, hoả giới, phong giới nương vào giới này thành sắc, hương, vị, xúc. Tám pháp này hoặc phân nhiều cùng sinh trụ, không rời nhau. Sự hòa hợp này gọi là tụ.

Lại có 4 loại tụ: Địa tụ, thủy tụ, hỏa tụ và phong tụ.

Nơi địa tụ, địa giới chiếm tối đa, thủy giới, hỏa giới, phong giới lần lượt thành tối thiểu.

Nơi thủy tụ, thì thủy giới tối đa, địa giới, phong giới, hỏa giới lần lượt thành tối thiểu.

Nơi hỏa tụ, thì hỏa giới chiếm tối đa, địa giới, phong giới, thủy giới lần lượt thành tối thiểu.

Nơi phong tụ thì phong giới chiếm tối đa, hỏa giới, thủy giới, địa giới lần lượt thành tối thiểu.

Như vậy, người tu thiền lấy tụ mà quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là lấy tán mà quán 4 đại ?

Đáp: Quán về địa giới, từ chỗ hết sức vi tế là một hạt bụi thật nhỏ gần bằng không, đất này được hoà với nước mà không tan, đất này bị lửa nung đốt mà không hôi thối, đất này được gió mang đi mà thành chuyển động. Người tu thiền dùng tán như vậy mà quán 4 giới.

Lại nữa, Đức Bản Sư có nói, địa giới trong thân thể một người bình thường, tán nhỏ thành bụi được 1 hộc 2 thăng, dùng nước hoà hợp thành 6 thăng 2 hộc, dùng lửa nấu chín, rồi theo gió mà quay tròn.

Người tu thiền dùng phép tán như vậy mà quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là dùng sự không tách rời nhau mà quán 4 đại ?

Đáp: Địa giới được nước giữ, được lửa nung nấu, được gió mang đi. Do đó địa giới được thủy, hỏa, phong 3 giới hoà hợp lại.

Thủy giới ở trong đất, được lửa nung nấu chín, được gió mang đi. Do đó thủy giới bao gồm địa, hỏa, phong 3 giới.

Hỏa giới ở trong đất, được nước nhiếp giữ, được gió mang đi. Do đó hỏa giới nung nấu chín địa, thủy, phong 3 giới.

Phong giới ở trong đất, được nước nhiếp giữ, được lửa nung nấu. Do đó phong giới mang đi là địa, thủy, hỏa 3 giới.

Nơi đất, 3 giới thủy, hỏa, phong hòa hợp. Nơi nước, nhiếp giữ địa, hỏa, phong 3 giới nên không tán. Nơi lửa, nung nấu chín địa, thủy, phong 3 giới nên không có mùi hôi. Nơi gió, mang đi địa, thủy, hỏa thành ra chuyển động mà không bị tan. Như vậy, 4 giới nương nhau chuyển lần lượt mà thành trụ không lia tan.

Người tu thiền dùng sự không tách rời nhau như vậy mà quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là dùng duyên mà quán các giới ?

Đáp: Người tu thiền dùng 4 thứ duyên khởi quán 4 giới. Bốn thứ duyên là: 1. Nghiệp. 2. Tâm. 3. Thời. 4. Thực.

Thế nào là nghiệp ?

Là từ nghiệp sinh 4 giới. Do 2 duyên thành duyên tức là:

1. Do sinh duyên thành duyên.
2. Do nghiệp duyên thành duyên. Các giới còn lại do y duyên thành duyên.

Thế nào là tâm ?

Là từ tâm sinh 4 giới. Do 6 duyên thành duyên tức là:

1. Do sinh duyên thành duyên.
2. Do cộng sinh duyên thành duyên.
3. Do y duyên thành duyên.
4. Do thực duyên thành duyên.
5. Do căn duyên thành duyên.
6. Do hữu duyên thành duyên.

Các giới còn lại thì do duyên, do y duyên, do hữu duyên thành duyên.

Lúc nhập thai, tâm các sắc do 7 duyên thành duyên, tức là: 1. Cộng sinh duyên. 2. Triển chuyển duyên. 3. Y duyên. 4. Thực duyên. 5. Căn duyên. 6. Báo duyên. 7. Hữu duyên.

Thời, tức là lúc, nghĩa là lúc tạo thành 4 đại do 2 duyên thành duyên, tức là: 1. Sinh duyên. 2. Hữu duyên.

Các giới còn lại do y duyên và hữu duyên thành duyên.

Thực, tức là ăn, nghĩa là do ăn mà tạo thành 4 đại, tức là: 1. Sinh duyên. 2. Thực duyên. 3. Hữu duyên.

Các giới còn lại do y duyên và hữu duyên thành duyên.

Như vậy là có thể biết do duyên tâm sinh, do duyên thời sinh, do duyên ăn sinh 4 giới, với do từ nghiệp sinh 4 giới là đồng một đạo lý.

Địa giới vì là chỗ duyên của các giới khác, nên thành duyên.

Thủy giới vì làm duyên kết dính các giới khác, nên thành duyên.

Hoả giới vì duyên nung chín các giới khác, nên thành duyên.

Phong giới vì duyên mang theo các giới khác, nên thành duyên.

Như vậy là người tu thiền dùng duyên mà quán các giới.

Hỏi: Thế nào là dùng tướng mà quán các giới ?

Đáp: Tướng cứng chắc là địa giới. Tướng ẩm ướt là thủy giới. Tướng nóng là hỏa giới. Tướng lạnh là phong giới.

Như vậy là người tu thiền dùng tướng mà quán các giới.

Hỏi: Thế nào là dùng chủng loại và khác chủng loại mà quán các giới ?

Đáp: Địa giới và thủy giới cùng 1 chủng loại, vì có sức nặng.

Hoả giới và phong giới cùng 2 chủng loại, vì nhẹ.

Thủy giới và hoả giới khác loại nhau, vì thủy giới có thể diệt hoả giới, hoả giới có thể làm thủy giới khô ráo. Cho nên 2 giới không phải cùng 1 chủng loại.

Địa giới và phong giới khác loại nhau, vì địa giới thì ngăn chặn lại, phong giới thì đi tới.

Phong giới có thể diệt địa giới. Cho nên 2 giới không cùng một chủng loại.

Lại nữa, 4 giới chủng loại xoay vần, vì xoay vần duyên với nhau. Hoặc xoay vần xem chúng khác chủng loại vì mỗi giới có tướng riêng.

Như vậy là người tu thiền dùng cùng loại, khác loại mà quán các giới.

Hỏi: Thế nào là dùng 1 tính, và nhiều tính khác nhau mà quán các giới ?

Đáp: Bốn giới từ nghiệp sinh. Vì 4 giới đều từ nghiệp sinh nên gọi là 1 tính.

Nhưng tuy đồng 1 tính mà mỗi mỗi tự có tướng riêng nên sinh khởi các tính khác nhau. Đó gọi là 1 tính và nhiều tính khác nhau.

Cũng như vậy, tính của 4 giới là một, do tâm, do thời, do ăn mà sinh ra.

Địa giới từ 4 duyên sinh, tuy vậy tướng không giống nhau. Về nhân mà nói thì đều thuộc 1 tính. Đó gọi là nhiều tướng khác nhau.

Cùng thế ấy mà xét đến thủy giới, hoả giới và phong giới, đều do 4 nhân duyên như nhau.

Bốn giới, do có 1 tính là giới, 1 tính là đại, 1 tính là pháp, 1 tính là khổ, 1 tính là vô ngã mà thành nhiều tính khác nhau.

Bốn giới do tướng có nhiều tính khác nhau, do sự có nhiều tính khác nhau, do nghiệp có nhiều tính khác nhau, do tâm mà có nhiều tính khác nhau, mà thành nhiều tính khác nhau.

Do thời có nhiều tính khác nhau, do ăn mà có nhiều tính khác nhau, thành ra có nhiều tính khác nhau.

Do khởi có nhiều tính khác nhau, mà thành có nhiều tính khác nhau.

Do sinh có nhiều tính khác nhau, mà thành có nhiều tính khác nhau.

Do thú hương có nhiều tính khác nhau, mà thành có nhiều tính khác nhau.

Người tu thiên như vậy dùng 1 tính và nhiều tính khác nhau quán 4 giới.

Hỏi: Thế nào là dùng hình con rối gỗ mà quán các giới ?

Đáp: Như người thợ làm hình con rối gỗ dùng cây gỗ làm thân hình đủ tay chân, biết đi biết chạy theo sợi giây giật điều khiển bên trong. Bên ngoài dùng bùn đất tạo hình sắc như người, cho mặc quần áo trang sức thành người nam hay nữ. Do người điều khiển sợi dây mà con rối gỗ hoặc đi, hoặc múa, hoặc dựa, hoặc ngồi. Như vậy con rối gỗ ấy được gọi là thân người. Phiền não quá khứ chính là người thợ đã tạo nên thân người đầy đủ, dây buộc là gân, bùn đất là thịt, màu sơn là da, hư không là lỗ trống, áo quần trang sức làm người nam hay nữ. Con rối này do tâm, sự, làm phong giới điều khiển hoặc bước đi, hoặc đứng, hoặc tới, hoặc lui, hoặc duỗi, hoặc co, hoặc nói năng, hoặc trò chuyện.

Con rối gỗ đó cùng sinh với thức giới, do nhân duyên ưu não mà thành ưu, bi, khổ não, hoặc cười, hoặc giận, hoặc chạm vai nhau.

Ăn uống nuôi dưỡng cho con rôi gỗ đó. Mạng căn duy trì đời sống con rôi gỗ đó, đến khi chết thì thân hình con rôi đó chia tan.

Nếu còn nghiệp báo phiền não thì lại sinh thành một con rôi mới khác.

Con rôi đó quá khứ đã sinh từ khi nào và sau này bao giờ mới chấm dứt, không thể biết được.

Như vậy là dùng hình con rôi mà quán các giới.

Người tu thiền y theo pháp môn này tu hành, quán thân mình như thân con rôi gỗ, nơi đó không có chúng sinh, không có thọ mạng.

Người tu thiền đã quán con rôi gỗ xong, dùng thụ, tưởng, hành, thức, sinh tâm tâm số pháp mà quán nghiệp và hành xứ.

Người tu thiền đã quán danh sắc, từ danh và sắc đã quán tướng biết được thế nào là khổ, từ tham ái đã quán tướng biết được thế nào là khổ tập, từ tham ái diệt đã quán tướng biết được thế nào là khổ diệt, từ chỗ quán tướng Bát Chính đạo biết được thế nào là đầy đủ con đường diệt khổ.

Người tu thiền như vậy quán rộng pháp Tứ Đế. Bảy giờ do vô thường, khổ, vô ngã thấy được các lỗi lầm của khổ. Do tịch tịch, do diệu ly, thường tư duy không tán loạn và do trí tuệ mà thấy được các công đức của sự diệt khổ.

Người tu thiền hiện thấy rõ lỗi lầm của khổ, thấy công đức của sự diệt khổ như vậy mới được an trụ trong căn, lực và giác phần, từ hành tướng tâm khởi chứng Đề hồ giới.

(Xong phần nói về quán Tứ Đại)

Hỏi: Thế nào là tướng chán ăn ? Tướng chán ăn thì tu, tướng, vị, khởi, công đức như thế nào ? Làm sao tu tướng chán ăn ?

Đáp: Tác ý về việc ăn uống các thực phẩm, thấy tất cả thức ăn uống đều bất tịnh, do đó sinh khởi chán ghét. Người tu thiền biết, biết

đúng tướng sở duyên về ăn uống mà sinh tướng chán ăn. Đó gọi là tướng chán ăn.

Tướng đó trụ không loạn, gọi là tu. Đối với sự ăn uống lấy lỗi làm làm tướng. Nhàm chán là vị. Khắc phục sự mê thích ăn uống là khởi.

Tu tướng chán ăn có thể được 8 công đức:

1. Biết tướng của miệng ăn.
2. Biết đầy đủ 5 dục.
3. Biết được sắc âm.
4. Biết được tướng bất tịnh.
5. Nơi thân, niệm tu tập đầy đủ.
6. Lià bỏ sự mê thích ăn uống.
7. Hướng đến nẻo thiện.
8. Hướng đến Đề hồ.

Làm sao tu tướng chán ăn?

Người tu thiền đến nơi yên tĩnh, ngồi thâm nhiếp tất cả tâm ý khiến tâm không loạn, khởi tướng chán ăn đối với thức ăn uống. Như trăm thứ thức ăn ngon được nấu nướng sạch sẽ, đầy đủ hương sắc được người quý trọng, xem là quý lắm. Thế mà ăn vào thân rồi biến thành bất tịnh thật hôi thối, đáng ghét, không thể chịu nổi.

Tu tướng chán ăn có 5 thứ hành pháp:

1. Quán về kiếm ăn.
2. Quán về tán dụng.
3. Quán về nơi chứa đựng.
4. Quán về lưu thông.
5. Quán về sự tụ lại.

Hỏi: Thế nào là quán về việc kiếm ăn để tu tướng chán ăn ?

Đáp: Người tu thiền quán thấy chúng sinh vì kiếm cái ăn mà tạo nhiều tội ác, hoặc giết hại, hoặc trộm cướp, lại thấy chúng sinh đó chịu đủ loại khổ vì bị sát hại, bị trói buộc. Lại thấy chúng sinh tạo các việc ác, hoặc đòi hỏi, hoặc dối gạt giả hiện tinh tiến.

Người tu thiền thấy như vậy mới khởi nhàm chán việc ăn uống, thấy sự dơ bẩn của phân, nước tiểu là do ăn uống thực phẩm mà ra, thấy các ác nghiệp cũng do bởi ăn uống mà tạo ra.

Đồng thời người tu thiền thấy rằng người xuất gia ở nơi núi rừng yên tĩnh, có các thứ hoa thơm, có cảm thú kê hót, đó đều do nghiệp thiện do người thiện tạo tác. Hoặc nơi đồng ruộng do người tạo lập trang nghiêm đầy đủ, có cây bóng mát, có dòng nước chảy, mặt đất bằng phẳng sạch sẽ không cao thấp khiến người phải sợ, không chút huyên não, đó là nơi người xuất gia tu hành Bồ-đề, ngang với trụ xứ ở cõi trời Phạm Thiên. Nơi đó, lòng người không tham đắm, thường tu đọc tụng, hành thiền, làm việc thiện.

Rời nơi sơn dã đó, người xuất gia vì cầu thực phẩm, phải xông pha giữa thời tiết nóng lạnh, gió bụi mưa lầy, cầm bát vào nhà khát thực. Người tu thiền quán thấy như vậy, tâm sinh nhàm chán việc thác bát hóa duyên. Đồng thời tưởng đến thực phẩm không được tinh khiết, khi thoát ra ngoài là phân và nước tiểu. Do quán như thế nên xả bỏ mà theo đuổi việc tìm niềm vui cao cả hơn.

Lại nữa, quán thấy người xuất gia vì đi khát thực mà gặp phải ngựa, voi, thú dữ như chó sói, heo rừng, hoặc nơi kẻ ác, nơi như bản giẫm đạp bùn lầy, đồ đại tiểu tiện, đến cửa nhà người đứng im lìm chờ đợi. Trong lòng hoài nghi phải chăng đây là cách thức tu hành cầu lấy miếng ăn ! Trông thấy thức ăn, nghĩ rằng phải chăng là đồ ăn dành cho chó. Do đó mà sinh tướng chán ăn. Phương pháp kiếm ăn

này thật là đáng ghét. Có đáng chi mà phải ra công khó tầm cầu. Đi xin nơi khác thôi.

Như vậy là người tu thiền lấy việc tìm cầu cái ăn mà quán tưởng chán ăn.

Hỏi: Thế nào là dùng tán thực quán tưởng mà chán ăn ?

Đáp: Người tu thiền quán thấy người xuất gia kia vừa xin được thức ăn rồi tìm đến một nơi ngồi xuống, dùng nước cá hoà nhuyễn thức ăn, dùng tay vò lại, dùng miệng làm cái cối, dùng môi gom lại, dùng răng nhai làm chày, dùng lưỡi để trộn, dùng nước dãi nước miếng hoà với nhau. Thật gớm ghiếc, khác nào đồ chó mửa, không ai dám nhìn.

Như vậy là dùng tán dụng quán tưởng mà chán ăn.

Hỏi: Thế nào là dùng quán tưởng chỗ chứa mà chán ăn ?

Đáp: Như vậy là các thức ăn được dồn vào bụng, cùng các chất bất tịnh khác hoà trộn chứa đựng. Rồi trong ruột, thức ăn vào được hàng trăm thứ vi trùng ăn, lại được thân nhiệt nung nóng cho chín như để trở thành một thứ hết sức gớm, như thứ người ta ói mửa vào một cái đựng đồ dơ dáy.

Như vậy là dùng chỗ chứa đựng đồ ăn, quán tưởng mà chán ăn.

Hỏi: Thế nào là dùng sự lưu thông quán tưởng mà chán ăn ?

Đáp: Thức ăn đó được nhiệt độ làm chín như, lại thứ bất tịnh mới hoà với thứ bất tịnh cũ, giống như rượu đựng trong một cái đồ đựng bị nứt rỉ chảy ra. Sự lưu thông trong cơ thể cũng vậy, xuyên qua các mạch, các thớ thịt đến tận mặt mày, chín lỗ, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông đều lưu thông. Thức ăn lưu thông như vậy chia làm 5 phần: một phần bị các vi trùng ăn, một phần bị đốt làm nhiệt lượng, một phần để duy trì thân thể, một phần thành phân, nước tiểu, và một phần để tạo thành thân thể.

Như vậy là dùng sự lưu thông quán tưởng mà chán ăn.

Hỏi: Thế nào là dùng sự tụ lại, quán tưởng mà chán ăn ?

Đáp: Các thức ăn đó lưu chuyển tụ lại thành cơ thể như tóc, lông, móng v.v... tạo thành 101 phần khác của thân thể. Nếu không lưu thông thì sẽ xảy ra 101 thứ bệnh khổ.

Như vậy là dùng tụ lại quán tưởng mà chán ăn.

Người tu thiền dùng pháp môn này, dùng hành pháp này mà tu tưởng chán ăn. Khi tưởng chán ăn trụ thì chán sự ăn uống, khi sự chán ngán đã tụ tại rồi thì tâm bất loạn. Nếu tâm không loạn, thì các triền cái diệt, các thiền phần khởi, được an trụ thiền ngoại hành.

(Xong phần tưởng chán ăn)

Vô sở hữu xứ và Phi phi tướng xứ được nói rõ nơi Địa nhất thiết nhập ở trước.

Có kệ rằng:

*Hành xứ người tu thiền,
 Đây chỉ nói sơ lược.
 Như người giỏi dẫn đường,
 Đến Ba-lợi-phát-đa.
 Lời nói, hiểu được sâu,
 Hiểu rõ cả trước, sau.
 Hằng quán như, phi như,
 Nơi đây đã rộng nói.
 Như vậy tướng đầy đủ,
 Tất cả công đức kia,
 Như pháp phải phân biệt
 Con đường của Giải Thoát.*

(Xong phần 48 hành phẩm)

QUYỂN 8 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

(*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 9

Phẩm 9: NĂM THẦN THÔNG.

Bấy giờ, người tu thiền đã nhập định được dễ dàng tự tại, trụ nơi Đệ Tứ thiền, có thể khởi lên 5 thứ thần thông.

Năm thần thông là:

1. Thân thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tha tâm trí thông.
4. Túc mạng thông.
5. Thiên nhãn thông.

Thân thông có nghĩa là thân thể biến hoá được.

Thiên nhĩ thông là vượt hơn giới hạn tai nghe của người thường.

Tha tâm trí thông là đọc hiểu được tư duy ý thức của người khác.

Túc mạng thông là nhớ rõ lại các đời trước.

Thiên nhãn thông là vượt hơn giới hạn mắt thấy của người thường.

Hỏi: Có mấy loại biến hoá ? Ai tu biến hoá được ? Khởi biến hoá như thế nào ?

Đáp: Có 3 loại biến hoá là:

1. Thụ trì biến hoá.
2. Làm các biến hoá.
3. Tùy ý biến hoá.

Thế nào là thụ trì biến hoá ?

Là người tu thiền lấy một biến thành nhiều, lấy nhiều biến thành một, dùng thân biến thành cao lớn đến trời Phạm Thế. Đó gọi là thụ trì biến hóa.

Thế nào là làm các biến hoá ?

Là người tu thiền xả thân mình biến thành đũa trẻ, hoặc hiện hình rồng, hoặc hiện hình Phạm vương. Đó gọi là làm các biến hóa.

Thế nào là tùy ý biến hoá ?

Là người tu thiền từ thân của mình biến hoá thành nhiều thân khác có đầy đủ các phần thân thể và các giác quan. Đó gọi là tùy ý biến hóa.

Lại có 7 thứ biến hoá là:

1. Trí biến.
2. Định biến.
3. Thánh biến.
4. Nghiệp quả báo biến.
5. Công đức nhân biến.
6. Minh thuật biến.
7. Phương tiện biến.

Hỏi: Trí biến biến là gì ?

Đáp: Là dùng hiện khởi vô thường để đoạn tướng thường, thành trí biến biến.

Dùng tu đạo A-la-hán đoạn diệt tất cả phiền não mà thành trí biện. Đó là trí biện biến. Như chỗ chứng của các Trưởng lão Bạc-câu-la, Trưởng lão Tăng-cát-lật-giả, Trưởng lão Bộ-hồng-đa-bà-la. Đó gọi là trí biện biến.

Hỏi: Biến định biện là gì ?

Đáp: Là dùng Sơ thiền đoạn các triền cái thành biến định biện. Dùng định Phi tưởng phi phi tưởng đoạn Vô sở hữu, là biến định biện. Như trường hợp các Trưởng lão Xá-lợi-phất-đa, Trưởng lão Tiên-thời-bà, Trưởng lão Côn-đàn-nhã, Ưu-bà-di Uất-đa-la, Ưu-bà-di Sa-ma-bà-đề. Đó gọi là biến định biện.

Hỏi: Thánh biện là gì ?

Đáp: Là nếu Tì-kheo khi ưa thích tưởng không yếm ác, thì phải dùng tưởng chẳng phải không yếm ác khiến tâm an trụ được tưởng chẳng phải không yếm ác.

Nếu Tì-kheo khi ưa thích tưởng chẳng phải không yếm ác, thì phải dùng không yếm ác khiến tâm an trụ được tưởng không yếm ác.

Nếu Tì-kheo khi ưa thích tưởng chẳng phải không yếm ác và chẳng phải chẳng phải không yếm ác, thì phải dùng tưởng chẳng phải chẳng phải không yếm ác khiến tâm an trụ được tưởng chẳng phải chẳng phải không yếm ác.

Nếu Tì-kheo khi ưa thích tưởng không yếm ác và tưởng chẳng phải không yếm ác, thì phải dùng tưởng không yếm ác khiến tâm an trụ được tưởng không yếm ác.

Nếu Tì-kheo ưa xả lìa 2 tưởng không yếm ác và chẳng phải không yếm ác, hiện biết tâm niệm đã an trụ nơi xả, thành an trụ xả tưởng chẳng phải yếm ác thì phải trụ tưởng không yếm ác, nơi không yếm ác có chỗ chấp trước thì thành trụ không yếm ác.

Hỏi: Thế nào là ở nơi không yếm ác mà trụ tướng chẳng phải không yếm ác ?

Đáp: Là ở nơi không có ái niệm, thì hoặc dùng tâm từ khiến đủ ái niệm, hoặc dùng quán cảnh giới.

Hỏi: Thế nào là ở nơi chẳng phải không yếm ác mà trụ vào tướng không yếm ác ?

Đáp: Là ở nơi có ái niệm, thì dùng tướng bất tịnh khởi lên cho tràn đầy, hoặc khởi lên tướng vô thường.

Hỏi: Thế nào là ở nơi chẳng phải không yếm ác và nơi chẳng phải chẳng phải không yếm ác mà trụ tướng chẳng phải chẳng phải không yếm ác ?

Đáp: Là ở n nơi không ái niệm và nơi có ái niệm, thì dùng tâm từ khiến đầy khắp, hoặc xem như cảnh giới có thể chấp thủ.

Hỏi: Thế nào là ở nơi chẳng phải không yếm ác và nơi không yếm ác mà trụ tướng không yếm ác ?

Đáp: Là ở nơi có ái niệm và nơi không ái niệm, thì hoặc dùng tướng bất tịnh khiến tràn đầy, hoặc giữ lấy tướng vô thường.

Hỏi: Thế nào là lià cả 2 nơi không yếm ác và nơi chẳng phải không yếm ác mà hiện biết trụ tướng xả niệm ?

Đáp: Là Tì-kheo đó dùng mắt thấy sắc mà không hoan hỷ, không lo lắng, thành xả, hiện biết trụ niệm. Tất cả các pháp môn như vậy gọi là Thánh biện.

Hỏi: Thế nào là tùy theo nghiệp báo sinh biến ?

Đáp: Là tất cả chư thiên, tất cả loài chim, một số người, chúng sinh sinh vào đường dữ, biến hiện bay trong hư không. Đó gọi là tùy theo nghiệp báo sinh biến hoá.

Hỏi: Thế nào là người có công đức biến hoá ?

Đáp: Là Chuyển Luân vương, Trưởng lão Thọ-đề, Trưởng giả Xa-đề, Trưởng giả Cù-sur-la là những trường hợp của các bậc có công đức làm biến hoá.

Đó gọi là người có công đức biến hoá.

Hỏi: Thế nào là minh thuật biến ?

Đáp: Là người có minh thuật đọc tụng minh chú có khả năng bay trong hư không, hoặc biến hiện thành voi, ngựa, xe cộ, quân lính, binh chủng. Đó gọi là minh thuật biến hoá.

Hỏi: Thế nào là phương tiện biến ?

Đáp: Là dùng hạnh xuất ly, đoạn tham dục, dùng La-hán đạo đoạn tất cả phiền não. Như người thợ làm gốm đầy đủ tay nghề của mình, dùng phương tiện đúng đắn làm tất cả sản phẩm. Đó gọi là phương tiện biến.

Hỏi: Ai là người thích hợp tu biến biện ?

Đáp: Ở hư không giới có 9 loại, hoặc 5 loại đã tu hành xong Nhất thiết nhập được Đệ Tứ thiên. Tất cả những ai được tự tại nơi Tứ thiên đều thích hợp tu hành biến biện.

Lại có thuyết cho rằng, khi tu hành được pháp thù thắng nơi Đệ Tứ thiên thuộc cõi Sắc giới, có thể tu biến biện.

Lại còn có thuyết khác cho rằng, ở Đệ Tứ thiên được 2 tự tại là thân và tâm, nên thích hợp để tu biến biện.

Hỏi: Thế nào là khởi tu biến ?

Đáp: Người Trì-kheo đó tu dục định, thành tựu thắng hạnh, tương ưng với 4 như ý túc. Thần thông được thành khởi. Với tu tinh tiến định, tâm định và tuệ định, cũng tu như vậy.

Dục, ở đây, có nghĩa là ý muốn khởi sự biến hoá. Định, ở đây, có nghĩa là tâm không loạn. Người tu thiền muốn được biến hoá, vì muốn biến được, nên tu hành định, thụ trì 4 thứ tinh tiến:

1. Các pháp ác, không thiện chưa sinh, khiến không sinh.
2. Các pháp ác, không thiện đã sinh, thì đoạn dứt.
3. Các pháp thiện chưa sinh thì khiến sinh.
4. Các pháp thiện đã sinh thì làm tăng trưởng.

Giữ cho không quên, khiến cho khởi lại nữa, khiến tu viên mãn, đó gọi là thắng hạnh.

Thế nào là thành tựu ?

Là có thể dùng ngôn ngữ giải thuyết tường tận 3 pháp sở duyên là thụ trì biến, tác biến, ý sở tác biến và 6 phần thành tựu.

Như ý tức là hành đạo được như ý. Chỉ có pháp đó gọi là như ý tức.

Lại nữa, người tu thiền khi tu định cõi Dục thành tựu thắng hạnh, đó cũng gọi là như ý tức.

Người tu thiền để được như ý, lấy theo nghĩa đầu tiên tu định cõi Dục, theo pháp Dục định này, tu nhiều lần, đó gọi là tu Dục định thắng hạnh, thành tựu như ý tức.

Người tu thiền, để được như ý tức, từ hiện tu các pháp môn phương tiện, có khi thoái, có khi dừng lại, khiến tinh tiến sinh khởi, thành tựu tinh tiến định thắng hạnh, thành tựu như ý tức.

Người tu thiền để được như ý tức, từ hiện tu các môn phương tiện, nếu khi tâm chậm chạp, tâm thoái lui, tâm lo sợ, bấy giờ tâm sở duyên chậm chạp thì tác ý vào tướng tốc hành, tâm sở duyên thoái lui thì tác ý vào tướng định tâm, tâm sở duyên lo sợ thì tác ý vào tướng xả. Ngay khi tâm sở duyên thành tựu tâm định thắng hạnh tức là thành tựu như ý tức.

Người tu thiền nếu không có phiền não nữa, thì tâm hoan hỷ khéo dùng tuệ phân biệt các pháp môn tu hành có lợi ích với không có lợi ích. Bây giờ là thời cơ tốt nhất cho tu hành tuệ định.

Ngoài ra ngay khi người tu thiền không tu tất cả các pháp không lợi ích, đó gọi là tu tuệ phân biệt định thắng hạnh thành tựu, thành tựu như ý túc.

Người tu thiền tu hành 4 như ý túc, do tu hành khiến tâm tụ tại, thân tùy theo tâm, tâm tùy theo thân.

Người tu thiền bây giờ an thân nơi tâm, an tâm nơi thân, dùng thân tâm thụ trì, do thân mà tâm biến, do tâm mà thân biến, do thân mà tâm thụ trì, do tâm mà thân thụ trì, do tưởng vui, tưởng nhẹ nhàng sinh khởi nơi thân mà thân tâm thành an trụ.

Người tu thiền bây giờ do hiện tu hành mà thân mình trở nên hết sức nhẹ nhàng, hết sức mềm mại, rất kham thụ trì, giống như viên sắt tròn được lửa nung đốt, tùy ý đập rèn tạo hình các đồ vật.

Người tu thiền như vậy do tu tâm thành thân nhẹ nhàng, do thân nhẹ mà được vào Đệ Tứ thiền. Do Đệ Tứ thiền xuất một cách an tướng tự tại có thể dùng trí niệm khởi lên phân biệt hư không, dùng trí thụ trì hư không. Như vậy do trí thụ trì sẽ khiến thân thành khởi trong hư không, như gió thổi sợi bông vậy.

Tuy nhiên, người mới tu thiền bây giờ không nên vội đi xa. Vì sao vậy ? Vì trong khi tu quán chột có thể sinh lo sợ, nếu tâm có lo sợ thì thiền phần sẽ thoái lui. Cho nên, người tu thiền không nên gấp đi xa, phải thực hành theo thứ lớp. Ban đầu quán tưởng chừng một thước, dần dần tăng thêm, sau dựa theo trình độ tinh tiến quán tưởng lên một tầm. Do pháp môn phương tiện tiệm tiến này mà từ từ thiền phần sẽ khởi đến mức mình mong muốn.

Hỏi: Nếu khi đang trên hư không mà xảy ra thoái lui thiền phần, thì người tu thiền có bị rơi xuống đất không ?

Đáp: Không, là trở lui nơi trước tiên người ấy đã ngồi thiền. Nếu đi xa mà bị thoái lui, thì hoàn trở lại chỗ cũ, người ngồi thiền thấy thân mình như lúc mới ngồi vậy.

Người có thần thông thì không có hiện tượng như vậy.

Người ngồi thiền cứ như vậy theo thứ tự quán tưởng cho đến khi thụ trì được tự tại, làm nhiều thứ biến hóa như lấy một biến thành nhiều, lấy nhiều biến thành một, hoặc hiện xuyên qua tường, qua vách, qua núi, thân đi không bị ngăn ngại như hư không, có thể chui xuống đất rồi trôi lên mặt đất giống như ở trong nước, hoặc đi trên mặt nước như bước đi trên đất liền, hoặc đi trong hư không như chim bay, hoặc đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Thần thông lớn như vậy, thần lực lớn như vậy, cho đến khởi thân đến cõi trời Phạm Thế.

Lấy một biến thành nhiều, là lấy một khiến thành nhiều, hoặc một trăm, hoặc một ngàn, hoặc một vạn v.v... Người tu thiền theo thứ lớp dùng trí thụ trì, dùng thụ trì biến nhập vào Đệ Tứ thiền, rồi từ Đệ Tứ thiền xuất ra một cách an tường tự tại, dùng trí mà thụ trì như vậy: Ta muốn thành nhiều, như trường hợp của A-la-hán Tiểu-lộ.

Lấy nhiều biến thành một, là muốn chuyển từ nhiều thành một, dùng trí thụ trì như vậy: Ta muốn chuyển nhiều thành một, như Trưởng lão A-la-hán Tiểu-lộ.

Hoặc hiện hình, hoặc không hiện hình, xuyên qua vách, qua tường, qua núi, đi không bị ngăn ngại như trên hư không, là người tu thiền ấy dùng tâm tu hành Hư không Nhất thiết nhập, theo thứ lớp dùng trí thụ trì biến nhập vào Đệ Tứ thiền và từ Đệ Tứ thiền xuất ra một cách an tường tự tại, vượt qua vách, qua tường, qua núi. Người ấy dùng trí thụ trì như vậy: Ta muốn các nơi đó trở thành hư không. Thành hư không rồi, người ấy vượt xuyên qua vách, qua tường, qua núi, xuyên qua không bị chướng ngại, như đi trong hư không.

Hoặc hiện nghĩa là gì ? Là khai mở.

Hoặc không hiện nghiã là gì ? Là không khai mở.

Những gì không khai mở thì người tu thiền ấy khiến cho khai mở.

Xuyên qua tường, qua vách, qua núi không bị chướng ngại nghiã là gì ?

Là ở trên đất mà chui xuống trời lên như ở dưới nước. Người tu thiền ấy dùng tâm tu hành Thủy Nhất thiết nhập như vậy, nhập vào Đệ Tứ thiền rồi xuất ra an tường tự tại, dùng trí thụ trì, chỉ vào một khoảng đất: Ta muốn khoảng đất này trở thành nước. Tức thì khoảng đất biến thành nước. Người tu thiền ấy nơi khoảng đất đó có thể chui sâu xuống và trời lên khỏi đất, như đang ở trong nước.

Khi muốn đi trên mặt nước, tâm không chướng ngại, giống như đang đi trên đất liền, người tu thiền ấy dùng tâm tu hành Địa Nhất thiết nhập, nhập vào Đệ Tứ thiền, xuất ra an tường tự tại, chỉ vào một khoảng nước, dùng trí thụ trì như vậy: Ta muốn khoảng nước này trở thành đất. Thành đất rồi, người tu thiền ấy đi trên nước không trở ngại, như đang đi trên đất liền.

Đi trong hư không như chim bay, là có 3 cách đi: bước đi, đi theo gió và đi bằng tâm tưởng.

Người tu thiền được định Địa Nhất thiết nhập, dùng pháp thụ trì, muốn có một con đường đi trên hư không để đi bộ vào.

Người tu thiền nếu được định Phong Nhất thiết nhập, người ấy dùng pháp thụ trì về gió, thì có thể bay như sợi bông gòn được gió thổi.

Người tu thiền đi bằng tâm tưởng, là người ấy khiến thân và tâm tràn đầy tưởng khoan khoái nhẹ nhàng. Khi thân đã nhẹ nhàng, thì có thể đi bằng tâm tưởng, như chim bay.

Người tu thiền khi tu tập đi bằng tâm tưởng thành tựu thì có thể dùng tay sờ mặt trăng mặt trời.

Người tu thiền có thân thông, thân lực, là người có thiền, người có thân thông, tâm được tự tại.

Người tu thiền như vậy dùng tâm tu hành, theo thứ lớp dùng trí thụ trì biến nhập vào Đệ Tứ thiền, từ Đệ Tứ thiền xuất ra an tường tự tại, dùng trí thụ trì tưởng đến gần, tưởng đến gần thành tựu thì có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng.

Người tu thiền được thân thông lớn, được thân lực lớn, người ấy có thể hoặc ngồi, hoặc nằm, đưa tay sờ mặt trời mặt trăng.

Khởi thân đến trời Phạm Thế, là người tu thiền được được thân thông, tâm đã tự tại muốn đi đến cõi trời Phạm Thế.

Người tu thiền tu hành 4 như ý túc như vậy tâm ở xa thụ trì thành gần, ở gần thụ trì thành xa, hoặc nhiều thụ trì thành ít, ít thụ trì thành nhiều, dùng thiên nhãn trông thấy sắc trời Phạm thiên, dùng thiên nhĩ nghe âm thanh trời Phạm thiên, dùng tha tâm trí biết tâm trời Phạm thiên.

Trong 3 cách đi, người tu thiền dùng 2 cách đi là đi theo gió và đi bằng tâm tưởng có thể đi đến cõi trời Phạm Thế. Hai cách đi này là pháp Thụ trì biến Nhất thiết nhập.

(Xong phần Thụ trì biến)

Bấy giờ, người tu thiền có ý muốn khởi biến, tu hành 4 như ý túc, do tâm được tự tại mà an thân nơi tâm, an tâm nơi thân, do thân an tâm, do tâm an thân, do thân thụ trì tâm, do tâm thụ trì thân, hoặc do tưởng khoan khoái, hoặc tưởng nhẹ nhàng nơi thân, mà thân tâm thành trụ.

Người tu thiền do hiện tu hành như vậy khiến thân trở thành hết sức nhẹ nhàng, hết sức nhu nhuyễn đến có thể thụ trì. Giống như viên sắt tròn được lửa nung đốt có thể làm thành các thứ đồ vật theo ý muốn.

Người tu thiền đã tu hành như vậy, tâm thành nhu nhuyễn, có thể thụ trì khiến đầy khắp thân tâm. Người tu thiền ấy nếu muốn bỏ hình sắc của tự thân mà biến thân thành một đứa trẻ, thứ lớp dùng trí thụ trì nhập vào Đệ Tứ thiền, rồi xuất ra an tường tự tại, dùng trí niệm tác ý như vậy: Ta sẽ thành một đứa trẻ. Tác ý như vậy tức thì biến thành đứa trẻ.

Người tu thiền nếu muốn hoặc thành hình rồng, hình chim phượng hoàng, hình quỷ Dạ-xoa, hình A-tu-la, hình vua trời Đê Thích, hình vua trời Phạm thiên, hoặc thành hình biển, núi, rừng, sư tử, hổ, báo, voi, ngựa, lính bộ binh v.v... cũng như vậy thứ lớp dùng trí thụ trì nhập vào Đệ Tứ thiền, rồi từ Đệ Tứ thiền xuất ra an tường tự tại, dùng trí niệm tác ý rằng: Ta sẽ thành các thứ hình. Tức thì biến thành các thứ hình.

Hỏi: Thụ trì biến và Tác biến, khác nhau thế nào ?

Đáp: Thụ trì biến thì không xả bỏ hình sắc của tự thân, còn Tác biến thì xả bỏ hình sắc. Đó là chỗ khác nhau.

(Xong phần nói về Tác biến)

Bấy giờ, người tu thiền muốn khởi Tùy ý biến, khi tâm tu hành 4 như ý tức đã được tự tại nhập vào Đệ Tứ thiền và từ Đệ Tứ thiền xuất ra an tường tự tại, dùng trí biện trí từ bên trong tự thân, tác ý thân này như một cái bình trống rỗng. Người tu thiền tác ý như vậy, nơi thân trống rỗng này, tùy theo ý muốn mà biến hoá, mà chuyển theo. Như thế, dùng trí thụ trì, tùy theo đó sẽ chuyển biến. Tác ý như vậy thành tương tự theo. Do phương tiện này, người ấy biến hoá được nhiều, biến thành hoá thân có đủ các hành động.

Người tu thiền nếu muốn hoá thân ấy hướng đến trời Phạm Thế, thì hoá thân ấy liền đến Phạm Thế mang hình sắc của trời Phạm thiên, có đầy đủ thân phần, các căn không thiếu.

Người có thần thông tiêu dao nơi cõi này, thì hoá thân của người ấy cũng được tiêu dao như vậy. Người có thần thông ở cõi này ngồi, nằm, hiện phun ra khói lửa, hoặc hỏi đáp, thì hoá thân của người ấy cũng ngồi, nằm, phun ra khói lửa, hỏi và đáp như vậy.

Người hóa thân ở nơi cõi kia là do thần thông biến hoá ra mà tất cả hành động đều giống như vậy.

(Xong phần nói về Tùy biến)

Dưới đây là các bổ sung về Thân thông:

Thần thông biến hóa tạo nên sắc tướng, phải sau khi biến hóa mới có thể phân biệt.

Khi không biến hóa, lại vì phân biệt chưa phải lúc, khi đó không thể hiển hiện thần thông. Đó là vì người có thần thông đang trong lúc thụ trì niềm vui. Do đó thành không thể hiển hiện biến hóa.

Người có thần thông nếu khi không phân biệt thì niệm niệm không hiện. Như vậy cũng không có thần biến.

Người được biến hóa ra không có mạng căn. Vật ăn thức uống cùng mọi sự do trí biến thành, đều thuộc vào 9 việc:

1. Việc nhỏ.
2. Việc lớn.
3. Chuyện không thể nói được.
4. Chuyện quá khứ.
5. Chuyện vị lai.
6. Chuyện hiện tại.
7. Việc trong.
8. Việc ngoài.
9. Việc trong ngoài.

(Xong phần bổ sung)

Hỏi: Ai chứng đắc thiên nhĩ thông ? Thiên nhĩ thông sinh khởi như thế nào ?

Đáp: Trong 10 Nhất thiết nhập, trừ ngoài 2 Nhất thiết nhập là không và thức, còn 8 Nhất thiết nhập nơi Sắc giới được Đệ Tứ thiên, tâm được tự tại, có thể khiến thiên nhĩ thông sinh khởi. Thiên nhĩ thông do tự tính của nhĩ giới sinh khởi.

Lại có thuyết nói rằng sao ở Sắc giới Đệ Tứ thiên được tự tại có thể khiến thiên nhĩ thông sinh khởi, vì sao nhất định phải ở Đệ Tứ thiên ? Và vì sao khiến thiên nhĩ thông sinh khởi ?

Đáp: Người tu thiên tu 4 như ý túc, tâm được tự tại được nhập vào Đệ Tứ thiên, từ Đệ Tứ thiên xuất ra an tường tự tại, theo thứ tự dựa vào tự tính của nhĩ giới, nếu là âm thanh ở xa thì tác ý tướng âm thanh ở xa, nếu là âm thanh ở gần thì tác ý tướng âm thanh ở gần, nếu tiếng lớn thì tác ý tướng tiếng lớn, nếu tiếng nhỏ thì tác ý tướng tiếng nhỏ, nếu tiếng đến từ phương Đông thì tác ý tướng tiếng phương Đông, tiếng đến từ tất cả các phương thì tác ý tướng tiếng đến từ tất cả các phương.

Người tu thiên tu hành như vậy khiến tâm thanh tịnh, do tự tính nhĩ giới thanh tịnh khiến tâm hành tăng trưởng.

Người tu thiên do thiên nhĩ giới thanh tịnh hơn tại người thường, nên nghe được cả 2 thứ tiếng là tiếng người và tiếng trời, hoặc xa hoặc gần.

Về điều này, Đức Bản Sư có nói: Người mới tập thiên trước tiên nghe tiếng chúng sinh nơi tự thân của mình, rồi từ đó nghe được tiếng chúng sinh bên ngoài thân của mình, sau đó nghe được tiếng các chúng sinh ở nơi trú xứ của mình. Cứ như vậy tác ý tuần tự tăng trưởng.

Lại nữa có thuyết cho rằng người mới tập thiên trước tiên không thể nghe được tiếng chúng sinh trong tự thân mình. Bởi vì sao ? Vì

người mới tập thiền tự tính của tai không thể đạt tới cảnh giới ấy nên không thể nghe các âm thanh vi tế.

Người mới tập thiền lấy tiếng loa, tiếng trống ở xa làm đối tượng, dựa vào tự tính của tai dùng trí của tai lắng nghe. Dùng trí của thiên nhĩ thì nên tác ý về tướng của tiếng khiến trí của thiên nhĩ phát sinh, và tiếng lớn, tiếng nhỏ, tiếng gần, tiếng xa chỉ có thiên nhĩ mới nghe được.

Do đó người mới tập thiền không nên tác ý muốn nghe các tiếng hết sức đáng sợ ấy. Bởi vì sao ? Vì khi nghe các tiếng khả ái thì sinh ái dục, khi nghe các tiếng đáng sợ thì sinh hãi hùng. Đó gọi là nhĩ úy trí.

Có 3 thứ Thiên nhĩ trí có thể thành sự:

1. Việc nhỏ.
2. Việc hiện tại.
3. Việc ngoài.

Một người nếu mất tự tính nhĩ thì thiên nhĩ cũng mất theo. Người tu hành Thanh Văn thừa nếu được tự tại có thể nghe được tiếng nơi một ngàn thế giới. Bậc Duyên Giác nghe được còn nhiều hơn. Như Lai thì nghe được vô số.

(Xong phần nói về Thiên nhĩ)

Hỏi: Ai có thể khởi tha tâm trí ? Khởi cách nào ?

Đáp: Người tu thiền tu tập Quang Nhất thiết nhập, nơi Sắc giới Đệ Tứ thiền được tự tại, dùng thiên nhãn khiến tha tâm trí sinh khởi.

Khởi cách nào ?

Người tu thiền tu hành 4 như ý túc, tâm được tự tại, thanh bạch, bất động, dùng Quang Nhất thiết nhập nhập vào Đệ Tứ thiền, từ Đệ Tứ thiền xuất một cách an tường tự tại, trước khiến khắp châu thân

ngập tràn ánh sáng, dùng thiên nhãn quán thấy sắc của tâm mình tác ý. Do nơi sắc của tâm mình tác ý mà khởi thức. Người tu thiền như vậy dùng tự tâm biến thấy sắc biến, hiểu rõ rằng: Sắc này từ hỷ căn sinh khởi, sắc này từ ưu căn sinh khởi, sắc này từ xả căn sinh khởi.

Nếu tâm tương ưng với hỷ căn, sắc do ý hiện khởi giống như màu của bơ sữa.

Nếu tâm tương ưng với ưu căn, sắc hiện khởi như màu tím.

Nếu tâm tương ưng với xả căn, sắc hiện khởi như màu mật ong.

Nếu tâm tương ưng với ái dục, sắc hiện khởi giống như màu vàng.

Nếu tâm tương ưng với sự giận dữ, sắc hiện khởi giống như màu đen.

Nếu tâm tương ưng với vô minh, sắc hiện khởi giống như màu đục ngầu.

Nếu tâm tương ưng với niềm tin và trí tuệ, sắc hiện khởi giống như màu xanh.

Người tu thiền dùng tự thân biến, phân biệt sắc biến, bấy giờ người tu thiền dùng trí phân biệt thành khởi trí tha tâm, sau khi trí tha tâm sinh khởi phải trừ diệt tâm phân biệt sắc biến mà chỉ giữ lấy tâm.

Người tu thiền như vậy do tu hành khiến tâm thanh bạch, nếu có ái tâm thì rõ ràng biết mình có ái tâm, nếu không có ái tâm thì biết rõ mình không có ái tâm, nếu có sân tâm biết rõ mình có sân tâm, nếu không có sân tâm thì biết rõ không có sân tâm.

Như vậy, người tu thiền biết rõ tất cả tâm.

Tha tâm trí có 8 thứ có thể thành sự:

1. Việc nhỏ.
2. Việc lớn.
3. Việc đạo.

4. Việc vô lượng.
5. Việc quá khứ.
6. Việc hiện tại.
7. Việc vị lai.
8. Việc ngoài.

Tha tâm trí thông là thuộc trí vô lậu, là cảnh giới chứng đắc của Phật không phải cảnh giới phàm phu, nhưng lại dùng tâm chúng sinh, sinh nơi Vô sắc xứ. Người tu hành Thanh Văn thừa, nếu được tự tại có thể biết được tâm của một ngàn thế giới. Bậc Duyên Giác biết tối đa. Như Lai biết thì vô lượng.

(Xong phần nói về Tha tâm trí)

Hỏi: Ai có thể khởi túc mạng trí ? Có mấy thứ túc mạng trí ? Làm sao khởi ?

Đáp: Trong 10 Nhất thiết nhập, trừ 2 Nhất thiết nhập là không và thức, 8 Nhất thiết nhập nơi Sắc giới được Đệ Tứ thiên, tâm được tự tại có thể khiến khởi túc mạng trí thông.

Vì sao chỉ ở tại Sắc giới xứ ?

Là vì chỉ sau khi được nhập Đệ Tứ thiên, tâm được tự tại mới có thể sinh khởi thần thông.

Hỏi: Nơi Đệ Tứ thiên có thể khởi mấy thứ túc mạng trí thông ?

Đáp: Có thể được 3 thứ túc mạng thông:

1. Do nhớ nhiều kiếp.
2. Do sinh ra.
3. Do tu hành.

Do nhớ nhiều kiếp có nghĩa là nhớ được các kiếp trước theo 4 cách này: khéo giữ tướng, thấy bị phần tướng, các căn phân minh,

thâu nhiếp tính đó. Về loại trí nhớ các kiếp trước, có thể nhớ lại được tối đa 7 kiếp.

Trí thứ hai, là các trời, rồng, phượng hoàng, do sinh ra là nhớ được kiếp trước. Tối đa nhớ được 14 kiếp trước.

Trí nhớ thứ ba, do tu hành đầy đủ 4 như ý túc mà nhớ lại được các kiếp trước.

Hỏi: Túc mạng trí khởi như thế nào ?

Đáp: Người tu thiên tu hành 4 như ý túc, do sức tin tâm được tự tại, tâm thanh bạch đến bất động. Tại nơi ngồi thiền, dùng thân khẩu ý nhớ lại tất cả việc đã làm trong một ngày. Cũng vậy nhớ lại việc đã làm trong một đêm. Nhớ như vậy 1 ngày, 2 ngày, lần lượt cho đến 1 tháng, nhớ lại hết những việc đã làm. Như vậy cho đến 2 tháng, cho đến 1 năm, 2 năm, 3 năm, đến 100 năm, cho đến từ lúc sơ sinh nhớ tất cả mọi sự việc đã làm.

Bấy giờ, tâm tâm số pháp của thời xa xưa có hậu sinh, tâm tâm số pháp hiện sinh, y theo tâm tâm số pháp ban đầu được sinh. Do tâm tương tục sinh, hiện quán nhân duyên trí nhớ lưu chuyển, cả hai đều không gián đoạn, sinh ra nơi đời này, sinh ra nơi đời khác.

Như vậy, người tu thiên do tâm tu hành thanh bạch, nhớ lại kiếp trước không phải chỉ một thứ ký ức túc mạng trí mà 1 đời, 2 đời, 3 đời, 4 đời v.v... tất cả như vậy.

Người tu thiên do nơi hiện đời này đã có thể nhớ được tất cả các đời trước. Nếu người tu thiên không thể nhớ lại các đời trước, thì phải càng thêm tinh tiến tu tập trở lại khiến thiên định sinh khởi. Nếu thiên định đã khởi thì rất tốt, phải khiến tâm tự tại, như phép lau chùi gương soi cho bóng. Khi tâm đã được tự tại, thì rất tốt, bấy giờ có thể hiện khởi nhớ lại tất cả những việc chính mình trước tiên đã có thể nhớ. Ví như trong đời này những điều vui thích, những điều đáng

nhớ. Không cần nhớ lại những việc bình thường. Không nên nhớ lại kiếp đã làm súc sinh, hay đã được sinh lên cõi Vô sắc giới, cõi Vô tưởng. Vì các cõi ấy thuộc vô tướng tính, do đó không nên nhớ. Về phương diện này Trưởng lão Du-tì-đa là giỏi nhất.

Về thành tựu trí nhớ túc mạng thông có 7 việc:

1. Việc nhỏ.
2. Việc lớn.
3. Việc không nên nói.
4. Việc quá khứ.
5. Việc trong.
6. Việc ngoài.
7. Việc trong ngoài.

Về quá khứ đã được đạo quả nên nhớ lại đất nước làng xóm. Bởi tướng quá khứ thành tựu trí nhớ túc mạng thông. Bởi trí tuệ nhớ lại 5 ám tương tục thành khởi trí nhớ túc mạng thông.

Đối với ngoại đạo mà nói, trí nhớ túc mạng thông của họ có thể nhớ đến 40 kiếp, quá hơn không thể nhớ được vì không đủ sức.

Thánh Thanh Văn có thể nhớ 1 vạn kiếp. Đó là tuyệt đỉnh của Thanh Văn thừa.

Thánh Duyên Giác và Đại Thanh Văn giống nhau. Chỉ có Như Lai Chính biến giác, có thể nhớ được kiếp trước của mình và kiếp trước của người khác, hành nghiệp và tất cả hành xử. Còn ngoài ra những người khác chỉ có thể nhớ đến kiếp trước của mình, rất ít nhớ kiếp trước của người khác.

Như Lai Chính biến giác khi nhập Tam-muội hoặc khi không nhập Tam-muội, tùy ý muốn có thể nhớ tất cả. Còn những người khác phải nhập Tam-muội mới khởi túc mạng trí được.

(Xong phần nói về Túc mạng trí)

Hỏi: Ai khởi được thiên nhãn ? Có mấy loại thiên nhãn ? Làm sao khởi thiên nhãn ?

Đáp: Tu hành với Quang minh Nhất thiết nhập và tương quan với 9 Nhất thiết nhập là đất, nước, lửa, gió, xanh vàng đỏ trắng, sáng, hoặc tu hành với Quang minh Nhất thiết nhập tương quan với 5 Nhất thiết nhập là xanh, vàng, đỏ, trắng, sáng, hoặc tu hành với Quang minh tương quan với Nhất thiết nhập, nơi Sắc giới được nhập Đệ Tứ thiên, tâm được tự tại, có nhãn tính thì có thể khởi thiên nhãn.

Hỏi: Có mấy loại thiên nhãn ?

Đáp: Có 2 loại thiên nhãn:

1. Thiên nhãn do nghiệp báo.
2. Thiên nhãn do tu hành.

Thiên nhãn do nghiệp là thứ thiên nhãn do quả báo nghiệp thiện mà được. Đây là loại thiên nhãn nhìn thấy được các kho tàng ẩn giấu, hoặc có châu báu, hoặc không có châu báu.

Thiên nhãn do tu hành là thứ thiên nhãn được do tu hành 4 như ý túc.

Khởi thiên nhãn như thế nào ?

Người tu thiên tu hành 4 như ý túc, tâm được tự tại, tâm được thanh bạch cho đến tâm bất động, quán Quang Nhất thiết nhập, được nhập vào Đệ Tứ thiên, thụ trì và tác ý về tướng ánh sáng và tướng về ngày, ngày này cũng như đêm, đêm này cũng như ngày, dùng tâm không ngại, không đăm trước, hiện khởi tâm tu hành thành có ánh sáng.

Người tu thiên tu hành tâm ấy thành có ánh sáng, không bị tối tăm chướng ngại, sáng tỏ hơn cả ánh mặt trời.

Người tu thiền tu hành tâm như vậy khiến ánh sáng ngập tràn khắp bên trong, tác ý lên sắc hình, dùng trí tuệ khiến ánh sáng đầy khắp. Ánh sáng đầy khắp không phải thiên nhãn mà dùng trí tuệ thấy được sắc ánh sáng bên trong mới gọi là thiên nhãn.

Người tu thiền dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người thường, quán thấy chúng sinh hoặc chết, hoặc sinh, hoặc thọ, hoặc tinh tế, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, và tất cả chúng sinh sinh nơi nẻo thiện, hoặc sinh nơi nẻo dữ, là do nghiệp lực tạo ra.

Tất cả chúng sinh nếu muốn khởi được thiên nhãn, phải đoạn diệt hết các phiền não này: nghi ngờ, nghĩ nhớ không chân chính, lười biếng, mê ngủ, kiêu mạn, vui bất chính, nói thô ác, tinh tiến quá gấp, hay trì hoãn không tinh tiến, nói nhiều, tưởng tượng nhiều thứ, nhất là sắc dục.

Nếu một trong các phiền não ấy nổi lên lúc đang khởi thiên nhãn, thì mất chính định. Nếu mất chính định ánh sáng cũng mất theo, và tâm thấy sắc cũng tiêu mất. Vì vậy phải sớm đoạn diệt phiền não đó.

Nếu đã đoạn diệt các phiền não đó xong nhưng cũng không được chính định tự tại, thì do tâm không được tự tại mà tu hành thiên nhãn chỉ được thành tựu thiên nhãn nhỏ.

Bây giờ người tu thiền chỉ có thể dùng định nhỏ, thiên nhãn nhỏ biết được ánh sáng ít, sắc quán thấy cũng ít. Do đó Thế Tôn có nói: Có lúc ta được định nhỏ, lúc đó được thiên nhãn nhỏ, dùng thiên nhãn nhỏ đó biết được ánh sáng ít, thấy được sắc nhỏ. Có lúc ta được vô lượng Tam-muội, lúc đó ta được vô lượng thiên nhãn, dùng thiên nhãn vô lượng đó biết được vô lượng ánh sáng, thấy được vô lượng sắc.

Do đó người tập thiền, quán thấy sắc không phải sắc khả ái, cũng không phải sắc đáng kinh sợ, như trước đã nói.

Thiên nhân thành tựu 5 việc:

1. Việc nhỏ.
2. Việc hiện tại.
3. Việc trong.
4. Việc ngoài.
5. Việc trong ngoài.

Dựa vào thiên nhân sinh ra 4 thứ trí:

1. Trí phân biệt việc vị lai.
2. Trí biết mình tạo nghiệp.
3. Trí biết đúng như hành nghiệp.
4. Trí biết quả báo của nghiệp.

Do trí biết phân biệt việc vị lai, biết vị lai sắc sẽ sinh khởi như thế nào.

Do trí biết mình tạo nghiệp, thấy nghiệp người khác tạo, liền biết người này tạo nghiệp này sẽ sinh vào nẻo nào.

Do trí biết đúng như hành nghiệp, thấy người khác sinh vào nẻo nào ắt biết người ấy do nghiệp trước nào đã tạo.

Do trí biết quả báo của nghiệp, biết được đến lúc nào, đến nẻo nào, đến phiền não nào, đến phương tiện nào nghiệp ấy phải chín muồi hoặc không chín muồi, nghiệp ấy phải thụ báo nhiều, hay thụ báo ít.

Người tu hành Thanh Văn thừa nếu thiên nhân tự tại có thể thấy được một ngàn thế giới. Duyên Giác thấy được nhiều hơn. Như Lai thì thấy vô lượng.

(Xong phần nói về Thiên nhân)

Các bổ sung liên quan đến Thần thông:

Tu Thiên nhãn thông chỉ thấy được 1 thứ sắc mà thôi. Khi tu định chỉ thấy sắc không nghe tiếng.

Tu hành Thiên nhĩ thông chỉ nghe 1 thứ âm thanh mà thôi. Khi tu định chỉ nghe tiếng không thấy sắc.

Nếu gồm tu cả Thiên nhãn và Thiên nhĩ thông thì khi tu định cũng thấy sắc cũng nghe tiếng.

Nếu gồm tu cả Thiên nhãn, Thiên nhĩ và Tha tâm trí thông thì khi tu định cũng thấy, cũng nghe và biết tâm người khác

Nếu chỉ để thấy một phương, thì khi tu định chỉ thấy một phương không thấy các phương khác cũng không nghe không biết tâm người khác.

Nếu tu nhiều pháp, thì khi tu định tất cả mọi phương đều nghe, thấy và biết được tâm người khác.

Năm thần thông là thần thông của thế gian, là thứ thần thông chung cho cả Sắc giới hữu lậu và phàm phu giới.

Thiền thần thông thì thuộc thuộc chung cho các học nhân và phàm phu.

Thần thông của A-la-hán là thần thông vô ký.

Năm thần thông không sinh khởi ở cõi Vô sắc.

(Xong phần nói về Thần thông)

Phẩm 10: Phân biệt tuệ

Hỏi: Thế nào là Tuệ ? Tuệ có tướng, vị, khởi, xứ, công đức và nghĩa như thế nào ? Có bao nhiêu công đức được Bát-nhã ? Có mấy loại Bát-nhã ?

Đáp: Tác ý việc gì thì đúng như chính mắt thấy, đó gọi là Tuệ, là Bát-nhã.

Lại nữa, tác ý về lợi ích, không lợi ích, hoặc tác ý về trang nghiêm, đó gọi là Tuệ, là Bát-nhã.

Như trong A-tỳ-đàm có nói: Thế nào là Bát-nhã ? Bát-nhã là tuệ, là trí, là trạch pháp, là diệu tướng tùy quán. Quán đó sáng suốt, hiểu rõ phân biệt, tư duy, thấy đại, dễ ngộ, lấy chính trí hằng thường làm dẫn lực. Tuệ căn, tuệ lực, tuệ trượng, tuệ điện, tuệ quang, tuệ minh, tuệ đăng, tuệ bảo, không ngu si, trạch pháp, chính kiến, đó gọi là Bát-nhã.

Bát-nhã lấy như đạt làm tướng, lấy trạch pháp làm vị, lấy không ngu si khởi, lấy 4 đế làm hành xứ.

Lại nữa, Bát-nhã lấy liễu nghĩa quang minh làm tướng, nhập chính pháp làm vị, trừ tối tăm vô minh là khởi, lấy 4 biện trí làm hành xứ.

Bát-nhã có vô lượng công đức. Hãy nghe bài kệ sau đây:

*Do Tuệ, giới thanh tịnh,
Nhập thiên cũng 2 Tuệ,
Do Tuệ tu các đạo,
Do Tuệ thấy được quả.
Bát-nhã là thắng thiện,
Mắt tuệ là vô thượng.
Tuệ thoái thành ô uế,
Tuệ tăng trưởng vô thượng.
Tuệ phá luận ngoại đạo,
Thế pháp không nhiễm trước,
Người có Tuệ, tuyệt diệu,
Lời hay khéo hiển bày.
Đời này và đời khác,
Giải thoát khỏi khổ, vui,
Các nghĩa và tinh tiến,*

*Dững mãnh, người có Tuệ
 Nếu thấy các pháp này,
 Lý Nhân duyên, ngôn ngữ,
 Dạy răn và Danh sắc.
 Là ngôn ngữ Tứ Đế,
 Là cảnh giới Trí Tuệ.
 Lấy Tuệ trừ các ác
 Tham ái, sân, vô minh.
 Lấy Trí trừ sinh tử,
 Trừ các thứ khó trừ.*

Hỏi: Nghĩa của Tuệ là gì?

Đáp: Là nghĩa của Trí, là nghĩa của năng lực đoạn trừ.

Có bao nhiêu công đức được Tuệ ?

Có 11 công đức:

1. Tìm nghĩa của khế kinh.
2. Làm nhiều việc lành.
3. Ở nơi thanh tịnh.
4. Tu Chỉ quán.
5. Tu Tứ đế.
6. Phân biệt rõ ràng.
7. Tâm dừng trụ.
8. Thường ở trong thiền định.
9. Tâm không các triền cái.
10. Xa lià người vô trí.
11. Thân cận người có trí tuệ.

Có mấy loại trí tuệ ?

Có 2 loại, 3 loại, 4 loại.

Hỏi: Thế nào là 2 loại trí tuệ ?

Đáp: Đó là trí tuệ thế gian, và trí tuệ xuất thế gian. Tuệ tương ứng với các đạo quả của bậc Thánh là tuệ xuất thế gian. Còn lại, tức là tuệ thế gian.

Tuệ thế gian là hữu lậu, có kết sử, có trói buộc, là lưu chuyển, là ách nạn, là che khuất, là xúc, là khởi, là có phiền não.

Tuệ xuất thế gian là vô lậu, không kết sử, không trói buộc, không lưu chuyển, không ách nạn, không bị che khuất, không xúc, không khởi, không có phiền não.

Ba loại trí tuệ, đó là:

1. Tư tuệ.
2. Văn tuệ.
3. Tu tuệ.

Tư tuệ, là không nghe, học thụ giáo từ người khác, do nghiệp của mình mà trí phù hợp với Thánh đế. Công phu và sáng suốt của trí tuệ, đó gọi là tư tuệ.

Văn tuệ, là nghe, học, thụ giáo từ người khác mà được trí tuệ, đó gọi là văn tuệ.

Tu tuệ, là tu hành tất cả các pháp về tuệ được nhập vào Tam-muội mà đạt được trí tuệ, đó gọi là tu tuệ.

Lại nữa, có 3 loại tuệ, là:

1. Tuệ đến.
2. Tuệ đi.
3. Tuệ phương tiện.

Tuệ đến, là hiện tác ý làm cho pháp bất thiện thoái lui, pháp thiện tăng trưởng, loại trí tuệ đó gọi là tuệ đến.

Tuệ đi, là hiện tác ý nếu làm cho pháp bất thiện tăng trưởng mà pháp thiện bị thoái lui mất, loại trí tuệ đó gọi là tuệ đi mất.

Tuệ phương tiện, là tuệ hiện tác ý với tất cả phương tiện, đó là tuệ phương tiện.

Lại nữa, có 3 loại tuệ, là:

1. Tuệ tự.
2. Tuệ không tự.
3. Tuệ chẳng phải tự chẳng phải chẳng phải tự.

Tuệ tự, là trí tuệ thiện ở 3 địa, đó là tuệ tự.

Tuệ không tự, là trí tuệ thiện ở 4 đạo, đó là tuệ không tự.

Tuệ chẳng phải tự chẳng phải chẳng phải tự, là nghiệp hành ở 3 đạo quả địa là tuệ hữu ký. và quả báo của 4 đạo quả địa là tuệ vô ký, đó gọi là tuệ chẳng phải tự chẳng phải chẳng phải tự.

Bốn loại tuệ, là:

1. Trí tự tác nghiệp.
2. Trí phù hợp với đế lý.
3. Trí đẳng phân với đạo.
4. Trí đẳng phân với quả.

Trí tự tác nghiệp, là chính kiến sinh khởi trong 10 Ba-la-mật, đó là trí tự tác nghiệp.

Trí phù hợp với đế lý, là đương quán thấy 5 ám vô thường, khổ, vô ngã, đây đều thuộc pháp tương tự nhãn pháp, đó là trí hợp với đế lý.

Trí đẳng phân với đạo, là trí tuệ có thể phân biệt rõ 4 đạo, đó là trí đẳng phân với đạo.

Trí đẳng phân với quả, là trí tuệ có thể phân biệt rõ 4 quả, đó là trí đẳng phân với quả.

Lại có 4 loại tuệ, là:

Tuệ Dục giới.

Tuệ Sắc giới.

Tuệ Vô sắc giới.

Tuệ không trói buộc.

Tuệ Dục giới, là tuệ thiện hữu ký ở Dục giới.

Tuệ Sắc giới, là tuệ thiện hữu ký ở Sắc giới.

Tuệ Vô sắc giới, là tuệ thiện hữu ký ở Vô sắc giới.

Tuệ không trói buộc là tuệ đạt được ở đạo quả.

Lại có 4 loại trí, là:

1. Pháp trí.

2. Tỷ trí.

3. Tha tâm trí.

4. Đẳng trí.

Pháp trí, là trí đạt được nơi 4 đạo và 4 quả.

Tỷ trí, là người tu thiền dùng pháp trí thành tựu trí vị lai hiện tại, có thể biết việc gần xa trong quá khứ và vị lai. Đó gọi là tỷ trí.

Tha tâm trí, là trí có thể biết được những gì trong tâm tưởng của người khác.

Trừ pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, các thứ trí tuệ khác đều gọi là đẳng trí.

Lại có 4 loại tuệ, là:

1. Có tuệ là tuệ, chẳng phải là phi tuệ.

2. Có tuệ là phi tuệ, chẳng phải là tuệ

3. Có tuệ là tuệ, cũng là phi tuệ.

4. Có tuệ chẳng phải tuệ, cũng chẳng phải chẳng phải là phi tuệ.

Thiện tuệ đạt được nơi Dục giới là tuệ chẳng phải phi tuệ.

Thiện tuệ đạt được nơi bậc 4 đạo là tuệ phi tuệ, chẳng phải là tuệ.

Thiện tuệ đạt được nơi Sắc giới và Vô sắc giới là tuệ cũng là phi tuệ.

Quả báo của 4 quả địa thì nghiệp hành trong 3 đạo quả địa là tuệ hữu ký, cho nên thiện tuệ đạt được nơi quả địa thứ tư đó là tuệ chẳng phải là tuệ cũng chẳng phải chẳng phải là phi tuệ.

Lại có 4 loại tuệ, là:

1. Có tuệ do nhầm chán mà không phải do thông đạt.
2. Có tuệ do thông đạt mà không do nhầm chán.
3. Có tuệ do nhầm chán và do thông đạt.
4. Có tuệ không do nhầm chán cũng không do thông đạt.

Có tuệ do nhầm chán mà không phải do thông đạt, là tuệ chán ham muốn nhưng chưa thông đạt được thần thông, và chưa thông đạt 4 đế.

Có tuệ do thông đạt mà không do nhầm chán, là hiện khởi đạt được trí tuệ chán ham muốn và do trí tuệ này thông đạt thần thông, nhưng không thông đạt 4 đế.

Có tuệ do nhầm chán và cũng do thông đạt, là tuệ đạt được nơi 4 đạo.

Có tuệ chẳng phải do nhầm chán cũng chẳng phải do đạt, là trí tuệ ngoài 3 loại nói trên.

Lại có 4 loại tuệ, là:

1. Nghĩa biện.
2. Pháp biện.

3. Từ biện.

4. Lạc thuyết biện.

Trí tuệ hiểu nghĩa rõ ràng, là nghĩa biện.

Trí tuệ thông hiểu rõ ràng chính pháp, là pháp biện.

Trí tuệ hiểu rõ ngôn từ, là từ biện.

Trí tuệ có thể hiểu biết các thứ trí, là lạc thuyết biện.

Trí thông hiểu tất cả nhân quả, là nghĩa biện.

Trí thông hiểu tất cả nhân, là pháp biện.

Lạc thuyết pháp biện, là từ biện.

Trí tuệ có thể rõ tất cả trí, là lạc thuyết biện.

Lại nữa, trí thông đạt Khổ và Diệt, là nghĩa biện.

Trí thông đạt Tập Đạo, là pháp biện.

Nói pháp rành rẽ, là từ biện.

Trí hiểu rõ các trí, là lạc thuyết biện.

Lại nữa, thông hiểu Chính pháp, là pháp biện. Như tinh thông 12 loại bộ kinh: 1. Tu-đa-la. 2. Kì-dạ. 3. Xà-kha-la. 4. Giới-già-đà. 5. Ưu-đà-na. 6. I-đề-bạt-đa-già. 7. Xà-đa-già. 8. A-phù-đa-đạt-ma. 9. Tỳ-phật-lược. Đó gọi là pháp biện.

Hiểu rõ nghĩa các loại bộ kinh đó, gọi là nghĩa biện.

Có trí tuệ, ngôn từ để nói pháp, gọi là tự biện.

Có trí tuệ hiểu rõ tất cả trí, gọi là lạc thuyết biện.

Lại có nhãn trí, là pháp biện.

Nhãn trí làm kiến, là nghĩa biện.

Trí tuệ và ngôn từ để thuyết pháp, là từ biện.

Trí tuệ có thể hiểu biết tất cả trí, là lạc thuyết biện.

Lại có 4 loại tuệ, là:

1. Khô trí.
2. Khô tập trí.
3. Khô diệt trí.
4. Đạo đẳng phân trí.

Trí tuệ tương ưng với khô là Khô trí.

Trí tuệ tương ưng với khô tập là Khô tập trí.

Trí tuệ tương ưng với sự tu hành diệt khô là Khô diệt trí.

Đầy đủ 3 thứ trí tuệ trên, là Đạo đẳng phân trí.

(Xong phân phân biệt về tuệ)

QUYỂN 9 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

(Con đường giải thoát)

QUYỀN 10

Phẩm 11: NĂM PHƯƠNG TIỆN 1

Đến đây, hành giả mới tập thiền muốn thoát khỏi cảnh già, chết, muốn trừ nhân sinh tử, muốn trừ vô minh tối tăm, muốn cắt đứt dây ái, muốn được trí tuệ của bậc Thánh, thì phải khởi phương tiện ở 5 nơi. Đó là:

1. Âm phương tiện.
2. Nhập phương tiện.
3. Giới phương tiện.
4. Nhân duyên phương tiện.
5. Thánh đế phương tiện.

Hỏi: Thế nào là âm phương tiện?

Đáp: Âm phương tiện là phương tiện của 5 âm:

1. Sắc âm.
2. Thụ âm.
3. Tưởng âm.
4. Hành âm.
5. Thức âm.

Hỏi: Thế nào là sắc âm phương tiện?

Đáp: Là 4 đại và các sắc do 4 đại tạo thành.

Thế nào là 4 đại?

Là địa giới, thủy giới, hoả giới, phong giới.

Thế nào là địa giới?

Tính cứng, tướng cứng là địa giới.

Thế nào là thủy giới?

Tính ướt, hòa hợp các vật, là thủy giới.

Thế nào là hoả giới?

Sức nóng làm chín các vật là hỏa giới.

Thế nào là phong giới?

Có tính mang các vật đi theo là phong giới.

Người mới tập thiền dùng 2 thứ hành pháp là hoặc sơ lược hoặc rộng rãi mà nắm lấy 5 thứ ngăn che đó là tham, giận, thô tháo, và nghi. Xem phương pháp quán tưởng 4 đại đã nói ở trước sẽ rõ.

Hỏi: Thế nào là sắc do 4 đại tạo nên?

Đáp: Sắc do 4 đại tạo nên gồm có 26 thứ: 1. Nhãn nhập. 2. Nhĩ nhập. 3. Tỷ nhập. 4. Thiệt nhập. 5. Thân nhập. 6. Sắc nhập. 7. Thanh nhập. 8. Hương nhập. 9. Vị nhập. 10. Nữ căn. 11. Nam căn. 12. Mạng căn. 13. Thân tác. 14. Khẩu tác. 15. Hư không giới. 16. Khinh sắc. 17. Nhuyễn sắc. 18. Kham thụ trì sắc. 19. Tụ sắc. 20. Tương tục sắc. 21. Sinh sắc. 22. Lão sắc. 23. Vô thường sắc. 24. Khí vị đoàn thực. 25. Giới xứ sắc. 26. Thụy miên sắc. Đó là các sắc do 4 đại tạo nên.

Sao gọi là nhãn nhập?

Là có thể trông thấy sắc tướng, hoặc đối sắc tướng có phản ứng, có thể làm sở duyên cho nhãn thức sinh khởi. Đó gọi là nhãn nhập.

Lại nữa, trông con mắt gồm 3 khối tròn là trông trắng, trông đen và con ngươi tạo thành, bên trong đầy thịt, máu, gió, chất nhờn, chất lỏng 5 thứ hợp thành, có thể thấy như nửa hạt cải hay đầu con kiến. Nhãn nhập là nghiệp ban đầu làm thành, do 4 đại tạo ra, trong đó hỏa đại là thành phần nhiều nhất.

Sắc thanh tịnh do 4 đại này tạo thành, gọi là nhãn nhập.

Như Đại đức Xá-lợi-phất có nói: Do nhãn thức thanh tịnh mới thấy được các thứ sắc tướng bất đồng cho đến rất nhỏ, hoặc vi tế.

Sao gọi là nhĩ nhập?

Là có thể nghe được tiếng, hoặc có thể làm sở duyên cho nhĩ thức sinh khởi, đó gọi là nhĩ nhập.

Lại nữa, tai là 2 hốc lỗ bên trái và bên phải tạo thành có lông màu đỏ mọc ngoài biên, y theo lớp da mỏng trụ như cọng đậu xanh. Do nghiệp ban đầu tạo thành và 4 đại tạo nên, trong đó phong đại chiếm phần nhiều nhất. Sắc thanh tịnh do 4 đại này tạo thành, gọi là nhãn nhập.

Sao gọi là tỷ nhập?

Là có thể ngửi mùi hương, hoặc có phản ứng đối với các mùi, có thể làm sở duyên cho tỷ thức sinh khởi, đó gọi là tỷ nhập.

Lại nữa, trong 2 lỗ mũi có 3 thứ hòa hợp dựa vào lỗ nhỏ mà trụ như hình hoa Câu-tì-đà-la, do nghiệp ban đầu tạo nên, trong đó phong đại chiếm nhiều nhất. Sắc thanh tịnh do 4 đại này tạo thành, gọi là tỷ nhập.

Sao gọi là thiệt nhập?

Là có thể nếm vị, hoặc có phản ứng đối với các vị, có thể làm sở duyên cho thiệt thức sinh khởi, đó gọi là thiệt nhập.

Lại nữa, đầu lưỡi rộng độ 2 ngón tay, là miếng thịt hình giống như hoa Uất-bà-la, do nghiệp ban đầu tạo nên, trong đó thủy đại

chiếm nhiều nhất. Sắc thanh tịnh do 4 đại này tạo thành, gọi là thiết nhập.

Sao gọi là thân nhập?

Là có thể cảm giác xúc giác, hoặc có phản ứng đối với xúc giác, có thể làm sở duyên cho thân thức sinh khởi.

Lại nữa, trong thân thể trừ lông, tóc, móng, răng, các phần khác đều có cảm giác. Cũng như vậy thân nhập do nghiệp ban đầu tạo thành, do 4 đại tạo nên, trong đó địa đại là thành phần nhiều nhất. Sắc thanh tịnh do 4 đại này tạo thành, gọi là thân nhập.

Những sắc tướng có thể trông thấy, hoặc khiến có phản ứng, đó là sắc nhập.

Những âm thanh có thể nghe, hoặc khiến có phản ứng, đó là thanh nhập.

Những mùi hương có thể ngửi được, hoặc khiến có phản ứng, đó là hương nhập.

Những mùi vị có thể nếm được, hoặc khiến có phản ứng, đó là vị nhập.

Nữ căn là đặc tính của phái nữ.

Nam căn là đặc tính của phái nam.

Mạng căn là cái giữ gìn bảo vệ sắc thân do nghiệp lực tạo nên.

Thân tác là những hành vi thể hiện ra các hành động của thân thể.

Khẩu tác là những hành vi thể hiện ra lời nói.

Cái có thể khiến các sắc phân biệt được nhau, đó gọi là hư không giới.

Các sắc khinh có tính nhẹ, là khinh sắc.

Các sắc có tính mềm mại, là nhuyễn sắc.

Sắc nào mà thể, tướng, tính của nó có thể chịu đựng được, gọi là sắc kham thụ tri.

Ba thứ sắc kể trên, tức khinh sắc, nhuyễn sắc, và kham thụ tri sắc, là nguồn gốc làm cho thân trở nên không biếng nhác. Ba thứ này tụ nhập lại gọi là tụ sắc.

Vì sắc tụ tồn tại, tạo thành sắc liên tục không dứt nên gọi là tương tục sắc.

Có thể khiến sắc sinh khởi, gọi là sinh sắc.

Có thể khiến sắc chín muồi rồi già đi, gọi là lão sắc.

Có thể khiến sắc suy yếu, tàn tạ, gọi là vô thường sắc.

Sức sống của mọi loài chúng sinh được đứng vững tồn tại là nhờ ăn uống, đó gọi là đoàn thực.

Sắc dựa vào giới và ý thức giới sinh khởi, đó gọi là giới xứ sắc.

Các giới giải đãi, đó là thụ miên sắc.

Hai mươi sáu loại trên đây do 4 đại tạo nên, cùng với 4 đại, lập thành 36 sắc.

Hỏi: Bốn đại và các sắc do 4 đại tạo nên, khác nhau thế nào?

Đáp: Bốn đại dựa vào nhau cùng sinh.

Các sắc do 4 đại tạo thành dựa vào 4 đại mà sinh.

Các sắc do 4 đại tạo ra không phải chỗ dựa của 4 đại, cũng không phải chỗ dựa của các sắc khác do 4 đại tạo ra.

Như 3 cây gậy dựa vào nhau mà đứng, sự nương tựa vào nhau của 4 đại cũng được hiểu như vậy. Như bóng rọi xuống của 3 cây gậy, các sắc do 4 đại tạo ra cũng được hiểu như vậy.

Đó là chỗ khác biệt.

Người tu thiền với 30 sắc có thể dùng 5 thứ hành pháp để diễn thành thù thắng.

Năm hành pháp đó là: 1. Khiến khởi lên. 2. Tụ hội lại. 3. Sinh ra. 4. Dùng nhiều thứ. 5. Dùng đồng nhất.

Hỏi: Thế nào là do khiến khởi có thể biết 30 thứ sắc pháp?

Đáp: Trong 30 thứ sắc này, do 4 thứ nhân duyên khiến khởi. Đó là:

1. Nhân duyên của nghiệp khởi.
2. Nhân duyên của tâm khởi.
3. Nhân duyên thời tiết khởi.
4. Nhân duyên của ăn khởi.

Sắc do nhân duyên của nghiệp khởi có 9 thứ, đó là: 1. Nhãn nhập. 2. Nhĩ nhập. 3. Tỷ nhập. 4. Thiệt nhập. 5. Thân nhập. 6. Nữ căn. 7. Nam căn. 8. Mạng căn. 9. Giới xứ sắc.

Sắc do nhân duyên của tâm khởi có 2 thứ, đó là: 10. Thân tác. 11. Khẩu tác.

Sắc do nhân duyên của thời tiết và tâm khởi có 1 thứ, đó là: 12. Thanh nhập.

Sắc do nhân duyên của thời tiết, tâm, và cái ăn khởi có 4 thứ, đó là: 13. Kinh sắc. 14. Nhuyễn sắc. 15. Kham thụ trì sắc. 16. Thụy miên sắc.

Sắc do 4 nhân duyên là nghiệp, tâm, thời tiết và cái ăn khởi lên có 12 thứ, đó là: 17. Sắc nhập. 18. Hương nhập. 19. Vị nhập. 20. Hư không giới sắc. 21. Tụ sắc. 22. Tương tục sắc. 23. Sinh sắc. 24. Đoàn thực. 25. Địa đại giới sắc. 26. Thủy đại giới sắc. 27. Hỏa đại giới sắc. 28. Phong đại giới sắc.

Sắc không khởi, có 2 thứ đó là: 29. Sắc lão. 30. Sắc vô thường.

Lại nữa, trong pháp nhân duyên thì sinh duyên lão, lão duyên vô thường. Từ điểm này có thể biết do nhân duyên khiến khởi các thứ hành pháp thù thắng.

Hỏi: Thế nào là do sắc tụ có thể biết được 30 thứ sắc pháp?

Đáp: Sắc tụ do nhân duyên của nghiệp khởi lên có 9 thứ.

Sắc tụ do nhân duyên của tâm khởi lên có 9 thứ.

Sắc tụ do nhân duyên của thời tiết khởi lên có 6 thứ.

Sắc tụ do nhân duyên cái ăn khởi lên có 3 thứ.

Hỏi: Những gì là 9 thứ tụ sắc do nhân duyên của nghiệp khởi?

Đáp: Đó là: 1. Nhãn 10 tụ. 2. Nhĩ 10 tụ. 3. Tỷ 10 tụ. 4. Thiệt 10 tụ. 5. Thân 10 tụ. 6. Nữ căn 10 tụ. 7. Nam căn 10 tụ. 8. Giới xứ 10 tụ. 9. Mạng căn 9 tụ.

Hỏi: Sao gọi là nhãn 10 tụ?

Đáp: Nhãn nhập thanh tịnh sắc, 4 đại giới là chỗ y chỉ, mà nhãn nhập lại dựa vào sắc của 4 đại giới. Do đó địa, thủy, hỏa, phong, sắc, hương, vị, xúc, mạng căn, và thêm nhãn nhập thanh tịnh sắc của tự thân là 10. Mười thứ sắc pháp này cùng sinh không rời nhau nên gọi là tụ, và cũng gọi là nhãn 10 tụ

Theo pháp nhân duyên mà nói thì sự sinh khởi của nhãn 10 tụ gọi là sắc sinh, chín muồi, gọi là sắc lão, suy yếu, gọi là sắc vô thường, phân biệt, là hư không giới.

Sắc sinh, sắc lão, sắc vô thường, sắc hư không giới 4 pháp này với nhãn 10 tụ sở duyên cùng nhau sinh khởi.

Khi nhãn 10 tụ đó già đi thì sinh ra một nhãn thập thứ nhĩ. Khi 2 nhãn 10 tụ cùng tồn tại, đó là một thứ tụ pháp. Nhãn 10 tụ thứ nhĩ đuổi theo nhãn 10 tụ thứ nhất một cách khắn thiết, đó gọi là tương tục.

Sắc tụ, sắc tương tục, thêm với sinh, lão, vô thường, hư không là 6 thứ sắc pháp. Sáu sắc pháp này với sở duyên của nhãn 10 tụ cùng nhau sinh khởi.

Khi nhãn 10 tụ thứ nhì đã già lão thì sinh ra nhãn 10 tụ thứ ba. Khi nhãn 10 tụ thứ nhì và nhãn 10 tụ thứ ba cùng tồn tại thì gọi là sắc tụ. Nhãn 10 tụ thứ ba theo đuổi nhãn 10 tụ thứ hai một cách khẩn thiết, đó gọi là sắc tương tục.

Khi nhãn 10 tụ thứ nhất suy tàn, nhãn 10 tụ thứ nhì lão hóa, nhãn 10 tụ thứ ba sinh khởi, cả quá trình đó xảy ra chỉ trong 1 sát-na. Các nhãn 10 tụ sinh khởi như vậy, sự quan hệ giữa sắc và sắc, quan hệ đây kia không thể nào nhận biết được vì thời gian trong quá trình đó vô cùng nhanh chóng, tri thức thế gian không thể hiểu biết được.

Người tu thiền thấy nhãn tương tục như dòng nước chảy, như ngọn lửa đèn cứ cháy mãi liên tục, đó gọi là nhãn 10 tụ.

Cùng như vậy, nhĩ 10 tụ, tỹ 10 tụ, thiệt 10 tụ, thân 10 tụ, nữ căn 10 tụ, nam căn 10 tụ và mạng căn 9 tụ, suy rộng ra có thể hiểu được.

Hỏi: Những gì là 9 sắc tụ do tâm khởi?

Đáp: Đó là: 1. Thanh tịnh 8 tụ. 2. Thanh tịnh thân tác 9 tụ. 3. Thanh tịnh khẩu tác 7 tụ. 4. Thanh tịnh khinh 9 tụ. 5. Khinh thân tác 10 tụ. 6. Khinh khẩu tác 11 tụ. 7. Thanh tịnh nhãn 9 tụ. 8. Nhãn thân làm 10 tụ. 9. Nhãn khẩu làm 11 tụ.

Hỏi: Thế nào là tâm khởi thanh tịnh 8 tụ?

Đáp: Là 8 thứ thanh tịnh sắc do tâm khởi, đó là địa, thủy, hỏa, phong, của 4 đại giới và sắc, hương, vị, xúc. Tám pháp này cùng sinh và không tách rời nhau. Đó gọi là 8 thứ thanh tịnh tụ.

Khi 8 thứ thanh tịnh tụ này khởi là sắc sinh, khi chín muồi là sắc lão, khi suy tàn là vô thường, khi được phân biệt là hư không

giới. Do đó sinh sắc, lão sắc, vô thường sắc, hư không giới sắc, 4 thứ sắc pháp này theo 8 thứ thanh tịnh tụ sở duyên này cùng khởi.

Ngay khi 1 cái thanh tịnh 8 tụ suy tàn thì đồng thời tâm sinh khởi thanh tịnh 8 tụ thứ nhì. Ngay khi thanh tịnh 8 tụ thứ nhất suy tàn và thanh tịnh 8 tụ thứ nhì sinh khởi, quá trình đó diễn ra trong 1 sát-na, đồng thời sinh khởi chứ không phải lần lượt 1 sắc rồi 1 sắc tụ tập lại.

Quá trình sinh khởi của thanh tịnh 8 tụ thứ ba cũng giống như vậy.

Quá trình sinh khởi của thanh tịnh khinh 9 tụ, thanh tịnh nhãn 9 tụ và thanh tịnh sắc 8 tụ cũng giống như vậy.

Ngoài ra 6 thứ sắc tụ khác do tạo tác mà thành là: thanh tịnh thân tác 9 tụ, thanh tịnh khẩu tác 7 tụ, khinh thân tác 10 tụ, khinh khẩu tác 11 tụ, nhãn thân tác 10 tụ, nhãn khẩu tác 11 tụ. Sáu thứ sắc tụ này không suy tàn, do đó sắc tụ thứ nhì không sinh khởi, và cũng không có sự tồn tại của sát-na tâm.

Vì sao 1 tâm không thể làm khởi 2 động tác?

Điều này mấy chương trước đã nói rõ.

Hỏi: Những gì là 6 thứ tụ sinh khởi theo thời tiết?

Đáp: Đó là: 1. Thanh tịnh 8 tụ. 2. Thanh tịnh thanh 9 tụ. 3. Thanh tịnh khinh 9 tụ. 4. Thanh tịnh khinh thanh 10 tụ. 5. Thanh tịnh nhãn 9 tụ. 6. Thanh tịnh nhãn thanh 10 tụ.

Trong đó chỉ có thanh tịnh 8 tụ và thanh tịnh thanh 9 tụ vì là ngoại tụ nên hình thành thanh tịnh 8 tụ thứ nhì, và thanh tịnh thành 9 tụ thứ nhì.

Hỏi: Thế nào là 3 thứ tụ khởi do nhân duyên cái ăn?

Đáp: Đó là: 1. Thanh tịnh 8 tụ. 2. Thanh tịnh khinh 9 tụ. 3. Thanh tịnh nhãn 9 tụ.

Nhân duyên thời tiết và nhân duyên cái ăn khởi nhiều thứ tụ liên tục theo nghiệp và xứ tương tự có thể biết được. Ngoài ra như trước đã nói.

Mạng căn 9 tụ, nơi cõi trời Dục giới, là sắc tụ do nghiệp sinh khởi chỉ có 8 thứ. Bởi vì ở cõi trời Dục giới phải có thọ mạng thành cuộc sống, do đó không có mạng căn 9 tụ.

Ngoài ra, tỹ nhập, thiết nhập, thân nhập, nam căn, nữ căn, kinh sắc, nhuyển sắc, kham thụ trì sắc và thụ miên sắc, 9 thứ sắc pháp này ở trời Sắc giới không cần mạng căn 9 tụ của trời Dục giới.

Nơi cõi trời Vô tướng Phạm thiên lấy Thân Nhất thiết nhập mà thành cuộc sống.

Trên đây là lấy tụ có thể biết 30 thứ sắc pháp.

Hỏi: Sao gọi là lấy sinh có thể biết 30 thứ sắc pháp?

Đáp: Nam hay nữ khi nhập thai, trong 1 sát-na sinh 30 thứ sắc pháp. Đó là: Giới xứ 10 tụ, thân 10 tụ, hoặc nữ căn 10 tụ, hoặc nam căn 10 tụ. Người ái nam ái nữ khi nhập thai trong 1 sát-na chỉ sinh 20 sắc pháp là giới xứ 10 tụ và thân 10 tụ.

Hóa sinh nơi Dục giới thì nam căn, nữ căn có đủ. Khi sinh, trong 1 sát-na sinh khởi 70 mười thứ sắc pháp là: Giới xứ 10 tụ, thân 10 tụ, nhãn 10 tụ, nhĩ 10 tụ, tỹ 10 tụ, thiết 10 tụ, nữ căn 10 tụ, hoặc nam căn 10 tụ.

Hóa sinh nơi đường ác, người mù bẩm sinh, trong 1 sát-na sinh khởi 60 sắc pháp, đó là 70 sắc pháp của Dục giới trừ nhãn 10 tụ.

Cũng như vậy người điếc bẩm sinh, trong 1 sát-na chỉ sinh khởi 60 sắc pháp, tức 70 sắc pháp của Dục giới trừ nhĩ 10 tụ.

Người bẩm sinh vừa mù vừa điếc thì khi sinh, trong 1 sát-na chỉ sinh khởi 50 sắc pháp, tức 70 sắc pháp của Dục giới trừ nhãn 10 tụ và nhĩ 10 tụ.

Hóa sinh nơi đường ác, đầy đủ các căn mà không phải nam không phải nữ, và con người khi thế giới mới thành, khi sinh trong 1 sát-na sinh khởi 60 sắc pháp, tức 70 sắc pháp của Dục giới trừ căn 10 tụ của nam hoặc của nữ.

Cũng như vậy, hóa sinh nơi đường dữ, các căn không đầy đủ, bị mù bầm sinh hoặc chẳng phải nam chẳng phải nữ thì khi sinh trong 1 sát-na sinh khởi 50 thứ sắc pháp, tức 70 sắc pháp của Dục giới trừ nhãn 10 tụ và nam căn 10 tụ hoặc nữ căn 10 tụ.

Điếc bầm sinh hoặc phi nam, phi nữ thì khi sinh trong 1 sát-na sinh khởi 50 sắc pháp, tức 70 sắc pháp của Dục giới trừ nhĩ 10 tụ và nam căn 10 tụ hoặc nữ căn 10 tụ.

Điếc bầm sinh, mù bầm sinh hoặc phi nam phi nữ, khi sinh trong 1 sát-na sinh khởi 40 thứ sắc pháp, tức chỉ có giới xứ 10 tụ, thân 10 tụ, tỷ 10 tụ và thiệt 10 tụ.

Chúng sinh sinh trời Phạm Thiên, khi sinh trong 1 sát-na sinh khởi 49 thứ sắc pháp, tức: giới xứ 10 tụ, nhãn 10 tụ, nhĩ 10 tụ, thân 10 tụ và mạng căn 9 tụ.

Chúng sinh sinh trời Vô Tướng, khi sinh trong 1 sát-na khởi 9 thứ sắc pháp, đó là mạng căn 9 tụ.

Trên đây là lấy sinh có thể biết 30 thứ sắc pháp.

Hỏi: Sao gọi là do các chủng loại khác nhau mà biết được 30 thứ sắc pháp?

Đáp: Tất cả sắc pháp có thể phân thành 2 loại lớn và nhỏ. Trong đó 12 sắc pháp lớn nội ngoại sắc nhập do nghĩa có đối. Đó là nhãn, sắc, nhĩ, thanh, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, mạng căn, nữ căn và nam căn thuộc đại sắc pháp. Còn lại 18 thứ sắc pháp nhỏ do nghĩa không đối. Đó là địa, thủy, hỏa, phong, thân tác, khẩu tác, hư không giới sắc, khinh sắc, nhuyễn sắc, kham thụ trì sắc, tụ sắc, tương tục sắc,

sinh sắc, lão sắc, vô thường sắc, khí vị đoàn thực, giới xứ sắc, và thụy miên sắc thuộc về sắc pháp nhỏ.

Lại nữa, tất cả sắc pháp có thể chia làm 2 loại là nội và ngoại. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhất thiết nhập có thể sinh khởi tương đối với cảnh giới ngoại tại. Do đó thuộc vào nội sắc pháp. Còn lại 25 thứ không sinh khởi cảnh giới thuộc về ngoại sắc pháp.

Lại nữa, tất cả sắc pháp có thể chia làm 2 loại là mạng căn và phi mạng căn. Ở đây có 8 thứ sắc pháp, 5 thứ nội sắc pháp là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn. Thêm vào nam căn, nữ căn và mạng căn đều dựa vào nghĩa của căn, thuộc mạng căn sắc pháp. Còn 22 sắc pháp còn lại không dựa vào nghĩa của căn, thì thuộc về phi mạng căn sắc pháp.

Tất cả sắc pháp có thể chia làm 3 loại: thụ sắc, phi thụ sắc, và hữu hoại sắc.

Ở đây có 9 thứ sắc pháp thuộc nghiệp báo tạo thành là hữu thụ sắc pháp. Chín thứ sắc pháp này là 8 mạng căn gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn, và mạng căn, thêm vào giới xứ sắc.

Chín thứ sắc pháp chẳng nghiệp báo tạo thành thuộc phi thụ sắc pháp. Chín thứ sắc pháp này là: thanh nhập, thân tác, khẩu tác, khinh sắc, duyên sắc, kham thụ trì sắc, lão sắc, vô thường sắc và thụy miên sắc.

Còn lại 12 thứ sắc pháp thuộc nghiệp báo tạo thành, hoặc chẳng phải nghiệp báo tạo thành, do đó là pháp có hoại diệt. Mười hai thứ sắc pháp đó là: địa, thủy, hỏa, phong, sắc, hương, vị, hư không giới sắc, tụ sắc, tương tục sắc, sinh sắc và khí vị đoàn thực.

Lại nữa, tất cả sắc pháp có thể chia làm 3 loại: có đối tượng có thể thấy, có đối tượng không thể thấy, và không có đối tượng không thể thấy.

Ở đây, tất cả sắc pháp có thể thấy, có thể chạm xúc là có đối tượng có thể thấy. Loại sắc pháp này gọi là sắc nhập.

Mười một sắc pháp có đối tượng chạm xúc được, nhưng không thể thấy là các đại sắc còn lại, trừ các sắc nhập, vì chúng tuy không thấy được, nhưng xúc chạm được.

Mười một thứ sắc pháp này là trong 12 thứ đại sắc pháp trừ sắc nhập. Đó là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, mạng căn, nữ căn, nam căn. (Các sắc pháp có đối tượng có thể thấy và các sắc pháp có đối tượng nhưng không thể thấy đều thuộc đại sắc pháp)

Mười tám sắc pháp còn lại là sắc vi tế không có đối tượng thấy được, không xúc chạm được. Đó là địa, thủy, hỏa, phong, thân tác, khẩu tác, hư không giới sắc, khinh sắc, nhuuyến sắc, kham thụ trì sắc, tụ sắc, tương tục sắc, sinh sắc, lão sắc, vô thường sắc, khí vị đoàn thực, giới ngoại sắc và thụy miên sắc. (Các sắc không có đối tượng và không thể thấy thuộc vi tế sắc pháp)

Tất cả sắc được chia thành 4 chủng loại đó là: tự tính sắc, hình sắc, tướng sắc, và phân biệt sắc.

Ở đây, trừ 12 thứ sắc pháp, còn 18 thứ sắc pháp thuộc tự tính sắc. Trong đó nữ căn, nam căn, mạng căn, thủy giới, khí vị đoàn thực, giới xứ sắc và thụy miên sắc, 7 thứ sắc pháp này do có hình đầy đủ nên thành 7 hình sắc.

Thân tác, khẩu tác, khinh sắc, nhuuyến sắc, kham thụ trì sắc, tụ sắc, tương tục sắc, 7 thứ sắc pháp này do tự tính biến hóa thành 7 biến sắc.

Sinh sắc, lão sắc và vô thường sắc vì là tướng hữu vi thành 3 tướng sắc.

Hư không giới sắc do có thể phân biệt sắc tụ, thành 1 phân biệt sắc.

Như vậy trong 18 thứ sắc pháp này, trừ hư không giới sắc, có thể đối, sở duyên sắc tự khởi phân biệt, các sắc pháp còn lại không khởi phân biệt.

Trên đây là dùng các thứ khác nhau có thể biết 30 thứ sắc pháp.

Hỏi: Thế nào là dùng 1 thứ mà phân biệt được 30 thứ sắc pháp?

Đáp: Tất cả sắc pháp đều không phải nhân, cũng không phải không nhân, hoặc không tương ứng với nhân.

Có duyên, có tạo tác là thuộc pháp thế gian.

Có sót lọt, có trôi buộc, có lưu chuyển, có kết chặt, có ách nạn, có ngăn che, hề tiếp xúc thì đều có nẻo đến, có phiền não.

Vô ký, vô sự, chẳng phải tâm số pháp, không tương ưng tâm pháp là thuộc Tiểu Dục giới.

Bất định, phi thừa, không với lạc thụ cùng khởi, không với khổ thụ cùng khởi, hoặc cùng khởi với không khổ thụ không lạc thụ, không khiến tự, hoặc chẳng phải không khiến tự, chẳng phải học, hoặc chẳng phải chẳng học, chẳng phải do kiến đạo đoạn, hoặc chẳng phải do tư duy đoạn. Đó là dùng 1 thứ pháp thù thắng mà phân biệt được 30 thứ sắc pháp.

Trên đây là nói về sắc ấm phương tiện, trong 5 ấm phương tiện.

Hỏi: Thế nào là thụ ấm phương tiện?

Đáp: Là với tướng sở duyên, dùng giới tâm thụ trì, đó là tướng 1 cảm thụ.

Với thân thụ và ý thụ, thì đó là giới và xứ 2 cảm thụ.

Với cảm thụ vui, cảm thụ khổ, và cảm thụ không vui không khổ, đó là tự tính 3 cảm thụ.

Với cảm thụ thiện, cảm thụ bất thiện, cảm thụ báo, cảm thụ về sự, đó gọi là 4 cảm thụ đối với pháp.

Với cảm thụ về lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, đó gọi là 4 cảm thụ đối với căn.

Với cảm thụ vui hữu lậu, cảm thụ vui vô lậu, cảm thụ khổ hữu lậu, cảm thụ khổ vô lậu, cảm thụ không khổ không vui hữu lậu, cảm thụ không khổ không vui vô lậu, đó gọi là đen trắng 6 cảm thụ.

Từ tiếp xúc với mắt sinh cảm thụ, từ tai sinh cảm thụ, từ mũi sinh cảm thụ, từ tiếp xúc với lưỡi sinh cảm thụ, từ thân sinh cảm thụ, từ ý sinh cảm thụ, từ ý thức giới sinh cảm thụ, đó gọi là cửa ngõ của 7 cảm thụ.

Y theo ái khởi 6 cảm thụ, y xuất ly khởi 6 cảm thụ, y ái ưu khởi 6 cảm thụ, y xuất ly ưu khởi 6 cảm thụ, y ái xả khởi 6 cảm thụ, y xuất ly xả khởi 6 cảm thụ, đó gọi là 36 cảm thụ.

Nếu dùng pháp rộng rãi hành 36 cảm thụ trong 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì tổng cộng khởi 108 cảm thụ.

Trên đây là nói thụ ấm phương tiện, trong 5 ấm phương tiện.

Hỏi: Thế nào là tướng ấm phương tiện?

Đáp: Do tâm biết sự việc, đó gọi là tướng 1 tướng.

Tướng điên đảo, tướng không điên đảo, đó gọi là đen trắng 2 tướng.

Tướng tham dục, tướng giận dữ, tướng làm hại, đó gọi là 3 tướng bất thiện.

Tướng xuất ly, tướng không hờn giận, tướng không làm hại, đó gọi là 3 tướng thiện.

Với chỗ bất tịnh khởi tướng tịnh, với khổ khởi tướng vui, với vô thường khởi tướng thường, với vô ngã khởi tướng có ngã, đó gọi là 4 tướng về không biết nghĩa tự tính của xứ môn.

Với chỗ bất tịnh khởi tướng bất tịnh, với khổ khởi tướng khổ, với vô thường khởi tướng vô thường, với vô ngã khởi tướng vô ngã, đó gọi là 4 tướng về hiểu biết nghĩa tự tính của xứ môn.

Với chỗ bất tịnh khởi tướng tịnh, với chỗ bất tịnh khởi tướng bất tịnh, với chỗ tịnh khởi tướng bất tịnh, với chỗ tịnh khởi tướng tịnh, với chỗ tịnh bất tịnh khởi tướng hoài nghi, đó gọi là 5 tướng của Tì-ni.

Tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng pháp, đó gọi là 6 tướng về sự, tức đối tượng.

Từ nhãn xúc sinh tướng, từ nhĩ xúc sinh tướng, từ tỷ xúc sinh tướng, từ thiệt xúc sinh tướng, từ thân xúc sinh tướng, từ ý giới xúc sinh tướng, từ ý thức giới xúc sinh tướng, đó gọi là cửa ngõ của 7 tướng.

Trên đây là nói các thứ tướng, tức các tướng âm phương tiện.

Hỏi: Thế nào là hành âm phương tiện?

Đáp: Xúc, tư, giác, quán, hỷ, tâm, tinh tiến, niệm, định, tuệ, mạng căn, ngăn che, không tham, không giận, tự thẹn, hổ thẹn, khinh an, dục, giải thoát, xả, tác ý, tham, giận, vô minh, mạn, kiến, điều, hối, nghi, biếng nhác, không tự thẹn, không xấu hổ, trừ thụ âm và tướng âm, tất cả tâm số pháp đều thuộc hành âm.

Xúc, là tâm tiếp xúc với đối tượng, ví như ánh sáng mặt trời chiếu lên tường. Tướng là tác động của xúc.

Tư, là tâm chuyển động, ví như làm nhà trước phải có đầy đủ các phương pháp kiến trúc. Cửa ngõ đi vào đối tượng là nơi tác động của tư duy.

Giác, là dùng tâm làm thay cho miệng, ví như dùng tâm tụng kinh chứ không dùng miệng đọc. Tướng là tác xú của giác.

Quán, là dùng tâm quan sát sự vật, ví như tâm theo nghĩa của tư. Giác là tác xú.

Hỷ, là tâm vui mừng, ví như người được vật gì. Tâm phần chân là tác xú của hỷ.

Tâm, là tâm thanh tịnh, ví như người trì chú làm cho nước trong sạch. Bốn phần sở duyên của Tu-đà-hoàn, tức giới, định, tuệ và xả là túc xứ của tâm.

Tinh tiến, là tâm dũng mãnh, ví như con bò khoẻ có thể chở vật nặng. Sở duyên nơi 8 việc, tức sắc, nhãn giới, thanh, nhĩ giới, hương, tỷ giới, vị, thiết giới, là túc xứ của tinh tiến.

Niệm, là tâm thận trọng giữ gìn, ví như người tay bưng bát dầu. Sở duyên 4 niệm xứ, tức thân, thụ, tâm, pháp, là túc xứ của niệm.

Định, là tâm chuyên nhất, ví như ngọn đèn trong cung điện. Sở duyên 4 thứ thiền pháp là túc xứ của định.

Tuệ, là tâm nhìn thấy, ví như mắt trông thấy đồ vật. Sở duyên 4 Thánh đế, tức khổ, tập, diệt, đạo, là túc xứ của tuệ.

Mạng căn, là pháp vô sắc, là mạng sống, ví như nước nuôi sống hoa Uất-ba-la. Sở duyên danh sắc là túc xứ của mạng căn.

Cái, là ngăn che, tâm chắm dứt hoặc lià bỏ các thứ ác niệm, ví như người muốn sống vui phải không chấp nhận mọi độc hại. Sở duyên 4 thứ thiền pháp là túc xứ của cái.

Không tham, là tâm đã buông bỏ mọi chấp trước, ví như người đã hết nợ nần. Sở duyên pháp xuất ly là túc xứ của tâm không tham.

Không giận, là tâm không còn giận dữ, dịu như da mèo. Sở duyên 4 tâm vô lượng, tức từ, bi, hỷ, xả, là túc xứ của không giận.

Tàm, là tâm biết hổ thẹn các việc làm ác, ví như góm ghiếc đồ đại tiểu tiện. Sở duyên tự bản thân mình là túc xứ của sự hổ thẹn.

Quý, là tâm sợ sự làm ác, ví như thông thường dân đen sợ quan địa phương. Sở duyên nơi người đời là túc xứ của sự xấu hổ với kẻ khác.

Ỗ, tức khinh an, là đã dứt tâm dao động, ví như người đang nóng bức mà tắm nước mát. Sở duyên pháp hỷ là túc xứ của khinh an.

Dục, là tâm ưa làm việc thiện, tạo nghiệp thiện, ví như thí chủ có tín tâm kiên cố. Sở duyên 4 như ý túc, tức dục, cần, tâm, quán, là túc xứ của dục.

Giải thoát, là tâm đã khắc phục những hiện tượng tâm lý quanh co uẩn khúc, ví như dòng nước sâu. Sở duyên giác, quán, là túc xứ của giải thoát.

Xả, là tâm không đi không đến, ví như người cầm cân. Sở duyên pháp tinh tiến v.v..., là túc xứ của xả.

Tác ý, là khiến tâm sinh khởi các thứ pháp, ví như người cầm cái quả cân. Sở duyên pháp thiện và pháp bất thiện là túc xứ của tác ý.

Tham, là tâm tiếp thụ các sắc đáng yêu đáng thích, ví như yêu thích con ngỗng. Sở duyên đối tượng đáng yêu thích là túc xứ của tham.

Giận, là tâm kích động, ví như người ta đối với sự giận dữ của con rắn độc. Sở duyên 10 sân nhuế xứ, tức 10 sử, gồm tham, sân, si, mạn, nghi, thân, biên, tà, kiến thủ, giới cầm thủ, là túc xứ của giận hờn.

Vô minh, là tâm không có tri kiến, ví như người mù. Sở duyên 4 điên đảo, tức thường, lạc, ngã, tịnh, là túc xứ của vô minh.

Mạn, là tâm cao ngạo, ví như 2 người đang đánh nhau. Sở duyên 3 thứ mạn, tức mạn kiến, mạn sử, mạn kết, là túc xứ của mạn.

Kiến thủ, là tâm cố chấp, ví như người mù sờ voi. Nghe người ta nói mà không phán đoán là túc xứ của kiến thủ.

Điệu, tức trạo cử, là tâm không ở yên, ví như nước đang sôi sùng sục. Sở duyên tinh tiến gấp gáp là túc xứ của trạo cử.

Hối, là tâm thoái chuyển, ví như nghiêng về thích thú điều bất tịnh. Làm các ác hạnh khiến thiện tâm thoái lui là túc xứ của hối.

Nghi, là tâm chấp vào nhiều ngã, không có một quyết định, ví như người phân vân trước ngã 3 đường. Sở duyên tác ý không đúng là túc xứ của hoài nghi.

Giải đãi, tức biếng nhác, là tâm lười biếng như con rắn khoanh mình ẩn trốn. Sở duyên 8 chỗ lười biếng, tức nghi, phóng dật, giải đãi, không tin, hôn trầm, trạo cử, không tự thẹn, không xấu hổ với người khác, là túc xứ của giải đãi.

Vô tâm, tức không tự thẹn, là tâm làm ác không biết hổ thẹn, ví như người Chiên-đà-la. Sở duyên 6 chỗ không cung kính, tức lừa đảo, nịnh bợ, kiêu ngạo, quấy rối, hận, làm hại, là túc xứ của sự không tự thẹn.

Vô quý, tức xấu hổ với người khác, là tâm làm ác mà không biết sợ, ví như ông vua tàn ác. Sở duyên 6 chỗ không cung kính, tức lừa đảo, nịnh bợ, kiêu ngạo, quấy rối, hận, làm hại, là túc xứ của sự không biết xấu hổ.

Trên đây là nói 32 thứ phương tiện hành pháp, tức gọi là hành âm phương tiện.

Hỏi: Thế nào là thức âm?

Đáp: Thức âm gồm có 7 thứ là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới, ý thức giới.

Như vậy, mắt duyên sắc sinh thức gọi là nhãn thức. Tai duyên âm thanh sinh thức gọi là nhĩ thức. Mũi duyên mùi hương sinh thức gọi là tỷ thức. Lưỡi duyên mùi vị sinh thức gọi là thiệt thức. Thân duyên sự chạm xúc sinh thức gọi là thân thức. Ý giới dựa vào xứ mà khởi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân làm 5 việc trước sau có thứ lớp, sinh ra thức, đó gọi là ý giới. Ý thức giới là, ngoại trừ 6 thức vừa kể ra, phần còn lại của tâm được gọi là ý thức giới.

Có 3 thứ hành pháp thù thắng có thể biết 7 thức. Ba thứ hành pháp đó là: 1. Do xứ sự. 2. Do sự. 3. Do pháp.

Hỏi: Thế nào là do xứ sự mà biết rõ được các thức?

Đáp: Năm thức trước, tức nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức khác nhau về nơi chốn (xứ) và về đối tượng (sự).

Ý giới và ý thức giới cùng chung một nơi chốn (xứ).

Ý giới có 5 đối tượng (sự).

Ý thức giới có 6 đối tượng (sự).

Năm thức có pháp bên trong (nội pháp) và nơi chốn bên trong (nội xứ), nhưng đối tượng thì ở bên ngoài (ngoại sự).

Ý giới cũng có pháp bên trong (nội pháp), nhưng xứ và đối tượng ở bên ngoài.

Ý thức giới cũng có pháp bên trong (nội pháp), xứ ở bên ngoài (ngoại xứ) mà đối tượng có thể bên trong (nội sự) hoặc bên ngoài (ngoại sự).

Ý thức giới của nơi sơ sinh và đối tượng sơ sinh, khi nhập thai, trong một sát-na thức xứ cùng sinh với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý giới.

Trước khi sinh, nơi sơ sinh không có sắc và tất cả đối tượng nào tồn tại.

Trên đây là nói do xứ và sự có thể biết được 7 thức.

Hỏi: Thế nào do sự (đối tượng) mà biết được 7 thức?

Đáp: Năm thức mỗi mỗi đều có cảnh giới riêng. Chúng không theo thứ tự sinh, không sinh trước hoặc sinh sau, không sinh khởi một cách tán loạn.

Bởi 5 thức, tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức trừ khi mới khởi không thể biết có pháp.

Bởi ý giới, tức thức thứ 6, trừ khi ý chuyển cũng không thể biết có pháp.

Bởi 6 thức tuy không có 4 oai nghi là tướng đi đứng nằm ngồi, nhưng lại có khả năng an lập 4 oai nghi một cách mau chóng.

Bởi tự tính của thức 6 không có thân nghiệp, khẩu nghiệp, thiện pháp, bất thiện pháp, nhưng lại có khả năng thụ trì 4 pháp này một cách nhanh chóng.

Bởi thức thứ 6 không có tâm niệm nhập định và sinh khởi tâm an ổn rõ ràng, nhưng lại có khả năng nhập định một cách nhanh chóng và sau đó phân biệt được thế nào là tâm an ổn rõ ràng.

Bởi thức thứ 6 không có kết thúc, không có sinh khởi, nhưng lại có khả năng dùng tâm sau đó phân biệt kết thúc và sinh khởi, hoặc sau khi đối tượng sở duyên kết thúc, do quả báo chuyển sinh ý thức giới.

Bởi thức thứ 6 không ngủ, không thức giấc, không thấy chiêm bao, nhưng lại có khả năng do tâm sau này phân biệt mới có ngủ, chuyển ý thành thức giấc hoặc thấy chiêm bao một cách nhanh chóng.

Trên đây là nói thế nào là do sự có thể biết 7 thức.

Hỏi: Thế nào là do pháp có thể biết 7 thức?

Đáp: Năm thức có giác, có quán.

Ý thức cũng có giác, có quán.

Ý thức giới, do pháp phương tiện, khi thì có giác có quán, hoặc không có giác mà có ít quán, hoặc không giác không quán.

Năm thức cùng đi với xả.

Thân thức, do pháp phương tiện, khi thì đi với khô, hoặc với lạc.

Ý thức giới, do pháp phương tiện, khi thì đi với hỷ, hoặc với ưu, hoặc với xả.

Năm thức có quả báo.

Ý giới, do pháp phương tiện, có quả báo tồn tại.

Ý thức giới, do pháp phương tiện, quá báo tồn tại khi thiện hoặc bất thiện.

Thứ thứ 6 không nhân, không khởi.

Năm thức là pháp thế gian vì là hữu lậu, có kết sử, có ràng buộc, có lưu chuyển, có ách nạn, có sự che khuất, có tiếp xúc, có chấp thủ, có phiền não, không do kiến đạo đoạn, không do tư duy mà đoạn được, chẳng phải là tự, chẳng phải chẳng phải tự, là chẳng phải học, là chẳng phải chẳng phải học, là thuộc Tiểu Dục giới, bất định, phi thừa.

Ý thức giới, tất cả pháp nhân duyên nơi đây đều hoại diệt.

Trên đây là nói do pháp thù thắng có thể biết 7 thức.

Trên đây là nói về phương tiện thức âm.

Trên đây là nói về phương tiện của 5 âm.

Lại nữa, có 4 thứ hành pháp thù thắng có thể biết phương tiện của 5 âm.

Bốn hành pháp đó là: 1. Do nghĩa câu. 2. Do tướng. 3. Do phân biệt. 4. Do thân nhiếp.

Hỏi: Thế nào là do nghĩa câu có thể biết phương tiện của 5 âm?

Đáp: Sắc là nghĩa của hiển hiện. Thụ là nghĩa của nhận lấy. Tướng là nghĩa của biết. Hành là nghĩa của hành vi tạo tác. Thức là nghĩa của hiểu rõ. Âm là nghĩa tập hợp các chủng loại.

Trên đây là do nghĩa của câu có thể biết phương tiện của 5 âm.

Hỏi: Thế nào là do tướng có thể biết phương tiện của 5 âm?

Đáp: Sắc, là tự tính trông thấy sắc tướng, ví như thấy gai nhọn. Sở duyên 4 đại giới là túc xứ của sắc.

Thụ, là tướng của thụ đối với cảnh giới sở duyên, ví như cảm thụ bệnh hủ ác tính. Sở duyên của xúc là túc xứ của thụ.

Tướng, là lấy cái tướng nắm giữ làm tướng, ví như trong lòng tướng đến hình dáng của một người nào đó. Sở duyên của xúc là túc xứ của tướng.

Hành, là lấy hòa hợp làm tướng, ví như quay cái bánh xe. Sở duyên của xúc là túc xứ của hành.

Thức, là biết rõ cái tướng đang nắm giữ, ví như trông thấy thức ăn liền biết cái vị của nó. Sở duyên danh sắc là túc xứ của thức.

Trên đây là do tướng có thể biết phương tiện của 5 ấm.

Hỏi: Thế nào là do phân biệt có thể biết phương tiện của 5 ấm?

Đáp: Năm ấm được phân biệt thành 3 loại: 1. Năm ấm. 2. Năm thụ ấm. 3. Năm pháp ấm.

Năm ấm là tất cả pháp hữu vi.

Năm thụ ấm là tất cả pháp hữu lậu.

Năm pháp ấm là: giới ấm, định ấm, tuệ ấm, giải thoát ấm và giải thoát tri kiến ấm.

Năm pháp ấm này là pháp đáng yêu thích.

Trên đây là do phân biệt có thể biết phương tiện của 5 ấm.

Hỏi: Thế nào là do thâm nhiếp có thể biết phương tiện của 5 ấm ?

Đáp: Năm ấm bao gồm có 3 thứ: 1. Nhập nhiếp. 2. Giới nhiếp. 3. Đế nhiếp.

Ở đây, sắc ấm thâm nhiếp trong 11 nhập, 3 ấm thâm nhiếp trong pháp nhập, thức ấm thâm nhiếp trong ý nhập.

Sắc âm thâm nhiếp trong 11 giới, tức nhĩ giới, thanh giới, tỷ giới, hương giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý giới, pháp giới và ý thức giới.

Thụ, tưởng và hành 3 âm thâm nhiếp trong pháp giới.

Thức âm thâm nhiếp trong 7 giới, tức nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới và ý thức giới

Giới âm, định âm, tuệ âm, giải thoát âm, giải thoát tri kiến âm thâm nhiếp trong pháp nhập và pháp giới.

Giải thoát âm thâm nhiếp trong pháp nhập và ý nhập và pháp giới, ý thức giới.

Năm âm, có bộ phận thâm nhiếp vào đế nhiếp, có bộ phận chẳng phải thâm nhiếp trong đế nhiếp.

Năm thụ âm thâm nhiếp trong khổ đế và tập đế.

Giới âm, định âm, tuệ âm, thâm nhiếp trong đạo đế.

Giải thoát âm chẳng phải thâm nhiếp trong đế nhiếp.

Giải thoát tri kiến âm lại thâm nhiếp trong khổ đế.

Có những pháp phương tiện được thâm nhiếp trong âm mà không thâm nhiếp trong đế nhiếp, hoặc được thâm nhiếp trong đế nhiếp mà không thâm nhiếp trong âm, hoặc vừa được âm vừa được đế thâm nhiếp, hoặc không do âm thâm nhiếp cũng không do đế thâm nhiếp.

Những pháp phương tiện này đều cùng với đạo tương ưng, là các sắc pháp chẳng bị căn ràng buộc.

Quả Sa-môn được thâm nhiếp trong âm, chẳng phải trong đế.

Nê-hoàn được thâm nhiếp trong đế, chẳng phải trong âm.

Ba đế là khổ, tập, diệt vừa được âm thâm nhiếp vừa được đế thâm nhiếp.

Chế, tức là danh, không do âm cũng không do đế thâm nhiếp.

Như thế, do sự thâm nhiếp mà biết rõ về 5 âm.

Qua 4 thứ hành pháp trên đây có thể biết 4 thứ phương tiện hành pháp của 5 âm phương tiện.

Đó gọi là âm phương tiện.

(Xong phần nói về âm phương tiện)

Hỏi: Thế nào là nhập phương tiện?

Đáp: Có 12 nhập, đó là: nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập, ý nhập, pháp nhập.

Nhãn nhập, là nhãn giới thanh tịnh của khả năng thấy sắc.

Sắc nhập là cảnh giới của mắt. Cảnh giới này trình bày các thứ hình dạng sắc tướng.

Nhĩ nhập là nhĩ giới thanh tịnh có khả năng nghe tiếng.

Thanh nhập là cảnh giới của tai. Cảnh giới này có đầy đủ tất cả âm hưởng.

Tỷ nhập là tỷ giới thanh tịnh có khả năng ngửi được mùi.

Hương nhập là cảnh giới của mũi. Cảnh giới này có đầy đủ các thứ mùi.

Thiệt nhập là thiệt giới thanh tịnh có khả năng nếm biết vị.

Vị nhập là cảnh giới của lưỡi. Cảnh giới này có đầy đủ các thứ vị.

Thân nhập là thân giới thanh tịnh có khả năng cảm giác được các cảm xúc vi tế.

Xúc nhập là cảnh giới của thân. Cảnh giới này có đầy đủ tính cứng, mềm, lạnh, nóng của 4 đại giới là địa, thủy, hoả, phong.

Ý nhập là 7 thức giới, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, ý giới và ý thức giới.

Pháp nhập là 3 vô sắc ấm, tức thụ, tưởng, và hành, với 18 sắc vi tế là địa, thủy, hỏa, phong, thân tác, khẩu tác, hư không giới sắc, khinh sắc, nhuyễn sắc, kham thụ sắc, tụ sắc, tương tục sắc, sinh sắc, lão sắc, vô thường sắc, khí vị đoàn thực, giới xứ sắc và thụy miên sắc, cùng với Nê-hoàn. Đó gọi là 12 nhập.

Lại nữa, có 5 thứ hành pháp thù thắng có thể biết 12 nhập. Đó là: 1. Do nghĩa câu. 2. Do cảnh giới. 3. Do duyên. 4. Do đối tượng sở duyên áp lại gần mà tâm khởi. 5. Do thâm nhiếp.

Hỏi: Thế nào là do nghĩa câu có thể biết được 12 nhập?

Đáp: Nhãn có nghĩa của thấy. Sắc có nghĩa của hiển hiện. Nhĩ có nghĩa của nghe. Thanh có nghĩa của tiếng. Tỷ có nghĩa của ngửi. Hương có nghĩa của mùi. Thiệt có nghĩa của nếm. Vị có nghĩa của vị giác. Thân có nghĩa của chính trì. Xúc có nghĩa có thể chạm xúc. Ý có nghĩa của biết. Pháp có nghĩa không có sinh mạng. Nhập có nghĩa là cửa của các pháp vô sắc, nghĩa của nơi chốn, nghĩa của thụ trì.

Trên đây là do nghĩa câu có thể biết được 12 nhập.

Hỏi: Thế nào là do cảnh giới có thể biết được 12 nhập?

Đáp: Mắt, tai không đến tận cảnh giới của đối tượng. Mũi, lưỡi đến được cảnh giới của đối tượng. Ý cùng với đối tượng có chung cảnh giới.

Lại có thuyết cho rằng, tai có thể đến cảnh giới của đối tượng. Nhưng tại sao khi ở gần có sự ngăn cách thì không nghe được? Trường hợp chú thuật thì giải thích thế nào?

Lại có thuyết cho rằng, mắt có thể từ cảnh giới của chính nó đến cảnh giới của vật thì tại sao không thấy được phía bên kia bức tường?

Trên đây là do cảnh giới có thể biết 12 nhập.

Hỏi: Thế nào là do duyên có thể biết 12 nhập?

Đáp: Nhãn thức thì duyên nơi mắt, sắc, ánh sáng, tác ý, mà sinh nhãn thức. Như vậy từ mắt đến nhãn thức phải có 4 duyên thành duyên. Nếu là lúc sơ sinh thì dựa vào căn, hữu duyên, sắc, 3 duyên đó thành duyên. Sơ sinh thì đối tượng, hữu duyên và ánh sáng, do 3 duyên thành duyên. Sơ sinh thì dựa vào hữu duyên, tác ý, do 2 duyên thành duyên.

Nhãn thức sinh khởi theo thứ lớp không có sở duyên.

Nhĩ thức thì duyên nơi tai, tiếng, hư không, tác ý mà được sinh khởi. Do 4 thứ duyên phân biệt tất cả nhĩ thức.

Tỷ thức thì duyên nơi mũi, mùi, gió, tác ý mà được sinh khởi.

Thiệt thức thì duyên nơi lưỡi, vị, nước, tác ý mà được sinh khởi.

Thân thức thì duyên nơi thân, chạm xúc, tác ý mà được sinh khởi.

Ý thức thì duyên nơi ý, pháp, giải thoát, tác ý mà được sinh khởi.

Về 6 thức duyên mà nói thì tác ý là hậu phần của tâm, pháp là pháp sự.

Pháp sự nói chung chia làm 4 loại:

Loại thứ nhất gồm có 6 nội nhập về quá khứ, hiện tại và vị lai.

Loại thứ nhì gồm có 5 ngoại nhập về quá khứ, hiện tại và vị lai, ngoại trừ nhập không do căn.

Loại thứ 3 gồm các pháp nhập.

Loại thứ tư gồm có 11 thứ chế danh, đó là: nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập và ý nhập. Đó gọi là chúng sinh, phương hướng, thời gian, phạm tội, tất cả tướng Đâu-đà, vô sở hữu nhập định sự diệt thiên định, thật tư duy, và tư duy không thật.

Bốn loại trên đây gọi là pháp sự.

Chuyên tâm có nghĩa là tâm theo lý chân như.

Tác ý có nghĩa là từ cửa ý mà chuyển ý.

Thức có nghĩa là tâm nhanh chóng. Như vậy từ ý giới đến ý thức giới phải dựa vào tất cả thức duyên mới thành duyên.

Pháp thì do sự duyên thành duyên.

Giải thoát là dựa vào pháp duyên thành duyên.

Tác ý do 2 duyên là thứ đệ duyên và hữu duyên mà thành duyên.

Trên đây là nói do duyên có thể biết 12 nhập.

Hỏi: Thế nào là do giáp thẳng tâm để khởi phân biệt biết 12 nhập?

Đáp: Nơi cửa mắt, có thể khởi 3 thứ giáp thẳng tâm, đó là thượng sự, trung sự và hạ sự.

Như vậy thượng sự nơi cửa mắt, do áp gần thành khởi 7 tâm. Nơi vô gián sinh địa ngục A-tì.

Bảy tâm là: 1. Hữu phần tâm. 2. Chuyển kiến tâm. 3. Sở thụ tâm. 4. Phân biệt tâm. 5. Khiến khởi tâm. 6. Tốc hành tâm. 7. Quả báo tâm của sở duyên sự.

Hữu phần tâm có nghĩa là nơi đây có căn tâm như sợi dây kéo dắt đi.

Chuyển kiến tâm là nơi nhãn môn sắc, sự, duyên áp gần cho nên do duyên mà lần lượt đến các giới. Hữu phần tâm dựa vào xứ thành khởi. Trong quá trình sinh khởi, do sắc, sự, của chỗ thấy thành chuyển, sinh khởi chuyển tâm. Chuyển tâm lần lượt dựa vào mắt chuyển hiện khởi được thấy, sinh khởi thấy tâm. Đó gọi là chuyển kiến tâm.

Chuyển tâm dựa theo mắt thấy được sắc, do tâm làm khởi lên cảm thụ, sinh khởi thụ tâm.

Thụ tâm lần lượt do thụ hiện khởi thụ phân biệt mà sinh khởi phân biệt tâm.

Phân biệt tâm này do thứ lớp phân biệt khiến hiện khởi mà sinh linh khởi tâm.

Linh khởi tâm này do thứ lớp khiến khởi, do nghiệp tâm mà sinh khởi tức hành tâm.

Tốc hành tâm này do thứ lớp tốc hành mà không do phương tiện, sinh khởi quả báo tâm của sở duyên sự, tức nghiệp.

Quả báo tâm của sở duyên, tức nghiệp đó, dựa vào nghiệp trở lại sinh khởi hữu phần tâm, tức sinh hữu tâm.

Hỏi: Có thí dụ nào giải thích rõ thêm chăng?

Đáp: Có, thí dụ như có một ông vua đang nghỉ ngơi trong cung điện, cửa thành bên ngoài đóng kín. Nữ tì đang xoa bóp chân vua. Hoàng hậu ngồi gần bên. Các đại thần và thị thần túc trực trước mặt vua. Một người điếc gác cửa đang dựa lưng vào cổng thành. Bấy giờ, người giữ vườn mang xoài vào gõ cửa. Vua nghe tiếng tỉnh dậy ra lệnh cho người nữ tì ra mở cửa. Người nữ tì vâng lệnh, dùng tay ra dấu hiệu bảo người điếc giữ cửa. Người điếc hiểu ý liền mở cửa thành thấy các trái xoài. Vua cầm dao, người nữ tì nhận xoài mang vào dâng lên đại thần. Đại thần dâng lên Hoàng hậu. Hoàng hậu rửa sạch, lựa trái chín, trái sống để riêng, rồi dâng lên vua. Vua ăn xong, Vua nói trái nào ngon, trái nào không ngon. Rồi vua trở lại nghỉ ngơi.

Như vậy, lúc vua đang nằm nghỉ, có thể biết như hữu phần tâm. Khi người làm vườn mang xoài đến gõ cửa thành, có thể biết như tại nơi cửa mắt, đối tượng của sắc áp đến gần. Khi vua nghe tiếng gõ cửa, tỉnh giấc, sai nữ tì ra mở cửa, có thể biết như là do duyên mà chuyển dần vào nơi ý giới, dựa vào xứ hữu phần sinh khởi. Người nữ tì ra dấu hiệu khiến người điếc giữ cửa hiểu được mà ra mở cửa, đó

là chuyển tâm. Như người điếc mở cửa nhìn thấy các trái xoài, đó là nhãn thức. Vua cầm dao, nữ tì dâng xoài lên đại thần, có thể biết như là thụ tri tâm. Đại thần nhận xoài rồi dâng lên Hoàng hậu, đó cũng như phân biệt tâm. Hoàng hậu rửa sạch, lựa trái ra rồi dâng lên vua, đó cũng như khiến khởi tâm. Vua ăn xoài, đó cũng như tốc hành tâm. Ăn xong, vua khen trái này, chê trái kia, đó cũng như quả báo tâm của đối tượng sở duyên. Rồi vua nghỉ ngơi trở lại, đó cũng như trở về hữu phần tâm như cũ.

Về các đối tượng chạm áp vào cửa mắt, với mức độ trung bình, thì do tốc hành tâm liên tục sinh khởi trở lại hữu phần tâm của sở duyên.

Về các đối tượng áp đến gần cửa mắt với mức độ thấp, thì do khiến khởi tâm liên tục sinh khởi trở lại hữu phần tâm của sở duyên.

Ngoài ra, tâm áp đến cửa của các giác quan khác, như tai, mũi, lưỡi, thân, có thể cùng cách trên suy ra biết được.

Về cửa của ý, không có chạm giáp với đối tượng, do tác ý duyên và do giải thoát hạnh, thành 3 sự. Thượng sự có 3 thứ tâm pháp sinh khởi, đó là: hữu phần tâm, chuyển tâm, và tốc hành tâm. Với trung sự và hạ sự thì có 2 thứ tâm pháp sinh khởi, đó là chuyển tâm và tốc tâm.

Đối với ý môn thượng sự thì đối với các căn môn khác phân biệt có trường hợp có thể thụ có trường hợp không thể thụ.

Đối với ý môn trung sự, thì do các duyên khác nhau, các thụ khác nhau có thể biết được.

Đối với ý môn hạ sự thì do các tác ý chân chính hay tác ý không chân chính, có thể biết được là thiện hay bất thiện.

Trên đây là nói do giáp thẳng tâm của sở duyên có thể biết được 12 nhập.

Hỏi: Thế nào là do thâm nhiếp có thể biết 12 nhập?

Đáp: Có 3 sự thâm nhiếp: 1. Âm nhiếp. 2. Giới nhiếp. 3. Đế nhiếp.

Trong đó 10 nhập được thâm nhiếp trong sắc ấm.

Ý nhập được thâm nhiếp trong thức ấm.

Pháp nhập, trừ Nê-hoàn, được thâm nhiếp trong 4 ấm.

11 nhập, được thâm nhiếp trong 11 giới.

Ý nhập được thâm nhiếp trong 7 giới.

5 nội nhập được thâm nhiếp trong khổ đế.

5 ngoại nhập có thể hay không có thể được thâm nhiếp trong khổ đế.

Ý nhập có thể hoặc không có thể được thâm nhiếp trong khổ đế.

Pháp nhập có thể do 4 đế thâm nhiếp, hoặc có thể không do khổ đế thâm nhiếp.

Trên đây là do sự thâm nhiếp có thể biết 12 nhập.

Trên đây là nói do hành nhập trí khiến khởi phương tiện, đó cũng gọi là Nhập phương tiện.

Hỏi: Thế nào Giới phương tiện?

Đáp: Có tất cả 18 giới. Đó là: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Như vậy về giới mà nói, nhãn thanh tịnh là nhãn giới. Tất cả hình sắc được mắt thấy là sắc giới. Nhãn thức là nhãn thức giới. Cùng cách này suy ra biết được các giới khác.

Ý giới là 5 căn môn, tức 5 cửa của giác quan chuyển đối tượng. Ý giới thụ quả báo. Ý giới chỉ pháp nhập có thể khởi. Trừ pháp giới,

6 thức giới, ngoài ra các tâm pháp đều thuộc về ý thức giới. Ngoài ra như phần Nhập phương tiện có nói rộng.

Trừ pháp giới và ý thức giới, 10 giới được thâm nhiếp trong sắc ấm

Pháp giới, ngoại trừ Nê-hoàn, được thâm nhiếp trong 4 ấm là thụ, tưởng, hành và thức.

11 giới, tức nhãn, sắc, nhĩ, thanh, tỹ, hương, thiệt, vị, thân, xúc, và ý, do 11 nhập thâm nhiếp.

7 giới, tức nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý, và ý thức, do ý nhập thâm nhiếp.

11 giới, tức nhãn, sắc, nhĩ, thanh, tỹ, hương, thiệt, vị, thân, xúc, và ý, do khổ đế thâm nhiếp.

5 giới, tức nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, và thân, hoặc do khổ đế thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp trong đế.

Pháp giới được 4 đế, tức khổ, tập, diệt, và đạo thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp trong đế.

Ý thức giới được khổ đế thâm nhiếp, hoặc không thâm nhiếp trong đế.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới của sự giáo hoá?

Đáp: Là có thể chuyển hóa âm, nhập, giới làm cảnh giới của tất cả các pháp.

Tất cả các pháp này do tướng hòa hợp của các chủng loại làm âm, do tướng của cửa vào làm nhập, do tướng của tự tính làm giới,

Lại nữa, Thế Tôn vì người lợi căn, âm môn, tức cửa ngõ của âm mà nói khổ đế, vì người trung căn thì dùng nhập môn, tức cửa ngõ của nhập mà nói khổ đế, vì người độn căn, thì dùng giới môn, tức cửa ngõ của giới mà nói khổ đế.

Lại nữa, đối với người chấp tướng danh thì tóm lược nói sắc, để phân biệt với danh nên nói âm.

Với người chấp tướng sắc thì để phân biệt sắc lược nói danh, nói nhập.

Với người chấp tướng danh và sắc, thì để phân biệt danh sắc nên nói giới.

Lại nữa, nói tự tính xứ, nói âm, nói xứ sự, nói nhập, hoặc dùng xứ sự nói tâm khởi, nói giới.

Như vậy là do các hành giới phân biệt phương tiện, đó gọi là Giới phương tiện.

(Xong phần nói về Giới phương tiện)

Hỏi: Thế nào là Nhân duyên phương tiện?

Đáp: Theo chiều thuận: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên 6 nhập, 6 nhập duyên xúc, xúc duyên thụ, thụ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Như vậy là khổ ấm sinh khởi.

Theo chiều nghịch: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì 6 nhập diệt, 6 nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thụ diệt, thụ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Như vậy là khổ ấm đều diệt.

Vô minh là không biết 4 đế.

Hành là hành nghiệp của thân, miệng và ý.

Thức là một niệm trong tâm lúc nhập vào bào thai mẹ.

Danh sắc là tâm tương tục khởi các tâm số pháp, cùng với sắc Ca-la-la, tức sắc không thanh tịnh.

Sáu nhập là 6 nội nhập, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Xúc là 6 thứ chạm xúc của thân.

Thụ là 6 thứ cảm thụ của thân.

Ái là 6 thứ tham ái của thân.

Thủ là 4 thứ giữ lấy, tức âm, nhập, giới, và đế.

Hữu là do nghiệp khiến phải sinh vào 3 cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Sinh là nơi có các ấm khởi.

Lão là các ấm đã già, chín muồi.

Tử là các ấm tan hoại.

Hỏi: Vì sao vô minh duyên hành? Vì sao sinh duyên lão tử?

Đáp: Phạm phu thế gian hoàn toàn không hiểu 4 Thánh đế, tham đắm 5 thụ ấm mà sống trong đêm dài tối tăm tham đắm cái ta, cái của ta, duyên vào ta và cái của ta mà sinh khởi xúc, cho cái này là thân ta, cái này là vật của ta.

Do đó ưa thích, ưa thích hòa hợp với tham đắm mà thành có tư duy. Nhưng sở duyên của tư duy đó lại khởi ở chỗ không phải trí tuệ mà có hữu và trụ ở hữu tựa như hạt giống nơi ruộng lúa.

Nếu không có thức đó duyên tất cả, thì sự hiện hữu không thể sinh khởi. Đó gọi là vô minh duyên hành, tức do vô minh làm duyên mà sinh khởi các hành.

Nơi vô minh duyên, hành khởi và tư duy nhập vào hữu, nắm giữ vào đối tượng hữu tướng mà thành tụ. Ngay khi tụ chuyển hóa thành hữu, hữu tướng không ngừng sinh khởi. Do đó thức ở nơi hữu thức theo tâm không dứt. Đó là hành duyên thức, tức do hành làm duyên mà sinh khởi thức.

Cũng như trừ ánh sáng mặt trời ra, không có ánh sáng nào khác. Ánh sáng mặt trời làm cho muôn vật trên mặt đất tăng trưởng. Cũng như vậy, trừ thức ra không có gì được gọi là danh sắc. Danh sắc có thể khiến cho vật vốn không có tự thể được trụ vững và tăng trưởng. Giống như các cây lau sậy dựa vào nhau mà tăng trưởng. Đó là thức duyên danh sắc, tức do thức làm duyên mà sinh khởi danh sắc.

Dựa vào nơi thanh tịnh sắc của 5 căn, cùng nhau sinh khởi danh của 5 nhập. Dựa vào ý nhập, tức danh sắc của 5 nhập, được tăng trưởng, 4 đại giới nhân đây dựa vào danh mà được gọi là mạng. Cái ăn, và thời tiết nhân duyên chín muồi, 5 nhập cùng nhau sinh khởi và tăng trưởng, tức danh sắc của tất cả tâm số thức. Trừ đây ra, 6 nhập hoàn toàn không có duyên nào khác. Đó là danh sắc duyên 6 nhập, tức do danh sắc làm duyên mà sinh khởi 6 nhập.

Do 6 nhập dựa vào căn, cảnh giới và thức, hoà hợp lại mà sinh khởi xúc. Đó là 6 nhập duyên xúc, tức do 6 nhập làm duyên mà sinh khởi xúc.

Do có xúc làm duyên mà cảm thụ sinh khởi. Từ đó có cảm thụ khổ, cảm thụ vui, hoặc cảm thụ không khổ không vui. Nếu không có xúc, tất không có thụ. Đó là xúc duyên thụ, tức do xúc làm duyên mà sinh khởi thụ.

Phàm phu si mê khi cảm thụ vui thì tham đắm, tìm cầu được vui thêm, khi thụ khổ thì tìm vui để đối trị lại. Nếu cảm thụ không khổ không vui, thì đó là xả thụ. Đó là thụ duyên ái.

Do thèm khát sự yêu thích nên gấp rút tìm lấy chỗ yêu thích. Đó là ái duyên thủ.

Do có sự nắm lấy đó mà gieo hạt giống hữu vi. Đó là thủ duyên hữu.

Do nghiệp lực chiếm ưu thế nên sinh vào trong các nẻo thụ sinh. Đó là hữu duyên sinh.

Do có sinh nên trở thành già lão rồi chết. Đó là sinh duyên lão tử.

Như cây lúa làm duyên cho hạt lúa, đó là vô minh duyên hành. Hạt lúa làm duyên cho mầm cây lúa, đó là hành duyên thức. Mầm làm duyên cho chồi, đó là thức duyên danh sắc. Chồi làm duyên cho cành, đó là danh sắc duyên 6 nhập. Cành làm duyên cho thân cây, đó là 6 nhập duyên xúc. Thân cây làm duyên cho bông hoa, đó là xúc duyên thụ. Hoa làm duyên cho nhựa cây, đó là thụ duyên ái. Nhựa cây làm duyên cho bột gạo, đó là ái duyên thủ. Bột gạo làm duyên cho hạt lúa, đó là thủ duyên hữu. Hạt lúa làm duyên cho mầm cây lúa, đó là hữu duyên sinh.

Như hạt giống làm duyên cho mầm sinh khởi, rồi tiếp nối nhau, không thể nào biết được quá khứ trước đó, mà cũng không hiểu được tương lai về sau. Như vậy, con người sinh ra do vô minh làm nhân duyên sơ khởi rồi tiếp nhau mãi, không biết được quá khứ cũng như vị lai.

Hỏi: Cái gì làm duyên cho vô minh?

Đáp: Trong 12 nhân duyên, duy chỉ vô minh làm duyên cho chính vô minh. Mười sử làm duyên cho 10 triền, 10 triền làm duyên cho 10 sử. Cái ban đầu làm duyên cho cái ban đầu, cái sau làm duyên cho cái sau.

Lại nữa, tất cả các phiền não cũng làm duyên cho vô minh, như Phật có nói: Từ lậu tập khởi vô minh tập.

Lại nữa, do mắt thấy sắc, nơi một tâm pháp này mà nói thì người si mê thấy sắc liền khởi tham đắm, trong khi người tu hành vốn thanh tịnh. Chuyển thanh tịnh tức thành si mê, đó gọi là vô minh. Tư duy chấp trước, là vô minh duyên hành. Tâm chấp trước, là hành duyên thức. Biết sự tương ứng của các tâm số pháp là sắc tạo ra do tâm số pháp sở duyên, là thức duyên danh sắc. Từ ái sinh hỷ, duyên hỷ biết hỷ là do sắc duyên tạo ra, tiến đến biết 6 căn thanh tịnh, đó là danh sắc duyên 6 nhập. Do vô minh chạm xúc, đó là 6 nhập duyên

xúc. Từ chạm xúc duyên cảm thụ sinh khởi vui thích, tiến đến tăng trưởng ái dục, đó là thụ duyên ái. Do tâm chấp trước nắm giữ cái vui thanh tịnh, đó là ái duyên thủ. Chấp thủ vào chỗ tư duy, đó là thủ duyên hữu. Khi hữu phân pháp sinh khởi, tức là hữu duyên sinh. Khi niệm đã an trụ thành thực, đó là lão. Khi niệm tan hoại, đó là tử.

Như vậy, chỉ trong một sát-na đã khởi thành 12 nhân duyên.

Hỏi: Trong 12 nhân duyên, có bao nhiêu thứ thuộc phiền não, bao nhiêu thứ thuộc nghiệp, bao nhiêu thứ thuộc quả báo, bao nhiêu thứ thuộc quá khứ, bao nhiêu thứ thuộc hiện tại, bao nhiêu thứ thuộc vị lai, có bao nhiêu nhân duyên là cộng hữu, bao nhiêu thứ đã khởi?

Thế nào là nhân duyên? Thế nào pháp nhân duyên? Nhân duyên và pháp nhân duyên có gì khác biệt? Thế nào là tính nhiệm của 12 nhân duyên?

Đáp: Phiền não có 3 thứ: 1. Vô minh. 2. Ái. 3. Thủ.

Nghiệp có 2 thứ: 1. Hành. 2. Hữu.

Quả báo có 7 thứ: 1. Thức. 2. Danh sắc. 3. Sáu nhập. 4. Xúc, 5. Thụ. 6. Sinh. 7. Lão, tử.

Ở đây ái, thủ, hữu thuộc phiền não, là nhân tạo thành hữu mà sau được sinh. Ví như người thợ vẽ xử lý màu sắc mà thành bức họa. Bức họa không thể tự nhiên có được. Phiền não khởi do hữu làm duyên mà sinh, như thợ vẽ xử lý màu sắc.

Quá khứ cộng hữu, có 2 thứ: 1. Vô minh. 2. Hành.

Vị lai cộng hữu, có 2 thứ: 1. Sinh. 2. Lão tử.

Hiện tại cộng hữu có 8 thứ: 1. Thức. 2. Danh sắc. 3. Sáu nhập. 4. Xúc. 5. Thụ. 6. Ái. 7. Thủ. 8. Hữu.

Trên đây là dùng 3 thời của vô thủy làm căn cứ mà biết sinh tử nối tiếp nhau kể từ vô thủy.

Có 12 nhân duyên. Bản thân của nhân duyên sinh khởi như thế nào không cần phải thuyết minh thêm, cũng không nên hỏi nhân duyên là gì.

Pháp 12 nhân duyên theo thứ lớp làm nhân cho nhau, đó gọi là nhân duyên khởi. Mười hai nhân duyên phần là pháp đã khởi.

Nhân duyên và pháp nhân duyên khác nhau ở chỗ: Nhân duyên là các thứ hành pháp không giống nhau, hoặc là pháp hữu vi, hoặc là pháp vô vi chưa hoàn toàn thành tựu, cho nên không thể nói rõ mỗi thứ. Cho nên không thể giải thích.

Nhân duyên khởi là pháp nhân duyên sở hành đã thành tựu, là pháp hữu vi. Đó là chỗ khác nhau giữa nhân duyên và pháp nhân duyên.

Vì nhân duyên gì mà tính của nhân duyên là thâm sâu?

Tính thâm sâu của nhân duyên là do hành, do tướng thành khởi vô minh hành duyên với hành ấy, tướng ấy, tính ấy. Thánh nhân không duyên cái gì khác mà dùng tuệ nhãn thông đạt tất cả. Đó gọi là tính thâm sâu của 12 nhân duyên.

Lại nữa, có thể dùng 7 hành pháp thù thắng biết được 12 nhân duyên. Đó là: 1. Dùng 3 tiết. 2. Dùng 4 giản lược. 3. Dùng 20 hành. 4. Dùng sự luân chuyển. 5. Dùng sự dặt dấn. 6. Dùng sự phân biệt. 7. Dùng sự thâm nhiếp lẫn nhau.

Hỏi: Thế nào là dùng 3 tiết có thể biết được 12 nhân duyên?

Đáp: Khoảng cách giữa các hành và thức, là tiết thứ nhất.

Khoảng cách giữa thụ và ái là tiết thứ nhì.

Khoảng cách giữa hữu và sinh là tiết thứ ba.

Quá khứ nghiệp và phiền não duyên quả báo hiện tại, là tiết thứ nhất.

Quả báo hiện tại duyên phiền não hiện tại, là tiết thứ nhì.

Phiền não hiện tại duyên quả báo vị lai, là tiết thứ ba.

Tiết thứ nhất và tiết thứ ba là tiết về nhân quả và cũng là tiết về hữu. Tiết thứ nhì là tiết về nhân quả, nhưng không phải tiết về hữu.

Hỏi: Thế nào là tiết về hữu?

Đáp: Khi chưa đến lúc chung kết thì trong tiến trình quá độ đến âm, nhập, giới, thì các phiền não ban đầu hình thành cuộc sống hiện hữu sinh vào các nẻo, đó gọi là tiết về hữu sinh.

Hỏi: Thế nào là thành hữu tiết?

Đáp: Do tương ưng với ái, do tâm duyên tạo công đức nhập vào vô minh, đó gọi là thành hữu tiết.

Phàm phu ác nghiệp, lúc đó gọi là chết. Phàm phu ác nghiệp lúc đó vì chết mà chịu khổ, nằm ở chỗ người chết nằm, không còn thấy tất cả những gì trên cõi đời này, không còn nhớ những gì lúc sinh tiền. Cũng không thể nhớ lại được gì.

Tiếp đến là bắt đầu mở ra cái khổ mới thụ sinh, ý niệm có trí tuệ thoái lui, thân mạnh mẽ thoái lui, các căn từ từ lạc mất, rời từ nơi thân, hoặc phía trên, hoặc phía dưới, mạng căn tàn lụn như chiếc lá khô. Lúc đó, người như ở trong cơn mê ngủ.

Hữu tiết do nghiệp thành khởi 4 thứ pháp: 1. Nghiệp. 2. Nghiệp tướng. 3. Thú. 4. Thú tướng.

Thế nào là nghiệp?

Là hữu sinh tạo nên nghiệp có công đức, hoặc phi công đức, nghiệp nhẹ hoặc nặng, nghiệp nhiều hoặc ít, từ lúc hữu sinh bắt đầu một khi có tạo tác, nghiệp sở duyên liền sinh khởi.

Thế nào là nghiệp tướng?

Tạo nghiệp là nghiệp xứ sở y, nghiệp tướng với sở duyên nghiệp xứ tức thời sinh khởi. Nghiệp với nghiệp tướng như bạn

đồng hành cùng nhau sinh khởi. Đồng thời hiển hiện tác nghiệp với tác nghiệp tướng.

Thế nào là thú?

Thú là nẻo tái sinh, do công đức duyên vào nẻo thiện thành khởi, do phi công đức duyên vào nẻo ác thành khởi.

Nói thú tướng, là lúc nhập vào thai mẹ, do 3 sự việc là âm, nhập và giới hoà hợp mà được sinh.

Hóa sinh, là các nơi được tái sinh, hoặc nơi cung điện, hoặc nơi cư trú, hoặc núi rừng, sông hồ, tùy theo nẻo đến và cùng với tướng khởi lên. Vào lúc đó, người hóa sinh đến nẻo hóa sinh hoặc ngòi, hoặc dựa, hoặc nằm, nhìn thấy hoặc bắt lấy tướng hóa sinh.

Bấy giờ, hữu sinh tiết do hữu sinh ban đầu tạo các nghiệp và nghiệp tướng, do tâm tốc hành tạo tác nghiệp mà hiện khởi diệt. Khi mạng chung, tâm tốc hành thoái mất, liên tục cùng mạng căn cùng diệt, hữu sinh thành chấm dứt tức là chết.

Tâm cuối cùng không gián đoạn mà theo thứ lớp do tốc hành tâm khởi lên, do nghiệp sở duyên, hoặc nghiệp tướng sở duyên, thú hoặc thú tướng, nơi tâm quả báo tạo tác sự nghiệp, quá độ xuống thành 1 hữu sinh tiết. Ví như dùng ngọn đèn mỗi một ngọn đèn, cũng như dùng hoả châu lấy lửa.

Khi tâm hữu sinh tiết đó khởi lên thì 4 pháp hữu như bạn đồng hành cùng nương tựa nhau.

Khởi đầu của hữu sinh, khi ở trong bụng mẹ, dựa vào 30 thứ sắc bất tịnh của cha mẹ, theo nghiệp được tạo thành.

Thành khởi 10 tụ sắc của xứ thân.

Khi già, sát-na tâm cùng với vô tâm, quá tiết tâm thành khởi 46 sắc: nghiệp tạo 36 sắc, ăn và thời tiết tạo 6 sắc. Tâm tạo 2 sắc và 8 thứ vô tâm quá tiết sắc, tức thanh tịnh nhập sắc.

Khi già sát-na tâm cộng với đệ nhị tâm thành khởi 54 sắc: nghiệp tạo 30 sắc, ăn và thời tiết tạo 13 sắc, đệ nhị tâm tạo 3 sắc, và 8 thứ vô tâm quá tiết sắc, tức thanh tịnh nhập sắc.

Nơi đây tất cả sắc pháp thành khởi. Đó chính cái gọi là thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.

Như vậy là hữu tiết thành khởi.

Trên đây là dùng 3 tiết có thể biết được nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là dùng 4 pháp giản lược có thể biết 12 nhân duyên?

Đáp: Vô minh, hành, là phiền não lược pháp của nghiệp quá khứ.

Thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, là phiền não lược pháp của quả báo hiện tại.

Ái, thủ, hữu, là phiền não lược pháp của nghiệp hiện tại.

Sinh, lão tử, là phiền não lược pháp của quả báo vị lai.

Trên đây là nói dùng 4 thứ lược pháp có thể biết 12 nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là dùng 20 hành có thể biết 12 nhân duyên?

Đáp: Lấy vô minh, quá khứ ái, quá khứ thủ, do tướng phiền não thành chấp thủ.

Lấy hiện tại hành, quá khứ hữu, do nghiệp tướng thành chấp thủ.

Lấy thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, trong hiện tại do quả báo tướng, sinh và lão tử, thành chấp thủ.

Lấy quá khứ hữu, hiện tại hành, do nghiệp tướng thành chấp thủ.

Lấy sinh, lão tử, vị lai thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, thành chấp thủ.

Hai mươi bốn pháp chấp thủ đó do chấp thủ mà thành 20 hành.

Như trong A-tì-đàm có nói: Nơi nghiệp ban đầu có si là vô minh, tụ tập là hành, chấp trước là ái, tìm cầu là thủ, tư duy là hữu.

Năm pháp này tức vô minh, hành, ái, thủ, hữu, ở đây là pháp sinh hữu, lúc mới sinh tạo các nghiệp là duyên.

Do không hiểu rõ đối với thức nhập thành si là vô minh, tụ tập là hành, chấp trước là ái, tìm kiếm là thủ, tư duy là hữu. Năm pháp này ở đây là nghiệp hữu pháp, là duyên của sự sinh vị lai, cũng là quá độ của thức của đời sống vị lai. Do đó cũng gọi là sắc thanh tịnh.

Mười hai nhập là xúc, xúc rồi chấp thủ là thụ. Hai pháp này thuộc vị lai sinh hữu. Ở đây các nghiệp tạo tác là duyên.

Trên đây là nói dùng 20 hành có thể biết 12 nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là do sự luân chuyển có thể biết được 12 nhân duyên?

Đáp: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sinh duyên lão tử, đều thuộc vào khổ ấm. Các pháp nhân duyên sinh khởi này, đều là sự không hiểu biết đối với khổ ấm, nên cũng gọi là vô minh. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sinh duyên lão tử.

Như vậy là do sự luân chuyển tuần hoàn như bánh xe quay mà có thể biết 12 nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là do sự kéo dặt theo thứ tự mà biết 12 nhân duyên?

Đáp: Có 2 sự kéo dặt theo chiều xuôi và ngược là khởi đầu tại vô minh, và khởi đầu tại lão tử.

Hỏi: Sao gọi là khởi đầu tại vô minh?

Đáp: Là nói từ vô minh theo thứ tự xuôi xuống đến lão tử.

Hỏi: Sao gọi là khởi đầu tại lão tử?

Đáp: Là nói ngược lại, khởi đầu từ lão tử trở lên đến vô minh.

Lại nữa, khởi đầu từ vô minh là đứng về mặt hữu mà biết về vị lai. Còn khởi đầu từ lão tử là đứng về mặt tối sơ mà biết về quá khứ.

Trên đây là nói dùng sự kéo dãn theo thứ tự xuôi và ngược mà biết 12 nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là dùng phân biệt mà biết 12 nhân duyên?

Đáp: Dùng phân biệt có 2 loại nhân duyên là nhân duyên thế gian và nhân duyên xuất thế gian. Như vậy, nhân duyên khởi đầu bằng vô minh là nhân duyên thế gian.

Hỏi: Thế nào là nhân duyên xuất thế gian?

Đáp: Là khổ y khổ, tín y tín, hỷ y hỷ, dũng dước y dũng dước, khinh an y khinh an, lạc y lạc, định y định, tri kiến như thật y tri kiến như thật, nhàm chán y nhàm chán, vô dục y vô dục, giải thoát y giải thoát diệt trí. Đó gọi là nhân duyên xuất thế gian.

Lại nữa, có thuyết cho rằng dùng phân biệt còn có 4 loại nhân duyên: 1. Nghiệp phiền não làm nhân. 2. Chủng tử làm nhân. 3. Hữu tác làm nhân. 4. Cộng nghiệp làm nhân.

Hỏi: Thế nào là nghiệp phiền não làm nhân?

Đáp: Đó là vô minh ban đầu là nghiệp phiền não làm nhân.

Hỏi: Thế nào là chủng tử làm nhân?

Đáp: Như hạt giống và mầm nối tiếp nhau liên tục.

Hỏi: Thế nào là hữu tác làm nhân?

Đáp: Do hữu phần tâm tạo tác các nghiệp sự, sinh khởi các thứ sắc và sắc tướng.

Hỏi: Thế nào là cộng nghiệp làm nhân?

Đáp: Như đất, tuyết, núi, biển, mặt trời, mặt trăng thành khởi đều do nghiệp chung làm nhân.

Lại nữa, có thuyết cho rằng tất cả các hiện tượng tự nhiên chỉ là các sắc pháp, các tâm pháp cùng với thời tiết làm nhân đó thôi, không hề có cộng nghiệp.

Như Thế Tôn có kệ rằng:

*Nghiệp không chung với ai,
Không ai trộm lấy được.
Người làm công đức lành,
Bảo lành người ấy được.*

Trên đây là nói dùng phân biệt có thể biết được 12 nhân duyên.

Hỏi: Thế nào là dùng sự thâm nhiếp có thể biết được 12 nhân duyên?

Đáp: Có 4 sự thâm nhiếp: 1. Âm thâm nhiếp. 2. Nhập thâm nhiếp. 3. Giới thâm nhiếp. 4. Đế thâm nhiếp.

Vô minh, hành, xúc, ái, thủ, hữu thâm nhiếp trong hành âm.

Thức thâm nhiếp trong thức âm.

Danh sắc thâm nhiếp trong 4 âm là thụ, tưởng, hành và thức.

Sáu nhập thâm nhiếp trong 2 âm là sắc và thụ.

Thụ thâm nhiếp trong thụ âm.

Sinh, lão tử thâm nhiếp trong sắc âm và hành âm.

Vô minh, hành, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, đều thâm nhiếp trong pháp nhập.

Thức thâm nhiếp trong ý nhập.

Danh sắc thâm nhiếp trong 5 nội nhập.

Sáu nhập thâm nhiếp trong 6 nội nhập.

Vô minh, hành, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử đều thâm nhiếp trong pháp giới.

Thức thâm nhiếp trong ý thức giới.

Danh sắc thâm nhiếp trong 5 cảnh giới.

Sáu nhập thân nhiếp trong 12 giới.

Vô minh, ái, thủ thân nhiếp trong tập đế.

Hành, thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, hữu, sinh, lão tử thân nhiếp trong khổ đế.

Các nhân duyên xuất thế gian và các yếu tố của con đường xuất thế đều thân nhiếp trong đạo đế.

Nhân duyên diệt thân nhiếp trong diệt đế.

Như vậy là do sự thân nhiếp lẫn nhau mà biết 12 nhân duyên.

Trên đây là nói dùng sự thân nhiếp có thể biết được 12 nhân duyên.

Trên đây là nói dùng 7 thứ hành pháp có thể biết 12 nhân duyên.

Trên đây là nói về nhân duyên phương tiện.

(Xong phần nói về Nhân duyên phương tiện)

QUYỂN 10 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 11

Phẩm 11: NĂM PHƯƠNG TIỆN 2

Hỏi: Thế nào là Thánh đế phương tiện?

Đáp: Đó là 4 Thánh đế: Khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ diệt đạo Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là khổ Thánh đế?

Đáp: Là sinh khổ, già khổ, chết khổ, ưu khổ, ưu bi khổ, phiền não khổ, khổ khổ là khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu xa lià khổ, cầu không được khổ, nói tóm lại 5 thụ ấm đều là khổ.

Sinh khổ, có nghĩa là, nơi các loài chúng sinh, khi các ấm sinh khởi. Sinh khổ có nghĩa là tập hợp tất cả khổ.

Già khổ, có nghĩa là, tất cả các giới do sinh ra rồi già suy, mất đi sức lực, màu sắc, năng lực của trí nhớ và trí tuệ.

Chết khổ, có nghĩa là, thọ mạng chấm dứt khiến lòng sợ hãi.

Ưu khổ, có nghĩa là, khi gặp đau khổ, tâm lo sợ, lòng như thiêu đốt.

Ưu bi khổ, có nghĩa là, khổ đến thốt ra lời than thở, như trong ngoài bị thiêu đốt.

Khổ khổ, có nghĩa là, thân đau khổ, cái khổ ấy lại làm nguyên nhân gây khổ thêm cho thân.

Não khổ, có nghĩa là, tâm khổ, nguyên nhân làm cho tâm khổ.

Oán ghét gặp nhau khổ, có nghĩa là, cùng phải hòa hợp với kẻ khó thương, khiến sinh khổ.

Thương yêu xa lìa khổ, có nghĩa là, chia lià người thân yêu, vì phân tán biệt ly nên khổ.

Cầu không được khổ, có nghĩa là, muốn tránh xa người mình ghét mà không được, muốn gần người mình thương mà không được, phải mất đi sự an vui. Nói tóm lại 5 thụ ấm khổ có nghĩa là, 5 ấm không tách rời tất cả khổ cho nên 5 thụ ấm đều là khổ.

Hỏi: Những gì là 5 thụ ấm?

Đáp: Sắc thụ ấm, thống thụ ấm, tưởng thụ ấm, hành thụ ấm, thức thụ ấm. Đó 5 thụ ấm như đã được nói rộng trong phần Ấm phương tiện, có thể hiểu được.

Như vậy, có 2 thứ khổ là xứ khổ và tự tính khổ.

Khổ vì sinh, vì chết, vì oán ghét gặp gỡ, vì thương yêu chia lià, vì tìm cầu không được, nói tóm lược là 5 thụ ấm, là xứ khổ, tức hoàn cảnh nơi khởi sinh sự khổ.

Ưu khổ, ưu bi khổ, não khổ, được gọi là tự tính khổ, tức bản chất của sự khổ..

Khổ cũng có 3 loại là khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ.

Thân khổ, tâm khổ, đó là khổ khổ.

Các thú vui hữu lậu khi các sở duyên hoại diệt thì sinh khổ, đó gọi là hoại khổ.

Năm thụ ấm đều là hành khổ.

Trên đây là nói về khổ Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là khổ tập Thánh đế?

Đáp: Khổ tập có 3 thứ sinh khởi: 1. Ái khiến tái sinh. 2. Cùng khởi với dục. 3. Khởi khắp nơi nơi.

Ái là chỉ cho dục ái, hữu ái và bất hữu ái. Ái khiến cho tái sinh, là chỉ cho vì do ái làm nhân có được thành nhiều, rồi lại khiến hữu sinh ái. Khổ tập không chung cùng với ái, do đó mới biết có khổ tập.

Cùng khởi với dục, có nghĩa là, chỉ có dục ái có thể làm cho sinh khởi vui thích, làm cho vui thích tức làm cho sinh nhiễm. Nói khởi tức là nói nhiễm. Do đó nói dục với nhiễm cùng khởi lên hoan hỷ.

Khởi khắp nơi có nghĩa là, ở nơi nơi, khiến thân tính sinh khởi. Nơi nào có sắc khả ái, thì thân tính khởi vui thích ở nơi ấy.

Ở đây dục ái, hữu ái, bất hữu ái, ngoại trừ hữu ái và bất hữu ái ra, tất cả còn lại là dục ái .

Hữu ái cùng khởi với thường kiến.

Phi hữu ái thì cùng khởi với đoạn kiến.

Trên đây là nói về khổ tập Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là khổ tập diệt thánh đế?

Đáp: Là trừ ái ra không còn gì khác muốn diệt. Trừ xả ra, xuất ly giải thoát, không còn có hành xứ nào khác. Đó gọi là khổ tập diệt Thánh đế..

Hỏi: Đã là khổ tập diệt, sao Thế Tôn lại nói là khổ nhân diệt?

Đáp: Khổ nhân diệt nên thành không sinh không diệt. Vì phải đối chứng nghĩa, mới nói là khổ tập diệt. Do đó Thế Tôn nói khổ khổ nhân diệt.

Trên đây là nói khổ tập diệt Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là khổ diệt đạo Thánh đế?

Đáp: Đó là Bát Chính Đạo phân, là 8 con đường diệt khổ.

Bát Chính Đạo gồm: 1. Chính kiến. 2. Chính tư duy. 3. Chính ngữ. 4. Chính nghiệp. 5. Chính mạng. 6. Chính tinh tiến. 7. Chính niệm. 8. Chính định.

Chính kiến, là trí tuệ hiểu rõ 4 Thánh đế.

Chính tư duy, là 3 tư duy thiện, là lià dục, từ ái, không hại.

Chính ngữ, là lià bỏ 4 ác hành về miệng là nói thêu dệt, nói dối, nói đâm thọc, nói lời thô ác.

Chính nghiệp, là lià bỏ 3 hành động xấu ác về thân là sát sinh, trộm cướp, dâm dục.

Chính mạng, là lià xa lối sống không chân chính, tức nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh.

Chính tinh tiến, là 4 chính cần, tức ác đã sinh khiến diệt, ác chưa sinh khiến không sinh, thiện chưa sinh khiến sinh, thiện đã sinh khiến tăng trưởng.

Chính niệm, là 4 niệm xứ, tức thân, thụ, tâm, pháp.

Chính định, là 4 cấp của thiền định.

Lại nữa, người tu hành Thánh đạo, đạt được tri kiến về Nê-hoàn, đó gọi là chính kiến.

Giác ngộ được Nê-hoàn, đó gọi là chính tư duy.

Dứt bỏ lời nói tà vạy, đó là chính ngữ.

Dứt bỏ tà nghiệp, đó là chính nghiệp.

Dứt bỏ tà mạng, đó là chính mạng.

Dứt bỏ tà tinh tiến, đó là chính tinh tiến.

Niệm nhớ nghĩ đến Nê-hoàn, đó là chính niệm.

Luôn chuyên tâm nhất trí đến Nê-hoàn, đó là chính định.

Như vậy, tuệ căn, tuệ lực, tuệ như ý túc, trạch pháp giác phần, nhập vào trong chính kiến.

Tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến như ý túc, dục như ý túc, tinh tiến giác phần, 4 chính căn, nhập vào trong chính tinh tiến.

Niệm căn, niệm lực, niệm giác phần, 4 niệm xứ, nhập vào trong chính niệm.

Định căn, định lực, tâm như ý túc, tín căn, tín lực, định giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, xả giác phần, nhập vào trong chính định.

Trên đây là 37 pháp Bồ-đề, nhập vào trong 8 chính đạo.

Trên đây là nói về khổ diệt đạo Thánh đế

Trên đây là nói về 4 Thánh đế.

Hỏi: Vì sao chỉ nói 4 Thánh đế, mà không phải 3 hay 5?

Đáp: Đế nhân thế gian, đế quả thế gian, đế nhân xuất thế gian, đế quả xuất thế gian, 4 pháp nhân quả này có thể giải đáp tất cả nghi vấn.

Hỏi: Thế nào là nhân và quả ở thế gian và xuất thế?

Đáp: Khổ tập Thánh đế là đế nhân thế gian, đế quả thế gian.

Khổ tập diệt Thánh đế là đế quả xuất thế gian.

Khổ diệt đạo Thánh đế là đế nhân xuất thế gian. Vì lẽ đó, chỉ có 4 pháp.

Lại nữa, do 4 câu: Khổ phải biết. Tập phải đoạn. Diệt phải chứng. Đạo phải tu. Vì 4 hành pháp đối ứng mà Thánh đế chỉ có 4 thứ.

Có thể dùng 11 thứ hành pháp có thể hiểu biết 4 Thánh đế: 1. Do nghiã câu. 2. Do tướng. 3. Do thứ lớp. 4. Do tóm lược. 5. Do thí

dụ. 6. Do phân biệt. 7. Do số. 8. Do đồng nhất. 9. Do nhiều thứ. 10. Do thứ lớp rộng. 11. Do thâm nhiếp.

Hỏi: Thế nào là do nghĩa câu có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Thánh đế, là pháp do Thánh nhân nói, pháp đó có thể thông suốt nhân duyên giải thoát, cho nên gọi là Thánh đế.

Đế, là nghĩa như thị, không đổi khác, tự tướng không đổi thay.

Khổ, là nghĩa của quả.

Khổ tập, là nghĩa của nhân.

Khổ tập diệt, là nghĩa của tùy diệt.

Khổ diệt đạo, là có thể thấy đệ nhất nghĩa.

Như vậy là do cú nghĩa có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là do tướng có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Khổ, là tướng của tội lỗi.

Khổ tập, là tướng của nhân.

Khổ tập diệt là tướng của sự không sinh.

Khổ diệt đạo là tướng của các phương tiện.

Lại nữa, khổ là tướng bức bách phiền não, của âu lo, là tướng hữu vi, tướng có giới hạn.

Khổ tập, là tướng tụ tập, tướng nhân duyên, tướng hoà hợp, tướng đeo bám.

Khổ tập diệt, là tướng xuất ly, tướng tịch tĩnh, tướng vô vi, tướng Đề hồ.

Khổ diệt đạo, là tướng chuyên chở, tướng đến nơi, tướng thấy rõ, tướng nương tựa được.

Trên đây là nói do các tướng không giống nhau có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là do thứ lớp có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Là dùng tâm sơ khởi và tâm cầu chứng sinh khởi thứ lớp.

Tâm mới khởi là thứ nhất khổ đế. Khổ sinh khởi tập là thứ hai khổ tập đế. Khổ tập đoạn diệt là thứ ba khổ tập diệt đế. Dùng pháp phương tiện như thật đoạn diệt khổ tập là thứ tư khổ diệt đạo đế.

Ví như người thầy thuốc giỏi, trước chẩn đoán căn nguyên của bệnh, sau tìm nguyên do gây bệnh, rồi để trừ dứt bệnh mới xét bệnh lý mà cho thuốc.

Trong thí dụ này, bệnh là khổ, nhân duyên gây bệnh là khổ tập, trừ dứt tật bệnh là khổ tập diệt, thuốc đây là khổ diệt đạo, tức con đường diệt khổ.

Trên đây là nói do thứ lớp có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Sao gọi là do pháp nói giản lược có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Sinh là khổ. Khiến cho sinh là tập. Khổ ngừng là diệt. Khiến cho ngừng là đạo.

Nơi có phiền não là khổ. Phiền não là tập. Đoạn phiền não là diệt. Phương tiện để đoạn phiền não là đạo.

Khổ có thể khởi mở cửa thân kiến. Tập có thể mở cửa đoạn kiến. Diệt có thể khởi mở cửa thường kiến. Đạo có thể mở cửa tà kiến.

Trên đây là dùng pháp giản lược có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng thí dụ?

Đáp: Như dùng cây độc làm thí dụ:

Cây độc là khổ đế. Hạt giống của cây đó là tập. Thiêu đốt hạt giống là diệt. Lửa đốt là đạo.

Dùng bờ bên kia làm thí dụ:

Bờ bên này có đau khổ, có sợ hãi là khổ. Khổ như dòng nước chảy là tập. Bờ bên kia không đau khổ không sợ hãi là diệt. Như pháp thuyền có thể vượt dòng sang sông là đạo.

Dùng gánh nặng làm thí dụ:

Gánh nặng là khổ. Đang gánh gánh nặng là tập. Buông gánh nặng xuống là diệt. Phương pháp để trút bỏ gánh nặng là đạo.

Trên đây là nói dùng thí dụ có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng phân biệt có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Dùng 4 loại đế lý có thể phân biệt 4 Thánh đế: 1. Ngũ đế. 2. Các các đế. 3. Đệ nhất nghĩa đế. 4. Thánh đế.

Ngũ đế, là nói lời chân thật, không nói lời không chân thật, đó là ngũ đế. Các các đế, là dùng đại nhập vào các kiến, đó gọi là các các đế. Như Tì-kheo vọng ngữ ngu si pháp, hoặc Tì-kheo không vọng ngữ ngu si pháp, là các các đế. Đệ nhất nghĩa đế là Nê-hoàn. Thánh đế, là chân lý tu hành của Thánh nhân, và chúng ta cũng ưa thích tu hành Thánh đế này.

Trên đây là nói dùng sự phân biệt có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng số có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Trừ ái ra, các pháp thiện, bất thiện và vô ký nơi 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc là khổ đế. Ái là tập đế. Đoạn ái là diệt đế. Bát chính đạo là đạo đế.

Lại nữa, ngoại trừ ái và các phiền não khác, các pháp thiện, bất thiện và vô ký nơi 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc là khổ đế. Ái và các phiền não khác là tập đế. Đoạn ái và các phiền não khác là diệt đế. Con đường đoạn trừ đó là đạo đế.

Lại nữa, ngoại trừ ái và phiền não khác, tất cả những bất thiện, các pháp thiện và hữu ký nơi 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc là khổ đế. Ái và các phiền não khác và tất cả các bất thiện là tập đế. Đoạn ái và tất cả bất thiện khác là diệt đế. Con đường đoạn ái và các phiền não khác cùng tất cả bất thiện, là đạo đế.

Lại nữa, ngoại trừ ái, các phiền não khác, tất cả các bất thiện ra, các pháp bất thiện và vô ký trong 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc, là khổ đế. Ái, các phiền não khác và tất cả các bất thiện, các pháp thiện nơi 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc, là tập đế. Đoạn ái, các phiền não khác, tất cả bất thiện là diệt đế. Con đường đoạn ái, các phiền não khác, tất cả bất thiện là đạo đế.

Như vậy, ở đây tìm cầu sự thích thú tức là ái. Tập, là hữu sử trói buộc, các phiền não khác là tập. Vì có thể đoạn, vì khiến khởi hữu, cho nên ái và các phiền não khác cùng tất cả bất thiện đều là tập.

Tất cả các bất thiện, các thiện pháp trong 3 địa Dục, Sắc, Vô sắc, hoặc thành khổ đế, hoặc thành tập đế. Những phiền não bức bách, lo âu, tương hữu vi, hữu biên, nên thành khổ đế. Tụ tập nhân duyên, chấp trước tương hoà hợp, nên thành tập đế.

Trên đây là dùng số có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng tính đồng nhất có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Bốn Thánh đế do 4 hành mà thành 1 tính đồng nhất. Bốn hành là: 1. Theo nghĩa của đế. 2. Theo nghĩa của chân như. 3. Theo nghĩa của pháp. 4. Theo nghĩa của không.

Trên đây là nói do tính đồng nhất có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là do nhiều thứ khác nhau có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Nhiều thứ khác nhau có thể quy nạp vào 2 đế là thế đế và xuất thế đế.

Thế đế là pháp hữu lậu, có kết sử, có trói buộc, có lưu chuyển, có ách nạn, có che khuất, có chạm xúc, có chấp thủ, có phiền não, đó gọi là khổ đế và tập đế.

Xuất thế đế là pháp vô lậu, không kết sử, không trói buộc, không lưu chuyển, không ách nạn, không che khuất, không xúc chạm, không chấp thủ, không phiền não, đó gọi là diệt đế và đạo đế.

Khổ, tập, đạo 3 đế là pháp hữu vi.

Diệt đế là pháp vô vi.

Tập, diệt, đạo 3 đế là pháp không có hình sắc.

Khổ đế là pháp có hình sắc hoặc không có hình sắc.

Tập đế là pháp bất thiện.

Đạo đế là pháp thiện.

Diệt đế là pháp vô ký.

Khổ đế là pháp vừa thiện, bất thiện và vô ký.

Khổ đế có thể hiểu biết được. Tập đế có thể đoạn trừ được. Diệt đế có thể chứng được. Đạo đế có thể tu hành được.

Trên đây là nói do các thứ khác nhau có thể biết 4 Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là do thứ lớp rõ ràng có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Thứ nhất: Có thức thân là khổ. Ngã mạn là tập. Đoạn ngã mạn là diệt. Thân niệm xứ là đạo.

Thứ 2: Danh sắc là khổ, là vô minh. Hữu ái là tập. Đoạn hữu ái là diệt. Xa-ma-tha và Tì-bà-xá-na là đạo.

Thứ 3: Khổ khổ là khổ đế. Ba căn bất thiện, tức tham, sân, si, là tập. Đoạn trừ 3 căn bất thiện là diệt. Giới, định, tuệ là đạo.

Thứ 4: Bốn tính nơi thân, tức sinh, lão, bệnh, tử, là khổ, 4 diên đảo, tức thường, lạc, ngã, tịnh, là tập. Đoạn 4 diên đảo là diệt. Bốn niệm xứ, tức thân, thụ, tâm, pháp, là Đạo.

Thứ 5: Năm nẻo luân hồi, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, là khổ. Năm thứ che khuất, tức tham dục, sân nhuế, thụ miên, điệu hối, nghi pháp, là tập. Đoạn trừ 5 sự che khuất là diệt. Năm căn, tức tín, tiến, niệm, định, tuệ, là đạo.

Thứ 6: Sáu căn tiếp xúc, tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, là khổ. Sáu thứ khát ái của thân, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, là tập. Đoạn trừ 6 thứ khát ái của thân là diệt. Sáu pháp xuất ly, tức bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, Bát-nhã, là đạo.

Thứ 7: Bảy thức trụ, tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới, ý thức giới, là khổ. Bảy kết sử, tức dục ái, sân nhuế, hữu ái, ngã mạn, vô minh, tà kiến, nghi pháp, là tập. Đoạn trừ 7 kết sử là diệt. Bảy Bồ-đề phần, tức trạch pháp, tinh tiến, hỷ, khinh an, niệm, định, xả, là đạo.

Thứ 8: Tám pháp thế gian, tức lợi, suy, hỷ, dự, xung, cơ, khổ, lạc, là khổ. Tám tà biên, tức tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, là tập. Đoạn trừ 8 tà biên là diệt. Tám chính phần, tức chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, chính định, là đạo.

Thứ 9: Chín cảnh giới cư trú của chúng sinh, tức thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, có hình sắc, không hình sắc, có tướng, không có tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, là khổ. Chín nguồn gốc của sự khát ái, tức tham ái, sân nhuế, kiêu căng, ngu si, nghi pháp, tà kiến, thủ kiến, xan, tật đố, là tập. Đoạn trừ 9 ái căn này là diệt. Chín tác ý chân chính, tức ngược lại 9 ái căn, là đạo.

Thứ 10: Mười phương tiện hành, tức bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, giác ngộ, bất thoái, là khổ. Mười kết sử, tức tham, sân, si, mạn, nghi, thân, biên, tà, kiến

thủ, giới cấm thủ, là tập. Đoạn trừ các kết sử là diệt. Mười tướng, tức 10 niệm xứ, hoặc 10 hoại tướng, là đạo.

Trên đây là nói theo thứ tự rộng 10 pháp có thể biết 4 Thánh đế

Hỏi: Thế nào là do dùng thâm nhiếp có thể biết 4 Thánh đế?

Đáp: Có 3 thứ thâm nhiếp: 1. Âm nhiếp. 2. Nhập nhiếp. 3. Giới nhiếp.

Khổ đế được thâm nhiếp trong 5 âm. Tập đế và đạo đế được thâm nhiếp trong hành âm. Diệt đế không thâm nhiếp trong các âm.

Khổ đế được thâm nhiếp trong 12 nhập. Tập, diệt, đạo, 3 đế chỉ thâm nhiếp trong pháp nhập.

Khổ đế được thâm nhiếp trong 18 giới. Tập, diệt, đạo, 3 đế chỉ thâm nhiếp trong pháp giới.

Trên đây là nói dùng sự thâm nhiếp có thể biết 4 Thánh đế.

Trên đây nói 11 thứ hành pháp thù thắng có thể biết và khiến khởi 4 Thánh đế. Đó gọi là Thánh đế phương tiện.

(Xong phần nói về Thánh đế phương tiện)

Phẩm 12: PHÂN BIỆT ĐẾ 1

Bấy giờ, người tu thiền đã hiểu rõ âm, giới, nhập, nhân duyên và đế, 5 pháp phương tiện, đã được nghe nói đến giới, hạnh Đầu-đà thiên.

Vì phàm phu chưa giải thoát nên lo sợ sự tái sinh vào các nẻo dữ, tưởng đến sinh tử từ vô thủy mà lo sợ, tưởng về 1 sát-na không thể được, tưởng đến thí dụ 300 cây giáo nhọn cùng đâm một lúc, tưởng đến thí dụ lửa cháy đầu, mà còn chưa thể phân biệt 4 Thánh đế, thì phải dùng các pháp phương tiện để đạt được trí tuệ có thể phân biệt 4 Thánh đế, phải tinh tiến dũng mãnh, chuyên tâm chuyên niệm 4 Thánh đế, để có đầy đủ trí tuệ có thể phân biệt 4 Thánh đế.

Hỏi: Như vậy phải làm thế nào?

Đáp: Người tu thiền tu tập pháp 4 Thánh đế, trước hết phải nghe giảng 4 Thánh đế, hoặc bằng phương pháp vắng tắt, hoặc phương pháp nói rộng chi tiết rõ ràng, hoặc vừa vắng tắt vừa mở rộng, rồi do theo văn, theo nghĩa kinh, đọc tụng thụ trì 4 Thánh đế.

Bấy giờ, người tu thiền ngồi yên tĩnh, dùng tâm không loạn, tâm không đến không đi, khởi niệm 4 Thánh đế.

Trước hết dùng âm, nhập, giới khởi khổ Thánh đế.

Âm, tức là dùng tự tướng, dùng tướng của âm khởi khổ Thánh đế. Về hành pháp thì xem phần Âm phương tiện có nói rõ.

Nhập, tức là dùng tự tướng, dùng tướng của nhập khởi khổ Thánh đế. Về hành pháp thì xem phần Nhập phương tiện có nói rõ.

Giới, tức là dùng tự tướng, dùng tướng của giới khởi khổ Thánh đế. Về hành pháp thì xem phần Giới phương tiện có nói rõ.

Bấy giờ người tu thiền đã hoàn toàn hiểu rõ âm, nhập, giới. Trong tâm chỉ có âm, nhập, giới mà thôi, không có chúng sinh, không có thọ mạng. Khổ Thánh đế đã khởi, là người tu thiền đã được hành và tướng.

Bấy giờ, sau khi đã được hành và tướng, người tu thiền dùng phương pháp vắng tắt tóm lược khiến khởi 2 pháp là danh và sắc.

Trong đây, sắc âm là 10 nhập, 10 giới thuộc về sắc.

Bốn âm thụ, tướng, hành, thức, là ý nhập và 7 giới thuộc về danh, là pháp nhập và pháp giới.

Pháp nhập, pháp giới hoặc thuộc danh, hoặc thuộc dư danh dư sắc.

Dư danh dư sắc, tức là vì sắc không.

Hoặc danh hoặc sắc, tức là vì danh không.

Danh, là vì sắc không tách rời.

Sắc, là vì danh không tách rời.

Ví như cái trống và tiếng trống. Sắc dựa vào danh mà sinh, danh dựa vào sắc mà sinh. Cũng người mù và người què, nương nhau mà đi xa.

Hỏi: Danh và sắc khác biệt nhau như thế nào?

Đáp: Danh không có thân, sắc có thân.

Danh có sở tri, sắc không có sở tri.

Danh di chuyển nhẹ nhàng, sắc di chuyển chậm chạp.

Danh không kết tụ, sắc có kết tụ.

Danh có hiểu, có biết, có tư duy, có nhận thức, sắc không có các thứ ấy.

Sắc có thể đi, dựa, ngồi, nằm, co, duỗi, danh không thể như vậy.

Danh thì, biết ta đi, ta dựa, ta ngồi, ta nằm, ta co, ta duỗi, sắc thì không thể như vậy.

Sắc thì, uống, ăn, nhai, nếm, danh thì không.

Danh thì, biết ta uống, ta ăn, ta nhai, ta nếm, sắc thì không.

Sắc thì vỗ vai, bõn cọt, cười, khóc, nói năng đủ thứ, danh thì không.

Danh thì biết ta vỗ vai, ta bõn cọt, ta cười, ta khóc, ta nói năng đủ thứ, sắc thì không.

Đó là chỗ khác nhau giữa danh và sắc.

Bấy giờ người tu thiền đã hoàn toàn hiểu rõ danh và sắc, trong tâm chỉ có danh và sắc mà thôi, không có chúng sinh, không có thọ mạng. Khổ Thánh đế đã khởi và do đó đã được hành và tướng.

Bấy giờ dùng pháp tóm lược, tri kiến thanh tịnh như thật khiến danh sắc sinh khởi. Đó là khổ Thánh đế.

Trên đây là nói dùng danh sắc làm nhân duyên khiến khởi khổ Thánh đế.

Người tu thiền, ngay khi khởi khổ Thánh đế có thể sinh khởi tư duy về các khổ. Sau đó, nên quán nhân duyên gây khổ.

Hỏi: Khổ đó, do nhân duyên nào, tập hợp ra sao?

Đáp: Người tu thiền đó biết như vậy: Khổ đó do sinh làm nhân duyên. Sinh là, do hữu làm nhân duyên. Hữu là, do thủ làm nhân duyên. Thủ là, do ái làm nhân duyên. Ái là, do thụ làm nhân duyên. Thụ là, do xúc làm nhân duyên. Xúc là, do 6 nhập làm nhân duyên. Sáu nhập là, do danh sắc làm nhân duyên. Danh sắc là, do thức làm nhân duyên. Thức là, do hành làm nhân duyên. Hành là, do vô minh làm nhân duyên.

Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức, sinh duyên lão tử, mà thành lo sầu, khổ não. Do đó, khổ ám thành khởi. Bằng cách đó, người tu thiền dùng pháp quán tưởng rộng mà quán tưởng nhân duyên ràng buộc.

Bấy giờ, dùng pháp tóm lược biết thụ duyên ái mới thành ra khổ tập, nguồn gốc của sự khổ. Hoặc dùng pháp trụ trí, Thánh thủ nhân duyên trí, lý nghi thanh tịnh trí ... dùng các thứ trí tuệ này khiến khởi tập đế.

Bấy giờ người tu thiền, trong Tam-muội đã vượt khỏi các pháp nghi ngờ, khiến khởi khổ tập Thánh đế.

Giờ đây, ngay sau khi người tu thiền khởi khổ tập Thánh đế, thì phải quán tưởng khổ tập diệt.

Cái gì diệt thì khổ diệt? Cái gì diệt thì khổ này diệt? Người tu thiền ấy biết rõ rằng sinh đã diệt thì khổ do sinh tạo thành cũng diệt

theo. Sinh diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì ái diệt, cho đến vô minh diệt, hành diệt. Như vậy người tu thiền hiểu rõ 12 pháp nhân duyên theo chiều nghịch: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, cho đến sinh diệt, lão tử diệt, ru bi khổ não diệt. Như vậy là tất cả khổ ấm thành diệt hết.

Như vậy là người tu thiền đã dùng pháp quán rộng quán tưởng sự ràng buộc của nhân duyên mà làm cho tiêu diệt.

Bấy giờ dùng pháp vắng tắt biết thụ duyên ái diệt có thể khiến sở duyên nơi thụ duyên ái khổ tập thành diệt.

Người tu thiền duyên tập 4 pháp Thánh đế như vậy là đã khiến khởi khổ tập diệt Thánh đế.

Ngay sau khi người tu thiền đã làm khởi khổ tập diệt Thánh đế, bấy giờ người ấy phải quán tưởng con đường diệt khổ.

Thế nào là con đường diệt khổ? Vì sao phải ái diệt rồi sau mới có thể đầy đủ con đường diệt khổ?

Người tu thiền ấy tu tập pháp 4 Thánh đế, trong quán tưởng khi đã biết 5 thụ ấm là lỗi lầm thì biết thế nào là con đường diệt khổ, cũng biết chỉ có ái diệt sau mới có thể đầy đủ con đường diệt khổ. Bấy giờ đã khiến khởi Thánh đế con đường diệt khổ, như được nói rộng trong phần Thánh đế phương tiện.

Người tu thiền như vậy trong quán nhân duyên dùng thứ lớp đã khiến khởi 4 Thánh đế.

Người tu thiền ngay sau khi đã khởi 4 Thánh đế, người ấy phải quán tưởng 180 sắc pháp của 5 thụ ấm. Dùng tụ phân biệt, dựa theo thứ tự, quán tưởng các sở hữu sắc, như tất cả sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong, ngoài, lớn, nhỏ, thô, tinh vi, xa, gần. Dùng pháp vô thường quán rộng rãi tất cả sắc, dùng pháp khổ quán rộng rãi các sắc, dùng pháp vô ngã quán rộng rãi tất cả sắc.

Sắc, thụ, tưởng, hành, thức, mỗi âm có 12 thứ sắc pháp. Như vậy 5 lần 12 cộng lại là 60 thứ sắc pháp. Do đó 5 âm tương ứng vô thường kiến có 60 thứ, 5 âm tương ứng khổ kiến có 60 thứ, và 5 âm tương ứng vô ngã kiến có 60 thứ, tổng cộng là 180 thứ.

Lại nữa, còn có 180 thứ sắc pháp là: 6 nội nhập, 6 ngoại nhập, 6 thức thân, 6 xúc thân, thụ thân, 6 tưởng thân, 6 tư thân, 6 ái thân, 6 giác thân, và 6 quán thân, 10 lần 6 thành 60 thứ.

Tương ứng với vô thường kiến có 60 thứ, tương ứng với khổ kiến có 60 thứ, và tương ứng với vô ngã kiến có 60 thứ, tổng cộng 3 lần 60 thành 180 thứ.

Dùng pháp vô thường, quán phân biệt vào chính mình nhiều năm, thời gian ngày, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, giờ, 1 niệm, 1 sát-na, không ngớt dùng pháp hồi chuyên, luôn đổi mới, như lửa đèn cháy liên tục thành ngọn đèn. Dùng pháp khổ, thực hành quán phân biệt nơi các nẻo ác chịu khổ, đói khát, sợ hãi, mong cầu, thương yêu chia li, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não. Tất cả các pháp khổ hành đó không ngớt tương ứng liên tục mãi.

Dùng pháp vô ngã thực hành quán phân biệt nơi hành, sắc vô thường. Từ âm, nhập, giới, nhân duyên, đế, nghiệp, quả báo nhân duyên khiến sinh ra. Ngay khi tất cả các hành sắc này không sinh khởi, ta không động, khi không tạo tác, tự tính thành khởi.

Dùng pháp vắng tắt và pháp mở rộng phân biệt nghĩa của diệt, khổ, sợ, vô ngã, không thật.

Phân biệt nghĩa của thụ, tưởng, hành, thức và vô thường diệt.

Khổ, là nghĩa của sợ sệt.

Vô ngã, là nghĩa của không thật.

Trên đây là dùng pháp vắng tắt và pháp mở rộng làm phân biệt.

Khi đó, vô thường đã phân biệt thì thường tướng trừ diệt. Khổ đã phân biệt thì lạc tướng trừ diệt. Vô ngã đã phân biệt thì ngã tướng trừ diệt.

Hỏi: Thế nào là dùng vô thường mà rộng phân biệt?

Đáp: Là người tu thiền thấy như thật tất cả các hành đều không có hiện hữu, không có diệt mất, người ấy khởi tâm nơi vô tướng và an tâm nơi cảnh giới vô tướng.

Như vậy là dùng vô thường mà rộng phân biệt.

Hỏi: Thế nào là dùng khổ mà rộng phân biệt?

Đáp: Là với tất cả các hành khiến sinh lo sợ mới. Do tạo tác và mong muốn có thể khiến tâm khởi. Tâm an trụ nơi vô tác, vô nguyện. Đó là dùng khổ mà rộng phân biệt.

Hỏi: Thế nào là lấy vô ngã mà rộng phân biệt?

Đáp: Là thấy tất cả pháp, đều khởi tâm chấp cho là thuộc đây thuộc kia. Chỉ có cảnh giới không, là có thể làm an tâm. Đó là cách dùng vô ngã mà rộng phân biệt

Như vậy người tu thiền tu tập 4 pháp Thánh để dùng phân biệt trí, dùng vô thật trí quán tướng 3 cõi, 5 nẻo luân hồi, 7 thức, 9 nơi cư trú của các loài chúng sinh để diệt trừ sợ hãi.

(Xong phần nói về Phân biệt trí)

Người tu thiền ấy trong 5 thụ ấm đã phân biệt rõ 3 tướng vô thường, khổ và vô ngã, đoạn tất cả các hành khiến sinh khởi lạc thiền chi.

Bấy giờ, hiện tại 5 thụ ấm bên trong thủ tướng sở duyên khiến tâm thông suốt, sinh khởi diệt trí.

Như vậy, pháp diệt trí xưa nay vốn không tồn tại, tức vô sinh, mà hiện tại sinh khởi, tức hiện sinh, dùng tâm thông suốt khiến sinh đoạn diệt.

Thủ tướng có 3 thứ: 1. Thủ tướng phiền não. 2. Thủ tướng định. 3. Thủ tướng Tì-bà-xá-na.

Phàm phu mê mờ đối với 4 cảnh giới thấy, nghe, hay, biết, thì tướng là vui là thường còn. Bốn cảnh giới đó làm cho điên đảo khiến tâm phiền não mới khởi ra chấp lấy tướng này mà sinh phiền não chấp đắm, như con bướm lao vào ngọn lửa đèn.

Đó gọi là nắm giữ tướng phiền não.

Hỏi: Thế nào là nắm giữ tướng định?

Đáp: Người tu thiền muốn được lạc chi thiền định, để buộc niệm vào nơi chính trí, định của sơ tâm, thì dùng 38 hành nắm giữ lấy tướng để không cho tâm tán loạn. Nơi mỗi hành pháp riêng biệt buộc tâm vào tướng như con voi bị cột xích lại.

Đó gọi là nắm giữ tướng định.

Hỏi: Thế nào là nắm giữ tướng Tì-bà-xá-na?

Đáp: Là người dùng quán thường pháp, lấy trí tuệ làm xứ sở, sơ tâm Tì-bà-xá-na giữ lấy tướng của sắc, thụ, tưởng, hành, thức, mỗi mỗi phân biệt tự tướng của chúng, lạc dục xả tướng ấy như bắt con rắn độc. Đó gọi là nắm giữ tướng Tì-bà-xá-na. Như vậy có thể nắm giữ dễ dàng tướng Tì-bà-xá-na.

Hỏi: Thế nào là nắm giữ tướng của sắc, thụ, tưởng, hành, thức?

Đáp: Nắm giữ tướng của sắc tức là hoặc do địa giới, hoặc do thủy giới, hoặc do hỏa giới, hoặc do phong giới, hoặc do nhãn nhập, hoặc do thân nhập, người tu thiền quán tướng sắc tướng của sắc sở duyên.

Nắm giữ tướng của thụ là quán tướng tướng thụ của thụ sở duyên như hoặc thụ vui, hoặc thụ khổ, hoặc thụ không vui không khổ.

Nắm giữ tướng của tưởng là quán tướng tướng tưởng của tướng sở duyên là sắc tướng hoặc pháp tướng.

Nắm giữ tướng của hành là quán tướng tướng hành của hành sở duyên là xúc, là tư, là giác, là quán hoặc là tác ý.

Nắm giữ tướng của thức là quán tướng tướng thức của thức sở duyên tức nhãn thức hoặc ý thức.

Như vậy, người tu thiền khéo nắm giữ tướng của 5 ấm và khéo khởi nắm giữ các tướng sắc, thụ, tưởng, hành và thức.

Lại nữa, bằng 2 hành pháp, người tu thiền khéo nắm giữ tướng của tâm. Đó là do sự, và do tác ý.

Hỏi: Thế nào là do sự mà nắm giữ tướng của tâm?

Đáp: Là quán tướng vào sự việc tạo tác khiến tâm ta khởi. Quán tướng về sắc này thụ sự, tưởng sự, hành sự, thức sự làm tâm ta sinh khởi. Quán tướng về những việc làm do tự tâm ta sinh khởi. Đó là do sự việc mà nắm giữ tướng của tâm.

Hỏi: Thế nào là do tác ý mà nắm giữ tướng của tâm?

Đáp: Là quán tướng vào nhân làm ta tác ý, đó là sắc tướng làm tâm ta sinh khởi. Quán tướng vào nhân làm ta tác ý, đó là thụ, tưởng, hành, mà tâm ta khởi. Như vậy là do tác ý mà nắm giữ được tướng của tâm.

Hỏi: Thế nào là khéo nắm giữ các tướng sở duyên kia?

Đáp: Là do hành, do tướng của hành sở duyên mà thành quán, do tướng hành sở duyên của sắc, thụ, tưởng, hành, thức mà thành quán.

Nếu có thể quán tướng hơn nữa các pháp sở duyên, biết đó là hành, đó là tướng tức gọi là do tướng sở duyên mà khéo nắm giữ các tướng.

Thông đạt sinh diệt có 3 thứ là: khởi thông đạt, diệt thông đạt, và khởi diệt thông đạt. Như vậy, sắc đã sinh hiện tại, tướng sinh của sở duyên đã khởi, tướng biến đổi đã diệt. Hai câu đó là nói do tuệ

nhãn thấy thông đạt sự khởi diệt. Đến như thụ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Lại nữa, có 3 trường hợp thông đạt được khởi tướng, đó là do nhân, do duyên, và do tự tính.

Hỏi: Thế nào là do nhân thông đạt mà khởi tướng?

Đáp: Là ái, vô minh và nghiệp làm nhân cho ấm khởi, do tuệ nhãn nhìn thấy, đó là do nhân thông đạt mà khởi tướng.

Hỏi: Thế nào là do duyên thông đạt mà khởi tướng?

Đáp: Là do duyên ăn uống mà sắc ấm khởi, do duyên xúc chạm mà thụ, tưởng, hành 3 ấm khởi, và do duyên danh sắc mà thức ấm khởi, nay nhờ có tuệ nhãn nhìn thấy được các duyên có đó thông đạt được mà khởi tướng.

Hỏi: Thế nào là do tự tính thông đạt mà khởi tướng?

Đáp: Như ngọn đèn dầu liên tục cháy sáng, các hành không ngớt đổi mới, từ đầu đến cuối không thể phân biệt được, tự tính ấy nhờ tuệ nhãn nhìn thấy thông đạt mà khởi tướng.

Như vậy, do nhân mà khởi kiến, do tướng của tập đế thành sở kiến khiến khởi giác, do duyên do tự tính khởi kiến thành khổ não, do tướng thành sở kiến, do sát-na tâm là bất khả đắc mà thành giác.

Đó gọi là 3 hành pháp, do nhân, do duyên, do tự tính mà thông đạt được tướng khởi.

Hỏi: Thế nào là do 3 hành pháp, thông đạt được tướng diệt?

Đáp: Ba hành pháp đó là: Do nhân diệt, do duyên diệt và do tự tính diệt. Như vậy, do ái diệt thì vô minh diệt. Do nghiệp diệt thì ấm thành diệt. Do tuệ nhãn nhìn thấy vì nhân diệt nên thông đạt tướng diệt.

Do sự ăn uống diệt nên sắc ấm thành diệt. Do xúc diệt nên 3 ấm thành diệt. Do danh sắc diệt nên thức ấm thành diệt. Do tuệ nhãn nhìn thấy, vì duyên diệt nên thông đạt tướng diệt.

Như ngọn lửa đèn dầu liên tục cháy không ngừng từ lúc bắt đầu cháy cho đến lúc tắt. Do tuệ nhân nhìn thấy tự tính diệt mà thông đạt tướng diệt.

Như vậy là do nhân diệt mà khởi kiến diệt đế. Do tướng của diệt đế mà thành chỗ sở kiến. Do tướng vô sinh mà thành giác. Do duyên diệt, do tự tính, do kiến diệt, do tướng của khổ đế thành cái thấy sơ khởi, sát-na không thể được mà thành giác.

Đó gọi là do 3 hành diệt mà thông đạt tướng diệt.

Hỏi: Nếu do sự khởi diệt mà thấy khổ đế, là do tướng mà được thấy, đã là có tướng thì làm sao thượng trí thành khởi diệt được?

Đáp: Thượng trí khởi diệt khi khởi không cần phải khởi kiến diệt, vì tướng của khổ đế được thấy hay chưa thấy, tất cả khổ đó đã đủ cả, cho đến các hành đã qua đi, đã hết. Đó là đã thấy như thật tất cả tướng khổ thành diệt.

Từ hành tướng đã khiến tâm khởi, quá độ đến phi hành tâm. Đó là thấy như thật lỗi lầm của tất cả các hành.

Nếu các hành tướng đã khiến tâm khởi, quá độ đến phi hành, nơi phi hành thấy tất cả khổ đầy đủ, đó gọi là chấp trước vào nhị biên, tức 2 thái cực.

Như con chim bay đang bị lửa cháy bốn bề không khởi lo sợ. Nếu con chim không vọt lên được trên không trung thì làm sao biết được nỗi hoạn nạn bị lửa bao vây? Làm sao biết được khi bị lửa bao vây thì phải bay vọt lên không trung?

Do đó biết là do nhân, duyên khởi kiến mà thông đạt tướng nhân duyên khởi: Cái này có thì cái này khởi. Cái này khởi thì thành khởi cái này.

Nhân diệt thì duyên diệt, do thấy diệt của tướng nhân duyên sinh, mà thành thông đạt tướng nhân duyên diệt: Cái này

không có thì cái này không thành. Cái này không nên cái này thành diệt.

Do thấy tự tính khởi diệt mà đã thấy khởi thành thông đạt tướng tự tính khởi. Biết pháp nhân duyên, pháp hữu vi, pháp sở duyên thì biết được thành khởi, biết được thành diệt, biết được thành trụ.

Như vậy, do khởi diệt thấy 4 pháp: pháp 1 tướng, pháp nhiều loại, pháp vô sự, và pháp dừng lại.

Pháp 1 tướng là liên tục chấp trước các hành mà thành khởi. Không thấy các hành sở duyên khởi diệt mà thành ra chấp nhiều loại. Tâm trước tâm sau chuyển làm các hành, dùng tâm sở duyên thấy khởi diệt thì không thành chấp 1 tướng. Tự tính tâm lia bỏ các hành không động, không thấy sự khởi diệt của các hành tâm trước tâm sau mà thành ngã chấp.

Các hành của tâm trước tâm sau là do nhân duyên chuyển. Cũng như vậy do pháp ngăn chận không thấy khởi diệt mà thành chấp vô sự.

Kẻ phàm phu không phải hàng Thanh Văn vì không hiểu tính 1 tướng mà thành thường kiến đoạn kiến. Do không hiểu pháp nhiều loại mà thành thường kiến. Vì không hiểu pháp vô sự mà thành chấp ngã kiến. Vì không hiểu pháp dừng lại mà thành chấp vô sự.

Như vậy, ngôn ngữ bình đẳng là ngôn ngữ thù thắng của pháp 1 tướng. Do phân biệt mà thành khởi pháp nhiều loại. Do phiền não mà thành khởi tính 1 tướng. Do pháp phương tiện mà thành khởi tính tính loại. Do ái quả mà thành khởi tính 1 tướng. Do nghiệp quả mà thành khởi tính nhiều loại.

Người tu thiên tu tập cái thấy khởi diệt, hiểu rõ tính 1 tướng thì không thể chấp cái thấy khác loại.

Nếu thấy tính khác loại thì không chấp thường kiến là tính 1 tướng.

Nếu thấy tính 1 tướng, thì dùng tác, giác khác, tức các pháp ngoài trí khởi diệt, mà trừ diệt cái thấy ấy.

Nếu thấy tính khác loại, thì dùng tác ấy, giác ấy, tức trí khởi diệt sở duyên, trừ diệt cái thấy ấy.

Nếu thấy tính 1 tướng, đó là đoạn kiến thì phải trừ diệt.

Nếu thấy tính khác loại, đó là thường kiến thì phải trừ diệt.

Người tu thiên tu tập trí khởi diệt, dùng khởi diệt như vậy mà thấy 1 tính mà thấy nhiều tính.

Chính pháp minh làm sao thành khởi?

Vì tất cả các hành hiện khởi được thấy sở duyên trụ nơi vô sự, tức trụ A-lan-nhã.

Vì sao tất cả các hành trụ nơi vô sự, tức trụ A-lan-nhã, là bất động?

Vì tất cả chỗ khởi thành trụ, trụ nơi tự tính nhân duyên hoà hợp. Tập làm nhân duyên cho vô sự trụ.

Như vậy, nơi vô sự trụ sinh khởi, hoặc khiến khởi pháp dừng lại. Ở đây theo nghĩa không có mạng và theo nghĩa bất động, mà có thể biết pháp vô sự.

Do theo nghĩa tự tính và nghĩa của duyên, có thể biết pháp dừng trụ.

Khiến hiện khởi tướng không, đó là vô sự.

Khiến hiện khởi nghiệp, đó là sở tác.

Cũng như vậy, dùng pháp dừng trụ khiến hiện khởi vô sự, đó là pháp.

Khiến hiện khởi pháp dừng trụ, đó gọi là hành.

Như vậy, do pháp tính 1 tướng mà hiểu biết thành thông đạt tướng khổ.

Do tính nhiều loại khác nhau, mà hiểu biết thành thông đạt tướng vô thường.

Do pháp vô sự, mà hiểu biết thành thông đạt tướng dùng trụ.

Do pháp dùng trụ, hiểu biết mà thành thông đạt tướng vô ngã.

Hỏi: Người tu thiền nên quán sự khởi diệt của tất cả các hành ở tất cả mọi nơi, hay chỉ cần quán một nơi là đủ?

Đáp: Tâm ban đầu khởi tất cả các hành, thủ lấy tướng chung với nơi chốn, thì trí khởi diệt thông đạt tất cả mọi nơi, khiến tất cả các hành được viên mãn. Ví như có một người ném nước biển tại một nơi nào đó trên biển, thì biết nước trong biển ở đâu cũng mặn như vậy. Đó là lý nhất xứ tức nhất thiết xứ.

Trí khởi diệt do 2 cách khiến các hành được viên mãn là do sự, tức đối tượng, và do không ngu si.

Do đó các hành thủ lấy tướng sở duyên, thông đạt sinh diệt. Các hành sở duyên do sự sở tạo thành tựu viên mãn.

Đoạn vô trí, tất cả các hành do không ngu si mà thành tựu viên mãn.

Do đó trí khởi diệt tức là trí phân biệt tất cả các hành.

Tất cả các hành do hữu biên ban đầu thành khởi, thành phân biệt, do hữu biên ban đầu thành khởi, thành tịch tịch.

Do diệt hữu biên thành tịch tịch. Do khởi theo khởi mà không có cái ban đầu, tức sinh. Do diệt theo diệt mà không có cái sau, tức tử.

Đó là trí khởi diệt trở thành nguyên nhân cho trí phân biệt của tất cả chư hành.

(Xong phần nói về trí khởi diệt)

Người tu thiền như vậy thấy đúng đắn tướng sinh diệt, khéo phân biệt các hành, vui được diệt lạc định. Bây giờ, người ấy không

tác ý quán sinh, chỉ thấy tâm diệt: do đối tượng của sắc, do tâm sinh diệt, y theo đối tượng đó mà thấy tâm diệt. Cũng vậy, do thụ tri, do tưởng, do hành, do thức, do tâm sinh diệt, dựa vào sắc sở duyên mà thấy được tâm sinh của mình đã diệt.

Lại nữa, do 3 thứ hành pháp mà quán tưởng tâm diệt. Đó là: 1. Dùng tụ pháp. 2. Dùng song quán. 3. Dùng phân biệt.

Hỏi: Thế nào là dùng tụ pháp mà quán diệt?

Đáp: Là trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, và tại các nơi khởi tâm pháp và tâm số pháp, dùng tụ pháp, mà quán thấy sở duyên thành diệt.

Lại nữa, người tu thiền sau khi đã quán thấy sắc vô thường, thụ vô thường, tưởng vô thường, hành vô thường, thức vô thường, lúc ấy do tất cả sắc sự, nghiệp sự vô thường làm khởi tâm pháp và tâm số pháp, do tụ pháp tức sắc tụ, nghiệp tụ mà quán thấy các sở duyên sự, tức sắc sự và nghiệp sự thành diệt.

Cũng vậy, do khổ sự mà thành tựu vô ngã.

Đó gọi là dùng tụ pháp mà quán diệt Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng song quán diệt?

Đáp: Là người tu thiền đã phân biệt hiểu rõ sắc là vô thường, đã quán tưởng về vô thường, tùy theo chỗ quán vô thường mà thấy được tâm sinh diệt. Đến như thụ, tưởng, hành, thức cũng vậy, tùy theo chỗ quán vô thường mà tâm khởi, thấy tâm sinh diệt.

Cũng vậy, khổ sự đã thành quá khứ, và vô ngã sự cũng thành quá khứ..

Đó gọi là dùng pháp song quán thấy diệt Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là dùng phân biệt mà quán diệt?

Đáp: Người tu thiền đã quán sắc vô thường, và đã tùy theo chỗ quán vô thường mà khởi tâm, thấy tâm sinh diệt.

Phương pháp này có thể thấy nhiều thứ bất đồng của tâm sinh diệt. Đó là dùng phân biệt quán diệt.

Cũng như vậy quán thụ, tướng, hành, thức vô thường, tùy theo đối tượng vô thường khởi tâm, thấy tâm sinh diệt.

Người tu thiền khi mới bắt đầu thấy tâm diệt, cuối cùng thấy là diệt.

Người tu thiền như vậy dùng phân biệt quán thấy các thứ tâm pháp, tâm số pháp thành diệt.

Như vậy là đã quán khổ, đã quán vô ngã.

Như vậy gọi là dùng pháp phân biệt đã quán diệt Thánh đế.

Người tu thiền chỉ có nơi hiện quán khi sở duyên sự diệt, sở duyên sự thành diệt thì thiền hành sự mới có thể thành chuyên. Thường quán sát tìm kiếm thì tâm sát-na của tất cả các hành mới được thành tựu và lợi ích.

Bấy giờ người tu thiền tu diệt Thánh đế, dùng trí tuệ này mà không dùng nhân duyên nào khác, mới có thể thấy tất cả thế gian. Bấy giờ tự tính đã vi tế đến như đầu một hạt cải cũng có thể phân biệt sinh già chết biến hóa trong tâm sát-na.

Khi người tu thiền thành khởi quán diệt trí, sẽ đạt được tri kiến, như Phật-đà nói trong bài kệ sau đây:

*Cả hai danh sắc nương,
Lần lượt vào chỗ diệt.
Củ diệt duyên kia diệt,
Và nhân kia sinh khởi,
Ám vô thường, pháp diệt,
Pháp khổ sinh, pháp diệt,
Như tiếng dùi đánh trống.
Cũng không từ mắt sinh,*

Sắc, hương,...đều 5 pháp,
Cũng không từ sắc sinh,
Cũng không là 2 câu.
Nương duyên sinh hữu vi,
Như tiếng dùi đánh trống.
Cũng không từ tai sinh,
Sắc, hương,...đều 5 pháp,
Cũng không từ tiếng sinh.
Cũng không là 2 câu.
Cũng không từ mũi sinh,
Sắc, hương,...đều 5 pháp
Cũng không từ hương sinh.
Cũng không là 2 câu.
Cũng không từ lưỡi sinh,
Sắc hương đều 5 pháp,
Cũng không từ vị sinh.
Cũng không là 2 câu.
Cũng không từ thân sinh,
Sắc hương đều 5 pháp,
Cũng không từ xúc sinh,
Cũng không là 2 câu.
Cũng không từ sắc sinh,
Không từ pháp xuất nhập,
Dựa nhân duyên mà sinh,
Như tiếng dùi đánh trống.
Căn kia xuất rất yếu,
Nhân ban đầu rất yếu,
Nhân kia cũng rất yếu,
Sinh khởi cũng rất yếu,
Hiện địa rất là yếu,
Tương ưng cũng rất yếu,

Hòa hợp cũng rất yếu.
 Lân hồi rất yếu này,
 Lân hồi pháp không trụ,
 Lân hồi cũng không tính,
 Không khả năng sinh khởi,
 Khiến khởi kia cũng không,
 Như thành Càn-thát-bà.
 Là gì ban đầu khởi,
 Không do tự thân sinh,
 Không do tự lực trụ,
 Do tùy pháp khác sinh,
 Sinh các pháp hữu lậu.
 Thân thể yếu đuối không tự sinh,
 Không do tự nhân, không tự sự,
 Không có nơi chốn, không tự tính,
 Không tự tính, hành tướng, các hữu,
 Vì sinh thân yếu, đời sống ngắn,
 Không từ đâu đến, không đi đâu,
 Không có nơi sinh không xứ sở,
 Tâm không ngã, không mạng, không tính,
 Một tâm vui khổ tương ứng nhanh,
 Sát-na núi biển 8 vạn kiếp,
 Một ở không hề có 2 tâm,
 Tương ứng quá khứ và sẽ diệt,
 Hiện trụ tất cả các ám kia,
 Chúng đã qua rồi không nghe mắt,
 Vị lai sẽ mất trong khoảng kia,
 Đã mất không khác, tướng không khởi,
 Vì không sinh nên hiện tại sinh.
 Từ nơi tâm mất, thế gian không,

*Trong đệ nhất nghĩa không đi đến,
 Vị lai không tụ, chỉ chuyển sinh,
 Trụ như hạt cải sinh các pháp.
 Pháp kia diệt rồi là bắt đầu,
 Thế gian buổi đầu không nhiễm tạp,
 Không thấy đến đi, không thấy sin.,
 Các pháp không sinh như hư không,
 Giống như điện chớp, phút chốc tắt.*

Người tu thiền tu tập pháp 4 Thánh đế, như vậy quán thấy diệt hết khổ tập không sót, được nhập chính định, giống như dùi cây lấy lửa, 37 phẩm Bồ-đề sát-na sát-na khởi, sinh khởi lên trong sát-na, rồi do trí quang minh sinh khởi hỷ, khinh an, và lạc. Nếu chấp thủ giải thoát niệm xứ mà sinh khởi xả và xuất ly, tức là không hiểu rõ đạo giải thoát.

Người tu thiền chấp thủ giải thoát niệm xứ thì nơi pháp giải thoát sở duyên sẽ sinh tán loạn hoặc sinh tăng thượng mạn.

Hỏi: Làm sao trừ tâm tán loạn đó?

Đáp: Người tu thiền đó sinh tâm vui mừng nơi hành pháp sở duyên. Tâm vui mừng đó khiến hành pháp được an trụ. Như vậy trong khi ngồi thiền khiến tâm an trụ, điều hòa nắm giữ tâm. Đó là phép tâm trừ loạn. Lại dùng tâm pháp này mà điều hòa nắm giữ tâm quá khứ vị lai. Lại từ thiền định quán tưởng khổ tập diệt an định tâm mình, xả bỏ thường pháp mà thông đạt giải thoát đạo. Do đó mà loạn được trừ bỏ.

Hỏi: Thế nào là khởi lòng tăng thượng mạn?

Đáp: Người tu thiền nơi pháp thiền trước khởi lên tướng sáng, tưởng rằng đã được pháp xuất thế gian, nhưng vì chưa được pháp xuất nhập thế gian mà lại không thêm tinh tiến, do đó mà sinh lòng tăng thượng mạn.

Còn người tu thiền hiểu rõ, biết phiền não tăng thượng mạn ấy có thể làm loạn thiền định, biết việc làm của mình như vậy là pháp thế gian, không phải pháp xuất thế gian.

Như vậy người tu thiền hiểu biết rõ ràng, tu hành Nê-hoàn mới là pháp xuất thế gian chân chính.

Như vậy đã biết thế nào là pháp thế gian, dùng trí tuệ trừ loạn tâm và tăng thượng mạn, trong tâm chỉ thấy tịch diệt.

Đó là thiện pháp tu hành, phải siêng tu và tu nhiều.

(Xong phần nói về quán diệt trí)

QUYỂN 11 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 12

Phẩm 12: PHÂN BIỆT ĐẾ 2

Người tu thiền như vậy hiện quán diệt, vì do quán diệt mà thành lo sợ: Sợ nhân của ám, sợ ám sinh thành, sợ 3 cõi, sợ 5 nẻo luân hồi, sợ 7 nơi thức trụ, sợ 9 nơi cư trú của chúng sinh, sợ chúng như sợ người ác cầm đao, như sợ rắn độc, như sợ lửa thiêu đốt.

Như vậy, do quán diệt mà thành sợ nhân của ám, sợ ám sinh thành, sợ 3 cõi, 5 nẻo luân hồi, 7 nơi thức trụ, 9 nơi cư trú của chúng sinh.

Do vô thường hiện khởi tác ý khiến sinh khởi tướng sợ hãi, dùng an ổn khiến khởi vô tướng.

Do khổ hiện khởi tác ý tất cả chúng sinh đều thành sợ hãi, dùng an ổn khiến khởi thành không sinh.

Do vô ngã hiện khởi tác ý thành khởi tướng sợ hãi và tướng sinh, dùng an ổn khiến khởi không tướng, không sinh.

Dùng nguyên pháp và tương tự nhẫn pháp quán tướng về lỗi lầm, quán tướng về sự nhàm chán, đó gọi là khiến khởi trí tuệ về sự sợ hãi.

(Xong phần nói về khiến khởi trí đối với sự sợ hãi)

Người tu thiền do vì lo sợ mà hiện tu hành, khiến khởi trí tuệ, muốn sinh trí giải thoát.

Lo sợ tướng các ám, muốn khởi trí giải thoát.

Lo sợ các ám sinh thành, muốn khởi trí giải thoát.

Lo sợ 3 cõi, 5 nẻo, 7 thức trụ, 9 nơi cư trú của chúng sinh, muốn khởi trí giải thoát.

Giống như con chim bị lửa cháy bao vây, muốn được thoát khỏi lửa cháy, như người bị giặc bao vây, muốn được thoát nạn.

Cũng như vậy, người tu thiền lo sợ nguyên nhân các ám, sợ các ám sinh thành, sợ 3 cõi, 5 nẻo, 7 thức trụ, 9 nơi cư trú của chúng sinh, mà khởi trí muốn được giải thoát.

Vì vô thường mà tác ý sợ nhân các ám, vì khổ mà tác ý sợ sinh, vì vô ngã mà tác ý sợ nhân các ám và sợ sinh, do đó mà khởi lên trí muốn được giải thoát.

Như vậy, kẻ phàm phu và bậc học nhân, với trí muốn được giải thoát thành khởi 2 thứ dẫn tâm: Tâm lo âu sầu não thì trở ngại tu hành. Tâm thông đạt thì khó thấy tư duy sở hành. Do tâm hiện khởi quán tưởng chính mình mà hoan hỷ thì gọi là thông đạt hiện quán tâm hoan hỷ.

Xả pháp, trung đạo pháp và tùy tương tự nhãn, đó gọi là trí muốn giải thoát.

(Xong phần nói về trí muốn được giải thoát)

Người tu thiền như vậy hiện đang tu tập về trí muốn được giải thoát. Để được giải thoát khỏi tất cả các hành và được Nê-hoàn, chỉ có thể quán 1 tướng, đó là muốn khiến khởi lên cửa giải thoát.

Trí tương tự thành khởi như thế nào?

Do 3 hành pháp là vô thường, khổ, vô ngã mà được trí tương tự. Do 3 hành pháp đó siêu vượt chính tự. Nơi 5 ám, vô thường hiện

khởi thấy được trí tương tự. Năm ấm diệt, thường Nê-hoàn. Như vậy hiện thấy vô thường thì siêu vượt chính tự. Nơi 5 ấm, do vô ngã hiện khởi thấy được trí tương tự. Năm ấm diệt là đệ nhất nghĩa Nê-hoàn. Như vậy hiện thấy vô ngã tức là siêu vượt chính tự.

Hỏi: Trí nào hiện vượt chính tự? Trí nào đã vượt chính tự?

Đáp: Tính trừ trí là hiện vượt chính tự. Đạo trí đã vượt chính tự.

Hỏi: Trí tương tự là gì?

Đáp: Là sở duyên tương tự các pháp môn 4 niệm xứ, 4 chính căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác phần, 8 phần chính đạo. Đó gọi là trí tương tự.

Không oán ghét, tâm thấy được lợi ích và tùy tương tự nhẫn, cũng gọi là trí tương tự.

(Xong phần nói về trí tương tự)

Từ trong tướng của tất cả các hành, khởi trí tương tự theo thứ lớp không gián đoạn mà hành sự Nê-hoàn, nhân đó sinh khởi tính trừ trí.

Hỏi: Tính trừ nghĩa là gì?

Đáp: Trừ pháp phạm phu, gọi là tính trừ. Không phải pháp phạm phu có thể trừ được cũng gọi là tính trừ. Tính có nghĩa là Nê-hoàn.

Lại nữa, gieo giống Nê-hoàn cũng gọi là tính trừ. Như A-ti-đàm có nói: Trừ sự sinh gọi là tính trừ. Độ vô sinh, cũng gọi là tính trừ.

Lại nữa, trừ nhân của sự sinh, gọi là tính trừ. Độ vô sinh, vô tướng cũng gọi là tính trừ. Đó là bước đầu của con đường dẫn tới Nê-hoàn. Từ hạnh bên ngoài khởi chuyển thành trí tuệ. Đó là tính trừ.

(Xong phần nói về tính trừ trí)

Tính trí theo thứ lớp không gián đoạn, hiện khởi biết khổ, hiện khởi đoạn tập, hiện khởi tác chứng diệt, hiện khởi tâm tu đạo, mà sinh khởi trí Tu-đà-hoàn cùng tất cả các pháp Bồ-đề khác.

Người tu thiền tu tập pháp 4 Thánh đế bấy giờ trong tâm an tịnh, hiện khởi thấy được đâu là nơi còn có giới hạn, đâu là Đê hồ giới của vô vi. Trong một sát-na, dùng một thứ trí tuệ, trí tuệ đó không phải mới sinh ra đã có, cũng không phải sau khi sinh ra mới chứng đắc, mà phân biệt 4 Thánh đế, phân biệt thế nào là biết khổ, thế nào là đoạn tập, thế nào là chứng diệt, thế nào là tu đạo, mà thành khởi trí phân biệt 4 Thánh đế, như thí dụ trong bài kệ sau đây:

*Như người bỏ bờ này,
Dùng thuyền sang bờ kia,
Chở vật đến bờ kia,
Đi thuyền, trừ lậu hoặc.*

Như thuyền qua sông, không trước không sau, trong một sát-na, làm 4 việc. Lìa bỏ bờ này là trừ tất cả phiền não lậu hoặc đến bờ bên kia. Dùng thuyền chuyên chở đi tất cả là bỏ bờ bên này. Dùng trí tuệ phân biệt khổ là trừ phiền não lậu hoặc. Dùng trí tuệ phân biệt đoạn tập, là sang đến bờ kia. Dùng trí tuệ phân biệt chứng diệt, là thuyền chở vật. Như vậy gọi là trí phân biệt tu đạo.

Như ngọn đèn cùng sinh trong một sát-na, không trước không sau, đồng làm 4 việc là thắp cháy tim đèn, trừ tối tăm, làm dầu hao hụt, và phát ánh sáng.

Cũng như mặt trời cùng sinh, không trước không sau, trong một sát-na, đồng thời là

làm 4 việc là làm sắc hiện lên, trừ tối tăm, trừ diệt lạnh lẽo, và tạo ra ánh sáng để thấy được sắc.

Cũng như vậy, trí phân biệt khổ, như trừ sự tối tăm. Trí phân biệt đoạn tập, như trừ diệt lạnh lẽo. Trí phân biệt tác chứng diệt, như làm phát ra ánh sáng. Như vậy, trí phân biệt tu 8 chính đạo phần như mặt trời, đó còn gọi là Thánh trí.

Hỏi: Thế nào là tướng của trí như thật thấy khổ biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo?

Nếu không thấy khổ thì 4 điền đảo là thường, lạc, ngã, tịnh sẽ sinh khởi. Bây giờ, như đã nói là “ do tâm an tịch mà quán thấy được đâu là nơi còn có giới hạn, đâu là Đề hồ giới của vô vi. Trong một sát-na, dùng một thứ trí tuệ, trí tuệ đó không phải mới sinh ra đã có, cũng không phải sau khi sinh ra mới chứng đắc, mà phân biệt 4 Thánh đế “ phải giải thích như thế nào?

Đáp: Với sinh diệt trí khi ấy còn chưa có thể thấy khổ, đến khi phiền não, tức các lậu, thành khởi mới có thể như thật thấy lỗi lầm của tất cả các hành. Bây giờ từ tướng của tất cả các hành mới khiến khởi tâm muốn vượt qua các hành mà thành vô hành. Nhờ đó mà thấy được đúng như thật các lỗi lầm của các hành. Rồi từ tướng của các hành, khởi tâm vượt đến chỗ vô hành, để từ nơi ấy mà thấy ra được các khổ lậu đến tận cùng.

Lại có thuyết cho rằng, nếu như vậy là do tâm an tịch và do tính trừ trí mà có thể phân biệt đế. Tính trừ trí có nghĩa là, khởi từ hành tướng mà vượt qua đến vô hành. Nếu tính trừ trí khởi từ hành tướng vượt qua đến vô hành thì chắc chắn cũng vượt đến Nê-hoàn.

Chỉ có một bất đồng là Nê-hoàn chấp giữ nhân thành hành sự, chấp giữ sự mà được vào định tâm. Nếu không được định, thì không sinh Xa-ma-tha, Tì-bà-xá-na và cũng không thành mãn các pháp Bồ-đề.

Đó gọi là do tính trừ trí mà thành đế phân biệt trí.

Ở đây người tu thiên từ tính trừ trí sở duyên, do không gián đoạn mà thành khởi đạo trí. Khi đạo trí thành khởi, được nhập Nê-hoàn định, tâm thành định, thành khởi Xa-ma-tha, Tì-bà-xá-na, thành tựu viên mãn pháp Bồ-đề phần.

Đó gọi là chỉ có thể dùng đạo trí thành khởi đế phân biệt trí.

Như thành cháy, có người chạy ra, bị kẹt ở cửa thành, chỉ thò ra được một chân, thì lúc đó không gọi được là thoát khỏi. Cũng vậy, tính trừ trí từ nơi hành tướng khởi lên vượt qua đến chỗ vô hành, thì lúc đó chưa gọi là vượt qua được phiền não vì các pháp chưa viên mãn. Trái lại, như người trong thành cháy chạy ra, 2 chân đã ra ngoài, bấy giờ mới gọi là thoát ra khỏi thành cháy. Cũng vậy, tính trừ trí không gián đoạn thành sinh khởi đạo trí, lúc bấy giờ mới gọi là thoát khỏi thành phiền não vì các pháp đã viên mãn. Cho nên, do tính trừ trí mà thành phân biệt Thánh đế.

Hỏi: Phân biệt Thánh đế là nghĩa thế nào?

Đáp: Là nói hòa hợp 4 Thánh đế trong 1 sát-na, đó gọi là phân biệt Thánh đế.

Ở đây, đạo trí, là nghĩa hoà hợp nương tựa nhau.

Các căn thành bình đẳng, là nghĩa bất động lực và thừa.

Bồ-đề phần là nghĩa của nhân.

Đạo phần là nghĩa của khiến trụ.

Niệm xứ là nghĩa của thắng xứ.

Chính căn là nghĩa của phương tiện.

Như ý túc là nghĩa của như thật.

Đế là nghĩa của không loạn.

Xa-ma-tha là nghĩa của tùy quán, Ti-bà-xá-na là nghĩa của không tách rời nhau, cả hai hòa hợp che chở.

Giới là nghĩa thanh tịnh và không loạn.

Tâm là nghĩa của tính tịnh kiến.

Kiến là nghĩa của thanh tịnh, của giải thoát.

Giải thoát là nghĩa của thông đạt, rõ ràng xả bỏ, đoạn dứt và thoát khỏi.

Diệt là nghĩa của trí căn.

Dục là nghĩa của khiến khởi.

Tác ý là nghĩa của bình đẳng.

Xúc, thụ diệt là nghĩa của lìa thoát và hiện tiền.

Định, là nghĩa của nương tựa.

Niệm, là nghĩa của chân thật.

Tuệ, là nghĩa sâu xa thù thắng.

Đề hồ, là nghĩa của sau rốt.

Nê-hoàn, là nghĩa của rốt ráo bình đẳng.

Như vậy, người tu thiền tu tập pháp 4 Thánh để dùng trí tuệ hiện khởi, tri kiến hiện khởi đoạn trừ 3 kết. Ba kết là thân kiến, nghi và giới cấm thủ, cùng các phiền não tương ứng.

Hỏi: Sao gọi là thân kiến?

Đáp: Là phạm phu không học, thấy sắc cho đó là ngã, do đó ngã có hình sắc, sắc đó là ngã sở, từ đó thành sắc ngã. Cũng như vậy đối với thụ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã có thụ, tưởng, hành, thức. Thụ, tưởng, hành, thức là ngã sở, từ đó thành thụ ngã, tưởng ngã, hành ngã, thức ngã.

Đó gọi là thân kiến.

Ngay khi thân này đoạn diệt, thì cái ngã sở duyên, và ngã sở cũng đoạn diệt, thân kiến ban đầu có 62 kiến chấp cũng đoạn diệt. (62 kiến gồm có: nghiệp sinh 18, tâm sinh 15, thời tiết sinh 13, ăn uống sinh 12, cộng lại là 58, cùng với 4 đại sở tạo thành 62. Xem: Sắc âm phương tiện trong 5 âm phương tiện)

Hỏi: Sao gọi là nghi?

Đáp: Là nghi ngờ đối với khổ, tập, diệt, đạo, hoặc đối với Phật Pháp Tăng, hoặc khởi đầu, hoặc tận cùng, hoặc cả khởi đầu và tận cùng. Đối với tất cả pháp do nhân duyên sinh sinh nghi ngờ, đó gọi là nghi. Nghi thì phải đoạn diệt.

Hỏi: Sao gọi là giới đạo?

Đáp: Giới đạo tức là giới cấm thủ. Có 2 thứ: một là do khát ái, hai là do ngã si.

Ta nhờ giữ giới cấm này, tu hành khổ hạnh này, nhờ tập theo các Phạm hạnh này, ta sẽ sinh lên các cõi trời. Như vậy gọi là giới đạo vì khát ái.

Hoặc có kẻ ngoại đạo, hay người Bà-la-môn nghĩ rằng nhờ giữ giới cấm này, nhờ thanh tịnh, nhờ giới hạnh thanh tịnh, sinh khởi các kiến giải bất chính, đó gọi là giới đạo vì si ngã. Cả 2 loại giới đạo đó đều phải đoạn trừ.

Hỏi: Sao gọi là nhất xứ trụ thiền nào?

Đáp: Người do tham dục, giận dữ, si mê ắt sẽ sinh vào các nẻo dữ. Đó gọi là nhất xứ trụ thiền nào. Các thứ thiền nào này cũng phải đoạn diệt.

Đến đây là người tu thiền chứng được quả Tu-đà-hoàn. Trong quá trình đi đến chứng đắc quả Tu-đà-hoàn gọi là Tu-đà-hoàn hướng. Để được nhập vào Tu-đà-hoàn đạo, trụ vào Tu-đà-hoàn hướng địa, hoặc gọi là Đệ bát địa, từ kiến địa hoặc định, nơi 2 cảnh giới này khởi chuyển thành khởi trí tuệ. Đó gọi là Tu-đà-hoàn đạo trí.

Tu-đà-hoàn đạo cứ theo thứ lớp không gián đoạn, diệt trừ 3 kết sử, khiến trở thành vô vi, đạo với pháp bình đẳng, dùng phương tiện như nhau thành khởi quả trí, quả tâm của Tu-đà-hoàn. Hoặc nơi tâm thứ 2 hoặc nơi tâm thứ 3, không gián đoạn dựa vào trí tuệ

sở duyên, thứ tự vượt qua đến hậu phần tâm. Rồi từ hậu phần tâm này khởi quán về đạo, về quả, về Nê-hoàn. Quán xong đoạn phiền não, rồi quán đến các phiền não còn dư sót mà đoạn diệt. Đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Tu-đà-hoàn đạo là pháp không thoái chuyển, là định hướng, là hướng đến Bồ-đề, là phân biệt trí muốn thành tựu quả vị lai.

Tu-đà-hoàn đạo là từ trong tâm của Thế Tôn, từ trong lòng sinh ra, từ nơi miệng sinh ra, sinh ra từ chính pháp.

Tu-đà-hoàn đạo là chính pháp tạo ra, đã được pháp phần, không phải là sắc pháp. Đó gọi là thấy đầy đủ thiện pháp.

Tu hành Tu-đà-hoàn đạo có thể thông đạt Thánh pháp, là đi thẳng đến đích cuối cùng an trụ nơi cửa Đề hồ.

Do thấy đầy đủ thiện pháp mà đến được diệu pháp này. Ngay sau khi đến được diệu pháp này thì thành tựu giác trí.

Giác đã thành tựu minh liễu, được nhập vào dòng pháp, do trí tuệ thông đạt Thánh đế, khai mở cửa Đề hồ mà an trụ trong đó. Do đó Thế Tôn có nói kệ Tu-đà-hoàn như sau:

*Trên đời có 1 vua.
Thiên đường có 1 trời.
Thống lãnh cả thế gian,
Một quả Tu-đà-hoàn.*

Người tu thiền ấy, từ trụ địa này tinh tiến để chứng quả vị Tu-đà-hàm, trước tiên dùng hiện quán để quán thấy sự sinh diệt.

Người tu thiền ấy hiện tu hành, như đã thấy đạo, nương theo căn, lực, Bồ-đề giác, thành khởi trí phân biệt Thánh đế.

Như vậy, người tu thiền ấy tu hành Tu-đà-hàm hướng, đoạn diệt các dục thô, sân giận, cùng nhất xứ trụ phiền não sở duyên, dựa vào trí tuệ sở duyên không gián đoạn tu chứng quả Tu-đà-hàm.

Người tu thiền ấy, từ giai đoạn này tinh tiến hướng lên để tu chứng quả vị A-na-hàm, bắt đầu dùng hiện quán thấy sự sinh và sự diệt.

Người tu thiền ấy hiện tu hành, như đã thấy đạo, nương theo căn, lực, Bồ-đề giác, thành khởi trí phân biệt Thánh đế.

Như vậy, người tu thiền ấy tu hành A-na-hàm hướng, đoạn trừ các dục vi tế, sân giận và nhất xứ trụ phiền não sở duyên, dựa vào trí tuệ sở duyên không gián đoạn, tu chứng quả A-na-hàm.

Người tu thiền ấy, từ giai đoạn này tinh tiến hướng lên tu chứng quả vị A-la-hán, trước tiên dùng hiện quán thấy sự sinh và sự diệt.

Người tu thiền ấy hiện tu hành, như đã thấy đạo, nương theo căn, lực, Bồ-đề giác, thành khởi trí phân biệt Thánh đế.

Người tu thiền như vậy tu hành A-la-hán hướng, đoạn diệt sắc dục, vô sắc dục, kiêu mạn, trạo cử, vô minh, và các phiền não còn dư sót, dùng trí tuệ sở duyên không gián đoạn tu chứng quả A-la-hán.

Ti-kheo tu thiền dựa vào trí tuệ sở duyên quán đạo, quán quả, quán Nê-hoàn, quán đoạn diệt phiền não, thành tựu quả A-la-hán.

A-la-hán, có nghĩa là đoạn diệt các lậu hoặc, các phiền não đã tạo, như người đã đặt gánh nặng trên vai xuống, đã đến được nơi an lành tốt đẹp.

A-la-hán đoạn diệt các hữu kết, chứng đắc chính trí giải thoát.

A-la-hán lià xa 5 phần kết, hoặc 6 phần kết, thành tựu một tâm gìn giữ, không bị cái chết ràng buộc nữa.

A-la-hán dùng tâm bình đẳng diệt trừ tất cả để pháp kể cả 4 Thánh đế, dùng tâm chính tín suy tìm chỗ không uế trược nhiễm trước, dùng chính tư duy khiến thân nhẹ nhàng an ổn.

A-la-hán hành thiện giải thoát, tâm thiện giải thoát, tuệ Phạm hạnh đã an lập, thành tựu Đại trọng phu, Đại trọng phu thù thắng nhất, đạt được chỗ sở đắc đệ nhất.

Ngoài ra như nói người dứt trừ sân giận, người đến bờ bên kia, người lià phiền não, người không bị kết sử làm chướng ngại, người được đôi cánh của bậc Thánh, người đã buông bỏ gánh nặng, người không ai tương xứng, Sa-môn, Bà-la-môn, A-la-hán, bậc đã vượt qua, bậc đã thoát, người hàng phục, người vắng lặng, người làm cho vắng lặng, đều là các danh xưng cho A-la-hán.

Đến đây nếu một người tu thiền chứng được Tu-đà-hoàn, đối với trí tuệ đã được phát sinh mà không tinh tiến tu lên nữa, thì chỉ thuộc vào 1 trong 3 hạng Tu-đà-hoàn sau đây: 1. Nhất sinh Tu-đà-hoàn. 2. Thất sinh Tu-đà-hoàn. 3. Gia gia Tu-đà-hoàn.

Như vậy, người tu hành căn cơ chậm lụt sẽ thành thất sinh Tu-đà-hoàn. Người căn cơ trung bình sẽ thành gia gia Tu-đà-hoàn. Người căn cơ lanh lợi sẽ thành nhất sinh Tu-đà-hoàn.

Thất sinh Tu-đà-hoàn thì sau khi tái sinh trên cõi trời 6 lần, còn trở lại cõi này một lần nữa để chấm dứt khổ. Gia gia Tu-đà-hoàn thì hoặc 2 lần, hoặc 3 lần tái sinh cùng một gia đình, sau khi vãng sinh mới chấm dứt khổ. Nhất sinh Tu-đà-hoàn thì còn phải sinh làm người một lần sau cùng, để chấm dứt khổ.

Vậy, Tu-đà-hàm, nếu trong đời này không tinh tiến tu lên nữa thì phải trở lại cõi người ít nhất một lần nữa để chấm dứt khổ.

Nếu A-na-hàm, trong đời này, không tinh tiến tu lên nữa, đến khi mạng chung sẽ sinh lên cõi Tịnh Cư. Tùy theo căn cơ mỗi người nhạy bén khác nhau mà có 5 hạng A-na-hàm: 1. Trung gian Bát-Nê-hoàn. 2. Sinh Bát-Nê-hoàn. 3. Bất hành Bát-Nê-hoàn. 4. Hành Bát-Nê-hoàn. 5. Sinh lên cõi trời A-ca-ni-trá.

Trung gian Bát-Nê-hoàn, là A-na-hàm nào chưa đến cuối đời, trong đoạn giữa không gián đoạn dựa vào thọ mạng khởi Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn sót lại.

Sinh Bát-Nê-hoàn, là A-na-hàm nào đến quá nửa thọ mạng khởi Thánh đạo để trừ các kết sử còn dư sót lại.

Bất hành Bát-Nê-hoàn, là A-na-hàm nào không trở lại tu các thứ hành pháp khác, dựa vào thọ mạng khởi Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn dư sót lại.

Hành Bát-Nê-hoàn, là A-na-hàm nào dựa vào các thứ hành pháp tu hành khác nhau, dựa vào thọ mạng khởi Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn dư sót lại.

Sinh lên cõi Trời A-ca-ni-tha, là A-na-hàm nào lần lượt từ cõi Bất Phiền Thiên mạng chung sinh vào cõi Bất Nhiệt Thiên. Từ Bất Nhiệt Thiên mạng chung sinh vào Thiện Hiện Thiên. Từ Thiện Hiện Thiên mạng chung sinh Thiện Kiến Thiên. Từ Thiện Kiến Thiên mạng chung sinh A-ca-ni- trá Thiên.

Ở A-ca-ni-trá Thiên dựa vào thọ mạng khởi Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn tàn dư. Nơi cõi Bất Phiền Thiên, thọ mạng một vạn kiếp, cõi Bất Nhiệt Thiên, thọ mạng 2 vạn kiếp, cõi Thiện Kiến Thiên, thọ mạng 4 vạn kiếp, cõi Thiện Hiện Thiên, thọ mạng 8 vạn kiếp, cõi A-ca- ni-trá Thiên, thọ mạng 16 vạn kiếp.

Ở 4 cõi trời trước, mỗi cõi đều có 5 loại người Nê-hoàn. Ở trời A-ca-ni-trá có 4 hạng người thượng lưu. Do đó Ngũ Tịnh Cư Thiên cộng có 24 loại người A-na-hàm.

A-la-hán đã đoạn trừ xong tất cả phiền não không còn dư sót, nên không còn gây thêm nhân tái sinh nữa. Do đó, A-la-hán đã không còn có thọ mạng, hình tướng. Tất cả hành đã đoạn diệt. Hành đoạn, khổ đoạn, khổ không sinh khởi trở lại. Đó là biên giới cuối cùng của khổ.

Cho nên Phât-đà có kệ về A-la-hán như sau:

*Như búa đập sắt nóng,
Tàn lửa rơi xuống nước,
Tức thời thành tịch diệt,
Đi đâu nào ai biết.
Chính giải thoát là thế,
Vượt thoát dục ràng buộc,
Đến cõi vui bất động,
Đi đâu nào ai biết.*

Hỏi: Ở điểm này có luận sư nói giải thoát đạo phải dựa theo thứ lớp mà tu đạo, theo thứ lớp mà đoạn phiền não, theo thứ lớp mà phân biệt Thánh đế, thì giải thích như thế nào?

Đáp: Hoặc dùng 12 pháp, tức 4 quả, 4 hướng, 4 đạo, hoặc dùng 8 pháp, tức 4 hướng, 4 đạo, hoặc dùng 4 thứ trí, tức 4 đạo mà tác chứng vào quả sở duyên.

Hỏi: Như vậy, khi tác chứng vào quả, với kiến không tương ưng chăng?

Đáp: Nếu theo thứ lớp tu hành, theo thứ lớp đoạn phiền não thì do đó mà thứ lớp chứng quả. Như vậy sự hài lòng tương ứng với đạo quả.

Nếu vậy, sự hài lòng có được thành tựu một quả Tu-đà-hoàn chăng? Nếu chưa hài lòng, thì theo thứ lớp tu đạo, theo thứ lớp đoạn phiền não cũng được.

Lại nữa, lỗi thứ 2 là khi thấy biết khô, đã thấy khô, đoạn diệt tất cả phiền não. Sự đoạn diệt này ắt phải hài lòng. Do đó đã thấy khô, thấy khô đoạn, tâm phiền não đã diệt, chứng 4 thứ quả Tu-đà-hoàn. Sự chứng đắc đó cũng phải là sự hài lòng vì nhờ pháp phương tiện mà được thành tựu.

Nếu thật sự là hài lòng thì sự chứng 4 thứ quả Tu-đà-hoàn khó nói được 4 thứ đó đều là thất sinh Tu-đà-hoàn, hay 4 thứ đó đều là gia gia Tu-đà-hoàn, hay 4 thứ đó đều là nhất sinh Tu-đà-hoàn, hay 4 thứ đó đều là trụ quả Tu-đà-hoàn. Do đó mà nói là không tương ứng.

Nếu nói sự chứng đắc là không hài lòng, làm sao thấy khổ, thấy khổ đã đoạn, phiền não cũng đồng loạt diệt hết? Cho nên nói là không tương ứng.

Lại nữa, lỗi thứ 3 là nếu vì thấy khổ, thấy khổ đã đoạn, tâm phiền não đã diệt, tất cả hài lòng, thì đó là vì hiện thấy khổ mà an trụ vào 4 loại Tu-đà-hoàn đạo, 4 thứ tín hành của Tu-đà-hoàn, hành pháp thành khởi, ắt phải hài lòng, sao ngoài trừ khổ không thấy được 3 Thánh đế kia?

Nếu vì thấy khổ, thấy khổ đã đoạn, tâm phiền não đã diệt, tất cả là hài lòng thì hà tất còn an trụ vào Tu-đà-hoàn đạo thành khởi tín hành, hành pháp của 4 loại Tu-đà-hoàn làm chi? Cho nên nói là không tương ứng.

Nếu nói chứng đắc là không hài lòng, sao thấy khổ, thấy khổ đã đoạn, tâm phiền não cũng đồng loạt diệt hết? Cho nên nói là không tương ứng.

Lại nữa, lỗi thứ tư là nếu hiện thấy đạo thành hướng, đã thấy hướng thành trụ quả, thì cũng phải hài lòng vì thấy chỉ có 1 thứ. Có điều là sự hài lòng này thành khởi hướng và trụ quả lại nhiều hơn 1 thứ. Cho nên nói là không tương ứng.

Nếu nói chứng đắc là không hài lòng, sao hiện thấy đạo thành chứng, do thấy đạo thành trụ nơi quả và thành lập như thế nào? Cho nên nói là không tương ứng.

Lại nữa, lỗi thứ 5 là nếu đã thấy đạo mà chứng quả, sao còn khổ, tập, diệt? Thành tựu tác chứng là do thấy khổ tập, thấy khổ diệt. Cho nên nói là không tương ứng.

Lại nữa, lỗi thứ 6 là nếu do 12 pháp, hoặc 8 pháp, hoặc 4 đạo trí tác chứng Tu-đà-hoàn quả là hài lòng thì do đây là phương pháp hài lòng để chứng Tu-đà-hoàn quả chỉ có thể thành tựu đạo trí, không thể thành tựu Tu-đà-hoàn hướng và Tu-đà-hoàn quả. Đây trở thành lỗi vì đã ở nơi quả, hướng, đạo rồi thì cần gì tác chứng vào quả, hướng, đạo nữa làm chi? Cho nên nói là không tương ứng.

Lại nữa, lỗi thứ 7 là nếu nói có thể dùng 12 trí, hoặc dùng 8 trí, hoặc dùng 4 đạo trí để chứng đắc 1 loại Tu-đà-hoàn quả là hài lòng thì đó cũng không tương ứng, vì do dùng nhiều quả để làm một quả, như lấy nhiều trái xoài để làm thành một trái xoài là điều không thể được.

Hỏi: Nếu trong một sát-na, dùng một trí không trước không sau, phân biệt 4 Thánh đế thì thành ra 1 trí mà có 4 cái thấy. Nếu lấy cái thấy khổ làm thành cái thấy 4 đế, thì 4 đế sao không thành khổ đế? Nếu cả 2 ý nghĩa đều không tồn tại thì không tương ứng với pháp của Thánh đế trí, vậy xin hỏi làm sao trong 1 sát-na không trước không sau một trí phân biệt được 4 Thánh đế?

Đáp: Không phải 1 trí có 4 cái thấy, cũng không phải 4 đế đều thành khổ đế. Người tu thiền chỉ từ ban sơ quán 4 đế, dùng các tướng một tướng lấy trí đó mà phân biệt 4 đế. Bấy giờ do thông đạt Thánh hành tướng về khổ đế mà thành tựu thông đạt 4 đế.

Bốn Thánh đế mỗi mỗi đều có tướng phân biệt. Dựa vào lý chân như mà nói thì chỉ có 1 tướng. Năm ấm có các tướng khác nhau đó là nơi 1 tướng do trước vì phân biệt mà thành có sắc ấm v.v... Là vô thường nhưng khi đã thấy 5 ấm thì vô thường trở thành thường, cái hiện thấy là vô thường không phải sắc ấm trở thành 5 ấm.

Với nhập, giới, cũng vậy, do đó có thể biết tất cả thiện pháp, do đó có thể biết 9 thứ quả chính hành.

Chín hành là: 1. Quán. 2. Giác. 3. Hỷ. 4. Thụ. 5. Địa. 6. Căn. 7. Giải thoát. 8. Phiền não. 9. Chính thụ 2 định.

Quán có 2 thứ: 1. Thiên quán. 2. Táo quán.

Hỏi: Thế nào là thiên quán?

Đáp: Thiên quán là người tu thiên đã được định, dùng định lực hàng phục các triền cái, dùng danh so sánh và phân biệt với sắc, quán thấy các thứ thiên phần. Trước tiên dùng Xa-ma-tha, tức chỉ, rồi tu Tì-bà-xá-na, tức quán. Đó gọi là thiên quán.

Táo quán là dùng sức phân biệt hàng phục các triền cái, dùng sắc so sánh và phân biệt với danh, hiện khởi cái thấy, quán các hành, dùng Tì-bà-xá-na, tức quán, làm bước đầu tu Xa-ma-tha. Đó gọi là táo quán.

Giác thuộc táo quán, nghĩa là người tu thiên nơi Sơ thiên, quán tưởng vào đạo và quả, thì thành khởi có giác. Nơi Đệ Tam thiên, từ Tì-bà-xá-na, tức quán trí, cho đến tính trừ trí đều có giác, còn chỉ đạo và quả thì không có giác. Nơi có giác, đạo trí có thể thành tựu 8 thứ đạo. Nơi không có giác, dùng tư duy trừ bỏ 7 thứ trước chỉ còn lại A-la-hán quả.

Hỷ thuộc táo quán, nghĩa là người tu thiên do khổ hành đầy đủ Tì-bà-xá-na, tức quán, tương tự trí thành không khổ, khởi tính trừ trí, đạo và quả trí cùng khởi hỷ. Bấy giờ táo quán đã được hài lòng, hành đã đầy đủ. Nơi Đệ Nhị thiên, Tì-bà-xá-na, tức quán trí, cùng với đạo và quả, đồng khởi hỷ. Nơi Tam thiên và Tứ thiên, Tì-bà-xá-na, tức quán, và đạo cùng quả không khởi hỷ. Nơi hỷ địa, đạo và quả làm khởi 7 giác phần, tức trạch pháp, tinh tiến, hỷ, khinh an, niệm, định, tuệ. Còn nơi vô hỷ địa, dùng 6 Bồ-đề giác trừ bỏ hỷ Bồ-đề giác.

Thụ, thuộc táo quán, có nghĩa là, người tu thiên do khổ hành đầy đủ Tì-bà-xá-na (quán), tương tự trí thành không khổ, đã được khổ hành rồi với xả cùng khởi tính, trừ đạo và quả đồng khởi hỷ. Bấy giờ táo quán đã được lạc, hành đã đầy đủ. Nơi Đệ Tam thiên,

Tì-bà-xá-na (quán), đạo và quả trí, cùng sinh khởi hỷ chi. Nơi Đệ Tứ thiên, Tì-bà-xá-na (quán), đạo và quả trí cùng sinh khởi xả chi.

Địa, có 2 thứ: 1. Kiến địa. 2. Tư duy địa.

Tu-đà-hoàn đạo thuộc về kiến địa còn 3 đạo và 4 quả Sa-môn thuộc về tư duy địa. Từ trước chưa thấy, nay đã thấy nên gọi đó là kiến địa. Từ chỗ đã thấy tiến lên tu tập, đó là tư duy địa.

Lại nữa, có 2 thứ địa: 1. Học địa. 2. Vô học địa.

Bốn đạo và 3 quả Sa-môn thuộc học địa. Quả A-la-hán thuộc vô học địa.

Căn, là chỉ cho 3 căn xuất thế gian: 1. Vị tri căn. 2. Dĩ tri căn. 3. Tri dĩ căn.

Như vậy, trí của người Tu-đà-hoàn đạo khi mới bắt đầu chưa biết, nay biết thành trí vị tri. Trí của 3 đạo và trí của 3 quả là đã biết pháp, lại biết đến nhất thiết trí căn. Trí người được quả A-la-hán, đối với các pháp đã biết, không cần có lại các thứ trí ấy. Đó là tri dĩ căn.

Giải thoát, có 3 loại: 1. Vô tướng giải thoát. 2. Vô tác giải thoát. 3. Không giải thoát.

Với đạo, tương tự trí tu đạo giải thoát mà không khởi đạo tướng, đó là vô tướng giải thoát. Tu đạo giải thoát mà không có lòng mong cầu hay ước nguyện nào khác, đó là vô tác giải thoát. Tu đạo giải thoát mà không chấp, đó là không giải thoát.

Tuy nhiên 3 loại giải thoát này, dùng quán pháp mà thấy thì thành nhiều thứ đạo, nhưng khi được thì chỉ có thể thành được 1 đạo mà thôi. Đó là vô tướng giải thoát.

Hỏi: Vì sao dùng quán pháp thấy thành nhiều thứ đạo?

Đáp: Do quán pháp thấy vô thường mà thành tựu vô tướng giải thoát.

Do quán pháp thấy khổ mà thành tựu vô tác giải thoát.

Do quán pháp thấy vô ngã mà thành tựu không giải thoát.

Hỏi: Vì sao quán thấy vô thường mà thành tựu vô tướng giải thoát?

Đáp: Do vô thường mà hiện khởi tác ý, do diệt các hành mà hiện khởi tâm, thành ra khởi nhiều thứ giải thoát, được tìn căn và 4 căn kia (tinh tiến, niệm, định, tuệ).

Do biết như thật các chủng loại của 5 căn sở duyên và tất cả các hành sở duyên thành khởi vô thường khiến thành khởi tướng, thành lo sợ. Từ tướng lo sợ đó khởi hành, sinh khởi trí lo sợ. Từ tướng lo sợ khởi vượt đến chỗ vô tướng. Do vô tướng giải thoát mà sắc thân được giải thoát.

Đó gọi là do quán pháp thấy vô thường mà thành tựu vô tướng giải thoát.

Hỏi: Sao gọi là do quán pháp thấy khổ mà thành tựu vô tác giải thoát?

Đáp: Do khổ mà hiện tác ý, do lo sợ các hành mà khiến khởi tâm. Tâm thành nhiều tịch tĩnh, được định căn và 4 căn khác (tìn, tinh tiến, niệm, tuệ).

Do trí như thật như thật biết rõ các chủng loại của sở duyên sinh và tất cả các hành sở duyên, mà thấy được khổ. Do lo sợ sinh khởi khiến sinh trí thành khởi. Từ chỗ tâm sinh vượt đến chỗ tâm vô sinh. Do vô tác giải thoát mà sắc thân được giải thoát. Đó gọi là do quán pháp thấy khổ mà thành tựu vô tác giải thoát.

Hỏi: Sao gọi là do quán pháp thấy vô ngã mà thành tựu không giải thoát?

Đáp: Do vô ngã hiện tác ý, lấy tính không khiến khởi các hành, tâm thành nhiều chán ghét, được tuệ căn và 4 căn khác (tìn, tinh tiến, niệm, định).

Do trí như thật biết rõ tướng sở duyên và sinh, và tất cả các pháp sở duyên, thành khởi có thể thấy được vô ngã. Do trí vô úy khiến khởi tướng và sinh trí, dựa vào tướng trí và sinh trí đến sinh khởi. Từ tướng và sinh, tâm thành lìa bỏ. Nơi vô tướng, vô sinh trí siêu vượt đến diệt Nê-hoàn tâm. Do không giải thoát, sắc thân được giải thoát.

Đó gọi là do quán pháp thấy vô ngã mà thành tựu không giải thoát.

Trên đây là nói 3 thứ giải thoát. Đó gọi là do quán pháp mà thành tựu các thứ đạo.

Hỏi: Vì sao nói 3 giải thoát thành tựu 1 đạo?

Đáp: Vì đã được vô tướng giải thoát, mới có thể thành được 3 thứ giải thoát.

Vì sao phải do vô tướng mới có thể khiến tâm đạt được giải thoát?

Vì người tu thiền tuy đã tu các hạnh giải thoát nhưng chấp trước vào mình đã được các tướng giải thoát. Chỉ có vô tác giải thoát thì 3 giải thoát mới đồng loạt thành tựu.

Vì sao phải sau khi tâm thành vô tác mới có thể được giải thoát?

Phải từ tướng sở duyên và chấp trước đạt được không giải thoát thì 3 thứ giải thoát cũng đều đạt được.

Vì sao phải không chấp trước mới có thể khiến tâm được giải thoát?

Vì chấp trước với giải thoát, với tướng, với tác là 1 đạo đã được 3 giải thoát

Hỏi: Giải thoát và giải thoát môn khác nhau thế nào?

Đáp: Dùng đạo trí sở duyên thoát khỏi các phiền não gọi là giải thoát.

Vào cửa Đề hồ, là cửa sau cùng, đó gọi là giải thoát môn.

Lại nữa, giải thoát dựa vào đạo trí mà sở duyên sự còn chưa đến cảnh giới Nê-hoàn, đó gọi là giải thoát môn.

Hỏi: Thế nào là phiền não?

Đáp: Có tất cả 134 thứ phiền não chia làm 20 loại: Đó là 3 bất thiện căn, 3 mịch, 4 lậu, 4 kết, 4 lưu, 4 ách, 4 thủ, 4 ác thú hành, 5 xan, 5 cái, 6 tránh căn, 7 sử, 8 pháp thế gian, 9 mạn, 10 não xứ, 10 bất thiện nghiệp đạo, 10 sử, 10 tà kiến, 12 điên đảo, 12 bất thiện tâm sở khởi.

1. Ba bất thiện căn là tham, sân, si. Sân căn thì phải khi chứng đắc đạo thứ 2, tức Tu-đà-hàm đạo mới mỏng bớt, khi chứng đắc A-na-hàm quả thì hoàn toàn diệt hết.

Tham căn và si căn phải khi chứng đắc đạo thứ 3, tức A-na-hàm mới mỏng bớt, và khi chứng đắc A-la-hán thì hoàn toàn diệt hết.

2. Ba mịch, tức 3 mong cầu: 1. Mong cầu dục. 2. Mong cầu hữu. 3. Mong cầu Phạm hạnh.

Mong cầu Phạm hạnh thì đến Tu-đà-hoàn đạo là dứt hết.

Mong cầu dục thì đến A-na-hàm đạo là dứt hết.

Mong cầu hữu thì đến A-la-hán đạo là dứt hết.

3. Bốn lậu gồm có 1. Dục lậu. 2. Hữu lậu. 3. Kiến lậu. 4. Vô minh lậu.

Trong 4 lậu đó, kiến lậu thì Tu-đà-hoàn đạo dứt. Dục lậu thì A-na-hàm đạo dứt. Hữu lậu và vô minh lậu thì A-la-hán đạo dứt.

4. Bốn kết là: 1. Tham dục kết vào thân. 2. Sân nhuế kết vào thân. 3. Giới cấm thủ kết vào thân. 4. Chấp chân lý kết vào thân.

Giới cấm thủ thân kết và chấp chân lý thân kết thì Tu-đà-hoàn đạo dứt.

Sân nhuế thân kết thì A-na-hàm đạo dứt.

Tham dục thân kết thì đến A-la-hán đạo dứt.

5. Bốn lưu gồm có: 1. Dục lưu. 2. Hữu lưu. 3. Kiến lưu. 4. Vô minh lưu. (Xem 4 lậu)

6. Bốn ách: 1. Dục ách. 2. Hữu ách. 3. Kiến ách. 4. Vô minh ách. (Xem 4 lậu)

7. Bốn thủ gồm: 1. Dục thủ. 2. Kiến thủ. 3. Giới thủ. 4. Ngã ngữ thủ.

Kiến thủ, giới thủ và ngã ngữ thủ, đến Tu-đà-hoàn dứt.

Dục thủ thì đến A-la-hán đạo mới dứt.

8. Bốn ác thú hành, tức 4 hành nghiệp dẫn đến các nẻo ác . Đó là: 1. Dục ác thú hành. 2. Sân ác thú hành. 3. Bồ úy ác thú hành. 4. Si ác thú hành.

Bốn ác thú hành đó đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

9. Năm xan, là 5 thứ keo kiệt: 1.Keo kiệt về nơi cư trú. 2. Keo kiệt về nhà cửa. 3. Keo kiệt về lợi dưỡng. 4. Keo kiệt về sắc. 5. Keo kiệt về pháp.

Năm thứ keo kiệt này đến A-na-hàm đạo thì dứt.

10. Năm cái là 5 thứ che khuất: 1. Tham dục. 2. Giận hờn. 3. Lười biếng, ham ngủ. 4. Xao động, kiêu căng. 5. Nghi ngờ.

Nghi ngờ đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Tham dục, giận hờn và kiêu căng đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Lười biếng và xao động kiêu căng đến A-la-hán đạo thì dứt.

Ham ngủ, theo sắc (Theo sắc khởi thì ham ngủ, theo tâm khởi là lười biếng).

11. Sáu tránh căn, tức 6 căn tranh cãi, đó là: 1. Phần uất. 2. Che giấu. 3. Tật đố. 4. Dua nịnh. 5. Ác. 6. Thích làm điều xấu và tiếp xúc.

Dua nịnh, ác, thích làm điều xấu và tiếp xúc, đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Phần uất, che giấu và tật đố, đến A-na-hàm đạo thì dứt.

12. Bảy sử, là 7 thứ sai khiến gồm có: 1. Dục nhiễm sử. 2. Sân nhuế sử. 3. Mạn sử. 4. Kiến sử. 5. Nghi sử. 6. Hữu dục sử. 7. Vô minh sử.

Kiến sử, nghi sử đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Dục nhiễm sử, sân nhuế sử, đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Mạn sử, hữu sử, vô minh sử, đến A-la-hán đạo thì dứt.

13. Tám pháp thế gian là: 1. Lợi. 2. Suy. 3. Nói xấu. 4. Tâng bốc. 5. Khen. 6. Chê. 7. Khổ. 8. Vui.

Bốn thứ không ưa, khiến giận hờn, suy, nói xấu, chê, khổ, đến A-na-hàm đạo dứt.

Bốn thứ còn lại gây ưa thích, phải đến A-la-hán đạo mới dứt trừ.

14. Chín sự kiêu căng, là khi nói hay nghĩ rằng: 1. Người hơn, cho rằng mình hơn. 2. Người hơn, cho rằng mình bằng. 3. Cho rằng mình chỉ thua bậc cao. 4. Người bằng mình cho rằng mình hơn. 5. Cho rằng mình chỉ bằng kẻ bằng mình. 6. Mình chỉ thua kẻ bằng mình. 7. Mình hơn kẻ dưới mình. 8. Mình bằng các người thấp. 9. Mình thua các người thấp.

Chín sự kiêu mạn đó đến A-la-hán đạo thì dứt.

15. Mười não xứ, là: 1. Tham. 2. Sân. 3. Si. 4. Mạn. 5. Kiến. 6. Nghi. 7. Lười biếng. 8. Xao động. 9. Không biết tự thẹn. 10. Không biết xấu hổ với người.

Tà kiến và nghi đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Sân, đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Tham, si, mạn, lười biếng, xao động, không tự thẹn, không xấu hổ đến A-la-hán đạo thì dứt.

Lại nữa, còn có 10 não xứ, khi nghĩ rằng: Người ấy đã, đang, và sẽ làm phiền ta. Hoặc người ấy đã, đang và sẽ gây phiền não cho người thân của ta. Hoặc người ấy đã, đang và sẽ trợ giúp người mà ta không ưa.

Các não xứ này đến A-na-hàm đạo thì dứt.

16. Mười bất thiện nghiệp đạo là: 1. Sát sinh. 2. Không cho mà lấy. 3. Tà hạnh. 4. Nói dối. 5. Nói ác độc. 6. Nói đâm thọc. 7. Nói thù dệt. 8. Tham. 9. Sân. 10. Tà kiến.

Sát sinh, không cho mà lấy, tà hạnh, nói dối và tà kiến đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Nói ác độc, nói đâm thọc và giận đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Nói thù dệt và tham, đến A-la-hán đạo thì dứt.

17. Mười sử, tức 10 thứ sai khiến, gồm: 1. Dục nhiễm sử. 2. Sân nhuế sử. 3. Mạn sử. 4. Kiến sử. 5. Nghi sử. 6. Giới thủ sử. 7. Hữu nhiễm sử. 8. Tật sử. 9. Xan sử. 10. Vô minh sử.

Kiến, nghi, giới thủ sử, đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Dục nhiễm, giận, ganh ghét, bòn sẻn đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Mạn, hữu nhiễm, vô minh đến A-la-hán đạo thì dứt.

18. Mười tà biên kiến, gồm có: 1. Tà kiến. 2. Tà tư duy. 3. Tà ngữ. 4. Tà nghiệp. 5. Tà mạng. 6. Tà tinh tiến. 7. Tà niệm. 8. Tà định. 9. Tà trí. 10. Tà giải thoát.

Tà kiến, tà ngữ (ở đây là nói dối), tà nghiệp, tà mạng, tà trí, tà giải thoát, đến Tu-đà-hoàn đạo thì dứt.

Tà tư duy, tà ngữ (ở đây là nói thô ác và nói đâm thọc), đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Tà ngữ (ở đây là nói thêu dệt), tà tinh tiến, tà niệm, tà định, đến A-la-hán thì dứt.

19. Mười hai diên đảo gồm có: 1. Vô thường, diên đảo tướng thường. 2. Vô thường, tâm diên đảo thấy diên đảo. 3. Vô thường, diên đảo thấy thường. 4. Khổ, diên đảo tướng vui. 5. Khổ, diên đảo tâm vui. 6. Khổ, diên đảo thấy vui. 7. Bất tịnh, diên đảo tướng tịnh. 8. Bất tịnh, diên đảo tâm tịnh. 9. Bất tịnh, diên đảo thấy tịnh. 10. Vô ngã, diên đảo tướng ngã. 11. Vô ngã, diên đảo tâm ngã. 12. Vô ngã, diên đảo thấy ngã.

Như vậy, vô thường vì 3 diên đảo thấy thường. Vô ngã vì 3 diên đảo thấy ngã. Bất tịnh vì 3 diên đảo thấy tịnh.

Khổ, diên đảo thấy vui, đến Tu-đà-hoàn đạo dứt.

Bất tịnh, tướng diên đảo và tâm diên đảo cho là tịnh, đến A-na-hàm đạo thì dứt.

Khổ, tướng diên đảo và tâm diên đảo cho là vui, đến A-la-hán đạo thì dứt.

20. Mười hai tâm bất thiện khởi là:

1. Cùng khởi với hỷ, thấy tương ứng, khởi tâm vô hành.
2. Cùng khởi với hỷ, thấy tương ứng, khởi tâm hữu hành.
3. Cùng khởi với hỷ, thấy không tương ứng, khởi tâm vô hành.
4. Cùng khởi với hỷ, thấy không tương ứng, khởi tâm hữu hành.
5. Cùng khởi với xả, thấy tương ứng, khởi tâm vô hành.
6. Cùng khởi với xả, thấy tương ứng, khởi tâm hữu hành.
7. Cùng khởi với xả, thấy không tương ứng, khởi tâm vô hành.
8. Cùng khởi với xả, thấy không tương ứng, khởi tâm hữu hành.

9. Cùng khởi với lo âu, tương ứng với giận hờn, khởi tâm vô hành.

10. Cùng khởi với lo âu, tương ứng với giận hờn, khởi tâm hữu hành.

11. Cùng khởi với xả tâm khởi tương ứng với trạo cử.

12. Cùng khởi với xả tâm khởi tương ứng với nghi.

Bốn thứ cùng khởi với tâm thấy tương ứng, và cùng khởi với nghi, đến Tu-đà-hoàn đạo, thì dứt .

Hai tâm lo âu cùng khởi, đến Tu-đà-hoàn đạo và Tu-đà-hàm đạo thì mỏng bớt, và đến A-na-hàm đạo thì diệt không còn dư sót.

Bốn thứ tâm khởi thấy không tương ứng, và tâm trạo cử cùng khởi, thì đến A-na-hàm đạo mỏng, và đến A-la-hán đạo thì diệt hết không còn sót.

Chính thụ có 2 là: 1. Quả chính thụ. 2. Tướng thụ diệt chính thụ.

Hỏi: Thế nào là quả chính thụ? Vì sao gọi là quả chính thụ? Ai tu, ai khiến khởi? Vì sao phải tu? Tu như thế nào? Tác ý như thế nào? Bao nhiêu nhân duyên thành tựu quả chính thụ? Bao nhiêu nhân duyên khiến an trụ? Bao nhiêu duyên là khởi? Quả chính thụ là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian?

Đáp: Quả chính thụ là chỉ cho quả Sa-môn. Tâm an trụ vào Nê-hoàn, gọi là quả chính thụ.

Vì sao gọi là quả chính thụ?

Vì quả chính thụ là quả báo thành tựu do phi thiện, phi bất thiện, phi thế gian, phi xuất thế gian đạo.

Ai tu quả chính thụ?

A-la-hán và A-na-hàm tu hành trong định quả chính thụ mà thành tựu viên mãn.

Ai khởi quả chính thụ?

Có thuyết cho rằng, tất cả Thánh nhân đều có thể khiến khởi quả chính thụ. Như A-tì-đàm có nói: Để được vào Tu-đà-hoàn đạo, phải trừ sinh, trừ danh, được tính trừ trí. Đó là chứng minh được tốt nhất.

Lại còn có thuyết cho rằng, tất cả Thánh nhân đã được thành tựu, đều tu hành trong định quả chính thụ này mà được viên mãn. Chỉ có định quả chính thụ này mới có thể khiến khởi Thánh trí.

Như Trưởng lão Na-la-đà có nói: Chư Tì-kheo: Ví như có một Trưởng lão sống giữa rừng núi. Trong núi có một giếng nước sâu mà Trưởng lão ấy không dùng dây gàu kéo nước. Một hôm có một người đang giữa nắng, khát nước không chịu được, nhìn thấy giếng nước, biết đã có nước rồi, cảm giác khát nước liền tiêu mất. Người ấy tuy không chạm đến nước thế mà miệng hết khát tâm an. Cũng như vậy, Trưởng lão tuy không là A-la-hán lậu tận, mà lại có thể được chính tri và kiến giải như thật, vì diệt tất cả hữu tức là Nê-hoàn.

Hỏi: Vì sao phải tu khiến khởi?

Đáp: Vì hiện thấy pháp lạc nên khiến khởi pháp lạc an trụ tâm. Như Thế Tôn dạy Tôn giả A-nan: Bấy giờ Tôn giả A-nan và Như Lai đều không tác ý tất cả các tướng, mà chỉ tác ý vào một thụ diệt, khiến khởi tâm vô tướng được an trụ. Khi ấy Tôn giả A-nan và Như Lai được thân an ổn.

Hỏi: Làm cách nào tu hành để khiến khởi chính thụ?

Đáp: Người tu thiền đến nơi yên vắng, hoặc ngồi, hoặc nằm, muốn được được quả chính thụ, quán tưởng về sinh diệt dùng lạc đạt được quả chính thụ.

Người tu thiền ban đầu quán tất cả các hành, thẳng đến sinh khởi tính trừ trí. Do không gián đoạn với Nê-hoàn khiến quả chính thụ được an trụ.

Người tu thiền dựa vào thiền sở duyên thành tựu tu đạo. Thành tựu kết quả của thiền sở tác này nên gọi là quả chính thụ.

Hỏi: Tác ý như thế nào?

Đáp: Dùng tịch tịch mà tác ý về Đề hồ giới vô vi.

Hỏi: Có bao nhiêu nhân duyên thành tựu quả chính thụ?

Đáp: Có 2 nhân duyên thành tựu quả chính thụ: 1. Không tác ý tất cả các tướng. 2. Tác ý nơi vô tướng giới.

Có bao nhiêu nhân duyên khiến an trụ?

Có 2 nhân duyên để an trụ quả chính thụ: 1. Không tác ý tất cả các tướng. 2. Tác ý nơi vô tướng giới.

Có bao nhiêu nhân duyên là khởi?

Có 2 nhân duyên để thành khởi quả chính thụ: 1. Tác ý tất cả các tướng. 2. Không tác ý nơi vô tướng giới.

Hỏi: Quả chính thụ là pháp thế gian hay xuất thế gian?

Đáp: Quả chính thụ là chính thụ xuất thế gian, không phải chính thụ thế gian.

Hỏi: Bậc A-na-hàm hiện khởi quán tưởng quả định A-na-hàm, do tính trừ trí không gián đoạn, vì sao không thể thành khởi A-la-hán đạo?

Đáp: A-na-hàm quả định không phải là lạc xứ (Xa-ma-tha, Tì-bà-xá-na), không có sức sinh khởi quán kiến.

Ở A-na-hàm quả thành khởi 2 thứ thắng quả: Hữu đạo và tính trừ quả.

Hiện tác chứng nơi hữu đạo và tính trừ quả, quả hiện không gián đoạn thành khởi vô đạo và tính trừ quả, thành tựu nhập quả định.

Hiện tác chứng nơi vô đạo và tính trừ quả, từ diệt định khởi thành tựu vô đạo vô tính trừ quả.

(Xong phần nói về quả chính thụ)

Hỏi: Thế nào là tướng thụ diệt chính thụ? Ai khởi khởi? Có bao nhiêu lực khiến khởi? Trừ bao nhiêu hành sau mới khởi? Có bao nhiêu việc khiến bắt đầu khởi? Vì sao phải khởi? Khiến khởi như thế nào? Những gì là sở duyên khiến khởi? Thế nào là dùng tâm khiến khởi? Tâm đã khởi bám víu vào đâu? Xúc và sở xúc cộng có bao nhiêu thứ? Những gì là các hành sơ khởi? Người chết và người nhập diệt tướng định có khác nhau chăng? Định này là pháp hữu vi hay vô vi?

Đáp: Không sinh khởi tâm pháp và tâm số pháp, đó gọi là diệt thụ tướng định.

Hỏi: Ai khởi được định?

Đáp: A-la-hán và A-na-hàm khởi đầy đủ diệt thụ tướng định này.

Hỏi: Ai không có khả năng khởi định ấy?

Đáp: Phạm phu, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm và những người sinh cõi Vô sắc không thể khởi, vì không cùng chung một cảnh giới, đều không phải cảnh giới của tướng thụ diệt. Phạm phu không thể khởi vì chưa đoạn phiền não, làm chướng ngại sự sinh khởi tướng thụ diệt định.

Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hàm, cũng vậy không thể khởi vì bậc của chư vị ấy không phải cảnh giới mà tướng thụ diệt có thể đạt được. Những người sinh cõi Vô sắc cũng không thể khởi định ấy.

Hỏi: Có đủ bao nhiêu năng lực mới khởi được định ấy?

Đáp: Cần có đủ 2 năng lực: 1. Sức của Xa-ma-tha. 2. Sức của Tì-bà-xá-na. Ở đây do sức của Xa-ma-tha là do 8 định được tự tại. Do sức của Tì-bà-xá-na là do tự tại 7 pháp tùy quán.

Bảy pháp tùy quán đó là những gì?

Là quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán nhàm chán, quán vô nhiễm, quán diệt, và quán xuất ly.

Sức của Xa-ma-tha làm diệt các thiên phần và làm cho được giải thoát bất động.

Sức của Tì-bà-xá-na làm cho thấy các lỗi lầm của sự sinh và được giải thoát vô sinh.

Hỏi: Phải trừ những hành động gì để khởi định?

Đáp: Trừ 3 hành động sau đây: 1. Hành động của miệng. 2. Hành động của thân. 3. Hành động của của tâm.

Vào giác, quán của Đệ Nhị thiên để trừ hành động của miệng.

Vào hơi thở ra vào của Đệ Tứ thiên để trừ hành động của thân.

Vào tưởng thụ của người nhập định diệt tưởng thụ, để trừ hành động của tâm.

Hỏi: Trước cần phải làm những gì?

Đáp: Trước cần phải làm 4 điều: 1. Gom lại một chỗ. 2. Không lộn xộn. 3. Xa xưa phân biệt. 4. Quán sự phi sự.

Gom lại một chỗ, là y bát để chung một chỗ để gìn giữ thụ trì.

Không lộn xộn, là những phương tiện sử dụng nguyện thân này gìn giữ không lộn xộn.

Xa xưa phân biệt, là tự lượng sức của thân mình mà tác nghiệp mỗi ngày, phân biệt thụ trì. Do đó những lỗi lầm đã làm xa xưa mong quả báo sẽ khởi hiện tiền.

Quán sự phi sự, là phân biệt thời điểm chưa đến, hoặc để hòa hợp tăng chúng, tăng gọi thì đứng lên.

Như vậy, nói gom một chỗ là để gìn giữ gìn ca-sa, nói không lộn xộn và xa xưa phân biệt là giữ gìn thân mình, nói quán sự phi sự là

để không phương hại sự hòa hợp của chúng tăng ở A-lan-nhã. Hoặc làm những việc bắt đầu trước để chuẩn bị nhập Sơ thiên.

Hỏi: Vì sao phải khiến khởi định ấy?

Đáp: Vì muốn hiện khởi pháp lạc và an trụ trong pháp lạc. Đó là định bất động sau cùng của các Thánh nhân.

Lại vì muốn được thần thông, nhập vào định rộng lớn, như trường hợp của Trưởng lão Chính Mạng A-la-hán.

Lại cũng vì để giữ mình như trường hợp của các Trưởng lão Xá-lợi-phất, Bạch lộ tử Đề-sa.

Hỏi: Làm cách nào khởi định ấy?

Đáp: Người tu thiên đến nơi yên vắng, hoặc ngồi, hoặc nằm, vì muốn diệt, ý muốn diệt, được nhập định Sơ thiên. Từ trong định Sơ thiên được an tường xuất định, không gián đoạn thấy vô thường, khổ, vô ngã, tu hành thẳng đến khi sinh khởi xả trí.

Cũng như vậy từ nơi Đệ Nhị thiên, Đệ Tam thiên, Đệ Tứ thiên, Hư không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, nhập rồi xuất an tường tự tại, không gián đoạn thấy vô thường, khổ, vô ngã, tu hành thẳng đến sinh khởi xả trí.

Bấy giờ, không gián đoạn, nhập vào Phi phi tướng xứ, từ đó liên tiếp 2, 3 lần, trong phi tướng phi phi tướng định khiến khởi phi phi tướng tâm, ngay khi phi tướng phi phi tướng tâm khởi xong, liền khiến tâm ấy diệt, khi phi tướng phi phi tướng tâm diệt rồi, không sinh khởi trở lại, không hiện hiện nhập trở lại phi tướng phi phi tướng định. Đó gọi là diệt tướng thụ định.

Hỏi: Làm thế nào từ định đó xuất?

Đáp: Người tu thiên không nên tác ý như vậy: Ta sẽ xuất định, trở lại như lúc ban đầu. Sở tác đã thành phân biệt.

Hỏi: Dùng tâm xuất định như thế nào?

Đáp: Người A-na-hàm dùng tâm nơi quả A-na-hàm mà xuất. Người A-la-hán dùng tâm nơi quả A-la-hán mà xuất.

Hỏi: Khi xuất định xong, tâm bám trụ nơi nào?

Đáp: Chuyên tâm duyên vào tịch tĩnh.

Hỏi: Có bao nhiêu xúc và sở xúc?

Đáp: Có 3 thứ tiếp xúc và được tiếp xúc. Đó là không, vô tướng và vô tác.

Hỏi: Khi mới xuất ra, các hành động ban đầu như thế nào?

Đáp: Từ các hành động của thân và các hành động của miệng.

Hỏi: Người chết và người nhập diệt thụ tướng định khác nhau ra sao?

Đáp: Người chết thì 3 hành động chấm dứt, không thể hiện mạng sống, hơi nóng hết, các căn không tiếp nhập. Người nhập định diệt thụ tướng thì 3 hành động chấm dứt, nhưng không dứt thọ mạng, hơi nóng còn, các căn không đổi khác. Đó là chỗ khác nhau của 2 người.

Hỏi: Định diệt thụ tướng là pháp hữu vi hay vô vi?

Đáp: Không thể nói định ấy là pháp hữu vi hay vô vi.

Hỏi: Vì sao vậy?

Đáp: Nói đó là pháp hữu vi, nhưng trong định này thì không có sự hiện hữu tồn tại. Nói đó là pháp vô vi thì xuất nhập không thể biết được. Cho nên, không thể nói định này là hữu vi hay vô vi.

(Xong phần diệt thiền định)

(Giải Thoát Đạo Luận, Phẩm 12: Phân biệt để chấm dứt)

QUYỂN 12 HẾT

---ooOoo---

Giải thoát đạo luận toàn văn cộng 12 phẩm: – Nhân duyên –
Giới – Đầu-đà – Định – Cầu thiện hữu – Phân biệt hành – Hành xứ
– Hành môn – Năm thần thông – Phân biệt tuệ – Năm phương tiện
– Phân biệt đế

Bài kệ tán thán:

*Ngợi khen cho mấy cũng không xiết,
Vô số lời hay nói không hết,
Ở trong pháp này ai có hay,
Chỉ người tu thiền thì mới biết.
Thắng diệu đạo mầu khéo thật hành,
Giáo pháp không mê vô minh diệt.*

TRỌN BỘ 12 QUYỂN HẾT

SỐ 1649
LUẬN TAM DI ĐỀ BỘ
QUYỀN THƯỢNG

*Dịch giả khuyết danh
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Kính lễ đáng Nhất thiết trí. Tôi dựa theo những lời này: Nếu thật người khi sắp chết tâm không ghi nhớ điều gì thì người ấy do nghiệp gì vãng sinh?

Đáp: Có nghiệp khắc ghi trong tâm. Nghiệp mê làm thì đi về nẻo ác. Nghiệp thiện, không mê làm khắc ghi trong tâm thì đi về nẻo thiện. Thể tính ghi tâm nên theo nghiệp mà đi. Tâm vô ký thì khởi nghiệp vô ký. Vì tạo nghiệp nên vãng sinh, cho nên hành nghiệp không gián cách.

Nếu chết trong lúc ngủ, lúc ngất xỉu, lúc vô tâm thì do hành nghiệp đã tạo mà đi theo các nghiệp đạo.

Hai đoạn trên hiển thị sự tương ứng. Đoạn thứ ba hiển thị sự không mất. Nghiệp đó gọi là tự tác tự nghiệp.

Tự tác nghĩa là gì?

Đáp: Có nghĩa là thụ nhận.

Tự nghiệp nghĩa là gì?

Đáp: Có nghĩa là phân vị.

Bởi vì sao? Vì không đi đâu khác mà là đời này.

Bởi vì sao? Vì phương tiện là hành xử.

Bởi vì sao? Vì do nghiệp đó không diệt mất.

Bởi vì sao? Vì thụ báo.

Vì sự hiển hiện này mà đời này tạo nghiệp không diệt mất, cho nên quả báo của tạo nghiệp thụ sinh 4 nơi. Chết ở Dục giới này thân sinh nơi Dục giới, vì nơi còn tồn tại quả dị thực. Qua nơi trung gian thì thụ thân trung gian. Như vậy nếu nơi Dục giới, nơi Sắc giới, đệ nhất xứ, đệ tam xứ, có thể nói là dị sinh, phàm phu. Như vậy từ Dục giới thân trung gian thụ thân trung gian của Dục giới. Từ Dục giới thân trung gian thụ thân trung gian của Sắc giới. Như vậy Dục giới này chết thụ sinh thân trung gian. Như vậy đệ tam xứ từ Sắc giới thân trung gian thụ thân trung gian của Sắc giới. Chúng ta chết thụ thân trung gian như vậy.

Vì sao Thế Tôn Thanh Văn từ thân trung gian thụ thân trung gian chẳng phải phàm phu? Tại sao như vậy?

Tu-đà-hoàn từ 7 lần sinh 7 lần chết này thụ thân trung gian cõi trời, trụ ở đó chứng quả Tu-đà-hàm. Đó là từ thân trung gian cõi trời thụ thân trung gian cõi người, trụ ở đây chán cõi Dục mà chứng đắc. Đó là từ thân trung gian cõi người thụ thân trung gian cõi Sắc. Đó là trụ nơi trung gian kia hướng đến Bát-niết-bàn. Từ đó nhập vào thân trung gian khác mà Bát-niết-bàn. Như vậy Thanh Văn trải qua 4 thân trung gian.

Có thuyết cho là Tu-đà-hàm, Tu-đà-hàm ở nơi thân trung gian của người đến một nơi khác vượt thoát thân trung gian của con người. Từ trời cõi Dục thụ trời cõi Dục như vậy có thể biết có người xả bỏ 5 ấm sinh thân, thụ thân trung gian 5 ấm. Như vậy tôi sẽ nói tất cả từ những lời này.

Thế nào là có ngã, xả bỏ ngã, thân này thụ thân kia?

Hỏi: Nghi thế nào?

Đáp: Thấy ý của tiên sư mâu thuẫn nhau nên sinh nghi. Có các thuyết của các bộ khác nói thật không có ngã mà chỉ có ám là ngã.

Bởi vì sao? Vì khổ khởi mà thôi. Cho nên Thế Tôn bảo Ca-chiên-diên chỉ có khổ sinh sinh, chỉ có khổ diệt diệt. Họ chỉ thấy khổ khởi mà thôi, cho nên biết các bộ thấy không có ngã là như vậy.

Lại nữa, nói vô ngã là nghĩa gì?

Đáp: Vì nói không. Thế Tôn lại bảo Phạm chí Tiên Ni: Như sư đã thấy chân lý của pháp, thật nói là vô ngã.

Thế Tôn nói: Người thấy như vậy gọi là sư, gọi là Như Lai Ứng cúng Chính biến tri. Đó là ta đã nói các bộ kia, thấy không mà nói cho nên vô ngã là như vậy.

Lại nữa, nói vô ngã là nghĩa gì?

Đáp: Là không có ngã và ngã sở.

Thế Tôn bảo các Tì-kheo: Nếu có ngã tức có ngã sở. Nếu có ngã sở tức có ngã. Chân lý của ngã và ngã sở là không thể có được. Cho nên vô ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao nói vô ngã?

Đáp: Vì không thật nói có. Như Phú-lâu-na bảo các Tì-kheo Trưởng lão: Giáo pháp Phật nói rất khó lường. Trong vô vật có ngã.

Phật tự nói: Ta cũng có ngã như vậy của các Trưởng lão. Chỉ biết những lời này không lường được lý thú cao sâu. Như vậy không thật nói có cho nên biết các bộ thấy nghĩa không thật, cho nên vô ngã là như vậy.

Lại nữa các bộ nói: Không thể nói có ngã, không thể nói vô ngã.

Bởi vì sao?

Đáp: Vì không thể nói tướng của ngã. Nếu có ngã thì có thể nói. Như hành, hành tướng có thể nói. Như vô vi, vô vi tướng có thể nói, cũng vậy ngã, ngã tướng có thể nói.

Có bộ kia thấy ngã tướng không thể nói. Cho nên hữu ngã vô ngã không thể nói là như vậy.

Lại nữa, vì sao hữu ngã vô ngã không thể nói?

Đáp: Vì bỏ ngay lời vấn đáp đó. Bởi vì sao? Có 4 lời vấn đáp: 1. Hỏi trả lời ngay. 2. Trước hỏi vấn sau mới trả lời. 3. Trả lời bằng cách hỏi lại. 4. Bỏ thông không trả lời. Nay hỏi ngã thì bỏ thông không trả lời, cho nên không thể nói có ngã, không thể nói không có ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao không thể nói có ngã không có ngã?

Đáp: Vì hợp với thường vô thường. Nếu có thể nói có ngã thì ngã đó là thường hay vô thường? Hai cách nói này ắt phải quyết định, mà nó lại là bất định. Cho nên không thể nói có ngã, không thể nói không có ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao không thể nói có ngã không có ngã?

Đáp: Vì dựa vào hữu vô.

Phật bảo Ca-chiên-diên: Thế gian dựa vào 2 thứ, cũng dựa vào hữu cũng dựa vào vô, vì vậy mà chấp hữu chấp vô. Cho nên không thể nói có ngã không có ngã. Như vậy lại có các bộ nói thật có ngã. Bởi vì sao? Do trói buộc vào ngôn ngữ.

Phật nói là sắc, thống, tướng, hành, thức trói buộc từ đời này sang đời khác.

Các bộ khác thấy trói buộc, nên thấy có ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao có ngã?

Đáp: Là vì chính kiến.

Phật nói có người thấy hóa sinh, nên chính kiến.

Các bộ khác thấy chính kiến, nên có ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao có ngã?

Đáp: Vì Phật nói 4 niệm xứ.

Phật nói quán thân, thụ, tâm, pháp. Nếu không có ngã không thể thấy 4 pháp. Các bộ khác vì thấy Phật nói 4 niệm, cho nên cho có ngã là như vậy.

Lại nữa, vì sao có ngã?

Đáp: Vì Phật nói Thanh Văn.

Phật nói có người thờ lửa, tự nướng thân mình, khuyên người khác nướng. Cho nên Phật nói có người là như vậy. Nếu không người, không tự nướng cũng không có người khác nướng.

Các bộ kia thấy Phật nói có người cho nên thấy có ngã là như vậy.

Lại nữa, các bộ vì sao nói có ngã?

Đáp: Vì một người xuất thế nhiều người được an lạc.

Phật bảo các Tì-kheo: Tất cả những người có công đức sinh ra trong thế gian thì nhiều người được an lạc. Nếu không có người thì ai sinh công đức?

Đó là các bộ vì thấy một người sinh cho nên có ngã là như vậy.

Lại, các bộ nói 5 ấm là người, là ngã.

Hỏi: Vì sao vậy?

Đáp: Vì nói giới môn.

Phật bảo Tì-kheo 6 giới môn, 6 xúc là người.

Các bộ kia thấy Phật nói 6 giới môn, 6 xúc là người, cho nên cho là có người là như vậy.

Lại nữa, vì sao là người, không là người khác?

Đáp: Vì Phật nói nước ngoài có người nữ cao thượng, có Tu-đa-la v.v...

Phật nói: Ta có nói là người nữ cao thượng, hoặc trắng hoặc đen, hoặc xanh, hoặc tế nhị dịu dàng, hoặc ngay ngắn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc thon người, hoặc đầy đặn, tức người đó không là người khác.

Lại, Phật bảo Ti-kheo: Có người trông thấy một Ti-kheo xấu xí hoặc lùn, hoặc ốm, hoặc thọt chân.

Lại nữa Phật nói: Ta thiên nhãn thấy chúng sinh đáng thương đáng tội nghiệp.

Lại nữa, nói người ở địa ngục kia như đồng củi cháy, người nơi địa ngục thiêu đốt cũng như vậy.

Trên đây nói người nữ cao thượng v.v... và trông thấy Ti-kheo xấu xí, Phật thấy chúng sinh đáng thương đáng tội nghiệp, cho đến địa ngục thiêu đốt người như đồng củi cháy v.v... chỉ là 5 ấm là người chứ không người nào khác.

Các bộ thấy Phật nói ấm là người, cho nên là người là như vậy.

Lại các bộ nói người khác 5 ấm, vì sao vậy?

Đáp: Vì như người gánh cái gánh nặng. Cho nên Phật nói gánh nặng là 5 ấm, gánh gánh nặng đó là người, là như vậy. Vì thế có người có ấm, cho nên người với ấm khác là vậy.

Lại vì sao người khác ấm?

Phật nói: Con người thủ, ái là sự luân chuyển lâu xa thứ hai, cho nên người với ái khác vì vậy người với ấm cũng đều như vậy.

Lại nữa, vì sao người với âm đều khác?

Đáp: Vì thụ nghiệp quả.

Cho nên Phật nói kệ:

*Đời này vui hoan hỷ,
Đời khác vui an nhiên.
Làm phúc vui 2 xứ,
Tự thấy nghiệp thanh tịnh.
Đời này nghiệp báo xong,
Đời sau lại thụ báo.
Ấm diệt theo nghiệp sinh,
Lại thụ thân ấm khác.*

Các bộ kia thấy thụ nghiệp báo, nên nói người với âm khác là như vậy.

Lại nữa, vì sao người với âm đều khác?

Đáp: Là vì ta nói.

Phật nói: Đời trước ta làm Chuyển luân thánh vương tên là Thiện Kiến, cũng có tên là Đại Thiên. Vì vậy nay thụ âm mới với ta trước không khác, cho nên con người với âm đều khác là vậy.

Lại nữa, vì sao người với âm đều khác?

Đáp: Vì nói vô ký xứ.

Phật nói: Ấm vô thường không nói con người vô thường. Có khi nói ấm là tướng vô thường. Có khi nói ấm là tướng thường. Vì vậy tướng thường khác tướng vô thường khác, cho nên con người với âm đều khác là vậy.

Lại các bộ nói người là thường, vì sao vậy?

Đáp: Vì không có gốc. Người không nên đi trong sinh tử.

Như Phật có nói: Sinh tử không có gốc. Chúng sinh luân chuyển sinh tử không thể biết gốc từ đâu là như vậy. Cho nên người không có gốc.

Nếu người không gốc thì cũng không ngọn, cho nên người là thường là như vậy.

Lại nữa, vì sao người là thường?

Đáp: Vì nhớ đời quá khứ.

Phật nói: Nhớ một đời cho đến nhớ quá khứ vô số kiếp. Âm hoại diệt tuy lưu chuyển sinh tử mà người không hoại diệt.

Các bộ kia thấy nhớ một đời cho đến nhớ quá khứ vô số kiếp nên nói người là thường là như vậy.

Lại nữa, vì sao người là thường?

Đáp: Vì nói xứ.

Phật nói: Qua bờ kia, trụ ở nơi kia gọi là Bà-la-môn. Phật lại nói: Đã qua bờ bên kia rồi thì không quay trở lại. Phật lại nói: Người qua đến bờ kia trụ nơi đó không đọa lạc. Đã đến bờ bên kia không lo buồn sầu não nữa.

Nếu người thấy qua bờ bên kia, trụ ở nơi đó không đọa lạc, không lo buồn sầu não, cho nên người là thường.

Các bộ kia thấy Phật nơi về xứ, cho nên chủ trương người là thường.

Lại nữa, vì sao người là thường?

Đáp: Vì đến được cái vui bất động.

Phật nói kệ rằng:

*Như vậy chính giải thoát,
Vượt sông bùn dục vọng.*

*Người trí chớ so đo,
Được đến vui bất động.*

Các bộ kia thấy Phật nói đến cái vui bất động, nên chủ trương người là thường là như vậy.

Lại các bộ nói người là vô thường, hỏi vì sao vậy?

Đáp: Vì có gốc.

Phật bảo Ti-kheo: Có một người sinh làm tất cả mọi người an lạc, là như vậy.

Nếu có sinh là có gốc. Nếu có gốc là có ngọn, cho nên người là vô thường, là như vậy.

Lại nữa, vì sao người là vô thường?

Đáp: Vì Phật nói mới.

Phật nói: Mới sinh lên cõi trời, nhan sắc đẹp đẽ, uy đức đoan chính. Mới là pháp vô thường gọi là mới. Cho nên người vô thường là như vậy.

Lại nữa, vì sao người là vô thường?

Đáp: Vì là pháp điên đảo.

Phật nói: Vua Ba-tư-nặc tuy là làm vua, nhưng đời khác thì đảo ngược là như vậy. Nếu có pháp điên đảo thì thành vô thường. Cho nên người là vô thường.

Lại nữa, vì sao người là vô thường?

Đáp: Vì đọa lạc sinh.

Niết-bàn là thường, không đọa lạc, không sinh.

Dựa theo Phật nói: Ta thấy chúng sinh đọa lạc sinh. Do đó dựa theo Phật nói đọa lạc sinh nên người là vô thường.

Lại nữa, vì sao người là vô thường?

Đáp: Vì là pháp sinh già bệnh chết.

Phật nói: Ta là thiện tri thức của vô số 4 bộ chúng. Vì sự sống chết nên đến với ta được thoát khỏi sự sống chết. Sinh già bệnh chết là pháp vô thường. Cho nên người là vô thường là vậy.

Cho nên từ Tu-đa-la này làm gốc, có thuyết nói không thật ngã là như vậy, có thuyết nói không thể nói có ngã là như vậy, có thuyết chủ trương có ngã là như vậy.

Cho nên chúng ta sinh nghi. Nhưng thật có ngã hay là giả thiết mà thôi, cho nên có thuyết nói 5 ấm là ngã, có thuyết nói ngã khác 5 ấm, có thuyết nói chủ trương là thường có thuyết chủ trương vô thường là như vậy. Cho nên chúng ta sinh nghi.

Hỏi: Thế nào là con người bỏ cái hữu này lại thụ cái hữu khác?

Đáp: Như ý kinh, sức giáo hóa có thể biết 5 thịnh ấm thành người cho là người thật. Cho rằng 5 ấm thịnh thành người mà chi là người thật, cho nên không thể nói người là thường hay vô thường là như vậy.

Hỏi: Chương trước có nói vô ngã làm đầu, đều có chỗ chấp. Làm sao giải thích cho rõ?

Đáp: Như trước có nói khổ khởi mà thôi, không có ngã là như vậy. Nay chúng ta nói khổ là khổ sinh diệt, là khổ tính.

Phật muốn chỉ bày khổ tính, bảo Ca-chiên-diên rằng: Khổ sinh sinh, khổ diệt diệt. Tướng ngã sinh diệt không thể nói. Cho nên Phật nói là như vậy.

Lại nữa, như trước có nói: Không nói, cho nên vô ngã là như vậy. Chúng ta nay nói là chúng ta tùy theo tin thụ.

Như Phật vì ngoại đạo nói: Tuy có ngã là giả danh, ngã không thật, nói ngã là dựa vào ấm hữu lậu.

Phật thấy các pháp quá khứ vị lai nói là ngã không phải thật ngã.

Như Phật nói dựa vào hành, hành cho nên Phật nói gọi tên ngã là như vậy.

Lại nữa, như trước có nói tự thấy thân ấy cho nên vô ngã, như vậy chúng ta nay nói.

Đáp: Vô minh che lấp, 5 ấm không ngã bảo là ngã.

Như đứa trẻ mới sinh không biết, thấy các bà mẹ khác cho là mẹ mình. Ấm vô ngã cho là ngã cũng như vậy. Cho nên Phật nói như vậy.

Lại nữa, như trước nói vô ngã, vì ngã ngã sở là không thể có được. Cho nên nay chúng ta nói.

Đáp: Phật nói dựa vào cái không tự tại của ngã ngã sở, nên thật tính không thể được, là như vậy.

Cái gì do người khác tạo ra thì không là tự tạo. Nếu là tự mình tạo thì không gọi là người khác tạo. Cho nên đoạn dứt cái gì tự mình làm người khác làm chứ không đoạn dứt cái ngã, là như vậy.

Lại nữa, như trước có nói không thật nói có, cho nên vô ngã.

Như vậy nay chúng ta nói.

Đáp: Vì không thật có.

Không thật với không thể, là không mà nói có, đó là khó tin. Cho nên đoán không nói có, không dứt được ngã là như vậy.

Như các bộ trước có nói tướng không thể nói.

Không thể nói có ngã không có ngã. Như vậy chúng ta nay nói rằng tướng ngã là thường vô thường v.v... không thể nói, có ngã v.v... có thể nói.

Như Phật nói có người tự đốt nung thân thể v.v...

Lại nữa, như Phật nói phàm phu không nghe không biết, lấy ác nghiệp làm tướng. Người thông minh lấy thiện nghiệp làm tướng. Cho nên các bộ nói không thể nương dựa vào, là như vậy.

Như các bộ trước có nói nếu hỏi có ngã không có ngã thì bỏ qua câu hỏi không trả lời, nên nay chúng ta nói hỏi mà không tương ứng thì bỏ qua, tương ứng thì không bỏ qua.

Như Phật trả lời người phàm phu không biết là bất thiện, người thông minh là thiện. Cho nên không thể dựa vào lời của các bộ là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã không có ngã không thể nói nhất định là khác. Cho nên nay chúng ta nói nếu ngã ứng nghiệm thì hành này là hành khác. Như vậy phải nói chính thuyết là hành này hay hành khác. Cho nên phải loại bỏ thuyết của các bộ không thể nương tựa vào là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã không có ngã không thể nói là thường là vô thường. Cho nên nay chúng ta nói: Nếu có thể nói trong ngã có hữu có vô thì thành đoạn kiến thường kiến. Phật không cho phép dựa vào 2 thứ kiến chấp này.

Nếu nói không có người thì thành một thứ lỗi không ghi nhận. Thuyết này không thể được. Bởi vì sao? Nếu không có người tức là tà kiến.

Nếu nói có người, tức là chính kiến. Cho nên có thể nói có người.

Như trong kinh nói: Nếu nói không có người gọi là tà kiến. Nếu nói có người tức là ngã kiến. Nếu nói có, tức là thường vô thường. Nếu như vậy thì hành thành thường vô thường. Nếu đồng hữu hữu, thì hành vô thường vô vi, người thường không như vậy.

Như các bộ trước có nói: Không thể nói có ngã không có ngã, vì nương tựa vào cái có cái không. Như vậy, nay chúng ta nói: Nếu

đều không có ngã, Phật đã không nói có sự nương tựa. Vì Phật nói có sự nương tựa, cho nên có thể nói có ngã là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã ngữ trói buộc. Như vậy nay chúng ta nói: Không có người có thể trói buộc mà có trói buộc. Như vua ngục trói buộc. Tuy không có người mà có trói có buộc. Như có dây có gút không dây không gút. Như vậy không có ngã mà có lời nói trói buộc là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã là chính kiến. Như vậy chúng ta nay nói: Dựa vào âm hữu lậu, Phật nói có người, vì người thấy có người nên gọi là chính kiến là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã, vì Phật nói 4 niệm xứ. Như vậy nay chúng ta nói: Phật bảo Ca-chiên-diên chỉ có tâm mà thôi. Muốn làm rõ thân thụ tâm pháp cho nên nói chỉ có tâm mà thành các pháp mà thôi không có gì khác là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Có ngã, vì Phật nói Thanh Văn. Như vậy nay chúng ta nói: Chỗ Thanh Văn nói là dựa vào pháp Thanh Văn nói mà thôi không có gì khác.

Như các bộ trước có nói: Có ngã vì có nói. Như vậy nay chúng ta nói: Phật nói có người giả danh, cho nên đó là bạn, không có ngã. Nếu thật không có ngã thì không thành sát sinh, không có người giết, không có người vật bị giết, cho đến không có trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu v.v...

Như vậy nếu không có ngã thì ngũ nghịch tội tha hồ phóng túng, các căn không khởi thiện ác không trói buộc, không ai cời trói cũng không ai bị trói, không ai tạo tác cũng không có nghiệp cũng không có quả báo. Nếu nghiệp không thì quả báo cũng không. Nghiệp và quả báo không thì cũng không sinh tử, mà chúng sinh vì quả báo của nghiệp mà luân chuyển trong sinh tử. Nếu không sinh tử thì nhân sinh tử cũng không. Nếu không có nhân thì nhân diệt cũng

không. Nếu không nhân diệt thì nẻo đến cũng không. Như vậy 4 đế cũng không. Nếu không có 4 đế, cũng không có Phật nói 4 đế. Nếu không có Phật cũng không có Tăng. Như vậy không có người, Tam Bảo Tứ đế cũng không. Như vậy các thuyết đều không hợp. Cho nên nói không có người thành các lỗi trên. Lỗi sau cũng sinh. Nếu có người có ngã thì không các lỗi nói trên. Như Phật nói kinh nên phải biết, cho nên thật có ngã.

Như các bộ trước có nói: Năm ấm là giới môn của người của ngã. Như vậy nay chúng ta nói: Nếu mạng người khác ngã là Tu-đa-la không làm rõ có ngã là ấm là ngã hay ngã là ấm. Nếu ấm là ngã thì ấm có thể nói, ngã không thể nói. Nếu ngã là ấm thì ngã có thể nói, ấm không thể nói. Cũng có thể cả hai có thể nói không phải 5 ấm. Ngã là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người khác 5 ấm, như gánh nặng và người gánh. Như vậy nay chúng ta nói: Dựa vào gánh nên nói có gánh. Nếu ngã khác ấm thì khi diệt khi khởi ngã cũng khởi cũng diệt. Như chặt một phần của thân, thì ngã cũng có một phần. Như vậy một phần thành nhiều phần mà nhiều phần là một. Tùy theo thân khi tồn tại thì mạng cũng theo đó mà tồn tại. Mạng còn thì thân cũng còn. Cho nên ấm tức là ngã, câu nói đó có thể loại bỏ là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người khác ấm, vì thủ và ái là hai của nó. Như vậy nay chúng ta nói: Nếu người chính kiến không nghi. Như người có ái trói buộc, luân chuyển sinh tử. Phật muốn hiển thị, Phật nói thủ và ái của con người là 2 cái làm ở lâu trong sinh tử. Khi đoạn dứt ái thì không luân chuyển nữa. Cho nên ngã không khác ấm là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người và ấm riêng rẽ vì thụ nghiệp quả. Như vậy nay chúng ta nói: Dựa vào hữu lậu mà sinh tử. Đời này đời sau thụ quả báo hữu lậu đó. Cho nên người và ấm không riêng rẽ.

Lại nữa như các bộ trước có nói: Người và ấm riêng rẽ vì là ta nói. Như vậy nay chúng ta nói: Dựa vào độ mà nói.

Phật nói: Ta thời quá khứ vô số kiếp A-tăng-kì từng làm Đỉnh Sinh vương. Cho nên người và âm không riêng rẽ là như vậy.

Lại nữa, như các bộ trước có nói: Người và âm riêng rẽ, vì không nhớ nơi chốn. Như vậy nay chúng ta nói: Không thể nói âm và ngã là khác hay không khác. Cho nên Pháp tướng lấy thường vô thường làm đầu, là không thể nói. Ngã cũng không thể nói.

Nếu ngã khác âm thì Phật nói: Ngã khác thân khác Phật không chấp nhận, kinh không rõ. Nếu ngã khác âm thì cũng có thể ở trong âm, cũng có thể biến khắp mọi nơi. Nếu ở trong âm thì khi chặt thân, phá thân thì phải thấy ngã. Như có một giống muối ở trong quả Ưu-đàm-bà-la. Bỏ quả Ưu-đàm-bà-la ra có thể thấy giống muối ấy. Nếu ngã ở trong âm thì cũng như vậy.

Nếu ngã khác thân thì khi lạnh nóng chạm xúc thân, ngã phải không cảm biết.

Lại nữa, nếu khi móc mắt, trái lại phải thấy vật. Như vậy khi các căn hoại diệt thì thanh hương vị xúc v.v... cũng phải được cảm biết.

Lại nữa nếu ngã khác thân thì từ thân này nhập vào thân kia rồi trở lại thân này, như người từ nhà này vào nhà kia rồi trở lại vào nhà này, ngã khác thì phải như vậy.

Lại nữa, ngã khác âm thì ngã không nên thụ sinh nơi này nơi khác. Nếu thụ sinh nơi này nơi khác thì phải một niệm khắp xứ thụ sinh. Cho nên không nên thường ở trong thân, vì khó được giải thoát. Nếu đi khắp mọi nơi không nên tác nghiệp. Nếu không nghiệp quả cũng không công nghiệp, cũng không trói mở, cũng không hành thiện mà được giải thoát, như thế là không nên. Cho nên lời nói người khác thân đáng loại trừ là như vậy.

(QUYỂN THƯỢNG HẾT)

LUẬN TAM DI ĐỀ BỘ QUYÊN TRUNG

Như các bộ trước có nói: Người là thường vì không có gốc. Như vậy nay chúng ta nói: Nếu không có gốc thành thường thì sinh tử không có gốc cũng phải là thường. Câu nói này không phù hợp. Người không có gốc là không thể nói là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người là thường, vì nhớ đời quá khứ. Như vậy nay chúng ta nói: Nếu ngã nhất định khác ảm thì khi ảm hoại diệt, người không diệt. Nhớ việc đời quá khứ chỉ phải là người này, không phải có người khác, mà trong khi sinh tử luân chuyển không đoạn dứt, cho nên câu nói này không phù hợp là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người là thường, vì nói về xứ là như vậy. Nay chúng ta nói: Vì đoạn diệt dòng sông đau khổ, nên đến Niết-bàn hữu dư. Thân hãy còn trụ gọi là trụ nơi bờ kia. Bà-la-môn đến Niết-bàn vô dư. Đã đến được Niết-bàn vô dư là Phật đã nói. Cho nên không nói người là thường là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người là thường, đến cái vui bất động. Như vậy chúng ta nay nói: Khi được Niết-bàn vô dư, liền đến cái vui bất động. Nếu người là thường thì không sinh không tử như Niết-bàn. Thân không sinh không tử cũng không khác. Và trí tuệ ở tại mọi nơi cũng không khác. Ăn không ăn, khổ vui thường không khác. Cho nên không quên việc quá khứ. Thường cho nên không biến đổi, cũng

không trời không mở. Cho nên người là thường, câu nói này cần loại bỏ là như vậy.

Như các bộ trước có nói: Người là vô thường, vì có gốc. Như vậy nay chúng ta nói: Vì hữu lậu khởi nên gọi là người. Vì lý do đó không thể nói ám khác với người. Cho nên không thể nói người khởi. Vì là giả thuyết đáp ngay đề giải thích cái trước. Cho nên Phật nói mới v.v...

Nếu người là vô thường thì chúng sinh luân chuyển tạo tác nghiệp thiện ác hoại, không tạo tác nghiệp thiện ác tự đến mà không có nhân trước. Cho nên tất cả chúng sinh đều phải là một loại không tạo nghiệp mà được giải thoát. Giải thoát tự thành không do nghiệp. Đã không do nghiệp mà tự thành công đức, không có sinh đời trước, cũng không thể nhớ. Cho nên người là vô thường, câu nói này phải loại bỏ.

Dùng giả thuyết này giải đáp cái trước. Đảo pháp cho nên rơi vào sinh, thành ra pháp sinh già bệnh chết. Cho nên người vô thường là như vậy.

Hỏi: Thế nào là nói có người?

Đáp: Phật nói có 3 loại người.

Hỏi: Sao gọi là 3 loại người?

Đáp: Đó là y thuyết nhân, độ thuyết nhân, và diệt thuyết nhân (Thuyết cũng gọi là an, cũng gọi là chế, cũng gọi là giả danh).

Hỏi: Sao gọi là y thuyết nhân?

Đáp: Như Phật có nói, Phật bảo Bạt-bà-da rằng: Đây là hành sở y thuyết, đây gọi là an. Đó gọi là y thuyết.

Như thí dụ về lửa. Như Phật bảo Xá-lợi-phất: Có người tên Tượng trắng treo khả ái do 4 đại tạo thành, đó gọi là ngã. Như vậy

tất cả cũng như thí dụ về sữa. Như vậy dựa vào Tu-đa-la v.v... nói, đó gọi là y thuyết.

Như sắc được sắc người được sắc, người không thể nói. Sắc khác, sắc không thể nói. Khác được sắc, người y sắc được gọi là người y sắc. Nếu người nói sắc này là ngã, thì sắc đó là ngã kiến. Nếu người nói sắc là ngã thì do lỗi người 5 âm trước có nói thành ra lỗi này.

Lại nói, nếu người nói người được sắc khác sắc thì gọi là kiến chấp khác ngã. Nếu người nói khác ngã thì do lỗi này người khác 5 âm thành ra lỗi này.

Người được sắc là theo đó mà thôi, không phải chân thật. Nếu người nói sắc được sắc là người theo đó mà thôi thành ra tà kiến. Nếu tà kiến thì nói không có ngã. Bởi lỗi này trước đã nói thành ra lỗi này. Vì lý do đó, đây là 3 lỗi.

Cho nên thật khác tà kiến không theo thật khác không theo tà kiến. Dựa vào sắc người được sắc có thể nói, cho nên người được sắc cùng với sắc thật có thể nói. Cho nên khi ấy sắc khởi, thì khi ấy người được sắc cũng khởi. Khi ấy sắc diệt thì khi ấy người được sắc cũng diệt. Không phải là không thể nói. Như vậy 5 âm, 12 môn, 5 đạo, A-tu-la đạo, trung âm là người trong 7 đạo, nơi sinh Ca-la-la, A-phù-đà-na, nhục đoàn chi, bé sơ sinh, đồng tử, thiếu niên, trung niên, già lão, thiện ác ký tâm, giới phạm giới, như vậy tất cả hợp không hợp, dựa theo các pháp trên có thể biết gọi là y thuyết nhân.

Hỏi: Sao gọi là độ thuyết nhân?

Đáp: Bởi có khi độ khác khi không phải thời Phật nói độ chúng sinh.

Thế nào là độ thuyết chúng sinh?

Là quá khứ thuyết, vị lai thuyết, hiện tại thuyết.

Sao gọi là quá khứ thuyết?

Như Kinh Thiên Sứ có nói tâu lên Diêm-la rằng người này chẳng biết cha mẹ anh em, chẳng biết công đức, chẳng biết thiện ác v.v... xin giáo hóa người đó.

Như Phật có nói: Ta đời quá khứ từng làm vua Đỉnh Sinh. Đó gọi là quá khứ thuyết.

Sao gọi là vị lai thuyết?

Như Phật có nói: Chuyển luân thánh vương khi ở trong thân trung hữu lúc mới nhập vào thai mẹ giống như vào trong cung điện. Như Phật bảo Di-lặc: A-dật-đa! Ông sau này thành Phật tên là Từ Thị. Đó gọi là vị lai thuyết.

Sao gọi là hiện tại thuyết?

Đáp: Như Phật nói người An-già có các thứ trang sức quý báu đeo tai và nơi cánh tay.

Như Phật có nói đại phú Trưởng giả có nhiều của cải như ý. Đó gọi là hiện tại thuyết.

Như vậy biết rằng Phật dựa vào các hành trong 3 đời mà chế ra 3 thuyết.

Dùng các hành độ thuyết này gọi là độ thuyết.

Sao gọi là diệt thuyết?

Đáp: Là y thuyết nhân, độ thuyết nhân, Phật nói diệt thuyết nhân. Như khi thân quá khứ hoại, gọi là diệt thuyết. Như Phật có nói: Tì-kheo hết các lậu, 5 ấm vô thường diệt. Đó gọi là diệt thuyết. Như Phật nói kệ rằng:

*Người trí khó thể lường,
Được đến vui bất động.*

Đó gọi là diệt thuyết. Xem y thuyết, độ thuyết, cho nên nói có người bỏ 5 ấm sinh về nơi thụ 5 ấm trung gian hữu. Xem diệt thuyết, Phật nói không sinh về nơi có thụ ấm trở lại, là như vậy.

Hỏi: Là xả 5 ấm diệt tận còn có chỗ dư?

Đáp: Nghi điều chi?

Nói: Thấy ý của tiên sư có mâu thuẫn nên sinh nghi. Có các bộ thấy 5 ấm một bên, từ hữu này sang hữu kia. Bởi vì sao? Vì thức sinh.

Phật nói: Người này thức được giới huân, định huân, nên thức sinh nơi thẳng xứ. Phật lại nói kệ rằng:

*Thiện ác hai thứ nghiệp,
Nghiệp đó người đời tạo.
Nghiệp đó là vật đó,
Tự bắt tự đi theo.
Thô ấm là ác nghiệp,
Tế ấm là thiện hành.
Thiện ác hai đều tạo
Bắt tùy theo nghiệp đi.*

Người đó vãng sinh thụ căn nghĩa, cho nên gọi là độ. Người có thiên nhãn thấy được độ đó.

Như Phật bảo Tì-kheo: Ta thấy chúng sinh rơi vào sinh, tất cả là như vậy. Cho nên các bộ thấy 5 ấm một bên, từ hữu này đi qua hữu kia là như vậy.

Lại nữa, người các bộ nói người, như vậy từ hữu này qua hữu kia không phải là ấm. Bởi vì sao? Vì Phật có nói.

Phật nói kệ rằng:

*Đời này vui hoan hỷ,
Đời khác cũng vui vậy.*

*Làm phúc hai nơi vui,
Tự thấy tịnh nghiệp đó.
Hộ căn sang nẻo thiện,
Không hộ đọa nẻo ác.*

Phật lại nói: Chết này rơi vào sinh, là như vậy. Cho nên như người các bộ thấy như thế cho rằng từ hữu này sang hữu kia không phải âm, là như vậy.

Lại các bộ nói không có người từ hữu này độ hữu kia. Bởi vì sao? Như Phật nói trời, người mới. Kiến chấp về người là như vậy.

Phật lại nói là hành này, hành sở y, là thụ này. Như lửa y vào củi mà thụ cái tên ấy, là như vậy.

Phật lại nói: Tất cả những người có đức sinh thế gian nhiều người thụ hưởng an lạc. Như vậy đời trước đã sinh không sinh trở lại. Cho nên không có người bỏ hữu này độ hữu kia. Cho nên sinh nghi.

Nói: Trước có hỏi là bỏ 5 ám diệt tận còn có chỗ dư. Nay nếu bỏ 5 ám, 5 ám không dư sót, từ hữu này độ hữu kia. Như Phật nói kệ rằng:

*Xả bỏ thân người này,
Thụ thân trời đầy đủ.*

Như Phật nói: Người là không, của cải tất cả bỏ, tùy chỗ mà đi đến đó. Như Phật nói: Khi sắp chết, bỏ thân ấy ra đi một mình. Khi còn sống ở đời nói đều là sở hữu của ta, khi sắp chết buông bỏ tất cả ra đi một mình. Giới định huân tâm, nhờ thiện nghiệp đó sinh lên cõi trên. Cho nên Phật nói thiện tâm mà thôi là sinh lên nơi thắng xứ. Cho nên xả bỏ 5 ám diệt tận, sinh về nơi thắng xứ kia y nghiệp bất diệt. Phật nói kệ rằng:

*Nghiệp đó là vật đó,
Tự bắt tự đi theo.*

Là trung âm căn cho nên vắng sinh nơi kia thụ căn nghĩa, hành trung âm xứ. Thiên nhân trông thấy được sắc trung âm.

Như các bộ nói 5 âm một bên, từ hữu đây qua hữu kia. Cho nên nói là bỏ đây.

Trước có nói như người từ hữu đây qua hữu kia là chỉ người mà thôi. Nếu vậy thì nên đến đạo thật khác không đi. Nếu thật khác, nếu thường, nếu bất thường thành tà kiến. Như trước có nói thật khác, thường bất thường thành tà kiến. Vì vậy người với âm là thật hay khác không thể nói. Cho nên chỉ có người mà thôi, vắng sinh xứ là không thể nói.

Hỏi: Sao khi thân người diệt thì khởi 5 trung hữu?

Đáp: Khi người sắp diệt, khi trung hữu khởi, dựa vào 5 trung hữu có thể gọi là người 5 trung hữu. Theo quá khứ mà nói, có thể nói là người y độ thuyết. Vì vậy không y người. Cho nên không y nghĩa, không phải có thể nói là người. Như vậy thấy pháp niệm diệt, niệm diệt không diệt hành niệm niệm gọi là Phật nói. Cho nên bỏ 5 âm thân đều hết, người từ hữu đây độ hữu kia. Cho nên nói có người bỏ 5 âm sinh hữu xứ, thụ 5 âm trung gian hữu là như vậy.

Hỏi: Là trước thụ 5 trung âm xứ hay sau bỏ người 5 âm?

Đáp: Không như vậy. Nếu như chỗ hỏi thì sinh thành ra có gián đoạn. Nếu sinh thành ra có gián đoạn thì Thánh nhân diệt phải lại thụ hữu, không thành diệt 4 thủ. Nếu âm khác với người thì không đúng.

Hỏi: Là trước bỏ 5 âm của con người, rồi thụ thân 5 trung âm chăng?

Đáp: Không như vậy. Nếu như chỗ hỏi thì trong 1 niệm trong 1 con người phải thành 2 thứ hữu. Đó là điều không đúng.

Hỏi: Nay bỏ thân người, thụ thân 5 trung âm là thụ một lúc hay không phải một lúc?

Đáp: Là một lúc.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Khi người sắp chết, khi một niệm tâm sau cùng hiện khởi, tâm trung ấm chưa khởi. Khi một niệm tâm sau cùng diệt, tâm trung ấm mới khởi. Khi tâm trung ấm khởi thành người có 5 trung hữu. Cho nên nói xả bỏ ấm của con người thụ trung hữu.

Bởi vì sao? Khi tâm trung ấm khởi thành, khi từ trong con người rơi vào trung gian hữu xứ thành, khi tâm trụ nơi đó thì gọi là đọa lạc sinh. Cho nên phải biết khi tương ưng, có người bỏ 5 ấm sinh hữu xứ, thụ 5 ấm trung gian hữu. Tất cả như vậy .

Hỏi: Ấm có nguồn gốc chẳng mà từ ấm lần lượt sinh đến nay là có gốc hay không có gốc?

Đáp: Phật bảo Tì-kheo: Sinh tử không có gốc. Không thể biết nguồn gốc chúng sinh luân chuyển sinh tử. Vì không có thật nên không thể biết. Vì có thật nên không thể biết. Như Thập Nhị Môn nói: Có 13 môn thật không, cho nên không thể biết. Là không có trí không thể biết.

Bởi vì sao? Người cõi Vô sắc, người 2 cõi khác vì không có trí nên không biết. Như thế giới thành không thành bỏ thông không thể đáp. Có thể nói ban đầu có nguồn gốc rồi lần lượt xoay vần cho nên chúng ta sinh nghi.

Hỏi: Nguồn gốc đời trước con người không thể biết là thật có hay thật không. Nếu có tri kiến có thể nói.

Đáp: Không thể biết là thật có. Bởi vì sao? Ví như thật có vật nhưng vì bị úp lại nên không thể biết. Cũng như một sợi vi trần quá nhỏ nên không thể biết.

Lại như đất đai rộng lớn nên không thể biết. Như quá gần sát mắt nên không thể biết.

Lại như bờ biển quá xa nên không thể biết.

Lại như mắt yếu nên không thể biết. Như đầu sợi tóc , như dùng một hạt cải ném vào trong đồng hạt cải, màu sắc tương tự nên không thể biết.

Lại như trong nước sông Hằng ném một nắm muối, vì nước nhiều nên không thể làm mặn được.

Cũng như báu vật ở trong vách ngăn che nên không thể thấy.

Cũng như quỷ thần ẩn hình nên không thể thấy. Như người vô tri không biết gì ngoài mạng sống nên không thể biết.

Như báu vật ở trong vách ngăn che v.v... thật có không thể biết. Cũng vậy nguồn gốc con người thật có không thể biết, là như vậy.

Gạn hỏi: Từ nguồn gốc này, nếu như hạt bụi và đầu sợi lông thật có không thể biết thì người khác thấy. Như thiên nhãn thấy đầu sợi lông?

Như đất đại rộng lớn vô biên chỉ người thiên nhãn trông thấy.

Lại như mí mắt không tự thấy nhưng người gần đó thấy.

Như bờ biển không thể vượt qua biết, nhưng người đến thì thấy.

Như đầu sợi tóc người mắt sáng thấy được.

Dùng một hạt cải ném vào trong đồng hạt cải người mắt sáng thấy được.

Nước sông Hằng dùng một nắm muối ném vào, chỉ có cá ở quanh gần đó biết.

Của báu bị ngăn che, người có thiên nhãn trông thấy.

Quỷ thần ẩn hình chỉ đồng loại thấy. Người có phép thuật thấy các mạng không thể biết, người tha tâm thông thì thấy.

Tất cả các hữu nói trên là không thể thấy không thể biết. Nhưng tất cả là có thể thấy có thể biết. Nguồn gốc không ai biết, cho nên ngăn che báu vật v.v... là thật có. Không thể biết không phải là nhân.

Lại nói thật có, không thể biết. Bởi vì sao? Vì không thể đo lường. Như núi Tuyết là thật có nhưng không thể đo lường. Bởi vì sao? Vì không ai có khả năng đo lường.

Gạn hỏi: Nếu đại khái có thể biết thì đó không phải là biết. Chỉ biết đại khái không phải đo lường biết thật sự. Mà như thế thành vô minh.

Lại hỏi: Vì không thật, nên đo lường không thể biết?

Đáp: Không thật nên không thể biết. Bởi vì sao? Như trong kinh có nói. Phật nói: Vật không thật không có tiếng tăm tin tức. Như Phật bào Tì-kheo: Giống như ngọn đèn dầu tắt, không thấy có tro than. Cũng như vậy, núi Tu-di, biển cả, đại địa đến khi kiếp tận, khi kiếp hỏa nổi lên đốt cháy sạch bụi đất tro than nên không thể biết là như vậy.

Phật nói không thể biết nguồn gốc cũng như vậy. Như ngọn đèn dầu tắt, tro than bụi đất không thật có nên không thể biết. Nguồn gốc không thể biết cũng như vậy.

Hỏi: Như thật vật có nơi, mà Phật nói không thể biết tiếng tăm tung tích?

Đáp: Như trong luật có nói: Nếu người dùng đồ đựng rượu đựng thức ăn dâng cúng Tì-kheo, Tì-kheo không biết mà ăn thì không tội là như vậy. Cho nên đây không phải là nhân.

Lại nói không thật không thể biết. Nếu nguồn gốc là thật có thì Phật thật trí phải từ đó khởi, không nên nói là không thể biết. Vì Phật nói không thể biết cho nên nguồn gốc là không thật có.

Đáp: Ở đây nghĩa không phải như vậy. Phật thật trí không từ nơi đó khởi. Như người đời hỏi thường, vô thường v.v... Phật không đáp. Cho nên không có nhân.

Lại nói, không phải vậy cho nên nguồn gốc là không thể biết, Phật nói không thể biết. Nếu Phật nói thẳng là không nguồn gốc thì thành đoạn kiến. Nếu Phật nói có nguồn gốc thì lại thành thường kiến. Hai thứ này đều không đúng nên không nên nói. Phật nói không thể biết là như vậy.

Hỏi: Nếu sinh tử có gốc thành thường kiến, nếu không có gốc thành đoạn kiến.

Thánh nhân gốc sinh tử đã hết mà gốc khác lại khởi. Phải biết mà không phải vậy. Gốc khác lại khởi, tức là thành đoạn kiến. Nguồn gốc sinh tử không thật có không thể biết.

Bởi vì sao? Vì sinh tử lưu chuyển vô cùng. Phật bảo các Tì-kheo: Hữu dựa vào gốc ái không thể biết. Từ đó khởi ái mất tại quá khứ. Từ đó khởi ái sẽ khởi vị lai. Tất cả như vậy cho nên không có gốc ái. Cho nên sinh tử là không thật. Gốc không thể biết.

Lại nữa, sinh tử thường khởi nên nếu không có sinh tử cũng không có Niết-bàn. Như Phật bảo A-nan: Khi 5 âm hữu lậu diệt hết, gọi là diệt, là Niết-bàn.

Phật lại bảo A-nan: Niết-bàn tuy diệt hết không phải không có gốc. Vì vậy sinh tử diệt có gốc. Cho nên gốc sinh tử không thật có, gốc không thể biết là như vậy.

Lại nữa nhân lẫn lộn hợp lại, cho nên tất cả mọi người không lấy ngã làm gốc của nhân. Nếu lấy ngã làm gốc của nhân thì sinh tử không tận cùng. Cho nên không có gốc là như vậy.

Lại nữa nhớ biết quá khứ vô số thế giới. Như Phật có nói: Thời quá khứ nếu muốn biết pháp, thức tùy khởi biết. Vì vậy thức vô số

nên cảnh giới cũng vô số, phải biết cũng vô số. Cho nên sinh tử không có gốc là như vậy.

Lại nữa, sinh tử không có gốc. Nếu sinh tử có gốc thì gốc sinh quá khứ cũng phải có. Cho nên không thật có quá khứ. Gốc sinh không thể biết là như vậy.

Lại nữa hữu ái lần lửa xoay vần, nên Phật nói gốc sinh của quá khứ không thể biết. Nếu gốc của sinh tử là không thì cũng không có cái tên đó. Nếu không, thì pháp không nên có tên là như vậy.

Đáp: Không pháp không có tên. Không có tên, gọi là không thật. Tuy không có tên, nhưng vì không tên tức là tên của nó. Cho nên có tên là không thật. Như nói nguồn gốc quá khứ gọi là thật nên nguồn gốc phải là thật. Nói thể không đúng, không phải vậy. Như nói không có pháp, có tên. Có thật, là có pháp có tên, thì cũng phải không có tên là không thật.

Bởi vì sao? Vì không có tên. Nếu vậy, không pháp không thật, thì tên đó cũng không thật. Thật có pháp thì tên đó cũng thật có. Cho nên cái tên không pháp cũng không thật. Vì lẽ đó nguồn gốc sinh không thật, là số chứng nghiệm.

Văn hỏi: Nếu vậy thật không thật thành ra không nhất định? Không thật thành thật, thật thành không thật, là điều không đúng?

Lại nữa, có pháp ngăn chặn lời nói. Không có cái bắt đầu có pháp không pháp. Rõ ràng thật không thật có thể thấy. Cho nên không có sự ngăn chặn lời nói. Có thì gọi là thật. Như đánh vào vật phát ra tiếng. Tiếng phát ra này không có gốc nên như vậy. Nguồn gốc của sinh có thể nói như cái sừng con hổ. Cho nên sinh tử là nguồn gốc.

Văn hỏi: Nếu sinh tử không có gốc thì nó cũng không có ngọn. Như vậy không gốc không ngọn không khác với Niết-bàn, thế là không đúng?

Đáp: Thật sự là không có gốc. Vì 5 âm lần lửa sinh ra nhau. Cho nên vô thường, nhân lần lửa xoay vần, quả cũng lần lửa xoay vần.

Hỏi: Nếu sinh tử là không có gốc thì giữa và cuối cũng không. Giữa và cuối không, thì sinh tử cũng không. Như rừng cây mà không gốc không ngọn giữa thân cũng không thì không có rừng cây. Như vậy là không có sinh tử?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Như một khối tròn không có gốc không có đoạn giữa không có ngọn. Sinh tử cũng như vật tròn vậy.

Vạn hỏi: Nếu vật tròn không gốc không giữa không ngọn mà có thì không có cái thứ hai chưa thể hoại. Sinh tử cũng vậy.

Đáp: Sợ sinh tử như vậy không diệt, như chấp không có gốc nên tất cả pháp không. Đây là chấp các sinh nhân từ trước lần lửa xoay vần nên không có gốc. Nhân hoại nên sinh tử hết. Sinh tử hoại thì nhân cũng hết. Như vậy nhớ quá khứ trước vô số thế giới, cho nên Phật nói không có nguồn gốc. Nếu sinh tử không có nguồn gốc, lần lửa xoay vần không có gốc nên thành thường kiến. Y vào ám y vào độ Phật nói có chúng sinh là như vậy.

Nói âm lần lửa xoay vần không có gốc thì chúng sinh lần lửa xoay vần cũng không có gốc. Chúng sinh không nên lần lửa xoay vần vì sao? Vì Phật đã nói sinh tử không có gốc.

Hỏi: Nếu sinh tử không có gốc thì vì sao Phật nói không thể biết? Sao không nói thẳng là không có?

Đáp: Nếu Phật nói thẳng là không có thì không nên khởi 3 thứ tà kiến.

Ba thứ tà kiến là:

1. Trước thân ta đây từng có sinh chăng?
2. Ta sau này sẽ lại sinh chăng?

3. Ta nay là sinh chăng? Phải sinh nghi như vậy. Vì vậy Phật nói không thể biết. Cho nên Phật nói phải biết như vậy.

Phật thuyết pháp có 2 thứ: một là vì pháp, hai là vì chúng sinh.

Thế nào là vì pháp? Như Phật có nói: Nguồn gốc sinh không thể biết. Hữu ái gốc không thể biết. Vì pháp nên có thể nói không có nguồn gốc sinh tử.

Thế nào là vì chúng sinh? Vô minh che khuất, chúng sinh luân chuyển sinh tử, vì chúng sinh nên nói pháp chúng sinh luân chuyển sinh tử. Cho nên Phật vì nói pháp. Như vậy khi pháp đến, tâm y vào độ, khi ấy Phật nói là chúng sinh.

Hỏi: Vì sao Phật nói có pháp nguồn gốc sinh không thể biết?

Đáp: Phật không phải vì chúng sinh nói không có nguồn gốc.

Vấn hỏi: Như vậy khi pháp y độ, khi Phật nói là chúng sinh, bây giờ có thể nói pháp là vô thường, không nên nói chúng sinh là thường vô thường. Như vậy nguồn gốc của sinh có thể nói là không thể nói. Có thể biết sinh tử không có gốc là chúng nghiệm.

(QUYỀN TRUNG HẾT)

LUẬN TAM DI ĐỀ BỘ QUYÊN HẠ

Như vậy nói có người sinh âm xứ, bỏ 5 âm thụ trung âm 5 âm.

Hỏi: Làm sao biết có trung âm?

Nói: Nghi chỗ nào?

Đáp: Có các bộ nói không có trung âm. Bởi vì sao? Vì không nói đạo xứ.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Địa ngục, ta biết có người vào địa ngục, ta cũng biết có thể sa vào địa ngục đạo. Ta cũng biết cho đến chúng sinh đến Niết-bàn. Ta cũng biết Phật không nói. Ta biết trung gian hữu không nói. Ta biết chúng sinh ở trong trạng thái trung gian hữu, không nói con đường có thể đến trung gian hữu.

Các bộ kia thấy trong kinh này Phật không nói, cho nên thấy không có trung âm.

Lại nữa, Phật không ghi nhận sinh xứ. Sinh 5 xứ thì Phật đều ghi nhận. Như Phật ghi nhận Điều-đạt sẽ vào địa ngục, ghi nhận Bà-la-môn Đô-đề sinh vào súc sinh, ghi nhận Cô-la-kha sinh vào ngựa quý, thụ ký Cấp Cô Độc sinh lên cõi trời, thụ ký vua Nương-khư sinh vào loài người v.v..., nhưng không ghi nhận một người sinh trung gian hữu.

Các bộ kia thấy Phật không ghi nhận 5 sinh xứ cho nên các bộ thấy không có trung gian hữu.

Lại nữa Phật nói nghiệp, cho nên nghiệp này thì phải chịu địa ngục, nghiệp này thì phải thụ súc sinh, ngạ quỷ, người, trời 5 nẻo đường. Như vậy 5 nẻo sinh xứ Phật nói là nghiệp, trung gian hữu Phật không nói là nghiệp. Cho nên các bộ kia thấy không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa, Phật nói đây chắc chắn là thật có 5 nẻo đường là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người và trời, mà không nói đây chắc chắn là trung gian hữu. Các bộ kia thấy Phật không nói nhất định có trung gian hữu, nên các bộ kia thấy không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa sinh vô gián nên Phật nói người tạo 5 nghịch tội, chết rồi đi thẳng vào địa ngục vô gián. Nếu có trung gian hữu thì Phật đã không nói thẳng vào địa ngục vô gián. Các bộ kia thấy Phật nói đi thẳng vào địa ngục vô gián cho nên các bộ thấy không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa vì không nhất định cho nên nếu chết mà sinh nơi hữu xứ thì khoảng giữa đó gọi là trung gian hữu, là trung gian hữu ở nơi sinh hữu xứ. Trong khoảng trung gian đó lại phải có trung gian hữu. Cho nên các bộ kia thấy không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa, vì vô dụng nên nói có trung ám. Câu nói này là vô dụng. Bởi vì sao? Trong khoảng trung gian hữu xứ không có thọ mạng dài ngắn, không có bệnh hay không bệnh, nghiệp thụ khổ không thụ khổ cũng không, có ái không có ái sắc thanh hương vị xúc cũng không, trang phục cũng không. Cho nên nếu nói có trung gian hữu thì câu nói này vô dụng.

Lại nữa có đồng pháp sinh, không đồng pháp sinh, cho nên nếu trung gian hữu cùng sinh một pháp thì đó là sinh hữu, chẳng

phải trung gian hữu. Nếu bất đồng pháp sinh thì thành ra tên các nẻo đường riêng khác, như 8 con đường chân chính. Như vậy đồng pháp và bất đồng pháp thành ra có lỗi. Cho nên không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa, vì không nói tướng. Phật nói có tướng của 5 nẻo đường, mà Phật không nói có tướng trung gian.

Các bộ kia thấy không nói tướng trung gian, cho nên cho rằng không có trung gian hữu là như vậy.

Lại nữa tự thân sinh nên Phật nói có chúng sinh. Từ thân đó rơi vào vô gián, thụ sinh trong một niệm. Phật nói thụ sinh trong một niệm, mà không nói trung gian có nơi có thể sinh. Các bộ kia thấy một niệm từ thân ấy rơi vào thụ sinh, cho nên cho là không có trung gian hữu là như vậy. Từ các nhân như vậy, các bộ thấy không có trung gian hữu. Như vậy đây nói thụ 5 ám trung gian hữu xứ là các bộ chấp diệt trung gian hữu.

Hỏi: Nếu để trừ bỏ chỗ chấp, nếu vì nhân thành có trung gian hữu?

Nói rằng: Hãy nghe nói đây. Như các bộ chấp diệt trung gian hữu, nên muốn khiến nhân đó trở lại có trung gian hữu.

Vạn hỏi: Như các bộ nói: Nơi 5 nẻo đường không nói, cho nên không có trung gian hữu?

Đáp: Vì không nói xứ thừa của 5 nẻo đường, cho nên Phật không nói trung gian hữu, chứ không phải không có trung gian hữu. Như từ thành này đi qua thành kia. Không nói phương tiện cần để đi đến nơi kia, không thể vì không nói phương tiện đến nơi kia mà bảo là không có phương tiện. Trung gian hữu cũng như vậy.

Lại nữa, như các bộ nói: Phật không ghi nhận sinh xứ, cho nên không có trung gian hữu.

Vì không trụ xứ nên Phật không ghi nhận trung gian hữu. Nơi đó chúng sinh, mạng căn, khổ vui, pháp phi pháp, thặng xứ liên quan lẫn nhau là Phật có ghi nhận. Cho nên Phật không ghi nhận trung gian hữu.

Lại nữa, như các bộ có nói: Phật nói nghiệp, cho nên không có trung gian hữu. Là người tích tụ các tạo nghiệp phải thụ sinh nơi 6 đường. Sắc giới, Vô sắc giới là nẻo hướng đến. Do nghiệp này thành trung gian hữu, là phương tiện đến thụ sinh. Cho nên Phật không nói nghiệp của trung gian hữu. Phật vì không nói nghiệp của trung gian hữu cho nên không có trung gian hữu là không phải như vậy.

Lại nữa, như các bộ có nói: Phật nói đây nhất định là thật có 5 nẻo đường. Cho nên không có trung gian hữu.

Vì có trường hợp nên nói, có trường hợp không nói. Như Phật bảo Ca-diếp-ba: Người trong nước phần nhiều khuyến thỉnh mà ta không nói. Không thể vì Phật không nói một cách nhất định mà bảo rằng không có pháp có thể nói. Cho nên Phật không nhất định nói trung gian hữu, thì phải biết rằng không thể nói là không có trung gian hữu.

Lại nữa, như các bộ có nói: Vì vô định cho nên không có trung gian hữu. Như Phật có nói có trung gian thiên, không phải là bất định. Như khoảng giữa của Đệ nhất Đệ nhị thiên, Phật nói có trung gian thiên.

Trong trung gian thiên Phật không nói là lại có trung gian thiên. Như vậy phải biết trung gian hữu chẳng phải bất định.

Lại nữa, như các bộ nói: Vô dụng, cho nên không có trung gian hữu.

Vì phải đến kia nên hữu dụng. Trong hữu dụng có trung gian hữu nên đi đến kia thụ sinh. Cho nên trung gian hữu chẳng phải vô dụng.

Lại nữa, như các bộ nói: Vì đồng pháp sinh, vì bất đồng pháp sinh, nên không có trung gian hữu.

Hai xứ sinh nên sinh trung gian hữu xứ đi qua nơi thụ sinh. Hai xứ này là đồng pháp và không đồng pháp.

Sao gọi là đồng pháp?

Vì đồng cảnh giới.

Sao gọi là không đồng pháp?

Vì phương tiện và sinh xứ khác.

Cho nên không thể nói không có trung gian hữu.

Lại nữa, như các bộ nói: Vì không nói tướng, cho nên không có trung gian hữu.

Nơi nhiều luận không nên nói câu này. Nếu Phật nói có trung gian hữu sẽ sinh nhiều luận xứ. Không nên chen vào có trung gian hữu, không có trung gian hữu. Cho nên không thể nói không có trung gian hữu.

Lại nữa, như các bộ có nói: Tự thân sinh, cho nên không có trung gian hữu.

Vì chưa sinh kia, nên thân này phải sinh kia, mà chưa đến thì sinh trung gian hữu thành sinh từ trong chủng loại rơi thụ không xứ trung gian hữu, tự thấy thân mình vi tế linh hoạt không khác gì như ở trên đất, tùy ái chế nên dựa vào mong muốn được thân thể nào, cho nên do câu này không gián đoạn trung gian hữu.

Có trung gian hữu. Bởi vì sao? Vì đoạn gian.

Như Phật bảo Ma-lâu-kha tử: Bấy giờ ông thấy nghe hay biết mà thôi. Bấy giờ ông không ở thế giới kia, không ở thế giới này, không ở khoảng giữa. Đó gọi là hết khổ.

Chúng ta thấy Phật trừ bỏ trung gian xứ. Cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, có trung gian hữu. Như Phật nói Kinh Bạt-sa-da-na: Bấy giờ Phật bảo Bạt-sa-da-na rằng bỏ thân này mà chưa sinh nơi kia, khi ấy ý sinh thân hợp với ái thủ, cho nên ta nói là chúng sinh.

Chúng ta thấy Phật nói Kinh Bạt-sa-da-na, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, có trung gian hữu, vì có trung gian nhập Niết-bàn.

Phật bảo các Tì-kheo: Có 5 loại người được gọi là ngựa long câu. Năm loại người là những người nào?

Người thứ nhất là trung gian nhập Niết-bàn.

Người thứ hai là sinh nhập Niết-bàn.

Người thứ ba là hành nhập Niết-bàn.

Người thứ tư là bất hành nhập Niết-bàn.

Người thứ năm là thượng hành nhập Niết-bàn.

Chúng ta thấy Phật nói trung gian nhập Niết-bàn, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, thân không đến nên thức không có thân không đến nơi kia.

Chúng ta thấy thân không đến nơi kia, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, vì sức thiên nhãn Phật nói: Thiên nhãn của ta thấy chúng sinh đọa lạc sinh, tất cả như vậy. Nếu không có trung gian hữu, Phật không nói thiên nhãn của ta thấy chúng sinh đọa lạc sinh.

Chúng ta thấy Phật nói thiên nhãn thấy chúng sinh đọa lạc sinh, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, như Phật nói nơi Càn-thát-bà. Phật nói khi 3 xứ hợp lại sau độ vào thai.

Những gì là 3 nơi hợp?

Cha mẹ hòa hợp, Càn-thát-bà đến đứng ở trước. Khi 3 việc hợp lại sau mới nhập thai, gọi là 3 nơi hợp. Nếu không có trung gian hữu, Phật đã không nói nơi Càn-thát-bà.

Chúng ta thấy Phật nói nơi Càn-thát-bà, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, vì được tương quan nên Kha-la-la làm gốc, cho đến lão không trung gian sắc được tương quan.

Chúng ta thấy được tương quan cho nên phải có đạo độ xứ, từ tử có thụ trung gian hữu, phải có tương quan mới thành.

Lại nữa, thí dụ cây lúa, từ lúa sinh mầm từ mầm sinh lúa là sắc định pháp. Những gì là lúa? Tiền sinh hữu là lúa. Những gì là mầm? Trung gian hữu là mầm. Lại sinh hữu là lúa.

Chúng ta thấy thí dụ lúa và mầm lúa, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, vì quang minh thế gian. Như A-nan có nói: Tôi nghe Thế Tôn khi làm Bồ-tát, từ trên trời Đâu-suất, nghĩ nhớ trí sáng xuống vào thai mẹ. Bấy giờ tất cả thế giới đều chiếu sáng. Bấy giờ Bồ-tát ở nơi trung gian hữu chiếu sáng soi khắp rồi sau nhập thai.

Chúng ta thấy quang minh thế gian, cho nên có trung gian hữu.

Lại nữa, người sắp thụ sinh thì chuyển biến. Người đó đến gần biên giới của nẻo có thể đến, người đó sắp thụ sinh thì tâm chuyển biến. Không chuyển biến không thụ sinh. Như người từ nước Ban-trù-ma-thâu-la đọa lạc, trở lại từ trung sinh. Bởi vì sao? Vì không thấy nẻo sinh khác nên không chuyển biến. Nếu không có trung gian hữu không thành chuyển biến. Không nên thấy nẻo đi đến là nơi sở

y, nơi đó thấy nẻo đi đến như thiên nhân thấy thần thông dạo đi trong hư không.

Chúng ta thấy người sắp thụ sinh có chuyển biến, cho nên có trung gian hữu.

Nói, như trước có nói đoạn gian nên có trung gian hữu.

Là đoạn 3 sự trói buộc. Khi ấy trong 3 nơi là ở nơi đoạn 3 trói buộc không có đây.

Nói không có đây là nghĩa gì?

Là không chấp trước nội môn không có kia.

Nói không có kia, là nghĩa gì?

Là không chấp trước ngoại môn, không chấp trước trung gian.

Nói không chấp trước trung gian có nghĩa gì?

Là không chấp trước 6 thức, là Phật có nói mà không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói: Vì Kinh Bạt-sa-da-na nói 3 cõi. Phật đã nói 3 cõi.

Nói bỏ thân này, có nghĩa gì?

Là bỏ cõi Dục.

Nói chưa sinh kia, có nghĩa gì?

Là chưa sinh cõi Sắc.

Khi ấy, hữu có nghĩa gì?

Là sinh ý sinh thân cõi Sắc.

Ái, thủ hợ, có nghĩa gì?

Là chấp trước thiên vị ái hợ nhau.

Đó là Phật nói, mà không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói: Vì trung gian nhập Niết-bàn. Hành quá khứ, nếu nói trung gian nhập Niết-bàn tức là thành sinh trung gian hữu. Sợ như vậy hành nhập Niết-bàn là thành sinh cùng với dũng mãnh. Câu này không nên không làm rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói: Vì sức thiên nhãn. Nói nẻo đường vi tế, có những nẻo đường vi tế người khác không thể thấy. Sức thiên nhãn thấy dễ dàng, cho nên nói sức của thiên nhãn, mà không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói: Như nơi Càn-thát-bà. Nói nẻo hướng đến. Người ấy trước tạo các thiện ác nghiệp đạo khi sắp chết tùy theo thiện ác nghiệp đạo hướng người ấy đến. Cho nên Phật nói nơi Càn-thát-bà, mà không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa như trước có nói: Vì được tương quan. Vì sao như ông nói từ cái chết này có sinh trung gian hữu?

Tương quan như ta từ cái chết có thụ sinh, có tương quan, nhưng không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói thí dụ cây lúa.

Nói vì đạo không thắng. Bởi vì sao? Cây lúa mầm lúa là thí dụ đạo thành không thắng. Bởi vì sao? Tính lúa sinh mầm. Đã sinh mầm rồi lại có thể sinh cây lúa. Từ người đọa lạc khởi trung gian hữu không thể sinh người mà thôi. Cho nên thí dụ này đặc biệt khó, không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa như trước có nói: Vì quang minh thế gian. Câu nói này A-nan đã nói: Tôi nghe Thế Tôn khi làm Bồ-tát được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ánh sáng chiếu soi tất cả thế gian. Sợ như vậy là ánh sáng trong khoảng Bồ-tát thành Phật chứ không phải ánh sáng khi thành Phật. Câu nói này không đúng, không nói rõ trung gian hữu.

Lại nữa, như trước có nói: Vì người sắp thụ sinh có chuyển biến. Nói chiêm bao thấy. Như người chiêm bao ở nước Ban-trù-ma-thâu-la thấy Ma-thâu-la lãnh thổ thuộc biên giới phía Bắc. Như vậy là không có trung gian hữu. Người sắp thụ sinh chuyển biến cũng như vậy, không có trung gian hữu.

Vấn hỏi: Nếu không có trung gian hữu thì Phật đã không bảo các Tì-kheo: Như hai nhà có nhiều cửa, chỉ có một cửa lớn có một người đứng bảo vệ cửa này trông chừng người ra vào. Cũng như vậy ta dùng thiên nhãn trông thấy chúng sinh đọa lạc sinh.

Nếu không có trung gian hữu thì mâu thuẫn với kinh nói. Nếu dùng thiên nhãn thấy chúng sinh qua lại, phải không có chúng sinh có thể thấy.

Lại nữa, nếu không có trung gian hữu thì không nên từ người đọa lạc sinh vào các đạo khác. Bởi vì sao? Khi đời sống này diệt là sinh vào xứ khác.

Nếu không có trung gian hữu thì thiên nhãn phải không biết người này tạo thiện ác nghiệp sinh thiện ác đạo, phải không biết Phật trước đã nói: Ta dùng thiên nhãn trông thấy chúng sinh đọa lạc sinh, tất cả như vậy. Cho nên ta thấy từ người đọa lạc vào hữu xứ có thể dựa vào đó thụ sinh. Cho nên ta thấy nhất định có trung gian hữu. Trung gian hữu đã nhất định, ta nay lại nói.

Hỏi: Như trên có nói: Có người bỏ 5 ấm sinh hữu xứ, thụ 5 ấm trung gian hữu xứ, người ấy thế nào?

Đáp: Con người sơ phạm phu chưa chán cõi Dục, 5 ấm đầy đủ, 5 giới thụ Kha-la-la xứ. Kha-la-la xứ kia không có không giới. Nơi kia có 2 cửa là cửa thân và cửa ý. Hóa sinh xứ ở 6 giới 6 cửa. Hóa sinh xứ kia có thể biết là không điếc không mù. Có 9 thiện căn và bất thiện căn. Trong 3 cõi 7 kiến đế phiền não, 7 tư duy phiền não, như vậy 14, 98 sử phiền não. Trong 3 cõi có 5 thứ như vậy.

Đệ nhị phạm phu lia Dục giới sinh trời Vô tướng xứ thụ 2 âm, 5 giới, 5 cửa. Nơi đó không có hợp âm. Dựa vào ý giới môn, nơi đó có chán lia Dục giới.

Đệ tam phạm phu chán lia Sắc giới. Từ Sắc giới hạ sinh Dục giới.

Hỏi: Như từ Vô sắc giới đọa lạc, các nghiệp xưa đã tạo cùng với thiên định hợp Sắc giới xứ sinh Hữu tướng thiên xứ. Bởi vì sao? Không như vậy thì nghiệp trước đã tạo cùng với Vô tướng Tam-ma-đề hợp, từ Vô sắc giới đọa lạc sinh Vô tướng thiên xứ?

Đáp: Vì lẽ đó không có nơi nào có thể nói. Từ Vô sắc giới đọa lạc sinh Vô tướng thiên xứ. Cho nên phải tư duy. Ở nơi Dục giới này hủy tướng sinh Sắc giới Vô tướng thiên. Như vậy riêng có hữu xứ hủy dục, hủy giác, hủy hỷ, hủy lạc. Từ Vô sắc giới đọa lạc sinh Sắc giới Hữu tướng thiên xứ. Như vậy riêng có một hữu xứ hủy tướng. Từ Vô sắc giới đọa lạc sinh Sắc giới Vô tướng thiên xứ.

Như có chỗ nói nên biết có thể nói những người khác sinh thẳng xứ. Như vậy phải biết là không có chỗ nói từ Vô sắc giới đọa lạc sinh Sắc giới Vô tướng thiên.

Vấn hỏi: Tướng của nghiệp hữu tướng Tam-ma-đề xứ khác, tướng của nghiệp vô tướng Tam-ma-đề xứ khác, cho nên tìm thuyết xứ có thể biết Thứ 4 là A-la-hán?

Hỏi: Như vậy người sắp thụ sinh thì chuyển biến cho nên lại không có đạo. Không ai không thụ sinh. Bởi vì sao? Tạo ra thuyết này là dứt 98 sử. Không người thụ sử sinh xứ là như vậy?

Đáp: Ba hữu là sinh hữu, nghiệp hữu và tử hữu. Trong đây sinh hữu có nói: Thứ 5 là hai người, một người 7 chết 7 sinh. Tu-đà-hoàn một người, Tu-đà-hàm một người. Thứ 6, một người trung gian nhập Niết-bàn. Thứ 7, hai người, một người sinh rồi nhập Niết-bàn, một người hành nhập Niết-bàn. Như vậy thứ 8 là bất hành nhập Niết-bàn.

Vô sắc giới đây hiển thị ngoài mặt mà thôi không nói đầy đủ. Như vậy nói nhân xứ, tất cả phạm phu không chấp 13 hạng người có thể làm.

Mười ba hạng người là những hạng người nào?

Thứ nhất là hạng phạm phu chưa chán Dục giới.

Thứ hai là hạng phạm phu chán Dục giới.

Thứ ba là hạng phạm phu chán Sắc giới.

Thứ tư là hạng 7 chết 7 sinh.

Thứ năm là Tu-đà-hàm.

Thứ sáu là Gia gia Tu-đà-hàm.

Thứ bảy là Nhất gian Tu-đà-hàm.

Thứ tám là A-na-hàm thượng sinh chán Dục giới.

Thứ chín là 3 hạng người: hạng đã sinh nhập Niết-bàn, hạng hành nhập Niết-bàn, và hạng bất hành nhập Niết-bàn.

Thứ mười là hạng trung gian nhập Niết-bàn.

Thứ mười một là hạng thượng sinh chán Sắc giới.

Thứ mười hai là hạng sinh hành nhập Niết-bàn.

Thứ mười ba là A-la-hán.

Như vậy thứ nhất kia, hai hạng phạm phu sinh thiện xứ ác xứ.

Thứ hai, hai hạng phạm phu sinh Dục giới, Sắc giới.

Thứ ba, ba hạng phạm phu sinh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Thế Tôn Thanh Văn chưa chán Dục giới có hai hạng sinh 2 xứ cõi người cõi trời. Chán Dục giới có hai hạng sinh Dục giới, Sắc giới. Chán Sắc giới có ba hạng, sinh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Cũng như vậy, A-la-hán có ba hạng, sinh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Phàm phu kia chưa chán 5 ấm xứ của Dục giới, tất cả có đầy đủ 8 thứ 5 ấm giới xứ. Vì sao vậy?

Đáp: Dục giới tất cả trung gian hữu xứ, 5 ấm, 6 giới, 6 môn, cho nên trong tạo tác có nghiệm sinh hữu. Chúng ta nay nói có người xả bỏ 6 giới sinh hữu xứ, thụ 6 giới sinh hữu xứ, rồi lại xử bỏ 6 giới thụ 6 giới sinh hữu xứ là như vậy.

Thứ hai, xả bỏ 5 giới sinh hữu xứ thụ 6 giới sinh hữu xứ.

Thứ ba, xả bỏ 6 giới sinh hữu xứ, thụ 5,6 giới.

Thứ tư, xả bỏ 6, thụ 6, 5.

Thứ năm, xả bỏ 5, thụ 5, 6.

Thứ sáu, xả bỏ 5, thụ 6, 5.

Thứ bảy, xả bỏ 6, thụ 5, 5.

Thứ tám, xả bỏ 5, thụ 5, 5.

Còn thứ nhất kia thì thế nào?

Từ căn thể đầy đủ có đọa lạc.

Từ hóa sinh hữu độ hóa sinh hữu.

Thứ hai, từ Kha-la-la, A-phù-đà, Già-na, nhục đoàn đọa lạc. Từ hóa sinh độ hóa sinh hữu.

Thứ ba, từ căn thể đầy đủ đọa lạc, từ Kha-la-la v.v... độ hóa sinh hữu.

Thứ tư, từ căn thể đầy đủ có đọa lạc, từ hóa sinh hữu độ Kha-la-la.

Thứ năm, từ Kha-la-la v.v... đọa lạc, từ Kha-la-la v.v... độ hóa sinh hữu.

Thứ sáu, từ Kha-la-la v.v... đọa lạc, từ hóa sinh hữu độ Kha-la-la.

Thứ bảy, từ đầy đủ căn thể có đọa lạc, từ Kha-la-la v.v... độ Kha-la-la.

Thứ tám, từ Kha-la-la v.v... đọa lạc, từ Kha-la-la v.v... Kha-la-la.

Như vậy môn xứ có 8 thứ.

Thiện căn xứ có:

Thứ nhất, nhất thiết xứ 9.

Thứ hai, không có người xả bỏ thiện căn sinh hữu xứ thụ 9 sinh hữu xứ .

Lại từ địa ngục, từ đoạn thiện căn có đọa lạc, từ cộng thiện căn có đọa lạc, từ cộng thiện căn có độ, cộng thiện căn hữu. Như vậy thứ năm phải làm 5 thứ, không có thứ bảy thứ tám.

Có các sư nói: Chỉ có người đoạn thiện căn là từ địa ngục trở lại sinh địa ngục. Cho nên 8 thứ có thể làm bất thiện căn xứ.

Sử xứ có một thứ.

Chán 5 âm xứ của Dục giới: Thứ nhất là tất cả 5. Thứ hai là xả bỏ 2 âm, sinh hữu xứ, thụ 5 sinh hữu xứ.

Như đây lại có người từ Vô tưởng thiên có đọa lạc từ Hữu tưởng thiên, có độ Hữu tưởng thiên. Có 5 thứ phải làm như vậy.

Có các sư nói: Như vậy đuổi theo chỗ tạo nghiệp trước, tích tụ cùng thiên định, hợp lại không gián đoạn, sinh Hữu tưởng thiên xứ.

Như vậy đuổi theo nghiệp đã tạo trước, tích tụ vô tưởng định, hợp lại không gián đoạn, sinh Vô tưởng thiên xứ. Cho nên có thể làm 8 thứ là như vậy.

Như vậy giới, môn, xứ cộng với 2 môn 4 thứ.

Thế nào là 4 thứ?

Là xả bỏ 6 nhập, sinh hữu xứ, thụ 62.

Thứ hai, xả 6, thụ 52.

Thứ ba, xả 5, thụ 62.

Thứ tư, xả 5, thụ 52.

Phải biết như trước đã nói. Vì lẽ đó, phạm phu ở trong thai không chán, cho nên có thể làm 4 thứ, cộng thiện căn, cộng bất thiện căn, cộng sử.

Thứ năm, có thể làm 5 thứ.

Không có thứ bảy, thứ tám.

Chán Sắc giới 5 thứ. Như vậy cộng 6 giới 5 thứ, sao lại là 2 thứ cộng 5?

Đáp: Có người xả 1 giới sinh hữu xứ, thụ 15 sinh hữu xứ, xả 6 thụ 15, cộng nhập 7 thứ, cộng 2 nhập 2 thứ.

Như vậy thiện căn xứ, bất thiện căn xứ, sử xứ 11 thứ. Bảy chết 7 sinh 5 ám xứ, tất cả 5. Giới xứ, môn xứ, 5 thứ thiện căn xứ v.v... 1 thứ.

Như vậy Tu-đà-hàm bất thiện căn xứ, tất cả 7.

Sử xứ, tất cả 10 trường gia gia.

Ám xứ, 1 thứ. Giới môn xứ, 8 thứ. Thiện căn xứ v.v... Như Tu-đà-hàm, 1 gian. Ám xứ, 1 thứ. Giới môn xứ, 4 thứ. Thiện căn xứ, 1 thứ. Bất thiện căn xứ, sử xứ. Tu-đà-hàm, 2 thứ. Thượng sinh thiện căn xứ, 1 thứ. Hành thành v.v... 2 thứ. Như vậy chán Sắc giới.

A-la-hán 5 ám xứ, 2 thứ. Giới môn xứ, 3 thứ. Thiện căn xứ, 3 thứ. Bất thiện căn xứ, sử xứ, 4 thứ. Như vậy phải biết có trung gian hữu xứ.

Như vậy hữu xứ ban đầu, hữu xứ thứ hai chưa lìa dục.

Xứ thứ ba lìa dục, hữu xứ ban đầu lìa dục.

Xứ thứ hai, thứ ba lìa dục.

Như vậy cộng 18 giới có 12 môn hữu lậu.

Như vậy âm lần nữa cùng nhân duyên khởi, cho nên nếu muốn trừ âm, diệt âm phải siêng năng tinh tiến như pháp tu hành./.

(Xong phần y thuyết luận)

(TRỌN BỘ 3 QUYỂN HẾT)

SỐ 1650
LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN
QUYÊN THƯỢNG

*Dịch giả khuyết danh
 Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Nhân duyên vua nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên quan Tể tướng Tô-ma ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên Đại thần Nguyệt Ái ngộ Bích-chi-phật

Nhân duyên vua nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật

*Kính lễ Thế Tôn nhất thiết trí,
 Như đèn soi sáng thấu ba đời.
 Kính lễ Pháp giải thoát vô thượng,
 Cùng với ứng chân các Thánh tăng.
 Tôi nghe tịch tĩnh Bích-chi-phật,
 Tu hành nhân duyên được chứng ngộ.
 Tâm không gì vết trừ phiền não,
 Khéo giữ giới cấm thường thanh tịnh.
 Ví như trời thu không mây che,
 Núi rừng tự sống đời đạm bạc.
 Tôi nay ngưỡng vọng công đức ấy,
 Thành tâm kính thuận sinh tin vui.*

*Dẫu cho tâm khởi chút hoài nghi,
 Công đức cảm tôi tin kiên cố.
 Ai nghe chân hạnh bậc thanh sĩ,
 Mà chẳng sinh lòng cung kính ư?
 Tôi nay sẽ giảng Bích-chi-phật,
 Đòi chút công đức và diệu hạnh.
 Từ xưa được nghe từ thầy trước,
 Chỉ nói sự thật không dối giả.
 Voi lớn đi trước voi con theo,
 Cho nên tôi nay xin bày tỏ.*

Hỏi: Vì nhân duyên gì Phật Bích-chi tự giữ tịch mặc hằng nhập tâm xả, ở nơi yên tịnh trong núi rừng hang sâu hay bên sông nước?

Tâm thường vắng lặng ít nói năng. Ví như con tê giác cô đơn đi một mình. Vì sao như vậy?

Lại hỏi: Phật Bích-chi có các công đức gì?

Đáp: Xưa các sư cũng đều hỏi như vậy.

Xưa Phật thuyết pháp nơi cung điện trời thứ 33 sắp về lại Diêm-phù-đề, bảy giờ vua trời Đế Thích sắc sai Tì-thủ-yết-ma làm 3 bậc thang báu cho Phật trở lại Diêm-phù-đề. Ba bậc thang này xuống đến nước Tăng-thi-sa.

Khi Như Lai từ cung trời kia theo bậc thang xuống, các vua trời Thích Phạm cùng quyến thuộc rải hoa cúng dường. Lúc ấy Tì-kheo-ni Liên Hoa thấy Phật xuống liền hóa ra một Chuyển luân thánh vương có đủ oai nghi hình tượng bảy báu và tùy tùng. Mọi người thấy vậy đều sinh nghi, quái lạ việc chưa từng có, đều nói rằng: Có ai có năng lực thần thông hơn Tì-kheo-ni kia chẳng?

Bảy giờ Thế Tôn thấy chúng hội trông thấy ba bậc thang rất kỳ lạ, lại thấy Tì-kheo-ni Liên Hoa thần thông biến hóa sinh lòng

ngưỡng mộ, muốn cho chúng hội tăng trưởng tín tâm, liền bảo chúng hội rằng có Phật Bích-chi thân lực còn hơn Tì-kheo-ni kia.

Vì sao gọi là hơn? Vì khi Phật chưa xuất thế đã xuất hiện vì chúng sinh làm việc lợi ích. Vì ấy thị hiện tướng đói khát cầu xin áo cơm, vì chúng sinh tạo phúc điền, trang nghiêm pháp hạnh, thanh tịnh vắng lặng, điều phục lìa dục, khiến chúng sinh trông thấy hằng dứt ác tâm, lìa bỏ vũ khí, như con tê giác cô đơn đi một mình.

Việc này được nghe từ các sư truyền lại.

Nghe thế nào?

Rằng xưa tôi từng nghe thời Phật Ca-diếp có một người xuất gia trong 10 ngàn năm tu hành thanh tịnh hộ trì chính giới, thường tinh tiến tu hành nhẫn nhục. Vì tu hành như vậy nên rất nhiều Tì-kheo đều đến thân cận. Khi ấy các Tì-kheo đều nói xin hãy dạy tôi. Nhờ được dạy tập, các Tì-kheo này tâm đều vui mừng.

Nhưng vì chúng đông đúc náo nhiệt nên vị Tì-kheo ấy không kiến đế, khi lâm chung nghĩ rằng: Ta thấy pháp 10 lực sâu xa vi diệu khó có thể nghe nhưng ta đã nghe. Chỉ vì phóng dật nên không được đạo quả. Ta tuy giữ giới thanh tịnh, tu hành nhẫn nhục để dạy dỗ mọi người nhưng vì sự đông đúc náo nhiệt xâm nhập, phá hủy định tâm, như sương mù hại lúa, nên khiến ta không được đạo quả.

Rồi nói kệ rằng:

*Ta chìm trong ba cõi,
Trong các phiền não ác.
Như voi già gầy yếu,
Ngập sâu trong vũng bùn.
Như Phật Bích-chi kia,
Một mình ở trong rừng.
Như tê giác một sừng,*

*Xa lia các đám đông,
 Như tránh lửa cháy dữ,
 Phải một mình tu hành.
 Xa lia chốn ồn ào,
 Tôi nguyện thường lia xa,
 Nơi đông đảo náo nhiệt.*

Phát nguyện xong mạng chung sinh lên cõi trời hưởng lạc, phúc báo hết mạng chung sinh vào nước Ca-thi đầu thai vào Đệ nhất phu nhân của vua Phạm-ma-đạt thành Ba-la-nại. Khi nhập thai, thân thể phu nhân cảm như ao nước trong trẻo có nhiều hoa đẹp. Phu nhân biết mình có thai, dùng kệ bạch vua rằng:

*Tôi biết mình có thai,
 Vui mừng đội ơn vua.
 Tôi nay vì con ta,
 Xin tha người có tội.
 Vua nghe xong vui mừng,
 Liền tha hết thiên hạ.
 Rồi lại tâu vua rằng:
 Cần phải rộng bố thí.
 Vua nghe thêm hoan hỷ,
 Hạ lệnh mở kho tàng.
 Phát chẩn người nghèo khổ,
 Ai cũng được đầy đủ.*

Phu nhân sinh hạ một Thái tử khôi ngô đoan chính tròn sáng như mặt trăng. Mới lên 8 đã thông minh nhân từ. Phụ vương băng, người trong nước thương yêu như trăng rằm.

Bấy giờ có quan Tể tướng tên là Ngôn Thuyết. Tể tướng Ngôn Thuyết liền lập Thái tử nối ngôi vua.

Vua tuy ấu thơ nhưng vốn thệ nguyện không làm điều ác, thể tính hiền thiện, có lòng thương sâu sắc đối với chúng sinh. Tuy ở trong cung vua mà chí cầu sự vắng lặng. Tuy ở nơi hào hoa mà như ở nơi gò nông. Tuy ở chốn náo nhiệt mà tu hành thiền định, chán sinh tử, suy xét lỗi lầm, lấy đạo tu tâm, phớt bỏ việc triều chính.

Các đại thần can rằng: Ngày nay Đại vương chuyên tu hành đạo hạnh không màng việc nước. Nếu như vậy bọn ác sẽ nổi lên làm hại phong hóa của đất nước. Ví như đi biển nếu không có thuyền trưởng ắt sẽ gặp nạn.

Rồi nói kệ rằng:

*Vua nói tiếp tiên đế,
Mở đất như luật pháp.
Ban bố khắp muôn dân,
Xin vua chớ bỏ nước.
Trị nước theo chính pháp,
Hay tốt không lỗi lầm.
Vua thiên hạ nên biết,
Giữ nước phúc hơn hết.*

Vua nghe mấy lời, trầm ngâm suy nghĩ dùng kệ đáp:

*Nếu ta không vì nước,
Nước ta ắt sẽ bại.
Nếu ta biết giữ nước,
Kẻ xấu không dám vào.
Nếu chuyên tâm trị nước,
Triều chính bản tâm ta.
Nếu có kẻ phạm tội,
Ắt phải có gia hình.
Hoặc trói cột giam nhốt,
Nào cắt đứt tay chân.*

*Có kẻ bị tội chết,
Kẻ thì bị móc mắt.
Nay đời ác ô trước,
Ắt hình phạt phải dùng.
Mà nếu dùng hình phạt,
Khác nào Chiên-đà-la.*

Vua liền bảo vị Đại thần thân cận: Ngươi hãy nghe đây. Ta ăn chẳng qua là một món. Ta mặc chẳng hơn một xấp vải. Chỗ ta nằm chẳng qua đủ dung một thân này. Xem đó cần gì phải cầu nhiều mà không biết chán? Ngôi vua sở dĩ cao quý là giáo lệnh ắt thi hành, không gì không nghiêm túc. Chỉ có một điều này là khác với thứ dân mà thôi.

Rồi bảo quan Tể tướng: Điều quan trọng nhất của người làm vua chỉ có một việc này. Nay ta giao phó cho ngươi. Ngươi phải lo sợ cho hậu thế, dùng chính pháp trị nước. Thuế khóa hãy y như cũ chớ trái với giới hạn bình thường.

Rồi nói kệ rằng:

*Ta tuy sinh vương cung,
Vàng nói nghiệp tiên tổ.
Mà ta chưa tập học,
Việc hình phạt tù tội.
Ta nay vì e sợ,
Không thể tạo nghiệp này.
Ngươi đừng bắt chước ta,
Chỉ nên nuôi dưỡng dân.
Người đời đều ngu si,
Tự mình tạo tội lỗi.
Ở trong chỗ phạm tội,
Lại thêm sinh sợ hãi.*

*Người phải dùng chính pháp,
Phủ dục cho khỏi sợ.
Phải y theo chính pháp,
Giáo hóa khắp muôn dân.*

Vua nói kệ xong đem nước giao phó cho đại thần này. Đại thần này khi được nước rồi, trong khoảng hai năm phóng túng vô độ không thương nhân dân, càng lúc càng lún sâu vào phi pháp. Được ngôi vị cao sang liền sinh kiêu xa phóng dật, làm việc phi pháp như nước lũ tràn sông gây nhiều tổn hại. Trong thành bao nhiêu nhà giàu đều dùng thuế khóa đoạt lấy hết.

Người trong thành đều can gián nói chớ nên làm như vậy. Nghe lời nói ngay thẳng kia lại càng thêm giận dữ cau mày nhăn mặt mà rằng: Sao các người dám phát ngôn như vậy? Mọi người sợ sệt không dám đáp.

Vì vậy việc làm vô đạo của đại thần này ngày càng thêm nhiều như lửa gặp củi khô càng thêm cháy dữ. Hoang dâm bạo loạn bội nghịch không từ, ngay cả người vợ yêu quý của vua cũng cướp làm vợ mình. Vương phu thấy vậy buồn rầu khóc lóc đem sự tình đến tâu với vua, căm giận run môi nói không nên lời như trẻ con bập bẹ.

Vua nghe rồi liền triệu đại thần ấy đến mà bảo rằng: Hậu phi của ta mà ngươi còn dám lén lút làm việc phi pháp hưởng chi là muôn dân. Vua liền dạy bảo từ nay về sau không được làm như vậy.

Viên Tể tướng kia thấy vua và nhân dân chán ghét liền bỏ nước chạy sang nước khác, đem vua và binh lính nước ấy trở về nước mình toan đánh chiếm. Bấy giờ các cựu Tể tướng đại thần đem binh chống lại bắt sống đem về. Các cựu Tể tướng đại thần lại tâu lên vua rằng người ấy xâm phạm vua rồi giải đến trước vua. Thấy tên ấy biến sắc sợ hãi, vua nói: Quái lạ thay việc sinh tử!

Rồi nói kệ rằng:

*Ngu si che lấp tâm,
 Chẳng biết sau khổ lớn.
 Chỉ vì chút vui nhỏ,
 Nay chịu xấu hổ này.
 Ví như thức ăn ngon,
 Sắc hương đều đầy đủ.
 Trong đó lẫn thuốc độc,
 Người ngu không quan sát,
 Tham ăn nên lấy ăn,
 Ăn rồi mà thành hại.*

Vua bảo các đại thần: Tội của tên kia tuy rất nặng nhưng ý ta không muốn hại.

Rồi lại nói kệ rằng:

*Tất cả đều tham sống,
 Nên thả tên tội kia.
 Không thấy hại mạng người,
 Mà mình được an lạc.
 Người phạm tội sâu nặng,
 Nên ban cho từ tâm.
 Kia tự chiêu tội hại,
 Nên sinh lòng thương xót.
 Nếu như hại mạng người,
 Tức tự hủy ái pháp.*

Các cựu đại thần liền tâu vua rằng: Chúng thần nay tuy trái lệnh vua nhưng không thể dung túng mà tha mạng, liền rút kiếm chém trước mặt vua.

Vua thấy giết rồi liền sinh chán ghét, thấy cảnh trước mặt mà liền thấy được tâm tu nhẫn nhục từ quá khứ. Ngay khi ấy chứng

ngộ Bích-chi-phật đạo, như hoa Ưu-đàm-bát nở rộ, thân vọt lên hư không, tất cả thân dân chấp tay chiêm ngưỡng.

Bích-chi-phật chán sinh tử chứng đạo như vậy. Tôi nay được qua báo trì giới, liền nói kệ rằng:

*Ta tuy mặc anh lạc,
 Tâm tu hạnh thanh tịnh.
 Giữ mình giữ các căn,
 Sống đạm bạc vắng lặng.
 Trong tất cả mọi người,
 Không dùng đến đao gậy.
 Tu hạnh cô độc như
 Tê giác đi một mình.*

Nói xong kệ, tóc râu tự nhiên rụng hết, bấy giờ trời Tinh Cư dâng áo Ca-sa, rồi bay lên không trung đến núi Tuyết Sơn. Bấy giờ trong núi có một vị Bích-chi-Phật hỏi: Người đang ở ngôi vua, chán điều gì mà ngộ được dấu đạo này? Liền dùng bài kệ trên mà đáp.

Vì vậy Như Lai vì kẻ không thể tu hạnh nhẫn nhục nên nói nhân duyên nhẫn nhục, vì kẻ ham ở nơi ồn ào náo nhiệt nên nói nhân duyên không thân cận, vì muốn hiểu rõ công đức Phật Bích-chi nên nói nhân duyên Phật Bích-chi.

Phật ở nơi Thiện Pháp Đường, vì chư thiên nói Bích-chi-phật nhân duyên. Phật ở nơi trời thứ 33, khiến chư thiên sinh nhàm chán nên nói việc này. Phật Bích-chi Bà-tứ-tra ở Tì-xá-li nói xả thân nhập Niết-bàn nay hãy còn thắp tên là Ưu-đà-da.

Nhân duyên Tể tướng Tô-ma ngộ Bích-chi-phật

*Kiên trì giới cấm không hủy phạm,
 Những người có trí được giải thoát.*

*Không theo ai học, không quấy người,
Đi một mình như con tê giác.*

Tùng theo các sư nghe nói như vậy:

Thời Phật Ca-diếp có một Tì-kheo tu hành Phạm hạnh trong 10 ngàn năm, tọa thiền được nhẫn, tu trì cấm giới, xa chốn đông người, đầy đủ hạnh Đầu-đà, mạng chung sinh lên cõi trời, hưởng 5 dục lạc, thọ mạng hết đầu thai nơi Đề-bà, phu nhân một Tể tướng ở thành Bà-xí-đa.

Bấy giờ phu nhân nói kệ thừa chồng rằng:

*Nay thiếp có thai,
Lòng rất vui mừng.
Ất người có phúc,
Đến làm con ta.*

Vì vậy tôi đối với tất cả thường có lòng thương. Lại nữa tôi nay dứt tâm phóng túng, không còn tham dục. Ví như ngọn núi lớn Ma-lê ở giữa biển có thể chắn sóng. Nay tôi dứt dục cũng như vậy. Tôi nay sợ nói dối, thường suy nghĩ nói thật. Lại như người thiện có công đức lo sợ thiếu sót. Nay tôi cẩn thận cũng sợ như vậy. Tôi nay thấy rượu như thấy thuốc độc. Thấy của cải của người khác sợ như thấy đồng lửa. Như vậy nay xa lìa các ác đều là do phúc đức của đứa con trong thai. Lấy sự trừ bỏ dâm dục làm vui.

Bấy giờ quan Tể tướng liền bảo vợ rằng: Nay theo ý nàng tu hành 5 giới. Phu nhân liền tu hành các việc thiện mãn 10 tháng sinh con đặt tên là Tô-ma. Tô-ma dần dần lớn khôn, tất cả kinh luận, 64 nghề không thứ nào không thông suốt, tướng mạo đoan chính khôi ngô như trăng rằm tròn sáng, khiến cha mẹ rất mãn nguyện.

Tô-ma đến tuổi tráng niên, quan Tể tướng xin vua rằng: Thần nay tuổi đã già, xin cho phép thần vì đời sau tu phúc.

Vua đáp: Ta không cản trở việc tu phúc của nhà ngươi. Ngươi có người con là Tô-ma hãy cung cấp cho ta thay ngươi thì ta cho ngươi tu thiện.

Quan Tể tướng vui mừng. Vua dùng Tô-ma làm Tể tướng ban cấp tước lộc hơn cả cha. Mọi người yêu kính đồng với đại thần Ngưu Vương thời vãng cổ. Lại làm cho tất cả người nữ yêu kính.

Vương phu nhân thâm yêu Tô-ma nói với Tô-ma rằng: Ngươi nay nếu đáp lại ý ta, ta có thể khiến cả nước và nhà vua đều tùy theo ngươi và khiến ngươi không bị tiếng xấu, có ban giáo lệnh không khác gì vua.

Bấy giờ Tô-ma ý chí kiên cố không khiếp nhược, dùng kệ đáp rằng:

*Xin nghe tôi nói,
Chớ nên trách móc.
Tôi nghe lời này,
Như thấm vào đất.
Ví như ngựa gầy,
Trong lúc túng quẫn,
Cỡi ra chiến trận,
Không thể tiến tới.
Tôi thấy phụ nữ,
Tình không nhiễm đấm,
Tâm ý không mở,
Như hoa sen đêm.
Với người đáng kính,
Xem như mẹ mình.
Huống chi phu nhân,
Người tôi tôn kính.
Tâm tôi kiên trì,*

Kính người tôn quý.
 Phận tôi thân tử,
 Không nên làm nghịch.
 Tình dục với tôi,
 Nếu khi phát động,
 Thấy phụ nữ khác,
 Tự nhiên dừng lại.
 Nếu kia nước lũ,
 Cuồn cuộn sóng dồi.
 Tôi nước mùa thu
 Tự nhiên trong sạch.
 Bấy giờ phu nhân
 Lòng tự nghĩ rằng:
 Kia cự tuyệt ta
 Ý muốn gần gũi,
 Ta ắt bị kia
 Sinh lòng phi báng.
 Liền tâu vua rằng:
 Tể tướng Tô-ma,
 Có ý bất chính,
 Muốn làm nhục thiếp.

Bấy giờ lòng vua nghi hoặc chưa xét đúng sai, khi ấy Tô-ma qua đến vườn hoa thấy có hai con bò đang cày, ách mang trên cổ rất khổ nhọc mà tâm sinh nhàm chán.

Vua mê hoặc vì lời sàm tấu của phu nhân liền sai sứ sang giết Tô-ma.

Tô-ma như con ngựa bị tên bắn thấu xương, tự nghĩ: Con người lúc giàu sang, những vẻ yêu thương đều hiện ra trước như thức ăn có lẫn chất độc mà hương vị ngọt ngào. Ai ăn vào ắt thân bại hoại. Như

người tham lam 5 dục lạc mà mỹ vị có bao nhiêu. Ví như nhà vàng bị lửa cháy. Người tham sắc sẽ bị hại. Khi mạng sắp chết tâm ý rối loạn.

Rồi tự an ủi nghĩ rằng: Ta giữ cấm giới như người nghèo được đất chở che cần phải bảo vệ.

Đoạn nói kệ rằng:

*Đường gặp ghềnh hiểm trở,
Ta đã được vượt qua.
Ta gặp việc nguy cấp,
Hộ giới quyết không bỏ.
Như sóng triều biển lớn,
Đúng kỳ lại xuống lên.
Tôi nay giữ gìn giới,
Cũng giữ đúng như vậy.*

Nói kệ xong, chư thiên cùng thiện thần thấy Tể tướng thế nguyện như vậy đều sinh hoan hỷ. Lúc ấy các ác quỷ tìm dựa vào phu nhân, phu nhân bị quỷ dựa phát cuồng liền trước mặt vua nói kệ rằng:

*Tôi nay tự hủy hoại,
Thân tôi phải chịu chết.
Kia là người thuần thiện,
Không nên làm hại nữa.
Tôi đàn độn ngu si,
Miệng thổi núi Tu-di.
Làm sao lay chuyển núi.
Kia là người tịnh hạnh,
Mà tôi lại chê bai.*

Khi ấy quan Tể tướng ở trong vườn hoa suy nghĩ chán ghét, chứng đắc Bích-chi-phật bay vọt lên hư không râu tóc tự nhiên rụng. Trời Tịnh Cư dâng áo Ca-sa.

Bấy giờ mọi người đều khuyên thỉnh rằng: Xin chớ bỏ chúng tôi mà lên trời!

Phật Bích-chi nói bài kệ như trên trả lời mọi người rồi bay đến núi Tuyết Sơn yết kiến các Phật Bích-chi. Sự việc cũng đầy đủ như đã nói trên.

Nhân duyên Đại thần Nguyệt Ái ngộ Bích-chi-phật

*Hải triều không quá hạn,
Ly ngưu chết giữ đuôi.
Nhu tính trắng là lạnh,
Không thể biến thành nóng.
Người điều phục các căn
Giữ giới cũng như vậy.
Cô độc đi một mình,
Nhu tê giác không hai.
Ngày xưa các đại sư,
Lần lữa truyền nhau kể.
Ta nghe từ thầy trước,
Nay muốn nói rõ đây.*

Thuở quá khứ có một Phật Bích-chi tên Nguyệt Ái nơi Phật Bà-già-bà Ca-diếp trồng các căn lành khéo tu giới hạnh, hằng dùng trí tuệ quán sát các âm thấy đều vô thường.

Ở nơi đức Phật kia, cuối cùng không chứng đắc đạo quả Samôn, mạng chung sinh lên trời, nhờ sức căn lành đời trước hưởng thụ khoái lạc cõi trời.

Thọ mạng cõi trời hết, trở lại sinh làm người trong nhà một đại trưởng giả ở nước Chiêm-ba. Lúc mới sinh đã nghiêm nghị hòa nhã, hằng theo giới cấm mà tự tu thân, xem các hạnh lành còn hơn những người già lão. Cũng không khinh bạc nóng nảy, không giận

ghét. Có bao nhiêu của cải đem chu cấp người nghèo, tùy gia phong kiệm, cùng chung phận với mọi người, dùng giới hạnh trang nghiêm tự thân. Thân phụ mất, thuận theo pháp chăm lo việc nhà. Nhân dân trong thành thấy sự trung thành cẩn thận, hết sức tin kính coi như bậc sư trưởng của mình.

Đến tuổi tráng niên dung mạo đoan chính, các phụ nữ trẻ trông thấy ai cũng say đắm. Do sự trung thật nên các khách buôn đều đến nương nhờ.

Bấy giờ có các khách buôn phương Bắc cỡi nhiều ngựa tốt đến nước Chiêm-bà. Vua nước Chiêm-bà thu hết số ngựa đó. Vua là người bạo ngược không theo chính pháp. Vua tự suy nghĩ làm sao thu được nhiều ngựa kia. Làm sao được ngựa mà không phải trả tiền.

Vua liền họp bàn với các nịnh thần. Nịnh thần tâu vua: Nếu phải trả tiền thì tiền trong kho sẽ cạn kiệt.

Vua đáp: Nay ta không trả tiền thì tiếng xấu sẽ lan khắp thiên hạ. Dân trong nước sẽ chán ghét ta và còn tuyệt dứt đường buôn bán với bốn phương.

Nịnh thần lại nói: Như kế của vua thì không phải mất tiền mà được ngựa, lại có thể khiến vua tiếng xấu không ra ngoài, dân trong nước không chán ghét. Nay trong nước vua có đại thần Nguyệt Ái là người mà mọi người đều gần gũi tin tưởng. Nay gọi ông ta tới, vua chỉ nói: Ta sai Nguyệt Ái mang tiền đến giao người.

Bấy giờ khách buôn có một vạn con ngựa. mỗi con trị giá một vạn đồng tiền. Nếu vua chỉ nói đại thần Nguyệt Ái giao số tiền ấy, người trong nước ắt sinh nghi ngờ, hoặc nghi vua hoặc nghi Nguyệt Ái. Vua sẽ không bị lộ tiếng xấu, cũng không bị muôn dân chán ghét.

Các khách buôn đến tâu vua: Xin trả tiền ngựa. Chúng tôi sắp về nhà.

Vua liền đáp: Ta trước đã không sai Nguyệt Ái trả tiền cho các người đó sao? Đâu có thể đòi tiền hai lần!

Các khách buôn đáp: Nguyệt Ái này từ trước đến nay không có trả tiền ngựa cho chúng tôi. Ông ta là người trung tín thà chết chứ không nói dối là đã lãnh tiền trả cho chúng tôi.

Rồi nói kệ rằng:

*Dầu mặt trăng mưa lửa,
Mặt trời mưa nước lạnh,
Ép cát mà thành dầu,
Khuấy nước mà thành bơ,
Trong lửa hoa sen nở,
Muốn bảo Nguyệt Ái kia,
Thốt nên lời vọng ngữ,
Hoàn toàn không thể được.*

Các khách buôn lại tâu vua: Là trời trong loài người, nếu bảo Nguyệt Ái xác nhận đúng như lời vua sắc thì tôi hoàn toàn không hận.

Vua tức thì triệu Nguyệt Ái đến mà bảo rằng: Người trước đã ở trước mặt ta, ta trao tiền cho người để trả cho khách buôn đó phải không? Vua nháy mắt ngầm ra hiệu rằng người không nói dối theo ta, ta nhất định giết người.

Nguyệt Ái suy nghĩ: Ta nay nói thật hay nói theo lời vua. Rồi lại suy nghĩ lấy pháp thân là hơn hay coi thân này là hơn. Cuối cùng quyết định thà bỏ thân này chứ không bỏ giới pháp thân.

Bèn nói kệ rằng:

*Tôi nay tự suy nghĩ,
Đối với hai thân này,
Thì nên bỏ thân nào?
Rồi lại quán sát kỹ*

Thà bỏ thân xấu nợ,
 Quyết không bỏ giới luật.
 Nếu xả bỏ pháp thân,
 Tên xấu sẽ lan khắp.
 Nếu ở trong chúng thiện,
 Sẽ được chúng đùm đỡ.
 Nếu tôi làm điều ác
 Tôi tự không được vui.
 Tâm sinh lửa hồi hận.
 Xả bỏ thân nợ rồi
 Sẽ sinh vào địa ngục.
 Tự hủy hoại cấm giới,
 Chắc không được an vui.
 Chỉ vì một thân vui,
 Tổn mất vô lượng thân.
 Nếu giữ gìn giới hạnh
 Vô lượng thân an vui.
 Cho nên tôi cần phải
 Bảo vệ cho pháp thân
 Không để bị hủy hoại.
 Vì lợi ích chính pháp
 Phải tuyệt dứt vọng ngữ.

Đại thần Nguyệt Ái tâu vua: Xin vua khai ân chớ giận tôi. Tôi thật không nhớ vua có đưa tiền trả cho họ.

Vua cả giận vỗ kiếm nói: Sao không thấy?

Đại thần Nguyệt Ái định tâm nghĩ rằng:

Thà bị ghép tội chết,
 Chứ không sống ngu si.
 Tất cả đã có sinh,
 Không ai là không chết.

*Ta nay nếu chịu chết
Là vì pháp mất mạng,
Chắc chắn sinh lên trời,
Nào có chi sợ hãi.*

Rồi đáp lại vua rằng: Giả như nay vua cắt xẻo bằm vằm thân tôi nát như hạt mè, tôi cũng không thể bỏ giới cấm đã thụ. Nay tôi ở trong đạo Tiên Thánh, nếu dùng lưỡi này nói lời vọng ngữ, đó là điều tôi không nên làm.

Nay nếu tôi vì vua cố nói vọng ngữ, sau đọa địa ngục thì biết nhờ cậy vào đâu?

Vua xấu hổ càng thêm giận dữ trợn mắt như nãy lửa nhìn. Bấy giờ Nguyệt Ái tâm sinh hoan hỷ, giờ đây chính là lúc ta sinh định ý, giờ đây chính là lúc ta vâng giữ Phật pháp, đâu cần đi xứ nào để cầu nghe pháp. Hôm nay đây chính là vì ta nói pháp. Hôm nay ta vì pháp đến xả bỏ thân mạng. Nay vua chính thật là người thân hữu lớn của ta. Niệm pháp như vậy liền khai ngộ chứng đắc Bích-chi Phật, thân vọt lên hư không, làm cho những kẻ phá giới thấy vậy đều sinh hổ thẹn, làm cho người tu thiện tăng thêm tín tâm, làm cho lời nói ngay thật hiện thấy kết quả. Từ trên hư không râu tóc tự rụng, trời Tịnh Cư dâng cúng pháp phục, bay sang núi Hương Sơn cùng họp với các Phật Bích-chi nói bài kệ như trên.

(QUYỂN THƯỢNG HẾT)

LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN

QUYỀN HẠ

Nhân duyên đại trưởng giả thành Vương Xá ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên vua Nguyệt Xuất nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên Đại đế nước Câu-xá-di ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên vua nước Câu-xá-di ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên vua Thân Quân nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật
 Nhân duyên con út vua Chuyển luân thánh vương ngộ Bích-chi-phật

Nhân duyên đại trưởng giả thành Vương Xá ngộ Bích-chi-phật

*Ví như trong rừng rậm,
 Muốn kéo một cây ra,
 Nhánh nhóc gây cản trở,
 Kéo ra biết làm sao?
 Tại gia như rừng rậm,
 Công việc như nhánh nhóc.
 Tuy muốn cầu xuất gia,
 Trói buộc mãi không nhân.
 Vắng vẻ nơi rừng núi,
 Quán cảnh mà tu tâm.*

*Giải thoát các ràng buộc,
Lìa các duyên thân ái.
Tu hành hạnh cô độc,
Như tê giác không hai.
Các sư trước truyền nhau,
Tôi được nghe như vậy.*

Xưa có một vị Phật Bích-chi, thưở quá khứ hằng tu tập các việc thiện nơi 5 vị Phật, là một Ưu-bà-tắc siêng năng ham thích việc nhà, tuy gặp chư Phật mà không xin xuất gia nhưng chuyên tâm giữ giới tại gia không khuyết phạm.

Căn lành dần tăng, xuất gia học đạo nơi Phật Ca-diếp, thích tu hạnh Đầu-đà, 6 thứ đầy đủ, chán ghét 5 dục, khi chết sinh lên thiên cung, thọ mạng cõi trời hết sinh vào nhà một đại trưởng giả ở thành Vương Xá.

Nhà vị trưởng giả này giàu có của cải vô lượng kho lẫm đầy ắp. Dần dần lớn thành một tráng niên, sau khi cha chết phóng túng chơi bời như con Tì-sa-môn Na-la-cứu-phục-la. Tại nhà thích làm nhiều việc, nuôi nam nữ mỗi 30 người, kho lẫm người làm số rất nhiều. Chuyện nam nữ cưới gả cũng nhiều. Chỉ lo việc kinh doanh trước mắt mà quên pháp tu hành, bị công việc ràng buộc không bỏ được việc nhà. Nghe người làm nói có người bà con chết, ai đó đã gặp tang gia rồi lại thất nghiệp, nghe nhiều tin về chết chóc như vậy lòng buồn áo não tựa như trăm mũi tên đồng thời bắn vào tim. Cũng nghe những lời hoa mỹ tốt lành đáng yêu. Như có người khách buôn được nhiều châu báu yên ổn trở về, như con ai đó sinh con trai. Lại nghe con gái mình sinh con phúc lại sinh vui mừng. Nghe bao nhiêu điều suy, lợi, lẫn lộn buồn vui như làm trò xiếc quay tròn cái bánh xe.

Một hôm cùng một bạn thân đi vào trong vườn, vừa đi vừa ngắm cảnh đến một khu rừng thấy có người hạ một cây to, nhánh

nhóc cành lá um tùm, khiến nhiều con voi kéo không ra. Chặt một cây nhỏ không có nhánh nhóc, chỉ một người kéo không gì trở ngại, liền kéo ra khỏi rừng.

Thấy việc ấy rồi liền tự suy nghĩ mà nói rằng: Ta nay thấy được nhân duyên.

Rồi nói kệ rằng:

*Ta thấy chặt cây lớn,
Nhánh lá rất rậm rạp.
Rừng rậm vướng mắc nhau,
Không sao kéo ra được.
Ở đời cũng như vậy,
Gái trai các quyến thuộc,
Yêu ghét trói buộc tâm,
Trong rừng rậm sinh tử,
Không thể giải thoát được.
Cây nhỏ không nhánh nhóc,
Rừng rậm cũng chẳng ngại.
Xem đó giác ngộ ta
Tuyệt dứt dây thân ái,
Trong rừng rậm sinh tử
Tự nhiên được giải thoát.*

Liền đó được Bích-chi-phật đạo.

Lúc đó người bạn thân bảo: Mặt trời đã về chiều ta cùng về nhà.

Đáp người bạn thân rằng: Anh tự về nhà đi! Tôi nay đã đoạn tuyệt không còn nhà nữa.

Người bạn thân hỏi: Vì sao đoạn tuyệt?

Đáp: Tôi xưa vì ái nên tham đắm nhà cửa. Nay tôi đã đoạn tuyệt nghiệp ái như thế này: Người đời ái trước vợ con quyến thuộc, con

cháu nhỏ thương yêu kiêu căng phóng túng khi thấy cha thì cười giỡn chạy nhảy, quyến luyến việc này nên sinh ái trước. Tôi đối với vợ con quyến thuộc đã vĩnh viễn dứt ái tâm này. Tôi vốn khi ở nhà chăm lo việc nhà, khi ra khi vào, hoặc nói người kia hoặc nói người này, hoặc nói nên làm hoặc nói không nên làm. Những việc như thế nay tôi đã chấm dứt, đã bỏ dục lạc được vui giải thoát, chặt gốc cây ái, đóng cửa các nẻo, diệt trừ ám chướng lớn. Tôi đối với con nhỏ chẳng khác tựa oan gia. Nay tôi như vậy làm sao trở về nhà?

Bấy giờ người bạn thân liền về nhà báo với mọi người. Mọi người nghe tin không trở về nhà nữa liền đi đến xem. Khi quyến thuộc đến thấy người cha mặc pháp phục Sa-môn bay lên hư không.

Người nhà thưa: Nay vì sao chán ghét gia đình mà ở trong hư không?

Liên nói bài kệ trên trả lời mọi người. Nói kệ xong bay đến núi Tuyết Sơn hội cùng các Phật Bích-chi rồi về đến trong vườn mà đắc đạo, xả thân Niết-bàn.

Bấy giờ bà con quyến thuộc lập tháp phụng thờ. Người thời bấy giờ nhân đó gọi tên là ngôi tháp của người đông con.

Tất cả những người có trí tuệ, thiện căn thành thực có thể do một nhân duyên ít ỏi mà được khai ngộ.

Nhân duyên vua Nguyệt Xuất nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật

*Vợ, con, bạn, tiền của,
Là họa hoạn sinh tử.
Ở rừng vắng giải thoát,
Như tê giác một sừng.
Được nghe từ Phật nói,
Rồi truyền đến thầy ta.*

*Ta lại nghe từ thầy,
Nay ta sẽ diễn nói.*

Xưa có vị Phật Bích-chi ở nơi Phật Ca-diếp tu hành Phạm hạnh một vạn hai ngàn năm, hằng tu nhẫn nhục, từ bi thương chúng sinh cho đến chưa từng phạm giới luật, chết sinh lên cõi trời, thọ mạng cõi trời hết hạ sinh nhân gian làm con quốc vương nước Ba-la-nại. Sinh vào lúc mặt trăng mọc, nhân đó được đặt tên là Nguyệt Xuất. Rồi lớn lên lập làm Thái tử, vua cha mất nối ngôi vua. Nhờ sức căn lành đời trước làm vua trị nước bằng chính pháp, sai con quan Tể tướng cai quản nước nhỏ và gả con gái cho.

Con viên Tể tướng này là người có sức mạnh tuyệt luân có nhiều họ hàng, ý mình và kiêu căng quá độ. Con của vua với con của Tể tướng là chị em chồng, lại thân thiết nhau. Nhân chỗ riêng tư thanh vắng, ngầm dùng kế gièm pha nói với người con vua rằng: Chú của người rất nhiều bà con họ hàng, mà người đòi phần nhiều nghe lời vợ. Một mai phụ vương của người nghiêng đổ, các mẹ của người hoặc sinh lòng gièm pha muốn đoạt cho con mình, xem ra ngôi vị của cha người chắc không đến người. Chi bằng vua chưa biết nên sớm lo liệu. Ngôi vua là tôn quý nhất trong thiên hạ, là nơi hạnh phúc sung sướng khác gì trời. Người trên đời không ai không tin phục. Nếu làm quốc chủ dùng pháp trị nước, khi mạng chung ắt được sinh lên trời. Ví như miếng thịt ngon ai thấy cũng thèm, ngôi vua cũng vậy không ai không tham.

Rồi nói kệ rằng:

*Ví như nước chưa đến,
Nên phải lo làm cầu.
Nếu nước lũ ào đến,
Không thể không có đước.
Ngôi vua cũng như vậy,
Cho nên phải tính trước.*

*Nắm chắc trong tay người,
Sao người lại ngồi yên?
Anh em ganh ghét nhau,
Sau cầu thật không dễ.
Vương tử suy nghĩ nói:
Như các thân hữu này
Toan muốn hãm hại ta
Như tro phủ trên lửa,
Hiện tại đã không vui
Đời sau gặp khổ lớn.*

Người con vua đem đầu đuôi sự việc đến tâu phụ vương. Vua nghe người con nói cau mày nhăn mặt mắt như đồng đỏ. Ngay khi ấy vua sắc sứ giả chớ nên tiết lộ cấp tốc truy bắt tướng ấy đến.

Lúc đó người con vua nghe con vị Tể tướng đến liền ra nghinh đón, gặp nhau rồi thì liền lâm bệnh.

Sứ giả về tâu vua Vương tử bệnh nặng gầy ốm lắm. Vua nghe liền đến thăm thấy con bệnh nặng mạng sống rất nguy khốn, tứ đại đau khổ. Thấy vậy rồi tự tư duy: Ngôi vua này thật là đại ác. Nhưng cha tên Tể tướng kia ngầm dạy con ta bội nghịch luân thường của đạo trời, muốn hành xử không theo pháp tắc, mà ngôi vua của ta không phải hẳn có thể được. Nay con ta bệnh sắp mất mạng. Tất cả người đời đều tham đều ganh. Lấy đó mà nói thì ngôi vua là nơi tệ hại xấu ác. Vì sao tệ hại xấu ác? Vì bởi ngôi vua mà bỏ mất thiện hạnh, vì ngôi vua mà làm hại tổ phụ, vì thân hậu mà làm việc tội lỗi đại ác, bỏ mất hết hổ thẹn mà sinh phóng túng, vì chút vui mà chẳng sợ đời sau.

Rồi nói kệ rằng:

*Như bướm nhào vào lửa,
Mù quáng tham cướp nước.*

*Đắm theo việc được mất,
 Làm, cho đến không làm.
 Mất nước việc ô uế,
 Không được nơi tịch định.
 Khi suy nghĩ như vậy,
 Thân hành rất thanh tịnh.
 Liền được tâm chán ghét,
 Chứng đắc Bích-chi-phật.*

Lại có sư nói: Nhà vua này thấy con đau bệnh liền trở về cung. Có một nước láng giềng thân thiện của nhà vua bị giặc bức bách sai sứ đến nhờ vua viện trợ. Nhà vua nghe rồi kéo binh sang cứu vua ấy. Đến nước ấy rồi liên quân hợp nhau giao chiến giết nhau cực kỳ tàn khốc, cho đến phụ nữ có thai, trẻ con cũng giết. Nhà vua thấy cảnh này nghĩ đến ngôi vua mà chán ghét sâu sắc.

Liền nói kệ rằng:

*Tham nước là vui nhỏ,
 Chìm trong vũng bùn đục.
 Đục, phần đã thêm lớn,
 Chiến tranh sinh thị phi.
 Do vì tham tài lợi,
 Mà sát hại lẫn nhau.
 Không cầu thắng giải thoát,
 Bỏ hết nơi vương vị.
 Như ở trong lửa dữ,
 Con thiêu thân vào chết.
 Quái thay trong sinh tử,
 Làm các việc điên đảo.
 Càng cực nhọc tạo nghiệp,
 Càng chịu khổ tai ương.*

*Như ngọn núi cao kia,
 Sườn núi có ong mật.
 Người ngu tham chút ngọt,
 Bất giác sa chân khổ.
 Tư duy như vậy rồi,
 Liên chứng Bích-chi-phật.*

Rồi bảo người con rằng: Có thể con không nghe lời người ác, thì không có ý bội nghịch. Nếu con trị nước phải dùng chính pháp. Ta nay đem nước giao phó cho con. Cha muốn ra đi.

Người con và viên Tể tướng cùng bà con họ hàng nghe vua nói mấy lời đều buồn rầu rơi lệ khóc lóc chấp tay tâu vua: Không rõ Đại vương muốn đi về đâu?

Bấy giờ vua cha vọt thân lên hư không, lên trên núi mặt trời mọc nói bài kệ như trên, mặc y phục Sa-môn, làm 18 thứ biến hóa. Người trong nước trông thấy ai cũng hoan hỷ. Ví như điều khiển ngựa, thấy bóng ngọn roi là điều thuận ngay. Người trí cũng vậy, thấy người chịu khổ thì tâm liền điều thuận.

Nhân duyên Đại Đế nước Câu-xá-di ngộ Bích-chi-phật

*Cha mẹ và vợ con,
 Lúa thóc và cửa cải,
 Người trí xét sâu xa,
 Tạm thời như quán trọ.
 Xả bỏ nơi ái dục,
 Một mình như tê giác.
 Ta xưa theo các sư,
 Cho nghe việc như thế.*

Xưa từng làm Ti-kheo ở nơi Phật Ca-diếp, trí tuệ thông minh nhu hòa nhẫn nhục, hằng ngày thường quán thể tính chân thật của các

pháp như quán âm là khổ không vô thường vô ngã, như cây chuối, sóng nắng, như ảo thuật như chiêm bao như bọt nước, khéo quán sát mà tu tâm, mạng chung sinh lên cõi trời, hết thọ mạng nơi cõi trời hạ sinh nơi thành Câu-xá-di làm con một quốc vương tên là Đại Đế, vua cha băng, nối ngôi vua, như các vua trước, khéo tu giới hạnh dùng chính pháp trị nước.

Bấy giờ trong thành có đại trưởng giả giàu có vô số thân cận với vua Đại Đế rất quý trọng nhau. Đại trưởng giả ấy lâm bệnh nặng. Vua nghe trưởng giả bệnh, đích thân đến thăm, thấy trưởng giả bệnh tật hình dung khô héo, lòng vua không vui cúi đầu sâu thăm.

Lúc đó trưởng giả kia dùng cái bát bảy báu đựng đầy vàng dâng lên vua.

Vua bảo trưởng giả: Ông nay bệnh tật đau khổ lắm chăng?

Trưởng giả đáp: Xin vua đoái thương nghe tôi nói:

*Nhà tôi đại cự phú,
Ngang bằng Tì-sa-môn.
Ái ngữ và cửa cải,
Tập họp nhiều bạn bè.
Vợ con và quyến thuộc,
Sứ giả, người hầu hạ,
Tôi đều theo ý muốn,
Đãi ngộ rất nồng hậu.
Nay tôi sắp chết rồi,
Không ai bạn với tôi.
Vua mở lời an ủi,
Lời ông rất chân thật.
Con ông và người thân,
Của cải nhiều kho lẫm,
Và ta người khỏe mạnh*

Voi ngựa xe bộ binh.
Tuy có những thứ ấy,
Không thể cứu được người.
Chúng ta các thân hữu,
Thấy người gặp khổ nạn,
Chỉ có lời an ủi,
Đau buồn và nhỏ lệ.
Mạng người sắp gần hết,
Không thể cứu cách nào.
Chỉ còn tự nhờ cậy
Những việc thiện đã làm.
Vua quán sát bệnh tình,
Tâm như được thiên định.
Ngộ sâu các khổ nạn,
Chúng sinh ắt phải có.
Tất cả loài có sinh,
Ắt phải có bệnh tật.
Bệnh thường gây khổ người,
Chẳng biết thương xót ai.
Tất cả người trên đời,
Chắc chắn vào cửa chết.
Đều không sinh chán sợ,
Nói đây vợ con ta,
Kia là thân thuộc ta,
Đây là của cải ta,
Người kia thân với ta,
Ta thân với người kia.
Ý si mê thành bệnh,
Khởi vọng tưởng như vậy.
Tai họa lớn trước mặt,
Ngu mờ nên chẳng thấy.

*Những người thân trên đây,
Không ai cứu được ta.
Chính tư duy như vậy,
Chúng đấng Bích-chi-phật.*

Thân thuộc nội ngoại của nhà vua thấy vua đắc đạo dứt bỏ việc đời, bị lửa ái biệt ly thiêu đốt nên quá sầu thương.

Phật Bích-chi thân thăng lên hư không làm 18 thứ biến hóa nói kệ như trên.

Lại có thuyết nói nhà vua này khi làm Vương tử vào trong vườn hoa thấy các người mù dẫm díu nhau, nghe Vương tử ra bảo có thức ăn bày ở bên đường. Vì không thấy đường nên rơi xuống hầm sâu, có người chết ngay, có người vỡ đầu, có người gãy tay chân, thân thể tan nát.

Bấy giờ Vương tử thấy các khổ ấy, chán khổ suy nghĩ nói rằng: Điều này làm ta giác ngộ. Những người mù này cũng vậy. Họ cũng đã từng giàu sang, do phóng túng nên nay chịu khổ này. Nay ta thấy việc này rồi phải khéo kiểm thúc hành vi không nên phóng túng.

Rồi nói kệ rằng:

*Như vòng vàng nung đỏ,
Dem trang sức trên đầu.
Vòng vàng tuy quý báu,
Lửa nóng mà thành hại.
Ngôi vua cũng như vậy.
Cẩn thận chớ phóng túng.
Người mù giác ngộ ta,
Không nên tự dễ dãi.
Vi do ngôi vua này,
Thân sinh kiêu mạn lớn.*

*Uy hiếp áp bức dân
 Khiến đều sinh khổ não.
 Về sau khi chịu khổ,
 Còn khổ trăm ngàn lần.
 Mắt thấy người chịu khổ,
 Làm sao ta tự yên?
 Đây là lời thầy ta,
 Dạy ta các khổ hoạn.
 Khi tư duy như vậy,
 Chúng đấng Bích-chi-phật.*

Bấy giờ Vương tử ban cho những người mù nhiều tiền bạc của báu, mặc pháp phục Sa-môn thăng lên hư không, hiện các thần thông biến hóa, bảo các người thân rằng: Như ta ngày nay không giận hờn, sợ sệt, buồn rầu, ta không ghét các người, ta xả bỏ thân ái, đất nước, nhân dân. Ta không oán không thân, không tiền bạc của báu. Rồi nói kệ như trên.

Nhân duyên vua nước Câu-xá-di ngộ Bích-chi-phật

*Các thú vui tiêu khiển,
 Xả bỏ như đờm dãi.
 Nhẫn vui nơi xuất ly,
 Đoạn dứt hết các khổ.
 Hết được tham ái si,
 Thì tâm được giải thoát.
 Do được giải thoát nên
 Một mình như tê giác.
 Ta từ các sư trước,
 Được nghe việc như vậy.*

Xưa có một vị Phật Bích-chi tu các thiện căn nơi các Phật thời quá khứ. Thân sau cùng sinh làm vua nước Câu-xá-di. Trong nước

đó có tai biến lớn, đại hạn hán, gió chướng, 5 tinh tú đảo loạn. Vua triệu tập Thái sử và các nhà chiêm tinh xem tướng nói kệ hỏi rằng:

*Sao có tai họa này,
Đại hạn trời không mưa,
Hư không mây chẳng vương,
Xem mặt trời sáng rực.
Các giống chim ăn thịt,
Quạ diều và cú vọ.
Bay lượn ở trên không,
Trông thấy sinh khiếp sợ.
Đều nói là tai họa,
Do ai gây ra đây,
Khiến các điềm quái lạ,
Biến hiện ra như vậy?*

Bấy giờ quan Thái sử tâu vua rằng: Tôi sẽ nói theo chỗ tôi biết. Như ý tôi là tất cả quốc dân có điều bị áp bức khổ sở.

Vua lại hỏi: Nên dùng cách nào trừ tai họa này?

Thái sử tâu: Nếu vua muốn dân được yên ổn nên nghe lời tôi.

Rồi nói kệ rằng:

*Nếu vua chịu thoái vị,
Cởi áo cho người khác.
Đầy đủ trong 6 tháng,
Cải trang đi ăn xin,
Tai họa tự tiêu hết,
Vua như mặt trăng rằm.*

Vua nghe theo lời liền bỏ ngôi vị cải trang đi khắp trong nước, dần dần đi đến thành Bà-xí-đa. Đến thành ấy rồi, gặp lúc có vua nước ngoài đem quân đến đánh. Vua Bà-xí-đa vì nước nổi binh sang chống lại. Hai bên giao chiến hai vua đều tử trận. Các Vương tử thành Bà-

xí-đa tranh giành ngôi lại đánh nhau. Vua Tì-la tiên thấy việc như vậy than: Quái lạ thay!

Rồi nói kệ rằng:

*Ngôi vua tuy cao quý,
Nhưng thật quá mong manh.
Vì sao lại như vậy
Mà chịu các khổ độc.
Tâm tranh giành chiến đấu,
Đắm vui theo ác tâm.
Như ruồi tham mật ngọt,
Mật ngọt hại đến thân.
Con người cũng như vậy,
Chỉ vì tham chút vui,
Chiến tranh gây thương hại.
Ngôi vua đáng khinh bỉ,
Tập hợp nhiều khổ não,
Tai họa cho đến chết.
Như uống nước có độc,
Độc thấm vào thân chết.
Vì chỉ một thân mình,
Làm hại nhiều người khác.
Người ngu tham ngôi vua,
Sướng ít mà khổ nhiều.
Ta từ nay chấm dứt,
Không cầu vui sướng này.
Mà trong việc nước đây,
Lo sợ đây trong đó.
Sướng vui trong chốc lát,
Lo sợ khổ triền miên.
Ví như ở nhà vàng,
Lửa bốn bề rực cháy.*

Người trí sợ chết cháy
 Không nên đi vào trong.
 Khi tư duy như vậy
 Chúng ngộ Bích-chi-phật.
 Do có sức thần thông,
 Tóc râu tự nhiên rụng,
 Liền hóa thành Sa-môn,
 Thân vọt lên không trung,
 Rời ở trong hư không
 Nói bài kệ trên đây.

Sau đó bay vào núi Tuyết Sơn nơi các Phật Bích-chi. Bấy giờ các Phật Bích-chi hỏi do nhân duyên gì được ngộ đạo quả. Đáp đầy đủ bằng bài kệ trên.

Nhân duyên vua Thân Quân nước Ba-la-nại ngộ Bích-chi-phật

Thế gian cho là vui,
 Và yêu ngã, ngã sở.
 Thấy đều xả bỏ hết,
 Tâm ý được giải thoát.
 Các căn định vắng lặng,
 Độc hành như tê giác.
 Ta nghe từ thầy trước,
 Kể lại câu chuyện này.

Thuở quá khứ thành Ba-la-nại vua tên Thân Vương có hai phu nhân rất sủng ái tham mê dục lạc phóng túng như say, như con voi buông tuồng trong núi Hương Sơn, khi mùi hương lưu xuất thì vào núi Ma-lợi thỏa mãn dục sự.

Bấy giờ hai phu nhân đổ ky nhau đều rình chờ cơ hội. Một phu nhân liền dùng thuốc độc trao cho người thân tín sai mang thuốc cho

phu nhân kia. Phu nhân uống thuốc nằm mê cuồn đau đớn rồi mạng chung. Phu nhân thứ hai thấy mạng chung giả vờ buồn rầu áo não, bứt tóc đấm ngực mà khóc, cả trong cung ai cũng thương xót.

Vua nghe phu nhân ấy chết lòng rất đau khổ. Phu nhân gặp ai trang sức thứ gì thì liền bứt bỏ trát đất vào người, ưu độc nhập tâm như bầy chim học bị chim ưng săn đuổi, như chim cánh vàng kinh động loài long nữ. Các thể nữ trong cung sợ chết cũng như vậy.

Bấy giờ trong cung thê lương như nghĩa địa, lại như bụi đen che khuất ánh sáng. Các cung nhân buồn lo cũng như vậy.

Vua nghe cung nhân lo sợ khổ sở, lòng rất kinh động. Mãi thiên quang, chuỗi anh lạc, mọi trang sức trên thân đều vứt xuống đất vào đến nhà tang lễ thấy các thể nữ cực kỳ buồn khổ. Vua thấy vậy lòng rất sầu não mà tự tư duy.

Rồi nói kệ rằng:

*Ví như trời nắng hạ,
Làm cháy héo hoa tươi.
Cái chết hủy hình người,
Sắc mặt đổi xanh đen.
Môi răng nhuốm bụi nhơ,
Mắt mũi đều hốc hác.
Ca múa đẹp dung nghi,
Giờ trở như gỗ đá.
Trước đây đã khiến ta
Yêu đương và say đắm,
Làm sao nay lại chết,
Cho ta phải sợ lo?
Nạn sinh tử đáng ghét,
Bất tịnh thật hôi hám.
Như chiêm bao chẳng thật,
Cũng như ruột cây chuối.*

Không có tướng chắc thật,
 Như ảo như bọt bèo,
 Tạm hiện như sóng gợn.
 Người có trí chán ghét.
 Người không biết quán sát,
 Nhầm sinh tướng thú vui.
 Trong thứ bất tịnh này,
 Nhầm sinh tướng có thân.
 Mê man bám theo đó
 Như người đang ngủ say.

Suy nghĩ như vậy không lâu thì việc hỏa táng phu nhân đã xong. Phu nhân thứ hai để che giấu tội mình giả vờ buồn rầu không muốn ăn, nói muốn tuyệt thực, hiện vẻ buồn rầu thảm thiết. Nhưng vì sợ tội của mình bị phát giác lộ ra, nên mỗi sâu kết trong tâm, ăn uống không tiêu mà thành bệnh nặng.

Vua thấy bệnh tăng càng thêm rầu rĩ, liền sinh chán ghét sinh tử quá hoạn.

Rồi nói kệ rằng:

Như nữ nhân sinh ái,
 Sinh lụy thật quá nhiều.
 Làm người ai cũng vậy,
 Nhân ái mà sinh vui.
 Rồi lại sinh đại ác,
 Vì ái là gốc khổ.
 Khi thấy ái hội hợp,
 Phải biết là vô thường.
 Cái mà ta yêu thích
 Là đẹp dễ, tuổi trẻ.
 Một mai cái chết đến,
 Do đó cần phải biết

*Làm sao có vui đây?
 Ai là người trí tuệ,
 Khi ân ái hội hợp
 Mà lại sinh vui mừng?
 Sợ già sợ bệnh chết,
 Cho nên ta hằng lia.
 Khi tư duy như vậy
 Liên chứng Bích-chi-phật.*

Rồi mặc y phục vương giả trang sức chuỗi anh lạc bay lên hư không, trong không trung nói kệ như trên rồi biến thành Sa-môn bay đến núi Tuyết Sơn nơi các Phật Bích-chi

Nhân duyên con út vua Chuyển luân thánh vương ngộ Bích-chi-phật

Thuở quá khứ vô lượng kiếp về trước có một Chuyển luân thánh vương có ngàn người con. Người con út thấy cha cõi Kim luân bảo, đầy đủ bảy báu, bốn binh chủng tùy tùng hai bên trống phách cờ lọng nghi vệ đầy đủ.

Người con út hỏi mẹ: Bao giờ con mới được cờ lọng v.v... các thứ nghi vệ đó?

Người mẹ đáp: Con đến mục xương cũng không được như vậy.

Đứa con hỏi: Sao không được?

Đáp: Con có 999 người anh phải được kế vị theo thứ tự đều không tới con.

Đứa bé suy nghĩ: Ta đã không được các nghi vệ như vậy. Sống phải có chết, hình cốt hủ bại, do suy nghĩ các thứ tội lỗi sinh tử tức thời giác ngộ chứng đắc Bích-chi-phật, thân thăng lên hư không, làm 18 thứ biến hóa.

Người mẹ lại xin đưa con đừng đi xa, hãy ở trong vườn nhận sự cúng dường của mẹ.

Bấy giờ Phật Bích-chi nhận lời xin của mẹ ở nơi vườn sau, ngày ngày cúng dường. Rồi Phật Bích-chi chán thân này, xả bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn. Các bà mẹ nghĩ thương, chất củi thom thành đồng lớn để hỏa thiêu, thâu xá-lợi đựng trong bình báu tôn trí nơi tháp lớn xây dựng ở vườn sau.

Khi Chuyển luân vương đi dạo bốn thành trở về đến vườn sau thấy có tháp lớn lấy làm lạ hỏi. Người giữ vườn tâu vua cho biết con út của vua chứng đắc Bích-chi-phật đã Niết-bàn nơi đây và các bà mẹ đã lập tháp đó.

Bấy giờ các bà mẹ đem việc tâu vua. Vua trách bà mẹ người con út: Con ta muốn được sao không nói với ta? Nay tuy Niết-bàn, hãy đừng nghi vệ của vua mà trang trí trên tháp.

Do nhân duyên đó trong vô lượng kiếp hằng làm Chuyển luân thánh vương, phúc đến tự nhiên, đến nay không hết. Nếu ở trong sinh tử thì phải đến 2 ngàn 5 trăm đời làm Chuyển luân thánh vương. Do thành Phật cho nên được 2 ngàn 5 trăm lạng báu. Vua A-xà-thế dâng Phật 5 trăm lạng báu. Luật-xa tử ở thành Tì-xá-li dâng Phật 5 trăm lạng báu. Vua rồng biển dâng Phật 5 trăm lạng báu. Vua A-tu-la cũng dâng Phật 5 trăm lạng báu. Trời Đế Thích cũng dâng Phật 5 trăm lạng báu.

Bấy giờ Thế Tôn chỉ không nhận một cây lạng. Bởi vì sao? Vì sau này đệ tử nếu thiếu sự cúng dường về cơm áo thì lấy phúc này khiến trời người tự nhiên cung cấp. Do nhân duyên đó phải biết phúc điền của hiền thánh rộng sâu vô lượng./.

(TRỌN BỘ 2 QUYỂN HẾT)

SỐ 1651
LUẬN THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

*Tịnh Ý Bồ-tát tạo
Bồ-đề-lưu-chi dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng Mâu-ni Phật,
Diệu Pháp, Tì-kheo Tăng.
Nay làm Nhân Duyên Luận,
Để cho được rõ nghĩa.
Đức Mâu-ni giảng nói
Mười hai thắng thượng phần.
Nhân duyên sinh các pháp
Gồm trong ba phần này:
Phiền não, nghiệp và khổ.
Tiếp theo là nói đến:
Trước phiền não 89,
Nghiệp có 2 và 10,
Ngoài ra 7 là khổ,
3 gồm 12 pháp.
Từ 3 nên sinh 2.
Từ 2 nên sinh 7.
Từ 7 lại sinh 3.
Giống như bánh xe quay.*

*Thế gian tất cả pháp,
 Chỉ nhân quả không người.
 Chỉ từ các không pháp.
 Chỉ sinh nơi không pháp.
 Tụng đấng ẩn kính hưởng,
 Nhật châu chửng tử thủy.
 Các ám chuyển không chuyển,
 Người trí khéo suy lường.*

Có đệ tử thành tựu, tùy chỗ nghe pháp có thể thụ trì khiến không quên mất pháp của Như Lai. Là sự, phi sự và tính tướng v.v... Như vậy trong nghĩa tâm ôm nghi hoặc, cho nên hỏi để biết. Thưa Tôn giả!

*Mâu-ni có giảng nói,
 12 thắng thượng phần.
 Nhân duyên sinh các pháp
 Gồm trong 3 phần đó.
 Như vậy các việc đó,
 Nay xin hỏi cho biết.
 Mong vì tôi giải thích,
 Cho dứt trừ lưới nghi.
 Thầy thấy ý đệ tử,
 Một lòng khao khát pháp
 Nên cung kính thỉnh thị,
 Liền đáp rằng: Nghe đây!
 12 Thắng thượng phần
 Bao gồm ở trong này:
 Phiền não, nghiệp, và khổ.
 Tiếp theo là nói đến
 Trong đó 10 và 2,
 Nên gọi là 12.*

*Vì không có phần khác
Nên gọi là thắng phần.
Như các phần bánh xe
Cho nên nói thắng phần.*

Nói Mâu-ni, nghĩa là tịch diệt, cũng gọi là không phân biệt, cũng gọi là định, cũng gọi là không nói năng. Đức Mâu-ni diễn giảng, biện luận nói rõ, đó là giả danh. Nhưng đó không phải đại nhân trượng phu, mà khi ở trong định tính tướng phát sinh, duy chỉ do nhân duyên sinh thành. Mười hai phần kia, trong phiền não, nghiệp, và khổ, 3 pháp làm nhân duyên cho nhau, như cái ghế đầu có 3 chân. Phải biết như vậy.

Hỏi: Thế nào là phiền não, thế nào là nghiệp, thế nào là khổ mà được bao gồm trong thắng phần của các pháp nhân duyên này tạo thành?

Đáp: Ở trong 12 thắng thượng phần này, trước tiên là vô minh, thứ 8 là ái, thứ 9 là thủ. Ba thắng phần này bao gồm trong phiền não.

Thứ 2 là hành, thứ 10 là hữu. Hai thắng phần này bao gồm trong nghiệp.

Ngoài ra 7 thắng phần bao gồm trong khổ.

Ba thứ là phiền não, nghiệp, và khổ bao gồm 12 phần. Nói ngoài ra 7 thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh và lão tử. Thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ, mong cầu không được, các pháp như vậy sinh tất cả khổ. Như vậy các phần, trước đã nói, lấy phiền não, nghiệp, khổ làm căn bản. Trong 12 phần chỉ có 3 việc không còn pháp nào khác. Tất cả trong kinh chỉ có phần này không có thứ khác.

Hỏi: Đã biết nghĩa của các thắng phần, xin vì tôi giải thích phiền não nghiệp khổ ở tại đâu?

Lại nữa, làm sao thành tất cả các việc?

Đáp: Từ 3 sinh 2, 3 là phiền não, 2 là nghiệp. Nghĩa là từ phiền não mà sinh nơi nghiệp.

Từ 2 sinh 7, 7 là khổ. Nghĩa là từ nơi nghiệp mà sinh nơi khổ.

Từ 7 sinh 3. Nghĩa là từ nơi khổ mà sinh phiền não. Đây nói phiền não, nghiệp, khổ lần lượt sinh lẫn nhau. Cho nên sinh có tính luân chuyển bất định.

Nói hữu, là Dục, Sắc, Vô sắc giới. Ở trong đó không dừng trụ, ví như bánh xe quay. Vì là hữu nên tất cả thế gian phàm phu chúng sinh lần lữa xuống lên như bánh xe quay. Trong hữu bất định, vì bất định nên nói có 3 xứ.

Hỏi: Cái hữu đó tạo tất cả thân chúng sinh. Nó tác sự như thế nào?

Đáp: Kệ nói:

*Thế gian tất cả pháp,
Chỉ nhân quả không người.
Trừ giả thuyết nên có,
Đấy là suy nghĩ đúng.*

Đó không phải nói về tính, cho nên thấy làm chúng sinh là bất thành.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao từ thế gian hiện tại mà thủ được thế gian vị lai?

Đáp: Cho đến không có một pháp nào như sợi lông từ thế gian hiện tại mà thủ thế gian vị lai được. Cho nên kệ nói:

*Chỉ từ các không pháp.
Chỉ sinh nơi không pháp.*

Đây rõ ràng tự ngã, ngã sở là không. Nghĩa là phiền não, nghiệp xứ, 5 pháp hành này tính lia vô ngã, nên thủ như vậy.

Hỏi: Nếu tính trong vô ngã pháp mà hành tính vô ngã thì nay nói gì làm chứng?

Đáp: Kệ nói:

*Tụng đấng án kính hưởng,
Nhật châu chủng tử thủy.*

Các thí dụ đó là chứng minh có thể thủ. Tin không có tự thể, vì tính là giả danh. Có người nói đời hiện tại, đời vị lai là như thầy tụng đọc, thật sự không từ thầy chuyển đến đệ tử. Tuy không từ thầy chuyển đến đệ tử, nhưng lẽ nào không có nghĩa dạy trao đệ tử. Có thể nói đệ tử không nhân mà được vì ngăn ngừa phòng hộ lỗi vọng chấp không có nhân.

Như nói khi lâm chung, tâm thức không đến thế gian vị lai là đề phòng lỗi chấp thường, chứ không phải thân vị lai từ các nơi khác đến, mà vì ngăn ngừa phòng hộ lỗi vọng chấp không có nhân.

Như thầy tụng là nhân, khiến đệ tử được. Kia không thể nói. Không thể nói cũng là một hướng khác. Như vậy khi lâm chung tâm thức là nhân. Cho nên được sinh tâm thức thân sau. Mà tâm thức kia không thể nói là một không thể nói là khác, cũng không tách rời kia cũng không phải chính là kia.

Cũng như vậy từ ngọn đèn sinh một ngọn đèn, từ ấn sinh ấn, từ mặt kính sinh có ảnh tượng, từ âm thanh có tiếng vang, từ mặt trời, từ hạt châu phát sinh lửa, từ hạt sinh mầm như hạt lựu hạt xoài v.v..., miệng sinh nước miếng. Các pháp như vậy không gọi tức là chính nó, không gọi là khác nó. Như vậy tất cả các pháp nhân duyên chuyển không chuyển, người có trí khéo suy xét mà biết.

Là trung ám là nói sắc thụ tướng hành thức chúng thác sinh thì các ám này diệt. Nhân các ám kia diệt sau sinh ra một thứ tương tự, nhưng thật ra không có một pháp đồng đẳng mảy may nào từ đây đến kia. Đây là nghĩa thế gian tiệm thứ.

Vì nghĩa này cho nên tất cả thế gian là vô thường bất tịnh khổ vô ngã . Vì có thể quán sát những việc như vậy nên không sinh nghi hoặc các pháp. Không nghi hoặc thì không sinh nhiễm. Không sinh nhiễm thì không sinh đắm. Không sinh đắm thì không khao khát. Không khao khát thì không tạo nghiệp. Do không có nghiệp thì không thủ sự. Không thủ sự nên không tạo hạnh hữu vi. Không có hạnh hữu vi nên không sinh trở lại. Do không sinh nên không có tất cả thân tâm khổ. Như vậy không tạo 5 thứ nhân thì nơi kia không có 7 thứ quả. Bởi không có quả nên gọi là giải thoát. Như vậy tức giải thích các câu bất sinh bất diệt bất thường bất đoạn hữu biên vô biên v.v...

Trong đó có kệ rằng:

*Không thấy không duyên sinh,
 Chắc chắn là nghĩa đúng.
 Trong các việc tốt nhất,
 Cho nên không thành đoạn.
 Ở trong không có giảm,
 Lại cũng không có tăng.
 Thấy chân lý như thật,
 Tùy trạng và như kia.*

(HẾT)

SỐ 1652 [SỐ 1653]
LUẬN DUYÊN SINH

*Thánh giả Uất-lăng-già tạo
Đạt-ma-cấp-đa dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Từ 1 sinh nơi 3.
Từ 3 chuyển sinh 6.
6, 2, 2 rồi 6.
Từ 6 cũng sinh 6.
Từ 6 có nơi 3.
3 đây lại có 3.
3 lại sinh trong 4.
4 lại sinh trong 3.
Từ 3 sinh trong 1.
1 kia lại sinh 7.
Ở trong có các khổ,
Mâu-ni nói gồm hết.
12 thứ khác nhau,
Thiện tịnh nói là không.
Vì duyên sinh phân lực,
Nên biết 12 pháp.
Vô trí với nghiệp thức
Danh sắc căn 3 hòa.
Biết khát cùng với thủ,*

Tập xuất thực hậu biên.
 Trước 89 phiên nã,
 Thứ 2 thứ 10 nghiệp.
 Còn 7 đều là khổ,
 3 gồm 12 pháp.
 2 trước là quá khứ,
 2 sau là vị lai.
 Còn 8 là hiện tại.
 Đó là pháp 3 thời.
 Phiên nã nghiệp cảm báo,
 Báo lại sinh phiên nã.
 Phiên nã lại sinh nghiệp,
 Cũng do nghiệp có báo.
 Là phiên nã không nghiệp,
 Nghiệp hoại cũng không báo.
 Không báo là phiên nã,
 3 thứ đều tự diệt.
 5 phần nhân sinh quả
 Gọi là phiên nã nghiệp.
 7 phần lấy làm quả,
 7 thứ khổ phải nhớ.
 Trong nhân không có quả.
 Trong nhân cũng không nhân.
 Nhân quả 2 đều không,
 Người trí cùng tương ứng.
 (Bản tiếng Phạn 1 kệ, nay làm 1 kệ rưỡi)
 Trong đời chia 4 thứ,
 Nhân quả hợp nên có.
 Phiên nã, nghiệp, quả, hợp,
 Niệm, dục, làm 6 phần.
 Vì có tiết bao gồm,

2 tiết và 3 lược.
 Nhân quả tạp làm tiết,
 3, 4 tiết tổng lược.
 2,2, 3, 3, 2,
 Khi khổ có 5 pháp.
 Tác giả, thai, cảnh giới,
 Phát chuyển, sinh lưu hành.
 Mê hoặc phát khởi quả,
 Báo lưu quả làm 2.
 Trong căn phần tương ứng,
 1, 1, 2, 2 phần.
 Nhiệt não, bản phạp quả,
 Chuyển xuất, tân lưu quả.
 Tương ứng trong phần khác,
 2, 1, 1, 1 pháp.
 Đây có 12 thứ,
 Ngang sức, duyên tự sinh.
 Không chúng sinh, không mạng,
 Không động, dùng tuệ biết.
 Không ngã không ngã sở,
 Không ngã không ngã nhân.
 4 thứ không trí không,
 Các phần cũng như vậy.
 Là 2 bên đoạn thường,
 Đây tức là trung đạo.
 Nếu giác đã thành tựu,
 Giác thể là chư Phật.
 Giác rồi ở trong chúng,
 Tiên Thánh nói vô ngã.
 Từng nơi Kinh Thành Dự,
 Đạo Sư nói nghĩa này.

Nói Kinh Ca-chiên-diên
 Chính kiến và Không kiến.
 Kinh Phá La-cụ-nị.
 (tên Trương Tú)
 Cũng nói thù thắng không,
 Nếu biết đúng duyên sinh,
 Thì biết ' không ' tương ứng.
 Nếu không biết duyên sinh,
 Cũng không biết không kia.
 Nếu khởi mạn với không,
 Thì không chán thụ chúng.
 Nếu có không thấy kia,
 Thì mê nghĩa duyên sinh.
 Vì không mê duyên sinh,
 Là mạn biết ' không ' kia.
 Và chán thụ chúng nên
 Không mê nghiệp quả hợp.
 Nghiệp tác duyên nối sinh,
 Cũng chẳng phải không duyên.
 ' Không ' duyên nên có đây.
 Nghiệp báo thụ dụng đủ
 12 phân sai biệt.
 Trước đã nói duyên sinh,
 Kia phiền não, nghiệp, khổ.
 Trong 3 như pháp nhiếp.
 Trong 3 sinh nơi 2,
 Trong 2 sinh nơi 7,
 Trong 7 lại sinh 3,
 Hữu luân chuyển như vậy
 Nhân quả các đời sinh.
 Không có chúng sinh nào,

Chỉ là nơi 'không pháp'
 Rồi tự sinh 'không pháp'.
 Mượn duyên sinh phiền não.
 Mượn duyên cũng sinh nghiệp.
 Mượn duyên cũng sinh báo.
 Không thứ gì không duyên,
 Tụng, đền, ấn, kính, tiếng.
 Nắng mặt trời, hạt giống
 Liên tục không vượt đến,
 Người trí quán cả hai.

Xong 30 luận bản về duyên sinh. Nay tôi sẽ tuần tự giải thích 30 luận.

Từ 1 sinh nơi 3.
Từ 3 chuyển sinh 6.
 6, 2, 2 rồi 6.
Từ 6 cũng sinh 6.

Từ 1 sinh nơi 3, 1 là vô trí. Vô trí này gọi là vô minh. Trong khổ tập diệt đạo không hiểu biết nên gọi là vô trí. Do vô trí nên có phúc, chẳng phải phúc, và bất động gọi là 3 hành. Và thân hành, khẩu hành, tâm hành từ đó chuyển sinh.

Từ 3 chuyển sinh 6, là từ 3 hành kia sinh 6 thức thân. Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

6, 2, là 6 thức thân chuyển thành 2 thứ là danh và sắc.

2 rồi 6, là 2 thứ danh sắc chuyển sinh 6 nhập. Đó là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập.

Từ 6 cũng sinh 6, là từ 6 nhập chuyển sinh 6 xúc. Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Từ 6 có nơi 3.
3 đây lại có 3.

3 lại sinh trong 4.

4 lại sinh trong 3.

Từ 6 có nơi 3, là từ 6 xúc chuyển sinh 3 thụ. Đó là cảm thụ vui, cảm thụ khổ, và cảm thụ không khổ không vui.

3 đây lại có 3, là trở lại từ 3 thụ kia chuyển sinh 3 thứ khát ái.

3 lại sinh trong 4, là từ 3 thứ khát ái chuyển sinh 4 thủ. Đó là dục thủ, kiến thủ giới, khổ hành thủ, và ngã ngữ thủ.

4 lại sinh trong 3, là từ 4 thủ chuyển sinh 3 hữu. Đó là Dục hữu, Sắc hữu, và Vô sắc hữu.

Từ 3 sinh trong 1.

1 kia lại sinh 7.

Ở trong có các khổ,

Mâu-ni nói gồm hết.

Từ 3 sinh trong 1, là trở lại lấy 3 hữu kia làm duyên sinh 1 thứ sinh về sau.

1 kia lại sinh 7, là trở lại từ 1 kia sẽ có 7 thứ là lão, tử, ưu, bi, khổ, não, khỗn.

Ở trong có các khổ, Mâu-ni nói gồm hết, là trong đó vô minh là đầu, khỗn là cuối, vô lượng các khổ Thế Tôn nói sơ lược đều gồm trong đó.

12 thứ khác nhau,

Thiện tịnh nói là không.

Vì duyên sinh phần lược,

Nên biết 12 pháp.

12 thứ khác nhau, thiện tịnh nói là không, là vô trí v.v... đều riêng biệt không xen lẫn, có 12 phần. Lại nữa phải biết đúng là chúng đều tự tính không. Như đây nói chỉ là không pháp, tự tính là không pháp.

Vì duyên sinh phần lực, nên biết 12 pháp, là nếu lấy tuần tự sinh phần lực thì phải biết chúng có 12 pháp. Trong đó tướng mê hoặc là vô minh.

Nghĩa của hành kia là chứa nhóm sẽ có tướng tức là hành.

Nghĩa của thức là tiếp thụ sinh phần chuyển ra tướng là thức.

Nghĩa của danh sắc là tướng hòa hợp của danh thân và sắc thân là danh sắc.

Nghĩa của lục nhập là tướng an trí tướng là lục nhập.

Nghĩa của xúc là tướng cùng tụ lại của nhãn, sắc, và thức là xúc.

Nghĩa của thụ là tướng thụ dụng ái hoặc không ái là thụ.

Nghĩa của khát ái là tướng không chán đủ là khát ái.

Nghĩa của thủ là tướng nắm giữ thân lấy là thủ.

Nghĩa của hữu là tướng của danh thân sắc thân là hữu.

Nghĩa của sinh là tướng của 5 chúng xuất sinh là sinh. Nghĩa của lão là tướng chín muồi thành thực là lão.

Nghĩa của tử là mạng căn dứt là tử.

Nghĩa của ưu là tướng cao cử là ưu.

Nghĩa của bi là tiếng khóc là bi.

Nghĩa của khổ là tướng thân nóng như đốt là khổ.

Nghĩa của não là tướng bức não trong tâm là não.

Nghĩa của khỗn là tướng cực kỳ mệt mỏi là khỗn.

Vô trí với nghiệp thức

Danh sắc căn 3 hòa.

Biết khát cùng với thủ,

Tập xuất thực hậu biên.

Trong đó vô trí tức là vô minh. Nghiệp tức là hành. Thức là hiểu biết. Danh sắc là 5 chúng hợp chung. Căn là nhập. 3 hòa là xúc. Biết là thụ. Khát là khát ái. Thủ là nắm giữ. Tập là hữu. Xuất là sinh. Thục là lão. Hậu biên là tử.

Lại nữa những thứ này gồm các tướng sai biệt. Tôi sẽ nói tuần tự. Trong đó có nghiệp, phiền não và báo sai biệt.

*Trước 89 phiền não,
Thứ 2 thứ 10 nghiệp.
Còn 7 đều là khổ,
3 gồm 12 pháp.*

3 phiền não là vô minh, khát ái và thủ. 2 nghiệp là hành và hữu. 7 báo là danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, lão và tử. 12 pháp này bao gồm trong 3 thứ.

Lại nữa thời gian sai khác:

*2 trước là quá khứ,
2 sau là vị lai.
Còn 8 là hiện tại.
Đó là pháp 3 thời.*

Vô minh và hành 2 thứ trước là thời quá khứ. Sinh và lão tử 2 thứ sau thuộc vị lai. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, khát ái, thủ, hữu 8 thứ thuộc thời hiện tại.

Lại nữa những thứ này đều lần lượt sinh ra nhau:

*Phiền não nghiệp cảm báo,
Báo lại sinh phiền não.
Phiền não lại sinh nghiệp,
Cũng do nghiệp có báo.*

Phiền não, nghiệp, và báo 3 thứ như trước đã nói. Do phiền não nên có nghiệp. Do nghiệp nên có báo. Rồi lại do báo nên có phiền não. Do phiền não nên có nghiệp. Do nghiệp nên có báo.

Hỏi: Do phiền não hết mỗi mỗi đều vắng lặng, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp:

*Lìa phiền não không nghiệp,
Nghiệp hoại cũng không báo.
Không báo lìa phiền não,
3 thứ đều tự diệt.*

Nếu tâm này không nhiễm phiền não thì không chứa nhóm các nghiệp. Nếu không tạo nghiệp thì không thụ báo. Nếu diệt báo thì cũng không sinh phiền não. Như vậy 3 thứ này mỗi mỗi tự diệt.

Lại nữa những thứ này có nhân quả phần:

*5 phần nhân sinh quả
Gọi là phiền não nghiệp.
7 phần lấy làm quả,
7 thứ khổ phải nhớ.*

5 thứ nhân gọi là phiền não nghiệp. Như trước đã nói là vô minh, hành, khát ái, thủ, và hữu. 7 thứ quả chuyển sinh, cũng như trước đã nói là 7 thứ khổ. Đó là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, và lão tử.

Lại nhân quả này có 2 thứ không:

*Trong nhân không không quả.
Trong nhân cũng không nhân.
Trong quả không không nhân
Trong quả cũng không quả.
Nhân quả 2 đều không,
Người trí cùng tương ứng.*

(Bản tiếng Phạn 1 kệ, nay làm 1 kệ rưỡi)

Nếu đây nói nhân quả 2 thứ, trong đó nếu nhân không quả, quả cũng không nhân. Như vậy nhân cũng không nhân, quả cũng không quả. Ở đây 4 phạm vi phải cùng tương ứng.

Lại nữa còn có phân biệt:

*Trong đời chia 4 thứ,
Nhân quả hợp nên có.
Phiền não, nghiệp, quả, hợp,
Niệm, dục làm 6 phần.*

Trong đời chia 4 thứ, nhân quả hợp nên có, nghĩa là trong đạo 5 thứ nhân và 7 thứ quả hòa hợp nên sơ lược nói tổng quát là 4 thứ. Lần lượt có 4 thứ phần. Trong đó vô minh, hành 2 pháp trong thời quá khứ là phần thứ nhất. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ trong thời hiện tại là phần thứ hai. Khát ái, thủ, hữu cũng trong thời hiện tại là phần thứ ba. Sinh, lão, tử 2 pháp trong thời vị lai là phần thứ tư. Đó gọi là 4 thứ phần.

Phiền não, nghiệp, quả, hợp, niệm, dục làm 6 phần, nghĩa là phiền não, nghiệp, báo 3 thứ hòa hợp, do lần lượt nên trong 2 căn bản có 6 thứ phần gồm trong vô minh. Cho đến thụ lấy vô minh làm căn gồm trong khát ái. Cho đến lão tử lấy khát ái làm căn. Trong căn vô minh, vô minh là phiền não phần. Hành là nghiệp phần. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ là báo phần. Trong khát ái căn, thủ là phiền não phần. Hữu là nghiệp phần. Sinh, lão, tử là báo phần.

Lại nữa tiết phân chia tổng lược:

*Vì có tiết bao gồm,
2 tiết và 3 lược.
Nhân quả tạp làm tiết,
3, 4 tiết tổng lược.*

Có tiết làm gốc phát khởi 2 tiết. Đó là hữu và sinh, 2 khoảng làm tiết thứ nhất. Hành, thức 2 khoảng là tiết thứ hai. Hai tiết này đều là tiết về nghiệp quả. Trong thụ, khát ái, nhân quả cùng xen tạp, là tiết thứ ba. Ba tiết này lại làm 4 thứ tổng lược. Vô minh, hành 2 thứ là tổng lược thứ nhất. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, 5 thứ là tổng lược thứ hai. Khát ái, thủ, hữu 3 thứ là tổng lược thứ ba. Sinh, lão tử 2 thứ là tổng lược thứ tư.

Đó gọi là 3 tiết và 4 tổng lược.

Lại nữa trong các pháp này thời gian trụ sai biệt:

2, 2, 3, 3, 2,
Khi khổ có 5 pháp.
Tác giả thai cảnh giới,
Phát chuyển sinh lưu hành.

2, 2 pháp là vô minh, hành gọi là 2 thứ. Thức, danh sắc gọi là 2 thứ.

3, 3 là lục nhập, xúc, thụ gọi là 3 thứ. Khát ái, thủ, hữu gọi là 3 thứ.

Lại nữa 2 là sinh, lão tử gọi là 2 thứ.

5 pháp này là tác giả trong lúc khổ, cảnh giới thai tạng phát chuyển xuất sinh ở trong lưu hành như số. Ở trong vô minh hành 2 thứ gọi là tác giả trong lúc khổ. Thức, danh sắc 2 thứ gọi là thai tạng trong lúc khổ. Lục nhập, xúc, thụ 3 thứ gọi là cảnh giới trong lúc khổ. Khát ái, thủ, hữu 3 thứ gọi là phát chuyển trong lúc khổ. Sinh, lão tử 2 thứ là xuất sinh trong lúc khổ.

Lại nữa, quả sai biệt có:

Mê hoặc phát khởi quả,
Báo lưu quả làm 2.
Trong căn phần tương ứng,
1, 1, 2, 2 phần.

Như trước đã nói vô minh căn và khát ái căn này, trong vô minh căn phần thứ nhất, mê hoặc phát khởi báo lưu là 4 thứ quả. Trong số phần 1, 1, 3, 2 tùy theo thứ lớp tương ứng. Trong đó vô minh là mê hoặc quả. Hành là phát khởi quả. Thức, danh sắc, lục nhập là báo quả. Xúc, thu là tân lưu quả. Lại có quả tàn dư:

*Nhiệt não, bản pháp quả
Chuyển xuất, tân lưu quả.
Tương ứng trong phần khác,
2, 1, 1, 1 pháp.*

Như trước đã nói trong phần khát ái căn thứ hai, nhiệt não nghèo thiếu chuyển sinh tân lưu quả, tùy theo số phần 2, 1, 1, 1, trong pháp này cùng tương ứng. Trong khát ái, thủ, là nhiệt não quả. Hữu là bản pháp quả. Sinh là chuyển xuất quả. Lão tử là tân lưu quả. Như vậy là có 8 quả.

*Đây có 12 thứ,
Ngang sức, duyên tự sinh.
Không chúng sinh không mạng,
Không động dùng tuệ biết.*

Như vậy vô minh là đầu cho đến lão tử có 12 phần sức ngang nhau nên mỗi mỗi duyên sinh, mà không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có động tác, dùng trí tuệ mà biết. Trong đó không có chúng sinh vì không kiên cố, không thọ mạng vì không có ngã, không có động tác vì không có tác giả.

*Không ngã không ngã sở,
Không ngã không ngã nhân.
4 thứ không trí không,
Các phần cũng như vậy.*

Trong không ngã không trí. Trong không ngã sở không trí.
Trong không ngã không trí. Trong không ngã nhân không trí.

Trong đây vì không ngã nên 4 thứ không trí không. Nếu như 4 thứ lần lượt không trí không, như vậy hành v.v... các phần khác đều là không.

*Lìa 2 bên đoạn thường,
 Đây tức là trung đạo.
 Nếu giác đã thành tựu,
 Giác thể là chư Phật.*

Hữu thì ở trong thường. Vô thì ở trong đoạn. Như vậy 2 bên này, kia thì duyên nơi kia. Nơi kia các hữu chuyển sinh. Lìa 2 bên này tức là trung đạo. Nếu các ngoại đạo vô trí thì rơi vào 2 bên. Nếu chư Phật Thế Tôn đã giác ngộ tức là giác thể, độc nhất thành tựu nơi thể gian này, người khác đều không thể.

*Giác rồi ở trong chúng,
 Tiên Thánh nói vô ngã.
 Từng nơi Kinh Thành Dự,
 Đạo Sư nói nghĩa này.*

Kia cũng đã giác ngộ trung đạo rồi, ở trong các chúng Phật nói vô ngã, như Tì-kheo có ngã, ngã sở, những hạng trẻ con phàm phu không nghe, thuận đọa giả danh, ở trong không ngã ngã sở. Tì-kheo! Khi sinh chỉ khổ sinh, khi diệt chỉ khổ diệt. Như trong Kinh Thành Dự, Đạo Sư đã nói nghĩa này.

Lại nữa:

*Kinh Ca-chiên-diên nói
 Chính kiến và Không kiến.
 Kinh Phá La-cụ-nị.
 (tên Trương Tú)
 Cũng nói thù thắng không.*

Ba kinh này và các nơi khác, Thế Tôn đã nói tương như vậy, kia cũng như đây.

*Nếu biết đúng duyên sinh,
Thì biết' không' tương ứng.
Nếu không biết duyên sinh,
Cũng không biết không kia.*

Ở trước đã nói duyên sinh, nếu biết đúng kia, biết không khác, kia lại biết gì, là biết nơi không.

Nếu không biết duyên sinh cũng không biết không kia, là đối với duyên sinh này nếu không biết thì cũng như đối với không kia không thể ngộ nhập.

*Nếu khởi mạn với không,
Thì không chán thụ chúng.
Nếu có kia không thấy,
Thì mê nghĩa duyên sinh.*

Nếu khởi mạn với không, thì không chán thụ chúng, nghĩa là nếu khởi không mạn thì trong 5 thụ không sinh chán lìa.

Nếu có kia không thấy, thì mê nghĩa duyên sinh, nghĩa là nếu lại do không thấy mê nghĩa duyên sinh này thì trong 4 thứ thấy tùy lấy cái thấy nào? Một là thấy đoạn, hai là thấy thường, ba là thấy tự tại hóa ngữ, bốn là thấy chỉ dựa vào việc đã làm đời trước.

*Vì không mê duyên sinh,
Lìa mạn kia biết' không'.
Và chán thụ chúng nên
Không mê nghiệp quả hợp.*

Vì không mê duyên sinh, lìa mạn kia biết' không', nghĩa là ở trước đã nói mỗi mỗi trong duyên sinh nếu không mê tâm và trong nhiếp thủ ngã ngã sở nếu được lìa mạn thì kia sẽ như pháp có thể nhập vào không.

Và chán thụ chúng nên không mê nghiệp quả hợp, nghĩa là trong 5 thụ chúng, nhiếp thủ ngã ngã sở thì luân chuyển khắp thế gian không dứt. Nơi kia thụ chúng khởi chán lia nên nghiệp quả này tiếp nối thì không điên đảo cũng không mê hoặc.

Lại hỏi nghĩa này là thế nào?

*Nghiệp tác duyên nối sinh,
Cũng chẳng phải không duyên.
'Không' duyên nên có đây.
Nghiệp báo thụ dụng đủ.*

Nghiệp tác duyên nối sinh, cũng chẳng phải không duyên, nghĩa là phiền não nghiệp nhiễm như trước đã nói, kia vì nghiệp tịnh bất tịnh xô đẩy chúng sinh bốn bên trên dưới liên tục sinh. Nếu không phải nghiệp này thì không tác duyên. Nếu không như vậy thì chưa làm xong đã đến, và đã làm xong mà mất. (Đến, nghĩa là nghiệp chưa làm xong mà quả đến ngay. Mất, là nghiệp đã làm xong mà quả lại mất.)

'Không' duyên nên có đây. nghiệp báo thụ dụng đủ, nghĩa là nếu do các nghiệp tịnh bất tịnh này có báo thụ dụng thì tự tính là không, vốn không có ngã làm tác duyên phát sinh, tự tính kia là không. Nay sơ lược nói:

*12 phần sai biệt.
Trước đã nói duyên sinh,
Kia phiền não, nghiệp, khổ.
Trong 3 như pháp nhiếp.*

Vô minh làm đầu, lão tử làm cuối là 12 phần duyên sai khác như trước đã nói. Trong đó 3 là phiền não, 2 là nghiệp, 7 là khổ đều thâm nhiếp vào.

*Trong 3 sinh nơi 2,
Trong 2 sinh nơi 7,*

*Trong 7 lại sinh 3,
Hữu luân chuyển như vậy.*

Vô minh, khát ái, thủ do 3 thứ sinh. Hành có 2 thứ. 2 kia sinh thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, lão tử 7 phần. Trong 7 phần kia như trước đã nói trở lại sinh 3 thứ. 3 kia lại sinh 2. 2 lại thành 7. Cho nên 2 thứ lần lượt không dứt. Bánh xe hữu chuyển khắp như vậy.

*Nhân quả các đời sinh.
Không có chúng sinh nào,
Chỉ là nơi 'không pháp'
Rồi tự sinh 'không pháp'.*

Nhân quả các đời sinh, không có chúng sinh nào, nghĩa là vô minh, hành, khát ái, thủ, hữu 5 thứ là nhân. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, lão tử 7 thứ là quả. Những thứ này phổ biến khắp thế gian, hoặc ngã, hoặc chúng sinh, hoặc thụ, hoặc sinh là hoặc trượng phu, hoặc người, hoặc tác giả những thứ đó làm đầu rồi lần lượt phân biệt chỉ có hư vọng.

Kia sinh như thế nào?

Chỉ ở nơi không pháp trở lại tự sinh không pháp. Nghĩa là trong tự tính không giả danh gọi là phiền não nghiệp quả. Chỉ có cái không giả danh gọi là sinh pháp phiền não nghiệp quả.

*Mượn duyên sinh phiền não.
Mượn duyên cũng sinh nghiệp.
Mượn duyên cũng sinh báo.
Không thứ gì không duyên,*

Nếu có phiền não thì có vô lượng thứ nghiệp, và các thứ nghiệp sinh ra quả báo. Kia đều cùng nhân cùng duyên, không có một chỗ nào không có nhân duyên.

Lại nữa để làm rõ nghĩa kia, nay nói thí dụ:

*Tụng, đèn, ấn, kính, tiếng.
Nắng mặt trời, hạt giống
Liên tục không vượt đến,
Người trí quán cả hai.*

Như tụng là có người dạy tụng, có người học tụng. Có dạy tụng không đến học tụng.

Bởi vì sao?

Vì người dạy tụng vẫn an trụ. Người dạy tụng cũng không liên tục.

Bởi vì sao?

Vì tự không sinh. Như ngọn đèn lần lượt sinh, chẳng phải ngọn đèn ban đầu. Vượt đến cũng chẳng phải thứ 2.

Không nhân mà sinh, như vậy ấn và tượng 2 thứ, mặt và kính 2 thứ, âm thanh và tiếng vang 2 thứ, mặt trời và lửa 2 thứ, hạt và mầm 2 thứ, vị chua với nước dãi 2 thứ. Những thứ này có ra đều không phải vượt đến, cũng chẳng phải không sinh, cũng chẳng phải không nhân mà sinh 2 thứ kia. Khi 5 thụ chúng liên tục đến, chẳng phải là thụ chúng ban đầu, vượt đến mà thụ chúng thứ 2 cũng chẳng phải không sinh, cũng chẳng hải không nhân mà sinh. Người trí cần quán sát đúng đắn các thụ chúng này liên tục không vượt mà lần lượt đến.

Lại nữa thụ dụng trong ngoài đầy đủ có 10 thứ.

Trong đó ngoài 10 thứ là: 1. Chẳng phải thường. 2. Chẳng phải đoạn. 3. Không vượt đến. 4. Không trung gian. 5. Chẳng phải thể kia. 6. Chẳng phải riêng khác. 7. Không có tác giả. 8. Chẳng phải không có nhân. 9. Niệm niệm không. 10. Quả đồng loại nối tiếp nhau. Ngoài ra có các chủng tử diệt không sót nên chẳng phải mầm ‘thường’ xuất sinh. Không phải chủng tử ‘đoạn’ diệt không

sót rồi mà mầm kia vốn không nay có sinh cho nên không vượt đến. Kia liên tục không đứt đoạn. nhân quả nối nhau nên không có trung gian. Hạt và mầm sai khác nên không phải thể của kia. Từ kia sinh ra nên chẳng phải khác biệt. Nhân duyên hòa hợp nên không có tác giả. Hạt giống là nhân cho nên chẳng phải không có nhân. Hạt, mầm, cọng, nhánh, lá, hoa, quả v.v... truyền truyền nhau sinh cho nên niệm niệm không. Ngọt chua mặn đắng chát tùy nhân khác biệt mà chuyển ra quả cho nên trong đó quả đồng loại nối tiếp nhau.

Trong 10 thứ là: 1. Bên tử thụ chúng diệt không sót nên chẳng phải thường. 2. Được thứ sinh phần thụ chúng, nên chẳng phải đoạn. 3. Bên tử thụ chúng diệt không sót rồi thứ sinh phần thụ chúng vốn không nay có sinh, nên không vượt đến. 4. Thụ chúng nối nhau không tuyệt đứt. Nhân quả nối nhau nên không có trung gian. 5. Bên tử, thứ sinh phần thụ chúng sai khác, nên chẳng phải thể của kia. 6. Từ kia sinh ra nên chẳng phải khác biệt. 7. Nhân duyên hòa hợp nên không có tác giả. 8. Phiền não nghiệp làm nhân, nên chẳng phải không có nhân. 9. Ca-la-la, Át-phù-đà, Bê-thi, Già-na, Xa-khư, xuất thai, be sơ sinh, đồng tử, thiếu niên, người trưởng thành v.v... nối tiếp nối tiếp nhau sinh, nên niệm niệm không. 10. Huân tập thiện bất thiện, tùy theo nhân khác nhau chuyển xuất quả, cho nên quả đồng loại nối nhau.

Lại có 3 bài kệ:

*Như ngọn đèn chuyển sinh,
Thức thân cũng như vậy.
Biên tế trước và sau,
Cũng không có tụ tập.
Không sinh cũng có sinh,
Phá hoại không bám nhau.*

*Sinh rồi cũng không trụ
Mà đây thành nghiệp chuyển.
Nếu nơi duyên sinh kia,
Mà quán biết được không,
Vì lập phương tiện dạy,
Kia cũng là trung đạo.*

Trong đó vô minh, hành, khát ái, thủ, hữu là tập đế. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, lão tử là khổ đế. Kia 12 phân diệt là diệt đế. Nếu biết được duyên sinh như thật, là đạo đế./.

(HẾT)

SỐ 1654
LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM

*Long Mãn Bồ-tát tạo
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

***Bài tụng* LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM**

*Sai biệt 12 chi,
Năng Nhân nói duyên sinh.
Phiền não, nghiệp, và khổ,
Trong 3 đều gồm thâu.
Trước 89 phiền não,
2 và 10 là nghiệp.
Còn 7 tập là khổ.
12 chỉ gồm 3.
Từ 3 sinh ra 2.
Từ 2 sinh ra 7.
1 lại sinh ra 3.
Đây hữu , số luân chuyển.
Các nẻo chỉ nhân quả,
Trong đó không chúng sinh.
Chỉ từ nơi không pháp,
Lại sinh nơi không pháp.
Tụng, đên, kính và ấn,
Hỏa tinh chủng mai thanh.*

*Các uẩn kết nối nhau,
 Người trí phải quán sát.
 Với sự rất vi tế,
 Nếu thấy có đoạn thì
 Kia nhân duyên bất thiện,
 Chưa thấy nghĩa duyên sinh.
 Trong đây không thể thấy,
 Cũng không chút an lập.
 Lấy chân mà quán chân,
 Thấy chân mà giải thoát.*

Giải thích LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM

Trong đây có Sa-môn thích học hỏi, khéo ghi nhớ hành trì, hiểu ngộ, quán sát và biết lựa trừ bỏ chỗ phiền toái chọn lấy chỗ giản dị.

Một hôm vị ấy đến chỗ yết kiến Đức Phật, đem giáo pháp của Như Lai hỏi như thế này:

Thưa Đức Bạc-già-phạm! Phân biệt 12 chi Năng Nhân nói duyên sinh. Vậy chúng thâm nhiếp ở đâu, nay con muốn được nghe?

Phật biết Sa-môn kia không rõ 12 pháp duyên sinh nên muốn hỏi chân nghĩa, liền bảo rằng: Phiền não, nghiệp, và khổ trong 3 thứ đều bao gồm hết. Phân biệt theo kinh điển mà nói, trong đây có 10 và 2 nên gọi là 12 chi tức sai biệt cho nên nói là sai biệt. Như các chi phần của một cỗ xe, nên gọi là chi.

Vắng lặng thân khẩu nên gọi là Năng Nhân nói. Năng Nhân nói, là giải thích rõ ràng nên có các tên khác. Pháp 12 duyên sinh chẳng phải phát xuất từ tự tính mà quyết định ở con người cá biệt. Khi con người chìm đắm vào cảnh giới hư giả thì tự nhiên tùy theo dục vọng mà sinh khổ. Hoặc nhân chợt gặp thì sinh khởi. Đó là nhân duyên sinh.

Pháp sai biệt của 12 chi này, trong phiền não, nghiệp, và khổ nương tựa vào nhau giống như lấy tay bó một bó lau. Phiền não, nghiệp, và khổ đều bao gồm hết thảy 12 pháp duyên sinh. Nói hết thảy nghĩa là không còn sót.

Hỏi: Thế nào là phiền não? Thế nào là nghiệp? Thế nào là khổ? Các pháp sai biệt này thâm nhiếp như thế nào?

Đáp: Trước tiên 8, 9 phiền não. Pháp 12 chi sai biệt ban đầu là vô minh, thứ 8 là ái, thứ 9 là thủ. 3 pháp này thâm nhiếp trong phiền não.

Thế nào là nghiệp?

2 và 10 là nghiệp. 2 là hành. 10 là hữu. 2 pháp này gồm thâm trong nghiệp.

Ngoài ra 7 thứ còn lại đều là khổ. Nghĩa là ngoài những thứ thâm nhiếp trong nghiệp và phiền não, 7 thứ còn lại là khổ. Đó là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, sinh, và lão tử. Nói đều là tức lời nói bao gồm, như bao gồm nỗi khổ yêu thương chia lìa, oán ghét gặp gỡ, mong cầu chẳng được. Cho nên pháp 12 chi này trong khổ phiền não đều thâm nhiếp hết. Nói duy chỉ là nghĩa ngăn chặn. Là pháp nói trong kinh đều thâm nhiếp hết trong đây không sót.

Hỏi: Nghĩa này đã biết, còn phiền não, nghiệp, và khổ kia tương sinh như thế nào xin vì giải thuyết.

Đáp: Từ 3 sinh nơi 2 là từ 3 phiền não sinh nơi 2 nghiệp. Từ 2 sinh nơi 7 là như trên đã nói các pháp khổ. 7 sinh nơi 3 là các phiền não. Lại từ 3 phiền não sinh nơi 2 nghiệp. Hữu này chuyển vẫn hư bánh xe quay. Nói hữu là có 3 thứ là Dục, Sắc, và Vô sắc. Trong đó lưu chuyển không dứt. Chúng sinh trong thế gian tự trôi nổi lưu chuyển. Nói này, là hiển thị nghĩa bất định chứ không phải như lưu chuyển lần lượt sinh vào các hữu. Điều này là bất định.

Hỏi: Thế nào là thân chúng sinh tự tại? Thân tự tại đó có tác dụng như thế nào?

Đáp: Các nẻo thú như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, trừ ngoài giả danh chỉ có nhân quả. Trong tất cả các thú cũng không có chúng sinh. Đó là ý nghĩa chân thật. Cũng không phải sau khi an lập giả danh rồi thì có hữu. Giả lập tạo thành chỉ là cảnh giới, không thể thành thật vật.

Hỏi: Nếu như vậy, ai là người từ thế gian này đến thế gian khác?

Đáp: Không có các pháp cực vi từ thế giới này di chuyển đến thế giới khác. Tuy nhiên chỉ có từ nơi pháp không trở lại sinh nơi pháp không, từ không có ngã, ngã sở, nghiệp phiền não, 5 thứ nhân của không trở lại sinh không không có ngã ngã sở và pháp của 7 thứ quả khổ. Trong 7 thứ pháp khổ đó không có ngã, không có ngã sở. Do đó trong pháp khổ đó không có pháp hữu hình nào nắm được cái không có ngã, không có ngã sở. Tất cả pháp đều từ tự tính pháp vô ngã. Từ trong tự tính pháp vô ngã trở lại sinh tự tính pháp vô ngã. Nên biết như vậy và nói cho người khác như vậy.

Hỏi: Từ pháp tự tính vô ngã trở lại sinh pháp tự tính vô ngã có gì làm ví dụ?

Đáp: Như trong kệ tụng nói sự tụng kinh, ngon đèn, gương, ấn, hỏa tinh, hạt, mai chua, âm thanh là những ví dụ. Như Lai dùng các ví dụ này xác lập tự tính vô ngã pháp, và sự thành tựu đời khác cũng là tự tính vô ngã pháp. Điểm này phải được hiểu rõ.

Ví như thầy tụng kinh, nếu chuyển đến đệ tử thì sau thầy không có ngôn thuyết cho nên không đến đệ tử. Người đệ tử tụng cũng không do từ đâu được. Thành ra giữa 2 cái, không có liên hệ nhân quả. Tâm thức của người khi lâm chung với thầy tụng kinh cũng vậy. Bởi thành, thường, là lỗi, do đó không thể di chuyển sang đời khác. Đời khác cũng không từ đâu được, thành không có nhân quả. Cho

nên như thầy tụng với đệ tử tụng, tức kia khác với kia không thay thế cho nhau. Cũng như vậy, từ ngọn đèn sinh ngọn đèn, dựa vào tượng có hình tượng, hình ảnh hiện trong gương, từ con dấu in thành chữ, từ hỏa tinh (chỉ mặt trời: người dịch chú) phát ra lửa, từ hạt sinh mầm, từ mai chua sinh nước dãi, từ âm thanh phát ra tiếng vang, tức kia khác kia không âthy thế cho nhau được. Như vậy, người có trí phải biết các uẩn nối kết nhau không di chuyển. Nói uẩn tức sắc uẩn, thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Nói nối kết nhau liên tục là diệt rồi từ cái nhân đó sinh các cái khác. Không có một pháp cực vi nào từ đời này di chuyển sang đời khác. Cho nên lưu chuyển là từ tập khí của hư vọng phân biệt sinh. Trong kệ tụng nói “ phải ” tức là phải quán ngược lại, phải quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã thì đối sự sẽ không ngu mê. Không ngu mê thì không tham, không tham thì sân không sinh, nếu không sân thì không có nghiệp, nếu không có nghiệp thì không chấp lấy, nếu không chấp lấy thì không tạo hậu hữu, nếu không có hữu thì không sinh, nếu không sinh thì thân tâm không sinh khổ. Như vậy không nhóm họp 5 thứ nhân thì không sinh quả ở các nơi khác. Đó chính là quả giải thoát, dứt trừ các ác kiến đoạn thường. Ở đây có 2 bài tụng có thể dùng để tổng kết:

*Với sự rất vi tế,
 Nếu thấy có đoạn thì
 Kia nhân duyên bất thiện,
 Chưa thấy nghĩa duyên sinh.
 Trong đây không thể thấy,
 Cũng không chút an lập.
 Lấy chân mà quán chân,
 Thấy chân mà giải thoát./.*

(HẾT)

SỐ 1655
LUẬN CHỈ QUÁN MÔN TỤNG

*Thế Thân Bồ-tát tạo
Nghĩa Tịnh pháp sư dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Nếu trông thấy phụ nữ,
Về duyên dáng yêu kiều,
Người ngu mê không biết,
Vọng sinh ý dục nhiễm.
Phật dạy quán chương sinh,
Dứt trừ tưởng dâm dục.
Nếu nghe theo Phật dạy,
Được quả tốt không thiếu.
Giới thanh tịnh nghe nghĩ,
Siêng năng thường tu tập.
Buộc niệm quán các cảnh,
Đó là nhân giải thoát.
Nếu ai có sân, nhiễm,
Và hôn trầm mê ngủ,
Tháo động, ác tác, nghi,
Năm thứ chương tu định.
Ít học cùng chúng ở,
Việc xấu, tình hoan lạc,*

*Yêu thích thân thụ dụng,
Cũng trở ngại định tâm.
Có 5 duyên tâm loạn:
Tâm tán loạn theo cảnh.
Đắm vị, hôn trầm, động,
Ngã mạn, trọng tiến khen.
Tì-kheo theo Phật dạy,
Có lỗi nên phải trừ.
Khéo giữ trụ tâm duyên,
Đó là hạnh trước nhất.
Tiếp ở nơi vắng lặng,
Ngăn ngừa mọi hoạn nạn.
Rồi sau dứt tà tưởng,
Là Tì-kheo sơ nghiệp.
Nên ở nơi rừng hoang,
Mặc y phục phẩn tảo.
Thường cầu sự tĩnh lặng.
Dứt trừ tâm dâm nhiễm.
Khất thực gặp phụ nữ,
Nên quán tưởng bất tịnh.
Nhắm mắt trừ tà ý,
Chính tâm trong khi ăn.
Nói nhiều làm việc nhiều,
Là điều phải xa tránh.
Não loạn đến bức bách,
Dùng sức tuệ mà nhịn.
Dưới cây trên đồng cỏ,
Hoặc ở trong hang động.
Tu quán nên ở đó,
Tĩnh lặng tu tâm được.
Tu định khi duyên cảnh,*

Không cao quá thấp quá.
Không gần quá xa quá,
Đối cảnh khiến tương ưng.
Khéo giữ cảnh sở duyên,
Khéo quan sát chín chắn.
Khi nhắm mắt trụ tâm,
Cũng như mở mắt thấy.
Thâu giữ các căn môn,
Trụ niệm ngưng nội tâm.
Duyên cảnh quán hiện tiền,
Niệm niệm khiến liên tục.
Tướng sở thủ trước mặt,
Dùng tâm quán hình tướng.
Bên nữ căn chương sinh,
Dễ sợ dễ nhòm góm.
Như thể nước ao đục,
Gió thổi khiến lay động.
Khi quán các bóng cây,
Rõ ràng là bất thiện.
Tâm bản nước phiền não,
Bị gió tình thổi loạn.
Khi lắng lòng quán sát,
Không thể trụ ám muội.
Tâm hôn trầm phải cử
Để quán việc tốt lành.
Như con đĩa hút máu,
Nước trôi khiến sóng lại.
Lại phải mau thâu liễm,
Nơi cảnh cũ an tâm.
Khiến tâm ý đủ sức,
Tùy niệm khéo điều hòa.

Nếu tâm kia tháo động,
Phải nghĩ việc nhàm chán.
Khiến tâm trụ vắng lặng,
Như móc chế ngự voi.
Xa hôn trầm trạo cử,
Vận dụng tâm bình đẳng.
Mặc tình ở trong nhà,
Bấy giờ không tội lỗi.
Từ đó dần an trụ,
Giữ tướng ảnh tâm yên.
Hiểu rõ hạnh trung đạo.
Đèn chính niệm cầm soi.
Bấy giờ dùng tâm tứ,
Lần lượt mà quán sát.
Định ảnh tức thì sinh,
Phân minh hiện tiền trụ.
Không dao động sáng sạch,
Như hình Đại trượng phu.
Ảnh này trông quán trước,
Đó là tướng sai biệt.
Tướng đó đã sinh rồi,
Dục ái liền trừ diệt.
Tức là buộc tâm người,
Tướng phương tiện Sơ định.
Tiếp biết thể sân nhuế,
Vốn do tham nhiễm phát.
Dục ái nếu đã trừ,
Thì được lìa sân nhuế.
Tiếp dùng niệm cần sách,
Khiến trừ tâm buồn ngủ.
Đã quán tướng sai biệt,

Thì nghi tình liền dứt.
Tiếp đến trừ ác tác,
Khéo đi đường yên ổn.
Tĩnh lặng không chướng ngại,
Phòng ngừa được trao cử.
Phải biết cách tìm kiếm,
Quán sát chỗ thủ tướng.
Tức nơi ảnh trong tâm,
Dùng xét nét truy tìm.
Thấy tâm sai biệt vui,
Do đó được nhẹ nhàng.
Tiếp đến chứng Lạc định.
Định chi tiếp theo là,
Đó gọi Căn bản định.
Khéo an trụ niệm tâm,
Giống như muốn đến làng,
Và vào đến trong thôn.
Đã được Căn bản định,
Lại được tu tập khác.
Được tha tâm, tức trụ,
Thân thông thiên nhãn, nhĩ.
Bấy giờ tâm xét nét
Mà chưa thể trụ yên,
Như nước sông có sóng,
Ở trên bờ mới biết.
Đã được Sơ định rồi,
Nhưng trụ nơi sở duyên.
Tiếp y 2 tĩnh lực,
Tâm từ đều chấm dứt.
Tuy trụ địa vị này,
Còn có hỷ nổi trôi.

Khi nhập định thứ ba,
 Thì tâm liền tĩnh trụ.
 Do tâm có mừng vui
 Chưa thể khiến trụ niệm.
 Đã chứng 4 tĩnh lự,
 Các lỗi đều đã trừ.
 Thoái phần, thắng tiến phần,
 Trụ phần, quyết trạch phần.
 Tĩnh lự có 4 thứ,
 Người tu định mới biết.
 Nếu định thuận phiền não,
 Đó gọi là thoái phần.
 Sau thắng là thắng phần,
 Phải biết từ mỗi trụ.
 Do trước khéo phân biệt
 Là nhân quyết trạch đạo.
 Định này chiêu cảm kia
 Gọi là quyết trạch phần.
 Nơi vô thường các tướng,
 Tạo các khổ hành giải.
 Nếu ai được định này
 Là noãn ... các đạo phần.
 Tướng xanh bầm chương sinh,
 Tu quán có nhiều cách.
 Theo Thành giáo tu hành,
 Sai biệt cần phải biết.
 Thân chết bụng như trống,
 Các lỗ mũi chảy ra.
 Tất cả đều là thô,
 Đó gọi là chương sinh.
 Không thích thân thô kệch,

Chỉ tham thân yêu kiều.
Người có nhiễm tâm ấy,
Khiến tu quán như vậy.
Nếu ở nơi tử thi,
Có mủ trắng chảy ra,
Còn lại thịt xanh bầm,
Là xanh bầm chuong sinh.
Đối sắc mà yêu thích,
Gọi là người ái sắc.
Nhật thân đã có nói.
Khấp tử thi chảy mủ,
Gọi là tướng mủ chảy.
Với người thích mùi hương,
Khiến quán dứt nhiễm tâm.
Thân tử thi rã rời,
Gọi là tướng đoạn hoại.
Với người yêu toàn thân,
Đại Tiên Tôn vì nói.
Tử thi chôn cheo ăn,
Chim mổ lòi xương thịt.
Đối trị yêu ngoại hình,
Vì nói tướng ăn thừa.
Tay chân và xương xóc,
Đều rơi vãi khắp nơi.
Với người tham thân thể,
Nói tướng xương rơi rụng.
Tức nơi tướng xương rơi,
Là dao gậy đánh chém.
Cũng vì yêu toàn thân,
Khiến quán tướng đánh chém.
Thi hài bị dao chém,

*Hoặc giáo đâm tên bắn.
Máu chảy khắp châu thân,
Gọi là tướng đẫm máu.
Hương thơm xông thoa mình,
Trang sức mặc áo đẹp.
Những người tham thế này,
Lấy đây làm thuốc chữa.
Đối cảnh chỉ mình ưa,
Không cho người khác thấy.
Nhiều trùng rúc tử thi,
Khiến quán trừ niệm xấu.
Hài cốt đều tiêu tán,
Chỉ còn lại răng xương.
Nếu ai còn tham răng,
Khiến quán tướng răng ấy.
Nếu thấy người mới chết,
Thức lia còn lại xác.
Chúng sinh tham vui say,
Khiến trừ bỏ ý dục.
Phân tiêu và nước dãi,
Tụ họp lại thành thân.
Ba mươi hai thứ vật,
Đầy da gọi là người.
Tóc lông và răng móng
Gan bụng cùng làm nhân.
Thịt giữ ba trăm xương,
Buộc ngang chín trăm gân.
Chín lỗ tuôn bất tịnh,
Ô uế không nói hết.
Xét kỹ thật đáng ghét,
Người trí chẳng nên gần.*

Đã quán thân phụ nữ,
Rồi cũng quán tự thân.
Nơi đây nhân tham nhiễm,
Lẽ ra thường buộc niệm.
Không ra ngục ba cõi,
Đều do dục nhiễm tâm.
Cho nên người có trí,
Khéo tư duy việc này.
Trải nhiều khổ địa ngục,
May gặp được thân người.
Lẽ nào lại buông tuồng,
Không tu hạnh thù thắng.
Dâm tham có nhiều thứ,
Theo sinh ái không đồng.
Một quán đều trừ được,
Gọi là quán xương trắng.
Sắc xúc, thân yêu kiêu,
Trang sức sinh nhiễm trước.
Thuốc nào chữa được đây?
Quán xương trắng là nhất.
Trước nơi ngón chân cái,
Định tâm quán mọt nhọt.
Phá vỡ rồi chảy mủ,
Thịt đều rời rã hết.
Rồi đến quán xương ngón,
Trắng như chim bồ câu.
Mọt nhọt dần lớn lên,
Da thịt đều bóc ra.
Lần lượt quán như vậy,
Đến thịt thân đều hết.
Chính niệm thắng giải thành,

Chỉ quán nơi xương khớp.
Nếu còn miếng thịt nào,
Tức gọi là loạn ý.
Hướng chi là phóng tâm,
Giong ruổi theo các cảnh.
Có nhiều lúc nhiều tướng,
Tự biết có thể trụ.
Lần lượt và người khác,
Quán chung làm xương khớp.
Rời cho đến biển lớn,
Xương trắng đều chứa đầy.
Định này đã thành rời,
Bỏ rộng lại khiến hẹp.
Sơ lược bỏ từ ngoài,
Cho đến chỉ còn xương.
Lại quán đầu ngón chân,
Là định tâm thứ lớp.
Có lúc bỏ từng miếng,
Lên đến tận xương đầu.
Phải biết tâm cuối cùng,
Khiến trụ giữa chân mày.
Nếu tu tập như vậy,
Thường sinh thắng Phạm cung,
Không đọa lạc tam đồ,
Được sinh trời Ngũ tịnh.
Người đời tán tâm thiện,
Lại theo dòng sinh tử.
Người trí tu định tâm,
Như cứu thân cháy áo.
Phải xả bỏ các duyên,
Ở núi rừng tĩnh vắng.

*Chớ để vô thường ép,
Chết suông trong loạn tâm.
Dùng tịnh tâm Bát-nhã,
Được kết quả khả ái.
Nếu không cầu hậu hữu,
Thì phải tu thắng đạo.
Cạo tóc mặc Ca-sa,
Cần phải tu Thánh đạo.
Việc ồn ào lãng xãng,
Đều là nhân sinh tử./*

(HẾT)

SỐ 1656
LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÍNH

*Trần Thiên Trúc Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: AN LẠC GIẢI THOÁT

*Giải thoát tất cả chướng,
Đức trọn vẹn trang nghiêm.
Kính lễ Nhất thiết trí,
Bản lành của chúng sinh.
Chính pháp quyết định thiện,
Vì yêu pháp đại vương.
Tôi sẽ nói do pháp,
Rót chảy người pháp khí.
Trước nói vui pháp nhân,
Sau giảng pháp giải thoát.
Chúng sinh trước an lạc,
Sau lại được giải thoát.
Thiện đạo đủ là vui,
Giải thoát phiền não hết.
Lược nói 2 nhân này,
Chỉ tín, trí 2 căn.
Nhân tín giữ được pháp,
Do trí hiểu như thật.*

Trong hai, trí là hơn,
Trước nhờ tin phát khởi.
Do si, tham giận sợ,
Mà không hoại được pháp.
Phải biết là có tin,
Cát tường vui khí cụ.
Đã thành thực giản trạch,
Ba nghiệp thân khẩu ý.
Hằng lợi ích mình người,
Nói là người có trí.
Sát sinh, trộm, tà dâm,
Nói dối và đâm thọc.
Không mắng nhiếc thô ác,
Tham sân với tà kiến.
Pháp này là mười ác,
Ngược lại là mười thiện.
Bỏ rượu sống thanh tịnh,
Không có tâm quấy nhiễu.
Cúng dường nơi đáng kính,
Lược nói pháp như vậy.
Nếu chỉ làm khổ hạnh,
Quyết không sinh thiện pháp.
Vi lừa bi và trí.
Nếu chỉ có khổ hạnh,
Không thể trừ tổn người,
Và cứu tế lợi ích.
Phải biết tu thí giới,
Đường chính pháp rộng lớn.
Nếu bỏ, hành tà đạo,
Tự thụ khổ trâu bò,
Sống chết nơi đồng hoang,

Không thức ăn, bóng mát,
Hoặc bị lang sói ăn,
Dài lâu chịu như vậy.
Do sát sinh chết yếu,
Khổ não lại nhiều bệnh.
Do trộm khiến bị nghèo,
Xâm phạm nên bị oán.
Nói dối, bị phỉ báng,
Đâm thọc thân ái lia.
Ác khẩu nghe không thích,
Thêu dệt chẳng ai ưa.
Do tham, hại chỗ cầu,
Giận dữ chịu sợ hãi.
Tà kiến sinh tà chấp,
Uống rượu rối loạn tâm.
Không thí nên bản cùng,
Tà mạng gặp đối gạt.
Không kính sinh ti tiện,
Ganh ghét không oai đức.
Hằng hận hình sắc xấu,
Không học hỏi nên nghi.
Báo này trong nhân đạo,
Trước đã thụ ác thú.
Sát sinh các tội pháp,
Như đã nói quả báo.
Không tham và các nghiệp,
Gọi là tập nhân thiện.
Tập ác và các khổ
Đều từ tà pháp sinh.
Các nẻo thiện an vui
Đều do thiện pháp khởi.

Thường lia tất cả ác,
Hằng làm tất cả thiện.
Do nghiệp thân khẩu ý,
Phải biết hai pháp này,
Do một pháp thoát được.
Địa ngục ... bốn nẻo đến.
Pháp thứ hai cảm được,
Giàu có vua người trời.
Do định Phạm trụ không,
Được thụ vui cõi Phạm.
Lược nói như thế đó,
Là lạc nhân lạc quả.
Lại nữa pháp giải thoát,
Vi tế sâu khó thấy.
Tâm phạm phu không tai,
Nghe thì sinh hoảng sợ.
Ngã không sẽ không sinh,
Hiện tại vị lai không.
Người phạm nghĩ mà sợ,
Người trí hết sợ rồi.
Người đời ngã kiến sinh,
Chấp việc bị trời buộc.
Phật do chỉ đạo chúng,
Đem bi vì người nói.
Ngã hữu và ngã sở
Cả hai thật sự không.
Do thấy lý như thật,
Hai chấp không sinh nữa.
Các ám ngã chấp sinh,
Ngã chấp do nghĩa rộng.
Nếu hạt giống không chắc,

Mâm hạt làm sao tốt.
Nếu thấy ám không thật,
Thì ngã kiến không sinh.
Do diệt hết ngã kiến,
Các ám không khởi nữa.
Như ai đó soi gương,
Trông thấy khuôn mặt mình.
Ảnh ấy chỉ thấy được,
Mà hoàn toàn không thật.
Ngã kiến cũng như vậy,
Nương ám mà hiển hiện.
Như thật lấy phi hữu
Giống như ảnh trong gương.
Nếu ai không cầm gương,
Không thấy ảnh mặt mình.
Cũng vậy nếu phá ám,
Thì không có ngã kiến.
Do nghe nghĩa như vậy,
Đại Tịnh mạng A-nan,
Liên được pháp nhãn tịnh.
Hằng vì dạy người khác.
Nếu còn có chấp ám,
Thì ngã kiến vẫn còn.
Do vì có ngã kiến,
Nghệp và hữu hằng còn.
Bánh xe sinh tử quay,
Không có trước giữa sau.
Vị như vòng lửa quay,
Sinh tử nối tiếp nhau.
Từ tự tha và hai
Ba đời cũng không có.

Chứng ngã kiến diệt này,
Nghiệp báo tiếp cũng vậy.
Thấy nhân quả như thế
Sinh khởi và diệt tận,
Nên không chấp thật hữu.
Thế gian có và không.
Người ngu nghe pháp này
Hết được tất cả khổ.
Do không trí sinh sợ,
Ở nơi không sợ hãi,
Nơi Niết-bàn không thế.
Sao người sinh sợ hãi?
Giải thoát không ngã ám.
Nếu người thụ pháp này
Bỏ ngã và các ám,
Sao người lại chẳng vui?
Vô, còn phi Niết-bàn,
Huống chi lại là hữu.
Sạch hết chấp hữu vô
Phật gọi là Niết-bàn.
Nếu lược nói tà kiến,
Là phủ định nhân quả.
Đây khiến phi phúc mãn,
Nhân ác đạo rất nặng.
Nếu lược nói chính kiến
Là tin có nhân quả.
Khiến được đầy phúc đức,
Nhân thiện đạo trên hết.
Do trí có không tịch,
Siêu vượt phúc phi phúc.
Nên lia thiện ác đạo

Phật nói là giải thoát.
Nếu thấy sinh có nhân,
Người trí bỏ chấp không.
Do thấy diệt cộng nhân,
Cho nên bỏ chấp có.
Trước câu sinh hai nhân,
Thật nghĩa thì phi nhân.
Vì giả danh vô y,
Vì sinh là phi thật.
Nếu đây có kia có,
Ví như dài và ngắn.
Do đây sinh kia sinh,
Như đèn và ánh sáng.
Trước dài sau là ngắn,
Chẳng vậy là phi tính.
Vì ánh sáng không sinh,
Đèn cũng chẳng thật có.
Như thế nhân quả sinh,
Nếu thấy chẳng chấp không.
Đã tin đời chân thật,
Do loạn tâm sinh ra.
Vì thấy diệt chẳng rỗng,
Tức chứng được chân như.
Cho nên chẳng chấp có,
Chẳng y hai giải thoát.
Sắc là xa cái thấy,
Nếu gần rất rõ ràng.
Nai khát nước nếu thật,
Đến gần sao chẳng thấy?
Nếu xa nơi thật trí,
Tức thấy có thể gian.

Chứng thật thì không thấy,
Như con nai khát nước.
Nai thấy giống như nước.
Chẳng nước chẳng có thật.
Ấm giống người cũng vậy,
Chẳng người chẳng thật pháp.
Nai khát chấp là nước,
Qua đó để mà uống.
Nếu không, chấp là nước,
Người ngu si cũng vậy.
Người đời: nai khát nước,
Nên chấp thật có không.
Đó tức là vô minh,
Ngu si không giải thoát.
Chấp không: đọa nẻo ác
Chấp có: sinh đường thiện.
Nếu biết được như thật
Không hai y giải thoát.
Không thích chấp có không
Do chọn nghĩa chân thật.
Nếu đọa nơi chấp không,
Sao không nói là có?
Nếu nói phá chấp có,
Đến nghĩa nên là không.
Như vậy nếu phá không,
Sao chẳng phải là có?
Không ngôn hành và tâm
Do y Bồ-đề vậy.
Nếu nói là phá không,
Vì sao chẳng phá có?
Tăng-khư, Bệ-thế sư,

Ni-kiền nói về ám.
Theo thế gian hỏi kia
Nếu nói lỗi có không
Là không thể nói pháp
Vì bởi lỗi có không.
Người phải biết rất sâu
Chính giáo Phật cam lồ.
Nếu hiểu không khứ lai,
Cũng không dừng một niệm.
Nếu thể qua 3 đời,
Đời nào là thật có?
Hai đời không khứ lai,
Hiện tại thật không trụ.
Thế gian sinh, trụ, diệt,
Nói thế nào là thật?
Nếu hằng có biến đổi,
Pháp nào là không diệt?
Nếu không niệm niệm diệt,
Làm sao có biến đổi?
Nếu nói niệm niệm diệt,
Từng phần toàn phần diệt.
Vì không thấy bình đẳng
Không hai đạo lý này.
Nếu niệm diệt đều hết
Làm sao có vật cũ?
Chấp cứng không niệm diệt
Vật cũ làm sao thành?
Nếu sau một sát-na,
Trước, giữa cũng đều có,
Do sát-na chia ba
Nên niệm không dừng trụ.

Một niệm ba ranh giới,
Phải chọn ranh giới niệm.
Ranh giới trước giữa sau,
Không do tự tha thành.
Một niệm chẳng chia nhiều,
Không chia làm sao có?
Làm sao lìa một nhiều?
Lìa có, pháp nào không?
Do diệt và đối trị.
Nếu nói có thành không,
Không này và đối trị,
Pháp nào có không vậy?
Nên thế gian, Niết-bàn,
Do nghĩa chẳng thành có.
Thế gian có đời sau?
Ai hỏi Phật không đáp.
Thế Tôn Nhất thiết trí,
Nên người trí hiểu Phật.
Do pháp rất sâu này,
Không nói hạng phi khí.
Nhu pháp giải thoát này
Rất sâu không trói buộc.
Chư Phật nhất thiết trí
Nên nói không y trước.
Nơi pháp chẳng y trước,
Lỗi có không hai bên.
Người đời chấp y trước,
Do lỗi si sợ hãi.
Mình lỗi lại hại người,
Sợ hãi không chỗ dựa.
Vua muốn người chẳng động,

Chớ do kia tự hoại.
Vì người thành tự hoại,
Tôi sẽ nói chân lý.
Do y không đảo hợp,
Lìa có không, hai chấp.
Lỗi này phúc phi phúc,
Hiểu rõ nghĩa rất sâu,
Chẳng thân kiến, sợ không,
Người, cảnh, hai sẽ nói.
Bốn đại và không, thức,
Một nhóm đều chẳng người.
Nếu hợp lìa chẳng người,
Làm sao chấp người có?
Nếu sáu cõi chẳng người,
Nhóm nên rộng chẳng thật.
Mỗi mỗi cõi đều vậy,
Do nhóm nên chẳng thật.
Ấm chẳng ngã ngã sở,
Lìa ấm ngã chẳng hiện.
Không như củi với lửa,
Nương đâu ấm thành ngã?
Địa giới chẳng ba đại,
Trong địa cũng không ba.
Trong ba cũng không địa.
Tách rời nhau không thành.
Địa thủy hỏa phong đại,
Đều tự không thành tính.
Một lìa ba không thành,
Ba lìa một cũng vậy.
Một ba với ba một,
Tách rời nếu không thành,

Mỗi mỗi tự chẳng thành,
Thì làm sao tách rời?
Nếu mỗi lia tự thành,
Sao lia củi không lửa?
Động ngại và hợp nhau,
Thủy, phong, địa cũng vậy.
Nếu lửa không tự thành,
Ba thứ làm sao lập?
Nghĩa duyên sinh ba đại,
Mâu thuẫn làm sao thành?
Nếu chúng đều tự thành,
Làm sao lại cùng có?
Nếu mỗi tự không thành,
Làm sao cùng thành có.
Nếu nói chẳng rời nhau,
Các đại đều tự thành.
Chẳng rời thì chẳng chung,
Nếu rời chẳng riêng thành.
Các đại chẳng riêng thành,
Làm sao riêng tính tướng?
Riêng thành không lệch nhiều,
Nên nói tướng giả danh.
Sắc thanh hương vị xúc
Lựa chọn nghĩa như đại.
Nhãn sắc thức vô minh
Nghệp sinh chọn cũng vậy.
Tác giả, nghiệp và sự
Số hợp nhân quả đời.
Ngắn dài và danh tướng
Phi tướng chọn cũng vậy.
Địa thủy phong và hỏa

Ngắn dài và nhỏ lớn.
Thiện ác là trí biết,
Trong trí diệt không sót.
Như thức xír vô hình
Biến khắp không biên giới.
Trong đây địa, các đại
Tất cả đều diệt hết.
Nơi đây trí không tướng
Ngắn dài cùng thiện ác
Danh sắc và các ám
Như vậy diệt không sót.
Với thức các thứ này
Do vô minh có trước.
Với thức nếu khởi trí,
Các thứ này đều hết.
Pháp thế gian cũng vậy,
Nhen nhóm củi lửa thức.
Do thật lượng lửa sáng,
Củi thế thức cháy hết.
Si phân biệt có không,
Sau lựa chọn chân như.
Tìm “có” đã chẳng được,
Thì làm sao được ”không”?
Do không sắc tạo thành,
Nên “không” chỉ là danh.
Rời đại, gì là sắc?
Nên sắc cũng là danh.
Thụ tướng hành và thức,
Hãy nghĩ như bốn đại.
Bốn đại như ngã rỗng,
Sáu cõi chẳng nhân pháp.

Phẩm 2: TẠP

Nếu cứ phân chia mãi,
 Không sót, hết chẳng còn.
 Phân tích người sáu cõi,
 Hết sạch cũng như vậy.
 Cho nên chính Phật nói:
 Tất cả pháp vô ngã.
 Chỉ tên pháp sáu cõi,
 Phán quyết thật vô ngã.
 Hai nghĩa ngã, vô ngã,
 Không thể nào kiểm chứng.
 Cho nên Như Lai ngăn
 Cực đoan ngã, vô ngã.
 Nói thấy nghe hay biết,
 Phật bảo không thật hư.
 Hai tướng đối đãi thành,
 Cả hai như thật không.
 Như thật kiểm thế gian,
 Quá thật cũng quá hư
 Thì thế gian y thật,
 Nên sa vào có không.
 Nếu pháp khắp chẳng như
 Thì sao Phật lại nói
 Bên có với bên không,
 Có hai với không hai?
 Quá khứ Phật vô lượng
 Như hiện tại vị lai.
 Quá số bên chúng sinh
 Ba đời do Phật hiển.
 Đời không nhân dài lâu,
 Làm sao Phật ghi nhận.

Pháp sâu xa như vậy
Không nói cho người phàm.
Nói đời như ảo hóa,
Là Phật dạy cam lồ.
Như ảnh tượng ảo hóa
Sinh diệt còn thấy được.
Ảnh tượng sinh diệt này,
Xét thật nghĩa chẳng có.
Thế gian như ảo hóa
Sinh diệt có thể thấy.
Thế gian và sinh diệt,
Ảo thật nghĩa đều rỗng.
Ảo ảnh không đâu đến,
Cũng chẳng đi về đâu.
Chỉ tâm mê chúng sinh
Do không trụ thật hữu.
Thể thế qua ba đời
Nếu vậy đời nào thật?
Lìa lời nói có không,
Có không thật vô nghĩa.
Nên Phật nói bốn câu,
Mà không nói thế gian.
Do có không đều rỗng.
Rỗng này chẳng rỗng nên
Thân này tướng bất tịnh
Thô chứng cảnh giới trí.
Hằng thường điều trông thấy
Còn chẳng nhập tâm trụ,
Hướng chính pháp vi tế
Rất sâu không đày nương.
Tâm tán loạn khó chứng,

Làm sao dễ nhập được?
Nên khi mới thành đạo,
Phật không nói Niết-bàn.
Bởi thấy chính pháp này
Rất sâu nên khó hiểu.
Nếu không rõ chính pháp
Thì hại kẻ không thông.
Do không bằng chấp đây,
Đọa tà kiến ô uế.
Ai không hiểu rõ pháp,
Mà tự cao khinh pháp,
Khởi hủy báng tự thân
Chúc đầu xuống địa ngục.
Ví như thức ăn ngon,
Dùng không đúng thành hại.
Nếu ăn dùng đúng lượng,
Được thọ mạng cường tráng.
Nếu hiểu lệch chính pháp,
Gặp khổ cũng như vậy.
Nếu hiểu được như lý,
Cảm thụ vui Bồ-đề.
Người trí với chính pháp,
Bỏ chê bai tà chấp,
Khởi dụng nơi chính trí,
Được như ý thành tựu.
Bởi không hiểu pháp này,
Nên mãi khởi ngã kiến.
Do đó tạo ba nghiệp,
Sinh vào đường thiện ác.
Cho đến chưa chứng pháp.
Nếu diệt trừ ngã kiến,

Cung kính khởi chính cần,
Đối với giới, thí, nhân,
Tác pháp lấy làm đầu,
Và cho đến giữa, sau,
Là chân lý không rỗng.
Nay, mai sau, không đấm,
Do pháp được tiếng thơm,
Lâm chung không sợ hãi.
Đời sau được giàu sang,
Nên phải theo chính pháp.
Duy chính pháp trị dân,
Chính pháp thiên hạ mến.
Nếu vua được dân yêu,
Nay sau không bị gạt.
Nếu phi pháp trị dân,
Vua bị tôi chán ghét.
Do người đời ghét bỏ,
Nay và sau không vui.
Phép vua dối gạt người,
Là đại nạn ác đạo.
Ác trí với tà mạng,
Sao được gọi là chính?
Nếu ai chuyên dối người,
Làm sao nói việc chính?
Do đó với mọi loài,
Hằng bị chúng dối gạt.
Nếu muốn khiến oán u,
Bỏ mất lấy cái được.
Mình lợi do đây đủ,
Tức khiến oán u nào.
Nếu thí và ái ngữ,

Lợi hạnh cùng đồng sự.
Xin người nhiếp thế gian,
Nhờ đó hoằng chính pháp.
Nếu vua một lời thật,
Khiến dân sinh tin chắc.
Nếu bề trên vọng ngữ,
Không làm người an trụ.
Khởi thật ý không trái,
Điều tốt làm lợi tha,
Như thế là thật ngữ,
Ngược lại là vọng ngôn.
Nếu biết bỏ tiền của
Mà giấu được lỗi vua,
Như thế là mua chuộc,
Làm tổn đức của vua.
Nếu vua thối các ác,
Đức sâu người quý trọng.
Nhân đây khuyên minh vương,
Nên chuộng sự tĩnh lặng.
Bởi vua trí khó chuyển,
Tự hiểu không tin ai,
Hàng không gặp lừa dối,
Nên quyết phải tu trí.
Y để xả tĩnh trí,
Vua thì đủ bốn thiện.
Như bốn đức chính pháp,
Người trời đều ngợi khen.
Hay thuyết phục thanh tịnh,
Do trí bi không bản.
Hàng họp cùng người trí.
Trí vương pháp sinh trưởng.

Người khéo nói khó được,
Nghe lời hay cũng khó,
Người thứ ba hơn cả,
Mau chóng hành thiện giáo.
Nếu thiện dầu chẳng thích,
Đã biết thì mau tu.
Như vị thuốc tuy đắng,
Nhưng vẫn phải cố uống.
Vua sống lâu không bệnh,
Nhưng phải nghĩ vô thường.
Rồi sinh tưởng chán sợ,
Sau chuyên tâm tu trì.
Thấy chắc chắn phải chết,
Chết theo ác gặp khổ.
Người trí thấy hiện vui
Nên không tạo các tội.
Thấy một niệm không sợ,
Nếu thấy sau thì sợ.
Nếu một niệm tâm an,
Làm sao sau không sợ?
Say rượu bị người khinh,
Hỏng việc giảm sức lực.
Ngu si làm việc quấy,
Nên người trí dứt rượu.
Cờ bạc và du hí,
Là nhân sinh tham giận,
Dối gạt cùng ác khẩu,
Nên hằng phải lìa xa.
Sinh tội lỗi dâm dật,
Tưởng thân nữ thanh tịnh.
Suy tìm trong nữ thân,

Thật chẳng chút thanh tịnh.
Miệng đồ chứa nước dãi,
Răng lưỡi bản hôi hám,
Mũi thì có nước mũi,
Mắt thì có nước mắt,
Bụng ruột rả phân tiểu,
Còn thân là đồng thệ xương.
Người si mê không chán,
Nên tham đắm thân này.
Căn môn xú uế nhất,
Nhân của thân xấu xa.
Trong đó sinh ái nhiễm,
Do đâu được lia dục?
Nơi đại tiểu tiện,
Lợn ưa thích trong đó.
Cửa bất tịnh trong thân,
Nhiều hý dục cũng vậy.
Cửa này sở dĩ sinh,
Là bỏ thân thô uế.
Người si chấp tà ái,
Chẳng đoái điều thiện lợi.
Người tự thấy một phần,
Đại tiểu tiện bất tịnh
Tụ họp gọi là thân,
Sao người sinh ưa thích?
Đỏ trắng là giống sinh,
Nước bản làm dinh dưỡng.
Nếu biết thân bất tịnh,
Ý gì khổ sinh ái?
Đồng ô uế đáng ghét,
Hôi nhớp bọc trong da.

Nếu nằm được trong đó,
Thì hãy thích nữ thân.
Nếu đáng yêu đáng ghét,
Già lão và bé gái,
Nữ thân đều bất tịnh,
Ham muốn ở chỗ nào?
Dẫu đóng phân sắc đẹp,
Tướng yếu điệu đoan chính
Mà khởi ái không nên,
Yêu nữ thân cũng vậy.
Trong hôi rất bất tịnh,
Ngoài da bọc giấu che,
Là dòng giống tử thi,
Sao thấy mà không biết?
Da bất tịnh như áo,
Không thể tạm cởi giặt.
Làm sao da đóng bản
Tạm thời làm sạch được?
Bình đẹp đầy phân như
Nếu người ghét bề ngoài,
Thân này đầy ô ế,
Sao người lại không chán?
Nếu người ghét bất tịnh,
Thì sao không ghét thân?
Hương hoa và ẩm thực
Vốn sạch có thể như.
Nếu người đều ghét bỏ,
Phân như mình và người,
Thì sao người không chán
Thân bất tịnh mình người?
Nếu nữ thân bất tịnh,

Thân mình cũng như vậy.
Cho nên người là dục,
Vội trong ngoài tương xứng.
Chín cửa tuôn bất tịnh,
Tự chứng tự gột sạch.
Nếu không biết bất tịnh
Mà tạo ái dục luận,
Hi hữu cực vô tri,
Không xấu hổ khinh người,
Vội thân rất bất tịnh
Có ích lợi gì người?
Do đó nhiều chúng sinh
Vô minh che khuất tâm,
Bị dục trần kết oán
Như chó giành ăn phân.
Như gãi ngứa làm thích,
Không ngứa là thích nhất.
Có dục lạc như vậy,
Vô dục là thích nhất.
Nếu người nghĩ nghĩ này,
Lìa dục không được thành
Do nghĩ dục còn nhẹ,
Không gặp lỗi dâm dật.
Săn bắt thọ mạng ngắn,
Sợ hãi, khổ bức bách.
Đời sau ắt phải chịu,
Nên kiên trì từ bi.
Nếu ai người khác thấy
Sinh nơi sợ hãi kia,
Như phân bắn mình mẩy,
Tuôn ra các rắn độc.

Người ấy đến nơi kia
 Chúng sinh được an lạc.
 Như tháng hè mây kéo,
 Nhà nông thấy sắp mưa.
 Người nên bỏ pháp ác,
 Quyết tâm tu hạnh lành.
 Vì mình người đều được
 Quả Bồ-đề vô thượng.
 Là căn bản Bồ-đề,
 Tâm vững như núi chúa.
 Do thương xót mười phương
 Và nương trí không hai.
 Đại vương! Người hãy nghe,
 Do tôi nay nói đây,
 Cảm ba mươi hai tướng,
 Trang nghiêm lên thân người.
 Tháp miếu bậc Thánh tôn,
 Cúng dường hằng thân cận.
 Tay chân tướng luân báu,
 Sẽ thành vua Chuyển luân.
 Tay chân đều mềm mại,
 Thân lớn bảy chỗ cao.
 Do bố thí ăn uống
 Cho người được đầy đủ.
 Thân viên mãn đoan chính,
 Ngón tay chân tròn dài,
 Người sẽ được sống lâu,
 Do tha chết tử tội.
 Đại vương giữ vững pháp,
 Khiến hằng trụ thanh tịnh.
 Do đó được bình an,

Sẽ được thành Bồ-tát.
Hành bố thí, ái ngữ,
Lợi hạnh và đồng sự,
Do đó lưới ngón kín,
Tay chân tám mươi vẻ.
Bàn chân cao khả ái,
Lông xoay hướng lên trên.
Do lâu không vất bỏ
Chỗ giáo pháp thụ trì,
Do cung kính thí thụ
Minh xú và công xảo,
Nên được tướng đùi nai
Và thông minh đại trí.
Người cầu xin mình có,
Thì liền vui vẻ cho.
Do mở rộng tâm tay
Được làm vị hóa chủ.
Thân ái nếu chia ly,
Bồ-tát khiến hòa hợp.
Đây cảm tướng âm tàng,
Hằng mặc áo tầm quý.
Thường thí lâu cung điện,
Đồ tế nhuyễn khả ái,
Nên cảm sắc thân trời
Sáng láng và vi diệu.
Do thí vô thượng được
Nhu lý thuận tôn trưởng,
Cảm mỗi lỗ chân lông,
Tướng bạch hào đoan nghiêm.
Thường nói lời thiện ái
Lại thuận dạy chính giáo,

Trên thân như sư tử
Cổ tròn như Cam-phù
Xem bệnh cho thuốc uống,
Hoặc sai người săn sóc,
Nên được nách đầy đặn,
Ngàn mạch riêng trăm vị.
Các pháp sự tự tha,
Thường làm người đứng đầu.
Xương đỉnh Uát-ni-sa,
Gò má như Nặc-cù.
Do từ lâu nói khéo,
Thật đẹp những lời thiện,
Được tám tướng Phạm âm
Và tướng lưỡi dài rộng.
Đã biết sự thật lợi,
Thường thương vì người nói.
Được tốt như sư tử,
Mặt mày mới khả ái.
Do kính người không chê,
Tùy thuận hành chính lý.
Răng trắng đều ngay ngắn,
Ví như hàng ngọc trai.
Do thường tập lời này,
Thành thật không đâm thọc.
Nên đủ bốn mươi răng,
Đều đặn chắc sạch sẽ.
Do đoái trông chúng sinh,
Tâm không tham sân si,
Mắt ngọc trong xanh biếc,
Hiền như mắt ngưu vương.
Sơ lược nói như vậy
Tướng Đại nhân và nhân,

Chuyển luân vương Bồ-tát
 Đẹp đẽ người nên biết,
 Tùy tướng có tám mươi,
 Do từ bi lưu xuất.
 Đại vương! Tôi không nói
 Vì tránh lăm vẩn từ.
 Tuy các vua Chuyển luân
 Đồng có tướng tốt này
 Trong sáng và khả ái
 Đều không kịp Như Lai.
 Từ thiện tâm Bồ-tát
 Một phần trong một niệm
 Nhân tướng hảo Chuyển luân
 Còn không thể bì kịp.
 Một người muôn ức kiếp
 Tu thiện căn sinh trưởng,
 So Phật một mảy lông
 Không cảm được nhân này.
 Chư Phật với Chuyển luân,
 Trong tướng có một phần.
 Đom đóm ví mặt trời,
 Ánh sáng giống chút ít.

Phẩm 3: BỒ-ĐỀ TỰ LƯƠNG

Chư Phật đại tướng hảo,
 Sinh phúc khó nghĩ lường.
 Tôi nay vì người nói,
 Y Đại thừa A-hàm,
 Tất cả phúc Duyên Giác,
 Phúc hữu học, vô học,

Phúc mười phương thế gian,
Phúc thế gian khó lường,
Phúc đó gấp mười lần,
Cảm Phật một mấy lông.
Chín vạn chín ngàn lông
Phúc đều như vậy cả.
Như rất nhiều phúc đây
Sinh một mấy lông Phật.
Lại tặng gấp trăm lần
Mới cảm một tướng Phật.
Nhiều như vậy như vậy,
Mỗi tướng tốt được thành
Cho đến đủ tám mươi,
Tạo nên một tướng lớn.
Như vậy phúc đức nhóm
Cảm tám mươi tướng tốt.
Hợp lại tặng gấp trăm,
Bạch hào như mấn nguyệt.
Cảm được phúc bạch hào
Lại tặng gấp ngàn lần,
Phúc này khó cảm thấy
Trên đỉnh Uất-ni-sa.
Phúc vô lượng như vậy,
Phương tiện nói hữu lượng.
Trong tất cả mười phương,
Nói gấp mười thế gian,
Nhân sắc thân chư Phật
Hơn thế gian vô lượng.
Huống nhân pháp thân Phật
Mà còn giới hạn sao?
Nhân thế gian tuy nhỏ,

Mà quả lớn khó lường.
 Nhân Phật đã vô lượng,
 Quả không thể lường được.
 Chư Phật có sắc thân
 Đều do phúc hạnh khởi.
 Đại vương! Pháp thân Phật
 Do hạnh trí tuệ thành.
 Hạnh phúc tuệ của Phật
 Là chính nhân Bồ-đề.
 Người nên thường thực hành,
 Hạnh phúc tuệ Bồ-đề.
 Thành tựu phúc Bồ-đề,
 Người không sa chìm đắm.
 Hữu lý và A-hàm
 Khiến tín tâm an ổn.
 Như mười phương vô biên
 Hư không, địa, thủy, hỏa.
 Nổi khổ các chúng sinh
 Cũng vậy không bờ bến.
 Chúng sinh vô biên này,
 Bồ-tát nương Đại bi,
 Từ khổ mà cứu vớt
 Cho chúng đến Niết-bàn.
 Từ tâm kiên cố này,
 Lúc đi đứng ngủ thức,
 Hoặc thời ít phóng dật,
 Vô lượng phúc tuôn ra.
 Lượng phúc như chúng sinh
 Thường tuôn ra không ngắt.
 Nhân quả đã tương xứng,
 Nên Bồ-đề chẳng khó.

Thời tiết và chúng sinh,
 Bò-đề cùng phúc đức.
 Do bốn vô lượng này,
 Bò-tát vững tâm tu.
 Bò-đề tuy vô lượng,
 Do bốn vô lượng trước
 Tu hai hạnh phúc tuệ,
 Thì sao khó chứng đắc?
 Hai thứ hạnh phúc tuệ
 Là không có giới hạn.
 Bò-tát thân tâm khổ,
 uNên mau được tiêu trừ.
 Kìa ác đạo đòi khát,
 Thân khổ ác nghiệp sinh.
 Bò-tát hằng là ác
 Làm thiện khổ chẳng sinh.
 Tham dục, giận, hãi sợ,
 Tâm khổ từ si sinh.
 Do nương trí không hai
 Bò-tát là tâm khổ.
 Nếu gặp khi có khổ
 Khó nhẫn hướng chi nhiều.
 Khi không khổ dài lâu
 Có vui làm sao khó?
 Thân khổ hằng chẳng có,
 Tạm nói có khổ tâm.
 Thương thế gian hai khổ
 Nên hằng trụ sinh tử.
 Nên Bò-đề dài lâu
 Người trí tâm không đắm.
 Vì diệt ác sinh thiện,

*Tu hành không gián đoạn.
Tham sân và vô minh,
Xin người biết lìa bỏ.
Không tham và các thiện,
Biết thì cung kính tu.
Do tham sinh nọ quý,
Do sân đọa địa ngục,
Do si vào súc sinh.
Ngược lại hoặc trời, người.
Bỏ ác và tu thiện,
Pháp này là nhân vui.
Nếu là pháp giải thoát,
Do trí bỏ hai chấp.
Phật tượng và tháp miếu,
Đền đài và chùa chiền,
Tốt nhất để cúng dường,
Người nên thành kính lập.
Ngôi tòa hoa sen báu,
Nét vẽ đẹp vi diệu,
Các thứ kim loại báu,
Người nên tạo tượng Phật.
Chính pháp và Thánh chúng
Đem mạng mà bảo hộ.
Tàn lọng và lưới báu,
Dâng cúng che tháp miếu.
Vàng bạc các hoa báu,
San hô, ngọc, lưu ly,
Và ngọc xanh Đế Thích,
Kim cương cúng tháp đền.
Người biết giảng chính pháp,
Đem cúng dường bốn việc.*

Các pháp sáu hòa kính,
 Thường phải siêng tu hành.
 Với tôn đức kính nghe,
 Phục vụ và hầu hạ.
 Bỏ-tát ắt phải làm,
 Quên mình mà cúng dường.
 Với thiên ma ngoại đạo,
 Không gán gũi lễ kính.
 Do không biết tin tà,
 Chớ theo ác tri thức.
 Phật A-hàm và luận,
 Biên chép, đọc tụng, thí,
 Cũng cho giấy bút mực,
 Người nên tu phúc này.
 Trong nước lập trường học,
 Mướn thầy và chiêu sinh,
 Tạo cơ nghiệp dài lâu,
 Hạnh của người trí tuệ,
 Kỹ thuật, y, lịch, số,
 Điều hỗ trợ nghề nông.
 Giúp già trẻ bệnh khổ,
 Làm lợi ích đất nước.
 Làm đường sá, Già-lam,
 Vườn, hồ nước, nhà nghỉ,
 Trong đó cấp phương tiện,
 Chiếu chăn đồ ăn uống,
 Nơi vùng miền lớn nhỏ,
 Nên xây dựng chùa quán.
 Đường dài thiếu nước uống,
 Đào ao và giếng nước.
 Nghèo bệnh không chỗ nương,

*Kẻ thấp bé sợ hãi,
Đem từ bi nhiếp thụ,
Ân cần an lập chúng.
Tùy lúc cho ăn uống,
Rau quả và gạo thóc.
Đám đông và người cần,
Chưa cho chớ dùng trước.
Dép, dù, bình, dao, nhiếp,
Kim, chỉ và quạt tay,
Các đồ dùng nghỉ ngơi,
Nên thí cho chùa quán.
Tam quả và tam tân,
Mật, đường, sữa, thuốc mắt.
Hàng phải được nghỉ ngơi
Sách đọc cùng thuốc thang,
Dầu xoa thân xức tóc,
Bồn tắm và đèn sáng,
Đồ đựng nước, dao, búa,
Nên cấp cho chùa quán.
Gạo thóc, mè các thứ,
Cũng cấp đường, dầu ăn,
Hàng để nơi mát mẻ,
Và nước sạch đầy vò.
Nơi lỗ kiến hang chuột,
Cho thức ăn, gạo, đường.
Hãy khiến người tin cậy
Ngày ngày phân bố đủ.
Trước hay sau khi ăn,
Hàng thí cho ngựa quý.
Nào chó, chuột, chim, kiến.
Hãy hàng thí cho ăn.*

*Khi nạn đói dịch bệnh,
Hạn hán và giặc cướp,
Việc cần phải cứu tế,
Xin người hăng xót thương.
Nhà nông không đủ sức,
Cấp giống má nông cụ.
Tùy thời cho miễn thuế,
Hoặc điều chỉnh giảm nhẹ.
Thí vật giúp nghèo thiếu
Xuất tức chẳng trường khinh.
Thiết lập chỗ nghỉ ngơi
Để khi tiếp khách khứa.
Gần xa có trộm cướp,
Phương tiện khiến dứt trừ.
Tùy thời phái khách buôn,
Làm bình ổn vật giá.
Triều đình xét đoán việc,
Tự quan sát đúng lý.
Việc gì lợi muôn dân,
Thường cung kính tuân thủ.
Tự lợi nên làm gì.
Người hăng tự suy nghĩ.
Làm sao được lợi tha
Phải gấp suy nghĩ trước.
Địa thủy hỏa và phong
Thảo dược và cây rừng
Như thế hoặc tạm thời
Cho không hại chính sách.
Bảy bước nên khởi tâm
Xả của cải trong ngoài.
Bồ-tát phúc đức thành*

Khó lòng như hư không.
Đồng nữ sắc đoan nghiêm,
Huệ thí mong cầu được,
Nên được Đà-la-ni
Giữ gìn tất cả pháp.
Yêu sắc đủ trang nghiêm,
Cùng tất cả phương tiện,
Thí tám vạn đồng nữ,
Khi xưa Phật Thích-ca
Sáng chói đủ các sắc
Y phục và trang sức
Hương thơm đều đem thí
Do thương kẻ mong cầu.
Nếu ai lìa duyên này
Không an hành nơi pháp
Thì nên thí cho họ,
Quá đây sau chớ thí.
Độc cũng có thể thí
Nếu có thể lợi tha.
Dầu cam lồ không thí
Nếu tổn hại người khác.
Rắn cắn ngón tay người,
Phật cũng cho thì trờ.
Hoặc Phật dạy lợi tha,
Bức nã cũng làm được.
Phải nắm vững chính pháp
Và thuyết pháp cho người.
Cung kính vâng nghe pháp,
Hoặc đem pháp thí người.
Chớ chuộng đời khen ngợi,
Hằng yêu pháp xuất tục.

Nếu lập đức cho mình,
Thì với người cũng vậy.
Học chớ lấy làm đủ,
Tư duy tu thật nghĩa,
Với thầy nghĩ báo ơn,
Cung kính thì không tiếc.
Chớ đọc các tà luận,
Vì kiêu căng tranh cãi.
Không nên khen đức mình,
Oán đức cũng đáng khen.
Chớ bới chuyện riêng ai,
Và ác tâm đâm thọc.
Mình có lỗi với ai,
Như lý xét sám hối.
Nếu do lỗi làm này
Người trí quả trách ai,
Mình phải lia lỗi ấy,
Mới cứu được người khác.
Ai làm nhục chớ giận,
Hãy quán nghiệp đời trước.
Người ác chớ báo thù,
Để sau khỏi thụ khổ.
Chỉ tự mình chịu khổ,
Cầu mọi người được vui.
Nếu được giàu sang lớn,
Thì chớ nên tự cao.
Gặp oan uổng nọ quý,
Chớ khởi hạnh hạ bi.
Giả sử mất ngôi vua,
Hoặc chết do lời thật,
Cũng hằng nói lời ấy.

*Không thật lợi im lặng.
Nói và làm đi đôi,
Xin người gắng làm lành.
Nhân đó tiếng tốt truyền,
Tự tại thành thắng lượng.
Xin hãy lựa chọn kỹ
Sau y lý mà làm.
Chớ làm theo người khác,
Tự mình hiểu thật nghĩa.
Nếu y lý làm thiện,
Tiếng tốt khắp mười phương.
Vương hầu đều quy tụ,
Giàu sang càng thêm lớn.
Duyên chết trăm một thứ,
Nhân thọ mạng không nhiều.
Nhân này hoặc duyên chết,
Nên hằng phải tu thiện.
Nếu ai hằng tu thiện,
Thì sẽ được an vui.
Nếu tự tha bình đẳng,
Thiện lạc này trọn vẹn.
Y pháp là tính người,
Ngủ thức thường an lạc.
Mơ thấy toàn việc tốt,
Do tâm không tội ác.
Ai phụng dưỡng cha mẹ,
Cung kính bậc tôn trưởng.
Kính người thiện dùng tiên,
Nhẫn nhục độ lượng lớn.
Nhỏ nhẹ không đâm thọc,
Lời thật mọi người vui.*

Đây nhân vua chín trời,
Nên tu hành suốt đời.
Do xưa tu chín pháp,
Thiên chủ cảm ngôi vua.
Thời thời nơi giảng đường,
Đến nay hằng nói vậy.
Một ngày thí ba lần,
Mỹ thực ba trăm món.
Phúc chẳng kịp sát-na
Hành từ trăm phần một.
Trời người đều ái hộ,
Ngày đêm thụ hỷ lạc.
Khỏi lửa, độc, đao, gậy,
Là hiện quả hành từ.
Không dụng công được của,
Sau sinh trời Sắc giới,
Được từ, mười công đức.
Nếu người chưa giải thoát
Dạy tất cả chúng sinh
Vững phát tâm Bồ-đề.
Bồ-tát đức như núi,
Tâm Bồ-đề kiên cố,
Do tin là tám nạn,
Nhân giới sinh đường thiện.
Thường tu chân như không
Được thiện không phóng dật.
Không siểm được niệm căn,
Tu duy được tuệ nhãn.
Cung kính được nghĩa lý.
Hộ pháp cảm túc mạng.
Bố thí nghe chính pháp,

*Không trở ngại người nghe.
Mau được như sở thích,
Và gặp gỡ chư Phật.
Không tham, việc thành tựu.
Không xan, của cải nhiều.
Không kiêu, lên thượng phẩm.
Pháp nhân được tông trì.
Do hành năm thật thí,
Và thí vô bố úy,
Mắng nhiếc chẳng làm nhục
Nên cảm sức thắng lớn.
Dãy đèn sáng đèn tháp,
Cầm đuốc soi tâm tối.
Thí dầu tiếp nối sáng
Nên được tịnh thiên nhãn.
Khi cúng dường đèn tháp
Đánh trống trời âm nhạc,
Cùng với thổi sừng ốc,
Nên được tịnh thiên nhĩ.
Với lỗi người, im lặng.
Không nói ai thiếu đức.
Tùy thuận theo ý người,
Nên được tha tâm trí.
Do thí dép, xe, thuyền,
Chuyên chở người thiếu kém,
Cung kính bậc tôn trưởng,
Nên được như ý thông.
Khiến người nhớ pháp sự,
Và nghĩa lý chính pháp,
Hoặc tịnh tâm thí pháp,
Nên cảm túc mạng trí.*

Do biết nghĩa chân thật,
 Là các pháp không tính,
 Được thần thông thứ sáu.
 Tối thắng là lậu tận,
 Bình đẳng bi tương ứng,
 Do tu trí như thật,
 Nên tự được thành Phật.
 Hằng giải thoát chúng sinh.
 Do các thứ tịnh nguyện,
 Nên cõi Phật thanh tịnh.
 Các báu cúng đèn tháp,
 Nên hào quang vô biên.
 Nghiệp và quả như vậy,
 Đã biết nghĩa tương ứng,
 Nên phải tu lợi tha,
 Tức Bồ-tát tự lợi.

Phẩm 4: CHÍNH GIÁO VƯƠNG

Nếu vua làm phi pháp,
 Làm việc trái đạo lý,
 Người thờ vua cũng khen,
 Nên tốt xấu khó biết.
 Cũng có người thế gian
 Không ưa thiện, khó dạy.
 Huống chi bậc Đại vương
 Nhận được lời nói thiện.
 Tôi nay thương xót người,
 Và thương cả người đời,
 Nên tôi dạy điều thiện,
 Thật ích nếu chẳng thích

Chân thật có nghĩa lợi,
Y thời do từ bi
Phật khiến dạy đệ tử
Nên tôi vì người nói.
Nếu nghe lời chân thật
Thì xin trụ không giận.
Nếu được phải chấp nhận
Như tắm dùng nước sạch.
Tôi nay nói lời thiện,
Nay sau có lợi ích.
Người biết phải thực hành,
Vì mình và vì đời.
Do xưa thí nghèo khổ,
Nên nay được giàu có.
Do tham chẳng biết ơn,
Bỏ thí sẽ không được.
Chỉ lương thực đi đường,
Chẳng muốn ai mang giúp.
Do thí cho hạ phẩm
Đời sau nặng gáp trăm.
Xin người phát đại tâm,
Hàng xây dựng việc lớn.
Làm việc với đại tâm,
Người đó được quả lớn.
Tâm ý mà nhỏ mọn,
Chưa hề chạm tâm nguyện,
Tiếng tốt và việc tốt
Nương Tam Bảo nên làm
Xin vua chớ xem nhẹ.
Nếu việc làm phi pháp,
Chết cũng khởi ô danh,
Không làm là tốt nhất.

Rộng làm việc đại sự,
Đại nhân hi hữu dụng,
Trở ngại nguyện kẻ dưới,
Dùng mạng thành việc này
Không giữ mình bỏ người
Một mình vào vị lai.
Nếu nơi pháp an tài,
Trước đến nghịch đối nhau,
Các sản nghiệp vua trước,
Bỏ gốc thuộc vua mới.
Có thể vì vua trước
Sinh pháp lạc hảo danh.
Dùng của hiện thụ vui,
Nếu thí cảm vui sau.
Nền không, hai đều mất,
Chỉ sống khổ không vui.
Sắp chết muốn hành thí,
Trở ngại mất tự do.
Mất ngôi nên bỏ ái,
Theo lạc dục vua mới.
Nếu bỏ tất cả vật
Người yên tâm hoàng pháp.
Cũng thường nơi duyên chết
Như ngọn đèn trước gió.
Các vua trước tạo lập
Nơi công đức bình đẳng
Là đèn miếu thiên thân,
Xin tu sửa như cũ.
Lìa sát hại, hành thiện,
Giữ giới bao dung hết.
Làm giàu không tranh giành,

Gắng sức hằng tu thiện.
Thanh tịnh không tích tụ,
Không bỏ dẫu việc người,
An lập và dắt dẫn,
Kho công đức cho đời.
Mù lòa, bệnh, khuyết tật,
Đáng thương kẻ bơ vơ.
Nơi miếu đường chẳng cảm,
Bình đẳng cho uống ăn.
Đạo đức chẳng cầu người,
Hoặc ở nơi vua chúa.
Cung cấp cũng như nhau
Không có tâm đây kia.
Vời tất cả pháp sự
Nên kiếm người mạnh, siêng,
Không tham, lành, có trí,
Sợ tội, không phạm pháp,
Hiểu chính luận, hành thiện,
Thân ái, bốn quán tịnh.
Đẹp lời, không khiếp sợ,
Thượng tính, biết giữ giới.
Biết ơn, biết người khó,
Biết quyết đoán đúng lý.
Tám nhãn hỗ trợ nhau,
Vi nước lập đại thân
Nhu hòa độ lượng lớn,
Dũng mãnh biết thờ vua,
Kiên thật trọng của cải,
Hàng thiện, không phóng dật.
Việc làm suy nghĩ kỹ,
Phân biệt mười hai luân.

Thường hành bốn phương tiện,
Nên lập làm đại thần.
Giữ pháp, giới thanh tịnh,
Hiểu việc, có năng lực,
Biết làm ra của cải,
Biết kỹ thuật, tính toán,
Hiểu tâm sự người khác,
Sợ tội, thân yêu vua,
Giàu có, nhiều quyền thuộc,
Nên lập làm quan chức.
Ngày ngày nên thăm hỏi
Việc thu nhập chi xuất.
Cũng hỏi việc hành pháp,
Hoan hỷ khéo dạy bảo.
Vì pháp ở ngôi vua,
Chẳng cầu danh dục trần.
Ngôi vua hơn có lợi,
Khác đây thì không nên.
Đại vương tức thế gian,
Phần nhiều ăn nuốt nhau.
Lập nghĩa ngôi pháp vương,
Xin người nghe tôi nói.
Trưởng lão ở nơi vua,
Thượng tộc rõ thị phi.
Ghét xấu, nhiều tùy thuận,
Xin chúng xem việc vua,
Phạt trời cùng đánh đập,
Nếu chúng theo lý làm,
Tâm vua thường đại bi
Nên ra ơn cho chúng.
Vì lợi cho mọi người

Nên hằng khởi từ tâm.
Nếu chúng làm quá ác
Cũng nên sinh đại bi.
Ác nặng rất hại tâm
Nên bi tâm cho chúng.
Chúng tức là bi khí,
Người chính hành bi cảnh.
Người nghèo nếu bị giữ,
Năm ngày phải thả ra.
Người khác thì đúng lý,
Tùy người chớ câu lưu.
Nếu ở nơi một người
Trói nhốt để lâu ngày
Tùy người sinh chẳng hộ
Do đó ác lưu hành.
Cho đến chúng chưa tan,
Tuy trói cũng an lạc.
Tắm rửa và ăn uống,
Thuốc thang, quạt, các thứ,
Vua muốn người thành khí,
Nương bi lập thiện giáo.
Thiện ác người như nhau,
Chẳng do giận và dục.
Nghĩ kỹ biết thật rồi
Người thêm khởi phản nghịch.
Không giết, không ép chúng,
Xin vua đuổi xứ khác.
Thấy nhà mình như oán,
Người tham dự tịnh nhàn
Hằng niệm không phóng dật
Xin làm như pháp sự.

Trọng thưởng và cúng dường,
Người có ơn đều được.
Nếu ơn đức hơn kém,
Báo thưởng cũng như vậy.
Tương tiếp là đơm hoa,
Thưởng cho là đại quả.
Cây vua bóng nhẵn nhục,
Chim dân đậu khắp cành.
Vua giữ giới bố thí,
Có oai được lòng người.
Vi như viên đường cát,
Vị thơm ngọt hòa nhau.
Nếu vua y đạo lý
Ngu pháp quyết không làm.
Không khó, không phi pháp,
Hằng có pháp hoan lạc.
Nếu không từ đời trước
Không thể dẫn đời sau.
Ngôi vua từ pháp được,
Thì chớ nên hoại pháp.
Ngôi vua như tiệm buôn
Truyền trao cho đúng giá.
Không cầu xin mà được,
Người nên làm như vậy.
Ngôi vua như tiệm buôn,
Truyền ngôi cho đúng giá.
Nếu như muốn cầu được,
Vậy thì phải tu hành.
Vua Chuyển luân được đất
Hoặc đủ bốn thiên hạ,
Chỉ thân tâm an lạc,

Còn giàu sang đều rỗng.
Chỉ đối trị các khổ,
Là thân được an lạc.
Tâm vui là tướng loại,
Đều phân biệt làm ra.
Đối trị khổ là thể,
Và phân biệt là loại.
Tất cả vui thế gian,
Đều rỗng không chân thật.
Lãnh thổ cùng đất đai,
Ngai vàng với áo bào,
Ăn uống, ngủ, xe cộ,
Voi ngựa và thê thiếp,
Nếu tâm duyên thứ nào,
Là thứ đó sinh vui.
Những cảnh khác không duyên,
Thành rỗng không, vô dụng.
Năm căn duyên năm trần,
Nếu tâm không phân biệt
Thì tuy được thành trần,
Không do đó sinh vui.
Căn này duyên trần này,
Ngoài ra không năng sở.
Nên các căn trần khác
Thật sự không có nghĩa.
Căn này duyên trần này,
Tâm thủ tướng quá khứ,
Phân biệt khởi tịnh tướng,
Nơi đó sinh lạc thụ.
Khi tâm duyên một trần,
Tâm trần không cùng lúc.

Đã lìa tâm chẳng trần,
Lìa trần cũng chẳng tâm.
Lấy cha mẹ làm nhân,
Người nói có con sinh.
Cũng vậy mắt duyên sắc,
Thì nói có thức sinh.
Căn trần đời vị lai
Bất thành do vô nghĩa.
Không lìa hai đời nên
Hiện căn trần vô nghĩa.
Như mắt thấy vòng lửa,
Là do căn đảo loạn.
Ở trong trần hiện tại,
Căn duyên trần cũng vậy.
Năm căn và cảnh giới
Là loại trần bốn đại.
Mỗi một đại rỗng không,
Trần căn phi bất hữu.
Nếu đại tách rời thành,
Rời củi lửa cũng vậy.
Nếu lìa, không biệt thể,
Trần cũng đồng như thể.
Bốn đại hai nghĩa rỗng,
Nên không thành hòa đồng.
Đã thật không hòa đồng,
Nên sắc trần chẳng thành.
Thức, thụ, tưởng và hành,
Mỗi mỗi thể bất thành.
Không hợp, trái duyên sinh,
Phi hữu nên không hợp.
Nếu phân biệt hỷ lạc,

Duyên khổ đối trị thành.
Cũng vậy nếu chấp khổ,
Do lạc hoại nên thành.
Vời lạc hòa hợp ái,
Duyên vô tướng thì diệt.
Vời khổ xa lìa tham,
Do đó quán không sinh.
Nếu theo thế tục nói,
Tâm là người năng kiến.
Không vậy lìa sở kiến,
Sẽ bất thành sở kiến.
Quán hành thấy thế gian,
Nhu huyễn, thật chẳng có.
Không thủ, không phân biệt,
Bát-niết-bàn như lửa.
Bồ-tát thấy như vậy,
Bồ-đề không thoái lui.
Do đại bi dắt dẫn,
Tiếp tục đến quả Phật.
Chư Bồ-tát tu đạo,
Phật nói nơi Đại thừa,
Người vô trí ganh ghét,
Tự hại, không chấp nhận.
Không biết, mất công đức.
Vời đức khởi tưởng mắt,
Hoặc ganh ghét thắng hơn,
Nên chê bai Đại thừa.
Nếu biết tội hại người,
Công đức được lợi ích,
Nên nói người phỉ báng,
Không biết, ghét điều thiện.

Do không quán tự lợi,
Một mặt lợi ích người.
Đại thừa chứa các đức,
Chê người như bụi tro.
Tin người do tà chấp,
Không tin do ganh ghét,
Tin người, chê, còn chấy,
Huống chi là giận ghét.
Hợp độc làm trị độc,
Như y học có nói.
Khổ diệt ác cũng diệt,
Nói thế có sai đâu.
Các pháp tâm đi trước,
Bỏ tâm là đứng đầu.
Khổ diệt ác người khác,
Người thiện tâm không lỗi.
Khổ đến nếu có lợi,
Nên chịu huống chi vui.
Hoặc nơi mình và người,
Đây vốn pháp đứng đầu.
Có thể bỏ chút vui,
Mà sau được vui lớn.
Người trí bỏ vui nhỏ,
Xét đến vui lớn sau.
Nếu không chịu lời này,
Thầy thuốc cho khổ vui.
Phạm tội không thể thứ,
Nên nghĩa không phải vậy.
Hoặc thấy sự không đúng,
Người trí làm theo nghĩa,
Hoặc ngăn cấm hoặc cho,

Nghĩa này nhiều nơi có.
Chư Bồ-tát oai nghi,
Bi là trước trí thành.
Đại thừa nói như thế,
Nhân đâu phỉ báng được?
Không biết nên chìm đắm.
Thượng thừa nghĩa rộng sâu.
Nên phỉ báng Đại thừa,
Thành tự tha oan trái.
Thí, giới, nhẫn, tinh tiến,
Định trí bi là thể.
Vậy Phật nói Đại thừa,
Có gì tà thuyết lậu?
Do thí giới lợi tha,
Nhẫn, tiến là tự lợi.
Định tuệ thoát tự tha,
Lược thấu Đại thừa nghĩa.
Lược nói chính giáo Phật
Là giải thoát tự tha.
Sáu độ là kho tàng,
Ai có thể bác bỏ?
Phúc tuệ là chủng loại
Phật nói đạo Bồ-đề,
Lập đó là Đại thừa,
Si ám không thể nhẫn.
N hư không, khó lường,
Phúc tuệ hành thành tự.
Chư Phật đức khó lường.
Nơi Đại thừa nguyện nhẫn.
Đại đức Xá-lợi-phất,
Phật giới chẳng phải cảnh

Nên Phật đức khó lường.
Làm sao không thể nhân?
Nơi Đại thừa vô sinh,
Tiểu thừa nói không diệt.
Vô sinh diệt một thể,
Chớ trái phản tự nghĩa.
Chân không và Phật đức,
Nếu như pháp lựa chọn,
Đại, Tiểu hai thừa giáo,
Người trí không tranh cãi.
Phật nói không liễu nghĩa,
Người hạ trí khó hiểu.
Trong một thừa ba thừa,
Tự thể chớ tổn thương.
Nếu bỏ không phi phúc,
Nếu ghét ác không thiện,
Nếu muốn yêu tự thân,
Không nên chê Đại thừa.
Bồ-tát nguyện và hạnh,
Hồi hướng bình đẳng không.
Nếu tu theo Tiểu thừa,
Làm sao thành Bồ-tát?
Bồ-tát đạo bốn y,
Nơi Tiểu thừa không nói.
Phật đã tu pháp nào,
Mà nói hơn được kia?
Y bốn đế, trợ đạo,
Phật với kia nếu đồng,
Tu nhân đã không khác,
Thì sao quả vượt hơn?
Hạnh Bồ-đề chung riêng,

Trong Tiểu thừa không nói.
Trong Đại thừa nói đủ,
Nên người trí tin thụ.
Như Luận Tì-già-la,
Trước dạy học tự mẫu.
Phật lập giáo như thế,
Để thụ hóa căn tính.
Hoặc có nơi nói pháp,
Khiến kia lia các ác.
Hoặc vì thành phúc đức,
Hoặc y trước cả hai,
Hoặc vì trừ cả hai,
Rất sâu sợ người kém.
Hoặc rất thương là trên
Khiến người thành Bồ-đề.
Cho nên người thông minh
Không nên ghét Đại thừa.
Khởi tâm tin thụ hơn
Để được vô thượng giác.
Do tin thụ Đại thừa,
Thực hành Đại thừa giáo,
Nên thành đạo vô thượng.
Trung gian các thứ vui,
Thí, giới và nhẫn nhục,
Là vì tại gia nói.
Pháp này bi là trên,
Xin người tu thành tính.
Do đời không bình đẳng,
Vương vị nếu trái pháp,
Vì tiếng tốt và pháp,
Sự và xuất gia hơn.

Phẩm 5: CHÍNH HẠNH XUẤT GIA

Người xuất gia sơ học,
 Kính tâm tu cấm giới.
 Với Mộc-xoa Tì-ni,
 Học nhiều nghĩa phá lập.
 Tiếp khởi tâm chính cần,
 Là thô loại phiền não.
 Có đến năm mươi bảy,
 Hãy nghe tôi sẽ nói.
 Quái gọi tâm trái nhau,
 Hận là kết lỗi người.
 Giấu che ác tội danh,
 Và trước ác hiển thiện.
 Khoe người là lừa dối,
 Siểm là tâm uốn cong.
 Tật thì lo đức người.
 Bỏ sến, sợ sệt, bỏ,
 Không hổ và không thẹn,
 Với mình người là sĩ.
 Không hạ mình kính người,
 Động loạn, sân, phương tiện.
 Say là bắt kẻ người,
 Phóng túng không tu thiện.
 Khinh mạn có bảy thứ.
 Tôi nay sẽ lược nói.
 Nếu ai khởi phân biệt,
 Từ hạ hạ, đặng đặng,
 Từ hạ và đặng thắng,
 Phiền não này là mạn.
 Hạ nhân chấp tỵ thân
 Hạ như đối đặng nhân.

Nói đây là hạ mạn.
Do tự hạ đẳng loại.
Người hạ, cao tự mình,
Cùng thắng nhân bình đẳng.
Phiền não này cao mạn,
Do tự cao đẳng thắng.
Hạ nhân chấp tự mình,
Thắng hơn người loại thắng.
Nơi năm thứ thủ ám,
Tự tính không, không người,
Do si nên chấp ngã,
Nói đây là ngã mạn.
Thật chưa được Thánh đạo,
Chấp tự mình đã được,
Do tu đạo thiên lệch,
Nên gọi tăng thượng mạn.
Nếu ai do làm ác,
Mà chấp tự mình hơn.
Lại bác bỏ đức người,
Gọi đây là tà mạn.
Nay tôi không dùng nữa,
Hoặc là hạ tự thể,
Đây cũng gọi hạ mạn,
Chỉ duyên tự thể khởi.
Vi cầu lợi dưỡng khen.
Nên nhiếp thủ sáu căn.
Năng ẩn ý tham dục,
Hoặc này là cống cao.
Vi được lợi cúng dường,
Với người khởi ái ngữ.
Hoặc này duyên thế pháp,

Nói đây là tạ ngôn.
Vì muốn được vật kia,
Nếu khen tốt của này,
Thì gọi là hiện tướng,
Vì biểu thị tự tâm.
Để muốn được sở cầu,
Hiện tiền chẳng bác bỏ,
Thì gọi là quở trách,
Hàng phục kia khiến thuận.
Do thí muốn cầu lợi,
Hoặc khen kia đạo đức,
Gọi là lợi cầu lợi,
Đây gồm năm tà mạng.
Nếu ai duyên lỗi người.
Tâm số các thứ tụng,
Thì gọi là ám ái.
Hoặc này tập hận tâm,
Kinh sợ không thể yên.
Do không biết và bệnh,
Vớ hạ thô tự đủ,
Chê bai và biếng nhác,
Dục, sân, si, ô tưởng,
Gọi là các thứ tướng.
Không bằng hiện quán sát,
Gọi là phi tư duy.
Biếng nhác với việc chính,
Gọi là không cung kính.
Vớ thầy chẳng biết tôn,
Gọi là không tôn trọng.
Thượng tâm muốn phát khởi,
Bên ngoài là kiên trước.

Thượng tâm kiên muốn sinh,
Tối trọng là biến trước.
Của cái sinh trưởng: dục.
Chẳng biết đủ là tham.
Ái trước nơi tha vật,
Gọi là bất đẳng dục.
Với người nữ phi cảnh,
Muốn được phi pháp dục,
Không đức tỏ ra đức,
Gọi đó là ác dục.
Lìa tri túc hằng cầu,
Gọi đó là đại dục.
Muốn người biết đức mình,
Gọi là vì biết dục.
Không yên chịu thụ khổ,
Thì gọi là bất nhẫn.
Với thầy tôn chính sự
Tà hạnh là không quý.
Như pháp khéo dạy bảo,
Khinh mạn là khó dạy.
Với người thân, ái trước
Tư duy là thân giác.
Do dục nơi phương tiện
Muốn được là độ giác.
Không nghĩ chết sợ hãi
Gọi là bất tử giác.
Do chân thật công đức,
Muốn người tôn trọng mình,
Tư duy duyên thức khác,
Gọi là thuận giác giác.
Do tâm yêu và ghét,

Nghĩ lợi mình hại người,
 Duyên mình và người khác,
 Gọi là hại tha giác.
 Tâm nhiễm ô nghĩ nhớ
 Vô y là bất an.
 Thân nặng nề là cực.
 Trì hoãn là lười biếng.
 Do các phiền não trên
 Khúc phát thân là tần.
 Thân loạn ăn quá độ
 Gọi là say mê ăn.
 Thân tâm cực mệt mỏi,
 Đó gọi là hạ liệt.
 Tham ái nơi năm trần,
 Đó gọi là dục dục.
 Có ý tổn hại người,
 Từ chín nhân duyên sinh,
 Ba thời nghi tai họa,
 Đó gọi là giận dữ.
 Do thân tâm nặng nề,
 Không được việc là yếu.
 Tâm tối tăm là ngu.
 Thân tâm trao là động.
 Do hối hận việc ác,
 Sau lo là đốt cháy.
 Đói Tam Bảo, Tứ đế,
 Do dự gọi là nghi.
 Nếu Bồ-tát xuất gia,
 Phải liả thô loại này.
 Nếu khỏi được ác này,
 Đói trị đức dễ sinh.

Trong đây các công đức,
Bồ-tát phải tu trị,
Là thí, giới, và nhĩn,
Vớ cầ, địn, tuệ, bi.
Xả của mình là thí.
Làm lợi người là giới.
Giải thoát giận là nhĩn.
Làm thiện là tinh tiến.
Tâm tĩnh lặng là địn.
Thông chân nghĩa, là trí.
Vớ tất cả chúng sinh,
Làm lợi gọi là bi.
Thí, sinh, phú, giới, lạc,
Nhĩn, ái, cầ, diệm xí,
Địn tĩnh trí giải thoát,
Bi sinh tất cả lợi.
Bảy pháp này nếu thành,
Đều đượ đến cứu cánh.
Cánh giới trí khó lường,
Khiến đến Thế Tôn vị.
Nhu ở trong Tiểu thừa
Nói các đạ Thanh Văn,
Sơ đạ là Hoan hỷ.
Trong Hoan hỷ ít có,
Do ba kết diệt hết,
Và sinh trong nhà Phật.
Do quả báo đạ này,
Hiện tiền tu thí độ.
Trong trăm thế giới Phật,
Đượ tự tại bất động.
Trong Diêm-phù các châu,

Làm Đại Chuyển luân vương.
 Trong thế gian hằng chuyển
 Bảo luân và Pháp luân.
 Thứ hai là Vô cầu,
 Thân, khẩu, ý các nghiệp,
 Mười thứ đều thanh tịnh,
 Tự tính được tự tại.
 Do quả báo địa này,
 Hiện tiên tu giới độ.
 Trong ngàn thế giới Phật
 Được tự tại bất động.
 Tiên, người, trời, Đế Thích,
 Trừ được thiên ái dục,
 Thiên ma và ngoại đạo
 Đều không lay động được.
 Thứ ba là Minh diệm,
 Sinh ánh sáng tịch tuệ.
 Do định và thần thông
 Dục sân phiền não hết.
 Do quả báo địa này
 Hiện tiên tu nhân độ.
 Trong muôn thế giới Phật
 Được tự tại bất động.
 Làm vua trời Dạ-ma,
 Diệt thân thấy tập khí.
 Tất cả tà sư chấp,
 Năng phá, năng chính giáo.
 Thứ tư là Thiêu nhiên,
 Lửa trí ánh sáng sinh.
 Do quả báo địa này,
 Tinh tiến độ hiện tiên.

*Tu tập nhiều đạo phạm,
Diệt phiền não sinh đạo,
Đâu-suất-đà thiên chủ,
Trừ ngoại đạo kiến giới.
Do được sinh Tự Tại.
Trong mười phương cõi Phật.
Đi về không chướng ngại,
Nghĩa khác như địa trước.
Thứ năm tên Nan thắng,
Ma hai thừa chẳng kịp.
Thánh đế nghĩa vi tế
Vi chứng kiến sở sinh.
Do quả báo địa này
Định độ được hiện tiền
Làm Hóa Lạc thiên chủ,
Quay Nhị thừa hướng Đại.
Thứ sáu tên Hiện tiền,
Vi chính hướng Phật pháp.
Do thường tập định tuệ
Chứng được diệt viên mãn.
Do quả báo địa này,
Bát-nhã độ hiện tiền.
Tha Hóa Tự Tại thiên
Giáo hóa chân tục đế.
Thứ bảy tên Viễn hành.
Viễn hành số liên tục.
Trong đó niệm niệm được,
Vô sinh và vô diệt.
Do quả báo địa này,
Trí phương tiện hiện tiền,
Được làm Đại Phạm thiên,*

Thông hiểu Đệ nhất nghĩa,
Chứng phương tiện thắng trí,
Lực độ sinh vô gián.
Trong Tam thừa thế tục,
Là người thầy thứ nhất.
Đồng tử địa bất động
Do bất xuất chân quán,
Vô phân biệt khó lường,
Phi thân khẩu ý cảnh.
Do quả báo địa này
Nguyên độ thường hiện tiền.
Thắng Biến Quang Phạm chủ.
Tịnh độ như Tự tại.
Nhi thừa đều không kịp.
Nơi chân tục nhất nghĩa,
Đều tu động tĩnh nên
Hành nhị lợi vô gián.
Thứ chín là Thiện tuệ.
Ngôi Thái tử Pháp vương.
Trong đây trí hơn hết,
Thông đạt bốn biện tài.
Do quả báo địa này,
Lực độ thường hiện tiền.
Làm Phạm vương Biến Tịnh,
Bốn đáp, nạn không thể.
Thứ mười là Pháp vân,
Hay tuôn mưa chính pháp.
Ánh sáng Phật tắm thân,
Thụ Phật quán đánh vị.
Do quả báo địa này,
Trí độ thường hiện tiền.

Làm Phạm vương Tịnh Cư,
Vương chủ Đại Tự Tại.
Cảnh trí tuệ khó lường,
Tạng bí mật chư Phật.
Được cụ túc tự tại,
Sau sinh bỏ xứ vị.
Như thế Bồ-tát địa,
Mười thứ tôi đã nói.
Phật địa với kia khác,
Đủ thắng đức khó lường.
Địa này chỉ lược nói,
Mười lực đều tương ưng.
Tùy mỗi mỗi lực này,
Khó lường như hư không.
Như đây có thể nói,
Chư Phật vô lượng đức.
Như hư không mười phương,
Và địa, thủy, hỏa, phong,
Chư Phật vô lượng đức,
Với người khác khó tin.
Nếu không thấy nhân này,
Khó lường quả như vậy.
Vi nhân và quả này,
Hiện tiền Phật tháp miếu,
Ngày đêm đều ba lần
Nguyện tụng hai mươi kệ.
Chư Phật Pháp và Tăng,
Tất cả chư Bồ-tát.
Tôi đánh lễ quy y,
Ngoài ra đều tôn kính.
Tôi lia tất cả ác,

Gìn giữ tất cả thiện.
Chúng sinh các thiện hạnh,
Tùy hỷ và thuận hành.
Đầu mặt lễ chư Phật,
Chấp tay thỉnh trụ thế,
Xin vì chuyển pháp luân,
Cho đến cùng sinh tử.
Từ đó tu các đức,
Đã làm và chưa làm.
Nhân đó nguyện chúng sinh,
Đều phát tâm Bồ-đề,
Vượt qua các chướng nạn,
Viên mãn căn vô cấu,
Đủ tịnh mạng tương ưng.
Nguyện chúng tự tại sự,
Tất cả đủ vô biên
Vớ tay báu tương ưng,
Sau cùng đến vô tận.
Nguyện chúng sinh như vậy,
Nguyện tất cả người nữ
Đều thành thắng trượng phu,
Trong tất cả mọi thời,
Đủ sáng suốt viên mãn.
Hình tướng đẹp oai đức,
Sắc đẹp người ưa thấy,
Không bệnh đủ sức lực,
Và nguyện được sống lâu.
Giải thoát các khổ, sợ,
Một niệm quy Tam Bảo.
Vớ phương tiện thiện xảo,
Phật pháp của cái lớn,

Từ, bi, hỷ, và xả,
Hàng ở bốn Phạm trụ.
Thí, giới, nhẫn, tinh tiến,
Định, trí đều trang nghiêm.
Viên mãn hành phúc tuệ,
Tướng tốt sáng chói chiếu.
Nguyện kia khó nghĩ lường,
Hành mười địa không ngại.
Với đức này tương ứng,
Các đức khác trang nghiêm.
Giải thoát tất cả lỗi,
Nguyện tôi yêu chúng sinh.
Viên mãn tất cả thiện,
Và an lạc chúng sinh,
Trừ được các khổ não.
Nguyện tôi hằng như thế,
Nếu chúng sinh sợ hãi,
Mọi lúc và mọi nơi,
Do chỉ nhớ tên tôi,
Là thoát tất cả khổ.
Kính tin tôi và sân,
Nếu thấy và nhớ giữ,
Cho đến nghe tên tôi,
Nguyện chúng định Bồ-đề.
Nguyện tôi được năm thông,
Hàng tùy tất cả sinh,
Nguyện tôi có thể sinh
Chúng sinh thiện, an lạc.
Nếu chúng muốn làm ác,
Trong tất cả thế giới,
Nguyện khắp đoạn các ác,

Như lý khiến tu thiện.
Như địa, thủy, hỏa, phong,
Cây thuốc và núi rừng,
Như chúng muốn thụ dụng,
Nguyện tôi tự nhẫn chịu.
Nguyện tôi chúng yêu mến,
Như niệm tự thọ mạng.
Nguyện tôi nhớ chúng sinh,
Vạn lần hơn yêu mình.
Nguyện chúng có làm ác,
Vời tôi khi quả chín,
Một người chưa giải thoát,
Nơi các hữu tùy sinh.
Nguyện tôi vì chúng trụ,
Không trước được Bồ-đề.
Năng tu hành như thế,
Phúc đức nếu hữu thể,
Nơi Hằng sa thế giới,
Công ấy không thể lường.
Phật Thế Tôn tự nói,
Nhân như thế khó lường.
Cõi chúng sinh vô lượng,
Nguyện lợi ích cũng vậy.
Pháp này tôi lược nói,
Năng sinh tự tha lợi.
Nguyện người yêu pháp này,
Như ái niệm chính mình.
Nếu ai yêu pháp này,
Chính là yêu tự thân.
Là đáng yêu mà ghét,
Ghét này do pháp thành.

Nên sự pháp như thân,
Sự hành như sự pháp,
Như hành sự tuệ vậy.
Người trí như tuệ sự,
Tịnh thuận có trí tuệ,
Nói chính lý thuyết phục.
Do mình xấu nghi người,
Người ấy tự tổn hại.
Là các thiện tri thức,
Người nên biết sơ lược.
Tri túc, từ, bi, giới,
Trí tuệ diệt được ác,
Thiện hữu phải dạy người,
Người biết nên thuận làm.
Do đức tốt trong ngoài,
Người ắt đến chỗ tốt.
Thật thệ nói ái ngữ,
Lạc tính không thể động.
Chính sự tăng siểm khúc,
Nguyện người tự dễ dạy.
Đã xả rồi không hối,
Có bốc cháy, tâm lặng
Không biếng nhác, khuấy động,
Không cống cao, hòa đồng.
Nguyện mát mẽ như trăng,
Bừng cháy như mặt trời,
Rất sâu như biển lớn,
Trụ vững như núi chúa,
Tất cả quả đều là,
Tất cả đức trang nghiêm,
Chúng sinh được thụ dụng.

Nguyên người tất cả trí,
Tôi không chỉ vì vua,
Nói thiện pháp như vậy.
Thật lý vì mọi người,
Do muốn lợi tất cả.
Đại vương! Chính luận này,
Người ngày ngày lắng nghe,
Để cho mình và người,
Được Bồ-đề vô thượng.
Giới tốt, kính tôn trọng,
Nhẫn nhục không ganh ghét,
Không bỏn sẻn, biết đủ,
Cứu giúp người khó khăn,
Với người ác, làm thiện,
Giữ vững và chế phục.
Hoằng hộ chính pháp Phật,
Tu hành cầu Bồ-đề./

(HẾT)

SỐ 1657
LUẬN THỦ TRƯỞNG

*Tôn giả Thích Ca Xíng tạo
 Tam-tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Thế gian có một loại hữu tình vì không trí tuệ hiểu biết mà sinh tà chấp. Do thương chúng trầm luân nên tạo luận này.

Tụng:

*Dẫn trên đường bằng phẳng,
 Bước đi cũng ngã nghiêng,
 Vì hạng ngu muội kia,
 Nói Luận Thủ Trượng này.*

Luận: Mỗi Thế Tôn xuất hiện thế gian rồi lại tịch diệt. Còn vô số các loài hữu tình thì như hư không, không bao giờ chung cuộc vì tính vô biên. Đó là Bồ-tát Thế Thân nói về mặt lý. Nghĩa là cắt đứt về số lượng. Vì là nhất nghĩa, vì ngăn chặn ý tưởng về số lượng này, nên nói là vô biên. Nói chung cuộc có nghĩa là chấm hết. Vì thế không có lỗi, không tách rời sở lập năng lập. Tông nói vô chung. Nhân nói vô biên. Đó là một phần lỗi của tông.

Có các dị luận nói chưa hề có hữu tình mới sinh.

Giống như Thần Thôn, họ chấp cho rằng cây cối trong rừng tuy chúng bị chặt phá nhiều, thấy hao phí suy tàn rồi lại sinh cây mới.

Nhân đó không cùng tận. Do đó chắc chắn không hề có hữu tình mới sinh khởi.

Vì lược thuật nên lược nói như vậy. Nhân hỏi nên đáp.

Mạng Dược Quân nói: Có hữu tình cũ, có chúng sinh mới. Như vậy là nói rộng, cho nên quyết định phải chấp nhận như vậy. Nếu khác đây thì như dầu mè tụ lại không thấy số mới thêm, mà hao hụt thì chắc chắn có thấy hết. Vậy thì nếu như chấp nhận có hữu tình chưa từng có, nay bắt đầu mới sinh khởi, thế là chấp nhận sinh tử có bắt đầu.

Nếu chấp nhận có bắt đầu, tức có lỗi không nhân. Đã chấp nhận không nhân thì tất cả đều phải không nhân mà có. Đó là bản ý của A-giá-lợi-da.

Kia lại đáp: Do có nơi con tạo nghiệp tương thuộc các chủng tử thiện bất thiện A-đà-na thức, Yết-thích-la v.v... Đây gọi là trước tiên được sinh khởi. Đã thuộc trước rồi, do gần thiện ác tự tạo các nghiệp mà vào lưu chuyển hoặc ra Niết-bàn. Đây là khéo thuận đạo lý duyên sinh, tức Tăng-tác-ca-la-bát-đề, Ti-nhã-nam-bà-bạc-bát-đề, Xã-đề đã có nghĩa này. Làm sao cưỡng bách chấp nhận có hữu tình mới sinh? Luận giả sẽ có lỗi thành ra sinh tử có bắt đầu.

Có luận khác nói rằng đây không phải câu trả lời đúng.

Vì sao? Nếu chấp nhận có mới sinh thì sẽ tăng nhiều. Do tăng chờ đợi giảm. Ban đầu là không nhân. Nếu bảo rằng các hữu tình mới này không hề biết ý thú của sinh tử, chỉ do nghiệp của chúng làm sức duyên, nên thoát nhiên được sinh. Nếu như vậy thì các hữu tình nay đang lưu chuyển kia, mỗi một sát-na lần lữa sinh nhau nên thành tăng nhiều. Do đạo lý này phải chấp nhận Luận tân sinh kia là có. Ban đầu một hữu tình, rồi tăng, đợi giảm, cho nên trong tất cả mọi thời có nhiều hữu tình mới sinh. Số các hữu tình này chắc chắn có tăng.

Vì đợi các sát-na trước giảm, nên nếu như vậy thì có thể chuyển giảm thành ít, cho đến cuối cùng thành chỉ còn độc nhất. Nhưng cái đầu tiên này không đợi các nghiệp mà thành, vì đầu tiên là không nhân mà có. Đây chắc chắn không thể nói là lỗi không nhân. Nếu nói chắc chắn có tăng nhiều có thể phạm lỗi này. Có thêm không giảm là nhân tăng nhiều, như bòn sên của người. Nhưng các hữu tình có giảm thì tại sao mỗi mỗi Phật Đều-ốt-ba-đà mà khiến vô số chúng hữu tình nhập vào viên tịch?

Cũng không phải như vậy.

Tụng:

*Phật xuất thế khó gặp,
Tin giáo cũng khó gặp.
Sinh nhân đã dễ được,
Thoát lý tướng không đồng.*

Luận: Do Phật xuất thế thật là khó gặp, như trong luận nói: Trong vô số kiếp ban đầu đã từng thừa sự 5 lần 70 ngàn Phật, thứ hai 6 lần 70 ngàn Phật, thứ ba 7 lần 70 ngàn Phật, vì tư lương thành Phật khó được. Như có tụng nói:

*Vô số trăm khổ hạnh,
Vô số thiện căn sinh.
Tiến vô số dài lâu,
Đoạn vô số phiền chướng.
Được Nhất thiết chủng trí,
Trừ sạch các chướng não.
Thành vô thượng Thế Tôn,
Như mở trap xem báu.*

Dẫu có khi gặp Như Lai xuất thế diễn giảng pháp luật thanh tịnh mà tin kính thật cũng khó được. Do tín tâm ấy nơi 8 hạ xứ mới có thể đầy đủ. Nhưng đó là tính rất khó được, mà nhân sinh khởi thì

rất dễ được. Nghĩa là hoặc và nghiệp, vì nhân duyên này tùy bất cứ lúc nào đều hiện tiền.

Phiền não này có 3 thứ duyên: một là tùy miên chưa dứt, hai là cảnh trối buộc hiện tiền, ba là sinh khởi không như lý tư duy. Đó là vì phạm phu ưa chấp đắm. Nhưng các nghiệp chủ do năng tạo thuộc chấp đắm. Nhân cũng chẳng phải khó được, hoặc có khi có thể được giải thoát. Muốn đem ít hao tổn đáp kia tặng thêm mới, vẫn chưa thể khỏi thành lỗi. Lý không tương ứng.

Tụng:

*Khí giới số không tăng,
Dung thành khi có giảm.
Sinh tử không bắt đầu,
Đó mới thành đại tác.*

Luận: Nếu chấp nhận có mới sinh thì phải từ đâu đưa đến. Đây do không phải khí thể giới, nếu hữu tình thể giới mà lý có tăng, ngang dọc thể giới bố trí an bài định số khi có giảm như khi kiếp hoại có thể giới không.

Như có thuyết nói: Giống như trời đổ mưa, nếu tự tại không ngớt không thiếu từ trên không rót xuống, như vậy phương Đông không ngớt không thiếu có các thể giới hoặc thành hoặc hoại. Như vậy nhưng chẳng phải hữu tình mới sinh mới phát triển có giới hạn nhưng mà hữu tình số tăng nhiều không cùng cực, theo lý chẳng tương dung mà lại còn bức bách làm khổ nhau ư?

Nay lại hỏi các nhà Tân sinh luận rằng nếu chấp nhận những hữu tình chưa từng có, thoát khỏi lên nhờ các nghiệp lực khác thức mới được sinh, đó là huân hay không huân?

Nếu nói huân thì từ thuộc đắm trước mới sinh thức huân mà thành thể. Đó là phát sinh lỗi một và nhiều. Phạm luận về huân tập

phải cùng pháp tạp nhiễm với thanh tịnh đồng sinh đồng diệt. Y chỉ đây rồi làm nhân sinh kia chứ không phải hữu tình kia trước có nhân sinh khiến hai pháp ấy có thể cùng sinh diệt. Y chỉ đây rồi làm nhân sinh kia ư? Nhưng có thể vì thuộc đấm trước, thức với hai pháp trước đồng sinh đồng diệt làm nhân sinh kia cũng không sai trái.

Nếu vậy thức ban đầu phải huân tập. Còn thuộc đấm trước là như sát-na trước là nhân đây, cho nên sát-na sau cũng phải như vậy. Nếu khác đây thì cái lý của pháp huân tập không thành. Do đạo lý này người cha dụng công mà được giải thoát, hoặc lại tu học nhiều, còn con chẳng nhọc làm gì cả cũng được như cha, hoặc ngược lại giống như con, cha cũng vậy. Như thế là lỗi chuyển thành nhiều.

Nếu nói không do huân tập, nhiều thứ công năng tự khởi, nếu chuyển cứu rằng vì không nhiễm tịnh, vì đồng sinh diệt nên y theo kia làm nhân thì có lỗi như trước mà nay chỉ lấy có thể thuộc đấm trước là vì nhân duyên hợp làm tăng thượng duyên là không căn nguyên kia được sinh khởi. Nghĩa này chắc chắn sinh lỗi về quả. Nếu vậy công năng với quả diệt.

Cũng như nghiệp công năng kia các tham v.v... có công năng đã báo quả rồi đều diệt mất, như nghiệp dị thực tự có công năng đã sinh quả rồi theo đó chìm mất. Nếu khác đây thì thành lỗi không bao giờ hết. Đây cũng như vậy. Cho dầu lỗi gì bởi không chấp nhận gieo các giống giải thoát khác, không siêng năng nên tham v.v... các công năng khi đã diệt rồi, lia các công năng của tham này tự trông đến quả mà không chấp nhận gieo chủng tử mới. Do chủng tử đoạn nên dầu không tu tập Thánh đạo cũng thành viên tịch. Đó là phù hợp với lời của Thiện Kiến thiên rằng dầu xuất tu hoài tán dương phi pháp. Như nói:

*Ta xem các chúng loại,
Giống tâm và giống thân,*

*Lìa các dục hoan lạc,
 Riêng cầu trừ khổ nhân.
 Chỷ cần say diệu lạc,
 Cần chi tạo kiến khác,
 Tức đem tâm tham nhiễm,
 Là được lý Niết-bàn.*

Trở lại sinh lỗi vì nghiệp vô dụng. Như lược nói có 3 thứ phúc nghiệp. Đó là thí tính, giới tính, và tu tính. Nơi đây phát khởi siêng năng tu tập thành vô dụng sao? Vì sao như vậy? Bởi vì quả của công năng hòa hợp tự khởi. Nếu khi các phúc sắp diệt, nơi thức A-lại-da huân dị thực, rồi sau sự huân tập này tùy theo tự dụng được nhân trợ giúp sinh, hòa hợp sẽ sinh dị thực vị lai. Như vậy thì sự cần cù tạo quả phúc kia chẳng phải là trống rỗng. Nếu vậy trước không tu nghiệp thiện, nhờ kia làm duyên cho nên công năng dị thực thoát nhiên sinh khởi, từ đó có thể sinh hiện pháp, sinh rồi sau có dị thực khổ thân, siêng tu cũng vô dụng như trước.

Lại nữa 2 thứ nghiệp tư và tư tác, thiện bất thiện và vô ký những loại như đây đều thành trống rỗng. Nếu nói sau sẽ huân tập và trừ sát-na ban đầu của thức A-đà-na cho đến trái với duyên chưa sinh đến nay, trong tự tương tục huân tham v.v... như vậy là không ngừa các lỗi.

Nếu thế thì những cái đã huân tập trước cũng vậy cũng sẽ bày ra hết với tự huân tập. Nếu không vậy thì làm sao cùng với chúng làm nhân sinh u? Cái trí xuất thế tuy chưa từng được mà chỷ rơi vào trong tự tương tục. Cho nên có thuyết nói trí hai vô tính cùng chấp nhận với chỗ huân tập này mà làm nhân sinh.

Cái văn huân tập đây là cực thanh tịnh vì là thể tính đẳng lưu từ pháp giới. Pháp giới tức pháp thân của Như Lai. Hiểu rõ tính không hai của ngã pháp là quả của pháp giới lưu xuất. Pháp là pháp thân,

giới tức là nhân, là cảnh giới các pháp xuất thế gian. Nghĩa là có khả năng duy trì tính huân tập kia và đoạn dứt các tập phiền não sở tri hai chướng, gọi là cực thanh tịnh. Văn huân tập ấy là giống như quả kia. Kia vì duyên tăng thượng mà được sinh khởi., vì đồng với thể tính kia. Như có thuyết nói: Các Bồ-tát sơ phát tâm có chủng tử chính văn huân tập. Tuy nói thế gian nhưng phải biết có bao gồm pháp thân. Phải biết Thất-la-phước-ca, Bát-đê-ca, Phật-đà tức bao gồm trong giải thoát thân. Cho nên chắc chắn biết tuy là thế gian mà có thể thân làm chủng tử tâm xuất thế gian. Nghĩa của thuyết pháp tương tự tương phần thức, tuy hiện là không, mà từ nơi văn chương, y nơi nghĩa câu hiển thị được đạo lý tương thuộc đó. Vì vậy một thiên các tụng đều đồng như vậy, ở đoạn chương này tuy không phân chia chi tiết để hiểu rõ. Nếu vậy thì sự đều bày ra này nào có lỗi gì? Như ở sau, trước cũng đồng như vậy. Có điều là rơi vào trong tự tương tục bởi tham v.v... mà huân tập đắm trước. Nếu như vậy tức là từ chủng tử sinh trước mà được sinh khởi. Kia lại từ trước, kia lại do trước, đây là Tát-bà-thạch-yết tất cả đều từ chủng tử bày ra mà sinh. Chỗ chấp có mới sinh đều thành vô căn cứ. Căn cứ đây có thể lập luận có đời kiếp trước.

*Thiên thụ trước nhãn thức,
 Định từ các thức đến.
 Thức tính nên phải biết,
 Giống như nơi thức sau.
 Giả như diệt định khởi,
 Tâm kia cũng bao gồm.
 Trong tông dùng lý tính,
 Lỗi đồng, không, bất định.
 Các pháp tâm tâm khởi,
 Chấp nhận bốn duyên sinh.
 Nếu lập tâm ban đầu,
 Sao gọi đấng vô gián?*

Pháp tâm tâm khởi là từ bốn duyên sinh. Lý của A-tì-đạt-ma đã thành quyết định. Nếu chấp nhận có tâm ban đầu khởi thì sao gọi là đồng với đẳng vô gián duyên? Cũng chẳng phải ở trong tương tục kia. Có tâm tụ với tự tâm tụ là duyên đúng lý vì ít nhiều có bất đồng.

Lại có định lý chư sinh hữu nhiễm luận, tự địa phiền não. Nay nếu chấp nhận sinh có nhiễm tâm thì chẳng phải tự địa phiền não. Dầu ở trong cảnh ba đời, lý về sinh cũng không thể thành được. Và lại chẳng phải quá khứ chưa từng trải qua cho nên cũng chẳng phải vị lai mà do tướng từng trải qua nên khởi nguyện cầu.

Lại nữa, chẳng phải hiện tại, bởi ý thức kia tự tại mà khởi mới thành điếc đui v.v...

Lại nữa vì năm căn và các thú mạng cán đều là dị thực. Điều ông nói chẳng phải dị thực.

Kinh Kỳ Dị Thiện Đàm có nói năm ở trong có thực dưỡng, cho nên biết nhãn v.v... năm căn tính dị thực thành năm thú cũng là thể tính của dị thực, vì lược thuyết là lượng nên có nói:

Tì-kheo! Các người thụ khổ nơi địa ngục do sức lậu não hiện tiền nên lại tạo tác sinh nghiệp địa ngục, khiến số tăng trưởng.

Tì-kheo! Nghĩa là nghiệp ô uế của thân khẩu ý khi mạng chung lại ở nơi xấu ác khiến dị thực của sắc thụ tướng hành thức bị nung nấu mãnh liệt. Dị thực sinh rồi gọi là Na-lạc-ca.

Tì-kheo! Trong đây lia pháp kia ra không có được một Na-lạc-ca nào khác. Nói pháp kia nghĩa là dị thực sinh ra Tắc-kiền-đà, tức tụ uẩn. Ở đây nói tụ không phải không sai biệt. Mà nghĩa này tức là ngăn cái thật. Nghĩa là phải biết ngã có thể ruổi theo các thú. Ý chỉ nhiếp thủ các tụ uẩn khác biệt mà thôi.

Nói dị thực sinh, tức hữu tình là thể, tuy không sai khác là rõ ràng có dị thực. Nghĩa là trong năm tụ uẩn thiện, ác, vô ký chẳng phải

là tính của các thú, cũng chẳng phải báo của thực. Nếu kia cũng là thể của thú thì phải hiện tạo sinh Nại-lạc-ca. Số các nghiệp bất thiện tăng trưởng thì đó tức là Na-lạc-ca. Vì thể tính của các thức thú này chỉ là vô phú vô ký gọi là hữu tình. Trong đối pháp cũng nói như vậy.

Lại nói mạng căn là Tì-bá-ca, nghĩa là dị thực. Tư trạch mạng căn chắc chắn chỉ là dị thực đó. Nhưng Luận Du-già thì lập các pháp đều là dị thực thức, vì không có một pháp nào vượt ra ngoài tính dị thực.

Nhưng luận hữu tình mới khởi của ông thì thành ra căn v.v... không phải là dị thực. Hữu tình mới sinh kia thụ các nghiệp đang có các nghiệp sau chứ không phải các nghiệp đã có trước. Hiện pháp thụ nghiệp thì khi ấy không có. Bởi các nhân thù thắng là không, cho nên cũng không thành các tác nghiệp khiến cảm báo.

Kinh Kỳ Dị Thiện Đàm đem hý luận này ý muốn khai đường mở lối kinh luận bất thiện trình bày ý nghĩ trong tâm của mình trái với A-cấp-ma./.

(HẾT)

SỐ 1658
LUẬN CHỮ GIÁO QUYẾT ĐỊNH
DANH NGHĨA

*Thánh Từ Thị Bồ-tát tạo
 Truyền pháp Đại sư Thí Hộ dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng tất cả Phật Thế Tôn,
 Quy mạng giáo pháp khắp ba thừa,
 Quy mạng tất cả hòa hợp chúng,
 Quy mạng lý pháp giới Phổ Hiền.*

Nay tôi sẽ lược nói các chữ căn bản trong tất cả giáo pháp. Trong đó nghĩa như thật là thế nào. Như:

Chữ Án 唵 là trên hết tất cả. Nay tôi đánh lễ chữ này thanh tịnh trụ, không hai tướng. Nếu có ai dùng chữ này chuyển trên đầu lưỡi thì người đó được chân thật các tuệ căn bản. Chữ này là rất bí mật trong tất cả giáo.

Lại có 3 chữ, đó là chữ Kim Cương Hồng làm chính nhân. Từ trong chữ này tuyên thuyết tất cả kinh điển chính pháp. Tâm ba cõi kia, pháp này như vậy, chữ A 惡 là nói về tướng. Chữ Áng 盎 tức tính không. Tức là chữ A 惡 kia lại là mẹ của trí tuệ. Đạo hoặc phi đạo đều từ thuyết này, cũng tức là căn bản văn tự của pháp giới biến nhập vào tính không. Ban đầu và sau tương ứng, do đó chính trí được

thành tự. Nếu pháp là hữu thuyết đều thành tự. kia vô sở thuyết cũng như vậy. Cho nên tất cả tạo tác đều bình đẳng, trong luân hồi tùy thuận mà chuyển.

Nói văn tự của pháp giới là thế nào, cho nên nay sẽ nói.

Đó là:

Ca (*ngật đương thiết*) Khư (*khứ đương thiết*) Nga (*nghi đương thiết*) Già (*kỳ đương thiết*) Tả (*tả đương thiết*) Tha (*thê đương thiết*) Nhạ (*nặc*) Toản (*tê đương thiết*) Trá (*tri giang thiết*) Trạch (*sắc giang thiết*) Nã (*ni giang thiết*) Trà (*Trục giang thiết*) Đa (*đê cương thiết*) Tha (*thê cương thiết*) Na (*nê cương thiết*) Đà (*đề cương thiết*) Ba (*ti cương thiết*) Phả (*phi cương thiết*) Ma (*mi cương thiết*) Bà (*bộ cương thiết*) Dương La La Vông Tang (*hồ lang thiết*)

Như vậy các chữ đó, tức như trước đã nói bao gồm trong chữ Ấng 𡇗. Tướng này nay nói tức là tính không, xuất sinh tất cả giáo pháp rất sâu. Đó cũng gọi là không không, xuất hiện tất cả thuyết tướng. Đó gọi là Ca Khư Nga Già Tả Tha Nhã Toản Trá Trạch nã Trà Đa Tha Na Đà Ba Phả Ma Bà Da La La Phục Tát Hạ.

Như vậy các chữ tức như trước nói bao gồm trong chữ A 惡 kia. Tướng này nay nói tức là mỗi một văn tự đều từ nhất thiết trí trí sinh ra. Ban đầu tương ưng hành hai thứ ngã pháp đều bình đẳng. Kim cương gia trì cứu cánh an trụ.

Lại nữa tất cả sự nghiệp đều từ Kim cương Tam-muội sinh ra. Đó là:

Ca (*dẫn*) Khư (*dẫn*) Nga (*dẫn*) Già (*dẫn*) Tả (*dẫn*) Tha (*dẫn*) Nhã (*dẫn*) Toản (*dẫn*) Trá (*dẫn*) Trạch (*dẫn*) Nã (*dẫn*) Trà (*dẫn*) Đa (*dẫn*) Tha (*dẫn*) Na (*dẫn*) Đà (*dẫn*) Ba (*dẫn*) Phả (*dẫn*) Ma (*dẫn*) Bà (*dẫn*) Da (*dẫn*) La (*dẫn*) La (*dẫn*) Phục (*dẫn*) Tát Hạ (*dẫn*).

Như vậy các chữ đó đều bao gồm trong chữ A 阿 (*dẫn*). Tướng này nay nói là tất cả Kim cương sự nghiệp.

Lại nữa nay nói:

Ô (*ô công thiết*) Ô (*ô công thiết*) Nhất (*y chứng thiết*) Lí (*lê đĩnh thiết, dưới cũng vậy*) Lí Lê (*lí đĩnh thiết, dưới cũng vậy*) Lê Y (*y lãng thiết*) Ái (*y cương thiết*) Ân (*ô lung thiết*) Áo (*ô đương thiết*).

Trong đây nay sẽ nói về tướng của chữ Ân 唵. Tức là tất cả văn tự từ đó sinh ra.

Trong đây tướng của chữ Hồng 吽 như trước đã nói, tất cả sự nghiệp đều từ Kim cương Tam-muội sinh ra.

Lại nữa, như trước đã nói các chữ tức là 3 thân, hoặc tính hoặc tướng an trụ như thật. Đó là:

Chữ Hồng 吽 tức pháp thân. Chữ A 阿 tức báo thân. Chữ Ân 唵 tức hóa thân. Như vậy 3 chữ bao gồm 3 thân này. Kia phân biệt nói 3 thừa giải thoát đạo là chính thuyết nhân, có Thanh Văn, Duyên Giác và Nhất thiết trí trí. Do đó xuất hiện nói tất cả pháp. Tức 3 chữ kia cũng là cũng là Kim cương 3 nghiệp an trụ như thật. Đó là:

Ân 唵 (*dẫn*), A 阿 (*dẫn*), Hồng 吽 (*dẫn*).

Trong đó chữ Ân 唵 là Kim cương thân nghiệp. Chữ A 阿 là Kim cương ngữ nghiệp. Chữ Hồng 吽 là Kim cương tâm nghiệp.

Lại nữa A 阿 và A 惡 2 chữ an trụ tính không. Trong đây chữ A 惡 cũng là chính trí. Trong đây chữ A 阿 tức là chính giác tối thượng bí mật.

Lại nữa chữ Hồng 吽 là tâm trí hiểu rõ tất cả pháp. Như trên đã nói tất cả văn tự phải biết đều từ 3 chữ Áng 𑖀 A 阿 (*dẫn*) Hồng 吽 sinh ra. Do đó các pháp khởi các thứ tướng nay sẽ phân biệt. Tất cả pháp kia đều cùng với 2 chữ Áng 𑖀 A 阿 (*dẫn*) trước sau thâm nhiếp nhau. Trong đó chữ Hồng 吽 sinh ra tất cả. Trong 3 cõi xuất hiện các

sắc có trời, người, rồng, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, thành tựu Trì minh thiên, Cát tường thiên, Biện tài thiên, Ô-ma thiên, Đế Thích thiên, Phạm vương thiên, Na-la-diên thiên, Đại tự tại thiên, như vậy các trời và thiên hậu, tất cả trong hữu tình giới người nam người nữ, cho đến chư Phật Bồ-tát đều từ chữ Hồng 吽 này xuất sinh biến hóa. Kia mỗi mỗi tâm trụ ở nơi tướng của chữ này.

Khi tâm tướng chữ này phải trụ hư không xuất sinh vô ngại. Đó gọi là tâm 3 cõi đồng nhập một tâm này. Nhập vào tâm này rồi được gọi là hiện chứng Bồ-đề. Phải biết tâm này là vô đẳng, vô thủ, vô trước, vô trụ, vô biểu, vô tướng. Đó tức là hư không bình đẳng nhất thiết trí, tương ưng vô sở đắc, tương ưng chính hành không tự không tha, thế gian có nào Chiên-đà-la tộc loại tối hạ tiện các hành, cho đến loại bàng sinh các hành sai biệt của chúng, các hành như vậy tuy có sai biệt đều cũng không tách rời chính hành tương ưng Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, tính của tất cả văn tự chẳng phải hữu thuyết, nhưng Nhất thiết trí trí kia phương tiện tuyên thuyết nơi các văn tự.

Trong đó văn tự phải có nghĩa như thế nào? Là nghĩa hư không. Hư không là nghĩa gì? Là nghĩa của tính không. Tính không là nghĩa gì? Là nghĩa Thù-thất-la. Thù-thất-la là nghĩa gì? Là nghĩa vô thuyết. Vô thuyết là nghĩa gì? Là nghĩa vô tướng. Vô tướng là nghĩa gì? Là nghĩa Nhất thiết trí. Nhất thiết trí là nghĩa gì? Là nghĩa như ý bảo. Như ý bảo là nghĩa gì? Là nghĩa của trí. Trí lại có nghĩa gì? Là nghĩa của tâm. Tâm lại có nghĩa gì? Là nghĩa của 3 cõi Đại tự tại kia. Ba cõi Đại tự tại là nghĩa gì? Là nghĩa của soi khắp tất cả. Soi khắp tất cả là nghĩa gì? Là nghĩa của Phạm thiên. Phạm thiên là nghĩa gì? Là nghĩa của Đại lực thiên. Đại lực thiên là nghĩa gì? Là nghĩa của Tự tại thiên. Tự tại thiên là nghĩa gì? Là nghĩa của Phật. Phật là nghĩa gì? Là nghĩa của Kim cương tát-đỏa. Kim cương tát-đỏa là nghĩa gì? Là nghĩa của Quán tự tại. Quán tự tại là nghĩa gì? Là nghĩa thế gian. Thế

gian là nghĩa gì? Là nghĩa luân hồi. Luân hồi là nghĩa gì? Là nghĩa Niết-bàn. Niết-bàn là nghĩa gì? Là nghĩa không thể tính kể. Không thể tính kể là nghĩa gì? Là nghĩa bất khả tri. Bất khả tri là nghĩa gì? Là nghĩa vô sinh. Vô sinh là nghĩa gì? Là nghĩa vô diệt. Vô diệt là nghĩa gì? Là nghĩa vô sắc. Vô sắc là nghĩa gì? Là nghĩa vô thanh. Vô thanh là nghĩa gì? Là nghĩa vô căn bản. Vô căn bản là nghĩa gì? Là nghĩa vô trường dưỡng. Vô trường dưỡng là nghĩa gì? Là nghĩa vô trụ. Vô trụ là nghĩa gì? Vô trụ này là vô sở hữu. Trí lià các hữu tư duy phân biệt xuất quá chư Phật và Phật Bồ-đề. An trụ nơi căn bản chữ Hồng Kim cương thì chữ Hồng này lại thành Liên hoa hỏa Mạn-nã-la. Trụ nơi không không tính, lià trần pháp tính, hai thứ căn bản tối thượng thanh tịnh tương ưng thắng hạnh.

Như vậy đã hiểu rõ rồi, trong luân hồi dũng mãnh tinh tiến, khiên tất cả đạt được cái vui lớn Niết-bàn. Nếu trụ tâm này là pháp diệt khổ não của người trí. Hai thứ căn bản đều bình đẳng là thắng hạnh tinh tiến tối thượng, thành tựu pháp an lạc lớn của Mâu-ni, an trụ chính niệm, như ánh mặt trời chiếu khắp thế gian. Tâm trí bình đẳng tương ưng an trụ, bao nhiêu tất cả bí mật sâu kín như trước đã nói. Thú-thất-la và hư không phần kia đều nói như vậy.

Thành tựu tối thượng lạc pháp như vậy tức được tương ưng tự tính chư Phật, hiểu rõ tất cả sinh pháp của chúng sinh trong thế gian. Hỷ ái 2 thứ hòa hợp tương ưng, phải biết vô tính, pháp vô thường kia rất ráo trống vắng./.

(HẾT)

SỐ 1659
LUẬN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH
QUYỀN THƯỢNG

*Thiên Thân Bồ-tát tạo
Dao Tần Tam-tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: KHUYÊN PHÁT TÂM

*Kính lễ không biên giới,
Quá khứ hiện tại Phật.
Trí hu không bất động,
Đấng Đại bi cứu đời.*

Có diệu pháp Đại phương đẳng tối thượng, tạng Ma-đắc-lặc-ca, được chư Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành.

Đó là khuyên ưa tu tập vô thượng Bồ-đề để có thể làm cho chúng sinh phát tâm sâu rộng, lập thế nguyện trang nghiêm, bỏ của cải thân mạng nhiếp phục tham lam bồn sển, tu 5 tụ giới giáo hóa dẫn dắt người phạm giới, thực hành nhẫn nhục rốt ráo điều phục sân và si, phát tinh tiến dũng mãnh để an ổn chúng sinh, tập các thiện định để biết rõ các tâm, tu hành trí tuệ diệt trừ vô minh, nhập pháp môn như thật lia các chấp trước, nói rõ hạnh không, vô tướng rất sâu, ca ngợi công đức khiến giống Phật không dứt.

Có vô lượng pháp môn phương tiện thanh tịnh như vậy trợ giúp pháp Bồ-đề. Nay tôi sẽ vì các hàng thượng thượng thiện mà phân biệt làm rõ, để được cứu cánh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

Chư Phật tử! Nếu người Phật tử thụ trì lời Phật dạy, có thể diễn giảng thuyết pháp cho chúng sinh, thì trước phải ca ngợi công đức của Phật. Chúng sinh nghe rồi mới có thể phát tâm cầu trí tuệ của Phật. Do phát tâm nên giống Phật không đoạn mất.

Nếu Tì-kheo, Tì-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, niệm Phật, niệm pháp, lại niệm Như Lai khi hành Bồ-tát đạo, do vì cầu pháp nên trong A-tăng-kì kiếp chịu bao cần khổ. Do niệm như thế, nếu có ai vì Bồ-tát nói pháp, dù chỉ một bài kệ, Bồ-tát nghe được pháp ấy là giáo pháp lợi ích, nên phải trồng thiện căn tu tập Phật pháp, được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Đề đoạn các khổ não sinh tử của chúng sinh từ vô thủy, Bồ-tát Ma-ha-tát muốn thành tựu vô lượng thân tâm, siêng tu tinh tiến, phát sâu đại nguyện, thực hành đại phương tiện, khởi tâm đại bi, cầu đại trí tuệ vô kiến đỉnh tướng cầu các pháp lớn của chư Phật. Phải biết các pháp ấy vô lượng vô biên, do pháp vô lượng nên quả báo phúc đức cũng vô lượng.

Như Lai nói rằng, nếu Bồ-tát một niệm ban đầu đầu phát tâm hạ liệt mà quả báo phúc đức trong trăm ngàn vạn kiếp nói cũng không hết, huống gì trong một ngày, một tháng, một năm, cho đến trăm năm tu tập các tâm ấy, quả báo phúc đức lẽ nào có thể nói hết. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát hành trì không cùng tận, vì Bồ-tát muốn làm cho tất cả chúng sinh đều trụ nơi pháp nhẫn vô sinh, đều được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Các Phật tử! Bồ-tát ban sơ phát tâm Bồ-đề ví như biển lớn bắt đầu từ từ sinh khởi. Phải biết đó là chỗ chứa các châu báu như ý, giá trị từ hạ trung thượng cho đến vô giá. Bởi các báu này đều từ biển lớn

sinh ra. Phát tâm của Bồ-tát cũng như vậy. Lúc bắt đầu dần dần sinh khởi, phải biết ngay đó là nơi sinh khởi tất cả thiện pháp thiên đĩnh, trí tuệ của người trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, chư Phật.

Lại nữa, cũng như 3 ngàn Đại thiên thế giới, lúc mới bắt đầu dần dần sinh khởi, phải biết là hình thành ngay 25 cõi, trong đó gồm hết tất cả chỗ y chỉ của chúng sinh. Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cũng như vậy. Lúc mới bắt đầu phát khởi đã thành là chỗ y chỉ cho tất cả vô lượng chúng sinh, nào gồm hết 6 nẻo 4 loài sinh, chính kiến tà kiến, tu thiện tập ác, hộ trì tịnh giới, phạm 4 trọng cấm, tôn thờ Tam Bảo, hủy báng chính pháp, chư ma ngoại đạo, Sa-môn Phạm chí, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tì-xá, Thủ-đà.

Lại nữa, Bồ-tát phát tâm lấy từ bi làm đầu. Tâm từ của Bồ-tát vô lượng vô biên, cho nên khi phát tâm không có giới hạn như chúng sinh giới. Ví như hư không, không gì không bao phủ. Bồ-tát phát tâm cũng như vậy, tất cả chúng sinh không chúng sinh nào Bồ-tát không che khắp. Nếu cảnh giới chúng sinh vô lượng vô biên không thể cùng tận, thì phát tâm của Bồ-tát cũng như vậy, vô lượng vô biên không cùng tận. Hư không vô tận nên chúng sinh cũng vô tận, chúng sinh vô tận nên phát tâm của Bồ-tát cũng ngang bằng với cảnh giới chúng sinh, mà cảnh giới chúng sinh thì không giới hạn.

Nay tôi sẽ thừa theo Phật dạy mà nói một phần ít về cảnh giới chúng sinh.

Nếu đem hết một ngàn ức A-tăng-kì thế giới của chư Phật như cát sông Hằng ở phương Đông và một ngàn ức A-tăng-kì thế giới của chư Phật như cát sông Hằng ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng, phương trên và phương dưới, nghiền nát thành vi trần, số vi trần này đều không thành đối tượng của mắt thấy. Nếu có bao nhiêu chúng sinh trong trăm vạn ức Hằng hà sa A-tăng-kì 3 ngàn Đại thiên thế giới cùng nhau lấy 1 vi trần, và có bao nhiêu chúng sinh trong 2

trăm vạn ức Hằng hà sa A-tăng-kì 3 ngàn Đại thiên thể giới cùng nhau lấy 2 vi trần, cứ như vậy lần lượt lấy hết số vi trần thuộc địa chủng trong 10 phương, mỗi phương gồm ngàn ức Hằng hà sa A-tăng-kì thể giới của chư Phật, nhưng cảnh giới chúng sinh cũng không hết được.

Ví như có người chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, rồi lấy một phần lông ấy chắm vào nước biển lớn. Giờ đây cái phần ít mà tôi nói về chúng sinh cũng giống như vậy. Phần còn lại của chúng sinh chưa được nói đến giống như nước của một biển lớn. Giả sử chư Phật trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kì kiếp dùng đủ thí dụ điển nói rộng rãi cũng không nói hết được. Phát tâm của Bồ-tát có thể che khắp chúng sinh cũng như vậy.

Các Phật tử! Làm sao tâm Bồ-đề này có thể hết được? Nếu có Bồ-tát nào nghe nói như vậy mà không kinh không sợ không thoái lui, không mất, phải biết người ấy chắc chắn có thể phát tâm Bồ-đề. Cho dù có vô lượng tất cả chư Phật trong vô lượng A-tăng-kì kiếp ca ngợi công đức người ấy cũng không sao hết được.

Bởi vì sao? Vì tâm Bồ-đề này không có giới hạn, không thể cùng tận.

Vì có vô lượng lợi ích như vậy cho nên nói rõ để cho chúng sinh đều được tiếp nhận thực hành, mà phát tâm Bồ-đề.

Phẩm 2: PHÁT TÂM

Vì sao Bồ-tát phát tâm Bồ-đề? Vì nhân duyên gì tu tập Bồ-đề?

Nếu Bồ-tát gần gũi thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập thiện căn, chí cầu thắng pháp, tâm thường nhu hòa, gặp khổ nhẫn nại được, từ bi thuận hậu, thâm tâm bình đẳng, tin ưa Đại thừa, cầu trí tuệ Phật.

Nếu ai có đủ 10 pháp đó mới có thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Lại có 4 duyên phát tâm tu tập Bồ-đề. Những gì là 4?

1. Tư duy chư Phật mà phát tâm Bồ-đề.
2. Quán thân tội lỗi mà phát tâm Bồ-đề.
3. Thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề.
4. Cầu quả tối thắng mà phát tâm Bồ-đề.

Tư duy chư Phật mà phát tâm Bồ-đề gồm có 5 việc:

1. Nghĩ về chư Phật khắp 10 phương quá khứ, vị lai, hiện tại, khi ban đầu mới phát tâm cũng đầy phiền não như ta hiện nay. Cuối cùng đã thành chính giác, làm bậc vô thượng tôn. Do duyên đó nên phát tâm Bồ-đề.

2. Nghĩ về tất cả 3 đời chư Phật phát dững mãnh lớn, đều có thể chứng đắc vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-đề này là pháp có thể chứng đắc thì ta cũng chứng đắc. Do duyên đó nên phát tâm Bồ-đề.

3. Nghĩ về tất cả 3 đời chư Phật phát tuệ sáng lớn, ở trong vô vô minh lập thắng tâm, tu tập khổ hạnh, đều có thể tự mình siêu xuất 3 cõi. Ta cũng như vậy, phải tự cứu mình ra khỏi. Do duyên đó nên phát tâm Bồ-đề.

4. Nghĩ về tất cả 3 đời chư Phật là bậc hùng tráng trong loài người, đều vượt khỏi biển lớn phiền não sinh tử. Ta cũng là trượng phu, cũng sẽ vượt khỏi. Do duyên đó nên phát tâm Bồ-đề.

5. Nghĩ về tất cả 3 đời chư Phật phát tinh tiến lớn, xả thân mạng tài sản cầu Nhất thiết trí. Giờ ta cũng sẽ học theo chư Phật. Do duyên đó nên phát tâm Bồ-đề.

Quán thân tội lỗi mà phát tâm Bồ-đề cũng có 5 việc:

1. Tự quán thân mình, 5 ấm 4 đại đều có thể khởi tạo vô lượng ác nghiệp nên muốn lìa bỏ.

2. Tự quán thân mình 9 lỗ thường tiết ra các thứ xú uế bất tinh nên muốn lìa bỏ.

3. Tự quán thân mình có tham sân si, vô lượng phiền não đốt cháy thiện tâm nên muốn lìa bỏ.

4. Tự quán thân mình như bong bóng, như bọt nước sinh diệt trong từng niệm một, là cái pháp có thể xả nên muốn vất bỏ.

5. Tự quán thân mình bị vô minh che khuất, thường tạo ác nghiệp, luân hồi 6 nẻo chẳng được lợi ích.

Cầu quả tối thắng mà phát tâm Bồ-đề cũng có 5 việc:

1. Thấy chư Như Lai tướng tốt trang nghiêm, quang minh trong suốt, ai thấy được thì trừ hết phiền não nên vì tu tập.

2. Thấy chư Như Lai pháp thân thường trụ, thanh tịnh không ô nhiễm nên vì tu tập.

3. Thấy chư Như Lai các pháp tụ thanh tịnh là giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến nên vì tu tập.

4. Thấy chư Như Lai có 10 lực, 4 không sợ hãi, Đại bi, 3 niệm xứ nên vì tu tập.

5. Thấy chư Như Lai có Nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, từ bi che khắp, có thể làm kẻ dẫn đường chân chính cho tất cả những kẻ ngu mê nên vì tu tập.

Thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề cũng có 5 việc:

1. Thấy các chúng sinh bị vô minh trói buộc.

2. Thấy các chúng sinh bị các khổ trói buộc.

3. Thấy các chúng sinh tích tập các nghiệp bất thiện.

4. Thấy các chúng sinh tạo các ác cực nặng.

5. Thấy các chúng sinh không tu chính pháp.

Vô minh trói buộc lại có 4 việc:

1. Thấy các chúng sinh bị si ái mê hoặc mà chịu khổ hết sức kịch liệt.

2. Thấy các chúng sinh không tin nhân quả tạo tác ác nghiệp.

3. Thấy các chúng sinh lìa bỏ chính pháp, tin thụ tà đạo.

4. Thấy các chúng sinh chìm trong sông phiền não bị 4 dòng trôi giạt.

Các khổ trói buộc lại 4 bốn việc:

1. Thấy các chúng sinh sợ sinh lão bệnh tử không cầu giải thoát, mà còn tạo nghiệp.

2. Thấy các chúng sinh ưu bi khổ não mà vẫn cứ tạo tác không chịu thôi nghỉ.

3. Thấy các chúng sinh ái biệt ly khổ mà không giác ngộ phương tiện nhiệm trước.

4. Thấy các chúng sinh oán ghét gặp nhau khổ thường hiềm khích, rồi lại tạo oán.

Tích tập các nghiệp bất thiện lại có 4 việc:

1. Thấy các chúng sinh vì ái dục mà tạo tác các việc ác.

2. Thấy các chúng sinh biết dục sinh khổ mà không bỏ dục.

3. Thấy các chúng sinh tuy muốn cầu sung sướng mà không đủ giới đức.

4. Thấy các chúng sinh tuy không thích khổ mà tạo khổ không ngừng.

Tạo các ác cực nặng có 4 việc:

1. Thấy các chúng sinh hủy phạm trọng giới, tuy có lo âu mà vẫn phóng dật.

2. Thấy các chúng sinh khởi tạo cực ác 5 nghiệp vô gián, ngoan cố che giấu không biết hổ thẹn.

3. Thấy các chúng sinh huỷ báng chính pháp Đại thừa Phương đẳng, ngu si cố chấp mới khởi kiêu mạn.

4. Thấy các chúng sinh tuy có thông triết, mà toàn đoạn thiện căn. Lại tự cống cao, hăng không hồi cải.

Không tu chính pháp lại có 4 việc:

1. Thấy các chúng sinh sinh trong 8 nạn không nghe chính pháp, không biết tu thiện.

2. Thấy các chúng sinh gặp Phật ra đời nghe chính pháp mà không thể thụ trì.

3. Thấy các chúng sinh nhiễm thói quen ngoại đạo, khổ thân tu nghiệp mà vĩnh viễn chẳng được xuất ly.

4. Thấy các chúng sinh tu được Phi tướng phi phi tướng xứ định, cho đó là Niết-bàn. Ngờ đâu quả báo thiện hết lại đọa vào 3 đường.

Bồ-tát thấy chúng sinh do vô minh tạo nghiệp, đem dài chịu khổ, lia bỏ chính pháp, không còn biết đâu là nẻo ra. Vì các chúng sinh ấy nên phát Đại từ bi, chí cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, như cứu lửa cháy đầu. Tất cả chúng sinh có khổ não thì ta sẽ cứu vớt không dư sót.

Các Phật tử! Hiện tôi đã nói sơ lược các duyên sự phát tâm của Bồ-tát sơ hành. Nếu nói rộng thì vô lượng vô biên.

Phẩm 3: THỆ NGUYỆN

Bồ-tát làm thế nào hướng đến Bồ-đề? Do hành nghiệp gì thành tựu Bồ-đề?

Bồ-tát phát tâm trụ Càn tuệ địa, trước hết phải kiên cố phát nguyện chân chính, tiếp nhận tất cả vô lượng chúng sinh. Ta cầu vô

thượng Bồ-đề để cứu hộ độ thoát không dư sót, khiến đều được cứu cánh vô dư Niết-bàn.

Cho nên trước tiên phát tâm lấy Đại bi làm đầu. Do tâm bi nên có thể phát chuyển 10 Đại nguyện chân chính thù thắng.

Những gì là 10?

1. Nguyện tôi đời trước cho đến thân hiện nay có bao nhiêu thiện căn trồng được, xin đem các thiện căn này thí cho tất cả vô biên chúng sinh, tất cả đồng hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Mong sao nguyện này của tôi mỗi niệm mỗi niệm tăng trưởng, đời đời sinh ra thường buộc nơi tâm không hề quên mất, được Đà-la-ni gìn giữ bảo vệ.

2. Nguyện sau khi tôi hồi hướng vô thượng Bồ-đề, do thiện căn này tất cả nơi nào tôi sinh ra, thường được cúng dường tất cả chư Phật, hằng không sinh vào cõi nước không có Phật.

3. Nguyện sau khi tôi được sinh về cõi nước chư Phật, thường được gần gũi hai bên như bóng theo hình, không một khoảnh khắc sát-na xa lìa chư Phật.

4. Nguyện sau khi tôi được gần gũi Phật rồi, tùy tôi cần cầu sẽ được vì tôi thuyết pháp, liền được thành tựu được 5 thông của Bồ-tát.

5. Nguyện sau khi tôi thành tựu 5 thông của Bồ-tát sẽ có thể thông hiểu Thế đế giả danh lưu bố, và thấu rõ thật tính chân như của Đệ nhất nghĩa đế, được chính pháp trí.

6. Nguyện sau khi tôi được chính pháp trí sẽ đem tâm không chán mỏi nói cho chúng sinh, dạy bày lợi ích hoan hỷ, khiến đều được thông hiểu.

7. Nguyện sau khi tôi đã có thể làm cho chúng sinh thông hiểu, sẽ dùng Phật thần lực đến khắp không sót một thế giới nào trong 10 phương để cúng dường chư Phật, nghe nhận chính pháp, nhiếp hóa rộng rãi chúng sinh.

8. Nguyên sau khi tôi tiếp nhận chính pháp từ chư Phật liền có thể tùy chuyển pháp luân thanh tịnh. Tất cả chúng sinh trong 10 phương thế giới ai nghe được pháp tôi, nghe tên tôi, liền lia bỏ được tất cả phiền não và phát tâm Bồ-đề.

9. Nguyên sau khi tôi có thể khiến tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tôi thường theo bảo vệ chúng trừ bỏ những gì không lợi ích, và cho chúng niềm vui vô lượng, tôi sẽ xả bỏ thân mạng tài sản để nhiếp thụ chúng sinh và gánh vác chính pháp.

10. Nguyên sau khi tôi đã có thể gánh vác chính pháp, tuy tôi thực hành chính pháp mà tâm không thấy có thực hành. Cũng như chư Bồ-tát khi thực hành chính pháp, nhưng không nghĩ rằng mình có thực hành, cũng chẳng phải không thực hành.

Vì hoá độ chúng sinh mà không bỏ chính nguyện, đó là 10 Đại nguyện chân chính của Bồ-tát phát tâm.

Mười Đại nguyện này phổ biến khắp cảnh giới chúng sinh, gồm thấu tất cả Hằng sa các nguyện. Nếu chúng sinh hết thì nguyện tôi mới hết, mà chúng sinh thật không thể hết, nên Đại nguyện này của tôi cũng không cùng tận.

Lại nữa, bồ thí là nhân của Bồ-đề, vì thấu nhiếp tất cả các chúng sinh.

Tri giới là nhân của Bồ-đề, vì đầy đủ các thiện viên mãn bản nguyện.

Nhẫn nhục là nhân của Bồ-đề, vì thành tựu 32 tướng 80 vẻ đẹp.

Tinh tiến là nhân của Bồ-đề, vì tăng trưởng thiện hành, đối với các chúng sinh siêng năng giáo hoá.

Thiền định là nhân của Bồ-đề, vì Bồ-tát khéo tự điều phục, có thể biết các tâm hành của chúng sinh.

Trí tuệ là nhân của Bồ-đề, vì có đủ khả năng biết tính và tướng của các pháp.

Nói tóm lại 6 Ba-la-mật là chính nhân Bồ-đề, 4 vô lượng tâm, 37 phẩm và các vạn thiện hành cùng trợ giúp mà thành.

Nếu Bồ-tát tu tập 6 Ba-la-mật thì tùy theo chỗ hành trì, dần dần được gần A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Các Phật Tử! Người cầu Bồ-đề phải không phóng dật. Hành vi phóng dật có thể làm hoại thiện căn. Nếu Bồ-tát chế phục 6 căn không phóng dật, thì người ấy có thể tu 6 Ba-la-mật.

Bồ-tát phát tâm trước tiên phải hết sức chí thành lập thế quyết định. Người lập thế rồi sẽ không phóng dật, lười biếng, trì hoãn.

Bởi vì sao ? Vì lập thế quyết định nên có 5 việc được duy trì:

1. Có thể làm tâm mình kiên cố.
2. Có thể chế phục phiền não.
3. Có thể chặn đứng phóng dật.
4. Có thể phá trừ 5 sự ngăn che.
5. Có thể siêng năng tu hành 6 Ba-la-mật.

Như Phật ca ngợi:

*Như Lai bậc Đại Trí
Nói rõ công đức chúng,
Sức nhẫn, tuệ, phúc nghiệp,
Sức thế nguyện tối thắng.*

Lập thế như thế nào?

Nếu có ai đến cầu xin các thứ, lúc đó ta sẽ tùy có thứ gì thì thí cho, tâm không sinh một niệm lần tiếc. Nếu sinh tâm xấu, dù trong chốc lát nghĩ rằng dùng nhân duyên bố thí để cầu phúc báo thanh tịnh, tức đã khi dối vô lượng vô biên A-tăng-kì hiện tại chư Phật

trong 10 phương thế giới. Đến đời vị lai chắc chắn cũng sẽ không thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nếu ta trì giới dù đến mất mạng, cũng xây dựng tâm thanh tịnh, thì không hối cải.

Nếu ta tu nhẫn dù bị kẻ khác xâm hại đến mức chặt chém, cũng thường sinh từ ái, thì không giận dữ cản trở.

Nếu ta tu tinh tiến cho dù gặp lạnh nóng, vua, giặc, nước, lửa, sư tử, cọp, sói, nơi không có cái ăn thức uống cũng giữ tâm kiên cường thì không thoái chuyển.

Nếu ta tu thiền bị các việc bên ngoài quấy nhiễu không cho nhiếp tâm thì phải buộc niệm vào định cảnh, thì không tạm khởi loạn tưởng phi pháp.

Nếu ta tu tập trí tuệ, quán như thật tính của tất cả các pháp, tùy thuận thụ trì. Đối với các pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn, không khởi cái thấy có hai. Nếu tâm có hối có giận, có cản trở mà thoát mất, sinh loạn tưởng khởi cái thấy có hai, thì dù chỉ trong chốc lát dùng trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ để cầu báo thanh tịnh, tức đã khi đối vô lượng vô biên A-tăng-ki hiện tại chư Phật trong 10 phương thế giới. Đến đời vị lai chắc chắn cũng sẽ không thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Bồ-tát dùng 10 Đại nguyện hành trì chính pháp, dùng 6 Đại thế chế ngự tâm phóng dật, chắc chắn có thể tinh cần tu tập 6 Ba-la-mật, thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phẩm 4: ĐÀN BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu hành bố thí như thế nào?

Nếu bố thí là vì tự lợi tự tha, và cả hai cùng lợi thì bố thí như vậy sẽ có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến lia khổ não, nên mới hành thí. Người tu hành thí là đối với tài vật của chính mình luôn sinh tâm xả bỏ, đối với người đến cầu xin, luôn sinh tâm tôn trọng coi như cha, mẹ, sư trưởng hay thiện tri thức. Đối với kẻ bần cùng hạ tiện khởi tâm thương mến coi như con một của mình, tùy cần gì thì cho với tâm hoan hỷ cung kính. Đó gọi là Bồ-tát mới tu tâm bố thí.

Do tu bố thí nên tiếng tốt đồn khắp. Sinh ra nơi đâu thì nơi đó dồi dào của báu, đó là tự lợi. Có thể làm cho chúng sinh tâm được thoả mãn, khuyên dạy điều phục khiến không bồn sồn, đó là lợi tha. Dùng cái đại thí vô tướng do mình đã tu được, dạy các chúng sinh khiến được lợi giống như mình, đó là người và mình cùng lợi.

Do tu bố thí được địa vị Chuyển luân vương, thâm nhiếp tất cả vô lượng chúng sinh, cho đến được pháp tạng vô tận của Phật, đó là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Thí có ba loại:

1. Thí pháp.
2. Thí vô úy.
3. Thí tài vật.

Thí pháp là khuyên người thụ giới, tu tập tâm xuất gia. Để phá tà kiến thì nói các lỗi lầm, các ác pháp của đoạn, thường, 4 điên đảo, phân biệt khai thị ý nghĩa của chân đế, tán thán công đức tinh tiến, nói tội lỗi của phóng dật. Đó là thí pháp.

Nếu có chúng sinh sợ hãi vua chúa, sư tử, cọp, sói, lửa, nước, giặc, cướp, Bồ-tát thấy vậy có thể cứu hộ. Đó là thí vô úy.

Dem tài vật của mình bố thí không lẫn tiếc, trên đến châu báu, voi ngựa, xe cộ, lụa là, lúa thóc, quần áo, thức uống ăn, dưới đến một miếng bánh, một sợi chỷ, dù ít dù nhiều đúng với nhu cầu của người xin mà cho. Đó là thí tài vật.

Tài thí có 5 điều:

1. Chí tâm thí.
2. Tín tâm thí.
3. Tùy thời thí.
4. Tự tại thí.
5. Như pháp thí.

Những gì không được thí cũng có 5 điều:

1. Cửa phi nghĩa không được đem thí cho người, bởi đó là vật không trong sạch.
2. Rượu, thuốc độc không được đem thí cho người, vì các thứ ấy làm não loạn chúng sinh.
3. Bẫy, lưới, dụng cụ săn bắt không được đem thí cho người, vì các thứ ấy làm hại chúng sinh.
4. Dao, gậy, cung tên, không được đem thí cho người, vì các thứ ấy làm hại chúng sinh.
5. Âm nhạc, nữ sắc không được đem thí cho người, vì các thứ ấy phá hoại tịnh tâm.

Nói tóm lại, những thứ không đúng như pháp, làm não loạn chúng sinh, không được đem cho người. Ngoài ra, tất cả những gì có thể làm cho chúng sinh an lạc, thì gọi là như pháp thí.

Người ưa thích bố thí sẽ được 5 thứ tiếng khen lợi ích:

1. Thường được gần gũi tất cả hiền thánh.
2. Tất cả chúng sinh đều thích gặp.
3. Khi vào giữa đại chúng, được mọi người tôn kính.
4. Danh tiếng tốt đồn khắp 10 phương.
5. Có thể làm nhân thượng diệu cho Bồ-đề.

Người Bồ-tát được gọi là người thí tất cả. Thí tất cả không có nghĩa là nhiều tài sản, mà ở tâm bố thí.

Cầu được của cái đúng như pháp rồi đem bố thí, là thí tất cả.

Đem tâm thanh tịnh không quanh co nịnh bợ mà thí, là thí tất cả.

Thấy kẻ bần cùng, tâm sinh thương xót mà thí, là thí tất cả.

Thấy người khổ nạn, tâm sinh từ bi mà thí, là thí tất cả.

Ở cảnh nghèo, ít của cải mà có thể thí, là thí tất cả.

Của báu quý thích mà vẫn mở lòng bố thí được, là thí tất cả.

Chẳng kể tri giới phá giới, phúc điền hay chẳng phải phúc điền đều thí không phân biệt, là thí tất cả.

Thí chẳng vì cầu diệu lạc nhân thiên, là thí tất cả.

Thí vì chí cầu vô thượng Đại Bồ-đề, là thí tất cả.

Muốn thí, khi thí, thí rồi không hối, là thí tất cả.

Nếu đem hoa thí, là để được đầy đủ 7 hoa giác Đà-la-ni.

Nếu đem hương thí, là để được đầy đủ giới định tuệ xông ướp vào thân.

Nếu đem trái cây thí, là vì để được thành tựu quả vô lậu.

Nếu đem thức ăn thí, là để được đầy đủ mạnh khỏe sắc lực vui tươi.

Thí y phục là để được đầy đủ sắc thanh tịnh trừ bỏ sự không biết hổ thẹn.

Thí đèn chiếu sáng là để được đầy đủ Phật nhãn, chiếu rõ tất cả tính các pháp.

Đem voi ngựa xe cộ thí là để được vô thượng thừa gồm đủ thần thông.

Dem chuỗi anh lạc thí là để gồm đủ 80 tùy hình hảo.

Dem gân cốt sức lực thí cho sử dụng là để gồm đủ 10 sức lực và 4 không sợ hãi của Phật.

Nói tóm lại, cho đến đất nước, vợ con, đầu mắt tay chân, khắp cả toàn thân bố thí, tâm không lẫn tiếc là vì được vô thượng Bồ-đề để độ chúng sinh.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành bố thí, không thấy có tài vật, không thấy có người thí, không thấy có người nhận, đó là vô tướng bố thí. Như vậy là đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

Phẩm 5: THI BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu hành trì giới như thế nào?

Trì giới nếu là để tự lợi, tự tha, cả hai cùng lợi, trì giới như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát trì giới vì muốn điều phục chúng sinh, khiến lìa khổ não.

Người tu trì giới phải thanh tịnh tất cả các nghiệp thân, khẩu, ý. Đối với các tâm hành bất thiện đều có thể lìa bỏ tránh xa. Khéo có thể khiến trách các ác hạnh, và phá huỷ giới cấm. Đối với tội nhỏ tâm thường lo sợ. Đó gọi là Bồ-tát sơ tâm trì giới.

Do tu trì giới, Bồ-tát xa lìa tất cả ác pháp lỗi lầm tai hại, thường sinh vào chỗ thiện. Đó là tự lợi. Bồ-tát giáo hoá chúng sinh khiến không phạm ác. Đó là lợi tha. Dùng chỗ tu hành của mình hướng về giới Bồ-đề, giáo hoá chúng sinh khiến đồng được lợi ích như mình. Đó là cùng lợi.

Do tu trì giới, Bồ-tát đạt được lìa dục cho đến tận thành tựu tối thượng chính giác. Đó là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Giữ giới có ba loại: một là giữ giới nơi thân, hai là giữ giới nơi miệng và ba là giữ giới nơi tâm.

Giữ giới nơi thân là vĩnh viễn lìa tất cả mọi hành vi giết chóc, trộm cướp, dâm dục. Không đoạt mạng sinh vật, không xâm phạm tài sản của người khác, không phạm ngoại sắc. Cũng không tạo các nhân duyên giết hại, cũng như các phương tiện để giết hại. Không dùng cây, gậy, gạch, đá đá thương chúng sinh. Nếu vật của người khác, thuộc quyền sử dụng của người khác thì dù một cọng cỏ, một chiếc lá, nếu không cho cũng không lấy. Lại cũng không hề nói, liếc sắc đẹp. Luôn đứng đắn cẩn trọng trong 4 oai nghi. Đó là giữ giới nơi thân.

Giữ giới nơi miệng là dứt trừ tất cả sự nói dối, nói đâm thọc, nói thô ác, nói thêu dệt. Thường không lừa dối ly gián sự hoà hợp, huỷ báng, mắng nhiếc, chửi chưởi ngôn từ, hay tạo phương tiện làm khổ não xúc phạm người khác. Nói ra thì thành thật, nhỏ nhẹ, ngay thẳng đáng tin. Nói ra thường làm lợi ích, khuyến khích giáo hóa việc tu thiện. Đó là giữ giới nơi miệng.

Giữ giới nơi tâm là diệt trừ ham muốn, giận dữ, tà kiến. Thường tu tâm nhu hòa, không gây tội lỗi, tin rằng tạo nghiệp tội sẽ bị quả báo ác. Do sức tư duy nên không tạo các ác. Đối với tội nhẹ, cũng khởi tưởng là tội nặng. Cho dù vì lầm lẫn, cũng phải lo âu hối hận. Đối với chúng sinh không khởi giận dữ nào hại. Thấy chúng sinh thì sinh tâm thương tưởng, tâm biết ơn, biết đền ơn không chút bỏn sẻn. Thích làm việc phúc đức, thường lấy đó để giáo hoá người. Thường tu tâm từ, thương yêu tất cả. Đó là giữ giới nơi tâm.

Mười giới thiện nghiệp này, có 5 lợi ích:

1. Có thể chế ngự ác hạnh.
2. Có thể phát thiện tâm.
3. Có thể ngăn chặn phiền não.
4. Thành tựu tịnh tâm.
5. Có thể tăng trưởng giới đức.

Nếu ai khéo tu hạnh không phóng dật, đầy đủ chính niệm phân biệt thiện ác, phải biết người đó chắc chắn có thể tu 10 giới thiện nghiệp, 8 vạn 4 ngàn vô lượng giới phẩm đều hoàn toàn thu tóm trong 10 giới thiện.

Mười giới thiện này có thể làm căn bản của tất cả giới thiện. Đoạn các ác pháp thuộc thân khẩu ý, có thể chế ngự tất cả các pháp bất thiện, nên gọi là giới.

Giới có 5 loại:

1. Ba-la-đề-mộc-xoa giới.
2. Định cộng giới.
3. Vô lậu giới.
4. Nhiếp căn giới.
5. Vô tác giới.

Bạch bốn lần Yết-ma, theo thầy mà thụ giới, đó là Ba-la-đề-mộc-xoa giới.

Bốn căn bản thiên và 4 vị đáo thiên, là Định cộng giới.

Bốn căn bản thiên, sơ thiên và vị đáo, là Vô lậu giới.

Thâu nhiếp các căn, tu chính niệm tâm, đối với kiến, văn, giác, tri, sắc, thanh, hương, vị, xúc, không sinh phóng dật, là Nhiếp căn giới.

Đòi sau xả thân cũng không làm ác nữa, là Vô tác giới.

Bồ-tát tu giới không cùng với Thanh Văn và Bích-chi-phật. Do không chung nên gọi là khéo trì giới. Do khéo trì giới nên có thể lợi ích tất cả chúng sinh.

Giữ giới tâm từ, cứu hộ chúng sinh khiến được an lạc.

Giữ giới tâm bi, nhẫn chịu các khổ để cứu ách nạn.

Giữ giới tâm hỷ, ưa thích tu thiện không biếng nhác.

Giữ giới tâm xả, bình đẳng oán thân lia xa yêu ghét.

Giữ giới huệ thí, giáo hoá điều phục chúng sinh.

Giữ giới nhẫn nhục, tâm thường nhu nhuyễn không giận không trở ngại.

Giữ giới tinh tiến, nghiệp thiện ngày càng tăng không thoái lui.

Giữ giới thiên định, lìa dục bất thiện, tăng trưởng thiên chi.

Giữ giới trí tuệ, nghe nhiều thiện căn không biết chán đủ.

Giữ giới thân cận thiện tri thức, trợ thành đạo Bồ-đề vô thượng.

Giữ giới lia xa ác tri thức, lìa bỏ các nơi 3 ác 8 nạn.

Người Bồ-tát giữ tịnh giới không nương Dục giới, không gần Sắc giới, không trụ Vô sắc giới. Đó là thanh tịnh giới.

Lìa bỏ dục trần, trừ giận dữ trở ngại, diệt chướng vô minh. Đó là thanh tịnh giới.

Lìa hai bên đoạn thường, không nghịch nhân duyên. Đó là thanh tịnh giới.

Không chấp trước tướng giả danh sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Đó là thanh tịnh giới.

Không trói buộc vào nhân, không khởi các kiến chấp, không trụ nơi nghi hối, là thanh tịnh giới.

Không trụ nơi 3 căn bất thiện tham, sân, si, là thanh tịnh giới.

Không trụ nơi ngã mạn, kiêu mạn, tăng thượng mạn, mạn mạn, đại mạn, nhu hòa khéo tùy thuận, là thanh tịnh giới.

Lợi, suy, nhục, vinh, khen, chê, khổ, sướng, không vì thế mà khuynh động là thanh tịnh giới.

Không nhiệm giả danh hư vọng của Thế đế, thuận theo Chân đế là thanh tịnh giới.

Không phiền não không nóng bức, tịch diệt lìa tướng, là thanh tịnh giới.

Nói tóm lại cho đến không tiếc thân mạng, quán tưởng vô thường mà sinh tâm chán lìa, siêng làm các thiện căn dừng mãnh tinh tiến, là thanh tịnh giới.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành giữ giới mà không thấy có tịnh tâm, bởi đã lìa tướng. Như vậy tức đầy đủ Thi Ba-la-mật.

Phẩm 6: SẴN-ĐỀ BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu hành nhẫn nhục như thế nào?

Nếu nhẫn nhục là vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, nhẫn nhục như vậy tức có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến lìa xa khổ não nên tu nhẫn nhục.

Người tu nhẫn nhục tâm thường khiêm tốn hạ mình đối với tất cả chúng sinh. Bỏ hết tâm cương cường, kiêu mạn. Thấy kẻ thô ác thì khởi tâm thương tưởng. Nói năng thường nhỏ nhẹ dịu dàng, khuyến hoá việc tu thiện. Có thể phân biệt nói rõ quả báo sai khác giữa nóng nảy giận dữ và nhu hoà nhẫn nhục. Đó gọi là sơ tâm nhẫn nhục của Bồ-tát.

Do tu nhẫn nhục nên lìa xa các ác, thân tâm được an lạc, đó là tự lợi. Dẫn dắt giáo hoá chúng sinh khiến đều được hoà thuận, đó là lợi tha. Đem chỗ đại nhẫn vô thượng do mình đã tu ra giáo hoá chúng sinh khiến được lợi ích như mình, đó là cùng lợi.

Do tu nhẫn nhục mà được đoan chính, được người tôn trọng, cho đến được các tướng đẹp thượng diệu của Phật, đó là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Nhẫn nhục có 3, là nhẫn nhục nơi thân, nhẫn nhục nơi miệng, và nhẫn nhục nơi tâm ý.

Thế nào là nhẫn nhục nơi thân ?

Là nếu có ai làm ác xâm phạm đánh đập mình cho đến gây thương hại, đều có thể nhẫn chịu. Thấy chúng sinh bị uy hiếp áp bức sợ hãi thì đem thân thay chịu không một mảy. Đó là nhẫn nhục nơi thân.

Thế nào là nhẫn nhục nơi miệng?

Là nếu bị ai mắng nhiếc, im lặng nhẫn chịu không đáp trả lại. Nếu có kẻ đến trách mắng phi lý cũng phải mặc ý dịu dàng. Nếu có kẻ nào lại còn vu cáo ngang ngạnh phỷ báng, đều phải nhẫn nhịn. Đó là nhẫn nhục nơi miệng.

Thế nào là nhẫn nhục nơi tâm ý?

Gặp kẻ tức giận mình, tâm mình không ôm hận. Nếu có ai xúc phạm gây phiền não, tâm mình không loạn. Nếu ai chê bai, tâm cũng không oán. Đó là nhẫn nhục nơi tâm ý.

Ở đời những kẻ đánh người có 2 loại, một là đúng thật, hai là ngang tàng. Nếu mình có lỗi bị người hiềm nghi đánh, thì tự mình phải nhẫn chịu như uống cam lồ. Đối với người ấy phải sinh lòng cung kính. Bởi vì sao? Vì người ấy khéo có thể răn dạy điều phục được ta, khiến ta được lìa tội lỗi. Còn như kẻ ngang ngược đem ác tâm gây thương tổn hại ta, thì phải tự suy nghĩ ta nay vô tội, đó phải là do nghiệp quá khứ đưa lại. Như vậy cũng nên nhẫn.

Lại phải suy nghĩ thân này do 4 đại giả hợp, 5 duyên hội tụ, vậy ai là người bị đánh đây?

Lại quán người trước mặt đang đánh mình là như si như cuồng, ta nên thương họ, sao lại không nhẫn?

Lại nữa mắng nhiếc cũng có hai loại: một là đúng thật, hai là hư dối. Nếu lời mắng kia là đúng thật thì ta phải sinh hổ thẹn. Nếu lời

mắng kia là hư dối thì có can dự gì đến chuyện của ta, nó như tiếng vang như gió thoảng chẳng tổn hại gì đến ta cho nên phải nhẫn.

Lại đối với người giận cũng vậy, họ giận ta, ta phải nhẫn chịu. Nếu ta giận lại thì đời vị lai sẽ đọa ác đạo chịu khổ não hơn. Do nhân duyên này, thân ta dù bị chém chặt đứt lìa cũng đừng nổi giận, phải quán sâu nhân duyên nghiệp đời trước, phải tu từ bi thương xót tất cả. Cái khổ nhỏ như vậy mà không thể nhẫn thì sẽ không tự điều phục được tâm, làm sao có thể điều phục chúng sinh, khiến giải thoát được tất cả ác pháp, thành tựu quả vô thượng?

Nếu ai có trí tuệ thích tu nhẫn nhục, người này thường được diện mạo đoan chính, có nhiều của báu, ai trông thấy cũng hoan hỷ, ngưỡng mộ, phục tùng.

Lại phải quán sát người nào thân hình tàn tật, nhan sắc xấu xí, các căn không đủ, của cải thiếu thốn, phải biết đó đều là do nhân duyên sân giận gây nên. Vì nhân duyên ấy, người trí phải tu sâu nhẫn nhục.

Có 10 nhân duyên làm phát sinh nhẫn:

1. Không quán tướng ngã và ngã sở.
2. Không nghĩ đến chủng tính.
3. Phá trừ kiêu mạn.
4. Ác đến không đáp trả.
5. Quán tướng vô thường.
6. Tu từ bi.
7. Tâm không phóng dật.
8. Xả bỏ các việc đói khát, khổ sướng v.v...
9. Đoạn trừ giận dữ.
10. Tu tập trí tuệ.

Nếu ai thành tựu được 10 việc ấy, phải biết người đó có thể tu nhãn nhục. Bồ-tát Ma-ha-tát khi tu thanh tịnh nhãn rốt ráo, nếu nhập vào không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, sẽ không hoà hợp với kiến, giác, nguyện, tác, cũng không cậ bám vào không, vô tướng, vô nguyện, vô tác. Các kiến, giác, nguyện, tác này đều không. Nhãn không có hai tướng này được gọi là rốt ráo thanh tịnh nhãn.

Nếu nhập vào chỗ hết các kết, hoặc nhập tịch diệt, không hoà hợp với kết và sinh tử, cũng không dựa vào chỗ hết các kết và tịch diệt. Các kết và sinh tử đều là không. Nhãn không có hai tướng này được gọi là rốt ráo thanh tịnh nhãn.

Nếu tính không tự sinh, không từ cái khác sinh, không phải hoà hợp sinh, cũng không có xuất hiện, không thể phá hoại. Cái không thể hoại thì không thể hết. Nhãn không có hai tướng này được gọi là rốt ráo thanh tịnh nhãn.

Không có tác phi tác, không đeo bám, không phân biệt, không trang nghiêm, không uốn nắn sửa sang, không phát triển, hoàn toàn không tạo sinh. Nhãn như vậy là vô sinh nhãn. Như vậy Bồ-tát tu hạnh nhãn này sẽ được thụ ký nhãn. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành nhãn nhục tính, tướng đều không, bởi không có chúng sinh. Như vậy tức đầy đủ Sáu-đề Ba-la-mật. /.

QUYỂN THƯỢNG HẾT

LUẬN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH

QUYỂN HẠ

Phẩm 7: TÌ-LÊ-DA BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu hành tinh tiến như thế nào?

Tinh tiến nếu là để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, thì tinh tiến đó có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát vì muốn điều phục chúng sinh khiến lìa khổ não nên tu tinh tiến.

Người tu tinh tiến bất cứ lúc nào cũng thường siêng năng tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ lười biếng kiêu mạn, tâm không phóng dật. Đối với các việc khó khăn không ích lợi, tâm thường tinh cần không thoái mất. Đó là Bồ-tát sơ tâm tinh tiến.

Nhờ tu tinh tiến nên có thể được các thiện pháp thượng diệu thế gian và xuất thế gian. Đó là tự lợi. Giáo hoá chúng sinh khiến siêng tu thiện. Đó là lợi tha. Đem cái chính nhân Bồ-đề do mình đã tu giáo hoá chúng sinh, khiến được lợi ích như mình. Đó là cùng lợi. Do tu tinh tiến đạt được diệu quả thanh tịnh vượt trội hơn các địa, cho đến mau thành chính giác. Đó là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Có hai loại tinh tiến: một là vì cầu vô thượng đạo, hai là muốn cứu vớt hết các khổ mà khởi tinh tiến. Bồ-tát phải thành tựu 10 niệm, mới có thể phát tâm siêng năng tinh tiến.

Mười niệm là những gì?

1. Nghĩ tưởng Phật có vô lượng công đức.
2. Nghĩ tưởng Pháp là pháp giải thoát không thể nghĩ bàn.
3. Nghĩ tưởng Tăng là đoàn thể thanh tịnh không ô nhiễm.
4. Nghĩ tưởng việc thực hành Đại từ an lập chúng sinh.
5. Nghĩ tưởng việc thực hành Đại bi cứu vớt các khổ.
6. Nghĩ tưởng về chính định tụ, khuyến khích việc ưa tu thiện.
7. Nghĩ tưởng về tà định tụ, kéo trở về nguồn gốc thiện.
8. Nghĩ tưởng về các nạ quý đói khát nóng cháy khổ não.
9. Nghĩ tưởng về các súc sinh mãi chịu các khổ.
10. Nghĩ tưởng về các địa ngục chịu đủ các thứ thiêu đốt.

Bồ-tát tư duy 10 niệm như vậy:

Ta phải tu tập công đức của Tam Bảo.

Ta phải khuyến khích siêng năng từ bi chính định.

Ta phải cứu vớt chúng sinh tà định ra khỏi 3 ác đạo khổ. Tư duy chuyên niệm như vậy không tán loạn, ngày đêm siêng năng tu hành không thôi bỏ. Đó là có thể khởi chính niệm tinh tiến.

Bồ-tát còn có 4 việc tinh tiến. Đó là tu hành 4 chính cần:

1. Ác pháp chưa sinh, ngăn chặn không cho sinh.
2. Ác pháp đã sinh, mau chóng đoạn trừ.
3. Thiện pháp chưa sinh, tìm phương tiện khiến sinh.
4. Thiện pháp đã sinh, tu tập thêm cho tăng trưởng rộng rãi và viên mãn.

Bồ-tát tu 4 chính cần như vậy không thôi nghỉ. Đó là tinh tiến. Sự siêng năng tinh tiến này có thể phá tất cả các phiền não giới, làm tăng trưởng chính nhân vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát nếu có thể chịu tất cả các khổ lớn của thân tâm, là vì muốn an lập các chúng sinh mà không mệt mỏi. Đó là tinh tiến.

Bồ-tát sau khi lìa xa pháp ác, quanh co nịnh bợ, tà tinh tiến, tu chính tinh tiến, như tu tín, thí, giới, định, tuệ, từ, bi, hỷ, xả. Muốn làm, đã làm, sẽ làm, chí tâm thường hành tinh tiến không hối hận. Đối với các pháp thiện và việc cứu vớt các khổ, coi như cứu lửa cháy đầu, tâm không thoái mất. Đó là tinh tiến.

Bồ-tát tuy là không tiếc thân mạng, nhưng vì để cứu vớt các khổ, bảo hộ chính pháp, nên phải yêu tiếc không bỏ oai nghi, thường tu thiện pháp.

Khi tu thiện pháp tâm không lười biếng, dù mất thân mạng không bỏ như pháp. Như thế gọi là Bồ-tát tu đạo Bồ-đề cần hành tinh tiến. Còn người lười biếng không thể một lúc bỏ thí tất cả, không thể giữ giới, nhẫn chịu các khổ, cần hành tinh tiến, nhiếp tâm vào niệm và định, phân biệt thiện ác. Cho nên nói 6 Ba-la-mật là do tinh tiến mà được tăng trưởng. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tinh tiến tăng trưởng, có thể mau được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Bồ-tát phát Đại trang nghiêm khởi tinh tiến còn có 4 việc:

1. Phát đại trang nghiêm.
2. Tích tập dũng kiện.
3. Tu các thiện căn.
4. Giáo hoá chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát phát Đại trang nghiêm?

Là đối với việc sinh tử tâm có thể kham nhẫn, không kể kiếp số. Đối với việc phải trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na-do-tha Hằng hà sa A-tăng-kì kiếp mới thành Phật đạo, tâm không mỏi mệt. Đó gọi là trang nghiêm tinh tiến không lười biếng.

Bồ-tát tích tập dững kiện mà khởi tinh tiến là nếu như lửa cháy đầy khắp 3 ngàn Đại thiên thế giới, mà vì để gặp Phật, vì để nghe pháp, vì để đặt yên chúng sinh vào nơi thiện pháp cần phải đi qua đám lửa ấy để điều phục chúng sinh nên khéo đặt tâm vào trong Đại bi. Đó gọi là dững kiện tinh tiến.

Bồ-tát tu tập thiện căn mà khởi tinh tiến là như tất cả các thiện căn được phát khởi, đều đem hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vì muốn thành tựu Nhất thiết trí. Đó gọi là tu tập thiện căn tinh tiến.

Bồ-tát giáo hoá chúng sinh mà khởi tinh tiến là tính của chúng sinh không thể kể hết, vô lượng vô biên ngang bằng cõi hư không. Bồ-tát lập thế sẽ độ hết không còn dư sót. Vì muốn hoá độ mà cần hành tinh tiến. Đó gọi là giáo hoá tinh tiến.

Tóm lại, Bồ-tát tu công đức trợ đạo trợ giúp vô thượng trí tuệ tu tập Phật pháp mà khởi tinh tiến. Công đức chư Phật vô lượng vô biên, sự tinh tiến do Bồ-tát Ma-ha-tát phát Đại trang nghiêm thực hành tinh tiến cũng vô lượng vô biên như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành tinh tiến không có tâm lìa dục vì để cứu các khổ. Đó tức là đầy đủ Tì-lê-da Ba-la-mật.

Phẩm 8: THIÊN BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu tập thiên định như thế nào?

Thiên định nếu vì để tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, thì thiên định như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến lìa khổ não nên tu thiên định.

Người tu thiên định là khéo giữ tâm mình, không cho loạn tưởng vọng khởi. Đi, đứng, nằm, ngồi buộc niệm hiện tiền. Quán sát

hai chiều nghịch thuận, nào đầu lâu, đỉnh đầu, xương sống, cánh tay, khuỷu tay, ngực, hông, đùi, ống quyển, mắt cá chân, An-ban đếm hơi thở. Đó gọi là sơ tâm tu định của Bồ-tát.

Do tu thiên định nên không thụ các ác pháp, tâm thường khoan khoái. Đó là tự lợi. Giáo hoá chúng sinh khiến tu chính niệm. Đó là lợi tha. Đem Tam-muội thanh tịnh lìa ác giác quán, do mình tu tập ra giáo hoá các chúng sinh, khiến được lợi ích như mình. Đó là cùng lợi.

Do tu thiên định đạt được 8 giải thoát, cho đến Thủ Lăng Nghiêm, Kim Cương Tam-muội. Đó gọi là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Thiên định do 3 pháp sinh ra.

Những gì là 3?

1. Từ văn tuệ.
2. Từ tư tuệ.
3. Từ tu tuệ.

Từ 3 pháp đó dần dần sinh tất cả các Tam-muội.

Thế nào là văn tuệ?

Như các pháp được nghe, tâm thường ưa thích. Lại nghĩ như vậy: Các pháp vô ngại giải thoát của chư Phật, phải do nghe nhiều mới được thành tựu. Nghĩ như vậy rồi, đối với mọi lúc cầu pháp càng thêm tinh cần, ngày đêm thường thích nghe pháp không thấy chán đủ. Đó là văn tuệ.

Thế nào là tư tuệ?

Tư duy nghĩ nhớ quán sát tướng như thật của tất cả các pháp hữu vi, chính là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, niệm niệm sinh diệt, không lâu sẽ hoại diệt. Thế mà chúng sinh bị ưu, bi, khổ, não, thương, ghét trối buộc, chỷ vì lửa tham, giận, si mê thiêu đốt, làm tăng trưởng khối khổ não lớn ở đời sau, không có thật tính, như

trò ảo hoá. Thấy như vậy rồi, đối với tất cả pháp hữu vi liên sinh chán lìa, ra sức tinh cần hướng đến trí tuệ Phật. Suy nghĩ về trí tuệ của Như Lai là không thể suy lường, không thể nói hết, có thể lực lớn không ai có thể hơn được, có thể đến được thành trì lớn an ổn, không sợ hãi, không bị trở lui, có thể cứu được vô lượng chúng sinh khổ não. Như vậy là thấy Phật có vô lượng trí, thấy pháp hữu vi là vô lượng khổ não, chí nguyện tiến lên cầu Đại thừa vô thượng. Đó gọi là tu tuệ.

Thế nào là tu tuệ ?

Từ ban đầu quán về xương cốt cho đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đều gọi là tu tuệ.

Lìa các pháp bất thiện thuộc Dục giới, có giác có quán, định sinh hỷ lạc, nhập vào Sơ thiên.

Diệt giác và quán, bên trong thanh tịnh, tâm một chỗ, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, nhập vào Nhị thiên.

Lìa hỷ nên hành xả, tâm niệm khinh an tuệ thân cảm thụ lạc. Các hiền thánh có thể thuyết có thể xả, thường niệm thụ lạc nhập vào Tam thiên.

Do đoạn khổ đoạn lạc, do trước diệt ưu hỷ, nên không khổ không lạc, hành xả niệm thanh tịnh, nhập vào Tứ thiên.

Do vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả các tướng hữu đối, không niệm tất cả các tướng biệt dị, nên biết hư không vô biên, tức nhập vào Hư không Vô sắc định xứ.

Vượt qua tất cả tướng hư không, biết thức là vô biên, tức nhập vào Vô sắc thức định xứ.

Vượt qua tất cả tướng của thức, biết là vô sở hữu, tức nhập vào Vô sở hữu Vô sắc định xứ.

Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, biết được phi hữu tướng phi vô tướng an ổn, tức nhập vào Vô sắc phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Thế nhưng tùy thuận các pháp hành mà không đấm trước. Cầu vô thượng thừa thành tối chính giác mới là tu tuệ.

Bồ-tát từ văn tư tu tuệ này, tinh cần nhiếp tâm thì có thể thành tựu thông minh Tam-muội Thiên Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu định còn có 10 pháp hành không chung với Thanh Văn, Bích-chi-phật.

Những gì là 10?

1. Tu định không có ta đây, vì có đầy đủ các thiền định của Như Lai.

2. Tu định không đấm vị, không đấm trước, vì lìa bỏ nhiễm tâm không cần an lạc cho riêng mình.

3. Tu định đầy đủ các nghiệp thông, vì biết các tâm hành của chúng sinh.

4. Tu định để biết các tâm vì độ thoát tất cả chúng sinh.

5. Tu định thực hành Đại bi, vì đoạn phiền não kết của các chúng sinh.

6. Tu định các thiền Tam-muội, vì khéo biết sự nhập xuất vượt quá 3 cõi.

7. Tu định thường được tự tại, vì đầy đủ tất cả các thiện pháp.

8. Tu định tâm mình tịch diệt, vì vượt hơn các thiền Tam-muội của Nhị thừa.

9. Tu định thường nhập trí tuệ, vượt quá các pháp thế gian vì đến bờ kia.

10. Tu định có thể hưng khởi chính pháp, vì nói thịnh Tam Bảo khiến không đoạn tuyệt.

Định như vậy không chung với Thanh Văn, Bích-chi-phật.

Lại nữa, vì để biết tất cả tâm phiền não của chúng sinh, nên tu tập các pháp thiền định trụ thành trụ tâm, khiến các thiền định này trụ tâm bình đẳng, như vậy gọi là định. Định bình đẳng như vậy bình đẳng với không, vô tướng, vô nguyện, vô tác. Bình đẳng với không, vô tướng, vô nguyện, vô tác thì bình đẳng với chúng sinh. Bình đẳng với chúng sinh thì bình đẳng với các pháp. Nhập vào bình đẳng như vậy gọi là định.

Lại nữa, Bồ-tát tuy tùy theo thế gian mà tu hành, nhưng không pha tạp với thế gian mà xả bỏ 8 pháp thế gian, diệt tất cả các kết, lìa xa nơi ồn ào, thích sống một mình. Bồ-tát tu hành thiền định như thế, trụ tâm an ổn, lìa mọi sự thế gian.

Lại nữa, Bồ-tát tu định, để có đủ thông, trí, phương tiện, tuệ.

Thế nào là thông? Thế nào là trí?

Là hoặc thấy sắc tướng, hoặc nghe âm thanh, hoặc biết tâm người, hoặc nhớ quá khứ, hoặc có thể đến khắp thế giới chư Phật. Đó gọi là thông.

Nếu biết sắc tức pháp tính, hiểu rõ âm thanh, tâm hành, tính tướng tịch diệt, 3 đời bình đẳng. Biết cảnh giới chư Phật bằng với tướng hư không mà không chứng diệt tận. Đó gọi là trí.

Thế nào là phương tiện? Thế nào là tuệ?

Là khi nhập thiền định thì sinh Đại từ bi không bỏ thế nguyện, tâm như kim cương, quán thế giới chư Phật để trang nghiêm đạo tràng Bồ-đề. Đó gọi là phương tiện.

Tâm hằng tĩnh lặng, không ngã, không chúng sinh, tư duy bản tính các pháp không loạn, thấy cảnh giới chư Phật đồng như hư không, quán chỗ trang nghiêm đồng như tịch diệt. Đó gọi là tuệ.

Như vậy là Bồ-tát tu hành thiền định, thông, trí, phương tiện, tuệ, 4 sai biệt đồng hành, được gần với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-

bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát tu thiền định không còn chút ác tâm, vì là pháp bất động. Như thế tức đầy đủ Thiên-na Ba-la-mật.

Phẩm 9: BÁT-NHÃ-BA-LA-MẬT

Bồ-tát tu hành trí tuệ như thế nào?

Trí tuệ nêu đề tự lợi, lợi tha, cả hai cùng lợi, trí tuệ như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát vì muốn điều phục chúng sinh, khiến lìa xa khổ não nên tu trí tuệ.

Người tu trí tuệ phải học tất cả các việc thế gian, xả tham sân si, kiến lập tâm từ, thương xót làm lợi ích tất cả chúng sinh, thường nghĩ cứu vớt, vì chúng sinh làm người dẫn đạo, có thể phân biệt nói rõ chính đạo, tà đạo, cùng thiện báo, ác báo. Đó gọi là sơ tâm trí tuệ của Bồ-tát.

Do tu trí tuệ nên lìa xa vô minh, trừ phiền não chướng và trí tuệ chướng. Đó là tự lợi.

Giáo hoá chúng sinh khiến được điều phục. Đó là lợi tha.

Dem vô thượng Bồ-đề do chính mình tu ra giáo hoá các chúng sinh khiến được ích lợi như mình. Đó là cùng lợi.

Do tu trí tuệ đạt được Sơ địa cho đến trí Tát-bà-nhã. Đó gọi là trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát tu hành trí tuệ có 20 tâm có thể từ từ kiến lập.

Những gì là 20?

1. Tâm sẽ phát khởi thiện, muốn gần gũi thiện hữu.
2. Tâm không phóng dật, lìa bỏ kiêu mạn.
3. Tâm tùy thuận lời răn dạy, ưa thích nghe pháp.

4. Tâm nghe pháp không chán và khéo tư duy.
5. Tâm thực hành 4 Phạm hạnh và tu chính trí.
6. Tâm quán hạnh bất tịnh sinh chán lìa.
7. Tâm quán 4 chân đế và 16 thánh.
8. Tâm quán 12 nhân duyên tu minh tuệ,
9. Tâm nghe các Ba-la-mật, nghĩ nhớ muốn tu tập.
10. Tâm quán vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt.
11. Tâm quán không, vô tướng, vô nguyện, vô tác.
12. Tâm quán âm, giới, nhập có nhiều tội lỗi.
13. Tâm hàng phục phiền não, không phải bạn bè.
14. Tâm giữ gìn các thiện pháp, coi như bạn bè.
15. Tâm kèm chế ác pháp, khiến dứt trừ.
16. Tâm tu tập chính pháp, khiến tăng trưởng rộng.
17. Tâm tuy tu Nhị thừa mà thường lìa bỏ.
18. Tâm nghe tụng Bồ-tát, ưa thích phụng hành.
19. Tâm tự lợi, lợi tha, tùy thuận tăng tiến thiện nghiệp.
20. Tâm giữ hạnh chân thật cầu tất cả Phật pháp.

Lại nữa, Bồ-tát tu hạnh trí tuệ còn có 10 pháp tâm khéo tư duy, không chung với Thanh Văn, Bích-chi-phật.

Những gì là 10?

1. Tư duy phân biệt căn bản định tuệ.
2. Tư duy không bỏ hai bên đoạn thường.
3. Tư duy nhân duyên sinh khởi các pháp.
4. Tư duy không chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng.
5. Tư duy không có 3 thời các pháp đã qua, sắp đến và dừng trụ.

6. Tư duy không có bắt đầu mà không đoạn nhân quả.

7. Tư duy pháp không, mà gieo trồng thiện pháp không biết mệt mỏi.

8. Tư duy vô tướng, mà không bỏ độ chúng sinh.

9. Tư duy vô nguyện, mà không bỏ tâm cầu Bồ-đề.

10. Tư duy vô tác, mà không bỏ việc hiện thụ thân.

Lại nữa, Bồ-tát có 12 môn khéo nhập.

Những gì là 12?

1. Khéo nhập không Tam-muội v.v..., nhưng không thủ chứng.

2. Khéo nhập các thiền Tam-muội, nhưng không tùy thiền sinh.

3. Khéo nhập các thông, trí, nhưng không chứng pháp vô lậu.

4. Khéo nhập pháp nội quán, nhưng không chứng quyết định.

5. Khéo nhập quán tất cả chúng sinh đều không tịch, nhưng không xả bỏ Đại từ.

6. Khéo nhập quán tất cả chúng sinh đều vô ngã, nhưng không xả bỏ Đại bi.

7. Khéo nhập sinh các ác thú, mà chẳng phải do nghiệp nên sinh.

8. Khéo nhập lìa dục, nhưng không chứng pháp lìa dục.

9. Khéo nhập xả bỏ các dục lạc, nhưng không xả bỏ niềm vui đối với pháp.

10. Khéo nhập xả bỏ tất cả giác hí luận, mà không xả bỏ các quán phương tiện.

11. Khéo nhập tư lương hữu vi pháp có nhiều lỗi lầm, nhưng không xả bỏ hữu vi.

12. Khéo nhập pháp vô vi thanh tịnh lìa xa, mà không trụ vô vi.

Bồ-tát có thể tu tất cả các pháp môn khéo nhập này, tức có thể khéo hiểu 3 đời là không, là vô sở hữu. Nếu quán như vậy, do sức trí

tuệ quán ba đời không, nếu đối với vô lượng công đức chư Phật, gieo trồng trong 3 đời đều đem hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Như vậy gọi là Bồ-tát khéo quán phương tiện 3 đời.

Lại nữa, tuy thấy các pháp quá khứ diệt hết không đến vị lai, nhưng thường tu tinh tiến không giải đãi, quán pháp vị lai tuy không xuất sinh, nhưng không bỏ tinh tiến nguyện hướng Bồ-đề, quán pháp hiện tại tuy niệm niệm diệt, nhưng tâm không quên hướng đến Bồ-đề. Như thế gọi là Bồ-tát quán phương tiện ba đời: quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không trụ. Tuy quán tâm, tâm số pháp sinh diệt tán hoại như thế, nhưng thường không xả bỏ việc tu tập thiện căn trợ cho pháp Bồ-đề. Như vậy gọi là Bồ-tát khéo quán phương tiện 3 đời.

Lại nữa, Bồ-tát quán tất cả thiện bất thiện, ngã vô ngã, thật chẳng thật, không chẳng không, thế đế chân đế, chính định tà định, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, hắc pháp bạch pháp, sinh tử Niết-bàn, như tính của pháp giới chỉ có một tướng đó là vô tướng. Trong vô tướng đó không có pháp nào có thể gọi là vô tướng, cũng không có pháp nào cho đó là vô tướng. Như vậy là tất cả pháp ấn, là pháp ấn không thể hoại. Ở trong ấn đó cũng không có tướng của ấn. Đó là chân thật trí tuệ phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề phải học như vậy, phải thực hành như vậy. Thực hành như vậy tức gần A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành trí tuệ mà tâm không có sở hành vì pháp tính là thanh tịnh. Như vậy tức đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Phẩm 10: PHÁP MÔN NHƯ THẬT

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, người tu tập 6 Ba-la-mật cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề phải lìa xa 7 pháp.

Những gì là 7?

1. Lìa bỏ ác tri thức. Ác tri thức là những ai dạy người xả lìa niềm tin cao thượng, ý muốn cao thượng, tinh tiến cao thượng mà chỉ tập các tạp hành.

2. Lìa xa nữ sắc, các tham đắm sắc dục làm theo thói đời.

3. Lìa bỏ ác giác, tự quán hình dung tham tiếc yêu mến coi trọng, nhiễm đắm giữ gìn cho là có thể giữ được lâu dài.

4. Lìa bỏ giận dữ, kiêu mạn, ganh ghét, đố kỵ, phát khởi tranh tụng, hoại loạn thiện tâm.

5. Lìa bỏ phóng dật, kiêu mạn, trễ nải biếng nhác, tự ý chút thiện nhỏ khinh miệt người khác.

6. Lìa bỏ các sách luận ngoại đạo cùng văn chương thế tục ngôn từ chải chuốt, không phải điều Phật nói, không nên tụng đọc.

7. Không được gán gũi tà kiến, ác kiến.

Cần phải xa lìa 7 pháp như vậy. Như Lai có nói: Không thấy có pháp nào chướng ngại đạo Phật sâu xa bằng 7 pháp này. Cho nên Bồ-tát cần phải xa lìa.

Nếu muốn mau được vô thượng Bồ-đề, phải tu 7 pháp.

Những gì là 7?

1. Bồ-tát phải gán gũi thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật và chư Bồ-tát. Nếu người Thanh Văn mà có thể làm cho Bồ-tát trụ sâu vào pháp tạng các Ba-la-mật, thì cũng là thiện tri thức của Bồ-tát.

2. Bồ-tát phải gán gũi người xuất gia, cũng phải gán gũi pháp A-lan-nhã, lìa xa nữ sắc cùng các thèm muốn, không cùng người đời làm việc thế tục.

3. Bồ-tát phải quán tự thân như đất phân, chỉ đầy xú uế, phong hàn nhiệt huyết không có gì đáng tham đắm, có ngày sẽ chết, phải suy nghĩ mà chán bỏ mà tinh cần tu đạo.

4. Bồ-tát phải thường hành hoà nhẫn, cung kính, nhu thuận, cũng khuyến hoá người khác khiến trụ trong pháp nhẫn.

5. Bồ-tát phải tu tập tinh tiến, thường biết hổ thẹn, kính phụng sư trưởng, thương xót kẻ bần cùng hạ tiện, thấy người nguy khổ đem thân chịu thay.

6. Bồ-tát phải tu tập Đại thừa Phương đẳng, các Bồ-tát tạng, các pháp được Phật ca ngợi phải thụ trì đọc tụng.

7. Bồ-tát phải gần gũi, tu tập Đệ nhất nghĩa đế, đó chính là thật tướng, nhất tướng, vô tướng.

Nếu các Bồ-tát muốn mau được vô thượng Bồ-đề, thì phải gần gũi 7 pháp như vậy.

Lại nữa, nếu ai phát tâm Bồ-đề mà vì có sở đắc thì dù trong vô lượng A-tăng-kì kiếp tu tập từ bi hỷ xả, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, phải biết người đó không lìa khỏi sinh tử không hướng đến Bồ-đề được.

Vì sao vậy? Vì tâm có sở đắc và các kiến đặc như ám giới nhập kiến, ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ mạng kiến, từ bi hỷ xả thí giới nhẫn tiến định trí các kiến. Nói tóm lại, Phật pháp tăng kiến và Niết-bàn kiến, các kiến có sở đắc như vậy tức là tâm chấp trước. Mà chấp trước thì được gọi là tà kiến.

Sở dĩ vì sao? Những kẻ tà kiến luân chuyển trong 3 cõi vĩnh viễn không ra khỏi. Kẻ chấp trước ở đây cũng như vậy, vĩnh viễn không ra khỏi, hoàn toàn không thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nếu ai phát tâm Bồ-đề phải quán sát tướng tâm không này. Những gì là tâm? Thế nào là tướng không? Tâm gọi là ý thức, tức là thức ám, ý nhập, ý giới. Tướng của tâm không này là tâm không có tướng, cũng không có tác giả.

Vì sao vậy? Tướng của tâm này là không, không có tác giả, không khiến tác giả. Nếu không tác giả thì không có tác tướng. Nếu Bồ-tát hiểu rõ các pháp như vậy thì không chấp trước đối với tất cả pháp. Do không chấp trước nên đối với các thiện ác hiểu rõ là không có quả báo, đối với sự tu tập tâm từ hiểu rõ là không có ngã, đối với sự tu tập tâm bi hiểu rõ là không có chúng sinh, đối với sự tu tập tâm hỷ hiểu rõ là không có mạng, đối với sự tu tập tâm xả hiểu rõ là không có người. Tuy hành bố thí không thấy có vật để thí, tuy hành trì giới không thấy có tịnh tâm, tuy hành nhẫn nhục không thấy có chúng sinh, tuy hành tinh tiến không có tâm lìa dục, tuy hành thiền học không có tâm trừ ác, tuy hành trí tuệ tâm không sở hành, đối với tất cả duyên đều là trí tuệ, nhưng không bám dính vào trí tuệ, không đắc trí tuệ, không thấy có trí tuệ. Hành giả tu hành trí tuệ như vậy, nhưng không có sở tu, cũng không phải không tu. Vì giáo hoá chúng sinh hiện tu hành lục độ, mà bên trong hoàn toàn thanh tịnh.

Hành giả khéo tu tâm mình như vậy thì chỉ trong một niệm các thiện căn gieo trồng cùng quả báo phúc đức sẽ vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức A-tăng-kì kiếp không thể hết được, tự nhiên được gần A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phẩm 11: KHÔNG, VÔ TƯỚNG

Thuở xưa có một thời Phật tại vườn trúc Ca-lan-đà cùng chư đại chúng vô lượng tập hội. Bấy giờ Thế Tôn tuyên thuyết chính pháp bảo đại chúng rằng: Các pháp Như Lai tuyên thuyết là vô tính, là không, là vô sở hữu, khó tin khó hiểu đối với tất cả thế gian.

Vì sao vậy? Sắc không buộc không mở, thụ tướng hành thức không buộc không mở. Sắc không có tướng, lìa các tướng, thụ tướng hành thức không có niệm, lìa các niệm. Nhãn sắc, nhĩ thanh, tỷ hương, thiệt vị, thân xúc, ý pháp cũng như vậy, không lấy không bỏ, không như không

sạch, không đi không lại, không hướng đến không quay lưng, không tới không sáng, không si không tuệ, chẳng phải bờ này chẳng phải bờ kia, chẳng phải giữa dòng. Đó là không trói. Không trói nên là không.

Không, được gọi là vô tướng. Vô tướng này cũng là không, như thế gọi là không.

Không, được gọi là vô niệm. Vô niệm này cũng là không, như thế gọi là không. Không niệm này cũng là không, như thế gọi là không. Trong không, không có thiện không có ác, cho đến cũng không có tướng không, cho nên gọi là không.

Bồ-tát nếu biết được tính của âm giới nhập tức không bám lấy, đó gọi là pháp nhẫn. Bồ-tát do nhẫn như vậy nên được thụ ký nhẫn.

Các Phật tử! Ví như có Bồ-tát ngửa mặt viết lên hư không, chép đủ 12 bộ kinh của Như Lai. Trải qua vô lượng kiếp Phật pháp diệt, người cầu pháp không thấy không nghe được gì, khi ấy chúng sinh điên đảo tạo vô biên ác.

Lại có người trí tuệ thanh tịnh ở phương khác, thương xót chúng sinh rộng cầu Phật pháp, nên đến phương này, thấy chữ trong hư không, nét viết rõ ràng liền hiểu được, rồi đọc tụng thụ trì, thực hành như kinh nói, lại diễn nói phân biệt rộng rãi làm lợi ích chúng sinh.

Người viết chữ trong hư không và người đọc chữ trong hư không này có dễ suy tư nghĩ bàn được chăng? Thế mà còn có thể tuyên truyền tu tập thụ trì, dắt dẫn chúng sinh khiến lìa trói buộc.

Các Phật tử ! Như Lai nói: Vào thời quá khứ khi cầu đạo Bồ-đề, Như Lai đã gặp 33 ức 9 vạn 8 ngàn chư Phật. Những lúc ấy, Như Lai đều đang là Chuyển luân thánh vương đã đem tất cả các thứ tốt đẹp cúng dường chư Phật và chúng đệ tử. Nhưng vì tâm thấy có sở đắc nên không được thụ ký. Sau đó lại được gặp 8 vạn 4 ngàn ức 9 vạn Bích-chi-phật, cũng suốt đời đem 4 sự cúng dường. Sau lại gặp 6 trăm

20 vạn một ngàn 2 trăm 61 Phật. Lúc ấy cũng đều làm Chuyển luân thánh vương, đem tất cả các thứ tốt đẹp suốt đời cúng dường. Sau khi chư Phật diệt độ, còn dựng tháp 7 báu cúng dường xá-lợi. Sau đó có Phật xuất thế lại tiếp đón cầu thỉnh chuyển chính pháp luân. Cúng dường như vậy trăm ngàn vạn ức Phật. Chư Như Lai này đều từ trong pháp không mà nói lên các pháp tướng. Cũng bởi tâm thấy có sở đắc nên đều không được chư Phật thụ ký. Lần nữa như vậy cho đến khi Phật Nhiên Đăng ra đời gặp Phật nghe pháp liền được tất cả pháp nhãn vô sinh. Sau khi được nhãn này mới được Phật thụ ký. Nhiên Đăng Như Lai từ trong pháp không nói lên các pháp tướng, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh, mà không hề có nói, có độ.

Mâu-ni Thế Tôn xuất hiện ra đời, trong pháp không nói ra có văn tự ghi chép, dạy bày ích lợi hoan hỷ, cho khắp tất cả thụ trì tu tập, mà không có gì là dạy bày hay thụ trì tu tập. Phải biết tính tướng các pháp đều không. Người viết chữ trong hư không cũng là không, người đọc hiểu chữ trong hư không cũng là không, người nói pháp cũng không, người hiểu pháp cũng không.

Từ cái bản lai không, vị lai cũng không, hiện tại cũng không, nhưng vì chư Bồ-tát tích tập sức phương tiện vạn thiện, tinh cần không mệt mỏi, thành tựu viên mãn công đức được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Điều này thật vô cùng khó, không thể tưởng tượng. Từ trong vô pháp nói lên các pháp tướng, từ chỗ vô sở đắc nói pháp có chứng đắc. Các việc ấy cũng như cảnh giới chư Phật, phải dùng vô lượng trí mới có thể hiểu rõ, chứ không phải do suy lường có thể biết được.

Bồ-tát mới phát ý, thành tâm kính ngưỡng yêu thích Bồ-đề, do tin lời Phật nên dần dần được thâm nhập.

Thế nào là tin?

Là tin quán 4 để trừ các phiền não vọng kiến trói buộc, chứng đắc A-la-hán.

Là tin quán 12 nhân duyên diệt trừ vô minh, sinh khởi các hành, chứng đắc Bích-chi-phật.

Là tin tu 4 tâm vô lượng, 6 Ba-la-mật, chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Đó gọi là tín nhẫn.

Chúng sinh trong vô thủy sinh tử vọng tưởng chấp trước không thấy pháp tính, thì phải trước hết quán sát 5 ấm của chính tự thân chỉ là giả danh chúng sinh. Trong đó không có ngã, không có chúng sinh.

Vì sao vậy? Vì nếu có ngã thì ngã phải tự tại. Nhưng chúng sinh thì thường bị sinh lão bệnh tử xâm hại không được tự tại, nên biết là không có ngã. Không có ngã tức không có tác giả. Không có tác giả nên cũng không có thụ giả. Pháp tính thanh tịnh như thật thường trụ. Quán sát như vậy chưa thể là cứu cánh. Đó gọi là thuận nhẫn. Bồ-tát tu tín, thuận nhẫn rồi, không lâu sẽ thành tối thượng pháp nhẫn.

Phẩm 12: CÔNG ĐỨC TRÌ

Bồ-tát tu đầy đủ tâm vô tướng, mà tâm chưa từng trụ nơi tác nghiệp. Bồ-tát này biết các nghiệp tướng mà vẫn cứ làm.

Vì tu thiện căn cầu Bồ-đề nên không xả bỏ hữu vi.

Vì chúng sinh tu Đại bi nên không trụ vô vi.

Vì chân diệu trí của tất cả chư Phật nên không xả bỏ sinh tử.

Vì độ vô biên chúng sinh khiến không dư sót nên không trụ Niết-bàn.

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát thâm tâm cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Các Phật tử! Bồ-tát thành tựu 10 pháp, sẽ không thoái mất vô thượng Bồ-đề.

Những gì là 10?

1. Bồ-tát phát tâm sâu vô thượng Bồ-đề, giáo hoá chúng sinh cũng khiến phát tâm.

2. Thường ưa thích gặp Phật, đem những gì mình quý ra phụng thí cúng dường trồng sâu căn lành.

3. Vì cầu pháp nên đem tâm tôn kính cúng dường pháp sư, nghe pháp không biết chán.

4. Nếu thấy Ti-kheo tăng phân hóa thành 2 bộ, tranh chấp lẫn nhau, gây tạo lỗi lầm thì cần cầu phương tiện khiến hoà hợp.

5. Nếu thấy cõi nước nào tà ác tăng thượng Phật pháp sắp hoại thì có thể đọc, tụng, giảng nói, cho dù một bài kệ khiến Phật pháp không dứt tuyệt, chuyên tâm hộ pháp không tiếc thân mạng.

6. Thấy chúng sinh sợ hãi khổ não thì cứu giúp làm cho không còn sợ hãi.

7. Phát khởi siêng năng tinh tiến tu hành, cầu kinh pháp Đại thừa Phương đẳng rất sâu và Bồ-tát tạng.

8. Được pháp này rồi thụ trì đọc tụng thực hành như kinh nói và trụ tâm như kinh nói.

9. Tự trụ nơi pháp, cũng có thể khuyến khích dắt dẫn khiến nhiều chúng sinh vào trong pháp này.

10. Vào trong pháp rồi có thể vì người giảng nói, dạy bày lợi ích hoan hỷ khai ngộ chúng sinh.

Bồ-tát thành tựu 10 pháp như vậy rồi, sẽ không thoái mất vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát phải tu hành theo kinh này. Những kinh điển như vậy không thể suy lường. Có thể nói có khả năng sinh tất cả giống Đại từ bi.

Kinh này có thể khai ngộ dắt dẫn chúng sinh bị trôi buộc khiến phát tâm.

Kinh này có thể làm sinh nhân cho những ai hướng về Bồ-đề.

Kinh này có thể thành tựu hạnh không động của tất cả Bồ-tát.

Kinh này có thể được chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai hộ niệm.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn siêng tu tập vô thượng Bồ-đề thì phải lưu bố rộng rãi kinh điển như vậy, làm cho không đoạn tuyệt nơi Diêm-phù-đề, khiến vô lượng vô biên chúng sinh được nghe kinh này.

Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào nghe kinh này, thì những người ấy đều được quy tụ tất cả Đại trí tuệ mãnh liệt sắc bén không thể nghĩ bàn, và quả báo phúc đức không thể lường hết.

Sở dĩ vì sao?

Vì kinh này có thể khai mở vô lượng tuệ nhân thanh tịnh.

Có thể khiến giống Phật nối tiếp không dứt.

Có thể cứu vô lượng chúng sinh khổ não.

Có thể chiếu sáng tất cả các vô minh si ám.

Có thể phá 4 ma và các nghiệp ma.

Có thể phá hoại tất cả các tà kiến ngoại đạo.

Có thể dập tắt lửa lớn phiền não.

Có thể làm tiêu hủy nhân duyên sinh khởi các hành.

Có thể đoạn tham lam, phá giới, giận dữ, trây lười, loạn ý, ngu si 6 bệnh cực nặng ấy.

Có thể diệt trừ nghiệp chướng, báo chướng, pháp chướng, phiền não chướng, các kiến chướng, vô minh chướng, trí chướng, tập chướng.

Nói tóm lại, kinh này có thể làm cho tất cả các ác pháp tiêu diệt không dư sót. Có thể làm cho tất cả thiện pháp bùng lên tăng trưởng.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này rồi hoan hỷ yêu thích lấy làm hy hữu, phải biết người đó là người đã từng cúng dường vô lượng chư Phật đã trồng sâu căn lành.

Sở dĩ vì sao? Vì kinh này là chỗ 3 đời chư Phật trải qua, cho nên hành giả được nghe kinh này, phải biết vui mừng được thiện lợi lớn.

Nếu có ai biên, chép, đọc, tụng kinh này, phải biết phúc báo người ấy đạt được là vô lượng vô biên.

Sở dĩ vì sao?

Vì sở duyên kinh này là vô biên.

Vì kinh này hưng khởi vô lượng đại thế nguyện.

Vì kinh này nhiếp thụ tất cả các chúng sinh.

Vì kinh này trang nghiêm vô thượng Đại Bồ-đề, cho nên phúc báo đạt được cũng như vậy không có hạn lượng.

Nếu ai hiểu được ý nghĩa kinh, tu hành như kinh nói thì tất cả chư Phật trong A-tăng-ki kiếp dùng vô tận trí để nói về phúc báo của người đó cũng không nói hết được.

Nếu có nơi nào pháp sư nói đến kinh này, phải biết nơi đó nên dựng tháp. Vì sao vậy? Vì là nơi xuất sinh chân thật chính pháp. Kinh này hiện hữu ở nước nào, thành, ấp, xóm, làng, chùa, miếu, tinh xá nào, phải biết nơi đó tức có pháp thân.

Nếu có ai cúng dường hương, hoa, âm nhạc, phướn lọng, ca vịnh tán thán, chấp tay cung kính kinh này, phải biết người đó đã nối tiếp giống Phật, hưởng gì thụ trì kinh đầy đủ. Các người như vậy thành tựu công đức, trí tuệ trang nghiêm, vị lai sẽ được thụ ký, quyết định sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề./.

QUYÊN HẠ HẾT

SỐ 1660
LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG
QUYỂN 1

*Thánh giả Long Thụ tạo tụng
Ti-kheo Tụ Tại giải thích
Tam tạng Đạt-ma-cấp-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Nay ở nơi chư Phật,
Kính chấp tay đánh lễ,
Tôi nay như giáo nói,
Phật Bồ-đề tư lương.*

Phật, là giác đối với tất cả những gì phải biết. Đó là nghĩa của Phật. Như biết chỗ phải biết. Lại cũng như người vô trí tỉnh dậy trong giấc ngủ. Giác là nghĩa của thức tỉnh vì là giác ngủ vô trí. Lại nữa Đế Thích, Phạm thiên v.v... không biết giác này. Chỉ bậc danh thanh biến khắp 3 cõi mới có thể giác ngộ. Cho nên tất cả chư Phật mới giác ngộ giác này. Bởi chỉ có Phật mới biết cái trí biến khắp tất cả mọi thứ, chứ không phải các Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát vì không đủ pháp không chung. Chư, là không thiếu, nghĩa là quá khứ, vị lai, hiện tại v.v... Đánh, là phần trên cao. Chấp tay, là chấp hai tay lại. Kính, là hướng đến mà lễ. Tôi ... nói, là tự phân biệt. Như giáo, là những điều ấy đã nói nhiều trong kinh. Nay cũng nói đúng như kinh giáo nói. Phật là là vô trí. Bồ-đề, là trí Nhất thiết trí. Tư

lượng, là có thể đầy đủ pháp Bồ-đề. Ví như cái bình đầy, cái nồi đầy v.v... Đầy, nghĩa là mãn. Như vậy là lấy sự mãn đầy pháp Bồ-đề làm Bồ-đề tư lương.

Lại cũng lấy sự gìn giữ làm nghĩa. Ví như thế gian mặt trời giữ nóng, mặt trăng giữ lạnh, nghĩa giữ gìn này là lấy sự giữ gìn pháp Bồ-đề làm Bồ-đề tư lương. Nói tư lương, tức là nghĩa giữ gìn.

Lại lấy sự nuôi lớn làm nghĩa. Ví như thế gian, có trường hợp có thể mãn một ngàn, hoặc một trăm, hoặc mười, hoặc chỉ tự mãn, hoặc khó tự mãn. Bồ-đề tư lương cũng vậy, lấy sự nuôi lớn Bồ-đề làm nghĩa.

Lại lấy nhân làm nghĩa. Như nhà cửa, thành trì, xe cộ v.v... trong các nhân đó mà nói là xá tư lương, thành tư lương, xa tư lương. Như vậy trong pháp nhân duyên sinh Bồ-đề gọi là Bồ-đề tư lương.

Lại lấy các phần đầy đủ làm nghĩa. Ví như trong phần tế tự, chung rượu, đèn lửa đầy đủ gọi là tế tự, không thì không đầy đủ. Cũng như thân phần con người có đầu, tay, chân v.v... đầy đủ gọi là thân, không thì không đầy đủ. Thí phần cũng như vậy. Người thí, vật thí, người nhận hồi hướng. Đầy đủ như vậy gọi là thí tư lương, không thì không đầy đủ. Giới tư lương v.v... cũng vậy. Cho nên nghĩa các phần đầy đủ là nghĩa của tư lương. Như vậy tôi nói Bồ-đề tư lương đều có các nghĩa là sung mãn, là nuôi lớn, là làm nhân Bồ-đề, là đầy đủ các phần của Bồ-đề.

*Sao nói không thiếu được,
Các Bồ-đề tư lương?
Duy chỉ có chư Phật,
Riêng được vô biên giác.*

Làm sao, tức là năng lực nào. Nếu là Thanh Văn, hoặc Bồ-tát thiếu phần giác tri thì không có năng lực. Nếu muốn nói các Bồ-đề tư lương không thiếu không dư chỉ có chư Phật riêng được vô biên

giác. Nói vô biên giác nghĩa là không phải thiếu phần giác. Bởi vì Phật Thế Tôn đối trong vô biên nghĩa phải biết, giác biết không ngại. Cho nên Phật gọi là Vô biên giác.

Lại nữa đối với dục lạc và tự khổ nhọc đoạn thường, hữu vô v.v... các biên kiến, giác ngộ không chấp trước. Bởi giác ngộ vô biên nên Phật gọi là Vô biên giác.

Hỏi vì sao tư lương chỉ Phật có thể nói, người khác không thể?

Đáp:

*Phật thể vô biên đức,
Giác tư lương là căn.
Cho nên giác tư lương,
Cũng không có giới hạn.*

Phật thể tức Phật thân. Vì Phật thể đầy đủ vô biên công đức nên nói Phật thể vô biên đức. Công đức nghĩa là đáng ca ngợi. Nếu đáng ca ngợi thì gọi là công đức.

Lại có nghĩa là thường làm. Ví như thường đọc tụng kinh sách thì gọi là làm công đức.

Lại có nghĩa là bền chắc, ví như xe dây, hoặc hợp 2 sợi làm công, hoặc hợp 3 làm công.

Lại có nghĩa thêm lớn. Ví như lợi tức, hoặc tăng 2 làm công hoặc tăng 3 làm công.

Lại có nghĩa y chỉ. Ví như các vật đều lấy y chỉ làm công. Như vậy Phật thể là y chỉ của giới định v.v... vô biên công đức sai biệt. Cho nên nói Phật thể có vô biên công đức.

Giác tư lương là căn, là Bồ-đề tư lương đó với Phật thể vô biên công đức là căn bản. Cho nên căn là nghĩa của kiến lập.

Bồ-đề là trí. Căn tức tư lương. Bởi tư lương kia có thể kiến lập

trí Nhất thiết trí. Cho nên tư lương là Phật thể căn bản. Bởi do Phật thể có vô biên công đức, phải dùng vô biên công đức thành Phật thể kia. Cho nên tư lương cũng không giới hạn.

*Phải nói thiếu phần kia,
Kính lễ Phật Bồ-tát.
Vì các Bồ-tát ấy,
Kể Phật, nên cúng dường.*

Các tư lương kia không giới hạn mà trí có giới hạn. Vì lẽ đó nói tư lương kia không thể không khiêm khuyết. Cho nên phải nói thiếu phần kia kính lễ Phật Bồ-tát.

Hỏi: Nên lễ Phật vì là tối thắng trong tất cả chúng sinh. Vì nghĩa gì trong đây cũng nói lễ Bồ-tát?

Đáp: Vì các Bồ-tát ấy là kế sau Phật, nên cúng dường. Các Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến giác trường đều nên cúng dường.

Bồ-tát có 7 loại: (1) Sơ phát tâm. (2) Chính tu hành. (3) Được vô sinh nhẫn. (4) Quán đỉnh. (5) Nhất sinh sở hệ. (6) Tối hậu sinh. (7) Đến giác trường. Các Bồ-tát này kế tiếp sau Phật nên cúng dường. Dùng thân khẩu ý và ngoại vật v.v... mà cúng dường.

Sơ phát tâm là chưa đắc địa. Chính tu hành là cho đến địa thứ 7. Được vô sinh nhẫn thì trụ ở địa thứ 8. Quán đỉnh là trụ địa thứ 10. Nhất sinh sở hệ, là mới nhập vào Đâu-suất-đà. Tối hậu sinh, là trụ ở Đâu-suất-đà. Đến giác trường, là muốn thụ dụng trí Nhất thiết trí.

Trong 7 loại Bồ-tát, sơ phát tâm Bồ-tát tất cả chúng sinh đều nên lễ kính, hưởng chi là các bậc khác. Bởi vì sao? Vì tâm tâm rộng lớn, vì Như Lai giáo lượng, sơ phát tâm Bồ-tát khi phát tâm Bồ-đề, trong 10 phương phần không giảm, các cõi Phật không giảm, các chúng sinh không giảm, đem lòng từ bi khắp phát tâm Bồ-đề: Nếu chúng sinh chưa độ ta sẽ độ, chưa giải thoát ta sẽ giải thoát, chưa

được nghỉ ngơi ta sẽ làm cho được nghỉ ngơi, chưa tịch diệt ta sẽ làm cho tịch diệt, muốn Thanh Văn ta sẽ khiến vào trong Thanh Văn thừa, muốn Độc Giác ta sẽ khiến cho vào trong Độc Giác thừa, muốn Đại thừa ta sẽ khiến vào trong Đại thừa, muốn khiến chúng sinh đều được tịch diệt, chứ không phải vì tịch diệt một phần ít chúng sinh. Do tâm tâm rộng lớn như thế nên tất cả chúng sinh đều nên kính lễ.

Sao gọi là vì Như Lai giáo lượng?

Như Thế Tôn nói: “Ca-diếp! Ví như trăng non liền nên làm lễ chứ không vì trăng tròn. Như vậy Ca-diếp! Nếu ai tin ta thì nên lễ kính các Bồ-tát, chứ không vì Như Lai. Bởi vì sao? Vì từ nơi Bồ-tát mà có Như Lai.”

Lại trong Thanh Văn thừa cũng nói:

*Với người biết pháp kia,
Dầu già hay là trẻ,
Nên cúng dường cung kính.
Như Phạm chí thờ lửa.*

Vì lẽ đó, các Bồ-tát là kế tiếp sau Phật đều nên cúng dường.

Như kệ nói:

*Nói giữ dòng giống Phật,
Thắng hơn làm thiếu phần.
Cho nên các Bồ-tát,
Tiếp sau Phật, cúng dường.
Lòng từ bằng hư không,
Biến khắp các chúng sinh.
Cho nên bậc tối thắng,
Tiếp sau Phật, cúng dường.
Với các loài chúng sinh,
Đại bi thương như con.*

Cho nên Phật tử này,
 Tiếp sau Phật, cúng dường.
 Tâm bi lợi chúng sinh,
 Như hư không, không hai.
 Cho nên bậc vô úy,
 Tiếp sau Phật, cúng dường.
 Lúc nào cũng như cha,
 Làm tăng trưởng chúng sinh.
 Cho nên các Bồ-tát,
 Tiếp sau Phật, cúng dường.
 Giống như đất, nước, lửa,
 Chúng sinh thường thụ dụng,
 Cho nên bậc cho vui,
 Tiếp sau Phật, cúng dường.
 Chỉ vì lợi chúng sinh,
 Lià bỏ nhân tự lạc.
 Cho nên kia tất cả,
 Tiếp sau Phật cúng dường.
 Phật và tất cả Phật,
 Đều từ sơ tâm xuất.
 Cho nên các Bồ-tát,
 Tiếp sau Phật, cúng dường.

Hỏi: Tôn giả đã nói về duyên khởi tư lương giáo, nay nên nói tư lương lễ?

Đáp:

Đã là Bồ-tát mẫu,
 Cũng là chư Phật mẫu.
 Bát-nhã Ba-la-mật,
 Là giác sơ tư lương.

Bởi Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ các Bồ-tát, cho nên là Bồ-đề tư lương đầu tiên. Bởi vì sao? Vì tối thắng. Như trong các thân căn, nhãn căn là tối thắng. Trong các thân phần, đầu là tối thắng. Trong các Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật tối thắng cũng như vậy. Vì Bát-nhã Ba-la-mật tối thắng nên là tư lương đầu tiên.

Lại nữa vì đi trước. Như trong các pháp, tín đi trước. Trong các Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật đi trước cũng như vậy. Bởi Đà-na kia nếu không hồi hướng Bồ-đề thì không phải Đà-na Ba-la-mật. Cũng như vậy, Thi-la v.v... không hồi hướng Bồ-đề cũng không phải Thi-la Ba-la-mật v.v... Hồi hướng Bồ-đề tức là Bát-nhã. Bởi Bát-nhã đi trước nên có thể hồi hướng. Bởi lẽ đi trước cho nên trong các Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-đề tư lương đầu tiên.

Lại các Ba-la-mật này là tam luân tịnh nhân thể, cho nên lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm tam luân tịnh nhân thể của các Ba-la-mật. Vì vậy Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-đề tư lương đầu tiên.

Tam luân tịnh, là Bồ-tát trong Bát-nhã Ba-la-mật, khi hành bố thí không nghĩ bản thân mình, vì lìa cái chấp thủ tự thân nên không nghĩ có khác với người thụ nhận. Vì dứt sự phân biệt với tất cả mọi chỗ nên không nghĩ đến quả của thí. Vì các pháp không có tướng đến, tướng xuất hiện nên như vậy Bồ-tát được tam luân tịnh thí. Giống như tịnh thí, tịnh giới v.v... cũng như vậy. Do đó Bát-nhã Ba-la-mật là nhân thể của các Ba-la-mật tam luân tịnh. Cho nên Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-đề tư lương đầu tiên.

Lại nữa vì là quả lớn cho nên quả lớn của Bát-nhã Ba-la-mật hơn các Ba-la-mật.

Như kinh nói:

*Phúc đức Bồ-đề tâm,
Cùng với nhiếp thụ pháp,*

*Với “không” nếu tin hiểu,
Giá hơn mười sáu phần.*

Trong đây nên nói nhân duyên quả lớn trong Kinh Tì-la-ma. Vì quả lớn này nên Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-đề tư lương đầu tiên.

Hỏi: Vì sao Bát-nhã Ba-la-mật được là Bồ-tát mẫu?

Đáp: Vì năng sinh nên phương tiện sở nhiếp Bát-nhã sinh các Bồ-tát, khiến cầu vô thượng Bồ-đề, không cầu Thanh Văn, Độc Giác. Vì lẽ sinh Phật thể nhân nên Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát mẫu.

Lại đặt trong 5 Ba-la-mật cho nên như nói Minh-bát-la-nị-ba-đê vậy. Minh, là tính. Bát-la-nị-ba-đê, là tụng. Tức tính tướng này là Ma-đa (Ma-đa dịch là Mẫu. Trong Tự Thanh Luận, chữ Ma-đa xuất phát từ tiếng Minh-bát-la-nị-ba-đê. Minh là thể tính của Ma-đa. Bát-la-nị-ba-đê là tụng nghĩa của Ma-đa. Bát-la-nị-ba-đê chính dịch là “đặt”, cho nên dùng “đặt” làm nghĩa của Mẫu). Ví như khi mẹ sinh con, hoặc đặt lên giường, hoặc đặt trên đất. Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, khi sinh cầu Bồ-đề Bồ-tát thì đặt trong thí v.v... 5 Ba-la-mật. Bởi có thể đặt cầu Bồ-đề Bồ-tát cho nên nói Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát mẫu.

Lại dùng lượng, cho nên như nói Mang Ma-ni vậy. Mang, là tính. Ma-ni là tụng. Tức tính tướng này là Ma-đa (Trong Tự Thanh Luận, chữ Ma-đa lại xuất phát từ tiếng Mang Ma-ni. Mang, cũng là thể tính. Ma-ni là tụng nghĩa đó. Ma-ni chính dịch là lượng, cho nên dùng lượng làm nghĩa của Mẫu). Ví như mẹ sinh con rồi, tùy thời tuổi thọ. Như vậy con ta do ăn uống mà tăng trưởng hay tổn giảm. Bồ-tát cũng như vậy, dùng Bát-nhã Ba-la-mật tự lượng thân mình ta nên bố thí như vậy, ta nên trì giới như vậy. Do tự lượng nhân duyên cho nên nói Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát mẫu.

Lại dùng lượng châm chước, ví như lường đồ vật có Bát-la-tát-tha, có A-trạch-ca, có Đột-lô-noa, có Khu-lê-đề v.v... (như

hợp, thăng, đẩu, hộc các loại). Lượng chiêm chước các Bồ-tát cũng như vậy, sơ phát tâm này, tu hành này, đắc nhãn này v.v..., do nhân duyên lượng chiêm chước nên nói Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát mẫu.

Lại dùng tụng trong Tu-đa-la cho nên nói trong các kinh làm mẫu gọi là tụng. Trong các kinh, hoặc gọi Biến chư Phật quốc Bồ-tát, hoặc gọi Tì-ma-la-cát-đế.

Thuyết Già-tha (Trước gọi Duy-ma-cật là không đúng) nói:

*Bát-nhã Ba-la-mật:
Mẹ Bồ-tát nhân giả.
Thiện phương tiện là cha,
Tì-bi là con gái.*

Lại có các kinh khác cũng tụng như vậy. Dùng Tu-đa-la lượng nên nói Bát-nhã Ba-la-mật là Bồ-tát mẫu.

Hỏi: Vì sao Bát-nhã Ba-la-mật cũng là chư Phật mẫu?

Đáp: Vì xuất sinh và hiển thị trí không chướng ngại. Quá khứ vị lai hiện tại chư Phật do Bát-nhã Ba-la-mật A-hàm nên phiền não đã hết, sẽ hết, nay hết. Vì lẽ đây xuất sinh cho nên Bát-nhã Ba-la-mật là chư Phật mẫu.

Hiển thị trí không chướng ngại, là bởi quá khứ vị lai hiện tại chư Phật Thế Tôn hiển thị trí không chướng ngại đều từ trong Bát-nhã Ba-la-mật hiển thị. Vì lẽ hiển thị trí không chướng ngại, cho nên chư Phật cũng dùng Bát-nhã Ba-la-mật làm Mẫu.

Trong đây có Du-luân-ca:

*Do Đại bi tương ưng,
Bát-nhã Ba-la-mật.
Nơi bờ hiểm vô vi,
Phật tử được vượt qua.*

*Được đến Vô đẳng giác,
Lợi nhiếp hóa chúng sinh.
Vì trí độ là mẹ,
Đại nhân được như vậy.
Do được trí độ nên
Mới được thành Phật thể.
Nên là chư Phật mẫu,
Thắng Tiên nói như vậy.*

Vì sao đây gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Vì không chung với Thanh Văn, Độc Giác nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Trên nữa không có gì còn phải biết nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Trí này đến tất cả bờ kia nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật này những gì khác không thể thắng nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Ba đời bình đẳng nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Hư không vô biên bình đẳng nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Các nhân duyên thù thắng như vậy như trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật có nói nên gọi Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Đã nói sơ lược Bồ-đề tư lương đầu tiên, nay nên nói tư lương thứ hai?

*Thí, giới, nhẫn, tiến, định,
Và ngoài năm thứ đây,
Đều do trí độ nên,
Gồm trong Ba-la-mật.*

Trong đây Đà-na Ba-la-mật là Bồ-đề tư lương thứ hai. Bởi Bát-nhã đi trước cho nên Bồ-tát vì Bồ-đề mà hành Bồ-thí. Vì vậy thí là

tư lương thứ hai. Trong đó sinh ý lạc nơi thân người khác, do bổ thí chẳng phải vì làm khổ. Việc đó có 2 thứ là tài thí và pháp thí. Tài thí cũng có 2 thứ gọi là cọng thức và bất cọng thức. Cọng thức cũng có 2 thứ là nội và ngoại. Nếu thí một phần chi tiết thân thể của mình, hoặc thí toàn thân là nội thí. Nếu thí nam nữ, thê thiếp và 2 chân, 4 chân v.v... là ngoại thí. Bất cọng thức cũng có 2 thứ là ăn được và không ăn được. Đây có nhiều loại. Nếu thí những vật mà trong thân có thể thụ dụng ăn uống được, gọi là ăn được. Nếu thí những vật thụ dụng bên ngoài thân như hương hoa, vàng bạc châu báu y phục ruộng đất của cải ao vườn nơi vui chơi v.v... gọi là không ăn được. Nhưng pháp thí có thể thụ dụng cũng có 2 loại là thế gian và xuất thế gian. Nếu do pháp thí mà trong lưu chuyển (Theo bản cũ nói sinh tử là dịch không đứng, nay đổi là lưu chuyển. Từ đây trở xuống những chỗ dịch là lưu chuyển đều từ nghĩa này.) xuất sinh cảnh giới có thân căn khả ái, gọi là thế gian. Nếu do quả báo pháp thí mà vượt khỏi lưu chuyển, đó là xuất thế gian. Tài thí và pháp thí kia mỗi thứ đều có 2 loại là có chấp trước và không chấp trước. Nếu vì bản thân, nếu vì cuộc sống, nếu vì quả báo tốt, mà tâm sinh hi vọng dùng tài, pháp thí gọi là có chấp trước. Nếu vì lợi ích an lạc tất cả chúng sinh, nếu vì trí không chướng ngại gọi là không chấp trước. Ngoài ra còn vô úy thí cũng tùy thuận nhập vào trong tài thí. Quả của 2 bổ thí kia và các tập khí khác (nghĩa là như dịch chất tiết ra) như kinh Đại thừa nói rõ.

Trong đây lược nói kệ:

*Âm thực và y phục,
Tùy cần đều bố thí.
Cũng bố thí hoa, đèn,
Hương bột và âm nhạc,
Hoặc thí thức ăn ngon,
Thuốc thang và giường ghế,*

Những thứ dưỡng bệnh cần,
Thầy thuốc, người điều dưỡng,
Nam nữ và thê thiếp,
Nô tì và cửa kho,
Trang sức các thể nữ,
Tùy cần đều bố thí.
Có các thứ báu vật,
Và các đồ trang sức,
Voi ngựa cùng xe cộ,
Đồ tốt quý đều thí,
Vườn cây nơi tu đạo,
Ao giếng nhà hội họp,
Ruộng đất và tạp vật,
Nhà khách thầy đều thí.
Vật hai chân bốn chân,
Hoặc cù lao đảo nhỏ,
Xóm làng cùng đô thị,
Và vương cảnh đều thí.
Thí vật tốt mình thích,
Lợi lạc kẻ mong cầu.
Làm chỗ dựa chúng sinh,
Kẻ sợ, làm hết sợ.
Thí được cái khó thí,
Tay chân mắt tai mũi,
Thí cả tim và đầu,
Khắp người đều thí được.
Tu hành khi bố thí,
Thường ở nơi người nhận,
Phải sinh tướng phúc điền,
Như bà con thân thuộc.
Quả báo các bố thí,

*Khéo tu tập đầy đủ,
 Hồi hướng vì mình người,
 Thành Phật và Tịnh độ.
 Bồ-tát tu hành thí,
 Chính hồi hướng Phật thể.
 Đà-na Bồ-tát này,
 Được gọi Ba-la-mật.
 Nếu bờ này bờ kia,
 Cũng không thể giải thoát.
 Quả thí đến nơi kia,
 Gọi là thí bi ngạn.*

Nay nói về thí chủ khác nhau.

*Không tham nơi ái quả,
 Bi, nên tam luân tịnh.
 Chính Giác nói thí đó,
 Là vì câu Bồ-đề.
 Ta đã làm việc này,
 Đang làm và sẽ làm.
 Nếu không làm như vậy,
 Là thuê mướn, chẳng thí.
 Vì tham thêm quả thí,
 Tùy cần tức xả được.
 Nói vì tức lợi người,
 Trí nghĩ phi thí chủ.
 Không tham quả thêm lớn,
 Chỉ đem tâm bi thí,
 Đây là chân thí chủ,
 Ngoài ra đều thương mại.
 Như mây lớn mưa khắp,
 Các nơi bình đẳng thí.*

Đó là đại thí chủ.
 Ngoài ra đều thiếu phân.
 Thí và quả báo thí,
 Xót thương cùng người cần,
 Thí chủ với chúng sinh,
 Cũng giống như cha mẹ,
 Không nghĩ đến của cho,
 Người nhận và kẻ cho,
 Mà thường vui bố thí,
 Đó gọi là thí chủ.
 Nếu không phân biệt Phật,
 Bồ-đề với Bồ-tát,
 Mà vì Bồ-đề thí,
 Thì sẽ chóng thành Phật.

Hỏi: Đã giải thích Đà-na Ba-la-mật, nay nên nói Thi-la Ba-la-mật.

Đáp: Nghĩa của Ba-la-mật như trước đã giải thích. Nay sẽ nói nghĩa của Thi-la. Vì Thi-la nên nói là Thi-la. Nói Thi-la, nghĩa là tập cho gần. Đó là thể tướng.

Lại có nghĩa là bản tính. Như thế gian có giới vui giới khổ.

Lại có nghĩa là thanh lương, là do không hối, vì tâm lìa sự lo buồn nóng bức.

Lại có nghĩa là an ổn, vì có thể làm nhân thế lạc cho người.

Lại có nghĩa là an tĩnh, vì có thể kiến lập chỉ quán.

Lại có nghĩa là tịch diệt, vì là nhân vui được Niết-bàn.

Lại có nghĩa là đoan nghiêm, vì có thể trang sức.

Lại có nghĩa là tịnh khiết, vì có khả năng rửa sạch ác giới cấu uế.

Lại có nghĩa là đầu cỏ, vì có thể làm nhân nhập chúng không khiếp nhược.

Lại có nghĩa là khen ngợi, vì hay sinh tiếng khen.

Giới này là những việc làm thiện của thân khẩu ý chuyển sinh. Trong đó xa lìa sát sinh, không cho mà lấy, dục tà hạnh, là 3 thứ giới của thân. Xa lìa nói dối, nói phá hoại, nói lời thô ác, nói lời giỡn cợt bậy bạ, là 4 giới của miệng. Xa lìa tham, giận, tà kiến, là 3 giới của ý. Như vậy là những hành vi thiện của thân, miệng, ý chuyển sinh 10 thứ giới, đối trị với 10 hành vi ác do tham sân si sinh ra. Mười thứ ác hành kia hạ, trung, thượng thường tập gần, cho nên đọa địa ngục, súc sinh, Diêm-ma thế giới. Như trước vài mươi thứ giới thiện hành nếu không tương ưng với giác phần hạ, trung, thượng thường tập gần cho nên tùy theo phúc thượng thượng khác nhau sẽ được nhân thiên khác nhau. Nếu cùng với giác phần tương ưng 10 thứ giới thiện hành, thượng thượng thường tập gần, làm nhiều cho nên sẽ được chuyển thăng khác nhau trong Thanh Văn địa và Bồ-tát địa.

Lại nữa Bồ-tát giới tụ này có 65 thứ vô tận, như trong Kinh Vô Tận Ý có nói. Điều đó cần phải biết.

Lại nữa lược nói có 2 thứ giới là giới gieo trồng bình đẳng và giới gieo trồng không bình đẳng. Giới gieo trồng bình đẳng, là dùng thân, khẩu, ý tích tụ thiện này, trong đời đời gieo trồng, hoặc cảnh giới, hoặc sự phú lạc, hoặc Thanh Văn, Độc Giác, hoặc tướng báo, hoặc Tịnh độ, hoặc thành thực chúng sinh, hoặc Chính biến giác v.v... kia đều nói là giới gieo trồng bình đẳng. Nếu trái với đây gọi là giới gieo trồng không bình đẳng.

Lại có 2 thứ giới là hữu tác giới và vô tác giới. Nếu trong hữu tác, có ra làm gọi là hữu tác giới, trái lại là vô tác giới.

Lại có 9 thứ giới là phạm phu giới, ngoại đạo ngũ thông giới, nhân giới, Dục giới thiên tử giới, Sắc giới thiên tử giới, Vô sắc giới

thiên tử giới, các học vô học Thanh Văn giới, Độc Giác giới, và Bồ-tát giới.

Phàm phu giới thì vào sinh xứ thì hết. Ngoại đạo ngũ thông giới thì thần thông thoái mất là hết. Nhân giới thì 10 thiện nghiệp đạo hết là hết. Dục giới thiên tử giới thì phúc hết là hết. Sắc giới thiên tử giới thì Thiên-na hết là hết. Vô sắc giới thiên tử giới thì Tam-ma-bát-đế hết là hết. Các học vô học Thanh Văn giới thì cứu cánh Niết-bàn là hết. Độc Giác giới thì khuyết Đại bi là hết. Bồ-tát giới thì không hết. Bởi giới này có thể làm rõ các giới, nên chúng tử liên tục không hết. Bồ-tát liên tục không hết cho nên Như Lai giới vô tận. Do nhân duyên này Bồ-tát giới nói là vô tận. Các Bồ-tát giới hồi hướng Bồ-đề cho nên gọi là giới ba-la-mật. Trong đây có kệ Du-lô-ca:

*Giống như cha yêu con công sức,
Cũng như chính mình yêu tuổi thọ.
Giới xuất ly hữu ái cũng vậy,
Người dùng kiện đại tâm yêu thích.
Giới này Mâu-ni tập gần rồi,
Giải thoát khỏi dục là hữu ái.
Như kẻ phàm tục đã vất bỏ,
Người trí thường phải yêu giới này.
Giới này lợi ích mình và người,
Khiến thân đoan nghiêm không lo lắng.
Đời này đời khác trang nghiêm hơn,
Giới đó người trí nên yêu mến.
Giới này không do sức ai khác,
Chẳng phải không được, chẳng phải xin,
Đều do sức mình mà có được,
Nên bậc Thượng nhân yêu giới này.
Của cải, quốc cảnh cùng đất đai,*

Da thịt và đầu của chính mình,
Có thể bỏ nhưng giới không bỏ,
Vì muốn thanh tịnh Bồ-đề kia.
Giả sử từ trời rơi xuống đất,
Hay khiến từ đất vọt lên trời,
Để hoàn toàn lìa như không nhiễm,
Thì phải quyết định không dòi dôi.
Nếu đã đầy đủ giới phương tiện,
Bấy giờ tức được địa thứ hai.
Đã được Ly cấu thanh tịnh địa,
Bấy giờ đạt được lòng mong muốn.
Nếu lại đời trời, người, Tu-la,
Và trong súc sinh giáo hóa được,
Khéo biết phương tiện giáo hóa rồi,
Tùy niệm đến đó làm lợi ích.
Hoặc dùng bố thí nhiếp chúng sinh,
Hoặc dùng ái ngữ nhập tâm ý,
Hoặc lại cho lợi ích an ổn,
Hoặc cùng đồng sự giúp sức lực.
Hoặc trong loài người mà làm chủ,
Hoặc ở cõi trời được tự tại.
Dùng đủ phương tiện dắt dẫn chúng,
Thấy đều đặt để nơi bạch pháp,
Đầy đủ thật giới thần thông nên,
Mới làm cạn nổi nước biển lớn.
Khi thế gian tận, lửa tăng mạnh,
Trong khoảng sát-na đều diệt hết.
Quán sát nỗi đau của thế gian,
Nào là sinh bệnh lìa người thân.
Người trí có giới thông phương tiện,
Vì Thế Thân y thị thắng đạo.

Hỏi: Đã giải thích Thi Ba-la-mật, nay nên nói Săn-đề Ba-la-mật?

Đáp: Trong đây Săn-đề là hoặc thân hoặc tâm thụ các khổ lạc. Nếu có chí kham chịu không cao không hạ, tâm không nhiễm bản. Đó là lược nói về Săn-đề. Nếu nói một cách tự tại thì lập ra làm 3 là thân trụ trì, tâm trụ trì, pháp trụ trì.

Trong đó thân trụ trì hẳn là thân gặp khổ, nếu ngoài có tâm hay vô tâm chạm phải điều không ưa thích sinh thân khổ mà chịu được không chấp, đó gọi là thân trụ trì hẳn.

Ngoại sở sinh, là do nhân duyên ăn nên sinh lo sợ, giận, si và muỗm mòng, rấn, hồ, sư tử, gấu v.v... loài 2 chân, 4 chân, nhiều chân các vật hữu tâm vô lượng nhân duyên bức não nơi thân. Hoặc lại đến muỗm lấy tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, chi tiết thân phần mà cắt chặt lấy. Đối với các việc ác này tâm không mê loạn cũng không có hành động gì khác, đó gọi là thân trụ trì hẳn.

Lại nữa nhân duyên gặp phải gió mạnh, nắng gắt, lạnh nóng, mưa, mưa đá các vật vô tâm xảy đến bức não, khắp người khổ ngặt mà có thể yên chịu, đó cũng gọi là hẳn.

Lại nữa trong thân khởi nhân duyên giới động nên phong, nhiệt, đàm nổi lên sinh 4 trăm 4 bệnh bức não làm thân chịu cực khổ vẫn chịu được không chấp cũng gọi là thân trụ trì hẳn.

Trong đó tâm trụ trì hẳn là nếu có mắng nhiếc, giận ganh, quở trách, chê bai, mạ nhục, khinh khi v.v... nói những lời không ưa thích đến bức não, tám không rung động cũng không hỗn loạn, đó gọi là tâm trụ trì hẳn.

Lại nữa chạm phải 8 pháp ở đời như được lợi, mất lợi, tiếng tốt, tiếng xấu, chê, khen, khổ, vui, trung bình, tâm không cao hạ, bất động như núi, đó là tâm trụ trì hẳn.

Lại nữa đoạn thuận miên sân nên không có tâm sát hại, không tâm kết hận, không tâm đấu tranh, không tâm tố tụng, tự hộ mình hộ

người khác, ở trong chúng sinh tâm từ tương ưng, cùng bị cộng hành khởi ý hoan hỷ, hằng có tâm xả, những hành như vậy cũng gọi tâm trụ trì nhẫn.

Trong đó pháp trụ trì nhẫn là ở trong ngoài như thật quan sát. Ngoài là mắng nhiếc sát hại v.v... Mắng nhiếc là âm thanh và chữ hòa hợp đồng thời không tan, vì sát-na, vì chữ là không, âm thanh như tiếng vang, cho nên không thể nói nghĩa trước sau tương ưng, trong đó không có gì là mắng nhiếc. Chỉ vì phạm phu hư vọng phân biệt mà sinh giận dữ. Nếu chữ và âm thanh trong nghĩa tự tính, biết là không thể được, tâm thì tùy thuận không mâu thuẫn nhau, bình đẳng nhẫn chịu, đó gọi là pháp trụ trì nhẫn.

Lại nữa đối với người sát hại nên nghĩ như vậy: “Thân chẳng phải hại. Thân nếu không có tâm thì như cỏ cây, như bóng trên vách. Tâm cũng chẳng phải hại, bởi tâm không phải sắc, không xúc chạm không ngăn ngại, cho nên trong đệ nhất nghĩa khôn có kẻ sát hại.” Khi quán như vậy không thấy sát hại, có thể nhẫn chịu, đó gọi là pháp trụ trì nhẫn.

Nội, nghĩa là khi quán nội pháp, nghĩ như vậy: “Sắc như bọt nước tự lại, tùy duyên mà khởi, không có động tác, không tự sinh, là rỗng không, là lia ngã ngã sở. Thụ như bóng nước. Tưởng như sóng năng. Hành như cây chuối. Thức như ảo hóa. Tùy duyên mà khởi, không động tác, không tự sinh, sát-na sinh diệt, rỗng không, lia ngã ngã sở. Trong đó, sắc chẳng phải ngã, sắc chẳng phải ngã sở. Thụ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức chẳng phải ngã thức, chẳng phải ngã sở. Các pháp này tùy duyên sinh. Nếu tùy duyên sinh thì tự tính không sinh. Nếu tự tính không sinh thì không thể hại.” Khi quán như vậy thì hoặc nội hoặc ngoại, tự tính các pháp đều không thể được, đây gọi là pháp trụ trì nhẫn. Nếu ở trong thân, tâm, pháp, khi quán tự tính tức là thuận vô sinh nhẫn. Đó gọi là lược nói Sáu-đề Ba-la-mật, như trong Tu-đa-la có nói rõ. Trong đây có bài tụng của Thánh giả:

Oán thân trong con người,
Tâm bi thường bình đẳng.
Nhân giận còn không có,
Làm sao giận chúng sinh?
Khéo tu tập tâm từ,
Chúng sinh đồng thể ta.
Bình đẳng là không hai,
Làm sao giận chúng sinh?
Tâm thường lìa bỏ giận,
Nhiều đời với ái hỷ,
Người mạnh mẽ không ngại,
Làm sao trái với đời?
Ở nơi các chúng sinh,
Thường cầu giúp lợi ích.
Làm sao nổi giận dữ,
Làm ác hại chúng sinh?
Chạm tám pháp thế gian,
Trong lòng không lay động.
Ví như miệng thổi núi,
Phải biết kia chịu được.
Thâm tâm lìa các bản,
Ngại việc không nhiễm ô.
Như bùn bùn hư không,
Phải biết kia chịu được.
Với thân không ái trước,
Với mạng cũng không tham,
Các oán đều không thể,
Lay động chí vững bền.
Với tiếng chẳng ưa thích,
Như gió thoảng ngoài tai.

*Lời nói như ảo hóa,
Tâm nhãn luôn sẵn sàng.
Không ở trong 5 chúng,
Chấp thủ ngã, mạng tướng.
Thân chẳng phải của ta,
Phải biết kia chịu được.
Nếu không thấy có ngã,
Và tự tính ngã sở,
Liên được vô sinh nhãn,
Phật tử an ổn nhất.*

(QUYỂN 1 HẾT)

LUẬN BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỀN 2

Hỏi: Đã giải thích Nhẫn Ba-la-mật, nay nên nói Tinh tiến Ba-la-mật?

Đáp: Thể tướng mạnh mẽ, làm việc mạnh mẽ là tinh tiến. Trong đó các Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến cứu cánh giác ngộ ở Bồ-đề trường kiến lập tất cả Bồ-đề phân tương ưng nghiệp thiện thân khẩu ý, đó gọi là Tinh tiến Ba-la-mật.

Lại nữa, nếu tinh tiến không chung với các phạm phu và Thanh Văn Độc Giác học vô học v.v..., đó là Tinh tiến Ba-la-mật.

Tinh tiến có 3 thứ là thân khẩu và ý. Thân khẩu tinh tiến kia, lấy tâm tinh tiến đi trước. Lược nói có 3 việc phúc. Nếu thân tương ưng với việc phúc là thân tinh tiến. Nếu khẩu tương ưng là khẩu tinh tiến. Nếu ý tương ưng là ý tinh tiến.

Lại nữa, nếu thân mạnh mẽ trong việc thiện tự lợi lợi tha là thân tinh tiến. Khẩu mạnh mẽ là khẩu tinh tiến. Ý mạnh mẽ là tâm tinh tiến.

Lại nữa, có 32 thứ Bồ-tát tinh tiến. Đó là:

Tinh tiến không đoạn giống Tam Bảo.

Tinh tiến thành thực vô lượng chúng sinh.

Tinh tiến nhiếp thụ vô lượng lưu chuyển.

Tinh tiến vô lượng hầu hạ cúng dường.

Tinh tiến tụ tập vô lượng thiện căn.

Tinh tiến xuất sinh vô lượng tinh tiến.

Tinh tiến khéo nói khiến chúng sinh hoan hỷ.

Tinh tiến an ổn tất cả chúng sinh.

Tinh tiến tùy theo chúng sinh làm việc.

Tinh tiến ở trong chúng sinh hành xả.

Tinh tiến thụ các giới học.

Tinh tiến sức nhẫn điều nhu.

Tinh tiến xuất sinh các Thiên-na Tam-ma-đề Tam-ma-bát-đề.

Tinh tiến làm đầy đủ vô trước trí tuệ.

Tinh tiến thành tựu 4 phạm hạnh.

Tinh tiến xuất sinh 5 thân thông.

Tinh tiến dùng công đức tất cả cõi Phật thành cõi Phật của mình.

Tinh tiến hàng phục các ma.

Tinh tiến như pháp hàng phục các luận sư ngoại đạo.

Tinh tiến làm đầy đủ các pháp Phật 10 lực và vô úy.

Tinh tiến trang nghiêm thân khẩu ý.

Tinh tiến được độ các việc đã làm.

Tinh tiến hại các phiền não.

Tinh tiến độ người chưa độ, khiến giải thoát người chưa giải thoát, khiến được nghỉ ngơi người chưa được nghỉ ngơi, khiến được Niết-bàn người chưa được Niết-bàn.

Tinh tiến tụ tập trăm phúc tương tư lương.

Tinh tiến nhiếp thụ tất cả Phật pháp.

Tinh tiến du hành vô biên cõi Phật.

Tinh tiến thấy vô lượng chư Phật.

Tất cả các tinh tiến này xuất phát từ Đại bi, lia thân khẩu ý, trụ nơi không thủ xả, không nhắc lên hạ xuống, giữ không sinh không khởi. Như vậy đầy đủ 32 pháp rồi Tinh tiến Ba-la-mật sẽ được thanh tịnh đầy đủ. Trong đây cũng có Thánh tụng như sau:

*Các Bồ thí Ba-la-mật kia,
Do sức tinh tiến được thành tựu.
Cho nên tinh tiến là căn bản,
Các Bồ-tát đạt được Phật thân.
Tinh tiến phương tiện cầu Bồ-đề,
Ta nghĩ tinh tiến hơn phương tiện.
Bởi vì lia bỏ tinh tiến rồi,
Phương tiện không thể làm gì được.
Nếu chỉ có độc một phương tiện,
Thì không siêng năng làm sự nghiệp.
Mọi việc đều do tinh tiến thành,
Cho nên tinh tiến hơn phương tiện.
Tâm có sức khéo làm phương tiện,
Tâm này do từ tinh tiến sinh.
Cho nên trong các việc ra làm,
Tinh tiến là nhân thành tựu nhất.
Bao nhiêu tự tại cùng tài vật,
Là người tinh tiến thì đạt được.
Cho nên nếu có điều an vui,
Đều do tinh tiến mà có được.
Bởi có tinh tiến thù thắng nên
Phật trong Thanh Văn là thượng thủ.*

Cho nên sức tinh tiến này đây,
 Là nhân tới thẳng, không hạnh khác.
 Thẳng thượng tinh tiến người mạnh mẽ,
 Ở trong các địa tuy đồng bậc,
 Mà kia hằng được tới thẳng thượng.
 Cho nên thường phải khởi tinh tiến.
 Khi Phật ở dưới cây Bồ-đề,
 Nhờ tinh tiến nên giác Bồ-đề.
 Cho nên tinh tiến là căn bản,
 Được nhân Phật thân, trước đã nói.

Hỏi: Đã lược giải thích Tinh tiến Ba-la-mật, nay nên nói Thiền-na Ba-la-mật?

Đáp: Thiền-na, có 4 thứ là: Hữu giác hữu quán ly sinh hỷ lạc, ở trong Sơ thiền. Vô giác vô quán định sinh hỷ lạc ở trong Đệ nhị thiền. Ly hỷ hành xả niệm tuệ thụ lạc, ở trong Đệ tam thiền. Diệt khổ lạc, xả niệm thanh tịnh, không khổ không lạc, ở trong Đệ tứ thiền. Ở trong 4 thứ Thiền-na này là chứng Thanh Văn Độc Giác địa, hồi hướng Phật địa rồi, được gọi là Thiền-na Ba-la-mật.

Các Bồ-tát có 16 thứ Thiền-na Ba-la-mật mà các Thanh Văn Độc Giác không có. Mười sáu thứ là những gì? Là: Bất thủ thật thiền. Bất trước vị thiền. Đại bi phan duyên thiền. Tam-ma-địa hồi chuyển thiền. Khởi tác thần thông thiền. Tâm kham năng thiền. Các Tam-ma-đế thiền. Tịch tĩnh lại tịch tĩnh thiền. Bất khả động thiền. Ly ác đối thiền. Nhập trí tuệ thiền. Tùy chúng sinh tâm hành thiền. Tam Bảo chủng bất đoạn thiền. Bất thoái đọa thiền. Nhất thiết pháp tự tại thiền. Phá tán thiền. Mười sáu thứ như vậy là Thiền-na Ba-la-mật.

Bất thủ thật thiền, là đầy đủ Như Lai thiền.

Bất trước vị thiền, là không tham cái vui riêng mình.

Đại bi phan duyên thiên, là thị hiện phương tiện đoạn các phiền não của chúng sinh.

Tam-ma-địa hồi chuyển thiên, là phan duyên Dục giới làm duyên.

Khởi tác thần thông thiên, là muốn biết tâm hành của tất cả chúng sinh.

Tâm kham năng thiên, là thành tựu tâm tự tại trí.

Các Tam-ma-đế thiên, là thắng hơn các Sắc, Vô sắc giới.

Tịch tĩnh lại tịch tĩnh thiên, là thắng hơn các Tam-ma-bát-đế của Thanh Văn Độc Giác.

Bất khả động thiên, là cứu cánh hậu biên.

Ly ác đối thiên, là hại các sự huân tập liên tục.

Nhập trí tuệ thiên, là ra khỏi các thế gian.

Tùy tâm hành chúng sinh thiên, là độ các chúng sinh.

Tam Bảo chủng bất đoạn thiên, là Như Lai thiên vô tận.

Bất thoái đọa thiên, là thường nhập định.

Nhất thiết pháp tự tại thiên, là các nghiệp đầy đủ.

(*Thứ 16, Phá tán thiên vốn khuyết không giải*)

Lại nữa, niệm tịnh, tuệ tịnh, thú tịnh, tâm tịnh, giữ tâm hi vọng tịnh, hồi hướng Bồ-đề tịnh, căn tịnh, vô y tịnh, bắt thủ thật tịnh, khởi tác thần thông tịnh, tâm kham năng tịnh, thân viển ly tịnh, nội tịch tĩnh tịnh, ngoại bất hành tịnh, hữu sở đắc kiến tịnh, vô chúng sinh vô mạng vô nhân tịnh, tam giới trung bất trụ tịnh, giác phần môn tịnh, ly ế quang minh tịnh, nhập trí tuệ tịnh, nhân quả bất tương vi tịnh, nghiệp tư duy nhân tịnh, khai bào tàng tướng tịnh, nhiếp phương tiện tiền xảo tịnh, Bồ-đề trường chướng ngại tịnh, bất trước Thanh Văn Độc Giác tịnh, an trụ Thiên-na xuất sinh quang minh tịnh, Phât Tam-

ma-địa bất tán loạn tịnh, quán tự tâm hành tịnh, tri chư chúng sinh các các căn như ứng thuyết pháp tịnh (*vốn khuyết 2 tịnh*). Mười sáu thứ Thiên-na Ba-la-mật kia do 32 tịnh này mà được thanh tịnh, được nhập vào Như Lai địa. Trong đây có Du-lô-ca như sau:

*Nếu 16 thứ kia,
 Và 32 tịnh,
 Với thiên độ tương ứng,
 Là vì câu Bồ-đề.
 Đến Thiên-na bờ kia,
 Khéo biết Thiên-na nghiệp.
 Người trí có thần thông,
 Xuất sinh không thoái đọa.
 Các sắc đều không hết,
 Thông đạt thật tính kia,
 Cũng dùng thắng thiên nhãn
 Khấp xem các sắc tướng.
 Tuy dùng tịnh thiên nhĩ
 Xa nghe các âm thanh,
 Người trí biết thông suốt,
 Tiếng không thể nói năng.
 Đã có tâm chúng sinh,
 Quán mỗi mỗi sắc tướng,
 Các tâm đều như huyễn,
 Hiểu biết tự tính kia.
 Chúng sinh ở đời trước,
 Như thật nhớ biết được,
 Các pháp không quá khứ.
 Cũng biết tự tính kia,
 Đi đến đều biết cõi,
 Thấy cõi nước trang nghiêm,*

*Tướng cõi như hư không,
Biết rõ thật tính kia,
Các phiền não chúng sinh,
Đều do loạn tâm sinh.
Cho nên người thắng trí
Rộng tu các Thiền định.*

Hỏi: Giải thích Thiền-na Ba-la-mật lược nói đã xong, nay nên lần lượt nói Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật như trước đã giải thích trong tư lương đầu tiên, nay tôi lại giải thích tướng của nó. Như trước kệ nói:

*Thí giới nhãn tiến định,
Ngoài 5 thứ này đây,
Kia các Ba-la-mật,
Trí độ gồm trong đó.*

Ngoài ra có 4 Ba-la-mật là Xảo phương tiện Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lược Ba-la-mật, Trí Ba-la-mật. Bốn Ba-la-mật này đều gồm trong Bát-nhã Ba-la-mật.

Bát-nhã Ba-la-mật, là như Phật Thế Tôn nơi dưới cội Bồ-đề do một niệm tương ưng với trí mà giác ngộ rõ ràng các pháp, đó là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, là tướng vô ngại, do không có thân. Tướng vô biên, vì như hư không. Tướng vô đẳng đẳng vì các pháp không có sở đắc. Tướng xa lìa vì rốt ráo không. Tướng không thể hàng phục vì không thể có được. Tướng không câu chấp vì không có danh thân. Tướng không tụ họp vì lìa đến đi. Tướng không nhân vì lìa tác giả. Tướng vô sinh vì không có sinh. Tướng không đi đến vì lìa lưu chuyển. Tướng không tan hoại vì lìa tiền hậu tế. Tướng không nhiễm vì không thể chấp thủ. Tướng không hý luận vì lìa các hý luận. Tướng không động vì pháp giới là tự thể. Tướng không khởi vì không phân biệt. Tướng

vô lượng vì lia lượng. Tướng không y chỉ vì không có y chỉ. Tướng không ô uế vì không xuất sinh. Tướng không thể lường vì không có hới hạn. Tướng tự nhiên vì biết tự tính các pháp.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật là tướng của văn tuệ và chính tư duy nhập. Tướng của văn tuệ có 80 thứ như lạc dục v.v... Chính tư duy nhập có 32 thứ là an trụ Xa-ma-tha v.v...

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không cùng với vô minh của 16 thứ túc trụ. Như vậy tướng của Bát-nhã Ba-la-mật tùy lượng đã nói. Nếu nói đủ thì vô lượng. Bát-nhã Ba-la-mật bao gồm trong phương tiện thiện xảo Ba-la-mật có 8 thứ thiện xảo. Đó là chúng thiện xảo, giới thiện xảo, nhập thiện xảo, để thiện xảo, duyên sinh thiện xảo, ba đời thiện xảo, các thừa thiện xảo, các pháp thiện xảo. Trong đó thiện xảo Ba-la-mật không có giới hạn.

Lại nữa, tùy sinh vào cõi nào, dùng những hành tướng nào làm Bồ-đề mà được tự tăng trưởng thiện căn và điều phục chúng sinh. Ở những nẻo đi đến kia, ở mọi nơi nên làm các thứ phương tiện, các Đại nhân phân biệt nói. Tôi nay trích nói một phần nhỏ trong các kinh ấy. Nếu đã làm, đang làm chút ít điều thiện có thể khiến nhiều thêm, có thể khiến vô lượng, đó làm phương tiện. Không phải vị kỷ mà chỉ vì chúng sinh làm phương tiện. Chỉ dùng Đà-na khiến các Ba-la-mật đầy đủ làm phương tiện.

Cũng như vậy, dùng Thi-la nhiếp hóa các chúng sinh, dùng Sấn-đề trang nghiêm thân khẩu tâm làm Bồ-đề, dùng Tì-lê-da an trụ tinh tiến, dùng Thiên-na không thoái lui nơi thiền, dùng Bát-nhã xả ly vô vi, dùng từ làm nương tựa bảo hộ, dùng bi không bỏ lưu chuyển, dùng hỷ có thể nhẫn chịu những điều không không vui, dùng xả phát khởi các thiện, dùng thiên nhãn nhiếp thủ Phật nhãn, dùng thiên nhĩ mãn túc Phật nhĩ, dùng tha tâm trí biết các căn, dùng túc trụ niệm biết 3 đời không ngại, dùng tự tại thông được Như Lai tự tại thông, dùng sự nhập chúng sinh tâm muốn

biết các hành tướng, đã độ trở lại nhập, không nhiễm mà nhiễm, bỏ gánh vác rồi lại gánh vác, vô lượng mà thị hiện có hạn lượng, tối thắng thị hiện hạ liệt, dùng phương tiện nên tương ưng Niết-bàn mà đọa tại lưu chuyển.

Tuy hành Niết-bàn mà không rớt ráo tịch diệt, hiện hành 4 mà siêu quá các ma, đạt trí 4 đế và quán vô sinh mà không nhập chính vị.

Tuy hành hôn loạn mà không hành thuận miên phiền não.

Tuy hành viễn ly mà không dựa vào thân tâm hết. Tuy hành 3 cõi mà trong cõi không hành thế đế.

Tuy hành nơi không mà mọi thời hằng cầu Phật pháp.

Tuy hành vô vi mà không tác chứng nơi vô vi.

Tuy hành 6 thần thông mà không hết lậu.

Tuy hiện oai nghi Thanh Văn, Độc Giác mà không bỏ ưa thích Phật pháp. Trong các phương tiện Ba-la-mật khéo léo như vậy có phương tiện giáo hóa chúng sinh. Phải biết các phương tiện đó là chỗ phương tiện giáo hóa khéo léo của Bồ-tát. Trong đây có Du-lô-ca như sau:

*Trong đạo súc sinh các khổ não,
Sinh địa ngục, ngạ quỷ cũng vậy,
Ở trong luân chuyển tương ứng chịu,
Các thứ tội ác của chúng sinh.
Không thể ngăn chặn các khổ này,
Nơi các chúng sinh khởi thương xót.
Chư Phật bảo các Bồ-tát kia
Tất cả thế gian vô ngại Bi.
Trong luận nếu có gồm các thiện,
Phần nhiều vì người mà tác nghiệp,
Công xảo các minh và các việc*

Đều dùng ái ngữ mà trao cho.
Giới tài văn tu cùng tịch điều,
Dùng công đức này nhiếp hóa chúng.
Nhiếp hóa rồi khiến thường liên tục,
Thắng Tiên bảo là trụ thiện đạo.
Hoặc hiện thân nữ hóa thân nam,
Khiến kia điều phục mà thụ giáo.
Hoặc hiện thân nam hóa thân nữ,
Khiến kia điều phục mà thụ giáo.
Nếu không chán vui nơi cảnh nhiễm,
Thương kia không đạo khiến vào đạo,
Tùy loại chúng sinh mà giáo hóa,
Dẫu nơi bức nẻo cũng không bỏ.
Hoặc có tin hiểu nơi vô ngã,
Và biết các pháp là tự tính,
Người ấy chưa lìa pháp thế gian,
Chỉ là quan sát chuyển như thế.
Với nghiệp và quả sinh tin thuận,
Mà có vô biên các việc khổ,
Thì phải trong khi thụ quả khổ,
Không vui các khổ đang ép ngặt,
Nếu nơi người xuất gia Thanh Văn,
Thì an ổn đặt nơi vắng lặng,
Hoặc đặt ở nơi Duyên Giác đạo,
Hoặc đặt 10 thứ Diệu lực thừa,
Khiến kia sẽ được Chính giác thừa,
Hoặc được tịch tĩnh hoặc cõi trời,
Nếu phải quan sát quả hiện thấy,
Như chỗ ra làm chính an trí,
Như vậy từ sơ đến cứu cánh,
Trượng phu việc khó đều làm được.

*Dựa vào các thứ phương tiện khéo,
 Là bỏ tất cả thích chẳng thích,
 Thừa này chư Phật đều khen ngợi,
 Trám ngàn công đức được trang nghiêm,
 Hay sinh thế gian rất tịnh tín,
 Đề nói thắng diệu thiện đạo nên
 Với Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa,
 Cho đến thiên thừa và các thừa,
 Đều lấy 10 thiện mà thành thực,
 Và ở nhân thừa thành thực người.*

Đã giải thích Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói Nguyện Ba-la-mật. Chư Bồ-tát trước tiên có 10 nguyện lớn:

Cúng dường hầu hạ chư Phật không thiếu sót, là Đại nguyện thứ nhất.

Ở nơi Phật ấy giữ gìn Đại chính pháp, nhiếp thụ chính giác, khắp hộ chính giáo, là Đại nguyện thứ hai.

Trong các thế giới chư Phật ra đời, ban đầu từ ở cung Đâu-suất cho đến xuống nhập thai, trụ thai, sơ sinh, xuất gia, chứng chính giác, thỉnh chuyển pháp luân, nhập đại Niết-bàn, đều đi đến nơi ấy thụ hành cúng dường không rời bỏ, là Đại nguyện thứ ba.

Các Bồ-tát hành các hạnh Bồ-tát rộng lớn vô lượng, không xen tạp các Ba-la-mật gồm thiện tịnh các địa, xuất sinh phần chung, phần riêng, đồng tướng, khác tướng, cùng chuyển, không cùng chuyển, như thật như Thập địa đạo nói, tu trị Ba-la-mật giáo giới, giáo thụ, giáo thụ rồi trụ trì, phát khởi xuất sinh các tâm như vậy, là Đại nguyện thứ tư.

Không sót một cảnh giới chúng sinh, có sắc không sắc, có tướng không tướng, sinh trứng, sinh thai, sinh nơi ẩm ướt, biến hóa sinh, 3 cõi đồng nhập, 6 nẻo cùng ở, chúng sinh thuận đi, danh sắc bao gồm, tất cả cõi chúng sinh đều thành thực không sót khiến vào

trong Phật pháp, đoạn trừ các nẻo, an lập nơi trí Nhất thiết trí, là Đại nguyện thứ năm.

Không sót các thế giới rộng lớn vô lượng, hoặc tế hoặc thô, hoặc ngang hoặc ngược, hoặc ngay thẳng v.v... đồng nhập vào, cùng ở, thuận đi, 10 phương phần phần như lưới trời Đế Thích, nhập vào phần phần dùng trí thuận đi, đó là Đại nguyện thứ sáu.

Tất cả cõi là một cõi, một cõi tức tất cả cõi, vô lượng cõi nước bình đẳng thanh tịnh, thấy đều trang nghiêm lia các phiền não, tịnh đạo đầy đủ vô lượng trí tướng, chúng sinh sung mãn vào cảnh giới thượng diệu của Phật, tùy tâm chúng sinh mà thị hiện khiến được hoan hỷ, là Đại nguyện thứ bảy.

Vì cùng các Bồ-tát đồng một tâm, vì tụ tập bất cộng thiên căn, vì cùng các Bồ-tát đồng một phan duyên thường không lia bình đẳng của Bồ-tát, vì phát khởi tự tâm nhập vào oai thần của Như Lai, vì được bất thoái hành thần thông, vì du hành các thế giới, vì ảnh chiếu đến các đại chúng luận, vì tự thân thuận nhập vào các sinh xứ, vì đầy đủ bất tư nghị Đại thừa, vì hành Bồ-tát hạnh, đó là Đại nguyện thứ tám.

Vì lên bất thoái chuyển hành Bồ-tát hạnh, vì thân khẩu ý nghiệp chẳng không tức khi thấy khiến quyết định Phật pháp, vì tức khi xuất một âm thanh khiến nhập trí tuệ, vì tức khi tin khiến chuyển phiền não, vì được như than Đại Dược vương, vì hành các Bồ-tát hạnh, đó là đại nguyện thứ chín.

Vì ở trong các thế giới, chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vì trong một sợi lông và trong tất cả sợi lông khác đều hiện xuất sinh, ngòi đạo tràng, chuyển pháp luân, Đại Bát-niết-bàn, vì do trí tuệ nhập vào đại cảnh giới oai thần của Phật, vì ở nơi tất cả cảnh giới chúng sinh đúng như thâm tâm Phật xuất thế khai ngộ khiến được tịch tĩnh mà thị hiện, vì chính giác một pháp tất cả pháp đều là tướng Niết-bàn, vì phát ra một âm thanh khiến các chúng sinh tâm

hoan hỷ, vì hiện Đại Niết-bàn mà không đoạn hành lực, vì hiện Đại trí tuệ địa an lập các pháp, vì dùng cảnh giới pháp trí thần thông của Phật phổ biến các thế giới, đó là Đại nguyện thứ mười.

Các Đại nguyện như vậy muốn đại xuất sinh thì 10 Đại nguyện làm đầu. Đầy đủ 10 Đại nguyện này rồi kiến lập A-tăng-ki trăm ngàn nguyện khác của Bồ-tát, được trụ Bồ-tát Hoan hỷ địa, đó gọi là Nguyện Ba-la-mật.

Đã giải thích Nguyện Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói Lực Ba-la-mật. Trong đây sơ lược nói chư Bồ-tát có 7 thứ lực. Đó là phúc báo sinh lực, thần thông lực, tín lực, tinh tiến lực, niệmlực, Tam-ma-đề lực và Bát-nhã lực.

Phúc báo sinh lực, là như sức của 10 con voi nhỏ tương đương sức của một Long tượng. Sức của 10 Long tượng tương đương sức của một Hương tượng. Sức của 10 Hương tượng tương đương sức của một Đại hương tượng. Sức của 10 Đại hương tượng tương đương sức của một Đại lực sĩ. Sức của 10 đại lực sĩ tương đương với sức của một Bán Na-la-diên. Sức của 10 Bán na-la-diên tương đương với sức của một Na-la-diên. Sức của 10 Na-la-diên tương đương với sức của một Đại Na-la-diên. Sức của 10 Đại Na-la-diên tương đương với sức của quá một trăm kiếp Bồ-tát. Sức của 10 quá một trăm kiếp Bồ-tát tương đương với sức của một đấng Bồ-tát. Sức của 10 đấng Bồ-tát tương đương với sức của một tối hậu sinh Bồ-tát.

Trụ nơi sức này rồi, Bồ-tát liền ngay khi sinh có thể đi 7 bước. Sức của 10 tối hậu sinh Bồ-tát khi sinh tương đương với sức của Bồ-tát lúc thiếu niên. Bồ-tát trụ nơi sức này rồi, đến Bồ-đề trường thành đấng chính giác. Được chính giác rồi, do sức của quá trăm ngàn công đức thành tựu sức của Như Lai chính biến tri nhất chủng xứ phi xứ. Như vậy thành tựu 10 lực gọi là Phúc báo sinh lực của chư Phật, Bồ-tát và các thiếu phần chúng sinh khác.

Thần thông lực, là 4 thứ thần túc khéo làm nhiều rồi do sức thần thông hi hữu này điều phục được các chúng sinh. Do sức thần thông hi hữu kia hiển hiện hoặc sắc, hoặc lực, hoặc trụ trì v.v... Nếu có chúng sinh nên dùng sắc tượng này mà được điều phục thì liền dùng sắc tượng này đến nơi chúng sinh ấy thị hiện hoặc sắc tượng của Phật, hoặc sắc tượng Độc Giác, hoặc sắc tượng Thanh Văn. Cũng như vậy hoặc sắc tượng của Thích, Phạm, Hộ thế, Chuyển luân vương v.v... Nếu lại là các sắc tượng khác cho đến sắc tượng súc sinh để điều phục chúng sinh mà thị hiện sắc tượng như vậy. Nếu có chúng sinh nhiều sức, kiêu mạn, giận dữ, hung ác, tự cao, cần có sức này để điều phục thì liền hiện sức này. Hoặc sức của Đại lực sĩ, hoặc sức của 4 phần Na-la-diên, hoặc sức của Bán Na-la-diên, hoặc sức của một Na-la-diên. Do sức này mà núi chúa Tu-di có 16 vạn 8 ngàn Du-xà-na, rộng 8 vạn 4 ngàn Du-xà-na, mà chỉ dùng 3 ngón tay nhắc bổng như nhắc quả Yêm-ma-lặc ném sang thế giới khác mà không làm phiền nhiễu trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, và sức của Bồ-tát cũng không tổn giảm.

Lại nữa, 3 ngàn đại thiên thế giới này tuy rộng lớn, từ nơi thủy giới cho đến trời Hữu đỉnh đặt vào lòng bàn tay mà trụ vững nhiều kiếp, với các thần thông đầy đủ thị hiện sức như vậy.

Nếu có chúng sinh kiêu mạn, tăng thượng mạn, giận dữ, hung ác, tự cao, nói pháp điều phục khiến lìa kiêu mạn, tăng thượng mạn, hung ác v.v... Kia được thần túc trí trụ trì như vậy rồi, dùng trí trụ trì này mọi sự trụ trì đều được tùy ý.

Nếu đem biển lớn làm thành vũng nước chân trâu liền thành vũng nước chân trâu. Nếu đem vũng nước chân trâu làm thành biển lớn liền thành biển lớn. Nếu đem kiếp thiêu làm thành nước tụ liền thành nước tụ. Nếu đem nước tụ làm thành lửa tụ liền thành lửa tụ. Nếu đem lửa tụ làm thành gió tụ liền thành gió tụ. Nếu đem gió tụ làm thành lửa tụ liền thành lửa tụ.

Cũng như vậy, nếu dùng trụ trì này tùy chỗ trụ trì hạ pháp, trung pháp, thượng pháp, đã trụ trì rồi không ai có thể chấn động, ẩn mất. Như Đế Thích, Phạm thiên, các ma và các đồng pháp thế gian khác trừ Phật Thế Tôn. Trong các loài chúng sinh, không có chúng sinh nào đối với trụ trì của Bồ-tát có thể làm chấn động, ẩn mất.

Do sức trụ trì, vì các chúng sinh thuyết pháp vượt trội vui mừng hoan hỷ tôn kính. Sức thần túc ấy xuất phát cao, tự tại vượt quá ma phiền não, nhập vào cảnh giới Phật, giác ngộ các chúng sinh, tu hợp thiện căn tư lương đời trước, ma và ma thân thiên v.v... không thể chướng ngại, đó gọi là Thần thông lực của Bồ-tát.

Tín lực, là đối với Phật, Pháp, Tăng và trong Bồ-tát hạnh tin hiểu hoàn toàn không gì có thể cản trở phá hoại. Dầu ác ma hóa làm thân Phật đến dùng pháp gì muốn phá hoại sức tin kia, Bồ-tát do sức tin hiểu chúng không thể làm lay động sức tin của Bồ-tát, đó gọi là Tín lực.

Tinh tiến lực, là Bồ-tát nếu phát khởi tinh tiến khi tương ưng với các thiện pháp thì ở đó được sức kiên cố bền chắc, tùy chỗ thụ hành, dầu trời hay người cũng không thể làm lay động khiến giữa chừng dừng lại, đó gọi là Tinh tiến lực.

Niệm lực, là trụ nơi pháp xứ kia thì tâm an trụ, bao nhiêu các phiền não không thể làm tán loạn. Do giữ niệm lực nên phá các phiền não. Các phiền não kia không thể phá hoại sức chính niệm của Bồ-tát, đó gọi là Niệm lực.

Tam-ma-đề lực, là ở trong ồn ào rối loạn thực hành hạnh viển ly. Các âm thanh và tiếng nói phát ra không bị kích thích mà chướng ngại Sơ thiền. Hành thiện giác quán không ngại Nhị thiền, Sinh ái hỷ không ngại Tam thiền. Thành thực chúng sinh, nhiếp thụ các pháp chưa từng phé bỏ không ngại Tứ thiền. Như vậy đạo qua 4 thứ thiền, các thiền ác đối không thể phá hoại. Tuy đạo qua các thiền mà không tùy theo thiền sinh, đó gọi là Tam-ma-đề lực của Bồ-tát.

Bát-nhã lực, là trí không thể hoại trong pháp thế gian và xuất thế gian, trong đời đời kiếp kiếp không do thầy dạy. Những chỗ ra làm như công xảo minh và các minh, cho đến trường hợp khó làm nhất khó nhần nhất trong thế gian Bồ-tát đều hiện diện. Nếu là pháp xuất thế cứu độ đời, trí tuệ Bồ-tát tùy thuận nhập vào rồi, thì trời, người, A-tu-la không thể phá hoại, đó gọi là Bát-nhã lực.

Như vậy là đã sơ lược giải thích 7 lực của Bồ-tát. Nếu muốn diễn giải đầy đủ thì vô cùng, đó gọi là Lực Ba-la-mật của Bồ-tát.

Đã giải thích Lực Ba-la-mật, nay tôi sẽ nói về Trí Ba-la-mật. Trong đây như các sách lưu hành trong thế gian như toán số v.v... và giới luận tức các sách luận về tính chất như phong hoàng, đàm v.v..., các sách về y học trị bệnh cần tiêu, điên cuồng, quỷ ám, phá các thứ độc hại, các sách văn chương trào lộng khiến sinh hoan hỷ, các sách về xây dựng thành thị làng xóm, vườn cây, ao hồ giếng nước, các sách về khai thác vàng bạc Ma-ni lưu ly đá trắng, ngọc, san hô v.v..., các sách về quan sát mặt trời mặt trăng, nhật nguyệt thực tinh tú động đất, đoán diềm giải mộng v.v..., các sách chĩnh hình, biết hành xứ cấm giới, Thiên-na, thần thông, vô lượng vô sắc xứ và các tương ưng chính giác khác lợi lạc chúng sinh đến bờ kia.

Lại nữa, biết các thế giới thành hoại, tùy thế giới thành, tùy thế giới hoại thủy đều biết rõ. Lại biết do nghiệp nhóm họp nên thế giới thành, nghiệp hết nên thế giới hoại. Biết thế giới thành trong bao lâu, biết thế giới hoại trong bao lâu. Biết các địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, sai biệt lớn, nhỏ hay vô lượng v.v... Biết vi trần cực vi, cũng biết vi trần tụ tập, vi trần phân tán. Biết địa trong thế giới số như vi trần, cũng như vậy biết số vi trần của thủy, hỏa, phong. Biết thân chúng sinh số như vi trần, cõi nước số như vi trần. Biết thân các chúng sinh thô, tế sai biệt, cho đến cũng biết vi trần hợp thành thân địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, trời, người v.v... Biết Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thành hoại, và biết chúng sai biệt nhỏ lớn vô lượng v.v... Biết chúng sinh thân, trung nghiệp thân, báo thân, sắc

thân. Biết quốc độ thân trung tiêu đại, nhiễm tịnh, và hoành trụ đảo trụ bình đẳng trụ các phương sai khác như mắt lưới. Biết tên thân sai khác trong nghiệp báo thân, biết tên thân sai khác trong Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát thân. Biết chính giác thân, nguyện thân, hóa thân, trụ trì thân, hình sắc tướng hảo trang nghiêm thân, oai quang thân, ức niệm thân, phúc thân, pháp thân trong Như Lai thân. Biết hoặc khéo phân biệt, hoặc như lý tư duy, hoặc quả tương ưng nhiếp, hoặc thể gian xuất thể gian, hoặc an lập 3 thừa, hoặc cộng pháp bất cộng pháp, hoặc xuất thể đạo phi xuất thể đạo, hoặc học vô học trong trí thân. Biết trong pháp thân bình đẳng bất động, an lập thể đế xứ sở danh tự, an lập pháp chúng sinh phi chúng sinh, an lập Phật, Pháp, Thánh chúng. Biết vô lượng thân nhập vào, tất cả chỗ sai biệt của phi thân chân thật, vô biên vô sắc thân, được xuất sinh các thân trí như vậy trong thân hư không. Lại được mạng tự tại, tâm tự tại, chúng cụ tự tại, nghiệp tự tại, nguyện tự tại, tín giải tự tại, thần thông tự tại, trí tự tại, sinh tự tại, và pháp tự tại. Được 10 tự tại như vậy rồi là người trí không thể nghĩ bàn, người trí vô lượng, người trí không thoái lui.

Các trí như vậy có 8 vạn 4 ngàn hành tướng là trí sở tri Ba-la-mật của Bồ-tát. Như vậy là tùy phần giải thích Trí Ba-la-mật, nếu muốn diễn giải đầy đủ, chỉ Phật Thế Tôn mới có thể nói hết.

*Sáu Ba-la-mật này
Là Bồ-đề tư lương.
Giống như trong hư không
Bao gồm hết các vật.*

Như đã giải thích trong 6 Ba-la-mật gồm hết tất cả Bồ-đề tư lương, ví như hư không, các vật đi đứng, có thức, không có thức đều gồm ở trong đó. Như vậy ngoài ra phải biết khi nghe nói tư lương tức các tư lương bao gồm trong 6 Ba-la-mật đồng tướng không khác.

(QUYỂN 2 HẾT)

LUẬN BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 3

*Lại có ý sư khác
Nói giác tư lương là
Thật xả và tịch trí
Bao gồm trong 4 xứ.*

Lại có một luận sư nói như vậy: Tất cả Bồ-đề tư lương đều gồm trong thật xứ, xả xứ, tịch xứ, và trí xứ. Thật, là tướng không hư dối, thật tức là giới. Cho nên thật, là Thi Ba-la-mật. Xả, tức là bố thí, cho nên xả xứ là Đà-na Ba-la-mật. Tịch, là tâm không ô trược. Nếu tâm không ô trược thì việc ái bất ái không thể làm lay động. Cho nên tịch xứ là Sằn-đề Ba-la-mật và Thiên-na Ba-la-mật. Trí xứ lại là Bát-nhã Ba-la-mật. Tì-lê-da Ba-la-mật nhập vào khắp các xứ. Bởi không tinh tiến thì các xứ không thành tựu. Cho nên Tì-lê-da Ba-la-mật thành tựu các việc. Vì vậy tất cả tư lương đều gồm trong 4 xứ.

Hỏi: Như kinh nói: Do từ tư lương được tâm vô ngại, do xả tư lương được đoạn yêu ghét, trong đó có gì khác với từ bi?

Đáp:

*Đại bi thấu xương tủy,
Làm chỗ dựa chúng sinh
Như cha đối với con một.
Từ thì khắp tất cả.*

Nếu vào trong đường hiểm sinh tử, đọa vào các nẻo địa ngục súc sinh ngạ quỷ, ở trong lưới tà kiến che khuất bởi rừng rậm ngu si, đi theo đường tà phi đạo như người mù, trong phi xuất ly thấy là xuất ly, bị các giặc già bệnh chết lo buồn khổ não bắt giữ, vào trong rừng rậm ý ma cách xa ý Phật. Đại bi của Bồ-tát xuyên qua da thịt gân của tự thân thấu đến xương tủy, vì các chúng sinh làm chỗ nương tựa khiến chúng sinh được độ. Như vậy đồng hoang, đường hiểm sinh tử đặt vào cung vô úy nơi thành Nhất thiết trí. Ví như Trưởng giả chỉ có một con mà gặp bệnh khổ, thương yêu thấu qua da thịt vào nơi xương tủy, chỉ nghĩ không biết bao giờ con được lành bệnh. Bi cũng như vậy, chỉ khởi trong chúng sinh đau khổ. Từ thì khởi trong khắp tất cả chúng sinh.

Lại nữa, từ cho nên đối với các chúng sinh được tâm vô ngại. Bi, cho nên ở trong sinh tử không biết mệt mỏi. Lại nữa, từ là sinh trong người thiện, bi là sinh trong người bất thiện. Lại nữa, Bồ-tát từ tăng trưởng nên không đắm cái vui riêng mình thì sinh đại bi. Bi tăng trưởng nên xả bỏ thân mạng và chi tiết thân phần thì sinh Đại bi.

*Nếu niệm Phật công đức,
Và nghe Phật thân biến,
Yêu thích mà thụ tịnh
Đó gọi là Đại hỷ.*

Nếu niệm Phật công đức, là trong đó những gì là công đức của Phật? Nghĩa là chư Phật Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn Câu-trí kiếp nhóm họp thiện căn nên không hộ thân khẩu ý nghiệp, đoạn dứt nghi trong 5 thứ phải biết, không có lỗi trong 4 thứ đáp nạn, dạy dỗ 37 pháp trợ Bồ-đề, giác ngộ nhân duyên trong 12 phần duyên sinh, dạy 9 giáo, đầy đủ 4 thứ trụ trì, được 4 vô lượng, đầy đủ 6 Ba-la-mật, giảng thuyết Bồ-tát 10 địa, thành tựu viên mãn 5 chúng xuất thế, đầy đủ 4 không sợ hãi, 10 lực, 18 Phật pháp không chung, cảnh giới vô biên, tự tâm tự tại chuyển, pháp không chán đủ, được

như Kim cương Tam-ma-địa, nói pháp không hư vọng, pháp không thể phá hoại, là đạo sư cho thế gian, không ai có thể thấy đỉnh đầu, không ai ngang bằng, không ai thắng hơn, pháp không thể nghĩ bàn, được Đại từ Đại bi Đại hỷ Đại xả, trăm tướng phúc, vô lượng căn lành, vô biên công đức, vô lượng công đức, vô số công đức, công đức không thể phân biệt, công đức hi hữu, công đức không chung v.v... các tên như vậy.

Nghe chư Phật thần biến, là trong đó chư Phật Thế Tôn vì giáo hóa các chúng sinh nên khởi thần thông biến hiện, tùy chỗ thích ứng độ chúng sinh, tùy theo thân chúng sinh, tùy theo hình tướng dài ngắn rộng hẹp, tùy theo sắc loại các thứ khác nhau, tùy theo phân biệt âm thanh thanh tịnh, chư Phật Thế Tôn dùng các thứ thần thông hi hữu, đúng như sở hành, đúng như mong muốn, dùng các loại phương tiện thần biến sai biệt mà giáo hóa chúng. Nghe việc này rồi yêu thích thụ tịnh, gọi là đại hỷ. trong đó nếu tâm vui mừng gọi là ái. Tâm ái lan tỏa khắp thân gọi là hỷ. Tâm hỷ cảm biết niềm vui gọi là thụ. Khi cảm thụ niềm vui mà niệm chính giác là Đại thần thông đức, tâm không ô trược gọi là tịnh. Khi tâm kia tịnh, hỷ ý đầy đủ gọi là đại hỷ. Kia lên một thiếu phần thừa tuy cũng có hỷ, vì không chung với kia nên được gọi là Đại hỷ.

Hỏi: Bồ-tát nên xả chúng sinh hay không nên xả?

Đáp:

*Bồ-tát với chúng sinh,
Không thể xả bỏ được.
Phải tùy sức mình có,
Tất cả thời nhiếp thụ.*

Bồ-tát Ma-ha-tát thường nghĩ nhớ lợi lạc chúng sinh. Nếu bị tham sân si não loạn sẽ xan lẫn phá giới giận hờn biếng nhác loạn tâm ác trí mà đi vào con đường khác. Các chúng sinh này không nên

xả bỏ, trong tất cả thời nói thí, giới, tu tùy sức có thể mà nhiếp thụ không nên xả bỏ.

*Bồ-tát ngay từ đầu,
Tùy theo năng lực mình,
Phương tiện hóa chúng sinh,
Khiến nhập vào Đại thừa.*

Bồ-tát lên hàng Đại thừa này ở trong chúng sinh, ngay từ ban đầu tùy theo khả năng mà làm các phương tiện như đã nói trong phần Phương tiện Ba-la-mật ở trước. Cần phải siêng năng tinh tiến dùng các phương tiện giáo hóa chúng sinh vào Đại thừa này.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sinh mà không dùng Thanh Văn thừa Độc Giác thừa?

Đáp:

*Dạy Hằng sa chúng sinh
Khiến được quả La-hán,
Dạy một vào Đại thừa
Phúc đức này cao hơn.*

Nếu giáo hóa chúng sinh số như cát sông Hằng được quả A-la-hán thì phúc của Đại thừa này quá hơn phúc giáo hóa các thừa Thanh Văn kia. Vì chúng tử không hết. Các chúng tử này có thể vì bao nhiêu chúng sinh khác làm phương tiện Bồ-đề tâm, và cũng để xuất sinh Thanh Văn, Độc Giác cho nên phúc này hơn phúc kia.

Phúc này hơn, nghĩa là Đại thừa là trên đối với Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa. Lại nữa Bồ-đề tâm có vô lượng vô số phúc đức. Lại nữa do Đại thừa mà hạt giống Tam Bảo không dứt. Cho nên muốn cầu phúc lớn phải lấy Đại thừa giáo hóa chúng sinh mà không dùng các thừa khác.

Hỏi: Các Bồ-tát Ma-ha-tát lẽ nào chỉ dùng Đại thừa giáo hóa chúng sinh mà không dùng Thanh Văn, Độc Giác thừa sao?

Đáp:

*Dạy bằng Thanh Văn thừa
Và dạy bằng Độc Giác thừa,
Vì đối tượng thiếu sức
Không kham Đại thừa giáo.*

Nếu tâm chúng sinh ở bậc trung bậc thấp, bỏ việc lợi tha, thiếu tâm Đại bi không kham nổi sự giáo hóa của Đại thừa thì mới dùng Thanh Văn thừa Độc Giác thừa mà giáo hóa chúng.

Hỏi: Nếu có chúng sinh không thể dùng 3 thừa mà giáo hóa thì đối với chúng nên bỏ hay không nên bỏ?

Đáp:

*Thanh Văn Độc Giác thừa,
Cho đến trong Đại thừa,
Không kham thụ giáo hóa,
Nên đặt nơi phúc xứ.*

Nếu có chúng sinh ưa thích sinh tử ghét giải thoát, không kham thụ giáo hóa của Thanh Văn Độc Giác và Bồ-tát thì nên giáo hóa chúng vào trong 4 Phạm hạnh của Phạm thừa. Nếu không kham Phạm thừa thì nên giáo hóa chúng 10 thiện nghiệp đạo trong Thiên thừa và trong các việc phúc như thí v.v... không nên xả bỏ.

Hỏi: Nếu có chúng sinh ưa thích cái vui thế gian, mà đối với 3 việc phúc không có khả năng làm, thì đối với chúng phải làm sao?

Đáp:

*Nếu ai không kham thụ
Giáo hóa Thiên, giải thoát,
Thì dùng lợi hiện đời
Như súc nên nhiếp hóa.*

Nếu có chúng sinh chuyên cầu dục lạc không nghĩ đến đời sau, sẽ hưởng tới địa ngục nga quý súc sinh, không thể giáo hóa khiến sinh cõi trời hay giải thoát thì cũng nên thương xót chúng tâm trí như trẻ con, tùy theo thích ứng hiện đời nhiếp thụ, tùy khả năng mình dùng thí nhiếp thụ chúng, thương mà không nên bỏ.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đối với các chúng sinh giống như trẻ con này mà không có phương tiện gì nhiếp hóa được thì đối với chúng phải làm sao?

Đáp:

*Bồ-tát với chúng sinh
Không có duyên giáo hóa,
Phải khởi Đại từ bi
Mà không vội xả bỏ.*

Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh đáng thương ưa làm việc tội ác mà không có phương tiện nhiếp hóa được, Bồ-tát nên khởi tưởng như con sinh Đại từ bi, chứ không đạo lý nào có thể xả bỏ được.

Hỏi: Đã nói cần phải nhiếp thụ trong các chúng sinh, chẳng hay phương tiện nhiếp thụ như thế nào?

Đáp:

*Thí nhiếp và thuyết pháp,
Và nghe thuyết pháp rồi
Cũng làm việc lợi tha.
Đó là phương tiện nhiếp.*

Các Bồ-tát vì nhiếp thụ chúng sinh nên hoặc dùng bố thí làm phương tiện nhiếp thụ, hoặc nhận kia bố thí, hoặc vì kia nói pháp, hoặc nghe kia nói pháp, hoặc làm lợi tha, hoặc dùng ái ngữ, hoặc dùng đồng sự, hoặc nói các minh xứ, hoặc chỉ dạy công xảo, hoặc thị hiện tác nghiệp, hoặc làm cho người lành bệnh, hoặc cứu nạn hiểm

nghèo, những việc làm như vậy gọi là phương tiện nhiếp thụ chúng sinh. Nên dùng các phương tiện này nhiếp thụ chúng sinh không nên xả bỏ.

Hỏi: Dùng các phương tiện nhiếp thụ như vậy nhiếp thụ chúng sinh rồi thành tựu lợi gì?

Đáp:

*Làm việc ích chúng sinh,
Không mệt mỏi, phóng túng,
Phát nguyện vì Bồ-đề,
Lợi đời tức lợi mình.*

Trong đây Bồ-tát nguyện làm lợi ích thế gian phát tâm như vậy: Tất cả những việc gì lợi thế gian tôi đều nên làm.

Lập thế nguyện như vậy rồi trong các việc làm cho chúng sinh không nên mệt mỏi, không nên phóng túng. Lại nên nghĩ như vậy: Nếu lợi cho đời tức là lợi mình. Cho nên Bồ-tát đối với nhân duyên lợi lạc chúng sinh không nên xả bỏ.

Hỏi: Đã nói Bồ-tát thường phải lợi lạc chúng sinh không nên xả bỏ, vậy trong các pháp là xả hay không xả?

Đáp:

*Vào pháp giới rất sâu,
Diệt là nơi phân biệt,
Thấy đều không dụng công,
Các xứ tự nhiên xả.*

Pháp giới tức là duyên sinh cho nên nói trước. Như Lai dù ra đời hay không ra đời, pháp giới này pháp tính vẫn thường trú. Cái gọi là duyên sinh, như trước nói: A-nan-đà! Duyên sinh rất sâu, chúng cũng rất sâu. Cho nên Bồ-tát nhập vào thế giới rất sâu này diệt tất cả 2 cực đoạn hữu vô, nhiếp thủ trí phương tiện rồi tức đoạn dứt các

động niệm hý luận phân biệt, lia các chấp tướng, các hành xứ của tâm, ý, thức đều không hiện hành, cho đến cũng không hành Phật hạnh, Bồ-đề hnhj, Bồ-tát hạnh, Niết-bàn xứ. Như thế tức đối với các pháp không còn dụng công, ở trong các pháp tâm được tịch tĩnh, Đại tịch tĩnh, không còn phân biệt. Đó gọi là Đệ nhất nghĩa xả, tức vô phân biệt của Bồ-tát.

Đã nói về xuất thế gian xả, nay tôi sẽ nói đến thế gian xả.

*Lợi danh khen hỷ lạc,
Bốn thứ đều không chấp,
Ngược trên cũng không ngại,
Như thế gọi là xả.*

Ở trong lợi dưỡng, tiếng khen, an vui v.v... không hệ lụy. Trái lại với đây, trong không lợi không danh, chê bai, khổ sở cũng không thoái ngại, lia bỏ chỗ yêu ghét mà an trụ không phân biệt. Đó gọi là Đệ nhị, thế gian xả.

Hỏi: Nếu Bồ-tát ở trong các pháp làm Đệ nhất nghĩa xả là vì Bồ-đề cho nên như lửa đốt đầu. Như vậy siêng làm như thế nào có thể được?

Đáp:

*Bồ-tát vì Bồ-đề,
Cho đến chưa không thoái,
Vi như lửa đốt đầu,
Nên siêng làm như vậy.*

Tuy đối với các pháp nên xả như vậy mà Bồ-tát quyết định tu hành như lửa đốt đầu. Bồ-tát cho đến khi chưa được không thoái chuyển Bồ-đề, vì Bồ-đề nên phải siêng làm.

Trong đó phải biết Bồ-tát có 5 thứ nhân duyên không thoái Bồ-đề. Những gì là năm? Như Kinh Hoa Tụ v.v... có nói: Nếu nghe đầy

đủ Đại nguyện các Bồ-tá và danh hiệu Phật Thế Tôn là nhân duyên thứ nhất. Nếu nguyện sinh về cõi nước của Phật Thế Tôn kia là nhân duyên thứ hai. Thụ trì và giảng nói Kinh Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa là nhân duyên thứ ba. Tu tập hiện tiền trụ v.v... các Tam-ma-đề và tùy hỷ đặc là nhân duyên thứ tư. Bốn nhân duyên này nói là Bồ-tát chưa được nhẫn không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát này trụ Bồ-tát Bất động địa rồi, được vô sinh nhẫn thì nói là cứu cánh quyết định không thoái chuyển. Đó là nhân duyên thứ năm.

Hỏi: Nếu trong 4 nhân duyên này, tùy lấy một nhân duyên, Bồ-tát được không thoái chuyển thì trước nói như lửa đốt đầu phải siêng năng như thế nào mới thành?

Đáp:

*Nhưng các Bồ-tát kia,
Vì khi cầu Bồ-đề
Tinh tiến không thôi nghỉ
Vì đang gánh gánh nặng.*

Tuy trong 4 nhân duyên tùy theo một nhân duyên Bồ-tát đều được không thoái mà tinh tiến không nên thôi nghỉ là bởi trước đã nói: Tôi phải làm cho các chúng sinh đều được Niết-bàn. Vì gánh nặng như vậy cho nên trong khi thực hành thế nguyện tinh tiến không ngừng nghỉ.

Hỏi: Vì sao trong khi thực hành phải tinh tiến không được ngừng nghỉ?

Đáp:

*Chưa sinh Đại bi nhẫn,
Dẫu được không thoái chuyển,
Bồ-tát còn có chết,
Bởi vì khởi phóng dật.*

Ở trong 4 nhân duyên tùy theo nhân duyên nào, Bồ-tát được không thoái chuyển. Khi chưa sinh Đại bi, cho đến chưa được vô sinh nhãn, trong khoảng thời gian đó chịu nghiệp lực tử sinh là do phóng dật. Cho nên Bồ-tát phải siêng năng như cứu lửa đốt đầu để được vô sinh nhãn, trong khoảng thời gian đó tinh tiến không ngừng nghỉ.

Hỏi: Bồ-tát còn chết sao?

Đáp:

*Bậc Thanh Văn, Độc Giác,
Nếu nhập vào là chết,
Bởi đoạn nơi Bồ-tát
Các sở giải tri căn.*

Như trước nói 4 thứ nhân duyên, tùy theo một nhân duyên nào đều được không thoái chuyển. Đó là Bồ-tát chưa có Đại bi, chưa được nhãn, chưa vượt qua Thanh Văn Độc Giác địa, hoặc vì bạn ác sợ khổ sinh tử, hoặc trung gian thụ sinh, hoặc trong thời gian kiếp hoại giận ghét Bồ-tát, hủy báng chính pháp mắt Bồ-đề tâm, khởi tâm Thanh Văn Độc Giác địa rồi hoặc ở Thanh Văn giải thoát, hoặc Độc Giác giải thoát tác chứng, đoạn dứt căn cơ Bồ-tát. Nói Đại bi là nói các Bồ-tát và Phật Thế Tôn thì nói là giải tri tử.

Hỏi: Đây nên nghĩ rằng Bồ-tát vì sợ ở trong Nê-lê, vì sợ sa vào Thanh Văn Độc Giác địa?

Đáp:

*Giả sử đọa Nê-lê,
Bồ-tát không sinh sợ.
Thanh Văn Độc Giác địa,
Mới là sợ hãi lớn.*

Bồ-tát đầu ở trong địa ngục cùng chịu vô số trăm ngàn khổ thống cũng không bằng nỗi sợ rơi vào Thanh Văn Độc Giác địa.

Hỏi: Vì sao vậy?

Đáp:

*Chẳng phải trong địa ngục,
Hoàn toàn chướng Bồ-đề.
Thanh Văn Độc Giác địa,
Mới là hoàn toàn chướng.*

Dầu vào trong địa ngục cũng không thể hoàn toàn làm chướng ngại đạo chính giác. Khi ở trong địa ngục, cho đến tận mức ác nghiệp thì đối với đạo Bồ-đề chỉ tạm thời chướng ngại. Bồ-tát nếu rơi vào Thanh Văn Độc Giác địa thì rất ráo không sinh. Thanh Văn Độc Giác địa đối với chính giác đạo mới là chướng ngại. Vì ý nghĩa đó, Bồ-tát vào trong địa ngục không sợ bằng rơi vào Thanh Văn Độc Giác địa.

Hỏi: Sợ ấy như thế nào?

Đáp:

*Như nói muốn sống lâu,
Sợ hãi bị chém đầu.
Thanh Văn Độc Giác địa,
Nỗi sợ cũng như vậy.*

Trong kinh Phật Thế Tôn nói như vậy: “Nhu người muốn sống lâu sợ hãi bị chém đầu. Bồ-tát muốn cầu vô thượng Bồ-đề sợ hãi Thanh Văn Độc Giác địa cũng như vậy.” Cho nên Bồ-tát tuy vào trong địa ngục mà không sợ bằng rơi vào Thanh Văn Độc Giác địa.

Hỏi: Đã nói chưa được vô sinh nhẫn các Bồ-tát chướng ngại pháp. Vậy Bồ-tát này làm sao được vô sinh nhẫn?

Đáp:

*Không sinh cũng không diệt,
Chẳng không sinh không diệt,*

*Chẳng cùng, chẳng không cùng,
Không, chẳng không cũng vậy.*

Trong đây Bồ-tát khi quán duyên sinh nghĩ như vậy: Có pháp duyên sinh, chỉ là thi thiết. Như trong không sinh có sinh, cho nên sinh là không thành tự thể. Không thành tự thể cho nên sinh tức là phi hữu. Như sinh, tự thể phi hữu, diệt kia là hai, cả hai đều vô thể. Như sinh, diệt kia không sinh, không diệt là hai, cả hai cũng đều vô thể. Trong 2 thứ sinh, diệt, sinh không sinh, diệt không diệt cũng không mâu thuẫn nhau, cho nên không, cũng như vậy. Như hữu, là vô tự thể, cho nên bất không kia, và không bất không cũng vậy.

Hỏi: Nếu nghĩ như vậy: “Do duyên sinh nên các pháp không có tự thể.” Thì vì sao lại nghĩ rằng: “Cũng không có pháp duyên sinh.”?

Đáp:

*Tùy chỗ nào có pháp,
Ở trong quán bất động.
Kia là vô sinh nhãn,
Vì dứt các phân biệt.*

Như vậy Bồ-tát khi như thật quán sát duyên sinh được thấy lia tự thể các pháp, vì thấy lia tự thể nên dứt trừ chấp thủ tự thể các pháp. Khi dứt được sự chấp thủ tự thể các pháp nghĩ như vậy: “Chẳng phải không có pháp trong ngoài mà không có pháp tự thể. Tuy có pháp duyên sinh cũng chỉ như bó cây lau, như ảo mộng. Nếu pháp từ duyên sinh thì tự thể kia không sinh.” Quán như vậy rồi thì dầu Sa-môn, Bà-la-môn không thể làm lay động mà không thủ chúng. Bồ-tát ấy do ưa thích quán pháp vô sinh, dứt các phân biệt nên gọi là vô sinh nhãn. Bồ-tát ấy liền trụ Bồ-tát bất động địa. Kệ nói:

*Đã được nhãn này rồi,
Tức thì được thụ ký:*

*Người chắc sẽ thành Phật
Liên được không thoái chuyển.*

Vì được vô sinh nhẫn này rồi nên liền ngay khi ấy chẳng còn trước chẳng còn sau, chư Phật hiện tiền thụ ký làm Phật: Người vào đời sau ở thế giới đó trong kiếp đó sẽ thành Như Lai ứng chính biến tri tên gọi là ... Đó gọi là Bồ-tát không thoái chuyển.

Hỏi: Các Bồ-tát từ Sơ địa cho đến địa thứ 7 đều quyết định hướng đến Tam-bồ-đề, vì sao không nói là không thoái chuyển mà chỉ nói Bồ-tát trụ Bất động địa là không thoái chuyển?

Đáp:

*Đã trụ Bất động, các Bồ-tát,
Được nơi pháp nhĩ, trí bất thoái.
Trí ấy Nhị thừa không thể chuyển,
Cho nên riêng được tên bất thoái.*

Đây là thiện căn xuất thế gian như tín v.v..., các Thanh Văn Độc Giác cho đến Bồ-tát trụ địa thứ 7 không thể ngăn chặn khiến cho thoái chuyển, cho nên gọi là không thoái chuyển. Chứ không phải 10 loại Bồ-tát là Tam-bồ-đề trong các pháp không thoái chuyển.

Đã nói nhân duyên không thoái chuyển, trong đó lại được thù thắng thụ ký. Trong Đại thừa nói có 4 thứ thụ ký. Đó là chưa phát tâm Bồ-đề thụ ký, cùng phát tâm Bồ-đề thụ ký, ẩn kín thụ ký, và hiện tiền thụ ký.

Trong đó chưa phát tâm Bồ-đề thụ ký, là người đó lợi căn và có lòng tin tăng thượng. Chư Phật Thế Tôn dùng Phật nhãn vô ngại quán sát rồi mà vì người đó thụ ký. Cùng phát tâm Bồ-đề thụ ký, là thiện căn thành thực, gieo giống Bồ-đề, trước đã tu tập, căn cơ mạnh mẽ linh lợi được hạnh tăng thượng, chỉ muốn giải thoát các chúng sinh nên ngay khi phát tâm là vào bậc không thoái chuyển, không có pháp đọa lạc, lia 8 bất nhân (tức 8 nạn). Người này hoặc

nghe tự thụ ký, đối với 6 Ba-la-mật không phát tinh tiến, nếu như không nghe thì lại phát tinh tiến. Để cho không nghe là muốn cho người khác nghe sự thụ ký đó mà đoạn dứt tâm nghi, nên Phật dùng oai thần ẩn kín thụ ký. Nếu Bồ-tát thành thực 5 căn xuất thế, được vô sinh nhẫn, trụ Bồ-tát Bất động địa thì liền hiện tiền thụ ký. Đó là 4 thứ thụ ký.

Bồ-tát ấy được chắc chắn vô sinh nhẫn rồi, nên chư Phật Thế Tôn hiện tiền thụ ký.

Lại nữa còn riêng có mật ý thụ ký là thụ ký thứ 5. Như Kinh Pháp Hoa nói:

*Chúng con đều tùy hỷ,
Đại Tiên mật ý nói,
Như Thánh giả thụ ký
Vô úy Xá-lợi-phát.
Chúng con cũng sẽ được,
Thành Phật, đời vô thượng.
Lại dùng lời mật ý,
Nói chính giác vô thượng.*

Vì ý nghĩa gì nói biệt ngữ thụ ký này? Có luận sư nói là để khiến cho người chưa quyết định vào Thanh văn thừa phát tâm Bồ-đề. Hoặc là các sơ nghiệp Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề mà còn sợ khổ lưu chuyển muốn diệt độ nơi Niết-bàn của Thanh Văn thừa, để làm cho tâm Bồ-đề bền vững kiên cố.

Lại nữa, có các Bồ-tát ở cõi Phật khác hội họp nơi đây, đến khi thụ ký dùng tên tương tự vì chúng thụ ký. Cho nên các sư phân biệt như vậy mà có biệt ngữ thụ ký. Trong đó thật nghĩa chỉ có Phật Thế Tôn mới biết.

*Bồ-tát cho đến được
Chư Phật hiện tiền trụ,*

*Kiên cố Tam-ma-đề,
Không nên khởi phóng dật.*

Chư Phật hiện tiền, tam-ma-đề được rồi mà trụ, nghĩa là hiện tại chư Phật hiện ra trước trụ nơi Tam-ma-đề. Tam-ma-đề là bình đẳng trụ, cho nên Bồ-tát cho đến khi chưa được Tam-ma-đề này, trong khoảng thời gian đó không nên phóng dật. Vì chưa được tam-ma-đề, Bồ-tát còn đọa ác thú vì chưa lìa bất nhân. Cho nên để được Tam-ma-đề này không nên phóng dật. Nếu được Tam-ma-đề, các sợ hãi kia đều được giải thoát.

Tam-ma-đề này có 3 thứ: sắc phan duyên, pháp phan duyên và không phan duyên. Trong đó nếu phan duyên thân Như Lai hình sắc tướng hảo trang nghiêm mà niệm Phật, là sắc phan duyên Tam-ma-đề. Nếu phan duyên 10 danh hiệu thân, 10 lực, vô úy, bất cộng hật pháp v.v... vô lượng sắc loại công đức của Phật mà niệm Phật, là pháp phan duyên Tam-ma-đề. Nếu không phan duyên sắc, không phan duyên pháp, cũng không tác ý niệm Phật, cũng không sở đắc, xa lìa các tướng không Tam-ma-đề, là không phan duyên Tam-ma-đề. Trong đó Bồ-tát sơ phát tâm được sắc phan duyên Tam-ma-đề, đã nhập hạnh là pháp phan duyên, được vô sinh nhẫn là không phan duyên. Tất cả đây gọi là được quyết định vì tự tại.

*Chư Phật hiện tiền trụ,
Kiên cố Tam-ma-đề.
Đó là cha Bồ-tát.
Đại bi nhẫn là mẹ.*

Đây nói 3 thứ hiện tại Phật hiện tiền trụ Tam-ma-đề, thâm nhiếp công đức các Bồ-tát và công đức chư Phật, cho nên nói là cha các Bồ-tát. Đại bi, là trong lưu chuyển sinh tử không sinh mệt mỏi. Lại bảo hộ không cho sa vào chỗ hiểm nghèo của Thanh Văn Độc Giác địa, cho nên nói là mẹ. Nhẫn, nghĩa là Bồ-tát được nhẫn thì đối với

các khổ lưu chuyên và trong các chúng sinh ác không chán nản vì lưu chuyên, không bỏ chúng sinh và Bồ-đề. Bởi không sinh chán nản cho nên nhân này cũng là mẹ các Bồ-tát. Lại có kệ khác nói:

*Lấy trí tuệ làm mẹ,
Lấy phương tiện làm cha,
Vì sinh và gìn giữ,
Nên nói là cha mẹ.*

Bởi Bát-nhã Ba-la-mật sinh các pháp Bồ-tát nên Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát. Các pháp Bồ-tát từ Bát-nhã Ba-la-mật sinh ra rồi, được phương tiện khéo léo gìn giữ không cho hướng tới bờ nguy hiểm của Thanh Văn Độc Giác địa, lấy đó gìn giữ Bồ-đề cho nên nói phương tiện khéo léo là cha của Bồ-tát.

Hỏi: Bồ-tát phải bao nhiêu phúc mới có thể được Bồ-đề?

Đáp:

*Tích chứa phúc từng chút,
Không thể được Bồ-đề.
Phúc như trăm Tu-di,
Dồn lại thì mới được.*

Bồ-đề, là trí Nhất thiết trí. Trí đó bằng với những gì phải biết. Những gì phải biết bằng với hư không. Hư không không giới hạn nên những gì phải biết cũng không giới hạn. Đem cái phúc có giới hạn không thể đạt được cái trí không giới hạn. Cho nên tích chứa phúc từng chút không thể được Bồ-đề.

Làm sao được phúc đến trăm Tu-di?

Tụ tập mới có thể được.

(QUYỂN 3 HẾT)

LUẬN BỒ ĐỀ TỰ LƯƠNG

QUYỂN 4

Hỏi: Nếu như vậy thì tụ phúc đến trăm Tu-di là không có nên cũng không một người nào được Bồ-đề?

Đáp:

*Tuy làm phúc đức nhỏ,
Đó cũng có phương tiện,
Ở nơi các chúng sinh,
Phải đều khởi phan duyên.*

Nếu Bồ-tát này tuy làm phúc nhỏ nhưng do có phương tiện thành tụ phúc lớn. Hoặc dùng thức ăn uống xả cho chúng sinh. Hoặc dùng tràng hoa hương dâng cúng tượng Như Lai. Các phúc đức đó trong tất cả thế giới nhiếp hóa các chúng sinh đều làm phan duyên: “Ta dùng phúc này khiến các chúng sinh đều được vô thượng chính giác. Lại đem phúc này cho các chúng sinh cùng hưởng. Những phúc như vậy cùng tất cả chúng sinh hồi hướng Bồ-đề.” Đó gọi là phương tiện của Bồ-tát. Như vậy là hồi hướng, phúc ấy được thành vô lượng vô số vô biên. Do đó, trí Nhất thiết trí kia tuy vô biên, trở lại dùng tướng vô biên phúc này nên có thể được.

Lại có nghĩa khác:

*Ta có các việc làm,
Thường vì lợi chúng sinh.*

*Các tâm hành như vậy,
Ai lờng được phúc ấy.*

Bồ-tát ngày đêm thường khởi tâm hành như vậy: “ Nếu ta có làm các việc thiện thân khẩu ý đều vì độ các chúng sinh, giải thoát các chúng sinh, cho chúng sinh yên nghỉ, cho chúng sinh đợc tịch diệt mà làm, và để cho chúng sinh đầy đủ trí Nhất thiết trí, đợc đạt đến trí Nhất thiết trí.” Bồ-tát ấy đầy đủ Đại bi như vậy, an trụ thiện xảo phương tiện, nhóm họp phúc đức chỉ trừ chư Phật ngoài ra không ai có thể lờng đợc. Cho nên người đợc phúc này có thể đợc Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao phúc này lại là vô lượng?

Đáp:

*Không yêu thân thuộc mình,
Và thân mạng tài sản,
Không tham vui Tự tại,
Phạm thế cùng các trời.
Cũng không tha Niết-bàn,
Mà vì các chúng sinh.
Chỉ biết nghĩ chúng sinh,
Phúc đó ai lờng đợc?*

Trong đây Bồ-tát khi tu hành 6 độ, đối với con trai con gái và thân thuộc mình, nào vàng bạc của cải, nào thọ mạng, nào thân phần, nào toàn phần thân thể, nào cái vui thân tâm, nào thân trời Tự tại, nào thân trời Phạm thiên, nào trời Vô sắc, cho đến Niết-bàn, vì chúng sinh nên đều không tiếc, chỉ nghĩ thương chúng sinh không bỏ chúng sinh. Ta phải làm sao cho chúng sinh trẻ con, phạm phu, vô trí, mê mờ che tối thoát khỏi ngục 3 cõi, đặt chúng vào trong thành trì không sợ hãi, thường vui Niết-bàn. Bồ-tát làm những việc lợi lạc như vậy, với các chúng sinh thương yêu mà không phải có lý do gì hết. Phúc đức như vậy ai có thể lờng đợc?

Lại có kệ rằng:

*Thế gian không nương tựa,
Cứu hộ khổ não kia.
Khởi tâm hành như vậy,
Phúc đó ai lường được?*

Bồ-tát này thường đem tâm Đại bi nghĩ như vậy: “Nay thế gian này không cứu hộ, đi khắp 6 nẻo, vào 3 lửa khổ không chỗ nương về, rong ruổi nơi này nơi kia, thân tâm các bệnh thường gây khổ não. Không chỗ nương tựa, ta sẽ làm nơi nương tựa cứu hộ thân tâm cho chúng.” Khởi tâm hành này thì phúc đức ai có thể lường được?

*Trí độ tập tương ưng,
Như khoảng vắt sữa bò.
Một tháng rồi nhiều tháng,
Phúc ấy ai lường được?*

Bát-nhã Ba-la-mật này có thể sinh chư Phật Bồ-tát, và thành tựu pháp chư Phật Bồ-tát. Bồ-tát như trong khoảng thời gian vắt sữa bò, tư duy tu tập tụ, phúc kia còn không lường được. Huống chi là một ngày đêm, 2 ngày đêm, 3 ngày đêm, cho đến 7 ngày đêm, nửa tháng một tháng. Nếu lai tương ưng tu tập nhiều tháng, phúc đức tụ ai có thể lường được?

*Phật khen ngợi kinh sâu,
Mình tụng còn dạy người,
Và phân biệt giảng nói,
Đó là phúc đức tụ.*

Thậm thâm, nghĩa là nghĩa lý kinh rất sâu, tương ưng với không, ra khỏi thế gian, đó là rất sâu.

Lại nữa vì phân biệt duyên sinh. Duyên sinh tức là pháp. Pháp tức là Như Lai thân. Kia tương ưng với thân Như Lai là kinh điển rất

sâu, chư Phật Thế Tôn ca ngợi, nếu tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng, hoặc vì người khác giảng nói, không có tâm mong mỗi điều gì, chỉ muốn không ản mất thân Như Lai. Như Lôi thân tức là pháp thân, muốn cho trụ lại lâu dài cho nên phúc đó ai có thể lường được?

*Khiến vô lượng chúng sinh,
Phát tâm vì Bồ-đề,
Phúc chứa tăng nhiều hơn,
Sẽ được Bất động địa.*

Bồ-tát có thiện xảo phương tiện này, trước dùng 4 nhiếp sự nhiếp hóa các chúng sinh. Biết các chúng sinh kia chấp nhận lời nói của mình rồi, sau dạy khiến phát tâm Bồ-đề. Như vậy Bồ-tát đầy đủ phương tiện thiện xảo khiến các chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Bồ-tát ấy có phúc không ai có thể lường được vì nhiều vô lượng.

Lại nữa khiến các chúng sinh phát tâm Bồ-đề cho nên phúc chứa càng nhiều hơn. Nói phúc chứa, là phúc vô tận, bởi có thể đến vô tận cho nên không thể hết. Bất động địa, là bởi không thể động nên gọi Bất động địa. Trong đây Bồ-tát khiến người phát tâm Bồ-đề cho nên trong đời đời tâm Bồ-đề không động không mất. Vì khiến người phát tâm Bồ-đề nên tâm này tức là nhân của Bất động địa.

*Tùy chuyển cái Phật chuyển,
Là pháp luân tối thắng.
Tịch diệt các gai ác,
Là Bồ-tát chứa phúc.*

Như Phật Thế Tôn chuyển pháp luân nơi vườn nai, trụ xứ của các đạo sĩ thành Ba-la-nại rồi, tùy thuận mà chuyển pháp luân tối thắng ấy cũng là chứa phúc.

Sự tùy thuận chuyển này có 3 nhân duyên. Nghĩa là với kinh nghĩa lý sâu Như Lai đã nói, tương ưng với không, vượt ra ngoài thế gian, nếu thụ trì hoặc giảng nói và thuận pháp hành pháp, nếu với các

kinh như vậy giữ gìn không để mất, đó là thứ nhất tùy thuận chuyên pháp luân. Vì chúng sinh có căn khí phân biệt giảng nói, là thứ hai tùy thuận chuyên pháp luân. Như trong kinh đã nói, y theo pháp tu hành, là thứ ba tùy thuận chuyên pháp luân.

Tịch diệt các gai ác, là Phật nói gai ác tức là tà kiến ngoại đạo, và ác ma Dục giới Tự tại ganh ghét giải thoát. Nếu trong 4 chúng hoặc có người khác lạ, phi pháp cho là pháp, phi giới luật cho là giới luật, chẳng phải thầy dạy nói là thầy dạy, đó là gai ác trong Phật giáo, cần phải đúng như pháp mà bẻ gãy làm cho chúng phục tùng. Xô dẹp kiêu mạn, phá kiến chấp cho pháp bùng sáng, đó là tịch diệt các gai ác. Bởi tịch diệt gai ác nên gọi là Bồ-tát chứa phúc.

*Vì lợi lạc chúng sinh,
Nhẫn chịu khổ đạ ngục.
Huống chi là khổ nhỏ,
Bồ-đề ở trong tay.*

Nếu Bồ-tát mặc áo giáp kiên cố, thường vì lợi lạc chúng sinh, phát ý siêng năng tinh tiến, đối với một chúng sinh cũng khiến giải thoát cho nên dẫu ở trong A-tì cho đến đạ đạ ngục trải nhiều kiếp nhẫn chịu khổ đau không động huống chi là khổ nhỏ khác. Bồ-tát có thể nhẫn chịu các khổ như vậy thì phải biết Bồ-đề như ở trong bàn tay.

*Ra làm chẳng vì mình,
Chỉ lợi lạc chúng sinh,
Đều do tâm đạ bi,
Bồ-đề ở trong tay.*

Bồ-tát dẫu ra làm việc gì như bồ thí v.v... là do Đại bi chỉ vì lợi lạc chúng sinh và cũng làm cho chúng sinh được Niết-bàn, cho nên hoàn toàn không vì một chút lợi lạc nhỏ nhoi nào cho mình, đó cũng là Đại bi. Bậc Đại nhân như vậy thì phải biết Bồ-đề đã đến tay.

*Trí tuệ là hý luận,
Tinh tiến là biếng nhác,
Xả thí là keo kiệt,
Bồ-đề ở trong tay.*

Hỏi: Trước đã giải thích đà-na v.v... các Ba-la-mật, nay lại giải thích làm gì?

Đáp: Trước là phần nhiều giải thích cho người tu hành. Nay là giải thích cho người không được nhẫn trí quang. Bởi biết Nhất đạo tướng nên trí ấy xa lìa hý luận. Bởi không bỏ gánh nặng nên tinh tiến ấy xa lìa biếng nhác. Bởi trừ tham nên bố thí ấy xa lìa keo kiệt. Bồ-tát được như vậy thì phải biết rằng Bồ-đề đã ở trong tay.

*Không y không giác định,
Viên mãn không tạp giới,
Không sợ từng sinh nhẫn,
Bồ-đề ở trong tay.*

Nếu Bồ-tát thành tựu tốt Thiên-na Ba-la-mật rồi, định này không dựa vào 3 cõi. Tướng của nó vắng lặng không có tư duy giác biết. Lại nữa viên mãn Thi-la không xen tạp không ô uế, hôi hướm Bồ-đề không có mòn mỏi tiêu mất. Lại nữa thành tựu tốt Bát-nhã Ba-la-mật rồi, trong pháp duyên sinh trụ vô sinh nhẫn, căn bản thẳng nên không thoái chuyển, thì phải biết Bồ-đề đã ở trong tay.

Hỏi: Đã nói tu hành và được nhẫn, Bồ-tát tích tụ các phúc điền, các phúc tụ này có thể được Bồ-đề. Thế thì Bồ-tát sơ phát tâm, tích tụ các phúc điền, phúc tụ này được Bồ-đề chăng?

Đáp:

*Hiện tại ở 10 phương,
Có các bậc chính giác,
Ta đều ở trước mặt,
Trình nói điều bất thiện.*

Nếu có hiện tại chư Phật Thế Tôn ở trong 10 phương thế gian không chút chướng ngại trụ vì sức bản nguyện lợi ích chúng sinh, nay ở trước chư Phật thật chứng phát lồ các tội. Nếu ta từ vô tỳ lưu chuyển đến nay, trong đời trước cũng như hiện tại, hoặc tự làm ác nghiệp, hoặc bảo người khác, hoặc tùy hỷ theo người khác, do tham sân si khởi thân khẩu ý, ta đều trần tình nói không dám che giấu, tất cả vĩnh viễn đoạn dứt không làm trở lại.

*Nơi thế giới 10 phương,
Nếu Phật được Bồ-đề,
Mà không diễn thuyết pháp,
Ta xin chuyển pháp luân.*

Nếu Phật Thế Tôn đầy đủ trọn vẹn Đại nguyện, dưới cội Bồ-đề chúng vô thượng chính giác rồi, muốn tạm thời tịnh trụ không vì thế gian chuyển pháp luân, ta sẽ khuyến thỉnh Phật Thế Tôn chuyển pháp luân làm lợi ích nhiều người, an lạc nhiều người, thương xót thế gian, vì đại chúng lợi lạc trời người.

*Hiện tại 10 phương cõi,
Có các bậc chính giác,
Nếu muốn xả mạng đi,
Đánh lễ khuyến thỉnh trụ.*

Nếu Phật Thế Tôn thế gian vô ngại, ở trong 10 phương chúng Bồ-đề, chuyển pháp luân, an trụ chính pháp, chỗ hóa độ chúng sinh đã hóa độ xong, muốn xả bỏ thân mạng đi, ta sẽ đánh lễ Phật ấy khuyến thỉnh trụ thế gian lâu hơn, làm lợi ích nhiều người, an lạc nhiều người, thương xót thế gian vì đại chúng lợi lạc nhân thiên.

*Nếu có các chúng sinh,
Từ nơi thân khẩu ý,
Phát sinh thí, giới phước,
Và tư duy tu hành,*

*Thánh nhân và phàm phu,
Đời quá hiện vị lai,
Có tích tụ phúc đức,
Ta đều sinh tùy hỷ.*

Nếu có chúng sinh tu hành bố thí, trì giới, làm các phúc đức, từ thân khẩu ý phát sinh, đã tích tụ, đang tích tụ và sẽ tích tụ, Thanh Văn, Độc Giác, chư Phật Bồ-tát, các Thánh nhân v.v... và phàm phu có các công đức ta đều tùy hỷ.

Tùy hỷ như vậy là trước nhất, là thắng trụ, là khác lạ, là cao tột, là thắng nhiếp, là tuyệt đẹp, là không có gì trên, là không gì bằng, là tuyệt đối không gì bằng. Tùy hỷ như vậy mới là tùy hỷ.

*Nếu ta có phúc đức.
Cho dù là một năm,
Hồi hướng các chúng sinh,
Đều được thành chính giác.*

Nếu ta từ vô thủy lưu chuyển đến nay, ở nơi Phật Pháp Tăng và nơi những người khác có chút phúc tụ nào, cho đến thí cho súc sinh một nắm cơm, hoặc quy y thiện căn, hoặc hồi tội thiện căn, hoặc khuyến thỉnh thiện căn, hoặc tùy hỷ thiện căn, tất cả những thiện căn đó dù chỉ đáng một năm, ta đều vì các chúng sinh hồi hướng Bồ-đề mà đều xả cho. Nhờ thiện căn này khiến các chúng sinh chứng vô thượng giác, được trí Nhất thiết trí.

*Ta hồi tội như vậy,
Phúc khuyến thỉnh, tùy hỷ,
Và hồi hướng Bồ-đề,
Phải biết như chư Phật.*

Nếu ta vì chúng sinh hồi hướng Bồ-đề các thiện căn như thiện căn sám hối tội, thiện căn khuyến thỉnh chuyển pháp luân, thiện căn

thỉnh trường thọ, thiện căn tùy hỷ, những thiện căn đó chỉ đáng một nắm. Còn quá khứ vị lai hiện tại chư Phật Thế Tôn khi làm Bồ-tát đã hồi hướng sẽ hồi hướng, ta cũng đem các thiện căn như vậy hồi hướng Bồ-đề. Dùng thiện căn hồi hướng này làm cho ta và các chúng sinh sẽ chứng vô thượng chính giác. Nay tôi lược nói:

*Nói sám tội lỗi mình,
Phúc thỉnh Phật, tùy hỷ,
Và hồi hướng Bồ-đề,
Như tối thắng đã nói.*

Tự mình có bao nhiêu tội ác thầy đều sám hối và thỉnh Phật chuyển pháp luân, trụ thọ dài lâu, tùy hỷ các phúc, phúc hồi hướng v.v...Như trước hồi hướng vì Bồ-đề như Tối thắng nhân đã nói hồi hướng như vậy.

Hỏi: Lại nữa hồi hướng ấy nên tác lễ như thế nào?

Đáp:

*Đầu gối phải chạm đất,
Trịch vai áo một bên,
Ngày đêm đều 3 thời,
Chấp tay mà tác lễ.*

Phải mặc y phục sạch sẽ, rửa tay chân chỉnh đốn quần áo, trịch một vai áo, quỳ gối phải chạm đất chấp tay nhất tâm lia các tạp niệm khác, hoặc nơi tháp Như Lai, tượng Như Lai, hoặc hương hu không phan duyên Như Lai hiện tiền, như vậy rồi tác lễ như trước đã nói hoặc ngày hoặc đêm tác lễ 3 thời.

*Một thời tạo phúc đức,
Nếu như có hình sắc,
Hàng sa vài Đại thiên,
Cũng không thể dung hết.*

Như đã nói trong 6 thời hồi hướng, nếu phân biệt một thời phúc đức, chư Phật Thế Tôn thấy như thật đã nói nếu có hình sắc như đồng lúa thóc v.v... thì phúc tích tụ không có hạn lượng. Tuy như cát sông Hằng đến tận 3 ngàn Đại thiên thế giới cũng không thể dung hết. Bởi phúc hồi hướng sánh bằng hư không. Cho đến một thời hồi hướng phúc tụ còn như vậy huống chi nhiều thời hồi hướng. Tuy là Bồ-tát sơ phát tâm, do sức hồi hướng nên cũng thành phúc lớn, lại dùng phúc tụ như vậy cho nên dần dần có thể được Bồ-đề.

Hỏi: Đã nói các Bồ-tát được thành phương tiện phúc lớn, nay muốn bảo vệ phúc đó thì dùng phương tiện gì?

Đáp:

*Kia sơ phát tâm rồi,
Với các tiểu Bồ-tát,
Phải kính yêu tôn trọng,
Cũng như thầy, cha, mẹ.*

Bồ-tát sơ phát tâm kia nếu muốn bảo hộ thiện căn của mình và tự thân thì đối với các Bồ-tát sơ phát tâm phải khởi tâm hết sức kính yêu tôn trọng như Thế Tôn, bậc thầy Nhất thiết trí, và cha mẹ sinh của mình. Như vậy lấy Bồ-tát sơ phát tâm làm đầu, đối với các Bồ-tát cũng phải hết sức ái kính tôn trọng như vậy. Nếu khác đi thì tự thân và thiện căn đều tiêu mất hết. Như Thế Tôn từng nói trong kinh: Ta không thấy một pháp nào chướng ngại Bồ-tát và diệt hết thiện căn như Bồ-tát khởi sân tâm. Nếu Bồ-tát tuy trong trăm kiếp tích tụ thiện căn mà do tâm sân này tất cả đều diệt mất hết. Cho nên đối với Bồ-tát phải khởi tôn trọng như thầy dạy. Bồ-tát dầu có lỗi còn không nên nói huông chi thật sự không có, chỉ nên như thật ca ngợi. Nếu Bồ-tát chê bai người hành Đại thừa tội lỗi khiến bị tiếng xấu, các thiện pháp đời đời đều bị diệt mất hết, không tăng trưởng được bạch pháp. Cho nên các Bồ-tát tuy có tội lỗi, vị bảo hộ mạng thiện căn của mình nên

không nên nói rõ, huống chi là không có thật. Ví như tội vua phép nước. Như trong kinh nói: “ Có Bồ-tát sống đời thanh tịnh không thể chê bai mà có Ti-kheo Đạt-ma kia nói dối là ác, trong 70 kiếp chịu báo Nê-lê. Lại trong 6 vạn đời làm người nghèo cùng, thường bị mù lòa câm điếc phong hủy ung nhọt.” Vì vậy cho nên ở nơi Bồ-tát dù có ác dù không ác đều không được nói. Nếu có thật đức chỉ nên khen ngợi, vì thiện căn của mình được tăng trưởng mà làm cho người khác sinh tín tâm. Nếu ai muốn thành Phật, muốn được không thoái chuyển, thị hiện và xí thịnh cũng khiến sinh vui mừng. Nếu có chúng sinh đã phát nguyện cầu Bồ-đề chỉ muốn được không thoái chuyển, mà có người ngu si, giận dữ và tham bè đảng mình nên nói như vậy: Cần gì làm lâu hạnh Bồ-tát khó làm, vì Niết-bàn lạc bình đẳng như nhau, làm hạnh Thanh Văn mau được Niết-bàn hơn. Sau sẽ nói đến quả báo của những hạng này.

Nếu dùng các thứ thí dụ cho thấy rõ công đức của Phật khiến nhập vào tâm, đó là hiển thị. Khiến đầy đủ tinh tiến các hạnh Bồ-tát, đó là xí thịnh. Muốn làm cho tinh tiến tăng nhanh mà nói công đức chính giác, việc Đại thân thông, đó là vui mừng. Như vậy khiến kia không bỏ tâm Bồ-đề.

*Chưa hiểu kinh rất sâu,
Chớ nói phi Phật thuyết.
Nếu ai nói như vậy,
Bị ác báo khổ nhất.*

Kinh rất sâu, là kinh Phật nói tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, trừ vô lượng đoạn thường các biên kiến, diệt các tự tính ngã nhân chúng sinh thọ giả, hiển thị công đức hi hữu đại thân thông của Như Lai. Đối với kinh luật này nếu chưa chứng biết, chớ nên nghi mà bảo chẳng phải Phật nói. Bởi vì sao? Vì nếu hủy báng kinh Phật nói bị quả báo ác rất khổ.

*Các tội ở Vô gián,
 Đều chỉ là một năm,
 So với 2 tội trước,
 Số không thể bằng được.*

Trong Kinh Bất Thoái Luân, Phật nói: Các tội ngũ vô gián, như tội báo đoạn mạng chúng sinh trong 3 ngàn Đại thiên thế giới, như phá đốt tháp của Hằng hà sa Phật Thế Tôn đã diệt độ, như tội báo làm chướng ngại pháp nhãn chư Phật quá khứ vị lai hiện tại. Các tội như vậy đều chỉ là một năm một mớ, con đối với kinh điển chưa hiểu sâu mà khởi chấp trước bảo không phải Phật nói, và Bồ-tát đã phát Bồ-đề nguyện rồi mà làm cho thoái tâm Bồ-đề, thì tội ngũ vô gián ở trước so với 2 tội này không đầy một phần trăm, một phần ngàn, cho đến số phần, Kha-la phần, tính toán thí dụ phần, Ưu-ba-ni-sa-đa phần cũng không bằng được. Bởi tội tương này, nên để hộ tự thân và thiện căn của mình không nên tạo 2 tội này.

Hỏi: Đã nói Bồ-tát giữ gìn thiện căn của mình, còn thế nào là thắng nghĩa của tu đạo?

Đáp:

*Trong 3 môn giải thoát,
 Cần phải khéo tu tập.
 Trước không, tiếp vô tướng,
 Thứ 3 là vô nguyện.*

Trong đó khi Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật phải tu 3 pháp môn giải thoát. Trước tiên phải tu Không giải thoát môn để phá tan các kiến chấp. Thứ 2 là Vô tướng giải thoát môn để không giữ các ý phan duyên phân biệt. Thứ 3 là Vô nguyện giải thoát môn để vượt qua Dục giới Sắc giới Vô sắc giới.

Hỏi: Vì sao các pháp môn này gọi là pháp môn giải thoát?

Đáp:

*Vô tự tính nên không,
Không, làm gì có tướng?
Các tướng đã vắng lặng,
Người trí có nguyện gì?*

Vì duyên sinh nên pháp không có tự tính, đó gọi là không. Bởi đó không, nên tâm không phan duyên, tức là không có tướng. Lìa các tướng nên không sở nguyện.

Lại nữa, nếu pháp từ duyên sinh, tự tính của nó không sinh, do tự tính không sinh, nên pháp ấy là không. Nếu pháp là không thì trong đó không có tướng, vì không có tướng nên đó là vô tướng. Nếu không có tướng thì trong đó tâm không có chỗ dựa. Bởi không có chỗ dựa nên trong 3 cõi tâm không có sở nguyện.

*Trong khi tu niệm này,
Đến gần Niết-bàn đạo.
Chớ nghĩ phi Phật thể,
Nơi đó chớ phóng dật.*

Khi tu hành 3 môn giải thoát này, nếu không bị phương tiện nhiếp giữ, thì đến gần Niết-bàn. Tuy phi tu tập chớ nên rơi vào các Bồ-đề khác, phải cầu nhãn vô sở đắc, phải trụ phương tiện thiện xảo.

*Ta ở trong Niết-bàn,
Không nên liền tác chứng.
Phải phát tâm như vậy:
Phải thành thực trí độ.*

Phat tâm như vậy: “ Ta phải làm lợi ích chúng sinh, độ thoát chúng sinh. Tuy tu 3 môn giải thoát, không nên tác chứng nơi Niết-bàn. Nhưng ta vì học Bát-nhã Ba-la-mật nên trong 3 môn giải thoát phải chuyên thành thực. Ta phải tu không, không nên chứng không.

Ta phải tu vô tướng, không nên chứng vô tướng. Ta phải tu vô nguyện, không nên chứng vô nguyện.”

*Như xạ thủ phóng tên,
Mỗi mũi bắn trúng nhau.
Giữ không cho rơi xuống,
Đại Bồ-tát cũng vậy.*

Ví như người xạ thủ học bắn đã giỏi rồi, bắn tên lên không trung rồi bắn tiếp mũi tên sau, mũi tên sau trúng mũi tên trước, cứ như vậy nối nhau trên không, không cho rơi xuống đất.

*Trong không giải thoát môn,
Khéo buông mũi tên tâm,
Khéo léo bắn tiếp nối,
Không rơi vào Niết-bàn.*

Như vậy Bồ-tát đại thiện xạ này, do học tu bắn cung không vô tướng vô nguyện, trong hư không 3 giải thoát môn buông mũi tên tâm rồi, giữ mũi tên tâm kia không cho rơi vào thành Niết-bàn.

Hỏi: Thế nào là làm cho tâm kia không rơi vào Niết-bàn?

Đáp:

*Ta không bỏ chúng sinh,
Vì lợi ích chúng sinh,
Trước khởi ý như vậy,
Rồi trước sau nói tiếp.*

Nếu ta thành thực tốt 3 giải thoát môn rồi, muốn thủ Niết-bàn dễ như ở trong bàn tay. Nhưng ta vì trẻ con phàm phu còn đang bú sữa, không thể tự mình hướng đến thành Niết-bàn. Vì chưa Niết-bàn nên ta không nên một mình vào Niết-bàn. Ta sẽ phát khởi tinh tiến như vậy, tùy chỗ ta làm chỉ vì lợi ích chúng sinh, cũng vì chúng sinh được Niết-bàn.

Trước nên khởi làm như vậy, tiếp đến tâm tương ưng với 3 giải thoát môn. Tùy thuận, là thuận với nghĩa sau. Nếu không như vậy, mũi tên tâm kia vì không có phương tiện khéo léo giữ gìn nên khi tu hnhf 3 môn giải thoát liền đọa vào giải thoát của Thanh Văn, hoặc trong giải thoát của Độc Giác. Nay lại có phương tiện khéo léo.

*Các chúng sinh chấp trước,
Đêm dài và hiện hành,
Điên đảo cùng các tướng,
Do si mê gây nên.*

Các chúng sinh trẻ con phàm phu do si mê từ vô thủy lưu chuyển trong đêm dài, chấp trước 4 điên đảo vô thường cho là thường, khổ bảo là vui, bất tịnh cho là tịnh, vô ngã cho là ngã, và trong ngoài các giới, nhập chấp ngã ngã sở gọi là có sở đắc, đi trong đêm dài và hiện đang đi.

*Chấp trước tướng điên đảo,
Nói pháp để đoạn trừ.
Trước phát tâm như vậy,
Tiếp sau tập tương ưng.*

Như vậy các chúng sinh do si mê nên khởi ngã ngã sở 2 thứ chấp trước. Lại trong sắc v.v... các thứ vô sở hữu, vọng khởi phân biệt chấp thủ lấy tướng, sinh 4 thứ tà điên đảo. Ta vì nói pháp khiến chúng đoạn trừ. Trước phát tâm như vậy rồi , sau trong 3 môn giải thoát tu tập tương ưng. Nếu khác đây mà tu tập 3 môn giải thoát thì sẽ đến gần Niết-bàn đạo.

*Bồ-tát lợi chúng sinh,
Mà không thấy chúng sinh.
Đây là việc khó nhất,
Hiếm có khó nghĩ lường.*

Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, việc này cũng rất khó lường chưa từng có như vẽ lên hư không. Trong tôi thắng nghĩa vốn không có chúng sinh, điều này Bồ-tát không được không biết, nhưng vì lợi lạc chúng sinh nên siêng năng tinh tiến. Chỉ trừ Đại bi, đâu có chỗ nào còn khó hơn đây?

*Tuy nhập chính định vị,
Nên tập giải thoát môn.
Vì chưa tròn bản nguyện,
Nên không chứng Niết-bàn.*

Đây nên suy nghĩ nếu Bồ-tát đến chính định vị, dùng 32 pháp nên nhập chính định vị khi cùng giải thoát môn tương ưng, khoảng giữa chưa tròn bản nguyện là xchúng Niết-bàn hay không chứng? Bởi Thế Tôn trong kinh có nói: “Bổn đại có thể khiến đổi khác, không có chuyện nhập chính định vị Bồ-tát giữa chừng chưa tròn bản nguyện mà chứng Niết-bàn.” Cho nên đến chính định vị Bồ-tát chưa tròn bản nguyện không chứng Niết-bàn.

*Nếu chưa đến định vị,
Đâu có xảo phương tiện,
Do chưa tròn bản nguyện,
Cũng không chứng Niết-bàn.*

Nếu Bồ-tát sơ phát tâm chưa đến chính định vị, thì đâu có phương tiện khéo léo, trong khi tu 3 môn giải thoát chưa tròn bản nguyện cũng không chứng Niết-bàn.

*Rất chán nơi lưu chuyển,
Mà cũng đến lưu chuyển.
Tin wa nơi Niết-bàn,
Mà quay lưng Niết-bàn.*

Bồ-tát này ở trong lưu chuyển, do 3 thứ lửa cháy mạnh nên rất chán muốn lìa bỏ cũng không được khởi tâm trốn tránh lưu chuyển.

Đôi với chúng sinh nên khởi tưởng như con mà hướng tới lưu chuyển và tin ưa Niết-bàn như che chỗ ngôi nhà, nhưng lại phải quay lưng với Niết-bàn để trọn trí Nhất thiết trí. Trong lưu chuyển nếu có chán lìa thì trong Niết-bàn cũng có tin ưa. Nếu không hướng tới lưu chuyển, không quay lưng với Niết-bàn, chưa tròn bản nguyện thì khi tu tập giải thoát môn thì tác chúng Niết-bàn.

*Nên phải sợ phiền não,
Không nên hết phiền não,
Phải vì gom các thiện,
Để ngăn chặn phiền não.*

Vì là nhân lưu chuyển nên sợ phiền não. Không nên rốt ráo hết phiền não. Nếu đoạn dứt phiền não thì không nhóm họp được Bồ-đề tư lương. Cho nên Bồ-tát dùng pháp ngăn chặn ngăn chặn các phiền não. Do ngăn chặn phiền não khiến chúng không có sức tác dụng nên tập họp được thiện căn Bồ-đề tư lương. Do tập họp thiện căn nên đầy đủ bản nguyện có thể đến Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao không dùng đoạn diệt diệt các phiền não?

Đáp:

*Bồ-tát phiền não tính,
Không phải Niết-bn tính.
Chẳng phải đốt phiền não,
Sinh hạt giống Bồ-đề.*

Như các Thanh Văn Thánh nhân, Niết-bàn là tính, vì phan duyên Niết-bàn được quả Sa-môn. Chư Phật không lấy Niết-bàn làm tính. Chư Phật phiền não là tính, vì Bồ-đề tâm do đây sinh. Thanh Văn Độc giác đốt cháy các phiền não, không sinh hạt giống Bồ-đề, vì chủng tử của tâm Nhị thừa là vô lưu. Vì vậy phiền não là Như Lai tính, bởi có phiền não chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề sinh ra Phật thể, cho nên không lìa phiền não.

Hỏi: Nếu đốt cháy phiền não không sinh hạt giống tâm Bồ-đề, sao trong Kinh Pháp Hoa thụ ký cho các Thanh Văn đốt cháy phiền não?

Đáp:

*Thụ ký chúng sinh kia,
Là vì có nhân duyên.
Là thiện xảo của Phật,
Phương tiện đến bờ kia.*

Không biết thành tựu chúng sinh nào, trong đó nhân duyên chỉ có Phật biết. Để đến điều phục bĩ ngạn không giống các chúng sinh khác mà chúng không sinh hạt giống Bồ-đề vì nhập vô vi chính định vị. như kinh nói:

*Như không và hoa sen,
Vách cao và hào sâu,
Giới, bất nam, Ca-chá,
Cũng như đốt hạt giống.*

Như trong hư không không sinh hạt giống. Như vậy trong vô vi không từng sinh Phật pháp, cũng sẽ không sinh. Như cao nguyên đồng hoang không sinh hoa sen. Như vậy Thanh Văn Độc Giác vào trong vô vi chính định vị không sinh Phật pháp.

Vách cao, là trong thành của trí Nhất thiết trí có 2 vách cao, đó là vách của Thanh Văn địa và vách của Độc Giác địa. Thanh Văn Độc Giác nếu có Nhất thiết trí, tức chẳng phải 2 vách cao của Bồ-tát.

Hào sâu, là như phàm phu giới tập nhảy lên nhày xuống, dù rơi xuống hầm sâu vẫn đứng yên. Nếu tập không giỏi mà rơi xuống hầm sâu ắt sẽ chết ngay dưới hầm. Như vậy Bồ-tát tu tập vô vi, vì giới tương ưng nên tuy tu vô vi mà không rơi trong vô vi. Thanh Văn Độc Giác tu tập vô vi không giới tương ưng thì rơi vào trong vô vi.

Giới, là Thanh Văn ràng buộc trong giới hạn của vô vi, không thể thực hành lại trong hữu vi. Cho nên ở trong chúng không sinh tâm Bồ-đề.

Bất nam, là như người đàn ông hồng bộ phận sinh dục, dẫu có ngũ dục cũng chẳng lợi gì. Như vậy Thanh Văn đủ pháp vô vi, đối với lợi Phật pháp cũng chẳng được lợi gì.

Ca-chá, là như loại ngọc Ca-chá, chư thiên và thế gian tuy khéo xử lý ngọc Ca-chá nhưng hoàn toàn không thể làm cho nó thành ngọc báu Tì-lưu-li. Như vậy Thanh Văn tuy đủ công đức giới học, Đầu-đà, Tam-ma-đề v.v... mà hoàn toàn không thể ngồi nơi giác trường chsngs vô thượng chính giác.

Cũng như thiêu đốt hạt giống, là như hạt giống bị thiêu đốt, tuy gieo xuống đất tưới nước có nắng mà không mọc lên được. Như vậy Thanh Văn thiêu đốt hạt giống phiền não rồi, ở trong 3 cõi cũng có nghĩa vô sinh. Do các kinh như vậy nên biết Thanh Văn được pháp vô vi rồi không sinh tâm Bồ-đề.

(QUYỂN 4 HẾT)

LUẬN BỒ ĐỀ TỬ LƯƠNG

QUYỂN 5

Hỏi: Bồ-tát được lực, ở trong chúng sinh phai tu hành như thế nào?

Đáp:

*Các luận và công xảo
Minh thuật các thứ nghiệp.
Vì lợi ích thế gian,
Xuất sinh và thiết lập.*

Trong đó viết sách ấn hành về toán số, luận về khai khoáng, luận về y khoa, luận về khả năng diệt trừ bị độc ma quỷ, luận về xây dựng nông thôn thành thị, công viên sông suối bờ đê rừng hoa quả và cây thuốc, luận về tính chất quý báu của vàng, bạc, trân châu, Tì lưu li, đá vôi, san hô, luận về mặt trời, mặt trăng, tinh tú, động đất, chiêm bao, luận về thân thể và các phần thân thể. Như vậy vô lượng các luận có thể làm lợi lạc thế gian. Khi chuyển kiếp hoại tất cả đều diệt mất. Khi chuyển kiếp sinh thì con người xuất sinh thiết lập. Như làm cây gỗ, sắt, gốm, đồng v.v... các thứ công xảo, các thứ bị độc ma quái, hoặc loạn, ăn không tiêu v.v... các khổ não bức bách, các kỹ thuật điêu khắc, hội họa, nghề dệt v.v... các sự nghiệp làm lợi thế gian đều cũng xuất sinh và thiết lập.

*Tùy chúng sinh độ được,
Cõi, nẻo và loài sinh,*

*Như nghĩ liền đến đó,
Do nguyện lực thụ sinh.*

Các Ma-ha-tát tùy theo thể giới như trời, người v.v... các nẻo, hoặc Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tì-xá các chủng tính. Nơi đó nếu có chúng sinh có thể hóa độ được, vì khởi vô lượng tư niệm muốn hóa độ chúng sinh ấy nên tùy theo sắc loại dài ngắn rộng hẹp âm thanh quả báo có thể khiến chúng thụ nhận sự giáo hóa liền phải phát nguyện khiến sắc loại dài ngắn rộng hẹp âm thanh quả báo của chúng khiến chúng sinh ấy mau thụ giáo hóa.

*Trong các thứ việc ác,
Và xảo quyết chúng sinh,
Phải mặc giáp kiên cố,
Không ghét cũng không sợ.*

Nếu dùng các việc ác như mắng nhiếc, khủng bố, ganh ghét, đánh đập, trói nhốt ta, và các chúng sinh vô lượng xảo quyết biết không thể hóa độ thì không nên chậm trễ dùng áo giáp, không ghét lưu chuyển không ngại cầu Bồ-đề. Và phải phát tâm như vậy: “ Ta không vì chúng sinh không xảo quyết, không giả dối mà mặc áo giáp. Ta chính vì các chúng sinh đó nên mặc áo giáp này. Ta phải làm như vậy và phát khởi tinh tiến để làm cho các chúng sinh ấy mau tạo lập được sự không xảo quyết, không giả dối nên phải mặc áo giáp kiên cố như vậy.”

Hỏi: đã nói việc tu hành của Bồ-tát được lực. Cnf Bồ-tát chưa được lực thì tu hành như thế nào?

Đáp:

*Đây đủ thắng tịnh ý,
Không xảo quyết không dối.
Phát lồ các tội ác,
Cắt giấu các việc thiện.*

Đầy đủ thẳng tịnh ý, là tăng thượng ý. Cũng là tăng điều thiện.

Y, tức là tâm. Tức đầy đủ tâm kia gọi là đầy đủ thẳng tịnh ý.

Không xảo quyết không dối, nghĩa là xảo quyết là có tâm khác, ý khác. Tâm ý khác là không ngay thẳng. Lại nữa, xảo quyết là tâm cong vạy. Dối, là lừa dối.

Nếu tâm không cong vạy không lừa dối, tức là không xảo quyết không dối.

Phát lồ các tội ác, là nếu có tội ác thì nói rõ tỏ bày, gọi là phát lồ các tội ác.

Cất giấu các việc thiện, là nếu Bồ-tát muốn mau được Bồ-đề, cần phải đầy đủ tịnh ý, không xảo quyết không dối, phát lồ tội ác, cất giấu việc thiện. Cho nên Thế Tôn nói: Xảo quyết chẳng phải Bồ-đề. Dối chẳng phải Bồ-đề.

*Thanh tịnh thân, khẩu, nghiệp,
Và thanh tịnh ý nghiệp.
Tu các giới học xứ,
Chớ để cho thiếu sót.*

Các Bồ-tát đây muốn được tu niệm tương ưng, trước phải thanh tịnh nghiệp thân khẩu ý. Trong đó sát sinh, không cho mà lấy, phi tịnh hạnh là 3 thứ hành động ác của thân cần phải thanh tịnh. Phải thụ trì 3 thứ hành động thiện của thân trái lại với các điều đó. Nói dối, nói lời phá hoại, nói thô ác, nói lời đùa cợt vô nghĩa là 4 hành động ác của miệng cần phải thanh tịnh. Phải thụ trì 4 thứ hành động thiện của miệng trái lại với các điều đó. Tham, giận, tà kiến là 3 hành vi ác của ý cần phải thanh tịnh. Cần phải thụ trì 3 thứ hành vi thiện của ý trái lại với các điều đó.

Các học xứ Ba-la-đế-mô-xoa cũng phải thụ và tùy chuyển. Đối với các học xứ kia không có trường hợp biết mà cố phá. Nếu thiếu sót giới thì tâm sẽ không định trong khi tu niệm.

*An trụ trong chính niệm,
Nhiếp duyên, chỉ tĩnh tư,
Dùng niệm để giữ mình,
Tâm được tâm không chướng.*

Như vậy ở trong giới đã chính thanh tịnh rồi, đoạn trừ 5 ngăn che ở nơi vắng vẻ sạch sẽ xa nơi đông đúc, ít tiếng nói ít ồn ào, ít ruồi muỗi, rắn, hổ, đạo tặc v.v... không nóng lắm không lạnh lắm thì không đặt giường nằm. Hoặc đứng, hoặc kinh hành, hoặc ngồi kết già, hoặc nơi chót mũi, hoặc nơi trán hồi niệm an trụ khéo nhiếp nơi một duyên rồi, nếu nơi cảnh giới tâm có tháo động thì dùng niệm làm thủ môn. Giữ gìn như vậy rồi, xa lìa tâm chướng ngại, riêng ở một chỗ ý không tán loạn mà tu tập tư duy.

*Nếu khi khởi phân biệt,
Sẽ biết thiện bất thiện.
Nên xả các bất thiện,
Tu nhiều các phân thiện.*

Trong khi tư duy nếu khởi phân biệt, tức trong khi khởi biết phân biệt này. Nếu là bất thiện liền phải lìa bỏ chớ cho tăng thêm. Nếu là phân thiện thì phải thường xuyên tiến hành nhiều không cho tán loạn. Như đèn ở trong nhà không đóng đường gió.

*Tâm duyên cảnh tán loạn,
Thì phải giữ chuyên niệm.
Trở lại trong cảnh ấy,
Nếu động thì khiến trụ.*

Trong đó Tì-kheo tu định khi tâm tư duy chuyên ý chớ loạn. Nếu tâm lìa cảnh liền phải biết ngay. Cho đến không để cho lìa cảnh đi xa, trở lại giữ tâm an trụ trong cảnh. Như dây trói cột khi vào cây trụ, chỉ được đi vòng quanh cazy trụ mà không đi đâu xa. Như vậy, dùng dây niệm buộc tâm khi nơi cây cột của cảnh. Chỉ được thường đi quanh cây cột của cảnh không thể đi đâu khác.

*Ác thủ, không chậm trễ,
Phải tinh tiến siêng tu.
Bởi không thể giữ định,
Cho nên phải thường tu.*

Chậm trễ, là lia sự siêng năng cố gắng. Ác thủ, là chẳng phải thiện thủ (nghĩa là quá gấp). Nếu muốn thành tựu Tam-ma-đề, thì không nên làm chậm trễ và ác thủ tinh tiến. Bởi lẽ làm chậm trễ và ác thủ tinh tiến không thể giữ được tam-ma-đề. Cho nên người tu định phải thường chính tu.

*Nếu lên Thanh Văn thừa,
Và lên Độc Giác thừa,
Chỉ là hành tự lợi.
Không bỏ vững tinh tiến.*

Nếu muốn lên thanh Văn thừa và Độc Giác thừa, vì chỉ tự lợi, tự Niết-bàn, còn ngày đêm không bỏ tinh tiến bền bỉ siêng năng tu hành.

*Hướng là Đại trượng phu,
Độ mình và độ người,
Mà sao không phát khởi
Gấp ngàn ức tinh tiến?*

Nhưng Bồ-tát đó phải ở trong dòng sông lưu chuyển độ các chúng sinh, làm sao mà không phát khởi tinh tiến gấp trăm ngàn ức hơn những người Thanh Văn Độc Giác kia? Như tự độ trong dòng sông lưu chuyển thì độ tha cũng như vậy.

*Nửa giờ, hoặc biệt hành,
Một giờ hành các đạo.
Tu định không nên vậy,
Phải duyên một cảnh giới.*

Nay trong một ngày không nên nửa giờ tu tập biệt định, còn trong các giờ khác lại hành các đạo khác. Chỉ ở trong một định

phải duyên cảnh cho tốt, tâm theo một cảnh chớ hướng tâm đến chỗ khác.

*Với thân chớ nên tham,
Với mạng cũng không tiếc,
Dẫu bảo hộ thân này,
Rồi cũng thành hoại pháp.*

Nên sinh tâm như vậy: “Trong thân ta đây chỉ có lớp da mỏng, lớp da dày, máu thịt, gân, xương tủy rất cuộc rồi khô cạn. Mạng sống của ta cũng sẽ chấm dứt. Trượng phu kia tinh tiến, có sức mạnh, mạnh mẽ tiến hành, ta cũng phải được. Nếu chưa được ta phải tinh tiến không nên trì hoãn. Dù bảo hộ thân này trăm năm rồi cũng hư nát, chắc chắn là pháp phá hoại.”

*Danh lợi và cung kính,
Dứt khoát chớ tham đắm.
Phải như lửa đốt đầu,
Siêng làm tròn sở nguyện.*

Nay nếu ở nơi đồng hoang, chớ tham thân mạng du hành trong đó. Nếu khi khởi lợi dưỡng cung kính tiếng tăm không nên tham đắm. Vì thành tựu nguyện của mình nên phải mau siêng năng tu hành như cứu lửa đốt đầu.

*Quyết chí khởi thắng lợi,
Không nên chờ ngày mai.
Ngày mai còn xa lắm,
Không bảo đảm mạng này.*

Siêng năng làm như lúc cứu lửa đốt đầu. Ngày mai là rất xa, chớ nên đợi ngày mai. Nếu nơi thân ta có thắng lợi quyết phát khởi liền. Phải suy nghĩ như vậy: “Có gì bảo đảm được khi thân mạng này chỉ ở trong khoảng thời gian mở mắt nhắm mắt. Ta nay khởi thắng lợi ngay, ngày mai còn xa chớ đợi ngày mai.

*An trụ nơi chính mạng,
Như ăn thịt con yêu,
Ở trong chỗ ăn nuốt,
Chớ yêu cũng chớ ghét.*

Tì-kheo tu hành định như vậy, hoặc ở trong thôn xóm, hoặc ở trong tăng phường, tùy theo như pháp không chê bai hiềm khích, khát thực được chớ khởi tâm yêu thích cũng không hiềm khích, phải an trụ chính niệm, như ăn thịt đứa con thương yêu của mình, chỉ vì thân trụ không hoại mà còn mạng sống, giữ gìn tịnh hạnh. Như xưa kia có 2 vợ chồng khi đi qua đồng hoang đã ăn thịt con mình.

*Xuất gia là nghĩa gì?
Chỗ ta làm xong chưa?
Nay nghĩ nên làm chăng?
Như kinh nói 10 pháp.*

Nên quán sát như vậy: “Ta xuất gia là vì ý nghĩa gì? Vì sợ không sống nổi chăng, hay vì cầu Sa-môn?” Nếu vì cầu Sa-môn nên nghĩ như vậy: “Ta đối với việc của Sa-môn đã làm hay chưa làm hsy đang làm? Nếu chưa làm và đang làm thì vì nhân duyên thành tựu phải siêng năng tinh tiến. Ta đã rời khỏi nhà tức là không phải loại tại gia, phải thường suy nghĩ rằng ta sống hệ thuộc vào người khác, ta cũng phải có những nghi thức khác biệt. Bản thân ta đối với giới luật không có gì đáng chê bai chăng? Có trí đồng với tịnh hạnh, đối với ta không có gì đáng chê trách chăng? Ta đã cùng với những người thân yêu khác nhau rồi, không cùng ở chung. Ta thuộc về nghiệp, do nghiệp sinh, thụ dụng nơi nghiệp, nghiệp là người thân, dựa theo nghiệp mà làm. Ta tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác ta sẽ tự chịu. Ta qua ngày đêm như thế nào? Ta có thích nơi không nhân tịch tĩnh chăng? Ta có pháp của bậc Thượng nhân chăng? Có khả năng được tri kiến vượt trội của Thánh nhân chăng? Nếu sau này người đồng tịnh hạnh hỏi ta ta nói mà không hổ thẹn.”

Phải thường nghĩ nhớ 10 pháp này. Đó là Tì-kheo định hành thường phải nghĩ nhớ.

*Quán hữu vi vô thường,
Như vô ngã, ngã sở,
Nếu có các ma nghiệp,
Phải biết mà lìa bỏ.*

Hữu vi nghĩa là nhân duyên hòa hợp sinh. Do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có ngã sở. Do hữu vi nên là vô thường. Nếu là vô thường thì bị cái khác bức bách làm cho khổ. Nếu khổ thì không tự tại chuyển cho nên vô ngã. Đối với pháp hữu vi nên quán sát như vậy.

Có các ma nghiệp phải biết mà lìa bỏ, nghĩa là đối với các kinh tương ưng với tâm Bồ-đề, 6 độ làm nhân duyên không ưa thích, nhazn duyên tán loạn, nhân duyên trì hoãn, nhân duyên chướng ngại. Nếu từ tự mình khởi, nếu từ người khác khởi đều phải nhận biết, đối với các ác ma nghiệp này đều biết mà lìa bỏ chớ để cho hiện hành tự tại.

*Căn lực cùng giác phần,
Thần túc, chính đoạn đạo,
Cùng với 4 niệm xứ,
Vị tu phát tinh tiến.*

Tín, tinh tiến, niệm, định và tuệ là 5 căn. Tín, tinh tiến, niệm, định và tuệ là 5 lực. Niệm, trách pháp, tinh tiến, hỷ, ý, định và xả là 7 giác phần. Dục định, tinh tiến định, tâm định, và tư duy định là 4 thần túc.

Pháp ác bất thiện chưa sinh thì làm cho không sinh, pháp ác bất thiện đã sinh thì làm cho đoạn dứt. Pháp thiện chưa sinh thì làm cho sinh. Thiện pháp đã sinh thì làm cho trụ. Sinh dục, phát cần, nhiếp tâm, khởi nguyện là 4 chính đoạn. Chính kiến, chính phân biệt, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính phát hành, chính niệm,

và chính định là 8 phần Thánh đạo. Thân, thụ, tâm, pháp là 4 niệm xứ. Vì tu tập nên phát khởi 37 pháp trợ Bồ-đề này.

*Tâm cùng lợi lạc thiện,
Làm truyền truyền sinh xứ,
Và các ác trước căn,
Thì phải khéo quán sát.*

Tâm nếu điều phục, giữ gìn cấm giới thì cùng với các việc thiện lợi ích an lạc làm nhân truyền đời này sang đời khác. Nếu không điều phục, không giữ gìn cấm giới thì cùng với các thứ không lợi, ác trước làm căn. Biết rồi thì đối với chúng phải hết sức quán sát tướng sinh trụ dị, trong ngoài hai bên không trụ, đời quá khứ vị lai hiện tại đều không, không nơi đến không nơi đi, trong một Sát-na một La-bà một Mâu-hô-lợi-đa không trụ, giống như huyền cho nên tu tập phải quán sát.

*Ta ở trong thiện pháp,
Thường tăng trưởng ra sao,
Và có gì tổn giảm,
Phải quán sát rất kỹ.*

Phật Thế Tôn có nói: “Thí v.v... các thiện pháp có thể xuất sinh Bồ-đề, thì ta trong các thiện pháp đó có tăng trưởng những gì tổn giảm những gì, thường phải khởi và khởi chuyên tinh quán sát trong mỗi ngày mỗi ngày như vậy.”

*Thấy kia được tăng trưởng,
Danh, lợi và cung kính,
Tâm xan tật nhỏ nhất,
Thấy đều không nên làm.*

Nếu thấy các đồng tịnh hạnh hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tiếng tăm, lợi dưỡng hoặc được cung kính, cũng không nên sinh chút ganh ghét nhỏ mọn nào. Còn phải sinh tâm tư duy như vậy: Ta cũng

muốn được chúng sinh lợi dưỡng, y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc chữa bệnh các thứ. Ta cũng muốn được tại gia xuất gia cung kính. Ta cũng muốn được đầy đủ pháp đáng khen.

*Các cảnh không mong muốn,
Ngu si mù câm điếc,
Có lúc sư tử rống,
Làm nai ngoại đạo sợ.*

Khi thấy người khác có tiếng tăm được lợi dưỡng cung kính, ở trong sắc các cảnh không nên mong muốn. Ở trong sắc thanh hương vị ưa thích hay không ưa thích, tuy không phải si dại mù câm điếc, mà làm hạnh như si dại mù câm điếc. Nếu có năng lực thì không nên đứng im, phải dùng chính pháp xua đuổi mê hoặc phá trừ làm cho nai ngoại đạo hoảng sợ và giữ vững chính giáo.

Lại phải cất lên tiếng rống sư tử. Tôi đã giải thích tu tâm. Nay sẽ giải thích tu tướng.

*Nghinh rước và tiễn đưa,
Nên cung kính tôn trọng.
Ở trong các pháp sự,
Tùy thuận mà trợ giúp.*

Với đối tượng tôn trọng thì nghinh đón tiễn đưa, khi thuyết pháp thì cúng dường hoa tràng, cung kính làm các việc sửa sang tháp Phật sẽ được tay chân có luân tướng, là tướng báo hiệu Đại quyết thuộc.

*Cứu thoát vật bị giết,
Tự nhiên tăng không giảm.
Khéo tu nghề mình xảo,
Tự học và dạy người.*

Có chúng sinh bị giết, cứu cho được thoát khỏi. Nhân duyên hộ mạng lìa khỏi sát sinh, thụ các nghiệp đây đêm dài tập cận, nên sẽ được tướng ngón tay dài, tướng bàn chân bằng phẳng, tướng thân

ngay ngắn. Đó là dự báo tướng sống lâu. Tự mình thụ thiện pháp, thụ rồi tặng trưởng không cho tổn giảm sẽ được mu bàn chân cao như tướng con ốc, tướng lông hướng lên trên. Hai thứ đó là pháp dự báo tướng không giảm.

Khéo tu tập các nghề minh luận công xảo, tự mình học và dạy người khác sẽ được tướng I-ni-diên. Đó là tướng dự báo mau nhiếp thụ.

*Với các thắng thiện pháp,
Kiên cố mà nhiếp thụ.
Tu hành 4 nhiếp sự,
Thí áo và ẩm thực.*

Với các thiện pháp tối thắng thì vững vàng nhiếp thụ, tập cận và làm nhiều sẽ được tướng khéo đứng vững. Đó là tướng dự báo có khả năng làm các sự nghiệp.

Tu hành 4 nhiếp: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự thường tập cận sẽ được tay chân có tướng màn lưới. Đó cũng là tướng dự báo mau chóng nhiếp thụ. Dùng thức ẩm thực y phục tốt bố thí thường tập cận sẽ được tướng tay chân mềm dịu, tướng 7 chỗ cao. Đó là 2 tướng dự báo được thức ẩm thực và y phục thượng diệu.

*Không trái kẻ cầu xin,
Hòa hợp các thân thích.
Không nghịch lìa quyến thuộc,
Cho nhà và cửa cải.*

Tùy có vật gì nếu ai đến cầu xin liền thí cho không trái ý sẽ được tướng bấp tay bấp đùi tròn trịa. Đó là tướng dự báo được tự tại điều phục. Hòa hợp cùng ở với quyến thuộc bạn bè không làm cho trái khác, nếu có ai trái khác cũng khiến cho hòa hợp sẽ được tướng âm bộ kín đáo. Đó là tướng báo trước có nhiều con. Bố thí nhà cửa của cải và đồ nằm y phục cung điện thượng diệu sẽ được tướng da

mỏng mịn láng có sắc vàng kim. Đó là 2 tướng báo trước sẽ được đồ nằm y phục cung điện thượng diệu.

*Cha mẹ và thân hữu,
Tùy chỗ mà đặt đẽ.
Chỗ nên phải đặt đẽ
Vô thượng tự tại chủ.*

Ưu-ba-đệ-da-dạ (Đòi Tùy dịch là Cận tụng, trước dịch là Hòa thượng là sai), A-giá-lợi-dạ (Đòi Tùy dịch là Chính hành, trước dịch là A-xà-lê cũng sai), cha mẹ anh em là những người tôn trọng thì tùy chỗ mà đặt đẽ làm chủ hoàn toàn tự tại sẽ được tướng một lỗ chân lông một sợi lông trắng, tướng ấn điện. Đó là 2 tướng báo trước sự bình đẳng.

*Tuy là người nô bộc,
Khéo nói cũng tiếp nhận.
Nên sinh rất tôn trọng,
Cho thuốc lành các bệnh.*

Cho thuốc chữa lành các bệnh, là ở chỗ bệnh nhân thì cho thuốc cho người săn sóc ăn uống nghỉ ngơi. Nhờ săn sóc nghỉ ngơi có thể hết bệnh sẽ được tướng vai đầy đặn, tướng thượng vị trong các vị. Đó là 2 tướng báo trước sự ít bệnh.

*Đi trước tiên thiện nghiệp,
Lời nói đẹp dịu dàng,
Khéo nói lời chính ý,
Trước sau đều đầy đủ.*

Đi trước tiên thiện nghiệp, nghĩa là vườn rừng, nhà hội, giếng nước công cộng, ao trồng hoa, thức ẩm thực, tràng hoa, nơi khó đi thì bắt cầu, tạo Tăng phường, nơi đi dạo, tự mình dẫn đầu và khuyến khích người khác. Thí nhiều hơn người sẽ được Ni-cù-lô-đà tướng phổ viên thân, tướng đỉnh kế. đó là 2 tướng báo trước là thắng chủ.

Lời nói đẹp dịu dàng, là dài lâu nói lời chân thật dịu dàng nên sẽ được tướng lưỡi rộng dài, tướng Phạm âm. Hai tướng đó là tướng dự báo được 5 phần 5 phần ngữ đạo cụ túc âm.

Năm phần 5 phần ngữ đạo cụ túc âm, là: (1) Biết được. (2) Dễ hiểu. (3) Thích nghe. (4) Không nghịch. (5) Sâu. (6) Xa rộng. (7) Không hiềm khích. (8) Êm tai. (9) Biện chính. (10) Không xen tạp (2 thứ 5 phần thành ra 10).

Khéo nói lời chính ngữ, là dài lâu nói thật, nói chính ý nên sẽ được tướng răng sư tử. Đó là tướng dự báo của ái ngữ.

Trước sau đều đầy đủ, là người khác tuy có trước sau nhưng đều cứng dường không ai không cứng. Do oai nghi như pháp, oai nghi bình đẳng nên sẽ được tướng răng đều đặn, tướng răng sáng bóng. Hai tướng đó là dự báo thiện tịnh quyền thuộc.

*Không phá quyền thuộc người,
Mắt từ nhìn chúng sinh,
Cũng không tâm hiềm khích,
Đều xem như bạn thân.*

Đối với chúng sinh đem tâm bảo bọc tiếp nhận vỗ về. Do nhìn bằng con mắt không tham không sân không si nên sẽ được tướng mắt xanh, tướng mắt của bò chúa. Hai tướng đó dự báo của mắt yêu thương.

Tôi đã giải thích về nghiệp phát sinh 32 tướng đại trượng phu. Ngoài ra con có nhiều hạnh Bồ-tát nay sẽ giải thích.

*Phải biết như đã nói,
Tức theo như vậy làm.
Nếu làm đúng như nói,
Người khác thấy sẽ tin.*

Phải biết nếu làm như nói nếu nói tức làm thì người ta sẽ tin. Có nói năng dạy bảo liền sẽ tin nhận.

*Cần phải ủng hộ pháp,
Giác sát người phóng dật,
Và làm lưới vàng báu,
Che trùm lên tháp Phật.*

Trong pháp này phải tự ủng hộ. Nếu có chúng sinh trái pháp phóng dật thì đối với chúng cũng phải phương tiện giác sát làm cho chúng hướng tới Phật pháp. Và nơi tháp Như Lai nên dùng các thứ lưới báu che trùm để cho tướng hảo được trọn vẹn.

*Nếu muốn tìm thể nữ,
Trang nghiêm mà bố thí,
Cũng cùng nói Phật đức,
Và thí các chuỗi ngọc.*

Nếu muốn tìm thể nữ, tức là trang nghiêm thể nữ để bố thí. Các thể nữ này thấy đều đoan chính, dùng đó bố thí là khiến tự ý cầu điều gì yêu thích thì đều được đầy đủ.

Lại dùng vô lượng thứ khác lạ làm pháp nói công đức Phật, nên ở nơi tập hội cất cao tiếng đẹp lời mà diễn thuyết để được các âm thanh thanh tịnh.

Lại dùng các thứ chuỗi ngọc chiếu sáng làm đẹp con mắt tâm hồn mà bố thí để được đầy đủ tùy hình hảo.

*Tạo khắc hình tượng Phật,
Ngự trên tòa hoa sen.
Và ở trong 6 pháp,
Cùng vui vẽ tu tập.*

Dùng vàng bạc, chân châu, đá quý v.v... tạo khắc tượng Phật ngồi trên tòa sen để được hóa sinh và được thân Phật. Sáu thứ pháp cùng vui, là cùng ở trong Phạm hạnh, thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, không phân vật thụ dụng, giới đầy đủ, kiến giải đầy

đủ. Trong 6 pháp cùng vui này thường phải tập cận để được đồ chúng không bị các ngoại luận phá hoại.

*Cúng được, gì chẳng cúng,
 Vì mạng cũng không chê.
 Những gì Phật nói pháp,
 Cùng với người nói pháp.*

Cúng được, gì chẳng cúng, là với đối tượng đáng phải cúng dường, như Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, anh em không ai là không cúng dường, không kính sợ. Tuy là mạng sống, quyết không hủy báng pháp và những người giảng thuyết Phật pháp cũng không nên chê, không nên khinh để bảo hộ trợ giúp điều thiện của mình.

*Vàng báu rải thầy dạy,
 Và tháp của thầy dạy.
 Nếu có quên chỗ tụng,
 Cùng niệm khiến không mất.*

Phải dùng vàng, bạc rải lên thầy dạy, cũng phải dùng Ma-ni, vàng báu rải lên tháp thầy dạy. Bồ-tát có Tam-ma-đề là hiện tại Phật đối diện. Trụ nơi Tam-ma-đề này, trong đời đời hiện tiền tu tập để được vãng tri cho nên nếu có chúng sinh quên mất chỗ tụng, dẫn kinh sách lợi lạc cho đời cho chúng sinh kia nghĩ nhớ để không mất tâm Bồ-đề và để được nghĩ nhớ hiện biết.

*Nếu chưa tư sở tác,
 Chớ vội, chớ theo người,
 Ngoại đạo thiên long thần,
 Đều là không thể tin.*

Chỗ làm các hành nghiệp như thân khẩu ý, trong các nơi đó nếu chưa là tư sở tác thì chớ nên vội gấp, chớ nên theo người khác. Nên làm như vậy. Nếu khác đây thì sinh nóng nảy bút rút cũng là nhân

của hồi. Đối với các ngoại đạo xuất gia như Ni-kiền v.v... và trong trời rồng Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... đều không nên tin.

*Tâm phải như kim cương,
Mới thông được các pháp.
Tâm cũng phải như núi,
Các việc không làm động.*

Đặt đề tâm mình phải như kim cương. Có sức trí tuệ mới có thể ở trong các pháp thể xuất thế thông suốt như thật tự tính của chúng. Đặt đề tâm mình trong các sự việc cũng phải như núi, 8 pháp thể gian không làm lay động.

*Vui thích lời xuất thế,
Chớ thích lời thế gian.
Mình thụ các công đức,
Cũng phải cho người thụ.*

Nếu có nói năng, nên nói lời xuất thế gian phù hợp với Phật Pháp Tăng, hoặc phù hợp với 6 độ, hoặc phù hợp với Bồ-tát địa, hoặc tương ứng với Thanh Văn đạo Giác địa thì nên vui thích.

Nếu có nói năng dựa vào thế gian, tăng trưởng thế gian, tương ứng với tham sân si thì trong đó không nên vui thích.

Nếu có nhận được tán thán của những người thiện có công đức thù thắng như thụ giới, học Đầu-đà v.v... với những người ấy thì nên nhận và cũng làm cho những người khác được nhân công đức này.

*Tu 5 giải thoát nhập,
Tu 10 bất tịnh tướng,
Tám Đại trượng phu giác,
Cũng phải phân biệt tu.*

Trong đó, giải thoát nhập là: (1) Vì người khác nói pháp. (2) Tự nói pháp. (3) Tự tụng pháp. (4) Với pháp, tùy giác tùy quán. (5)

Thủ tùy những tướng Tam-ma-đề gì? Đó là 5 giải thoát nhập phải niệm tu.

Mười bất tịnh tướng là: trướng tướng, thanh ú tướng, nồng lẫn tướng, hội xuất tướng, hám tướng, đoạn giải tướng, phân tán tướng, huyết đồ tướng, nhục lạc tướng, cốt tướng. Đó là 10 tướng bất tịnh. Nếu khi tham sinh khởi thì phải nghĩ mà tu để đoạn trừ dục tham.

Tám pháp giác ngộ của bậc Đại trượng phu cũng phải phân biệt tu, là trong đó có 8 pháp giác ngộ của đại trượng phu. Nghĩa là ít dục là pháp, dục nhiều là phi pháp, đó là pháp giác ngộ đầu tiên. Tri túc là pháp, không tri túc là phi pháp, đó là thứ hai. Xa lìa là pháp tạp loạn ồn ào là phi pháp, đó là thứ ba. Phát tinh tiến là pháp lười biếng là phi pháp, đó là thứ tư. An trụ niệm là pháp quên mất niệm là phi pháp, đó là thứ năm. Nhập định là pháp không nhập định là phi pháp, đó là thứ sáu. Trí tuệ là pháp không trí tuệ là phi pháp, đó là thứ bảy. Không thích hý luận là pháp thích hý luận là phi pháp, đó là thứ tám.

Đây 8 pháp giác ngộ của Đại trượng phu cần phải hiểu biết, còn 8 pháp đa dục trợ lực cho bất thiện cần phải đoạn trừ.

*Thiên nhĩ với thiên nhãn,
Thần túc với tha tâm,
Cùng với túc mạng trụ,
Phải tu tịnh 5 thông.*

Trong đó thiên nhãn, thiên nhĩ, ức niệm túc trụ, tri tha tâm, thần túc, 5 thứ trí thông này cần phải tu tập.

(QUYỂN 5 HẾT)

LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG

QUYỂN 6

Hỏi: Tu tập như thế nào?

Đáp:

*Bốn thân tức là căn,
Muốn tiến tâm tư duy,
Bốn vô lượng trụ trì,
Là từ, bi, hỷ, xả.*

Ở đây trong 4 vô lượng đã tập cận nhiều rồi tâm được đủ khả năng. Tâm được đủ khả năng rồi liền vào Thiên-na đầu tiên. Như vậy thứ hai, thứ ba, thứ tư, được Thiên-na rồi thân tâm được nhẹ nhàng. Thân tâm được đầy đủ nhẹ nhàng rồi nên xuất sinh nhập thần thông đạo. Xuất sinh nhập thần thông đạo đầy đủ rồi liền sinh thân tức. Nghĩa là hoặc dục, hoặc tinh tiến, hoặc tâm, hoặc tư duy. Trong đó dục là hướng pháp, tinh tiến là thành tựu pháp, tâm là quán sát nơi pháp, tư duy là thiện xảo nơi pháp.

Bồ-tát đối với thân thông hoặc tin hiểu, hoặc tác dụng, tâm Bồ-tát tự tại tùy ý muốn là làm. Do thành thực tốt nên từ căn bản trụ trì, các xứ thuận hành như gió khắp hư không. Trong đó Bồ-tát được 4 vô lượng và 4 Thiên-na rồi, hoặc tin hiểu, hoặc tác dụng xuất sinh thiên nhãn. Nếu là thiên nhãn của chư thiên long Dạ-xoa Càn-thát-bà v.v..., hoặc học nhân và Thanh Văn Độc Giác trong đó chỉ có sức

tăng thượng thanh tịnh thắng hơn, quang minh thắng hơn, thượng thủ thắng hơn, thù địch thắng hơn. Thiên nhân ấy không ngại sắc tướng thế gian gần xa thô tế, tùy theo ý muốn chúng đều thấy được. Cũng như vậy nghe được tiếng của trời người súc sinh. Cũng như vậy nghĩ nhớ vô lượng vô biên đời trước. Cũng như vậy biết tâm người khác cùng với tham dục v.v... cho đến 8 vạn 4 ngàn sai biệt. Cũng như vậy được vô lượng thần túc. Do được thần túc nên những gì cần điều phục chúng sinh thấy đều điều phục.

*Bốn cõi như rắn độc,
Sáu nhập như làng vắng,
Năm chúng như sát nhân,
Phải tu quán như vậy.*

Từ lâu bởi các thú vui đủ nhân duyên thụ dụng, tuy giữ gìn, nghỉ ngơi trường dưỡng, 4 cõi đất này mau chóng phát động, không biết ân dưỡng, không thể nương cậy, không thể tin tưởng, cho nên phải xem nó như rắn độc. Bởi không có chủ nên lia ngã ngã sở. Mất v.v... các nhập có 6 tên giặc phải coi nó như làng vắng. Cùng hòa với vật, phá hoại, đánh phạt không thể ngăn chướng cho nên như sát nhân. Đối với 5 thụ chúng phải ngày ngày quán sát như vậy.

*Trọng pháp và pháp sư,
Cũng xả nơi xa pháp.
Thầy dạy chớ giấu giếm,
Người nghe chớ tán loạn.*

Ở đây có 4 thứ pháp có thể sinh Đại trí cần phải thụ giữ lấy. Đối với pháp và pháp sư cần phải tôn trọng, cũng bỏ sự keo kiệt đối với pháp, tùy chỗ nghe pháp, tùy chỗ tập tụng, phải vì người diễn nói. Nếu có người ưa thích nghe pháp, thầy dạy chớ nên giấu giếm lẫn tiếc, người nghe chớ tán loạn. Nghĩa là chớ có ý muốn gì khác.

Không mạn, không hy vọng,

*Chỉ dùng tâm thương xót,
Tôn trọng và cung kính,
Vì chúng sinh nói pháp.*

Lại có 4 thứ pháp là tướng của Đại trí cần hải thụ giữ lấy. Đó là xa lia tự cao khinh người vì không kiêu mạn, lia bó tiếng tăm cung kính lợi dưỡng vì không có tâm mong cầu, ở trong chúng sinh vô minh tối tăm chỉ vì thương xót, tôn trọng cung kính vì người kia nói pháp. Do 4 thứ pháp này nên Bồ-tát đầy đủ Đại trí cần phải giữ lấy.

*Với nghe không chán đủ,
Nghe rồi đều tụng trì,
Không dối tôn phúc điền,
Cũng khiến thầy hoan hỷ.*

Nghe nhiều không chán, nghe rồi tụng trì pháp, tụng trì pháp rồi thuận pháp hành pháp, không dối gạt tôn trọng phúc điền, cũng làm cho thầy hoan hỷ pháp này. Đó là tâm Bồ-đề không quên mất nhân.

*Không nên xem nhà người,
Tâm ôm lòng kính dưỡng,
Chớ nên vì luận nạn,
Mà tập tụng thế điển.*

Không nên vì nhân duyên cung kính cúng dường mà qua xem nhà người trừ khi vì nhân duyên an lập tâm Bồ-đề. Cũng không nên vì muốn luận nạn mà tập tụng các luận ở đời, trừ khi vì nhân duyên học hỏi.

*Chớ nên vì giận dữ,
Chê bai các Bồ-tát,
Chưa thụ chưa nghe pháp,
Cũng chớ sinh phi báng.*

Bởi vì sao? Vì nhân duyên giữ cho thiện pháp liên tục sinh.

*Đoạn trừ tâm kiêu mạn,
Thường trụ 4 giống Thánh.
Chớ hiềm khích người khác,
Chớ tự phụ tự cao.*

Đoạn trừ tâm kiêu mạn, là ở trong chúng sinh phải hạ mình xuống đoạn trừ ngã mạn. Phải giữ kiệm ước y thực ngộ cụ thuốc thang trong 4 thứ Thánh chủng vì biết tri túc. Không nên hiềm khích cũng không tự cao.

*Nếu thật phạm không thật,
Không nên phát giác người.
Chớ tìm làm lỗi người,
Lỗi mình nên tự biết.*

Người khác đồng tu Phạm hạnh với mình phạm tội, dù có thật hay không có thật đều không nên phát giác. Không nên tìm kiếm lỗi người khác. Chỉ nên biết sai lầm của mình.

*Phật và các pháp Phật,
Không nên phân biệt nghi.
Pháp dầu rất khó tin,
Tròn đó cũng phải tin.*

Đối với Phật không nên phân biệt, vì Thế Tôn có đầy đủ pháp chưa từng có. Cũng không nên nghi hoặc đối với Phật pháp, vì đối với chúng sinh là pháp không chung. Và cho đến trong pháp Phật khó tin nhất dùng tâm thanh tịnh mà tin.

*Dù nói thật mà chết,
Thoái mất Chuyển luân vương,
Cho đến các Thiên vương,
Chỉ nên nói lời thật.*

Nếu Bồ-tát do nói thật mà hoặc mất vật gì hoặc phải chết, dù

thoái mất địa vị Chuyển luân vương hay các Thiên vương cũng chỉ nên nói thật, hưởng chi vì những gì khác mà không nói thật.

*Đánh mắng khùng bố giết,
Đều không oán trách người.
Đó là do tội ta,
Nghiệp báo nên hiện đến.*

Nếu có người đến đánh mắng khùng bố trời nhót giết ta, đó đều là tội mình nên có như vậy. Hoàn toàn không giận người. Đó là nghiệp của ta đã làm đời trước, nay phải chịu quả bất ái như vậy. Các chúng sinh kia không có tội gì. Chỉ là nghiệp báo của tội ta hiện đến nên mới như thế.

*Phải rất yêu tôn trọng,
Cúng dường như cha mẹ,
Và hầu hạ Hòa thượng,
Cung kính A-xà-lê.*

Ở nơi cha mẹ phải hết sức ái trọng tôn kính cúng dường, có ý tưởng cha mẹ như trời, theo ý cho cha mẹ được vui, lia tâm xúc siểm. Lại phải cung kính hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê. Tùy theo chỗ Hòa thượng, A-xà-lê thuyết pháp trong không có gì ẩn kín thì đều có thể giáo hóa ra ngoài.

*Vì tin Thanh Văn thừa,
Và tin Độc Giác thừa,
Nói ra pháp rất sâu,
Là Bồ-tát sai lầm.*

Trong đây Bồ-tát có 4 thứ sai lầm cần phải lia bỏ. Đó là đối với các chúng sinh Thanh Văn thừa và Độc Giác thừa mà nói pháp rất sâu là Bồ-tát sai lầm.

Vì chúng sinh tin sâu

*Đại thừa, mà diễn nói
Thanh văn Độc Giác thừa,
Đó cũng là sai lầm.*

Trong các chúng sinh tin sâu Đại thừa mà vì chúng nói Thanh Văn thừa Độc Giác thừa, đó cũng là BỒ-tát sai lầm.

*Đại nhân đến cầu pháp,
Trì hoãn không chịu nói,
Mà lại nhiếp thụ ác.
Ủy nhiệm người không tin.*

Nếu có chính trụ Đại chúng sinh khi đến cầu pháp thì liền nói thiện pháp. Nếu trái lại trì hoãn phá giới ác pháp đem nhiếp thụ cho, đó là BỒ-tát sai lầm. Người chưa tin hiểu Đại thừa, chưa thành thực 4 nhiếp sự mà tín nhiệm ủy giao, đó là sai lầm của BỒ-tát. Trên đây là 4 sai lầm của BỒ-tát.

*Xa bỏ các sai lầm,
Nói công đức Đầu-đà,
Với đó phải nghĩ nhớ,
Và cũng phải tập cận.*

Trong đây đã nói 4 thứ sai lầm cần phải lia bỏ vì nó cách xa BỒ-đề. Nếu trong Thanh Văn Độc Giác thừa có nói về Đầu-đà và các công đức khác, chỉ biết họ không gây chướng ngại với BỒ-đề thì trong họ cũng nên tập cận.

*Đẳng tâm, bình đẳng nói,
Bình đẳng khéo an lập,
Cũng khiến chính tương ưng,
Các chúng sinh không khác.*

Bốn thứ BỒ-tát đạo này cần phải tập cận. Những gì là bốn? Đó là trong các chúng sinh khởi tâm bình đẳng, trong các chúng sinh nói pháp bình đẳng, trong các chúng sinh khéo an lập bình đẳng, trong

các chúng sinh khiến chính tương ưng. Các bình đẳng này không có sai biệt, đó là 4 thứ.

*Vì pháp không vì lợi,
Vì đức không vì danh,
Muốn chúng sinh thoát khổ,
Không muốn một mình vui.*

Đây 4 thứ chân thật Bồ-tát cần phải biết. Những gì là bốn? Đó là chỉ vì pháp không vì tài lợi, chỉ vì công đức không vì tiếng khen, chỉ muốn thoát khổ cho chúng sinh không muốn an vui một mình.

*Mật ý cầu nghiệp quả,
Ra làm việc phúc sinh,
Chỉ vì thành thực chúng,
Xả bỏ việc riêng tư.*

Nếu mật ý muốn cầu nơi nghiệp quả làm 3 việc phúc. Khi sinh phúc này chỉ vì Bồ-đề lợi lạc chúng sinh, cũng chỉ vì Bồ-đề thành thực chúng, vì lợi chúng mà lìa bỏ việc riêng của mình. Đó là 4 thứ chân thật Bồ-tát.

*Gần gũi thiện tri thức,
Đó là pháp sư, Phật.
Người khuyến khích xuất gia,
Và là người khát cầu.*

Cần phải gần gũi 4 hạng thiện tri thức này của Bồ-tát. Những gì là bốn? Pháp sư là thiện tri thức của Bồ-tát vì giúp gìn giữ văn tuệ. Phật Thế Tôn là thiện tri thức của Bồ-tát vì giúp gìn giữ các pháp Phật. Người khuyến khích xuất gia là thiện tri thức của Bồ-tát vì giúp gìn giữ các thiện căn. Người khát cầu là thiện tri thức của Bồ-tát vì giúp gìn giữ tâm Bồ-đề. Bốn hạng thiện tri thức này của Bồ-tát cần phải gần gũi.

*Người dựa vào thế luận,
 Người cầu của thế gian,
 Người tin Độc Giác thừa,
 Người tin Thanh Văn thừa.*

Cần phải biết có 4 hạng ác tri thức của Bồ-tát. Những gì là bốn? Người theo thế luận vì tập cận các thứ biện tài tạp nhạp. Người giữ của thế gian vì không giữ gìn pháp Phật. Người Độc Giác thừa vì ít làm việc nghĩa lợi. Người Thanh Văn thừa vì chỉ hành tự lợi.

*Bốn ác tri thức này,
 Bồ-tát cần phải biết.
 Lại có thứ nên cầu,
 Đó là 4 Đại tạng.*

Như trước đã nói 4 thứ tri thức là ác tri thức, biết rồi cần phải xa lìa. Còn có 4 thứ tri thức cần phải cầu, đó là 4 Đại tạng.

*Phật xuất, nghe các độ,
 Và ở nơi pháp sư,
 Thấy thí tâm không ngại,
 Thích ở nơi tĩnh vắng.*

Cần phải có được 4 thứ Đại tạng của Bồ-tát. Những gì là bốn? Đó là phụng sự chư Phật xuất thế nghe 6 pháp Ba-la-mật, tâm không ngại gặp pháp sư, không phóng dật, thích ở nơi tĩnh vắng. Đó là 4 thứ kho báu lớn của Bồ-tát cần phải có được.

*Địa, thủy, hỏa, phong, không,
 Đồng cùng với tương tự,
 Bình đẳng khắp mọi nơi,
 Lợi ích các chúng sinh.*

Cùng với địa, thủy, hỏa, phong và hư không, Bồ-tát có 2 nhân duyên tương tự cần phải nhiếp thụ. Đó là vì bình đẳng, vì lợi ích. Như địa v.v... các đại và hư không là 5 thứ ở trong hữu tâm vô tâm,

bình đẳng khắp mọi nơi không có tướng khác. Các chúng sinh đều bình đẳng thụ dụng mà không đòi khác, không cầu trả ơn. Ta cũng như vậy, cho đến khi cứu cánh giác trường, làm chỗ thụ dụng cho chúng sinh mà không đòi khác không cầu trả ơn.

*Phải tốt nghĩa tư duy,
Siêng sinh Đà-la-ni,
Chớ với người nghe pháp
Mà gây các trở ngại.*

Nghĩa, tức là nghĩa Phật nói. Đối với nghĩa ấy phải tư duy kỹ càng, hoặc cùng đàm luận, hay ở một mình phải làm như vậy. Lại an trụ cấm giới tâm ý thanh tịnh siêng năng tinh khiết và nghe Ngân chủ đà-la-ni, Hải chủ Đà-la-ni v.v... Lại ở nơi người nghe pháp đừng vì một nhân duyên nhỏ nhặt mà làm trở ngại để khỏi sinh nghiệp tai nạn đối với pháp.

*Rắc rối điều phục được,
Chuyện nhỏ bỏ không màng.
Tám thứ việc biếng nhác,
Thầy đều dứt trừ hết.*

Rắc rối điều phục được, nghĩa là có 9 việc phiền phức. Đó là nơi ta làm việc không lợi ích, đã làm, đang làm, sẽ làm là 3 thứ. Nơi thân ái của ta làm việc không lợi ích, đã làm đang làm sẽ làm là 3 thứ. Nơi ganh ghét của ta làm việc lợi ích, đã làm đang làm sẽ làm là 3 thứ. Những việc làm như vậy đều là làm việc phiền phức. Trong 9 chuyện phiền phức này phải tự điều phục.

Chuyện nhỏ, bỏ không màng, là có 20 thứ việc nhỏ. Đó là: (1) Không tin. (2) Không xấu. (3) Xúc siểm. (4) Trao. (5) Loạn. (6) Phóng dật. (7) Hại. (8) Không thẹn. (9) Lười biếng. (10) Lo âu. (11) Hôn trầm. (12) Say ngủ. (13) Hận. (14) Che giấu. (15) Ganh ghét. (16) Keo kiệt. (17) Tự cao. (18) Phẫn uất. (19) Hối. (20) Muộn tụyệt.

Hai mươi thứ việc nhỏ này đều xả bỏ hết.

Tám thứ việc biếng nhác cũng phải đoạn trừ. Đó là: (1) Việc ta sắp làm thì bỏ đó mà đi nằm không phát tinh tiến. (2) Ta làm xong rồi. (3) Ta đang trên đường đi. (4) Ta đi đường rồi. (5) Thân ta mệt mỏi không thể tu nghiệp. (6) Thân ta nặng nề không thể tu nghiệp. (7) Ta đã sinh bệnh. (8) Ta bệnh dậy được mà nằm lại không phát tinh tiến. Do những việc này mà đáng được thì không được, phải đến thì không đến, phải chứng thì không chứng. Cần phải phát tinh tiến để đoạn dứt 8 thứ biếng nhác này.

*Chớ tham chẳng phải phần,
Tham ngang không vừa ý.
Lìa bỏ thì đều hợp,
Chẳng hỏi thân chẳng thân.*

Nếu thấy có chúng sinh đầy đủ phúc đức tiếng khen, danh tiếng, an vui, lợi dưỡng, chớ sinh tâm tham trong đó vì chẳng phải phần của ta. Nếu không phải phần của ta mà sinh tâm tham thì không vừa ý cho nên không nên làm. Lại nữa còn tranh giành ly tán phá hoại chúng sinh. Dù thân hay không thân đều khiến hòa hợp đồng tâm thương yêu nhau.

*Nơi không mà được không,
Người trí chớ làm theo.
Nếu được ở nơi không,
Ác kia hơn thân kiến.*

Dựa vào không mà đoạn trừ là đại vô trí. Người trí chớ dựa vào được không mà làm. Nếu dựa vào được không mà làm tức là người có thân kiến, còn tệ hơn cái ác khó trị. Bởi các kiến do từ không, nếu chấp không kiến thì không thể trị bởi không có gì xuất ly.

*Quét sơn và trang hoàng,
Với nhiều thứ nhạc trống,*

*Hương hoa cùng các thứ,
Cúng dường nơi tháp Phật.*

Ở nơi tháp Như Lai và hình tượng, quét dọn, sơn trát, hương đốt, hương bột, hoa tràng, phướn lọng v.v... đủ các thứ trang hoàng cúng dường để được đoan chính giới hương tự tại. Tiếng ốc, tiếng tiêu, đàn không hầu, trống nhỏ trống lớn trống sấm, vỗ tay v.v... các thứ nhạc trống cúng dường để được Thiên nhĩ.

*Làm các thứ đèn lồng,
Cúng dường nơi tháp Phật.
Thí lọng và dép da,
Cúng các thứ xe kiệu.*

Ở trong tháp Phật nên dùng các thứ đèn dầu cúng dường để được Phật nhãn. Bồ thí lọng che, dép da voi ngựa xe kiệu v.v... để được vô thượng thần thông của Bồ-tát đi lại không khó.

*Cần phải ưa thích đi,
Thích biết tin Phật được.
Ưa thích hầu hạ Tăng,
Cũng thích nghe chính pháp.*

Bồ-tát thường phải có pháp hỷ lạc. Chẳng phải hỷ lạc phúc 5 dục, phải biết được cái lợi tin Phật. Chẳng phải chỉ tín lạc thấy sắc thân mà phải thường thích hầu hạ Tăng. Không phải chỉ thích đến thăm hỏi mà thường thích nghe pháp không chán chừ không phải chỉ thích nghe chuyện trò trong chốn lát.

*Trong đời trước không sinh,
Trong đời này không trụ,
Trong đời sau không đến,
Quán các pháp như vậy.*

Vì do sức nhân duyên hòa hợp, và vì không từ nơi nào đến nên trong đời trước không sinh. Vì niệm niệm phá diệt và không dùng

trụ nên trong hiện tại không trụ. Vì diệt hết không sót và không có nơi đi đến nên trong đời sau không đến. Phải biết quán các pháp như vậy.

*Việc tốt cho chúng sinh,
Không cầu báo đáp tốt.
Hãy một mình chịu khổ,
Chứ không tự vui riêng.*

Bồ-tát đối với chúng sinh phải đem việc tốt làm lợi lạc mà tự mình không trông mong được báo đáp lại tốt, và chúng sinh có vô lượng tướng khổ ta một mình nhẫn chịu. Còn ta có bao nhiêu vui thì cho chúng sinh thụ dụng là vui.

*Dầu đủ phúc báo lớn,
Không cao cử, không mừng.
Dẫu nghèo như quỷ đói,
Không hạ mình không lo.*

Dầu đầy đủ phúc báo trên cõi trời tâm cũng không mừng không cao cử, dầu làm ngã quỷ bản cùng phá tán bức não vô cùng khó sống cũng không sa sút tâm hồn không lo âu hưởng chi là nghèo cùng trong cõi người.

*Nếu với người đã học,
Phải hết sức tôn trọng.
Chưa học khiến vào học,
Chứ không nên khinh miệt.*

Nếu có chúng sinh đã học thì phải hết sức tôn trọng, nếu chưa học thì khiến chúng vào học mà không nên khinh miệt chúng.

*Cung kính người đủ giới,
Phá giới, khiến giữ giới,
Người trí thì gần gũi,
Người ngu, khiến trụ trí.*

Người giữ giới đầy đủ thì phải hỏi han, cung kính chấp tay tác lễ, và cũng vì đó nói phúc đức của việc giữ giới. Nếu là người phá giới thì khiến giữ giới, và cũng vì đó nói tội phá giới. Người có đầy đủ trí tuệ thì phải gần gũi, và cũng vì đó làm rõ cái đức của trí tuệ. Người ngu thì khiến trụ trí, và cũng vì đó mà nói tội lỗi của ngu si.

*Khổ lưu chuyển nhiều thứ,
Sinh, già, chết, nẻo ác.
Không sợ các thứ này,
Hàng phục ma, ác trí.*

Bồ-tát ở trong lưu chuyển, lưu chuyển nhiều thứ nào sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não v.v... và các nẻo ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la v.v... nhưng không nên sợ hãi, chỉ phải hàng phục ác ma ác trí mà thôi.

*Có bao nhiêu cõi Phật,
Công đức dù một năm,
Cũng đều vì được đó,
Phát nguyện và tinh tiến.*

Mười phương vô lượng các cõi Phật, hoặc cõi Phật cụ túc, hoặc cõi Phật trang nghiêm, hoặc nghe từ chư Phật Bồ-tát, hoặc tự thấy, kia đều là một năm một mớ công đức thù thắng cũng đều khiến nhập vào trong cõi Phật của tự mình. Phải nguyện như vậy, tùy nguyện liền được thành tựu và phải tinh tiến tu hành như vậy.

*Hằng ở trong các pháp,
Hành xả mà không thủ.
Đó là vì chúng sinh,
Chịu gánh lấy gánh nặng.*

Vì chấp thủ nên khổ, không chấp thủ nên vui. Nghĩ như vậy rồi hằng đối với các pháp chỉ xả mà không thủ. Tuy xả mà không thủ nhưng nếu trước vì đến Bồ-đề nên nguyện gánh vác chúng sinh.

Chưa độ ta sẽ độ, chưa giải thoát ta sẽ giải thoát, chưa tịch diệt ta sẽ tịch diệt, phải vì chúng sinh gánh vác.

*Chính quán nơi các pháp,
Không ngã không ngã sở,
Cũng chớ bỏ Đại bi,
Cũng như với Đại từ.*

Nói các pháp là vô sở hữu như chiêm bao như ảo hóa cho nên các pháp không có ngã. Không có ngã sở là vì quán vô tướng. Như vậy dùng pháp tối thắng nghĩa khi quán tướng này. Nhưng đối với chúng sinh cũng không bỏ Đại bi và Đại từ. Như vậy phải càng cân nhắc mà than rằng: “Lạ thay! Các chúng sinh bị si ám che khuất, chấp ngã ngã sở, không biết đạo pháp tối thắng nghĩa. Ta sẽ làm cho chúng sinh kia được biết đạo pháp tối thắng nghĩa.” Vì vậy ở trong chúng sinh không bỏ Đại bi và Đại từ.

*Quá hơn các cúng dường
Dùng cúng Phật Thế Tôn.
Đó là làm gì vậy?
Đó là pháp cúng dường.*

Nếu dùng các thứ cúng dường cúng dường các Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát và Phật Thế Tôn như dùng tràng hoa hương, hương bột, đèn lồng, hoặc dùng cờ phướn lọng, hoặc dùng các thứ âm nhạc, hoặc dùng các thứ thuốc thang ẩm thực mỹ vị bố thí cúng dường. Nếu muốn quá hơn các thứ cúng dường đó mà cúng dường Phật thì đó là gì? Đáp rằng đó là cúng dường pháp.

Cúng dường pháp đó có tướng gì?

*Nếu trì Bồ-tát tạng
Và được Đà-la-ni,
Nhập sâu vào nguồn pháp,
Đó là cúng dường pháp.*

Trong đó nếu tương ứng với Bồ-tát tạng, các kinh Như Lai nói minh tướng rất sâu, trái các thế gian khó thấu tận nguồn, khó thấy chỗ vi tế vô trước liễu nghĩa, dùng vương ấn của tổng trì kinh mà ấn, nhân bất thoái chuyển từ 6 độ sinh, khéo nhiếp sở nhiếp, thuận nhập pháp trợ Bồ-đề, hợp tính chính giác, nhập các Đại bi nói nơi Đại từ, lìa các ma kiến, khéo nói duyên sinh, nhập vô chúng sinh, vô mạng, vô trưởng dưỡng, vô nhân, tương ứng với không vô tướng vô nguyện, ngồi nơi giác trường chuyển pháp luân, được trời rồng Dạ-xoa Càn-thát-bà khen ngợi, độ tại gia bần lây đưa vào các Thánh, diễn nói Bồ-tát hạnh, nhập pháp nghĩa từ lạc thuyết, rền tiếng sám vô thường khổ vô ngã, khiến kiến chấp ngoại luận sợ hãi, chư Phật ngợi khen, đối trị lưu chuyển, thị hiện Niết-bàn.

Các kinh như vậy hoặc giảng nói, hoặc thụ trì, quán sát, nhiếp thủ, Đó là cúng dường pháp. Lại nữa người cúng dường pháp được không thoái đọa vì thuận hành tổng trì, tương ứng trong pháp sâu của không vô tướng vô nguyện vô tác, nhập đến tận nguồn không động không nghi. Đó là cúng dường pháp trong nghĩa tối thắng.

*Cần phải dựa nơi nghĩa,
Đừng chỉ thích tạp vị.
Ở trong đạo pháp sâu,
Khéo vào chớ phóng dật.*

Lại nữa người cúng dường pháp, là hoặc ở trong pháp tư duy pháp, thật hành pháp, tùy thuận duyên sinh, lìa các biên thủ kiến, được vô xuất vô sinh nhập vào vô ngã. Ở trong nhân duyên không trái, không đấu, không tranh, lìa ngã ngã sở. Phải y theo nghĩa chớ nên ưa thích rong ruổi theo những câu trau chuốt. Phải y theo trí chớ theo thức, y theo kinh liễu nghĩa chớ chấp đắm lời thế tục không liễu nghĩa. Phải y theo pháp chớ theo kiến giải người đời. Phải tùy thuận pháp như thật mà vào vô trụ xứ. Khéo quán vô minh, hành,

thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, ưu bi khổ
nãi khổn cực thảy đều tiêu diệt.

Quán duyên sinh như vậy rồi, dẫn xuất vô tận, vì nghĩ thương
chúng sinh nên không chấp các kiến, không phóng dật. Nếu thường
như vậy mới gọi là cúng dường pháp vô thượng.

*Như vậy tư lương này,
Đại kiếp như Hằng sa,
Xuất gia và tại gia,
Sẽ được tròn chính giác.*

Như trước đã nói tư lương như trong Hằng sa Đại kiếp chúng
xuất gia và chúng tại gia Bồ-tát thừa nhiều thời mãn nguyện được
thành chính giác.

*Thuộc tụng tư lương kia,
Là Bồ-đề tư duy.
Nghĩa tư lương không thiếu,
Như ở trong tụng đó.
Tôi nay giải thích tụng,
Nơi nghĩa có tăng giảm.
Khéo giải thích nghĩa tụng,
Hiện trí phải nhân chịu.
Giải thchs tụng tư lương,
Tôi làm việc phúc thiên.
Vì chúng sinh kuru chuyển
Sẽ được Chính biến giác.*

Thánh giả Long Thụ làm xong Luận Bồ-đề tư lương.

Tôi Tì-kheo Tự tại giải thích xong.

(QUYỂN 6, TRỌN BỘ HẾT)

SỐ 1661
LUẬN BỒ ĐỀ TÂM LY TƯỚNG

*Long Thụ Bồ-tát tạo
Tam tạng truyền pháp Đại sư Thích Hộ dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Kính lễ chư Phật! Con nay xin nói sơ lược về nghĩa của tâm Bồ-đề và chí thành đánh lễ tâm Bồ-đề ấy.

Nghĩa của tâm Bồ-đề cũng giống như một đạo quân hùng dũng cầm khí giới. Tâm Bồ-đề ấy là tâm kiên cố, đã có chư Phật Thế Tôn, chư Bồ-tát Ma-ha-tát đều do phát tâm Bồ-đề ấy mà thành tựu cho đến ngồi đạo tràng Bồ-đề thành quả chính giác. Con nay cũng phát tâm Bồ-đề như vậy.

Lại nữa, tâm Bồ-đề này là hành môn tổng trì của chư Bồ-tát, quán tưởng như vậy, phát sinh như vậy. Con nay tán thán người phát tâm Bồ-đề là để khiến chúng sinh dứt khổ luân hồi. Người chưa được độ thì khiến đều được độ, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, người chưa an ổn khiến được an ổn, người chưa Niết-bàn khiến được Niết-bàn.

Vì muốn viên mãn thắng nguyện như vậy, muốn an lập cái nhân tự tướng chính thể, muốn nhập vào chân thật quán đệ nhất nghĩa, nên nay con sẽ nói về tự tướng vô sinh của tâm Bồ-đề.

Nói tâm Bồ-đề là lia tất cả tính.

Hỏi: Vì sao lia tất cả tính?

Đáp: Là vì uẩn xứ giới lia các pháp thủ xả, vô ngã bình đẳng. Tự tâm bản lai không sinh vì tính vốn không.

Vì sao trong đây biểu thị rõ ràng ngã, uẩn v.v... mà tâm phân biệt hiện tiền lại vô thể?

Vì vậy cho nên nếu ai thường giác liễu tâm Bồ-đề, tức có thể an trụ nơi tướng không của các pháp.

Lại nữa thường giác liễu tâm Bồ-đề ấy, dùng tâm bi quán đại bi làm thể, do đó trong các uẩn có thể được tướng vô ngã.

Có các ngoại đạo khởi phi tương ưng hành, chấp tướng phân biệt, bảo rằng các uẩn có pháp phi vô thường. Kỳ thật chẳng có tướng ngã nào có thể có được. Các pháp tự nó giữ lấy tính chân thật một cách tự nhiên, không thể chấp là thường hay vô thường.

Trong ngã, uẩn cái tên còn không thật hướng chỉ có tạo tác phân biệt. Nếu nói có một pháp, cho đến có các pháp, nói như vậy là tâm thể gian chuyển theo hành động thể gian, chứ không phù hợp với tướng thường hành. Nghĩa ấy không đúng. Cho nên phải biết các pháp là vô tính. Dù trong dù ngoài không thể phân biệt.

Vậy cái tâm năng chấp kia là do nhân gì?

Là không thể tách rời tướng thể gian, hoặc nhân hoặc tướng, 2 thứ đó chứ không gì khác. Đó tức phi thường cũng phi năng chấp. Phải biết tâm tính không thể chấp thường, cho nên tính đó vô thường là thường.

Nếu biết tính đó là vô thường thì có gì là tướng tạo tác, từ đâu mà sinh chấp ngã?

Nếu lia thể gian tức trong uẩn không có chương ngại. Sự giác liễu về xứ và về giới cũng như vậy. Thủ xả 2 pháp không thể có được.

Trong đây nói uẩn là sắc thụ tướng hành và thức. Đây nói là 5 uẩn, là cái học của người Thanh Văn. Phải biết sắc như bọt nước tụ lại, thụ như bong bóng nổi trên mặt nước, tướng như sóng nắng, hành như cây chuối, thức như người làm trò ảo thuật. Nghĩa của 5 uẩn này Phật Thế Tôn vì các Bồ-tát tùy thích ứng mà nói.

Nay lược nói về tướng của sắc uẩn. Nói sắc uẩn là 4 đại chủng và các thứ do chúng tạo ra. Không phải sắc uẩn là 3 thứ thụ tướng và hành. Thức uẩn và hành, tướng sẽ thuyết minh ở phần sau.

Trong đây nói xứ là nhãn xứ v.v... ở bên trong và sắc xứ v.v... ở bên ngoài gồm có 12 xứ.

Trong đây nói giới là nhãn căn giới v.v... nhãn thức giới v.v... và sắc cảnh giới v.v... gồm có 18 giới.

Như vậy uẩn xứ giới lia các thủ xả, không phương sở, không phân vị, không thể phân biệt. Người có phân biệt thì không phải nghĩa như vậy, tùy theo khởi phân biệt liền sinh chấp trước.

Chúng tương ưng nhau như thế nào?

Nếu có một tướng thấy ngoài nghĩa đó, phải biết đó là do phá trí chuyên.

Ý trưởng dưỡng sắc như thế nào?

Phải biết như vậy là chẳng phải một chẳng phải khác.

Có các ngoại đạo như Ba-lí-một-la-nhạ-ca v.v... tùy theo kiến giải khác nhau khởi 3 phân biệt?

Nghĩa đó không đúng. Như người nằm mơ thấy làm việc sát hại, nhưng việc làm của người đó không có tướng thật hành. Lại như người nằm mơ thấy mình ở địa vị tối cao thế nhưng người đó cũng chẳng có tướng thù thắng.

Thế là thế nào?

Nghĩa là ánh sáng của thức phá hủy tướng thủ xả.

Như vậy pháp thức làm gì có ngoại nghĩa?

Cho nên các pháp không có ngoại nghĩa. Phải biết tất cả sắc tướng biểu lộ là do ánh sáng của tự thức chiếu ra sắc tướng. Như người thấy trò ảo thuật, thấy sóng nắng, thấy thành Càn-thát-bà, chấp lấy cho là thật. Người không trí tuệ do tâm ngu, chấp xem cảnh sắc cho là thật cũng giống như vậy.

Cái ngã chấp này là tâm chuyên theo, như trên đã nói về nghĩa của uẩn xứ giới. Phải biết lia các phân biệt ấy, chỉ phần vị của tâm làm việc và các tướng do tâm hiển hiện. Nghĩa này như Thành Duy Thức có nói.

Trong đây trước có nói 5 uẩn, vậy tự tướng của thức như thế nào?

Đáp: Như nói nghĩa của tâm, thức cũng vậy. Như Phật Thế Tôn thường nói: “ Phải biết tất cả do tâm biến hiện.” Nghĩa này rất sâu. Những kẻ ngu si không thể hiểu, không thấy chân thật. Cho nên nếu không chấp tướng ngã, thì tâm không sinh phân biệt. Khởi phân biệt là tà giáo, cho nên chỗ kiến lập của chúng không thành nghĩa.

Nghĩa như thật, là thấy pháp không có ngã. Đó là nghĩa pháp vô ngã trong Đại thừa. Tự tâm bản lai không sinh, cho dù tùy có chỗ sinh, tâm cũng vẫn bình đẳng, tự tâm tăng thượng, nhập vào nghĩa chân thật vì xuất sinh từ hành môn Du-già.

Phải biết rằng các chỗ sở y đều không thực thể mà đó là hiện hành của tịnh tâm. Nếu là pháp quá khứ, quá khứ không thật. Nếu là pháp vị lai, vị lai chưa đến. Nếu là pháp hiện tại, hiện tại không dừng trụ.

Vậy, trong ba đời các pháp trụ như thế nào?

Như quân số, như rừng cây, là do sự hợp thành của nhiều pháp.

Phải biết thức là tướng vô ngã. Thức chẳng phải là chỗ sở y. Thấy được các pháp như thế, thì chúng cũng như đám mây đỏ, sẽ tan biến một cách nhanh chóng.

Cho nên phải biết nếu các pháp có, là do nơi suy nghĩ biến hiện ra. Thức A-lại-da cũng như vậy. Các loài hữu tình có đi, có đến, pháp vẫn y nhiên như vậy. Ví như biển lớn, mọi dòng nước đều chảy về. Chỗ sở y của thức A-lại-da cũng như vậy. Nếu ai quán sát các thức như vậy, thì không thể sinh tâm phân biệt. Nếu mỗi loại mỗi loại đều biết như thật, thì còn gì để nói tên của mỗi loại ấy. Nếu mỗi loại mỗi loại vật đều biết tính của chúng, thì không thể nói có mỗi loại mỗi loại. Nói như thế là nói quyết định, nên cũng sinh quyết định đối với các pháp. Trong tất cả sự việc, tùy theo duyên mà thành tựu. Năng tri, sở tri là 2 sai biệt.

Nếu không có năng tri làm sao có sở tri. Cả hai đều là pháp không thật thì làm sao có được?

Cho nên phải biết rằng nói “tâm” là chỉ có cái tên mà thôi. Cái tên ấy cũng không gì khác có thể có được, mà chỉ là cách biểu thị. Tự tính của cái tên ấy cũng không thể có. Vì ý nghĩa đó, người trí phải quán tự tính như huyền của tâm Bồ-đề. Dù trong hay ngoài, hay 2 trung gian đều không tìm thấy được. Không có pháp nào có thể nắm giữ được. Không có pháp nào có thể xả bỏ được. Chẳng phải hình sắc có thể thấy. Chẳng phải hiển sắc có thể biểu lộ. Chẳng phải tướng nam, nữ. Chẳng phải tướng hoàng môn. Không trụ trong tất cả sắc tướng. Không có pháp nào có thể thấy, vì chẳng phải cảnh giới của mắt thấy. Chỉ có tất cả chư Phật quán sát bình đẳng mới có thể thấy được.

Trong pháp bình đẳng, làm sao thấy được nếu tâm có tự tính hay không tự tính?

Nói “tính” là vì phân biệt. Nếu lìa phân biệt thì tâm tính đều không.

Nếu có phân biệt có thể thấy được tâm, sao trong đây nói là không?

Cho nên phải biết là không có năng giác không có sở giác. Nếu quán tâm Bồ-đề được như vậy tức thấy Như Lai. Nếu có năng giác và có sở giác, thì không thành tâm Bồ-đề. Cho nên không tướng cũng là không sinh. Không thể dùng lời mà khen ngợi được.

Lại nữa, tâm Bồ-đề như hư không. Tâm và hư không đều không có 2 tướng. Đây nói, tâm và hư không, là nói không trí bình đẳng. Thần-thông của Phật với Phật, Phật với Phật không khác nhau. Sự nghiệp của chư Phật trong 3 đời tất cả đều thu giữ và an trụ trong cảnh giới Bồ-đề.

Tuy thu giữ tất cả pháp nhưng thường vắng lặng và cũng quán sát các pháp vô thường ấy như ảo hóa, chẳng phải thu giữ điều phục ba hữu. Trụ nơi pháp không, nên các pháp vô sinh gọi là không, các pháp vô ngã cũng gọi là không. Nếu đem vô sinh, vô ngã mà quán là không thì quán ấy không thành. Nếu phân biệt 2 thứ nhiễm và tịnh tức thành 2 thứ kiến tướng đoạn và thường. Nếu dùng trí mà quán tướng không kia, thì tướng không kia cũng không có cái thể riêng biệt. Cho nên tâm Bồ-đề lia các sở duyên mà trụ trong tướng hư không. Nếu quán hư không là sở trụ, tức trong đó phải có không, có tính 2 tên riêng biệt. Cho nên biết không, là như trên thế gian con sư tử một khi cất tiếng rống mọi loài thú đều khiếp sợ. Cũng như một tiếng không, thì các tiếng đều lặng. Cho nên biết mọi nơi thường lặng, các thứ đều không.

Lại nữa, thức pháp là pháp vô thường, từ vô thường sinh ra. Tính vô thường đó là tâm Bồ-đề. Lấy đó nói nghĩa không, hẳn cũng không mâu thuẫn.

Nếu tính vô thường là tâm Bồ-đề, thì nếu ưa thích Bồ-đề là tâm bình đẳng, mà không nói ưa thích cái không kia, làm sao có được cái tâm thủ không?

Phải biết bản lai tự tính chân thật, tất cả đều thành tựu nghĩa của tâm Bồ-đề. Lại nữa phải biết vật không có tự tính. Cái tính không có tự tính đó, là nghĩa của thuyết này.

Nói như vậy thì tâm là thế nào?

Nếu lìa ngã pháp thì tâm không trụ. Tâm này chẳng phải một pháp cũng chẳng phải các pháp. Mỗi mỗi có tự tính mà lìa tự tính. Như đường, mật, ngọt là tự tính. Như lửa, nóng là tự tính. Các pháp không, tự tính cũng vậy.

Tính của các pháp, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải được, chẳng phải lìa. Vì nghĩa ấy, vô minh là khởi đầu, lão tử là sau, các pháp duyên sinh được thành lập như vậy. Ví như mộng ảo, thể của nó không có thật. Do đó mà nói 12 chi pháp, tức cũng gọi 12 chi luân. Xoay chuyển tuần hoàn như bánh xe trong cửa sinh tử, mà thật không có cái ngã, không có chúng sinh nào khác, không có 3 nghiệp hành quả báo sai khác.

Nếu trong đó, hiểu rõ pháp duyên sinh, tức thì ra khỏi cửa các cảnh giới. Đó chẳng phải hành tướng, chẳng làm hủy hoại chính nhân, mà do uẩn sinh ra. Chẳng phải là hành tướng của ranh giới sau luân hồi. Tất cả không nắm giữ cái không, vì không sinh. Pháp nào pháp nấy bình đẳng tạo nhân chịu quả. Đó là lời Phật nói.

Có các pháp hợp loại mà sinh, như đánh trống có tiếng, như trồng lúa mạch sinh mầm. Nghĩa của các pháp hợp loại khác cũng như vậy. Duyên sinh hiện ra như ảo như mộng. Các pháp do nhân sinh, mà cũng là vô sinh. Nhân này nhân khác tự nó là không, thì làm sao sinh? Cho nên phải biết các pháp là không sinh. Tức ngay cái không sinh này mà gọi là không.

Như nói về 5 uẩn, tính của uẩn bình đẳng. Tất cả các pháp khác cũng phải nghĩ như vậy. Nếu như nói không, là nói trong nghĩa chân thật, cái được nói là không kia, thể của nó chẳng phải đoạn. Trong cái

thể chẳng phải đoạn kia, thật cũng không thể nào có được. Nói thể là không, không cũng là vô thể. Nếu hiểu rõ là vô thật, thì tạo tác là vô thường. Các nghiệp phiền não tích tụ lại làm thể. Nghiệp đó cũng từ tâm sinh. Nếu tâm không trụ, thì làm sao có nghiệp được?

Như tâm an lạc là tính tịch tĩnh. Tâm tịch tĩnh kia không thể chấp thủ. Các người trí có thể quán sát thật. Thấy thật đó là được giải thoát.

Lại nữa, tâm Bồ-đề là chân thật cao tốt. Nghĩa chân thật đó, gọi là không. Cũng gọi là chân như. Cũng gọi là thật tế. Tức vô tướng đệ nhất nghĩa đế.

Nếu không hiểu rõ nghĩa không như vậy, phải biết đó chẳng phải giải thoát phần, mà thật là đại ngu si trong luân hồi, lưu chuyển trong 6 nẻo.

Nếu có người trí có thể quán như thật tâm Bồ-đề kia tương ứng với nghĩa không, quán như vậy rồi mới có thể thành tựu lợi tha, trí tuệ vô ngại, vô trước. Đó là người biết ơn và báo ơn Phật.

Thường đem tâm bi quán khắp các tướng chúng sinh cha mẹ bà con, thường bị lừa dối phiền não thiêu đốt, khiến các chúng sinh luân hồi sinh tử, nếu như chịu khổ nghĩ sẽ chịu thay, nếu hòa hợp vui nghĩ sẽ cho khắp.

Lại quán đến quả ái phi ái, nẻo thiện nẻo ác, lợi ích không lợi ích, là tùy theo chúng sinh chuyển các chúng sinh bản lai không được, tùy theo trí sai biệt mà khởi các tướng khác nhau: có Phạm Vương, Đế Thích, Hộ Thế Thiên v.v... Dù trời hay người, tất cả đều không lìa khỏi tướng thế gian.

Lại quán sát có địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, tất cả chúng sinh trong các cõi đó có vô lượng vô số chủng loại sắc tướng, thường tùy chuyển theo những nỗi khổ đói khát bức bách, thường sát hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau. Bởi nhân như thế, nên quả khổ không tiêu.

Chư Phật, Bồ-tát như thật quán sát tự tướng nghiệp báo của tất cả chúng sinh trong các nẻo thiện nẻo ác như thế. Quán sát rồi phát khởi tâm phương tiện, khéo cứu hộ chúng sinh, khiến lìa các nghiệp cấu. Do đó, các Bồ-tát lấy tâm đại bi làm căn bản, lấy chúng sinh kia làm cảnh sở duyên. Cho nên các Bồ-tát không đắm trước vào tất cả cái vui trong thiên vị, không cầu quả báo tự lợi, vượt qua quả vị Thanh Văn, không bỏ chúng sinh, tu hạnh lợi tha, phát tâm Đại Bồ-đề, nầy mầm Đại Bồ-đề, cầu quả Bồ-đề của Phật. Các Bồ-tát đem tâm đại bi quán nỗi khổ của chúng sinh thấy ngục A-tì rộng lớn vô biên, chúng sinh tùy theo nghiệp nhân bị luân chuyển trong các khổ báo chịu mọi thứ khổ ấy. Tâm bi của các Bồ-tát nghĩ muốn chịu thay cho chúng sinh. Các thứ khổ này có nhiều hình tướng khác nhau, nói không có thật, nhưng cũng chẳng phải không thật.

Nếu hiểu rõ không, tức biết pháp này, tùy các nghiệp quả thuận hành như vậy. Cho nên các Bồ-tát vì muốn cứu độ chúng sinh đã khởi tâm dũng mãnh, vào trong vũng lầy sinh tử. Tuy ở trong sinh tử mà không nhiễm trước, như hoa sen thanh tịnh không nhiễm. Các vị lấy đại bi làm thể, không bỏ chúng sinh, dùng trí không quán, không lìa phiền não. Cho nên Bồ-tát dùng sức phương tiện, thị hiện sinh vào cung vua, vượt thành xuất gia, tu đạo khổ hạnh, ngồi đạo tràng Bồ-đề, thành Đẳng Chính Giác, hiện sức thần thông phá các ma quân, vì độ chúng sinh chuyển bánh xe pháp lớn, hiện ba bậc thang từ trên cung trời giáng

xuống làm các hình tướng biến hóa, rồi thuận theo thế gian nhập Đại Niết-bàn. Trong khoảng trung gian hiện các sắc tướng, nào làm Phạm vương, hoặc làm Đế Thích dù trời hay là người tùy theo các tướng chuyển. Do thị hiện các tướng nên người được gọi là Đạo sư cứu đời. Những việc làm ấy đều là nguyện lực đại bi của chư Phật, Bồ-tát, điều phục thế gian, làm cho thế gian được an trụ nơi thắng hạnh tương ứng. Cho nên, trong luân hồi không sinh mệt mỏi thoái lui.

Từ trong một thừa nói ra pháp hai thừa. Một thừa, hai thừa đều là nghĩa chân thực. Dù là Bồ-đề của Thanh Văn hay Bồ-đề của Phật, cũng đều một tướng của trí thân, một thể của Tam-ma-địa. Tuy có nói thị thuyết phi thuyết hoặc có nói các tướng khác nhau, đó chỉ vì dắt dẫn chúng sinh mà thôi. Nếu chúng sinh được lợi ích, mà Bồ-đề của Phật phúc trí bình đẳng, mà thật không có 2 tướng có thể trụ. Nếu có trụ tướng tức là chủng tử. Tướng chủng tử đó do tụ loại sinh ra. Cho nên làm tăng trưởng mầm mống sinh tử. Như Phật Thế Tôn có nói: “Phá các hành tướng thế gian là chỉ vì chúng sinh tạo các phương tiện, mà thật chẳng phải phá.” Nghĩa này rất sâu nếu lia phân biệt. Trong nghĩa rất sâu ấy không có 2 tướng. Tuy nói có phá, nhưng đây cũng chẳng phải phá. Trong pháp không, không có 2 tướng. Các pháp giữ tự tính chân thật một cách tự nhiên.

Trí Ba-la-mật tức tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề trừ hết mọi kiên chấp. Cho nên phải biết thân, ngữ, tâm, đều là pháp vô thường. Chỉ vì chúng sinh, làm việc lợi ích cho nên trong đây nói không, nhưng chẳng phải là đoạn dứt, trong đây nói có, nhưng có cũng chẳng phải là thường hằng. Cho nên, không có sinh tử, cũng không có Niết-bàn, mà đều an trụ trong vô trụ Niết-bàn.

Chư Phật Thế Tôn đều nói: Tâm bi sinh ra vô lượng phúc tụ. Đó là lý không, chân thật tối thượng do oai thần của chư Phật sinh ra, tự lợi lợi tha 2 hạnh thành tựu.

Con nay đĩnh lễ tất cả tính kia. Con thường tôn kính tâm Bồ-đề kia. Nguyên xin sự xưng tán của con mà giống Phật không đoạn dứt.

Chư Phật Thế Tôn thường trụ ở thế gian. Tâm Bồ-đề là tối thắng trong Đại thừa. Chính niệm của con an trụ trong tâm ấy.

Lại nữa, tâm Bồ-đề là tâm trụ nơi đẳng dẫn, và từ phương tiện sinh. Nếu hiểu rõ tâm ấy thì sinh tử bình đẳng, tự lợi lợi tha thành tựu.

Lại nữa, tâm Bồ-đề lia các kiến tướng, trí không phân biệt chuyển biến một cách chân thật. Những người có trí phát tâm Bồ-đề được phúc tụ vô lượng vô biên.

Lại nữa, nếu ai trong khoảng sát-na, quán tướng tâm Bồ-đề, người ấy được phúc tụ không thể tính kể. Bởi tâm Bồ-đề chẳng phải thứ có thể tính kể.

Lại nữa, tâm Bồ-đề là ngọc báu thanh tịnh không nhiễm, tối đại, tối thắng, tối thượng, đệ nhất. Tâm Bồ-đề chân thật kiên cố, không thể hư hoại, không làm hư hoại được, có thể phá tất cả ma phiền não, làm viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền của các Bồ-tát.

Lại nữa, tâm Bồ-đề là chỗ quy tụ của tất cả pháp. Đây là lời chân thực, lia các hý luận, là hành môn thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền, lia tất cả tướng. Đây xin nói rõ như vậy.

*Con nay ca ngợi tâm Bồ-đề,
Như chính Lương Túc Tôn nói ra.
Tâm Bồ-đề này rất tôn quý,
Đạt được phúc báo cũng vô lượng.
Con đem phúc này cho chúng sinh,
Nguyện khắp chóng thoát biển tam hữu.
Ca ngợi như lý và như thật,
Người trí phải nên học như vậy.*

(HẾT)

SỐ 1662
KINH BỒ ĐỀ HÀNH
(Bodhicaryâvatāra)

QUYỂN 1

*Thánh Long Thụ Bồ-tát sưu tập tụng
 Tam tạng Đại sư Thiên Trúc Tai dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: CA NGỢI TÂM BỒ-ĐỀ
(I. Bodhicittānuśamsā)

*Như Phật, diệu pháp thể vô biên,
 Phật tử chính tâm quy mạng lễ.
 Phật cam lồ giới thường chở che,
 Con nay ca ngợi đều y pháp.
 Thuyết này là thuyết chưa từng có,
 Chẳng phải chuyên chính một mình con.
 Con không tự tha những lúc ấy,
 Mà tự tư duy quán sát làm.
 Những lúc phát tâm quán sát ấy,
 Khiến thiện pháp con được tăng trưởng.
 Khi thấy như vậy cõi Ta-bà,
 Đó chính là cõi Phật Thế Tôn.
 Cõi ấy sát-na khó được sinh,*

Được sinh làm người phải vui mừng.
 Suy nghĩ nếu lìa tâm Bồ-đề,
 Lại nữa đến nay lấy gì được?
 Như mây che khuất đêm tối tăm,
 Điện chớp ánh sáng sát-na hiện.
 Oai đức của Phật lợi như thế,
 Sát-na phát ý người được phúc.
 Cho nên thiện ít sức tuy yếu,
 Có thể phá được nghiệp đại ác.
 Như vậy nếu phát tâm Bồ-đề,
 Thiện này dừng tiến đến được kia.
 Suy nghĩ vô lượng vô biên kiếp,
 Thấy Phật đều nói chân thật này.
 Nếu không hạnh phúc được hạnh phúc,
 Tăng trưởng cứu độ vô số loài.
 Vì các hữu tình trong các khổ,
 Khiến lìa trăm ngàn các thứ khổ.
 Hưởng nhiều hạnh phúc trăm ngàn thứ.
 Do hằng không lìa tâm Bồ-đề.
 Con đáng Thiện Thệ bị trời buộc,
 Ở trong luân hồi chẳng được yêu.
 Nếu chốc lát nói tâm Bồ-đề,
 Người trời hoan hỷ đều quy mạng.
 Nếu ai thụ trì bất tịnh tượng,
 Cho là Phật tượng là vô giá.
 Như thuốc biến hóa thành kiên lao,
 Đẳng tu trì diệu Bồ-đề tâm.
 Tâm Bồ-đề báu nghiệm vô biên,
 Giá trị thế gian không thể dụ.
 Điều ngự, hành nhân cùng bạn lũ,
 Đều khiến thụ trì cho bền vững.

Cây chuối không thật mà sinh thật,
 Sinh thật cây chuối mà thân tàn.
 Cây Bồ-đề tâm mà thanh tịnh,
 Hằng sinh quả tốt mà không hết.
 Đã tạo các tội nghiệp bạo ác,
 Nương tâm Bồ-đề sát-na thoát.
 Dừng mãnh nương nhờ không cả sợ,
 Hữu tình ngu si sao không nương?
 Ví như kiếp tận nổi lửa dữ,
 Chốc lát đốt hết củi tội nghiệp.
 Ca ngợi Từ Tôn vô lượng lời,
 Đó gọi là: Hay thay người trí!

Các thứ giác tâm kia,
 Chính trí mà bình đẳng.
 Tâm thệ nguyện Bồ-đề,
 Mà hành Bồ-đề hạnh.
 Như đi và muốn đi,
 Đó là phân biệt nói.
 Trí phân biệt nói rồi,
 Chỗ làm như dùng trí.
 Tâm nguyện của Bồ-đề,
 Quả lớn bánh xe quay.
 Phúc nên không gián đoạn,
 Cũng như ý muốn đi.
 Nếu kia là vô biên,
 Hữu tình giới giải thoát.
 Với kia tâm bình đẳng,
 Nguyện Bồ-đề không lui.
 Nếu kia thích ngủ nghỉ,
 Và có nhiều mê say,
 Gián đoạn nơi dòng phúc,

Như không, vô sở hữu.
 Diệu Tỳ mà hỏi đây,
 Các hữu tình ý kém,
 Mà giải thoát được sinh,
 Do mình hay Như Lai?
 Bèn tư duy trừ khỏi
 Khổ não của hữu tình,
 Khiến khổ não hết rồi,
 Đạt được vô lượng phúc.
 Hữu tình khổ vô biên,
 Làm sao chữa trị khỏi,
 Khiến mỗi mỗi an vui,
 Được vô biên công đức?
 Lấy gì lợi cha mẹ,
 Và quyến thuộc bà con,
 Được trời và người tiên,
 Bà-la-môn tịnh hạnh?
 Loại hữu tình như vậy,
 Là quá khứ ngủ mơ.
 Chẳng nguyện cho tự lợi,
 Chỉ nguyện cho lợi tha,
 Hữu tình tối thắng bảo,
 Hi hữu nào được sinh?
 Các thứ muốn lợi tha,
 Chẳng riêng mình tự lợi.
 Hoan hỷ: giống thế gian,
 Tinh tiến: thuộc thế gian.
 Tâm báu và có phúc,
 Mà kia làm sao nói?
 Làm sao các hữu tình,
 Được tất cả hạnh phúc?

Vì phát tâm Bồ-đề,
 Cúng dường chư Như Lai.
 Mê ái lạc khoái lạc,
 Là dụ cho oan khiên.
 Xa lìa hay làm theo,
 Đều do từ ý mình.
 Nếu kia cầu khoái lạc,
 Thì khổ não vô biên.
 Chứa các hạnh phúc thiện,
 Các khổ não tiêu trừ.
 Phá hủy nhân mê hoặc,
 Hay thay, sao không được?
 Gắn gũi thiện tri thức,
 Cũng được phúc như vậy.
 Làm lợi ích hồi hướng,
 Kia ắt được ca ngợi.
 Làm thiện không cầu lợi,
 Gọi đó là Bồ-tát.

Nếu ai bố thí bữa ăn nhỏ,
 Tu thiện cúng dường cho thế gian.
 Thí cho lớn nhỏ như mòng muỗi,
 Chúng cũng hạnh phúc được nửa ngày.
 Làm sao đạt được như Năng Nhân,
 Để độ vô biên hữu tình hết.
 Hữu tình không hết như hư không,
 Tất cả trí cầu tự viên mãn.
 Phật tử tỉnh niệm mà tư duy,
 Phiền não khởi sinh tâm tạo tác.
 Thường sinh phiền não lại sinh nghi,
 Phật bảo người này đọa địa ngục.

*Phật tử nếu phát tâm Bồ-đề,
Diệt hết tội lớn được quả tốt.
Con nay quy mạng tâm Ma-ni,
Cứu độ hữu tình được an lạc.*

Phẩm 2: TÂM BỒ-ĐỀ THÍ CÚNG DƯỜNG
(II. Pāpadeśanā)

*Đoan nghiêm Ma-ni tâm cung kính,
Phụng cúng dường lên đức Như Lai.
Cùng với thanh tịnh diệu Pháp bảo,
Phật công đức hải lượng vô biên.
Thế gian có các loài hoa quý,
Cho đến quả ngon cùng thuốc thang,
Có các ngọc báu, nước tinh khiết,
Đều đem hoan hỷ mà cúng dường.
Đá quý trong núi và báu vật,
Rừng cây cho đến nơi tĩnh lặng,
Tràng hoa trang nghiêm, cây tươi tốt,
Kết quả sum sê nặng trĩu cành.
Nhân gian trên trời các thứ hương,
Cho đến kiếp thụ và bảo thụ,
Nước ao trong sạch và trang nghiêm,
Thiên nga chim trời hót tiếng hay,
Lúa má tự nhiên không gieo cấy,
Các thứ trang nghiêm đem cúng dường.
Sánh bằng hư không, lượng rộng lớn,
Tất cả mọi thứ đều thụ dụng.
Con nay xin nguyện dâng hiến hết,
Cúng dường tối thượng Phật Mâu-ni.
Vì con không bỏ tâm Đại bi,*

Nhận lãnh cúng dường vật tối thượng.
 Con do vô phúc chịu bản cùng,
 Chẳng có chút gì đặc biệt cúng.
 Con nay suy nghĩ vì tự tha,
 Xin Phật nhận cho tùy lực thí.
 Tự thân con thí tất cả Phật,
 Dem tự thân biến khắp tất cả.
 Gia bị con làm thượng hữu tình,
 Hữu tình hằng thường Phật giáo hóa.
 Con được Như Lai gia bị rồi,
 Hóa lợi hữu tình không sợ hãi.
 Quá khứ tội nghiệp đều lìa xa,
 Vị lai các tội không tái phạm.
 Ao Bảo quang minh thật vui thích,
 Lọng trời trang nghiêm phụng chân như.
 Nước trong thanh tịnh lại sáng loáng
 Nhà tắm tráng lệ ngát hương thơm
 Bình báu lớn chứa đầy nước thơm,
 Lại cắm các thứ hoa thơm đẹp.
 Tắm gội Như Lai thân vô cấu,
 Con xin tán vịnh dâng ca nhạc,
 Thanh tịnh hương xông thượng diệu y,
 Và dùng lọng che tối thượng sắc.
 Con nay dâng hiến thượng y phục,
 Xin Phật từ bi nạp thụ cho.
 Các thứ áo trời mềm mại đẹp,
 Trang nghiêm vi diệu và tối thượng,
 Cúng dường Như Lai và Phổ Hiền
 Cùng với Văn-thù Quán Tự Tại.

[Từ đây trở xuống có 53 kệ và Phẩm Trì (Bodhicittaparigraha)
 32 kệ, Phẩm Bất phóng dật (Bodhicittapramāda) 49 kệ]

Phẩm 3: HỘ GIỚI
(V. Samprajanyarakṣaṇa)

Trì giới là giữ tâm,
 Giữ cho thật kiên cố.
 Tâm mà không giữ được,
 Thì làm sao giữ giới?
 Như voi say không trị,
 Không lo sợ khổ đau.
 Buông thả như voi say,
 Sẽ vào A-tì ngục.
 Nhớ thường nắm giữ dây,
 Trói cột tâm voi lại,
 Thì không sợ buông lung,
 Được tất cả an lạc.
 Nếu buộc được một tâm,
 Tất cả đều buộc được.
 Nếu hàng phục một tâm,
 Tất cả tự hàng phục.
 Sư tử gấu cọp sói,
 Và Dạ-xoa La-sát,
 Với lính canh địa ngục,
 Thấy đều là kẻ oán.
 Nếu sợ tất cả oán,
 Vô lượng khổ não tự.
 Đều do tâm mà ra,
 Phật Thế Tôn đã nói.
 Địa ngục các thứ khổ,
 Như là hoàn sắt nóng.
 Ai làm, cái gì sinh?
 Tham sân si mà có.
 Do chúng các tội tâm.

Phật sinh nơi thế gian,
Ba cõi tâm tịch diệt,
Cho nên không sợ hãi.
Nếu xưa tu bố thí,
Thì đời nay không nghèo.
Nay nghèo chớ phiền muộn,
Quá khứ làm sao hối?
Nếu ai có chút tâm,
Tu Đàn Ba-la-mật,
Cho nên nói quả báo,
Đồng tất cả bố thí.
Nếu người tâm trì giới,
Ghét ai mà sát hại,
Tâm giận là oan gia,
Giết hết như hư không.
Đại địa rộng vô biên,
Da nào phủ cho hết.
Chút ít da làm dép,
Đi đâu che đến đó.
Tính ngoại ngã cũng vậy,
Nếu có khuyên bảo ai,
Chỉ khuyên nơi tự tâm,
Ngoại ngã tự nhiên ẩn.
Thân nghèo mà không phúc,
Quả kia cùng đi theo.
Nếu tâm thí một áo,
Cảm quả và tặng phúc.
Nếu tu trì các hạnh,
Tâm niệm hằng không bỏ.
Tất cả không vụ lợi,
Dối giả phải lìa xa.

Tất cả tâm tài pháp,
 Phải kín đáo quán sát.
 Là khổ được an vui,
 Kia được siêu thế gian.
 Con làm sao tu hành?
 Tu hành chỉ giữ tâm.
 Cho nên con quán tâm,
 Thường xuyên mà gìn giữ.
 Như khi thăm vết thương,
 Nhất tâm mà chăm sóc.
 Con người ác như vậy,
 Thường xuyên giữ lấy tâm.
 Sợ vết thương khổ não,
 Nhất tâm con thường hộ.
 Phá hoại sự hòa hợp,
 Vết thương tâm không sợ,
 Thường hành động như thế,
 Không làm việc người ác.
 Không làm người phạm tội,
 Thì tự nhiên không sợ.
 Con muốn suốt cuộc đời,
 Làm lợi hạnh cúng dường.
 Mỗi mỗi thân mạng hết,
 Thiện tâm không thoái lui.
 Con muốn giữ gìn tâm,
 Nay thành kính chuyên làm.
 Ở trong mỗi tâm niệm,
 Tất cả phương tiện hộ.
 Ví như người bệnh nặng,
 Không chịu nổi các thứ,
 Tâm tán loạn cũng vậy,

Không làm được sự nghiệp.
Tâm tán loạn không định,
Nghe suy nghĩ quan sát,
Như đồ đựng bị lũng,
Không thể chứa được nước.
Bởi vì người nghe nhiều,
Mà với phương tiện tin,
Làm lỗi tâm bất định,
Bị tội không tỉnh lặng.
Vì tâm không quyết định,
Mê làm bị giặc bắt.
Có bao nhiêu phúc thiện,
Rơi mất nơi chỗ ác.
Các giặc cướp phiền não,
Bị ma ám tung hoành.
Do Ma-la phát khởi,
Phá hoại sinh mạng thiện.
Giữ gìn ý căn môn,
Ác không thể lôi kéo,
Nghĩ khổ não tội kia,
Lần lượt được an trụ.
Hay thay! Theo thầy dạy,
Mà được thiện niệm sinh.
Vâng theo lời thầy dạy,
Phải nhất tâm cung cấp.
Với chư Phật Bồ-tát,
Sát-na tâm quyết định.
Phải sợ sệt nghĩ nhớ
Trước vẻ mặt từ ái.
Tâm bụi bặm bất định,
Là đi không trở lại.

Nếu biết giữ ý môn,
 Định trụ không tán loạn.
 Con nay giữ tâm này,
 Thường xuyên trụ như vậy.
 Ví như cây không rễ,
 Không sinh nhánh lá xấu.
 Mắt quan sát sắc tướng,
 Biết hư giả không thật.
 Thường quán kỹ mọi vật,
 Cho nên không đắm trước.
 Do thấy mà quan sát,
 Quan sát khiến không lằm.
 Khi đã quan sát rồi,
 Không sợ vì thiện đến.
 Muốn đi không biết đường,
 Trông 4 phương mà sợ.
 Quyết định phương hướng rồi,
 Quán tâm hành cũng vậy.
 Người trí khi khởi hành,
 Suy nghĩ trước và sau,
 Là tốt hay là xấu,
 Như vậy việc không hỏng.
 Không trụ nơi thân này,
 Là thân thì làm sao?
 Làm sao trụ thân này
 Mà phải quán trung gian?
 Quán nội tâm cũng vậy,
 Phải dùng các phương tiện.
 Lấy pháp làm trụ cột,
 Buộc vào không cho thoát.
 Phải dùng ý như vậy

Quán cái ngã ở đâu.
 Các thức đều như vậy,
 Giữ khiến trụ sát-na.
 Nếu sợ nhân nghiệp lực,
 Hướng tìm cầu an lạc,
 Thì tu Thí và Giới,
 Cho đến được đại xả.
 Nếu tu nhân Bồ-đề,
 Không tư duy nào khác,
 Một mực tu tỳ tâm,
 Khởi kiến giải như vậy.
 Tu các thiện như vậy,
 Không khởi tâm sợ hãi,
 Khiến cho các phiền não,
 Quyết định không tăng trưởng.
 Các thứ chính ngôn thuyết,
 Có rất nhiều kiến giải.
 Quán sát xem hiểu rõ,
 Phá lưới nghi đắ quả.
 Như cỏ dại bị cắt,
 Niệm Phật, giới nhân được.
 Sát-na tu hạnh này,
 Đạt được quả thù thắng.
 Muốn nơi các chính thuyết
 Thấy đều được thông suốt,
 Phải quán chiếu tỳ tâm,
 Thường tu hành tinh tiến.
 Như cây cỏ vô tình,
 Không nói năng tạo tác.
 Thấy tỳ tâm cũng vậy,
 Quyết định khiến như thế.

Nếu tâm khởi khinh mạn,
 Thì như người mê say,
 Chỉ cầu khen ngợi mình,
 Chẳng phải kẻ tu hành.
 Nếu ai đối với ta
 Mà sinh tâm phỉ báng,
 Thì đó là sân si,
 Trụ tâm như cây gỗ.
 Cây gỗ không phân biệt,
 Nào lợi dưỡng, tôn ti,
 Cũng chẳng là quyến thuộc,
 Cho đến là thừa sự.
 Lợi tha không tự lợi,
 Chỉ muốn vì tất cả,
 Cho nên nói tâm mình,
 Trụ vững như cây gỗ.
 Nhất tâm trụ như gỗ,
 Với bà con bạn bè,
 Cho đến với 3 nghiệp,
 Không sinh yêu ghét sợ.
 Quán sát nơi phiền não,
 Như hư không, không chấp.
 Phải dũng mãnh kiên cường,
 Thường xuyên mà thụ trì.
 Không thiện nào thẹn, sợ,
 Nhất tâm cầu cho được.
 Thanh tịnh trụ Tam-muội,
 Thì được người tôn trọng.
 Dù địa vị ấu thơ,
 Không làm ai buồn giận.
 Tự mình không giận ai,

Từ bi hằng như thế.
Con thụ trì Thiên-na,
Khiến ý hằng tĩnh lặng.
Vì tất cả hữu tình,
Hằng ở nơi vô tội.
Niệm niệm từng giây lát,
Đa thời là tối thắng.
Như vậy tâm thụ trì,
Bất động như Tu-di.
Điều hâu tham ăn thịt,
Người tham thiện cũng vậy.
Thân tâm không tu hành,
Làm sao được xuất ly?
Làm sao giữ thân ý,
Trong mọi thời siêng năng.
Các người làm việc gì,
Đều phải tâm chuyên nhất.
Ngu mê không tự chế,
Vọng tham như thân gỗ.
Thân này do bất tịnh,
Làm sao lại luyến ái?
Xương cốt thịt liên kết,
Ngoài trang trí lớp da.
Tự biết khiến không tham,
Giải thoát bằng gươm tuệ.
Cắt đứt các thân phần,
Cho thấy trong tinh túy.
Quan sát kỹ tư duy
Làm sao thấy có người?
Nhất tâm quán như vậy,
Xét kỹ chẳng thấy người.

Làm sao thân bất tịnh,
 Mà tham ái giữ gìn?
 Trong thai ăn bất tịnh,
 Sinh ra uống máu sữa.
 Không ăn uống như vậy,
 Làm sao tạo thân này?
 Báo, điều giống tham ăn
 Không phân biệt thiện ác.
 Như người tham ái thân
 Thụ dụng thành nghiệp quả.
 Chỉ giữ thân như vậy
 Đến chết không từ, nhẫn,
 Với báo, điều không khác.
 Người sao làm như thế?
 Thân chết thức không ở,
 Áo cơm đâu giữ lại?
 Thân chết thức ra đi,
 Làm sao tham thụ dụng?
 Cho nên nay tác ý
 Không tham việc như vậy.
 Như vậy không xa lìa,
 Bị các bất thiện kia.
 Tựa như thân con người,
 Chi thể cầu thành tựu.
 Thụ thân, trí không tăng,
 Trở lại chịu khốn đốn.
 Ở đời thân không thân,
 Mặt nên thường vui vẻ.
 Như vậy thường tự chế,
 Tâm niệm hằng không bỏ.
 Cười không nên lớn tiếng,

*Không giỡn ném đệm ngồi,
Nhẹ tay đánh người khác,
Đức tin hằng tự giữ.
Như kẻ trộm, mèo, cò,
Đi không nghe tiếng động.
Tu tâm cũng như vậy,
Phải lia các thô động.
Điều gì người không ưa,
Không nghĩa lợi không nói.
Hằng được các đệ tử,
Ngưỡng vọng mà yêu kính.
Tất cả điều nói ra,
Nghe rồi khiến xưng thiện.
Vui làm các việc phúc,
Khen ngợi khiến hoan hỷ.
Trung thật nói đức kia,
Người nghe tâm ắt vui.
Khi muốn khen ngợi kia,
Trước hãy xem đức hạnh.
Tu các việc hoan hỷ,
Khó được kia thành tâm.
Siêng tu đức lợi tha,
Sẽ được báo an lạc.
Yêu ghét khổ nên bỏ,
Vì khổ lớn kiếp sau.
Khổ này ta không trụ,
Kiếp sau an vui lớn.
Lời thiện, tiếng nhỏ nhẹ,
Tâm bi nghe sinh vui.
Làm cho người vừa ý,
Sẽ tin lời chân thật.*

Hằng nghĩ thương hữu tình,
 Yêu hộ như đôi mắt.
 Vì người trụ chân thật
 Ất sẽ được thành Phật.
 Kia chân thật được thành,
 Đều được lợi bè bạn.
 Sát-na tu công đức,
 Là khổ an vui lớn.
 Công đức ân cần tu,
 Hằng làm thì tự được.
 Không khoe, không che giấu,
 Ai nói các việc đó,
 Đàn Ba-la-mật v.v...
 Là thù diệu tối thượng?
 Biệt hành phi tối thượng,
 Lợi hạ không viễn ly.
 Phật lợi tha như vậy,
 Hằng thường rất tha thiết.
 Thầy 3 cõi nhập diệt,
 Người xuất gia phân biệt,
 Ấn có đúng không đúng,
 Nào không rời 3 y.
 Toan cầu thân diệu pháp,
 Không khổ não chúng sinh.
 Với chúng sinh như vậy,
 Tùy ý được đầy đủ.
 Xả phi phải đến cùng,
 Xả ấy phải bình đẳng.
 Tâm bi thường thanh tịnh,
 Quả báo tự viên mãn.
 Tâm tịnh và trọng pháp,

Không cầm các binh khí,
Không cầm lọng che đầu,
Không các điều khinh mạn.
Là người nam người nữ,
Nói pháp thật rộng sâu.
Không phân người hơn kém,
Khiến chúng đều bình đẳng.
Pháp mà không rộng lớn,
Và làm điều phi pháp,
Tránh xa không kính lễ,
Ưu nói về Đại thừa.
Tắm rửa răng, nước bọt,
Không nhổ bỏ nơi sạch.
Nơi nước sạch nhà sạch,
Không được đại tiểu tiện.
Ăn không ngoạm đầy miệng,
Cũng không nhai ra tiếng.
Khi ăn không nói chuyện,
Cũng không mở miệng lớn.
Ngồi không được rung chân,
Đi cũng không huơ tay.
Không đi xe cùng gái,
Cũng không cùng ngồi nằm.
Những điều trái luật nghi,
Người thấy sẽ không thích.
Mọi người đã trông thấy,
Xa lìa không tôn kính.
Nếu có ai hỏi đường,
Không dùng một tay chỉ.
Phải đưa cả 2 tay
Chỉ đường người đi đến.

Phàm trong khi đi bộ,
 Không hoai tay nói chuyện,
 Cũng chớ nên búng tay,
 Giữ oai nghi như vậy.
 Dù thầy đã diệt độ,
 Phải học 4 oai nghi,
 Giữ giới hạnh không bỏ,
 Chắc chắn được Thánh quả.
 Bồ-tát hạnh vô biên,
 Giáo hóa cũng vô lượng,
 Phải dùng tâm thanh tịnh,
 Mà quyết định phụng hành.
 Trong một ngày một đêm,
 Chia ngày ba đêm ba,
 Hành đạo khắp tám hồi,
 Trụ tâm Phật Bồ-đề.
 Mình trụ tâm Bồ-đề,
 Cũng khiến người đạt được.
 Phật tử trụ học giới,
 Nhất tâm giữ như vậy.
 Phật giới thể thanh tịnh,
 Chẳng thấy có mây mại.
 Hằng làm hạnh như vậy,
 Phúc kia không thể lường.
 Vô thủy làm hữu tình,
 Hằng làm mà không khác.
 Là hữu tình như vậy,
 Hóa tất cả giác ngộ.
 Phải biết thiện tri thức,
 Như mạng không thể bỏ.
 Bồ-tát giới tối thượng,

Pháp Đại thừa cũng vậy.
Giải thoát nương thầy học,
Mà được sinh cát tường.
Phật Phật nói trí kinh,
Đọc kinh thấy giới pháp.
Nếu ai tâm hộ giới,
Thực hành ắt đã thấy.
Hoặc thân vị tâm vị
Phải vi tế quán sát.
Miệng tụng thân không hành,
Thì nào có được chi?
Ví như người bệnh nặng,
Chỉ nói thuốc men suông.
Trong Kinh Hư Không Tạng,
Nói Mô-la-ba-đề,
Nếu thấy tập giới định,
Rộng như trong kinh nói,
Thánh Long Thụ Bồ-tát
Nhất tâm tập hợp lại.
Tùy có ở nơi nào,
Khuyên hằng kính cúng dường.

(QUYỂN 1 HẾT)

KINH BỒ ĐỀ HÀNH (Bodhicaryâvatāra)

QUYỂN 2

Phẩm 4: TÂM BỒ-ĐỀ NHÃN NHỤC BA-LA-MẬT-ĐA (VI. Kṣāntipāramitā)

*Phụng hành các thiện nghiệp,
 Thí, giới là đi trước.
 Cúng dường chư Như Lai,
 Trăm ngàn kiếp không hết.
 Tu hành pháp Sắng-đề,
 Thì không khởi tội sân.
 Quán các thứ thể không,
 Cho nên nhất tâm nhẫn.
 Không được tham khoái lạc,
 Giữ ý cho bình đẳng.
 Tâm có bệnh giận buồn,
 Không ngủ hằng không đủ.
 Kia đây có thí chủ,
 Cung cấp các lợi dưỡng,
 Tùy kia tâm ái trọng,
 Không được sinh giận buồn.
 Phàm những sự thân cận,*

Không khởi tâm ganh ghét.
Không sinh tâm giận ai,
Thì mới được an lạc.
Như vậy nhẫn các việc,
Nếu đối với oan gia,
Mà trừ bỏ sân giận,
Thế mới được an lạc.
Trừ bỏ được sân giận,
Đời đời được an lạc.
Nếu oán sinh trong tâm,
Thì yêu cũng không thích.
Nếu nuốt lấy giận buồn,
Không nhẫn thiện không hoại.
Kia nuốt oán lớn ta,
Với ta không thiện lợi.
Biết kia oán không nuốt,
Cho nên nhẫn kiên cường.
Phàm thấy oan đến đi,
Hoan hỷ mà không giận.
Với oán nếu sinh giận,
Thì thiện lợi mất hết.
Tâm nhẫn thường như thế,
Cho giận không nổi lên.
Trụ nhẫn không thời tiết,
Giận oán tự không sinh.
Nếu ai tự giữ ái,
Không tạo nghiệp ác khẩu.
Khẩu nghiệp nếu không lìa,
Sau cảm oan gia khổ.
Sợ khổ không xuất ly,
Thì không tạo nhân khổ.

Cho nên kiên cố nhẫn,
 Sẽ được các an lạc.
 Kia Nội-lãng-nga tử,
 Tà kiến cầu giải thoát.
 Dao cắt lửa đốt thân,
 Chẳng lợi gì nhẫn ấy.
 Ngu si không chính kiến,
 Luống chịu khổ não lớn.
 Con dùng tâm Bồ-đề,
 Làm sao khổ không nhẫn?
 Mòng muỗi và rận rệp,
 Thường đòi khát khổ não.
 Ngứa ngứa làm phiền người,
 Trụ nhẫn thì không thấy.
 Lạnh nóng và gió mưa,
 Gông cùm và đánh đập,
 Bị các thứ khổ não,
 Nhẫn không cầu an lạc.
 Giết người máu tuôn chảy,
 Kiên cường tâm dũng mãnh,
 Cắt thân tự thấy máu,
 Kinh sợ mà té xỉu.
 Người trí tâm thanh tịnh,
 Thường sợ sân não xâm.
 Cùng phiền não chóng chõi,
 Tâm nhẫn hằng dũng mãnh.
 Rắn bò trên mặt đất,
 Như sân nép trong tâm.
 Giết nó là không dũng,
 Giết kia mới là hơn.
 Như Lai đáng Đại bi,

Thương khổ, nói luân hồi.
Khiến biết tội căn bản,
Trụ nhĩn không tạo tội.
Cha mẹ lo điều chi?
Sợ con bị chết đuối.
Giữ tâm là giận dữ,
Tự xa là khổ báo.
Vị như người vô trí,
Khiến tội mà được sinh.
Tu hành mà vô trí,
Sân sinh cũng như vậy.
Muốn trụ bất tư nghi,
Thì phải giữ tự tâm.
Tâm này sinh ái trọng,
Khiến giận không sinh khởi.
Nếu tham trần cảnh kia,
Mà tạo các thứ tội,
Do kia các nghiệp lực,
Mà không được tự do.
Với cảnh nếu không tham,
Không đâu chứa nhóm được.
Tâm hòa hợp không có,
Cho nên không có sinh.
Không tham mà không sinh,
Không được mà tự nói.
Vị con được như vậy,
Là sinh bất tư nghi.
Kia vô sinh, bất sinh,
Là được, làm sao có?
Xem xét nơi đây kia,
Được diệt hết không sót.

Tâm này hằng thanh tịnh,
 Ví như ngọc Ma-ni.
 Đổi màu ắt do nhân,
 Không nhân làm sao có?
 Khi quá khứ khởi hành,
 Khởi hành tạo tác chi,
 Thì tùy theo nhân kia,
 Ứng nhân mà cảm quả.
 Tất cả tuy do nhân,
 Nhân thiện ác do tâm.
 Nói câu tính tịch diệt,
 Như vậy có lỗi gì?
 Nếu lấy nhân hòa hợp,
 Là thích nơi khổ não.
 Tâm này không thể trụ,
 Người trí phải tự gắng.
 Cho nên thấy oan gia,
 Tưởng như thiện tri thức.
 Nhân hành hành như vậy,
 Sẽ đạt được an lạc.
 Các hữu tình như vậy,
 Do nghiệp không tự tại.
 Nếu thành tựu tự tại,
 Ai chịu đến nơi khổ?
 Tâm tán loạn duyên trần,
 Tâm bị đâm không biết.
 Ăn dứt ăn càng giận,
 Nơi khổ trở lại yêu.
 Tự mình không phúc hạnh,
 Lại yêu nghiệp trời buộc.
 Như ăn nuốt thuốc độc,

Rơi xuống bờ sinh tử.
Tự trụ là phiền não,
Thật do không tự giữ.
Muốn giải thoát người khác,
Việc này do đâu được?
Phiền não hôn mê bản
Khiến đến nỗi tự sát.
Nhiều độc không tâm bi,
Làm sao sân không giữ?
Tự tính đã ngu mê,
Vớ người thành nhiều loạn.
Sinh sân mà không nghi,
Như lửa năng thiêu đốt.
Hữu tình khi tính ngu,
Làm các điều làm lỗi.
Ngu mê nên như thế,
Như khói xông hư không.
Nếu ai sân không giữ,
Vì ngu mê vô trí,
Như cầm gậy xúi người,
Làm tăng thêm sân não.
Con trong đời quá khứ,
Làm khổ các hữu tình.
Cho nên nay thân này,
Bị khổ não nhẫn được.
Thân con ví như sắt,
Chịu kia đốt nung luyện.
Như kia sắt giữ thân,
Sao có bị khổ ấy?
Con nay xem thân này
Như hình tượng vô tình.

Tuy bị các khổ nã,
Mà giận không nổi lên.
Ngu mê khởi nghiệp ái,
Chẳng biết được gốc khổ.
Bị khổ duyên lỗi mình,
Làm sao sinh sân nã?
Như chịu khổ địa ngục,
Nào chim bay rừng kiếm,
Biết do nghiệp mình sinh,
Thì giận buồn từ đâu?
Con bị nghiệp như vậy,
Biết chỗ khởi lỗi này.
Cho dẫu vào địa ngục,
Cũng chẳng do ai làm.
Muốn hết nghiệp của con,
Thật vô biên vô lượng.
Nghiệp con đã như vậy,
Ở lâu trong địa ngục.
Lỗi của con như vậy,
Kia là oan gia con.
Làm sao phân biệt biết,
Ngu mê sân tạo tác?
Nếu ai tự hộ trì,
Đối oan nhẫn không giận.
Tâm này sinh công đức,
Làm sao vào địa ngục?
Tất cả nghiệp con làm,
Được nhân như lúc ấy,
Không nhẫn, sân không giữ,
Phá hoại sự tu hành.
Ý không tướng không hình,

Tán loạn tức phá hoại.
Do thân hộ trì nên
Thân khổ phải nhẫn chịu.
Con nơi khẩu ác nghiệp,
Không làm các lầm lỗi,
Thân không bị các khổ,
Làm sao tâm có giận?
Con ở trong đời này,
Tịnh tâm làm lợi hạnh.
Phàm ra làm việc gì,
Cốt yếu ở lợi tha.
Kìa không lợi phi ái,
Chắc bị tội không nghi.
Chi bằng nay chết đi,
Không tham thọ mạng tà.
Tà mạng dù sống lâu,
Chết sẽ đọa nẻo khổ.
Ví như ở trong mộng
Trăm năm hưởng sung sướng.
Như thật sự được vui,
Thức dậy sao không phải?
Khi ấy ví vô thường,
Và tuổi thọ sống lâu,
Biết 2 việc này rồi,
Thì nào có vui sướng?
Ở lâu trong hoan lạc,
Tự gọi được nhiều ích.
Như hành nhân bị cướp,
Trần truồng với tay không.
Phúc lợi theo tội giảm,
Tội cản trở lại sinh.

Phúc hết tội không sinh,
 Vì được lợi không sân.
 Kia vì sao sinh sống,
 Chỉ làm điều bất thiện?
 Như vậy không tư duy,
 Thiệt nào chẳng phá hoại.
 Không được ca ngợi sân,
 Vì phá hoại hữu tình.
 Như vậy tâm lợi tha,
 Sân kia không đâu sinh,
 Vì người tu tâm kia,
 Không trụ tâm nơi nhĩ.
 Thấy kia sinh phiền não,
 Thì khen công đức nhĩ.
 Tháp tượng và diệu pháp,
 Có hủy báng phá hoại,
 Phật cũng không khổ não,
 Với kia con không sân.
 Với thầy cùng quyến thuộc,
 Không tạo nơi ái nghiệp.
 Nay nhân quá khứ sinh,
 Thấy đó mà tự gắng.
 Giác tâm quán hữu tình,
 Hằng tại các khổ não.
 Thấy kia như vậy rồi
 Thì nhĩ được khổ não.
 Giận dữ và ngu si,
 Phân biệt lỗi như một.
 Lỗi độc hại như thế,
 Sao nói không lỗi được?
 Vì sao trong quá khứ

Mà tạo nghiệp hại người?
Như vậy các nghiệp nhân,
Gián đoạn đây làm sao?
Như Phật phúc cũng vậy,
Con nay nhất tâm làm.
Cùng tất cả hữu tình
Tâm từ hằng thấy nhau.
Như lửa cháy nhà kia,
Lửa cháy vào trong nhà,
Trong nhà nếu có cỏ,
Lửa sẽ tự lây lan.
Như vậy dụ cho tâm
Hòa hợp với lửa giận
Đốt cháy phúc công đức
Sát-na chẳng còn gì.
Nếu ai giết trong tay
Mà tha, thiện đáng khen,
Được khỏi khổ địa ngục,
Thiện này ai chẳng khen.
Nếu người ở trên đời,
Chút khổ không nhẫn được,
Địa ngục khổ vô lượng,
Nhân giận sao không dứt?
Con bởi khổ như vậy,
Trải trăm ngàn địa ngục.
Mỗi mỗi vì lợi tha
Mà làm chẳng vì mình.
Con không có như vậy
Các sự khổ não lớn.
Để là thế gian nên
Làm lợi hạnh như vậy.

Là khổ được an vui,
 Người đều khen công đức.
 Được người khen như vậy,
 Làm sao mà không vui?
 Kia đã được như vậy,
 Được an vui vô ngại,
 Hạnh lợi tha tối thượng,
 Người trí sao không gắng?
 Hạnh tối thượng như vậy,
 Được an lạc không tu,
 Kiến chấp này không bỏ,
 Là phá hoại chính kiến.
 Nếu kính ái người khác,
 Dùng đức mà ngợi khen,
 Ngợi khen đức người rồi,
 Mới là kính ái mình.
 Phải phát tâm Bồ-đề,
 Vì tất cả hữu tình,
 Khiến được các an lạc,
 Sao lại giận hữu tình?
 Phật vì cho 3 cõi,
 Muốn hữu tình thành Phật.
 Được thế lợi không thật,
 Tạo phiền não làm chi?
 Nếu cốt nhục của người,
 Đến họ hàng bà con,
 Dưỡng dục và mạng sống,
 Không vui sao giận sinh?
 Nếu kia cầu Bồ-đề,
 Phải dùng tâm Bồ-đề,
 Mà không yêu hữu tình,

*Phúc tự bỏ. Giận chi?
Nếu ai có nhu cầu,
Xuất tiền đại xả thí.
Chỗ cầu đã đạt được,
Hơn để tiền tại nhà.
Phúc công đức thanh tịnh,
Chướng gì mà không được?
Được rồi tự không nhận,
Như tu hành mà sân.
Tạo tội và tạo phúc,
Chẳng đồng chẳng tùy hỷ,
Lại cũng không y làm,
Tự mình chẳng gì được.
Nếu yêu nơi oan gia
Muốn cầu kia hoan hỷ
Lại cầu các lời khen,
Điều này không đâu được.
Tuy muốn lợi trọn vẹn,
Thì lại khổ không vui.
Tâm Bồ-đề không nhân,
Thì lợi sẽ không thành.
Cái móc ác phiền não,
Kéo người không tự do,
Giống như lính canh ngục,
Ném người vào lửa nóng.
Con vốn cầu lợi tha,
Đâu cần khen ngợi suông.
Không phúc không thọ mạng,
Không sức không an vui.
Lợi hành mình không trọn,
Người có trí phải biết.*

Về sau phải tự làm,
Sẽ trọn vẹn ái lạc.
Tu hành muốn được khen,
Như cầm dao tự sát.
Thế gian việc chẳng thật,
Vô ích không lợi lạc.
Ví như căn nhà nát,
Trong ngoài thấy mặt trời.
Cũng do khen ngợi hão,
Phải dụng tâm hiểu rõ.
Hãy tư duy âm thanh,
Khởi diệt đều bình đẳng.
Tâm lợi tha như thế,
Phải làm hạnh như vậy.
Với người nào có yêu,
Mà làm việc lợi ích?
Kia được an vui rồi,
Lợi ích mình chẳng không.
Kia đã được lợi lạc,
Đem tất cả khen ta,
Làm sao mà với ta,
Không vui oai đức nào?
Kia khen ta như thế,
Bởi ái kia tự được.
Kia không duyên như thế,
Như người ngu người mê.
Khen đây tuy ta được,
Mà mau phá không chấp.
Ganh ghét người chính đức,
Do đó mà nổi sân.
Khen đây thành chướng ngại,

Con nay không phát khởi.
Giữ không đọa nẻo ác,
Vì kia hành vô ngã.
Nếu hiểu các hữu tình,
Lợi dưỡng tôn ti buộc.
Khiến hữu tình giải thoát,
Ý đó làm sao giận?
Nếu ai muốn xả khổ
Đến vào cửa giải thoát,
Đó là oai đức Phật,
Làm sao ta giận họ?
Con không giận như vậy,
Vì chướng ngại phúc đức.
Tu hành bình đẳng nhân,
Không gì không đạt được.
Các tội lỗi tự thân,
Nhẫn nhục nên không làm.
Vì không tạo tội lỗi,
Nên tự được phúc đức.
Nếu người không có phúc,
An nhân thì tự sinh.
Thường khiến an trụ nhân,
Làm sao nói chướng ngại?
Muốn làm lợi ích người,
Không làm chướng ngại thí.
Vì chướng ngại xuất gia,
Là không được xuất gia.
Trên đời điều khó được,
Người xin có thể cho.
Con chỉ nói thiện lợi,
Không bị lỗi làm gì.

Bởi hạnh Bồ-đề kia,
Xa lìa mọi thứ oán.
Như xuất kho trong nhà,
Cho nên nói không khó.
Sám hối các nghiệp nhân,
Đó là điều trước nhất.
Cho nên với quả nhân,
Như vậy là được sinh.
Tâm không ngã sở kia,
Tâm đó mới trụ nhân.
Thành tựu bất tư nghị,
Cúng dường nơi diệu pháp.
Tâm này vì lợi tha,
Cho đến đem mạng sống.
Nếu vì oán không thí,
Sao còn nói là nhân?
Nơi các ác tâm kia,
Mỗi mỗi đều nhân nhục.
Nếu nhân được như vậy,
Là nhân cúng dường pháp.
Cõi Phật cõi chúng sinh,
Đại Mâu-ni nói vậy.
Nơi kia phụng sự nhiều,
Cảm được sự phú quý.
Như Lai và diệu pháp,
Bình đẳng cho hữu tình.
Vì tôn trọng chư Phật,
Cũng tôn trọng hữu tình.
Lập tâm như vậy thì
Không làm gì cho mình,
Vì kia đại bình đẳng,

Bình đẳng với hữu tình.
 Đại tâm đối hữu tình,
 Dem tâm từ cúng dường.
 Phát tâm như Phật phúc,
 Thì được phúc như Phật.
 Cho nên hành Phật pháp,
 Phật hữu tình bình đẳng,
 Không chỗ không bình đẳng,
 Biến công đức không bờ.
 Phật công đức tinh thuần,
 Công đức nào sánh được?
 Tuy cúng dường 3 cõi,
 Thấy đó mà không thể.
 Phật pháp ví như thầy,
 Là hữu tình tối thượng.
 Cúng dường các hữu tình
 Phải tác ý như vậy.
 Với quyền thuộc của mình,
 Không thể khởi lợi hạnh.
 Với người việc phụng sự,
 Không làm bị lỗi gì?

 Phá hoại thân vào ngục vô gián,
 Nếu kia làm rồi con cũng làm.
 Tâm rộng lớn vì các chúng sinh,
 Như vậy thường làm các việc thiện.
 Ví như người đời tự tại chủ,
 Bởi nơi việc mình không xứng ý,
 Làm sao vì kia mà làm con?
 Con làm chẳng phải tính nô bộc.
 Như Phật vào khổ mà không khổ,

Như được an vui lại hoan hỷ,
 Phải làm tất cả Phật hoan hỷ,
 Phật hoan hỷ vì kia làm việc này.
 Như thân phiền não mà đều có,
 Muốn kẻ thiếu thốn đều đầy đủ.
 Với hữu tình khổ cũng như vậy,
 Con không phương tiện, thương yêu suông.
 Cho nên khổ này con lìa xa,
 Khởi tâm đại bi cứu tất cả.
 Trước quấy nhiễu người tu nhẫn nhục,
 Tội ấy con nay xin sám hối.
 Con nay phụng sự chư Như Lai,
 Đồng với thế gian người nô bộc.
 Mọi người đạp chân lên đầu con,
 Cúi đầu hoan hỷ đồng như Phật.
 Thế gian tất cả giặc đều làm,
 Bởi bi mẫn nên không có ngại.
 Thấy đó tất cả không thể sánh,
 Cao cả như vậy ai không kính?
 Như vậy phụng sự chư Như Lai,
 Như vậy là tự lợi thành tựu.
 Như vậy là trừ đời khổ não,
 Như vậy con nay mới xuất gia.

 Ví như một ông vua,
 Điều phục được đám đông.
 Đông mà điều phục được,
 Vì là Thân vương lớn.
 Tuy một không cô đơn,
 Bởi có sức của vua.
 Ngăn cấm không khiếp nhược,

Cũng không có lỗi lầm.
 Bị mãi tâm trụ nhân,
 Sức như lính canh ngục.
 Dem hộ giúp hữu tình,
 Như việc dùng vua ác.
 Giận chẳng phải lệnh vua,
 Như khổ địa ngục kia.
 Phiền não nơi hữu tình,
 Khổ kia là tự chịu.
 Vui chẳng phải vua cho,
 Như được đồng chư Phật.
 Tâm thiện nơi hữu tình,
 Tâm này sao không nhận?
 Dem hộ cho hữu tình,
 Sau sẽ được thành Phật.
 Thấy cảm tôn trọng khen,
 Thiện này sao không thấy?
 Không bệnh lại đoan nghiêm,
 An lạc được sống lâu,
 Làm Luân vương phú quý,
 Đó đều do nhân được.

Phẩm 5: TÂM BỒ-ĐỀ TINH TIẾN BA-LA-MẬT-ĐA
(VII. Vīryapāramitā)

Người trí tu nhẫn nhục,
 Bồ-đề trụ tinh tiến.
 Biếng nhác phúc xa lìa,
 Như gió thổi bay đi.
 Sức tinh tiến thế nào?
 Cần phải phân biệt nói.

Biếng nhác không tinh tiến,
 Như độc phải tự quán.
 Tham đắm nơi ngủ nghỉ,
 Bảo an lạc vô sự.
 Khổ luân hồi đáng chán,
 Do từ biếng nhác sinh.
 Trong ngôi nhà phiền não,
 Sức biếng nhác dắt vào.
 Đã đến cửa vô thường,
 Làm sao nay không biết?
 Tinh tiến vì mình người,
 Hạnh này người không thấy.
 Biếng nhác và mê ngủ,
 Như bò nơi lò mổ.
 Như thế mà không thấy,
 Mọi nẻo đường đều dứt.
 Kia đã không được chi,
 Làm sao ham mê ngủ?
 Nếu được nơi oai nghi,
 Mà vô thường thoạt đến,
 Ra làm còn không kịp,
 Lấy gì trụ biếng nhác?
 Tinh tiến mà không tu,
 An nhiên nếu tinh tiến.
 Thoạt nhiên vô thường đến,
 Tư duy các khổ khổ.
 Thấy cửa Diêm-ma kia,
 Khổ tình lại càng gấp.
 Phút chốc mà lệ sa,
 Bà con không cứu được.
 Tai nghe tiếng địa ngục,
 Tự nghĩ nghiệp khổ đau.

Thân ở nơi bất tịnh,
Sợ hãi đến tột cùng.
Địa ngục khổ cực ác,
Sao còn tạo ác nghiệp?
Như cá sống trong vạc,
Nỗi sợ cũng như vậy.
Tạo nghiệp địa ngục rồi,
Là thụ khổ đốt nấu.
Thân cháy nát khổ não,
Làm sao được thanh tịnh?
Ma vương nhiều người khổ,
Bắt người đến vô thường.
Khổ vô thường đáng sợ,
Đó kết quả biếng nhác.
Ngu mê ham ngủ nghỉ,
Lỗi này cũng không kém.
Vào trong sông khổ lớn,
Lại chẳng được thân người.
Trừ vui pháp tối thượng,
Vô biên chúng tử vui.
Biếng nhác và đùa giỡn,
Nhân khổ sao người vui?
Thấy ôm sức giận nhiều,
Biết kia, tự tinh tiến.
Mình người đều ra làm,
Như mình người bình đẳng.
Con sao được Bồ-đề,
Mà không phân biệt làm?
Bởi Như Lai chân thật
Lời thật chính giải thoát.
Kìa muỗi mòng ruồi bọ,

Cho đến loài tôm ốc,
 Nếu được sức tinh tiến,
 Cũng sẽ được Bồ-đề.
 Chúng ta sinh làm người,
 Biết được lợi chẳng lợi,
 Hằng biết các tinh tiến,
 Sao không được Bồ-đề?
 Hoặc xả bỏ tay chân,
 Mà sợ hãi như thế,
 Ngu mê trái thầy dạy,
 Lợi ấy kia chẳng biết.
 Chặt phá và đốt nấu,
 Vô biên đều cứu thoát,
 Vô số kiếp Câu-chi,
 Mà chưa được Bồ-đề.
 Trái vô số khổ đây,
 Lâu mới chứng Bồ-đề.
 Ví như vết thương độc,
 Hết độc khổ mới hết.
 Làm thầy thuốc tất cả,
 Cứu chữa các bệnh khổ.
 Cho nên khổ tiêu trừ,
 Tất cả bệnh đều giảm.
 Cho nên nói cứu chữa,
 Thuốc ngọt không lợi bệnh.
 Thầy giỏi chữa bệnh nặng,
 Đều không cho thuốc ngọt.
 Trước sau đều như vậy,
 Người trí thầy đều làm.
 Sau dần rồi tiến tu,
 Xác thịt rồi xả bỏ.

Người trí coi xác thịt,
 Cũng như loài rau cỏ.
 Khô héo rã thành đất,
 Nên bỏ chẳng gì khó.
 Nếu thân gây tạo khổ,
 Tâm gọi là giả tạo.
 Người trí tâm không ác,
 Nên không ác nghiệp khổ.
 Biết pháp ý an vui,
 Đủ phúc thân an lạc.
 Không luân hồi giả tạo,
 Bị khổ đâu có buồn?
 Cầu hết tội quá khứ,
 Biển lợi tha phúc sâu.
 Sức này tâm Bồ-đề,
 Nhị thừa cần phải gấp.
 Lợi như vậy không vui
 Làm, làm sao bị khổ?
 Tâm Bồ-đề là xe,
 Người trí cỡi được vui.
 Vì thành tựu hữu tình,
 Ưa thí sức phương tiện.
 Thân lực khổ sợ làm,
 Quán sát chỉ ngợi khen.
 Dứt phân biệt như vậy,
 Thì tăng trưởng tinh tiến.
 Thân con có thể xả,
 Vượt qua thân phương tiện.
 Con tiêu trừ tự tha,
 Vô số các tội lỗi.
 Mỗi mỗi các tội lỗi,

Như kiếp hết không sót.
Tội lỗi mỗi mỗi hết,
Con không còn mảy may.
Vô biên khổ đã thoát,
Tâm con làm sao tồn?
Con cầu nhiều công đức,
Làm lợi cho tự tha.
Học mỗi mỗi công đức,
Kiếp hết học không hết.
Một mảy may công đức,
Đời con chưa từng làm,
Hoặc sẽ sinh đời sau,
Luống qua mà chẳng có.
Con muốn cúng dường lớn,
Cúng dường Phật Thế Tôn.
Vì nghèo không làm được,
Mà nguyện không trọn vẹn.
Không làm an kẻ sợ,
Không tu không an lạc.
Như vào trong thai mẹ,
Mẹ chỉ bệnh khổ não.
Quá khứ xa lìa pháp,
Con nay bị quả báo.
Sinh ra đã như vậy,
Phải tu hành pháp gì?
Tất cả thiện tâm căn,
Mâu-ni ở thế gian,
Căn kia hằng không thoái,
Thường được quả báo tốt.
Phiền não khổ triền miên,
Và bị các sợ hãi.

Với người ưa chướng nạn,
Sinh tội mà tự cảm.
Nếu ai ở nơi đâu,
Có thể khởi thiện nguyện,
Thì cảm các phúc kia,
Đạt được quả cúng dường.
Nếu ai ở nơi đâu,
Tạo tội cầu khoái lạc,
Thì cảm các báo kia,
Bị khổ khí xâm hại.
Trong nguyệt tạng mát mẻ,
Rộng rãi hương sạch thơm,
Tiếng Phật đệ nhất vị,
Không tu thì không được.
Con của đấng Thiện Thế,
Hiểu pháp của Thiện Thế,
Như hoa sen tối thượng,
Như mặt trăng nhân giác.
Diêm-ma linh canh ngục,
Lôi kéo hồn tội nhân,
Hầm lửa nước đồng sôi,
Quẳng vào mà đốt nấu.
Dao gậy các hung khí,
Cắt thịt trăm ngàn mảnh,
Rơi vãi trên sắt nóng,
Đây do nhiều bất thiện.
Cho nên tâm làm thiện,
Quan sát kỹ rất nhỏ.
Y theo cờ Kim cương,
Tu học và tác quán.
Sơ học quán hòa hợp,

Không quán gì phi học
 Mà không tới thượng danh,
 Người phải hồi tâm quán.
 Những gì làm trong đời,
 Tăng trưởng các tội khổ.
 Sự nghiệp trên không tu,
 Dưới lại chẳng cầu hơn,
 Phải biết 3 thứ việc
 Do nghiệp lực phiền não.
 Làm ác nhân tương lai,
 Như thế sao lại tạo?
 Phiền não ở thế gian,
 Bắt người không tự do.
 Con như người không thể,
 Cho nên con không làm.
 Tu hành các nghiệp dưới,
 Làm sao khiến trụ an?
 Phải quán ngã vô ngã,
 Và ngã sở tác này.
 Một giọt nước cam lồ,
 Quạ uống thành Kim sù.
 Ý con là nhỏ yếu,
 Chỉ thoát ít khổ nạn.
 Sân làm vô tâm khó
 Bởi vì tội bất thiện.
 Vô tâm thấy phát khởi,
 Rộng lớn thắng khó kịp.
 Cho nên thanh tịnh tâm,
 Làm tụng luận văn này.
 Khiến biết 3 cõi kia,
 Con xa lìa hý luận.

Con được thắng tất cả,
Không ai thắng được con.
Nay con đã tự biết,
Là con Phật sư tử.
Hữu tình lia ngã nhân,
Mà kia được tối thượng.
Không đâu hàng biếng nhác.
Biếng nhác tự đâu hàng.
Bị nẻo ác lôi kéo,
Thân thiện mau phá hoại.
Nô bộc kẻ ngu ác,
Ăn nhờ chịu gầy ốm.
Kia thụ nơi tất cả,
Tu hành trụ ngã mạn.
Thế mà được tiếng tăm,
Thấp hèn không thể nói.
Như vậy nếu dững mãi,
Tự thắng oan gia kia.
Dững mãi tu hạnh này,
Mạn, oan không thể thắng.
Tâm kiêu ngạo nếu khởi,
Đó chính thật oan gia.
Thắng quả tuy muốn sinh,
Quả ấy thấy đều bỏ.
Như sư tử tinh tiến,
Trong đám thú phiền não,
Thú phiền não ngàn vạn,
Tuy đông không địch nổi.
Đời có khổ não lớn,
Người tự thấy đủ cả.
Phiền não không hàng phục,

Mới bị khổ như vậy.
 Con thà khiến đầu rơi,
 Hoặ̣c moi tim rút ruột,
 Phiền nạ̃o các oan gia,
 Nhất thiết không hàng phục.
 Nhân tu tinh tiến này,
 Nghiệp kiêu mạn đựợc hết.
 Đạt đựợc quả báo tốt,
 Tự cảm thấy an vui.
 Vì tu nhân an lạc,
 Mà sao lại không đựợc?
 Chỗ tu không quyết định,
 Cũng đựợc không thù thắng,
 Luân hồi dục không đủ,
 Như liếm mật lười dao.
 Phúc cam lồ nếu tham,
 Ăn rồi sinh đẹ̣p đẹ̃.
 Cho nên nghiệp tịch tĩnh,
 Cảm diệu quả đi theo.
 Mặt trời âm trắng lạnh,
 Ngày đêm đụổi theo nhau.
 Nếu có sức tinh tiến,
 Phá đựợc sự biếng nhác,
 Đạt đựợc viễn ly nên
 Thâm tâm sinh ái lạc.
 Phiền nạ̃o cây gậy cứng,
 Đáu lại dùng gươm tụệ.
 Dụ kiếm gậy chộ́ng nhau,
 Như người nữ cùng học.
 Cầm kiếm mà không sức,
 Mát kiếm càng sợ gáp.

Kiểm mắt cũng như vậy,
Địa ngục ở trong tâm.
Thế gian biết người thiện,
Không chịu uống máu độc.
Tâm lỗi cũng như vậy,
Tâm lỗi mà không làm,
Xuất gia tâm tinh tiến,
Như tay bưng bát dầu,
Bát rơi ắt sẽ chết,
Rơi bát nên sợ hãi.
Lười biếng và mê ngủ,
Như ôm lấy rắn độc.
Không bỏ sẽ bị thương,
Nên gấp gấp phải bỏ.
Mỗi mỗi các lỗi sâu,
Phải hồi tâm suy nghĩ.
Lỗi này không thể giữ,
Làm sao lại tái phạm?
Cái nghiệp nhân hòa hợp,
Dứt bằng gương chính niệm.
Làm sao gọi tự vị,
Mà đạt được niệm này?
Không phát tâm chính niệm,
Mây may không thể diệt,
Nghiệp sau nếu đi đến,
Tất cả đều chịu báo.
Như sợi Đâu-la-miên,
Cứ theo gió qua lại,
Người tinh tiến cũng thế,
Được tăng thượng như vậy.

(QUYỂN 2 HẾT)

KINH BỒ ĐỀ HÀNH (Bodhicaryâvatāra)

QUYỂN 3

Phẩm 6: TÂM BỒ-ĐỀ TĨNH LỰ BA-LA-MẬT-ĐA (VIII. Dhyānapāramitā)

Phật hỷ tinh tiến tăng,
 An trụ thiền định ý.
 Thương kia người tán tâm,
 Ở trong mê phiền não.
 Con nay biết thân tâm,
 Không sinh nơi tán loạn.
 Cho nên xa thế gian,
 Cũng là xa nghi hoặc.
 Hạnh lợi ích đáng yêu,
 Yêu, không là thế gian.
 Người có trí tư duy,
 Cho nên đây đều xả.
 Y nơi Xa-ma-tha,
 Và Vĩ-bát-xa-năng,
 Như vậy mà khởi hành,
 Phá hoại các phiền não.
 Trước cầu Xa-ma-tha,
 Không nhờ hạnh thế gian.

Vô thường mà hằng hữu,
Với ái đâu cần đến.
Nêu thấy trong ngàn đời,
Cũng chẳng khởi ái trước.
Không thích Vĩ-bát-xá,
Cũng chẳng trụ Đẳng trì.
Thấy rồi không dừng bước,
Là lo quá khứ khát.
Như thật mà không thấy,
Đâu hết được phiền não.
Ý duyên nơi ái tập,
Bị phiền não đốt cháy.
Suy nghĩ kia rơi xuống,
Mạng ngắn trụ chốc lát.
Bạn lành chẳng dài lâu,
Không thành pháp kiên cố.
Hành đồng với ngu mê,
Quyết định đọa nẻo ác.
Sao được đồng ngu mê,
Bởi độc chia nhau dắt.
Mà với quyến thuộc mình,
Sát-na bị oán hận.
Tính dị sinh phạm phu,
Vui giận là bất định.
Giận nhiều thừa sự khó,
Xa lìa các thiện lợi.
Tâm hạ liệt tự khen,
Trói buộc tội yêu ghét.
Kia không bỏ giận dữ,
Sẽ phải đọa nẻo ác.
Ngu mê không nhiếp tâm,

Vì thế không công đức.
 Khen mình chê bai người,
 Luân hồi mình tự chịu.
 Ngu mê cứ nắm giữ,
 Mà trụ các bất thiện.
 Bất thiện không hòa hợp,
 Việc ấy đều đạt được.
 Một đời con cam chịu,
 Mà tâm chẳng tham lam.
 Xa lìa các ngu mê,
 Sẽ được ái thừa sự.
 Không làm việc ngợi khen,
 Trụ nơi việc thiện nào?
 Ví như ong làm mật,
 Lặng lẽ mà thành tựu.
 Con làm khắp mọi nơi,
 Mà như chưa hề làm.
 Hằng được có nhiều người
 Khen ngợi và kính yêu.
 Nếu mê các nơi ấy,
 Làm thích thú khoái lạc,
 Do đó trong thế gian,
 Bị sinh tử sự hãi.
 Cho nên là người trí,
 Sợ hãi nơi sinh tử.
 Biết ngàn thứ khổ não,
 Trụ và quyết định chịu.
 Nếu trong khoảng sát-na,
 Tự tu hành tinh tiến,
 Đạt được tiếng khen tốt,
 Lại được nhiều lợi dưỡng.

Bởi người cùng lợi kia,
Chê ta không công đức,
Như vậy càng chê bai,
Ta hoan hỷ như khen.
Dù chê bai không giận,
Khen ngợi cũng chẳng vui.
Chư Phật và hữu tình,
Các thứ đều như vậy.
Khen ngợi được công đức,
Chê bai chịu khổ báo.
Người đời không suy nghĩ,
Cho đó là ngu si.
Tự tính khổ cùng trụ,
Kia sinh nào có vui?
Ngu mê chẳng bằng hữu,
Đó là Như Lai nói.
Nếu ở trong ngu mê,
Tự lợi ưa đủ thứ,
Nếu vào cửa lợi tha,
Như vậy là yêu mình.
Không chê bai hữu tình.
Không nhất tâm thừa phụng.
Làm tổn hại lợi vật,
Như phiền não hủy thiện.
Như cung điện trời kia,
Và nơi nhà thiện căn,
Tùy theo tâm yêu thích,
Tùy ý được tốt đẹp.
Tự tính là rộng lớn,
Đây là chỗ vô ngại.
Kia cái chưa từng thấy,

Cũng không thể quan sát.
Phủ quý như cái khuôn,
Tuy thành không chắc chắn,
Thụ dụng có tự do,
Mà khổ não chóng đến.
Như lấy trộm áo người,
Chia nhau mặc cho mình,
Đi đứng chẳng tự do,
Khổ não mong cầu thoát.
Cân nhắc nơi tự thân,
Kia là pháp khổ não.
Thân của ta như vậy,
Thân đó ắt sẽ hoại.
Quán sát nơi thân này,
Tính và thân lìa nhau.
Tính thì không thể hoại,
Thân bị hổ báo ăn.
Một đời rồi phải chết,
Hữu tình giới là thế.
Kia còn thấy gì đâu?
Các đại đều phân tán.
Như người đi đường xa,
Muốn đến chỗ nghỉ chân.
Lo khổ không gì khác,
Chỉ cầu không trở ngại.
Dụ luân hồi cũng vậy,
Đều chịu pháp sinh trụ.
Chỉ có 4 hạng người,
Mới đạt được viễn ly.
Như vậy một thân này,
Oan gia chẳng khen ngợi.

Thật được thành như vậy,
Không chán ghét thế gian.
Quá khứ ở thế gian,
Sinh tử không hối hận.
Chỗ đi đi không gần,
Lìa được khổ thế gian.
Niệm Phật tâm miệng đồng,
Không có người ghét chê.
Cho nên thân ý hoà,
Tĩnh lặng không phiền nhiễu.
Con hằng làm như vậy,
Diệt hết các phèn nã.
Giải thoát nơi tự tâm,
Lại giải thoát tất cả.
Được tâm bình đẳng này,
Đời này và đời sau,
Dứt khổ trôi buộc kia,
Cho đến cả địa ngục.
Nếu có nam hoặc nữ,
Chấp tay tâm cung kính,
Thiện lợi không kể hết,
Có thể nói không tội.
Nếu khéo đem tiền mình,
Xa lìa, vứt bỏ sợ.
Dù đi hay không đi,
Được tĩnh lặng cao tốt.
Người kia đã được thế,
Con cũng được không khác.
Hiểu rõ hạnh như vậy,
Sao không tìm tĩnh lặng?
Nhất tâm trụ tham ái,

Bị dắt xuống nẻo dưới.
 Nghiệp cảm của Diêm-ma,
 Trước mặt trông đáng sợ.
 Cửa ấy là oan gia,
 Phiền não nay không đồng,
 Rõ ràng trụ tham ái,
 Nay thấy nói làm sao?
 Tội lỗi tự che giấu,
 Mỗi mỗi người trông thấy,
 Kia nay có ăn nuốt,
 Đố kỵ sao không hộ?
 Điều hâu thường tham ăn,
 Chỉ thích thứ thịt béo.
 Lại dùng máu trau tria,
 Riêng trọng thức ăn này.
 Như thấy hình dạng quý,
 Gầy khô mà cử động.
 Tướng mạo đã như thế,
 Thấy càng thêm khiếp sợ.
 Miệng môi răng nước bọt,
 Đều từ bất tịnh sinh.
 Bất tịnh chẳng phải thứ
 Ăn uống thích sao được?
 Chạm xúc Đâu-la miên,
 Mịn màng thật vui thích.
 Mùi xú uế tiết ra,
 Kẻ dục tâm tự mê.
 Tham này là khổ cái,
 Người mê đắm chấp say.
 Không đắm thì vô sự,
 Làm sao không tự là?

Tướng suy già tùy sinh,
Thịt bùn thêm đấm nhiễm.
Chẳng biết kia không ảo,
Lại thích đồ nôn ọe.
Như đẫy chứa bất tịnh,
Người mê chẳng nghĩ suy.
Bất tịnh nhiều như vậy,
Mà sao người lại thích?
Thịt thân chẳng do sạch,
Trí ngu thấy đều thấy.
Tự tính vốn vô tâm,
Làm sao vọng yêu thịt?
Nếu kia không ái tâm,
Là được thấy rõ ràng.
Nếu không tâm đây kia,
Tự chẳng thấy nôn ọe.
Riêng có phi bất tịnh,
Mà tự chẳng hy hữu.
Như vậy không tự tịnh,
Kia người chẳng hy hữu.
Ngu mê tâm bất tịnh,
Thử dụ như hoa sen,
Mặt trời tuệ chiếu nở,
Thân chẳng tịnh sao yêu?
Bất tịnh nay vô thường,
Nhiễm ái nay bất chính,
Muốn xuất thân chính tịnh,
Làm sao do ái nhiễm?
Làm sao nôn ọe kia,
Do tham bất tịnh ấy.
Nơi đất bất tịnh kia,

Hạt giống mọc lớn lên.
Ngươi thụ thân bất tịnh,
Thân đó nơi trùng tỵ.
Thân đó là phi tịnh,
Phi tịnh không thể yêu.
Bất tịnh không phải một,
Mà ngươi tự không chán.
Không đồ bất tịnh riêng,
Đồ này ai yêu nhiều.
Long não và phấn hương,
Ăn uống cho thỏa thích,
Vào miệng tối thượng vị,
Là đất hợp thanh tịnh.
Nếu phân biệt rõ đây,
Bất tịnh kia không là.
Ô uế bỏ gò má,
Thân này cũng như vậy.
Lột da thịt nhầy nhụa,
Trông thấy mà phát sợ.
Đã biết kia vậy rồi,
Sao còn sinh yêu thích?
Bạch đàn hương thơm sạch,
Thân không được như vậy.
Vì sao hương thù thắng,
Đem tâm riêng yêu thích?
Tự tính hôi nếu tham,
Chẳng thích nơi tĩnh lặng.
Các hương với các pháp,
Tất cả đều ô nhiễm.
Nếu tóc móng ra dài,
Răng nhiễm bản đen sì,

Mồ hôi sinh nhớp nhúa,
Ác tính thân lỏa lỏa,
Cuồng loạn tự si mê,
Muốn đi khắp đại địa,
Lại mang theo khí giới,
Một lòng đợi tự sát,
Rừng lạnh trơ xương khô,
Thấy liền phát ác thanh,
Làng xóm xương khô động,
Người mê lại thích yêu.
Bất tịnh là như vậy,
Khổ này được kia yêu.
Như kia trong Na-lạc,
Khổ thống nào chẳng chịu.
Tuổi trẻ tham hưởng lạc,
Chẳng cầu sức thắng thiện.
Tuổi trẻ nếu không cầu,
Đến già thì làm sao?
Như mặt trời sắp lặn,
Có làm sợ không kịp.
Lại như bầy hươu nai,
Đến tối trở về không.
Tích trượng bát tùy thân,
Trên đường đi khốn khổ.
Như bê con theo mẹ,
Cũng vậy không gì sợ.
Nếu tự vì dục mê,
Tự bán làm nô bộc,
Kia không được tự tại,
Cũng tùy theo nghiệp dất.
Như sản phụ trong rừng,

Chiến trận mạng khó giữ.
Người mê bị dục cuồng,
Cây ta có nô bộc.
Người đoạn dục tâm tịnh,
Thăm xét được các khổ.
Thấy kia bị lửa đốt,
Sắp bị mũi thương đâm.
Người mê cầu cảnh dục,
Được vui trong giả dối.
Vô biên việc không lợi,
Thanh tịnh đều phá hoại,
Của hư ảo thế gian,
Người ngu tham không chán.
Qua lại khổ luân hồi,
Biết bao giờ giải thoát?
Như vậy tham mùi dục,
Người dục chịu không ít.
Như bò kéo xe nặng,
Mà chẳng được nắm cỏ.
Mùi dục với không cỏ,
Có ít ai thấy được.
Thấy rồi mới biết sai,
Sát-na giác hy hữu.
Mà thân làm như thế,
Nhất thời bị mệt mỏi.
Chẳng tu thắng định nghiệp,
Ắt sẽ đọa địa ngục.
Kia trăm kiếp Câu-chi,
Chia chịu khổ không biết.
Kia làm các khổ lớn,
Chẳng vì cầu Bồ-đề,

Không khí giới lửa độc,
Không vách núi oan gia.
Người lìa dục như thế,
Thoát ly địa ngục khổ.
Xa lìa dục như vậy,
Sinh ái lạc phân biệt.
Ái lạc chẳng không xứ,
Mà tranh Thiện Lâm địa.
Thiện Tài Nguyệt Quang Minh,
Bạch đàn hương tịnh khiết.
Trong lầu gác rộng báu,
Đi lại rất khoái thích.
Thiện Lâm không tiếng ồn,
Thanh tịnh gió mát thổi
Nơi đó thật tĩnh lặng,
Tư duy tâm sáng khoái.
Nếu ở có gì thích,
Nhà trồng dưới cây rìng,
Xả ái lìa phiền não,
Tự tại hộ căn thức.
Nơi đó không chủ tế,
Tùy đi đứng tự tại.
Vui thích thụ khoái lạc,
Khác gì trời Đế Thích?
Quán công đức trí tuệ,
Và các pháp như vậy.
Lại chính tâm Bồ-đề,
Tiêu trừ các nghi hoặc.
Trước sẽ quán như vậy,
Rồi tự tha không hai.
Tự mình tất cả hạnh,

Khổ vui cũng bình đẳng.
 Tay ra làm các việc,
 Giữ gìn như một thân.
 Phấp hoai, không hoai đời,
 Khổ vui cũng như vậy.
 Như khổ của riêng mình,
 Mỗi mỗi đều tiêu hết.
 Ta thụ trì như vậy,
 Là vì chúng hữu tình.
 Nếu như ta yêu người,
 Khiến được vui bình đẳng,
 Kia được an vui rồi,
 Với ta còn gì hơn?
 Nếu ta không yêu người,
 Kia bị khổ sợ hãi,
 Kia không thoát khổ sợ,
 Với mình khổ sợ hơn.
 Nếu nay bị khổ hại,
 Là do không ái hộ.
 Vị lai khổ hại thân,
 Làm sao mà hộ được?
 Nếu ta trụ tà kiến,
 Lại còn khởi ngã mạn,
 Như vậy bị sinh khác,
 Như vậy bị chết khác,
 Tạo tội chẳng tạo tội,
 Như tay với chân kia,
 Tay chân khổ không đồng,
 Làm sao đồng nói hộ?
 Vì thế biết không hợp,
 Tâm trụ nơi ngã mạn.

Hợp ấy phải dứt hết,
Kia phải tự tùy sức.
Chúng tử lần lượt nhóm,
Sắp xếp như quân ngũ.
Nếu đây mà không khổ,
Kia chẳng biết được gì?
Khổ vốn chẳng chủ tể,
Đòi tất cả không hơn.
Nếu trụ nơi Thi-la,
Thì khổ không thể lập.
Nếu trụ giới thanh tịnh,
Ngăn được tất cả khổ.
Tất cả khổ không nhân,
Thì các khổ không có.
Bi khổ vì sao nhiều,
Sức gì có thể sinh?
Suy nghĩ trong thế gian,
Cho nên nhiều bi khổ.
Một khổ chẳng phải nhiều,
Thấy hữu tình bị khổ,
Bi khổ như vậy sinh,
Nơi tự tha bình đẳng.
Tự khổ chẳng tiêu trừ,
Muốn tiêu trừ tha khổ.
Cho nên Diệu Nhân Nguyệt,
Nói câu hữu tình kia.
Người thiện quán như vậy,
Tha khổ hộ như nhau.
Dầu ở ngục Vô gián,
Như ngỗng lội ao sen.
Vì giải thoát hữu tình,

*Kia như biển hoan hỷ.
Như vậy hằng không đủ,
Như vị giải thoát kia.
Làm tức là lợi tha,
Không ngã, không nghi ngờ.
Lợi tha không mong cầu
Quả báo. Ai bảo ái?
Cho nên ta như thế,
Không đức mà tự gọi
Bi tâm với hộ tâm.
Khởi vị tha như vậy.
Người trí biết vi tế,
Máu Du-yết-la thấy.
Người trí biết được đây,
Quan sát vật không thật,
Là thân, chẳng ai khác,
Sao tự mình không biết?
Bởi tự biết thân khác,
Như vậy nên không khó.
Tự biết mình có lỗi,
Chẳng biết công đức người.
Tự tính không thích xả,
Luống quan sát tha thí,
Sự hòa hợp thân này,
Nhân duyên như võ tay.
Đó là duyên thế gian,
Hữu tình sao chẳng biết,
Làm sao học vô sinh?
Như học mà tự biết,
Tự thân mà phi thân,
Bởi thân tự như tha.*

Như vậy là lợi tha,
Làm rồi không nghi ngại.
Quả chín rồi tự thụ,
Sẽ được vô sinh kia.
Cho nên thế gian học,
Bi tâm với hộ tâm.
Ái tâm này tự che,
Sâu nặng như phiền não.
Biết hữu tình sợ hãi,
Làm thầy dạy cho học.
Nếu học được như vậy,
Tuy khó mà chẳng lui.
Sa-môn thấy sợ hãi,
Kia kẻ không được hộ,
Nếu mình cùng với người,
Mau chóng mà phải cứu.
Giận như oán sợ nhiều,
Không yêu sợ được ít.
Dùng bí mật tối thượng,
Tự tha chuyển làm lợi.
Thủy, bộ và trên không,
Chớ khiến người giết hại.
Như nếu là hiện nay,
Cứu độ kẻ đói khát.
Nếu ai vì tài lợi,
Giết cha hủy Tam Bảo,
Thấy đời ác trang nghiêm,
Chết vào ngục A-tì.
Sao lại có người trí,
Thấy ái mà cứng dờng,
Thấy oán không muốn thấy,

Làm sao nói cúng dường?
 Kìa quỷ là tự lợi,
 Xả đó thụ cái gì?
 Lợi tha mà không sinh,
 Làm sao xả thụ dụng?
 Lấy tự lợi hại người,
 Là thụ sinh địa ngục.
 Tự hại mà lợi tha,
 Các công đức đầy đủ.
 Tác ý Thiện Thệ thấy,
 Như vậy đi nơi khác.
 Hạ liệt chẳng tự ái,
 Ngu si vào nẻo ác.
 Tự lợi biết vi tế,
 Nay đọa làm nô bộc.
 Lợi tha vi tế biết,
 Sẽ làm Tự tại chủ.
 Đòi có những kẻ khổ,
 Xưa tự mê tham ái.
 Đòi có kẻ sung sướng,
 Xưa lợi lạc cho người.
 Cần chi nói nhiều thứ,
 Ở trong đây đã thấy.
 Ngu mê vui cho mình,
 Mâu-ni lợi người khác.
 Chẳng cầu Phật Bồ-đề,
 Luân hồi sao vui được?
 Mình khổ muốn cho người,
 Luân chuyển do đâu được?
 Quán sát nơi đời sau,
 Thiện lợi không thành tựu.

Khởi nghiệp nơi nô bộc,
Người chủ trở lại chịu.
Lợi lạc cùng với nhau,
Người mê thấy lìa bỏ,
Mà lại cùng nhau khổ,
Sẽ thụ ác khổ báo.
Nếu bị tai họa khổ,
Cho đến khổ kinh sợ,
Kia tất cả tự làm,
Vì sao làm như vậy?
Không thể xả tự thân,
Thì không thể lìa khổ.
Như không lìa nơi lửa,
Không thể hại cháy lớn.
Khổ mình nếu trừ được,
Có thể trừ khổ người.
Bởi tự tha thụ kia,
Nên lấy làm ví dụ.
Người nay không nghĩ khác,
Lợi ích các hữu tình,
Người quyết định tác ý,
Nghiệp nhân có phân biệt.
Mắt lấy thấy làm năng,
Sở quán không phải mắt.
Tay cầm nắm là dụng,
Bị cầm, đâu phải tay?
Chỉ vì các hữu tình,
Cũng chẳng trụ thân kiến.
Lìa kiến là Thiện Thế,
Thường làm lợi như vậy.
Thấy người hạ phẩm kia,

Mà khởi tự tha kiến,
 Tuy quán yêu ghét kia,
 Tâm ta không nghi hoặc.
 Quán vô ngã như vậy,
 Đạt được vô ngã ngã.
 Chê bai và ngợi khen,
 Không khổ cũng không vui,
 Ta tạo tác nghiệp nhân,
 Được thiện an trụ kia,
 Khiêm hạ đời trên hết,
 Không đức mới có đức.
 Bởi đức kia không khen,
 Tất cả đức tự có.
 Khiêm hạ được như thế,
 Thắng ngã do đây được.
 Là giới kiến, phiền não,
 Do được sức vô ngã,
 Như thuốc chữa bệnh nhân,
 Tùy dược lực khác nhau.
 Ta chữa trị như vậy,
 Tự thấy là làm sao?
 Nhưng tự có công đức,
 Đức kia ta không trụ.
 Các cửa ác địa ngục,
 Nơi kia sâu không sinh.
 Bởi vì có công đức,
 Đó mới là người trí.
 Nếu từ binh đẳng quán,
 Lợi ích tự tăng trưởng.
 Tự lợi phân tôn ti,
 Đấu tranh mà thành tự.

Đó tất cả thế gian,
Ai được thấy công đức?
Nếu tên công đức này,
Không nghe người này được,
Tội che khuất tâm báu,
Là không tự cúng dường.
Nơi phần lợi ích mình,
Mà hoàn toàn không được.
Có thấy mà tạm vui,
Lâu ắt sẽ không vui.
Như vậy tất cả người,
Mỉm cười mà chê bai.
Hạ liệt tâm ngã mạn,
Tự thắng ghét người đồng.
Khoe trí tuệ dung nhan,
Dòng họ và của cải,
Cho đây là đức mình,
Thường muốn nghe khen ngợi.
Nghe khen sinh thắng tâm,
Hoan hỷ mà được vui.
Lấy đây làm được lợi,
Tự gọi sức công đức.
Đời trước tạo chút nhân,
Được nghiệp bất chính này,
Hết chút báo này rồi,
Hàng ở nơi luân hồi.
Như vậy trong luân hồi,
Chịu trăm ngàn khổ kia.
Quá hơn vô biên kiếp,
Biết bao giờ xuất ly?
Bị khổ rất khôn đốn,
Tâm tội mà không biết.

Vì không biết như vậy,
Lâu mới phát giống thiện.
Sau thấy Như Lai nói,
Chân thật được công đức.
Ngươi nếu thấy quá khứ,
Không thụ ác nghiệp kia.
Bồ-đề chính an lạc,
Vui này không được lìa.
Cho nên lấy làm dụ,
Du-yết-la kia thấy,
Ngươi làm sao lại tạo,
Ngã mạn và bất thiện.
Các hành đến thân rồi,
Có quán cũng không thấy.
Đạt được lìa như vậy,
Lợi tha ngươi thường làm.
Mình vui mà người khổ,
Làm thế là thấp kém.
Tự trong một tâm ngươi,
Với người tạo yêu ghét,
Giữa chừng chợt tư duy,
Việc này làm hồi nào?
Bèn tự bỏ khoái lạc,
Cũng không làm người khổ.
Thà tự phải rơi đầu,
Không tạo tội lại nữa.
Cho đến một tội nhỏ.
Đây Đại Mâu-ni nói.
Dùng các thiện thắng khác,
Mà ngậm ngợi khen người,
Như đây tớ thờ chủ,
Mà phụng sự hữu tình.

Kia trụ nơi tội lỗi,
Không định, không công đức,
Tự như người không biết,
Làm ý công đức này.
Ngươi nếu khẩn trương làm,
Vì mình và vì người,
Khẩn trương làm như thế,
Khổ não tự thoái lui.
Tu này là đệ nhất,
Mà chưa được công sức,
Dụ Tân trụ oai nghi,
Do tài mà kinh sợ.
Thụ trì thân như thế,
Hàng tâm không tán loạn.
Ngươi phải trụ như vậy.
Sao ngươi không làm thế?
Do thường làm quán sát,
Khiến vọng tâm không khởi.
Như vậy điều phục ta,
Dứt tất cả lỗi lầm.
Thấy ta đi đến đâu,
Vô minh thấy đều hoại.
Đồng với quá khứ kia,
Như ngươi đã hoại ta.
Tự lợi ta nay có,
Sẽ xa lìa không lâu.
Như người bán người khác,
Khổ nhiều không tự tại.
Ngươi không cùng hữu tình,
Tuy gọi không tán loạn.
Cho nên như đem người,
Giao lính ngục không khác.

Các thứ ở trong ngực,
 Bị hại cũng dài lâu.
 Đây được là tự lợi,
 Oán niệm kia không sinh.
 Không làm nơi tự ái,
 Mà tự ái được có.
 Nếu thấy tự hộ trì,
 Vì hộ trì không thật,
 Thân này mới như như,
 Mà làm việc giữ gìn.
 Được thương phẩm nhu nhuyễn,
 Đến đây cũng như vậy.
 Nếu đây mà được đến,
 Như đất nhận tất cả.
 Nếu không thể viên mãn,
 Thì ái cần dụng tâm.
 Phiền não của ái tâm
 Mà không thể phá được,
 Như kia giàu sang lâu,
 Không thể cầu tất cả.
 Nếu tham vật của người,
 Không thụ nơi tên hiền,
 Cho nên cầu tăng thắng,
 Thân tâm không phóng dật.
 Ái kia trọn diệt hết,
 Động này, bất giác này,
 Thân bất tịnh các ác,
 Đây ta làm sao chấp?
 Thân ta đây làm sao
 Tuy sống mà phải chết?
 Với đất cát không khác.
 Ngã kiến sao không phá,

Vì thân này không thật,
Luống chịu các khổ não.
Sao lại với vô tình,
Lại sinh khởi giận dữ?
Ta nay luống nuôi dưỡng,
Kết cuộc báo điều ăn.
Đến thế không yêu giận,
Yêu kia làm sao lập?
Nếu kia trụ giận dữ,
Nên hoan hỷ cúng dường.
Kia không biết như vậy,
Làm đau khổ mà chi?
Ta nay yêu thân này,
Vì là vật thân yêu.
Tất cả yêu tự thân,
Làm sao ta không yêu?
Cho nên ta xả thân,
Là xả cả thế gian.
Xem đó nhiều tội lỗi,
Ví như đồ giữ nghiệp.
Nghiệp đó thế gian làm,
Ta bỏ mà tùy thân.
Tĩnh niệm không tán loạn,
Sẽ đoạn dứt vô minh.
Cho nên phá phiền não,
Ta ở trong thiền định.
Tà đạo không dấy tâm,
Tự gọi tới thượng trụ.

(QUYỂN 3 HẾT)

KINH BỒ ĐỀ HÀNH (Bodhicaryâvatāra)

QUYỂN 4

Phẩm 7: TÂM BỒ-ĐỀ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA (IX. Prajñāpāramitā)

*Như Lai trí tuệ nhân,
Vi tất cả thế gian,
Khiến cầu xa lìa khổ,
Cho nên trí tuệ sinh.
Chân như và thế gian,
Nay nói 2 pháp đó.
Biết Phật chân như nên
Thuyết pháp mà trí tuệ.
Phàm phu thế gian kia,
Thấy 2 thứ tương ứng.
Hại với lại thắng hại,
Là việc đời tương ứng.
Thấy 2 việc ấy rồi,
Thấy đó mới là trí.
Trí thấy tính thế gian
Là như dụ chân như.
Thuyết này không khứ lai,*

Người trí ai chẳng thấy.
Sắc v.v...rất rõ ràng,
Là việc đòi tương ứng.
Bất tịnh mà làm tịnh,
Người trí dụ có lợi.
Vì biết thế gian nên
Nói là thế gian tính.
Vì thấy nơi chân như,
Thấy bởi sát-na trụ.
Thế gian hạnh tương ứng,
Hạnh này không làm lỗi.
Như nữ nhân bất tịnh,
Khác đời các việc hại.
Nói phúc Phật hư ảo
Khiến ta làm sao tin?
Hữu tình nếu cảnh ảo
Làm sao lại sinh diệt?
Kia do tập hòa hợp,
Mới được duyên huyễn ảo.
Hữu tình chủng tử sinh,
Làm sao có chân thật?
Giết người hư ảo kia,
Không tâm tính các tội.
Tâm hư ảo bình đẳng,
Tội phúc được sinh khởi.
Sức đẳng trì chân ngôn,
Cảnh ảo tâm không đắm.
Bởi các thứ ảo kia,
Các thứ do nghiệp sinh.
Nào có nơi một người,
Được hết tất cả sức?

Nếu trụ nơi chân như,
Hoặc trụ nơi tịnh giới,
Như vậy tức Phật hạnh,
Ai nói Bồ-đề hạnh?
Nhân duyên phải đoạn hết,
Ảo hóa không thể được.
Nhân duyên nếu đoạn hết,
Không sinh mà tự được.
Nếu không trụ nghi vọng,
Thì cảnh ảo không lập.
Nếu cảnh ảo kia không,
Tất cả không thể được.
Như vậy tức chân như,
Được hiện trong tâm thể.
Nếu chia tâm như vậy,
Hư ảo do đâu thấy?
Tâm không tự thấy tâm,
Đó là Thế Tôn nói.
Như kiếm đao tuy bén,
Không thể tự cắt mình.
Tự tính cũng như thế,
Lại dụ như đèn sáng,
Do phá được tối tăm,
Mà không nói tự chiếu.
Lại như ngọc thủy tinh,
Thể vốn chỉ trong suốt,
Do xanh thì thành xanh,
Ảnh hiện tùy các sắc.
Không xanh mà hiện xanh,
Như tâm là tự tạo.
Lại như đèn sáng kia,

Người trí biết như thế.
Trí tuệ khai thông đây,
Người trí đâu có nói?
Tuy khai mà không khai,
Như người không chỗ thấy.
Thạch nữ nghĩa không sinh,
Vớ đây không 2 nghĩa.
Cũng đồng không tâm thức,
Duyên niệm không sở đắc.
Chẳng niệm mà có sinh,
Hư vọng niệm như độc.
Là hoặc nhân hoặc quả,
Vì pháp mà tự nói.
Có nói thuốc chữa mắt,
Thấy bình mà không thuốc.
Nếu thấy nghe hay biết,
Đó hữu mà phi hữu.
Dứt niệm nơi nhân khổ,
Là thật niệm nên niệm.
Niệm niệm mà không khác,
Tâm này phải bình đẳng.
Tiền trần thường dối người,
Biết đó vô sở hữu,
Như ảo mà không thật,
Do vọng tâm tự thấy.
Trụ trần ở luân hồi,
Như không, không sở y.
Tĩnh trụ trần cũng vậy,
Cũng không có sở đắc.
Nếu cùng với bất thiện,
Bất thiện nguoi sở đắc.

Nếu tâm có lấy bỏ,
 Thí tất cả Như Lai,
 Như vậy có dụng tâm,
 Mà được công đức gì?
 Cảnh ảo biết tất cả,
 Phiền não làm sao đoạn?
 Với ảo 3 độc kia,
 Xa lìa mà không tạo.
 Biết nơi tâm phiền não,
 Kia làm mà chưa hết.
 Với kia khi được thấy,
 Không hữu ý vô lực.
 Tính phiền não chẳng hết,
 Với không mà xen tạp
 Đến vô sở học kia,
 Sau kia mới hết được.
 Tính kia mà không được,
 Thì cũng không thể thấy.
 Tính kia nếu không trụ,
 Làm sao trụ thân này?
 Nếu tính mà không có,
 Thân trụ nơi vô tính.
 Tính ấy như khứ lai,
 Tùy hiện không chấp trước.
 Cây kiếp với Ma-ni,
 Cứ như ý viên mãn.
 Phật biến hóa cũng vậy,
 Làm hạnh nguyện như đây.
 Dụ pháp chủ rừng cây,
 Chủ thành cây khô héo.
 Các độc tuy hại lâu,

Kia thấy đều tiêu trừ.
Tu hành của Bồ-tát,
Ra làm các sự nghiệp,
Hạnh Bồ-đề tối thắng,
Cây Phật năng thành tựu.
Vì hạnh bình đẳng kia,
Mà trụ nơi tĩnh vắng.
Và làm bất tư nghị,
Cúng dường được quả gì?
Tùy kia chỗ tạo nhân,
Mà được quả báo đó.
Các cúng dường chân thật,
Đắc quả mà xưng thật.
Làm sao được pháp không,
Thật được pháp giải thoát?
Không là đạo Mâu-ni,
Thì sẽ được Bồ-đề.
Ngươi không cầu Đại thừa,
Pháp nào cầu viên mãn?
Nhị thừa được thành tựu,
Nhưng chẳng phải viên mãn.
Nếu kia chỗ tạo nhân,
Sợ sệt nơi Đại thừa,
Sợ, sợ chẳng phải thật,
Sợ này thật là sợ.
Cần phải biết pháp này,
Luận đến chỗ Đại thừa
Là đây là pháp khác,
Biết là luận ngoại đạo.
Pháp căn bản của Tăng,
Tăng biết pháp xuất ly.

Tâm có chỗ chấp trước,
 Không thể được Niết-bàn.
 Tâm giải thoát không chấp,
 Phiền não được tiêu diệt.
 Nghiệp phiền não tiêu trừ,
 Đây nhờ sức giải thoát.
 Ái thủ không duyên nhau,
 Do đó không nắm giữ.
 Nghiệp ái mà suy yếu,
 Là không có si ái.
 Thụ ái được duyên nhau,
 Thụ này mới được hữu.
 Trước tâm an trụ hữu,
 Thì được gọi nơi nơi.
 Nếu tâm mà chẳng không,
 Thì gọi là chấp trước.
 Tâm tính nếu nói không,
 Như thức là vô đắc.
 Như Ứng Chính đẳng Giác,
 Đã nói diệu pháp này.
 Nghĩa đó là Đại thừa,
 Hạnh Đại thừa bình đẳng.
 Trong một thời thuyết pháp,
 Rõ tất cả lỗi lầm,
 Một mùi vị bình đẳng,
 Không Phật nào chẳng nói.
 Đại tôn giả Ca-diếp,
 Như nói là không biết,
 Kia người nói không hiểu
 Không thụ thì làm gì?
 Nếu sợ sức giải thoát,

Thì sẽ bị luân hồi.
Mê sự khổ không kia,
Mà bị nơi quá này.
Mê không kia như thế,
Không được chê bai pháp.
Quán sát kỹ không này,
Cho nên được không nghi.
Lìa tôi biết phiền não,
Do pháp mà biết không.
Muốn mau biết tất cả,
Quán sát kỹ kia nói.
Nếu vật sinh nơi khổ,
Sợ khổ đó phải sinh.
Khổ đó do không tạo,
Kia sao lại sinh sợ?
Nếu sợ nơi vật kia,
Đó tức là ngã sở.
Như vậy ngã vô sở,
Khổ sợ làm sao được?
Răng tóc móng và vảy
Xương thịt cùng máu tủy,
Nước mũi mũi đờm dãi
Mỡ màng ruột bao tử
Mồ hôi đại tiểu tiện
Cửu lậu và lục thức,
Như vậy các pháp ấy
Tất cả đều vô ngã.
Nói kia trí và thanh,
Thanh hằng thụ tất cả.
Nếu nói thanh là trí,
Lìa thì làm sao biết?

Nếu trí mà không biết,
Vị trí kia khó biết.
Trí kia đã quyết định,
Là gần với trí trí..
Trí này chẳng thanh thụ,
Thanh kia lấy gì nghe?
Thanh kia gần với tâm,
Kia biết sắc như vậy.
Nếu thụ nơi sắc thanh,
Thì sắc lại thụ gì?
Như kia một cha con,
Suy nghĩ không chân thật.
Hữu tình trần che khuất,
Không cha cũng không con.
Biết thanh sắc như vậy
Cũng không nơi tự tính.
Sắc kia biết như vậy,
Như vui tạm hòa hợp.
Tự tính kia như vậy,
Kia một mà nói có.
Sắc khác đều không thật,

Đây nói sắc hạ phẩm.
Kia tất cả trí tâm,
Phiền não đều thanh tịnh.
Tư duy một giác tâm,
Các thứ kia nếu không,
Ái như rồng, không thật,
Làm sao trụ nơi kiến?
Vô ngã mà vô tâm,
Tâm này như tượng vẽ.
Là tâm trí tương ưng

Thanh tịnh ngu si phá.
 Tự tâm là như vậy,
 Kia làm, làm thế nào?
 Kia ngu si vô hành,
 Ngã này mà dối làm.
 Hữu hành tự xuất ly,
 Mà không quả ác nghiệp.
 Nếu làm nghiệp phá hoại,
 Làm sao được quả thiện?
 Hai thứ hành quả này,
 Cùng nhau phá thành tự.
 Kia nói biết không dối,
 Kia là tự vô sự.
 Nhân quả định tương ưng,
 Ác kiến phải không sinh.
 Hành này mà không trụ,
 Tác thụ nay sẽ nói.
 Tâm quá khứ vị lai,
 Bĩ ngã không có sinh.
 Tâm này sinh ngã phá,
 Ngã không sinh khởi lại.
 Như cây chuối làm trụ,
 Vô sở năng thắng nhiệm.
 Ngã tâm sinh cũng vậy,
 Là được quán sát tốt.
 Nếu không có hữu tình,
 Hành này dùng làm gì?
 Hành kia nay nếu làm,
 Mà làm có sự si,
 Hữu tình sao thật không?
 Si dụ như sự ái.

Nếu diệt được khổ não,
 Sẽ đoạn diệt sự si.
 Ngã mạn là nhân khổ,
 Si là được tăng trưởng.
 Sự kia tâm không hồi,
 Quán tâm là tối thượng.
 Không chân không cẳng, gối,
 Không eo cũng không đùi,
 Không cánh tay không vai,
 Không rốn, không ngực, lưng,
 Không sườn và không hông,
 Không tay cũng không mũi,
 Không cổ lại không đầu,
 Xương, khớp đều như vậy.
 Quán tất cả thân đây,
 Không đi ở một nơi,
 Kia đi khắp nơi nơi,
 Nơi nào tự an trụ?
 Bởi vì thân tay kia
 Luôn trụ ở mọi nơi.
 Kia một thân như vậy,
 Cho đến tay vân vân,
 Không trong không ngoài thân,
 Sao chỉ có thân tay?
 Tay v.v... không phân biệt,
 Làm sao kia lại có?
 Kia đã không si thân,
 Sao còn nói ý, tay?
 Trụ đã gần thù thắng,
 Người quán biết người dụ.
 Nếu nhân kia hòa hợp,

Người gỗ cũng như nhau.
Nếu rõ tướng như vậy,
Thân kia như thấy đây.
Như vậy bỏ ngón chân,
Ngón tay cũng đều bỏ.
Kia mới quán lỏng hợp,
Sau thấy lỏng tự rời.
Thân này đã phá xong,
Kia trụ phân biệt thấy.
Phân biệt thấy thân này,
Được dụ như hư không.
Như vậy sắc trong mộng,
Người trí nào có vui?
Ra làm nếu không thân,
Làm sao có nam nữ?
Nếu vui thật là khổ,
Điều này sao không rõ?
Quán sát đây thế nào?
Ái lạc sâu phiền não.
Vui đó là không thật,
Như kia không chấp thụ,
Khổ ngơoi như thế nào
Như kia không tự được?
Kia có khổ vi tế,
Vi tế mà không nói.
Bởi kia vi tế nên,
Không nói khiến người vui.
Do giận mà sinh khổ,
Đã sinh thì có diệt.
Nếu trong định có thấy,
Vội sinh tự không thụ.

Như vậy mà đã biết,
Như vậy quán nhân quả.
Thiền ái hoặc tương ưng,
Bị sinh chỗ nghi kia.
Thiện căn mà có lợi,
Đều là vì cho ai?
Kia đây sao hòa hợp,
Hòa hợp thì được gì?
Người dụ như hư không,
Tuy hợp mà không vào.
Không vào mà phi hợp,
Là hạnh không phân biệt.
Không cầu tên hòa hợp,
Như thấy mà không thấy.
Hòa hợp kia không cầu,
Làm sao gọi được sinh?
Có vật phi hòa hợp,
Như đất dẫn biết trước.
Mà thức kia vô tướng,
Không trụ nơi hòa hợp.
Pháp xúc kia như vậy,
Thì thụ nào được sinh?
Ngày nay ta làm gì,
Mà bị các khổ hại?
Nếu không là sở thụ
Thì khổ hại không biết.
Vị này kia thấy được,
Ái nào chẳng lìa xa?
Nay thấy xúc trong mộng,
Ảo hóa của tự tâm,
Đã thấy kia tính xúc kia,

Thụ kia người cũng biết.
Đời trước và đời sau,
Niệm niệm mà không thụ.
Như vậy quán tự thân,
Thụ cũng không chỗ được.
Chỗ thụ đã không thật,
Kia sẽ biết không có.
Nếu đây không tự thân,
Làm sao hại như vậy?
Sự tự trụ sắc tính,
Không gốc, không trung gian.
Sắc không trong không ngoài,
Không chỗ nào có được.
Thân nếu không có chỗ,
Không hợp không phân biệt.
Tự tính của hữu tình,
Vắng lặng không chỗ có.
Người trí nếu trước biết,
Làm sao có chấp trước?
Trí là đồng trí nên
Kia sinh sao lại chấp?
Trí ấy là hậu đắc,
Trí ấy được thế nào?
Như vậy tất cả pháp,
Tuy sinh mà không có.
Như vậy nếu pháp không,
Pháp ấy sao có hai?
Kia các pháp nếu vậy,
Hữu tình đều vắng lặng.
Kia tha tâm có nghi,
Thì tự tâm không có.

*Kia chắc là hậu hữu,
Pháp này không đây kia.
Tu duy trong tự tâm,
Hai này hằng cùng trụ.
Nếu được nơi chính trụ,
Tất cả người trí nói.
Nếu có các người trí,
Đạt được nơi trí trí,
Người trí được trí này,
Kia tức thì không vị.
Người trí được trí này,
Có được nhưng không trụ.
Không trụ tức không sinh,
Đó là nói Niết-bàn.
Nếu có 2 pháp kia,
Như vậy rất khó trụ.
Nếu pháp do nơi trí,
Trí ấy nhân đâu có?
Trí đó do nơi biết,
Cái biết không sở đắc.
Hai pháp đều nhân nhau,
Nên hữu tình vô tính.
Không cha thì không con,
Muốn sinh con sao được?
Có cha mới có con,
Hai pháp kia cũng vậy.
Mầm từ hạt giống sinh,
Hạt giống câu được gì?
Cái biết từ trí sinh,
Kia thật sao không làm?
Mầm từ giống trí sinh,*

Biết từ tâm trí có.
Nếu không biết biết kia,
Sao có được trí trí?
Mọi người do nhân duyên,
Là điều trước đã nói.
Sự sinh khởi nhân quả,
Ví dụ như hoa sen.
Nhân quả do đâu làm,
Đều do từ quá khứ.
Quả này làm sao được?
Do nghiệp lực quá khứ.
Thế gian do Tự Tại,
Tự Tại kia nói gì?
Như vậy được hậu hữu,
Tên kia sao lẫn lộn?
Việc đó chỉ bất định,
Phi tâm phi hiền thánh.
Tội ác không báo thiện,
Kia sao được Tự Tại?
Chẳng thấy như hư không,
Chẳng thấy từ quá khứ,
Tự Tại bất tư nghị,
Lý đó không nên nói.
Chủ kia dù tối thượng
Kia cũng tự vô định.
Thiện ác có tự tính,
Người trí biết vô biên.
Nghiệp nhân có khổ vui,
Thuyết kia nói thế nào?
Nếu không có nhân trước,
Thì ai được quả báo?

Làm sao không hằng làm
 Kia không có biệt kiến?
 Kia làm đã vô biệt,
 Sao lại được thấy kia?
 Nếu thấy nhân hòa hợp,
 Thì không nói Tự Tại.
 Hòa hợp này không chủ,
 Thì pháp kia không chủ.
 Kia ái không tự ái,
 Thì ái đó vô tác.
 Sơ đắc là do đó,
 Sao nói Tự Tại làm?
 Kia không làm quá khứ,
 Là nếu hằng bất diệt,
 Ái tối thượng số này,
 Là thế gian hằng thường.
 Hữu tình trần che tối,
 Trụ ác công đức này.
 Nói đó là tối thượng,
 Là thuyết ác thế gian.
 Tự tính của một ba,
 Không hợp và không có.
 Đức đó vô sở hữu,
 Kia mỗi mỗi 3 thứ.
 Công đức tuy vô thanh,
 Thanh này có hoàn viễn.
 Như áo là vô tâm,
 Do đó sinh thích thú.
 Tính của sắc cũng vậy,
 Quán đó không có tính.
 Các nhân thích thú kia,

Không thể được lâu dài.
Kia được là vi tế,
Vì sao kia thô tế?
Thích thú nếu là thật,
Tư duy sao không thụ?
Lìa thô được vi tế,
Vi tế chẳng dài lâu.
Mọi vật đều như vậy,
Dài lâu sao không được?
Thích thú được không thô,
Thích thú không định chắc.
Kia không có sở sinh,
Thuyết đó không chân thật.
Đức chân thật kia sinh,
Kia được trụ vô dục.
Vì ăn thứ bất tịnh,
Mà có nơi nhân quả.
Thích cái áo vô giá,
Mua hạt giống Đổ-la.
Không ái thế gian si,
Kia trụ chân như trí.
Trí đó thế gian có,
Làm sao mà không thấy?
Đồng lượng thế gian kia,
Như vậy rõ ràng thấy.
Thế lượng là phi lượng,
Kia không dối mà nói.
Cho nên quán chân như,
Là không và không sinh.
Biết tính là không xúc,
Tính ấy là không chấp.

Tính ấy thật, phi thật,
Cho nên phi thật tính.
Cho nên tính mộng rồi,
Nghĩ kia không còn nữa.
Tính đó nếu thấy có,
Là do không thật sinh.
Cho nên biết tính kia,
Không nhân thì không có.
Tất cả đều không chủ,
An trụ trong nhân duyên.
Do kia không khác biệt,
Không trụ cũng không đi.
Nếu kia mê nơi thật,
Lại bị thế gian thắng.
Là từ nhân sinh ra,
Là từ ảo hóa làm.
Kia từ đâu đến đi,
Hiểu rõ là như thế.
Nếu hiểu rõ là thế,
Mới thấy kia vô tính.
Làm sao biết thật giả,
Đồng với ảnh tượng thôi.
Tính nếu nói tự có,
Là nhân gì lập ra?
Nếu kia là không có,
Nên không dùng nhân kia.
Cái tính tướng không có,
Nhân trăm ngàn Câu-chi.
Kia lập tính thế nào,
Sao có được tính riêng?
Khi tính kia không tính,

Tính đó khi nào được?
Vô tính tức vô sinh,
Phải y tính kia làm.
Tính không tính quá khứ,
Mà do tính không sinh.
Không hữu tính vô tính,
Như ảo hóa hòa hợp.
Tất cả tính hữu vô,
Có như vậy bất diệt.
Đây tất cả thế gian,
Cho nên chẳng sinh diệt.
Biết hành không chẳng thật,
Như mộng như cây chuối.
Phân biệt diệt bất diệt,
Tất cả không thể được.
Tính không là như vậy,
Có gì được và thụ?
Chẳng thật hằng như thế,
Thì kia làm sao đởc?
Có gì khổ và vui?
Có gì yêu không yêu?
Kia yêu, yêu cái gì?
Cần phải biết tự tính.
Thế gian cũng biết được,
Cái gì là vô thượng,
Người nào là người thân,
Sinh gì và được gì?
Tất cả như hư không,
Đây kia thụ đều mất.
Vui mừng giận đối nhau,
Do vui hoặc tranh giành.

*Giận buồn các tà hạnh,
Tất cả khiến phá hoại.
Tội ác tự vui thích,
Là bị gọi nẻo ác.
Chết liền đọa nẻo ác.
Bị khổ mà không hối.
Hoặc qua lại cõi trời,
Đời đời hưởng phúc lạc.
Xả bỏ nhiều tội lỗi,
Là chân thật như vậy.
Như vậy chân vô tính,
Lại hằng yêu ghét nhau.
Nói kia tương lai ác,
Chìm vô biên biển khổ.
Sắc lực và thọ mạng,
Kia được chỉ chút ít.
Tuy có được phúc lạc,
Mà do có đời khổ,
Và ngủ nghỉ hôn mê,
Như hư ảo hòa hợp.
Phải hết hư ảo kia,
Như thế còn khó được.
Kia học để làm gì,
Làm gì trừ được gì?
Nào các thứ việc ma kia,
Đó mới là đại tội.
Nơi kia nhiều đường chính,
Khó thắng mà không đi.
Lại trong một sát-na,
Khó được sinh giác ngộ.
Quá khứ vị lai khổ,*

Khó cạn biển phiền não,
 Mà nơi biển khổ này,
 Ta hận cầu lìa khổ.
 Như vậy an trụ đây,
 Nếu tự không thích trụ,
 Như chốc lát chốc lát,
 Vào tắm trong lửa nóng.
 Thấy tự lợi như vậy,
 Mà thụ nơi khổ này.
 Không lão tử tự tại,
 Kia làm nhân như vậy,
 Từ pháp ác kia đến,
 Cảm ác mà chết trước.
 Lửa khổ nóng như vậy,
 Ta bao giờ mới dứt?
 Tự tạo nơi phúc lạc,
 Mây phúc sinh phủ quanh,
 Bởi ta thấy biết gì,
 Mà nói biết tuệ không.
 Đánh lễ biết đầy đủ,
 Đánh lễ phúc đức nặng.

Phẩm 8: TÂM BỒ-ĐỀ HỒI HƯỚNG
(X. *Pariṇāmanā*)

Hạnh Bồ-đề như vậy,
 Tư duy làm việc phúc.
 Hạnh Bồ-đề trang nghiêm,
 Cả mọi người đều được.
 Cho đến cả mọi nơi,
 Ai thân tâm khổ não,

Mà được phúc tốt này,
 Hoan hỷ biển phúc lạc.
 Nếu ai không tự tại,
 Mà ở trong luân hồi,
 Khiến được vui thế gian,
 Cho đến vui Bồ-đề.
 Nếu ai trong thế giới,
 Cho đến trong địa ngục,
 Mà khiến những người ấy,
 Đều được rất an lạc.
 Khổ lạnh được ấm áp,
 Khổ nóng được mát mẻ.
 Bò-tát mây lớn che,
 Lại tắm nước biển pháp.
 Chóp núi sắt cây sắt,
 Rừng kiếm ánh sáng chớp.
 Tất cả thành cây kiếp,
 Tội nhân vui an lạc.

Như Ca-na-ma, Ca-la-noa,
 Oan ương, nga, nhận tiếng vui thích.
 Ao hồ trong sạch không ô uế,
 Các hương vi diệu sinh hỷ lạc.
 Địa ngục lò than nhóm,
 Mà được ngọc Ma-ni.
 Đất nóng thủy tinh đẹp,
 Lại núi báu hòa hợp.
 Dùng như vậy cúng dường,
 Đầy khắp cung Thiên Thệ.
 Than lửa nóng, mưa guom,
 Từ nay rưới mưa hoa,
 Guom kia chém giết nhau,

Từ nay thành hoa rải.
Đốt già các thân thịt,
Như sắc hoa *Quân-na*.
Thịt xương cùng với lửa,
Vắt xuống sông *Nại Hà*.
Bởi sức thiện của ta,
Nay thành cung điện trời.
Sáng như ngàn mặt trời,
Đầy khắp *Na-chỉ-nhĩ*.
Lính canh ngục *Diêm-ma*,
Người thấy không sợ hãi.
Các giống quạ kên kên,
Đều lìa bỏ ăn thịt.
Yêu kia khắp an lạc,
Đây được thiện nào sinh?
Phúc dụ như hư không,
Quán đây trên và dưới.
Như thấy *Kim cương thủ*,
Mau diệt trừ tai hoạn.
Mưa xuống các hương hoa,
Phá diệt lửa địa ngục.
Thế nào là an lạc?
Thế nào là hoan hỷ?
Người ở địa ngục kia,
Được thấy Quán tự tại.
Đồng tất cả oai đức,
Câu-chi kế đồng tử.
Tâm Đại bi *Bồ-đề*,
Cứu độ cho tất cả.
Dùng thiên cúng dường kia,
Mãi trời và hoa trời.

Cho đến hoa tâm bi,
 Lâu gác báu vui thích.
 Giọng thiên nữ nói năng,
 Trăm ngàn thứ ca vịnh.
 Khen Đại thánh Văn-thù,
 Và Phổ Hiền Bồ-tát.
 Dem công đức thiện này,
 Đồng với người địa ngục.
 Đại thánh Quán tự tại,
 Quán sát khổ địa ngục.
 Vô lượng khổ đáng sợ,
 Tay cho sữa cam lồ,
 Giúp chúng nga quỷ kia,
 Cho ăn và tắm gội.
 Khiến no đủ sạch sẽ,
 Là khổ được an vui.
 Như người Bắc Câu-lô,
 Sắc lực và thọ mạng.
 Kẻ điếc được nghe tiếng,
 Người mù thấy sắc hình.
 Có thai và sinh đẻ,
 Như Ma-da không khổ.
 Tuy mặc áo ăn cơm,
 Mà trang nghiêm thanh tịnh.
 Tất cả cầu tùy ý
 Được lợi lại được ích.
 Kẻ sợ không còn sợ,
 Không vui thì được vui.
 Phiền não hết phiền não,
 Ai thấy đều hoan hỷ.
 Người bệnh được an lành,

Thoát khỏi mọi trói buộc.
Không sức thì có sức,
Tâm yêu cho lẫn nhau.
An lạc khắp 10 phương,
Đi đường thì đến nơi.
Việc ác đều diệt hết,
Và trở thành việc tốt.
Các khách buôn đi thuyền,
Thỏa mãn được như ý.
An lạc đến bờ kia,
Cùng thân thiện vui vẻ.
Lúc đi đường đói khát,
Có bạn không lo sợ.
Chẳng sợ giặc sợ cướp,
Cũng chẳng sợ mê say.
Đồng hoang không sợ bệnh,
Già trẻ không chủ tớ.
Thánh hiền đều gia hộ,
Thoát khỏi các phiền não
Bi mẫn tín trí tuệ,
Đầy đủ tướng tu hành.
Hàng được Túc mạng thông,
Và được Vô tận tạng,
Cho đến Hư không tạng.
Không duyên, không phương tiện,
Không thiếu tài, không vui,
Hữu tình thiếu tiếng tăm,
Sẽ được tiếng khen lớn.
Xuất gia nếu xấu tướng,
Sẽ được đủ sắc tướng.
Nếu kia có 3 cõi,

Khiến kia được trượng phu,
 Cũng là bậc thấp cao,
 Sẽ phá tâm ngã mạn.
 Nay được tất cả phúc,
 Lợi các chúng hữu tình,
 Thường là tất cả tội.
 Hằng làm việc thiện lợi,
 Tâm Bồ-đề ra làm,
 Hạnh Bồ-đề không lui,
 Xa lìa nghiệp ngã mạn.
 Sẽ được Phật thụ ký.
 Tất cả chúng hữu tình,
 Được vô lượng thọ mạng.
 Thọ mạng hằng tăng trưởng,
 Phá hoại tiếng vô thường,
 Kiếp cây vườn ưa thích.
 Cả muôn phương đều được,
 Ưa thích diệu pháp âm.
 Đồng Phật Phật viên mãn.
 Kia các núi cao thấp,
 Bằng phẳng như bàn tay.
 Nhu nhuyễn sắc lưu ly.
 Tất cả địa đều được,
 Chư Đại Bồ-tát chúng,
 Phổ biến các quốc độ
 Bằng ánh sáng tự trụ,
 Trang nghiêm nơi đại địa,
 Cây cối và phi cầm,
 Sáng chiếu cõi hư không,
 Tiếng thuyết pháp không ngớt.
 Các hữu tình thường nghe,

Phật và các Phật tử,
Chúng kia thường được thấy,
Vô biên mây cúng dường,
Cúng dường nơi Thế Tôn.
Trời mưa đúng thời tiết,
Lúa thóc đều tốt tươi,
Thế gian được sung túc.
Phép vua được y hành,
Dược lực được tăng thịnh.
Sức minh chú thành tựu.
La-sát Noa-cát-nhĩ,
Chúng đều sinh bi mẫn,
Không làm khổ hữu tình.
Không tội, cũng không bệnh,
Không khinh mạn, hạ liệt.
Không còn có phiền não,
Độc tụng được tự tại.
Đi ở đều tùy ý,
Thường xuyên vân tập chúng,
Để thành tựu Tăng sự.
Bí-sô trụ tịnh giới,
Được hiểu rõ tất cả,
Quán sát nơi nghiệp tâm,
Lìa bỏ các phiền não.
Bí-sô được lợi ích,
Phải xa lìa tranh giành.
Chư xuất gia cũng vậy,
Không được phá cấm giới,
Được giới thì phải hộ.
Hằng muốn hết các tội.
Nếu kia không phá giới,

Được ích qua cõi trời.
 Nếu kia người trì bát,
 Để được các thiện lợi,
 Được chúng tử thanh tịnh,
 Tiếng đồn khắp chư phương,
 Hằng không thụ tội khổ.
 Hằng hành nơi không khổ,
 Vô biên các hữu tình,
 Cúng dường tất cả Phật
 Sẽ được một thân trời.
 Kia thành Phật thế gian
 Bất tư nghị hữu tình,
 Vui Phật mà được vui
 Nguyện vì các thế gian
 Bỏ-tất được thành tựu.
 Kia tôn trọng tư duy
 Hữu tình kia khiến được
 An lạc Bích-chi-phật,
 Và được vui Thanh Văn,
 Trời, người, A-tu-la,
 Tâm trọng mà hằng hộ.
 Nếu kia Túc mạng thông,
 Xuất gia đây hằng được.
 Nếu kia Hoan hỷ địa,
 Văn-thù-sư-lợi trụ.
 Ta nếu dùng vị kia,
 Tùy sức có thể cho.
 Nếu biết hòa hợp trụ,
 Thì được sinh tất cả.
 Nếu ai muốn được thấy,
 Và có ai muốn nghe,

*Như vậy kia được thấy.
Đức Văn-thù-sư-lợi:
Mặt trời chiếu 10 phương,
Vì tất cả hữu tình.
Tu hành của Văn-thù,
Ta được hạnh như vậy,
Kia hoặc trụ hư không,
Hoặc trụ nơi thế gian,
Nay ta trụ cũng vậy.
Hoại được khổ thế gian.
Thế gian nếu có khổ,
Kia tất cả ta chịu.
Thế gian tất cả thiện,
Cái Bồ-tát muốn được,
Là thuốc cứu thế gian,
Tất cả đều phú lạc,
Tất cả đồng lợi dưỡng.
Phật giáo mà trụ lâu,
Dem thiện tâm thanh tịnh,
Quy mạng nơi Văn-thù,
Tôi nói thiện tri thức,
Thanh tịnh đây tặng trưởng./.*

(QUYỂN 4 TRỌN BỘ HẾT)

SỐ 1663
BỒ ĐỀ TÂM QUÁN THÍCH

*Tây Thiên dịch kinh Tam tạng truyền giáo
Đại sư Pháp Thiên phụng chiếu dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng Bản sư
Đại giác Thế Tôn.
Con nay lược thích
Bồ-đề tâm quán.*

Như Phật đã nói từ tâm sinh tất cả pháp. Nay tôi sẽ bàn về tâm Bồ-đề.

Tính là thế nào? Là lìa tất cả tính.

Tất cả tính là gì? Là tính của uẩn xứ giới. Vì tâm Bồ-đề lìa thủ xả nên pháp vô ngã, tự tính bình đẳng. Bản lai không sinh vì tự tính là không. Nói tất cả tính, là nói tính ngã. Tức là tính ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, Bồ-đặc-già-la, Ma-noa-phước-ca v.v... mà các tính đó không phải tâm Bồ-đề.

Ý đó như thế nào? Nghĩa là các tính ngã v.v... trong tự tính lìa tất cả tướng mà sinh ngã kiến, rồi từ ngã kiến sinh tất cả phiền não mà không sinh tâm kia.

Hoặc nói uẩn xứ giới cũng lìa thủ xả. Nghĩa là tính của uẩn xứ giới là lý chân thật bất khả đắc.

Sao gọi là sắc tướng không có thật? Nghĩa là sắc uẩn do 4 đại hợp thành. Bốn đại là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Sự hợp thành đó lại sinh ra 5 sắc là sắc thanh hương vị và xúc.

Bốn đại và 5 sắc kia mỗi mỗi đều có tự tính bất khả đắc. Như vậy, tất cả các pháp đều như thế. Cho nên biết sắc là hư giả, do đó biết sắc uẩn là không. Ví như do cây có bóng cây, cây mất thì bóng cây mất. Thụ uẩn cũng vậy.

Sao gọi là thụ? Thụ có 3 thứ là khô thụ, lạc thụ, và phi khô lạc thụ. Ba thụ này có nhân duyên với nhau.

Lại có 2 thứ là thân thụ và ý thụ. Thân thuộc về sắc uẩn. Thân là bất khả đắc, cho nên nếu không thân tức không có thụ. Cũng không thể nói, chẳng phải ngắn chẳng phải dài, chẳng phải sắc chẳng phải tướng, vô thật, vô trước, bất khả tri. Thân thụ như thế, ý thụ cũng vậy.

Thụ uẩn như vậy thấy thụ uẩn là không, tướng uẩn cũng hư giả không thật, do duyên lự thâm nhiếp mà duyên lự kia là bất khả đắc cho nên tức phi duyên lự. Vì phi duyên lự nên thấy tướng uẩn là không. Tướng uẩn như thế, hành uẩn cũng vậy.

Các hành do tâm tạo tác, thiện ý ghi nhớ, là vô sở hữu, cho nên tâm pháp sinh ra sắc uẩn v.v..., nhất nhất đều không có sinh. Cho nên biết nghiệp tướng của hành uẩn là không thật cũng không chủ thể, tức thấy hành uẩn là không. Hành uẩn như thế, thức uẩn cũng vậy. Cho đến nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, các nhãn thức v.v... kia nhất nhất tự tính đều bất khả đắc. Mắt kia duyên hữu sắc rồi từ duyên sinh ra thức, không duyên tức không sinh thức, mà nhãn sắc với sắc uẩn kia là không phân giới hạn. Sự phân biệt nhãn sắc này tức phi nhãn sắc vì không có thức sinh. Nhãn thức như thế, nhĩ tỷ thiệt thân ý cũng như vậy. Như vậy biết rằng thức này y chỉ Ma-năng thức. Do y chỉ Ma-năng thức nên liền phát sinh pháp quá khứ vị lai hiện tại.

Sao gọi là pháp quá khứ vị lai hiện tại? Nghĩa là quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại chẳng dừng trụ. Do đó biết thức uẩn là không. Như vậy nhất nhất nói uẩn xứ giới mỗi mỗi phân biệt tự tính đều không. Nói kia phi vô tính là nói chân thật. Ví dụ như không hạt giống thì không sinh mầm ra cây. Cho nên nói uẩn xứ giới kia cũng là thủ xả.

Sao gọi là tâm Bồ-đề không thủ không xả? Như Phật bảo: Bí mật chủ! Tâm Bồ-đề kia Như Lai ứng chính đẳng giác biết rõ tâm ấy chẳng phải xanh chẳng phải vàng chẳng phải đỏ chẳng phải trắng, chẳng phải màu hồng, chẳng phải màu Phả-chi-ca, chẳng phải ngắn chẳng phải dài, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải sáng chẳng phải tối, chẳng phải nam chẳng phải nữ chẳng phải hoàng môn. Lại nữa, Bí mật chủ! Tâm Bồ-đề chẳng phải tính của Dục giới, chẳng phải tính của Sắc giới, chẳng phải tính của trời, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, người, phi nhân v.v... Cho đến Nhất thiết trí tìm cũng không có được. Như vậy tâm thủ là phi hữu.

Sao có nói xả? Lại nữa như Phật bảo: Bí mật chủ! Tâm Bồ-đề chẳng phải trong chẳng phải ngoài chẳng phải trung gian nên không thể có được. Ý ông thế nào? Bởi tự tính vắng lặng. Lại nữa, Bí mật chủ! Tâm Bồ-đề kia Nhất thiết trí tìm cũng không thể có được, làm sao có thể có thủ xả? Như vậy đối với pháp được là thủ xả, bình đẳng vô ngã như tất cả pháp vô ngã cũng vậy. Như Phật có nói Tâm Bồ-đề cũng vậy. Tất cả pháp là không, vô tướng, vô ngã. Các pháp là tướng tịch tĩnh vô tịch tĩnh.

Tâm vốn bình đẳng, bản lai bất sinh cũng phi bất sinh còn nói là tính gì? Là tính không.

Tính không như thế nào? Là như hư không. Như Phật có nói tính không của hư không, không có ví dụ, nên tâm Bồ-đề cũng như vậy. Cái tên Bồ-đề là phi tính phi tướng, vô sinh vô diệt, phi giác phi vô giác. Nếu biết như vậy thì đó là tâm Bồ-đề.

Lại như Phật bảo: Bí mật chủ! Như thật hiểu rõ nơi tự bản tâm thì pháp vô hữu cũng không thể được, cho nên gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Lại bảo: Bí mật chủ! Phải nơi tự tâm quán như thật rồi, sau phát khởi phương tiện quán nơi chúng sinh, biết các chúng sinh vì không biết như thật nơi tự giác tính mà khởi nghi vọng điên đảo chấp trước chịu các thứ khổ lớn trong luân hồi. Ta do đó nên khởi tâm Đại bi khiến các chúng sinh như thật chứng giác nơi tự tâm. Đó tức gọi là tâm Bồ-đề, là tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm cao tột, tâm pháp giới thiện giác. Dùng trí như vậy nhiếp hóa chúng sinh nên gọi là tâm Bồ-đề. Phát tâm này được phúc đức cũng như hư không, không có biên giới. Và biển công đức kia cũng vô lượng. Cho dù kiếp hết công đức không hết. Như vậy gọi là phát tâm Nhất thiết trí căn bản tối thượng Bồ-đề./.

(HẾT)

SỐ 1664
LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ-ĐỀ TÂM
QUYỂN 1

*Bồ-tát Liên Hoa Giới tạo
Tây Thiên dịch kinh Tam tạng Truyền pháp
Đại sư Thích Hộ phụng chiếu dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Kính lễ 3 đời tất cả Phật.
Lược gom các hành pháp Đại thừa,
Thiết lập đầu tiên sự nghiệp tốt,
Con nay giải thích tâm Bồ-đề.*

Trong đây nội dung thế nào?

Nếu muốn mau chứng Nhất thiết trí, tổng lược nêu 3 chỗ trụ tâm xuất sinh tâm bi, từ tâm bi phát sinh tâm Đại Bồ-đề. Có tất cả Phật pháp tối thắng đều do tâm bi làm căn bản. Tâm bi này làm nhân quán chúng sinh. Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các Bồ-tát không nên học nhiều thứ pháp môn. Chỉ cần siêng năng tu hành một pháp, thì tất cả pháp như nắm trong tay.

Những gì là một pháp được gọi Đại bi? Các Bồ-tát thừa Đại bi này là trong tất cả Phật pháp như nắm trong tay. Thế Tôn ví như Chuyển luân thánh vương, bánh xe báu đi đến đâu liền quy tụ được

tất cả sức mạnh. Và chư Bồ-tát cũng như vậy, Đại bi đi đến đâu liền có thể quy tụ được tất cả sức Phật pháp.

Lại nữa Thế Tôn như sĩ phu mạng căn kiên cố, tức có thể chuyển được các căn. Và chư Bồ-tát cũng vậy, Đại bi kiên cố mới có thể chuyển được các hành pháp Bồ-đề.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: Lại nữa, này Xá-lợi tử! Phải biết Đại bi của các Bồ-tát là vô tận. Bởi vì sao? Vì làm tiền đạo cho tất cả pháp. Xá-lợi tử! Ví như sĩ phu có mạng căn làm tiền đạo cho hơi thở ra vào. Pháp môn Đại thừa rộng lớn gom hết tất cả cũng như vậy, vì Đại bi của Bồ-tát làm tiền đạo.

Như Kinh Tượng Đầu nói: Bây giờ có một thiên tử hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường rằng: Làm sao có thể phát khởi tất cả thắng hạnh của Bồ-tát và trụ như thế nào? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử! Đại bi mới có thể phát khởi tất cả thắng hạnh của Bồ-tát. Bồ-tát duyên các chúng sinh làm cảnh giới trụ. Cho nên Bồ-tát thường khởi ái niệm tất cả chúng sinh, mà đối với bản thân mình không chỗ đoái tiếc, hoàn toàn vì người trưởng dưỡng lợi ích. Trường thời gian phát sinh các hạnh có thể làm việc khó làm.

Như Kinh Tín Lực Pháp Môn nói: Chư Bồ-tát kia tâm bi kiên cố vì cầu độ tất cả chúng sinh mà chẳng chút khổ tương. Nếu được độ rồi cũng không có ý tưởng được độ, không bỏ tất cả khổ hạnh khó làm. Như vậy không lâu các hạnh viên mãn, thành tựu bản nguyện, chứng Nhất thiết trí, được tất cả Phật pháp. Như vậy đều do bi làm căn bản. Có chư Phật Thế Tôn hiện chứng Nhất thiết trí, Đại bi thâm nhiếp khắp cả, rộng vì thế gian làm lợi ích tối thắng, an trụ Niết-bàn vô trụ. Như vậy những gì Phật làm đều do Đại bi làm nhân. Chư Phật trong nhân cho dù có khổ não. Bây giờ bèn duyên chúng sinh tác ý chuyển thành nhiều tăng trưởng không thoái lui.

Như trong các kinh Phật có nói: Tất cả chúng sinh trong các nẻo thú có các thứ khổ, tùy nghiệp cảm ứng chịu khổ não lớn. Bồ-tát thường vì chúng sinh bị mẫn quan sát, như các khổ trong địa ngục lửa nghiệp thiêu đốt thời gian dài không gián đoạn khổ não vô tận. Như các thú trị phạt trộm cướp ở đời, trói cột đánh đập, chĩa sắt rượt đuổi cắt đứt thân thể chịu các khổ não. Khổ đây cũng vậy.

Trong loài ngựa quý có các khổ đói khát thân thể khô héo. Vì để kiếm ăn thường tàn hại lẫn nhau. Tuy thường kiếm ăn nhưng dù trải trăm năm rốt cuộc không thể được chút của dư thừa và bất tịnh. Lại có thứ ngựa quý tự sức yếu kém dựa vào quý khác mạnh hơn. Tuy nương dựa cũng chẳng được gì. Dẫu được cũng bị quý khác mạnh hơn đánh đập cướp lấy, chịu vô lượng khổ não như vậy. Những kẻ thụ khổ này là vì xưa trong loài người thuộc hạng giàu có, do làm ác phải đọa vào nẻo thú này.

Trong loài súc sinh chịu vô số khổ, nổi tâm giận dữ tàn hại nhau ăn nuốt lẫn nhau. Hoặc bị xỏ mũi, hoặc rách nát thân thể, hoặc bị đánh đập trói cột không được tự do, toàn thân đau đớn thật chẳng chút gì đáng ưa thích. Như người gánh nặng thường không mệt mỏi.

Lại có loài súc sinh ở chốn đồng hoang, cứ buông tuồng chạy đây chạy đó, không thôi tàn hại uy hiếp lẫn nhau, trong loài này lại có khổ ấy.

Như vậy các nẻo địa ngục ngựa quý súc sinh do khởi các ác nghiệp phiền não làm nhân cho khổ kia nên thụ các khổ não trong các nẻo thú ấy, như người rơi từ vách núi hiểm trở cũng khổ não như vậy.

Kia trong loài người có các thứ khổ như những chỗ khác đã nói. Tiếp đến là các trời Dục giới. Lửa dục thiêu đốt, tâm ý tán loạn, muốn định tâm một chỗ trong giây lát cũng không thể được. Phải biết một khi dục lạc hết rồi, khổ liền hiện đến, như người nghèo khổ làm sao

có vui? Trong trời Dục giới thường bị đọa diệt, sợ hãi, lo buồn và phá hoại ... cũng chẳng phải chỉ có vui.

Các trời Sắc giới thì do các hành thường bị thiên chuyển. Quả báo trời này hết rồi lại đọa các nẻo địa ngục v.v... Như vậy trong các nẻo thú, nghiệp phiền não v.v... thường ràng buộc không được tự tại, do đó sinh các khổ não. Cho nên phải biết lửa khổ bốc cháy thiêu đốt thế gian không thôi nghỉ. Bồ-tát thấy các khổ như vậy liền khởi tâm bi quán khắp tất cả chúng sinh.

Lại nữa khi Bồ-tát quán thấy chúng sinh chịu các khổ não thì không phân biệt oán thân, khởi tâm bi mãn bình đẳng quán sát mà cứu độ.

Lại nữa tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay lưu chuyển trong luân hồi, Bồ-tát chưa từng đối với một chúng sinh nào không khởi tưởng từ ái. Khởi tâm bình đẳng này, nên liền dùng hạnh này quán sát khắp tất cả chúng sinh trong 10 phương. Nếu thấy một chúng sinh khổ não, Bồ-tát thương yêu như con liền chịu thay, không để chúng sinh chịu khổ não ấy. Do chuyển tâm bi này nên có thể khiến tất cả chúng sinh dứt hết khổ não mà được thành tựu đại bi thắng hạnh.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: Hạnh bi quán này Thế Tôn đầu tiên đã diễn nói trong Kinh A-tì-đạt-ma. Vì muốn cứu độ tất cả hữu tình nên khởi sức bi nguyện hướng đến cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu không vì độ chúng sinh, ta đã không phát tâm Bồ-đề này.

Như Kinh Thập Địa nói: Trong tất cả chúng sinh những kẻ không được cứu hộ, những kẻ không có nẻo về, những kẻ không nơi nương tựa, những kẻ không có tri kiến, Bồ-tát thấy rồi liền sinh bi niệm, bèn phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu không vì dạy dỗ dắt dẫn người khác, Bồ-tát đã không phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên phải biết chư Bồ-tát là người mạnh mẽ phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức tâm bi kiên cố.

Như Kinh Như Lai Trí Ân Tam-ma-địa Thắng Thượng nói: Thực hành tâm Bồ-đề có thể hoại diệt khổ luân hồi.

Như Kinh Di-lặc Giải Thoát nói: Thiện nam tử! Ví như có người không lấy kim cương báu lớn, mà riêng được tất cả trang cụ bằng vàng, mà cũng không bỏ kim cương báu lớn, có thể giúp khắp những kẻ nghèo cùng. Thiện nam tử! Bồ-tát cũng vậy, không lấy kim cương báu lớn của tâm Nhất thiết trí, riêng được tất cả công đức trang nghiêm cụ bằng vàng của Thanh Văn Duyên Giác, mà cũng không bỏ hạnh Bồ-tát kia, có thể tế độ tất cả kẻ nghèo cùng khắp trong luân hồi. Bồ-tát bình đẳng tu học đối với tất cả các học.. Đó là thắng hạnh vô lượng. Cho nên từ nơi tâm Bồ-đề xuất sinh phương tiện thành tựu quả Đại Bồ-đề.

Như Kinh Như Lai Thị Giáo Thắng Vương nói: Đại vương ra làm các thứ sự nghiệp, với tất cả mọi thứ, với tất cả mọi nơi, nên học tương ưng bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Cho nên Đại vương nên khởi tâm dục, tín, cầu nguyện hướng đến Đẳng chính giác. Hoặ đi đứng nằm ngồi ăn uống, hoặc làm các việc phải luôn tác ý, nghĩ nhớ quán tưởng tất cả Phật Bồ-tát Duyên Giác Thanh Văn, các ngu phu dị sinh, cho đến bản thân mình v.v... trong quá khứ vị lai hiện tại có tất cả thiện căn đều tập hợp lại, phát tâm thắng thượng tùy hỷ cúng dường thừa sự khắp tất cả chư Phật Bồ-tát Duyên Giác Thanh Văn. Được bao nhiêu công đức thì bố thí cho tất cả chúng sinh, nguyện khắp tất cả chúng sinh được Nhất thiết trí, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Ngày ngày 3 thời hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì những việc làm của Đại vương đều được thanh tịnh, các hạnh Bồ-đề cũng đều thành tựu.

Lại nữa Đại vương! Tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề sinh vô số quả báo căn lành. Nếu sinh trong loài người hoặc cõi trời, trong tất cả mọi nơi đều được vượt trội hơn hết. Đại vương cũng làm như vậy. Đó là việc làm rộng lớn.

Lại nữa Đại vương! Tâm Bồ-đề là tối thượng, tối thắng, nếu chân thật tu hành tức thành tựu quả Đại Bồ-đề.

Như Kinh Vô Úy Thụ Vấn nói: Phát tâm Bồ-đề sinh phúc như cõi hư không, rộng lớn thắng thượng không cùng tận. Dầu có người dùng số cõi Phật như cát sông Hằng, dùng châu báu đầy khắp trong đó cúng dường Thế Tôn, nhưng với ai có thể chấp tay chí thành phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì phúc đức này hơn phúc đức trước không thể tính kể.

Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Thiện nam tử! Từ nơi tâm Bồ-đề sinh ra tất cả Phật pháp quảng đại thắng thượng trang nghiêm. Tâm Bồ-đề có 2 thứ: một là nguyện tâm hai là phần vị tâm.

Lại nữa kinh này nói: Thiện nam tử! Cái mà tất cả chúng sinh rất khó được là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu rộng khởi hạnh nguyện tức được hiện tiền an trụ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, có thể làm lợi ích khắp tất cả thế gian. Thiện nam tử! Ta được thành Phật là do phát khởi cầu tâm Bồ-đề, thừa tâm bản nguyện sau đó đem tu hành tất cả các hạnh đã khởi từ trước mà gồm khắp tất cả mà làm thành phần vị tâm, tức được thiện tri thức hiện tiền nhiếp thụ. Xả bỏ tất cả cảnh tướng không thật như Bồ-tát Diệu Cát Tường đã phát tâm với Thượng Y Vương. Bồ-tát phát tâm như vậy rồi, tự hành bố thí v.v... các Ba-la-mật-đa tương ưng thắng hạnh.

Nếu ai không tự điều phục được mình thì làm sao điều phục được người khác? Cho nên phải biết Bồ-tát nếu không tự mình tu các hạnh thì lấy gì có thể được quả Đại Bồ-đề?

Lại như Kinh Tượng Đầu nói: Chư Bồ-tát tu hành chân thật nên được Bồ-đề, chứ không phải làm các điều không chân thật.

Như Kinh Tam-ma-địa Vương nói: Đồng tử tu hành chân thật được như ta, Đồng tử phải học như vậy. Bởi vì sao? Đồng tử! Nếu tu hành chân thật tức được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không khó.

Bồ-tát tu hành các hạnh như vậy nêu rộng phân biệt các pháp 10 Ba-la-mật-đa, 4 vô lượng, 4 nhiếp pháp v.v... thì như Kinh Vô Tận Ý, Kinh Bảo Vân có nói.

Lại nữa có 2 thứ học là thế gian và xuất thế gian.

Thế nào là cái học thế gian? Là như học các kỹ năng công xảo v.v...

Thế nào là cái học xuất thế gian? Là như học tập thiền định v.v...

Còn nữa là làm những gì? Là làm tất cả sự nghiệp lợi ích chúng sinh. Trong đó phải biết các hạnh Bồ-tát làm. Nói vắn tắt là tuệ và phương tiện là 2 pháp không thể thiếu.

Như Kinh Duy-ma-cật nói: Bồ-tát không có tuệ phương tiện buộc, có tuệ phương tiện cõi, không có phương tiện tuệ buộc, có phương tiện tuệ cõi.

Lại như Kinh Tượng Đầu nói: Chư Bồ-tát nói chung có 2 đường lối. Đầy đủ 2 đường lối này chư Bồ-tát mau chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Những gì là hai? Đó là tuệ và phương tiện. Nếu lìa bỏ hạnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, các Ba-la-mật-đa, 4 nhiếp pháp v.v... thì làm sao có thể nghiêm tịnh cõi Phật, đại phú tự tại làm các việc giáo hóa thành thực hữu tình, gồm thâu các pháp phương tiện thiện xảo? Cho nên tuệ này và phương tiện kia là tính không điên đảo. Có nhân phân biệt, do nhân này nên khởi phương tiện đúng đắn. Như đã nói các pháp khởi không điên đảo, tư duy phân biệt mà có thể rốt ráo tự lợi lợi tha, có thể làm phiền não không khởi, như các độc bị chú tiêu diệt.

Lại nữa kinh này nói: Trí tuệ thâu nhiếp phương tiện. Đó là có phân biệt trí.

Lại như Kinh Tín Lực Pháp Môn nói: Sao gọi là phương tiện thiện xảo? Nghĩa là thâu nhiếp tất cả pháp.

Sao gọi là tuệ? Là trong tất cả pháp không phá hoại thiện pháp.

Như vậy 2 thứ tuệ và phương tiện đi vào khắp các địa, thường hành trong tất cả mọi thời, không thể giảm thiểu. Có các Bồ-tát 10 địa, hành 10 Ba-la-mật-đa cho đến rộng hành các hạnh, như Kinh Thập Địa có nói rộng. Có các Bồ-tát 8 địa, từ oai nghi của Phật khởi trụ hạnh chỉ tức. Kinh này nói: Lại nữa Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát trước phải khởi Đại nguyện gia trì trụ sức thiện căn. Chư Phật Thế Tôn cũng từ pháp môn này lưu xuất Đại trí, viên mãn các sở tác. Đây tức là tối thượng nhẫn môn. Tất cả Phật pháp do đây được tập hợp.

Lại nữa thiện nam tử! Không nên khởi hạnh chỉ tức như vậy. Như ta đã được 10 lực, 4 vô sở úy, 18 bất cộng, các thần thông v.v... tất cả Phật pháp mà người chưa đủ, cần phải phát khởi tinh tiến, khởi các hạnh cầu tương ứng mà tu hành. Cho nên người như vậy đối với nhẫn môn không nên lìa bỏ. Thiện nam tử! Người lẽ nào không quan sát thấy các ngu phu dị sinh tích chứa các thứ phiền não, liên tục không ngớt khởi các thứ tìm cầu, làm sao muốn khởi hạnh chỉ tức?

Lại nữa thiện nam tử! Phải biết pháp tính của các pháp là tự thường trụ. Vì pháp tính thường trụ nên Như Lai là vô sinh. Nghĩa là vì chư Thanh Văn Duyên Giác không hiểu rõ tất cả pháp là vô phân biệt, vô sinh, cho nên Như Lai dùng phương tiện thiện xảo xuất hiện thế gian.

Lại nữa thiện nam tử! Người thấy thân ta vô lượng, trí vô lượng, cõi Phật vô lượng, viên quang vô lượng. Các pháp rộng lớn như vậy cho nên người thừa hành bản nguyện, thường nghĩ nhớ làm lợi ích chúng sinh, tức được bất tư nghị trí môn như vậy.

Như Kinh Thập Địa có nói về hành tướng trái với Kinh Duy-ma-cật. Kinh ấy nói: Diệu Cát Tường! Nếu ai đối với chỗ thuyết pháp của Như Lai mà khởi khinh chê, người ấy tuy nói ra những lời

hủy báng, như ta có nói cũng được thanh tịnh. Trong đó lý sự cũng không mâu thuẫn nhau.

Như Kinh Tượng Đầu nói: Phật bảo Từ Thị: Chư Bồ-tát vì Bồ-đề nên tích tập 6 Ba-la-mật-đa. Có người ngu si nói như thế này: Bát-nhã Ba-la-mật-đa là cái học của Bồ-tát, sao lại còn học các Ba-la-mật-đa khác? Có người nghe rồi đối với phương tiện v.v... các Ba-la-mật-đa khởi ý tưởng lìa bỏ. Từ Thị! Ý ông nghĩ sao? Như vua Ca-thi lấy thịt thân mình cứu chim bồ câu, lẽ nào nhà vua ấy là ngu si chẳng? Từ Thị bạch Phật rằng: Thưa không, Thế Tôn! Phật bảo: Đúng vậy Từ Thị. Như ông đã tích chứa trong 60 kiếp bố thí v.v... các Ba-la-mật-đa, cho đến trong 60 kiếp tích chứa Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng như vậy. Phải biết trong đó là nói rộng hành tướng.

(QUYỂN 1)

LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ-ĐỀ TÂM

QUYỂN 2

Lại nữa trong đây như Kinh Ti-lô-giá-na Thành Phật nói: Có trí Nhất thiết trí, tâm bi làm căn bản, từ tâm bi phát sinh tâm Đại Bồ-đề rồi sau khởi các phương tiện. Cho nên các Bồ-tát trong tất cả mọi thời thường hành 2 thứ này. Có thí v.v... phương tiện hiện thân này, cõi nước này, quyến thuộc, sắc tướng, quả báo rộng lớn. Gồm 2 thứ nên đều được thành tựu. Như Phật Thế Tôn không trụ Niết-bàn để khiến tất cả khởi chính tuệ có thể đoạn trừ khắp các điên đảo. Lại cũng không trụ sinh tử vì do sinh tử mà khởi điên đảo. Cho nên Thế Tôn thành tựu vô trụ Niết-bàn.

Lại nữa phải biết tuệ và phương tiện tự tương sở hành cần phải xa lìa cộng tướng hủy báng nhị biên. Lìa nhị biên nên trung gian sở hành được vô ngại. Nói cộng tướng hủy báng biên, nghĩa là tuệ lìa cộng tướng biên, phương tiện lìa hủy báng biên. Trong đây là như vậy.

Kinh Thánh Pháp Tập nói: Nếu sắc thân đầy đủ các tướng hảo có thể làm cho người trông thấy khởi niềm vui ý tốt. Nếu trong Tam-muội quán pháp thân thì không nên khiến khởi niềm vui ý tốt.

Lại có thuyết nói: Tuệ và phương tiện sinh chư Như Lai, có thể khiến người khác khởi thanh tịnh tín giải. Phải biết như vậy.

Lại có người nói: Như phải hiểu rõ pháp thế gian. Pháp còn nên xả hưởng chi phi pháp. Lìa tướng chấp thủ nên đoạn dứt các tâm điên

đảo chấp thủ. Do đoạn dứt kia rồi cho nên nói là chân thật niềm vui ý tốt. Không nên trong việc ra làm kia, mà khởi tâm quyết định thật y chỉ. Cũng như có thuyết nói: Đối với tất cả pháp cũng không thể thủ cũng không thể xả, vì pháp thủ xả đó là bất khả đắc.

Có thuyết nói: Thí v.v... các hành cảm quả sinh tử. Trong đây vì sao nói lia tuệ mà hành thí v.v... được thiếu phần thiện? Là vì vui mừng cho là đủ, khởi tâm mạnh mẽ lại có ý tưởng tăng thượng thắng thiện căn.

Như Kinh Duy-ma-cật nói: Có tất cả pháp nên song hành 2 thứ tuệ và phương tiện. Các hành thí v.v..., nếu có tuệ tức được gọi là Ba-la-mật-đa, khác đây tức chẳng phải thanh tịnh thí v.v...

Trong đây nên biết nếu trụ Tam-ma-địa có thể sinh khởi các tuệ. Gia hành chuyên chú đều do đó làm. Nghĩa là trước khởi nghe thành tuệ. Do nghĩa của bản tông mà chính nhiếp trì, sau đó mới sinh khởi tư duy thành tuệ, rồi trong tư tuệ quán sát nghĩa như thật. Chỗ quán sát đó quyết định chân thật, không tà vọng nào khác, không hoặc điên đảo. Quán như vậy nên nghi hoặc chấm dứt, chính trí xuất sinh, như lý chính tu. Như Phật thụ chư ngoại đạo nói không có ngã pháp. Trong đó phải tư duy quán sát, chắc chắn có chính nhân được quả Niết-bàn. Khác đây đều là ngoại đạo thường nhân phân biệt, chẳng phải tịch tĩnh. Cho nên Tập A-hàm v.v... nói trong tuệ do tư duy như lý quán sát kỹ rồi, phải quán các vật có thật tự tướng rồi, sau đó trong tự tướng thắng nghĩa để tức không có sinh. Như vậy là trong A-hàm có nói quyết định tương ưng.

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: Vô sinh chân thật bất thật, gọi là pháp dị biệt. Như vậy đều tùy thuận thắng nghĩa để vô sinh đây nói chân thật. Lại nữa thắng nghĩa vô sinh tức phi vô sinh. Tất cả sở hành kia đều là tính quá khứ. Trong đây lại nói: Thiện nam tử! Sinh diệt 2 pháp rất cuộc đều là chấp trước của thế gian. Cho nên Phật là bậc Đại bi vì muốn cảnh tỉnh giác ngộ thế gian xả bỏ các sở

hành mà nói sinh diệt v.v... rất cuộc không có một thiếu pháp nào có thể sinh.

Lại nữa, Kinh Thánh Pháp Tập nói: Sao gọi là sinh? Sao gọi là diệt? Đáp: Vô sinh gọi là sinh, vô diệt gọi là diệt. Trong đây lại nói: A tự môn là tất cả pháp lìa sinh diệt. Đó tức là vô tự tính môn của tất cả pháp, tự tính do không mà thành.

Kinh Thánh Nhị Đế nói: Nếu vô sinh bình đẳng tức được tất cả pháp bình đẳng.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Tu-bồ-đề: Sắc sắc tự tính không, cho đến thức thức tự tính không, do tự tính không mà thành.

Kinh Tượng Dịch nói: Tất cả tính không thể được sinh. Trong tính vô sinh người ngu chấp có sinh.

Kinh Phụ Tử Hợp Tập nói: Kia tất cả pháp thầy đều bình đẳng, 3 đời cũng bình đẳng. Quá khứ tất cả pháp lìa tự tính, cho đến hiện tại tất cả pháp cũng lìa tự tính. Như vậy là nói tổng quát. Cần phải quan sát kỹ nghĩa tương ưng kiên cố trong A-hàm. Khác đây mà có nhân tức không thể thành. Trong đây như lý quyết định quán sát kỹ rồi, nói một cách vắn tắt, nghĩa là các sinh tính hoặc nói có nhân hoặc nói không có nhân, phải biết như thật chẳng phải kia có nhân chẳng phải kia không có nhân.

Nghĩa ấy là thế nào? Nếu xả bỏ tính nhân thì tính sai biệt này hoặc có thật hiển thị, chẳng phải kia không có nhân.

Nếu khi pháp sinh thì tất cả tính biến khắp mọi nơi, sao gọi là phi hữu?

Kia khi là vô tính hoặc vô sai biệt thì trong khi sinh cũng chẳng phải có được, cũng chẳng phải kia không có nhân, như vậy là nói tổng quát. Kia chẳng phải không có nhân mà được hòa hợp, cũng chẳng phải có nhân mà được hòa hợp. Như vậy nếu nói chấp có ngã

tức ngoại đạo khởi chấp nhân thường. Kia vô tính được sinh có thể khởi các hành mà hiển thị. Hoại các tính nhân làm sao có thể sinh khởi các hành vì không như lý xả.

Lại nữa chẳng phải ngoại đạo chấp ngã v.v... tự có năng lực đối với pháp riêng khác được tính không xả bỏ. Đã chấp tính thường thì không thể làm việc nghĩa lợi đối với người khác, mà nếu không nghĩa lợi thì trái pháp tương ưng. Như vậy trong đây phải biết chỗ chấp ngã v.v... tất cả lực có thể cuối cùng đều không, như đưa con người đàn bà bằng đá.

Kia không tự tính, trong các việc làm không thể thành tựu. Dẫu có ra làm cũng không thật năng lực. Nếu chẳng phải ra làm thì lại chẳng phải hòa hợp. Lại như tất cả việc tùy có làm, sinh rồi sau quyết định. Nếu có năng lực tức năng lực ấy tự tính tùy chuyển, như trước nói chỗ khởi làm việc được hòa hợp. Hoặc không tùy chuyển thì, cũng như trước nói, kia không có tự tính, có tính nhân vô thường chắc chắn không hòa hợp. Cho nên trong vô thường không có một thiếu pháp nào gọi là khả đắc.

Ý trong đây, như Thế Tôn nói: Lại nữa Đại Tuệ! Bất thật cộng tướng nghĩa là như hư không diệt, Niết-bàn không tác giả, không tính, không thủ trước cộng tướng. Cho nên vô thường v.v... sinh không hòa hợp này, mà cũng chẳng phải vô thường. Như trong 2 tính quá khứ vị lai cũng chẳng phải có sinh mà được hòa hợp. Cái không hòa hợp kia tính nhân tùy chuyển. Nếu đồng thời sinh có chỗ tương ứng, cũng chẳng phải nhân đồng thời làm ra tự tính sự được quyết định. Kia đồng thời quán cũng không chỗ thành tính, hoặc khác thời quán cũng chẳng phải khác thời. Nếu trong khi duyên trung quán thì kia cũng bất sinh bất thật. Quá khứ nếu sinh thì có chỗ hòa hợp, mà cũng chẳng phải duyên cũng chẳng phải có sinh. Kia tất cả ngã mà cũng không duyên. Lại nữa, chẳng phải trong một sát-na tất cả sát-na tùy nhập. Kiếp với sát-na phân lượng mà không hòa hợp. Như

các vi trần tập hợp lại thành một nhóm, trong đó cũng không có cực vi lượng ngã mà được hòa hợp. Như vậy trong một nhóm, một phần tính uẩn tụ của sát-na kia không hòa hợp tự không được sinh cũng không có nhân phần. Nếu trong đó lấy tính phần kia thì tự ngã sở tác mâu thuẫn và cũng không có 2 thứ. Nếu có 2 phần tính tức tùy chấp 2 thứ lỗi. Đó là nói tổng quát. Cho nên tất cả những gì thế tục sinh là có tính sở đắc, mà trong thắng nghĩa đế thật không có sinh. Thuyết này không mâu thuẫn với A-hàm.

Như Phật có nói: Các tính hữu sinh đều là thế tục. Trong thắng nghĩa đế, sinh không có tự tính. Nếu khởi nghi hoặc trong vô tự tính tức khởi ý thế tục. Nói như lý, là Phật Thế Tôn chân thắng ý lạc. Như cây lúa v.v... tự tính tha tính trong 2 thứ nói không có nhân sinh, nghĩa đó phải chấm dứt. Trong đây phải như lý quán sát kỹ. Nếu là có sắc hay không có sắc, 2 tính ấy như cái bình, cái đồ đựng v.v... Cái cực vi lượng kia không phá hoại tính của sắc. Nơi phần vị trước chẳng phải một tính. Trong phần vị trước nếu có chỗ phá hoại thì sẽ bất thành. Lại nữa chẳng phải trong nhóm cực vi có một tính hay nhiều tính. Kia lia tính một tính nhiều thì làm sao có tự tính? Nếu không có tự tính thì đó là thắng nghĩa. Như trong chiêm bao có được sắc tướng sắc tính. Phải biết nghĩa đó là Phật nói.

Như Kinh Lăng-già nói: Lại nữa Đại Tuệ! Ví như một đại tượng phá nát ra vi trần, trong tướng vi trần đó quán sát kỹ như lý thì sắc tính của nó thật không có tự tính. Lại như trong sắc uẩn các màu sắc xanh v.v... chúng không có đối ngại và không có tự tính. Như vậy rõ ràng ngoài thức chẳng phải sắc. Phải biết nghĩa như vậy.

Như Thế Tôn nói: Bên ngoài không có các sắc, đó là tự tâm hiện ra. Các màu sắc xanh v.v... bên ngoài, sắc tướng thật không có đối ngại, mà tướng thủ xả cũng không có đối ngại, chẳng phải một tính tương ưng, cũng chẳng phải nhiều tính tương ưng.

Một và nhiều mâu thuẫn nhau sao chẳng phải một tính? Bởi tính của một nhóm sắc, cho nên chẳng phải một sinh chẳng phải nhiều tính, phải biết nghĩa đó. Trong đây quán sát kỹ tướng của các hữu sắc, tự thể không thật nên không có đối ngại, thức đó cũng không thật. Bởi vì sao? Thức lia tự tướng, chẳng phải nói sắc kia lia thức mà có. Lại nữa tự tướng của thức có nhiều thứ chẳng thật. Vì lẽ đó nói thức là không thật. Cho nên Phật nói thức như người làm trò ảo thuật. Đó là nói tổng quát. Dù là một tính dù nhiều tính, tính đó đều là không. Trong thẳng nghĩa đế, tất cả tính không thật, đó là nghĩa quyết định.

Lại như Kinh Lăng-già nói: Ví như thấy các hình tượng trong gương, chẳng phải một tính chẳng phải khác tính. Như vậy khi quán, tính đó là phi hữu. Bởi vì sao? Vì lia tính một tính khác, vì không chấp trước vào tính một tính khác.

Hoặc có thuyết nói người trí quán tự tính thật bất khả đắc. Trong đó không thể hiển thị nên nói là không có tự tính. Như vậy như lý quán sát kỹ các thuyết, đó là tư duy thành tuệ, quyết định như thật. Nghĩa này thành tựu, do đó tu hành thành tuệ sẽ được sinh khởi. Nếu không có văn tuệ, tư tuệ thì tu tuệ không thành.

Như Kinh Bảo Vân nói: Những người chính hạnh có trí sáng suốt xuất sinh trung gian, chính hạnh kia không bị phá hoại. Do trí xuất sinh các chỗ tu hành xuất sinh thành tựu. Ví như trong đất có đầy bất tịnh, các hữu sinh làm sao có thể sinh? Các sự tu hành cũng vậy, quả trí sáng suốt xuất hiện như lý trong tính chân thật.

Như Kinh Tam-ma-địa Vương nói: Nếu có ai khởi tìm cầu nhiều thứ mà chỗ khởi tâm có chấp trước có nương tựa thì nếu muốn chứng chân thật tu tuệ kia trước tiên cần phải tu Xa-ma-tha tương ưng thẳng pháp làm cho tâm an trụ như nước lặng. Nếu tâm động mà không có Xa-ma-tha không thể nhiếp giữ mà trụ được. Như Phật

có nói trụ đẳng dẫn thì tâm có thể biết như thật. Nếu tán tâm vị thì chẳng phải tương ưng đây. Cho nên khi tu Xa-ma-tha thì những sở đắc, các ước muốn phải trụ bình đẳng xả. Các khổ trong thể đều trừ bỏ hết, an trụ tịnh giới phát khởi tinh tiến mau được thành tựu. Trong đây là như vậy.

Như Kinh Hòa Hợp Giải Thoát nói: Trước tu thí v.v... các hạnh thắng thượng, sau lại tu trì tịnh giới, rồi sau trụ nơi hạnh Xa-ma-tha. Nếu muốn trụ Xa-ma-tha này thì tùy các phần vị, đối với chư Phật Bồ-tát trước phải quy mạng sám hối tùy hỷ. Tiếp đến phải khởi tâm Đại bi sinh tưởng cứu độ hết tất cả thế gian. Trên nệm ngồi, an ổn kết già ngay thẳng hiện tiền chính niệm, dẫn phát Tam-ma-địa hiện tiền tương ưng. Bắt đầu chuyên chú quán sát, cho đến các thứ sở duyên đều thâm nhiếp hết buộc vào tâm giữ cho tĩnh trụ. Lại nữa tổng lược, sắc vô sắc trong 2 thứ phải xả ly lỗi tán loạn. Gồm các sở duyên tương ưng, khởi thắng tác ý, cho đến uẩn xứ giới tất cả các việc đều không phân biệt tức được thanh tịnh. Về nói rộng các hành tướng sở duyên như trong Tương ưng phần thứ 18 Kinh Hòa Hợp Giải Thoát có nói rõ. Về việc Thế Tôn nhiếp hóa hữu tình, sắc v.v... phân biệt và tất cả sự phân biệt, đại lược quảng hành tướng như có nói trong A-tì-đạt-ma v.v...

Ý trong này là đối với các việc đó quán rồi lìa lỗi mà thâm nhiếp tất cả làm cho tâm liên tục tăng tiến tu hành. Nếu tâm có sinh tham, bầy giờ nên quán bất tịnh v.v... Được chấm dứt rồi, lại khởi tâm thắng tiến hơn trước. Về quán bất tịnh v.v... có các hành tướng, nhưng sợ rườm rà nên thôi không đề cập. Nếu tâm không thể thắng tiến khởi thắng ý lạc, đó cũng là lỗi của tán loạn. Bầy giờ nên quán Tam-ma-địa có các công đức mà khởi thắng ý lạc, tức có thể chấm dứt các phi thắng ý lạc. Nếu có khi xảy ra hôn trầm hoặc sinh buồn ngủ, nên quán Phật công đức thắng hỷ vui mừng thì hôn trầm và buồn ngủ kia có thể chấm dứt.

Lại nữa như vậy trong sở duyên nếu kiên trì không tán loạn thì được tương ưng. Lại nữa nếu có khi tâm trước yêu thích vui mừng mà theo đó tâm sau sinh cao cử, bấy giờ nên tác quán vô thường. Đó là nói tổng quát. Trong sở duyên nên làm cho tâm không tác động, chuyên chú tĩnh trụ lìa pháp cao hạ, thực hành bình đẳng thì tâm được thanh tịnh. Hoàn toàn loại bỏ các nhân phát ngộ tán loạn v.v... Nếu thật sự có chân thật phát ngộ mà làm cho tâm kia tán loạn, trong sở duyên nếu không tác động mới được sở dụng sở hành tương ưng với thắng định. Bấy giờ biết là Xa-ma-tha đã thành. Như vậy phải biết tất cả Xa-ma-tha cộng tướng, nghĩa là tự tính trong tâm nhất cảnh tính, sở duyên Xa-ma-tha kia quyết định như vậy. Các pháp Xa-ma-tha này Phật có nói rộng trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa v.v...

Lại nữa phải biết có 9 pháp tu Xa-ma-tha: 1. Trừ. 2. Biến trừ. 3. Phần vị trừ. 4. Cận trừ. 5. Điều phục. 6. Chỉ. 7. Cận chỉ. 8. Nhất hướng sở tác. 9. Tri chỉ.

Chín thứ này hành tướng như thế nào? Nghĩa là đủ khắp 9 pháp này tức gọi là trừ. Ở trong sở duyên, buộc tâm là biến trừ. Ở trong sở duyên liên tục chuyển là phần vị trừ. Tán loạn hiện tiền mà xô dẹp hết là cận trừ. Lìa tán loạn rồi mà lại hơn sở duyên biến trừ trước là điều phục. Nếu khi ái khởi làm cho rạp xuống là chỉ. Nếu lỗi tán loạn hiện tiền không khởi thắng ý lạc mà có thể chấm dứt là cận chỉ. Nếu khi khởi hôn trầm buồn ngủ mà mau chóng khiến lìa khỏi là nhất hướng sở tác. Trong sở duyên được không tác động rồi, sau đó chuyên chú được tương ưng chỉ, được chỉ rồi tâm trụ nơi xả là tri chỉ. Tất cả những nghĩa này như Thánh Từ Thị Bồ-tát đã nói.

Lại nữa phải biết trong khi tu tất cả Tam-ma-địa có 6 thứ lỗi: 1. Giải đãi. 2. Sở duyên vong thất. 3. Trầm hạ. 4. Cao cử. 5. Vô phát ngộ. 6. Phát ngộ.

Khi sinh 6 lỗi này phải khởi 8 thứ đoạn hành đối trị.

Tám thứ là những gì? 1. Tín. 2. Dục. 3. Cần. 4. Khinh an. 5. Niệm. 6. Chính tri. 7. Tư. 8. Xả.

Hành tướng các đối trị này như thế nào? Nghĩa là tín v.v... 4 pháp đối trị giải đãi. Ý trong đây là dùng trong công đức của Tam-ma-địa cần phải đủ tướng tăng thượng chính tín thuận. Kia tương ưng thì khởi thắng hy vọng. Trong khi hy vọng thì phát hạnh tinh tiến. Khởi tinh tiến thì thân tâm dũng mãnh sau được khinh an, cho nên đối trị. Niệm đối trị sự quên mất sở duyên, nghĩa này cần phải biết. Chính tri đối trị trầm hạ và cao cử. Nghĩa là do chính tri khởi quán sát đúng đắn làm chấm dứt 2 pháp cao hạ, cho nên đối trị. Tư đối trị không phát ngộ, nghĩa này phải biết. Xả đối trị phát ngộ. Do trước cao hạ đã được chấm dứt rồi, tâm trụ chính trực, tức không phát ngộ, cho nên đối trị. Như vậy là 8 hành đoạn đối trị xong 6 lỗi. Có tối thượng Tam-ma-địa sự nghiệp tức được thành tựu thần túc, công đức do đây mà sinh.

Như các kinh nói: Nếu đủ 8 đoạn hành tức có thể phát khởi 4 thứ thần túc. Có tâm nhất cảnh tính, sự nghiệp thắng thượng được chính tương ưng mới có thể chứng nhập pháp môn thiền định giải thoát, viên mãn tất cả công đức tối thắng.

(QUYỂN 2 HẾT)

LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ-ĐỀ TÂM

QUYỂN 3

Lại nữa trong đây lần lượt phải tu các thiền định kia. Nghĩa là nếu được lìa dục ái có hỷ lạc, nội tâm thanh tịnh trụ chính tương ưng có tầm có tứ là Sơ thiền định. Lại nữa trong đây không tầm chỉ có tứ là trung gian thiền. Sơ thiền địa ái nếu được lìa rồi, có hỷ lạc nội tâm thanh tịnh trụ chính tương ưng là Nhị thiền định. Nhị thiền địa ái nếu lìa được rồi, lạc xả chính tri, trụ chính tương ưng là Tam thiền định. Tam thiền địa ái nếu được lìa rồi, xả niệm tương ưng là Tứ thiền định. Phải biết có hành tướng các Vô sắc định v.v... trong đó cần phải phân biệt các tướng sở duyên, trong sở duyên khiến tâm kiên cố, như lý sở tác, dùng tuệ quán sát, trí sáng suốt sinh phá vô minh chủng, rốt ráo được đoạn, tức chính tương ưng. Khác đây tức tu theo ngoại đạo, chẳng phải chính Tam-ma-địa không thể đoạn phiền não.

Như các kinh nói: Có khi chính tu Tam-ma-địa mà ngã tưởng sinh, tức trở lại phát khởi phiền não. Bấy giờ phải trụ tâm như nước lặng, nhập Tam-ma-địa tương ưng quán hạnh.

Như Kinh Lăng-già nói: Tổng lược mà nói chính tuệ quán hạnh chỉ có tâm tĩnh trụ ngoài không phân biệt. Nếu trụ chân như sở duyên là tâm nên qua. Nếu tâm qua rồi thì kia không đối ngại mà cũng nên qua. Trong không đối ngại nếu tương ưng trụ là Đại thừa quán. Kia không phát ngộ tối thắng tịch tĩnh tức thắng vô ngã trí vô đối ngại quán.

Ý trong đây là như thật quán sát ngoài tâm không có sắc pháp phân biệt, đó tức là tối thượng tương ưng thắng hạnh.

Nếu vậy làm sao thức với sắc có khác? Hoặc nếu không khác thì thức cũng phải có nghĩa đối ngại chăng? Không như vậy thì như chiêm bao, phần vị sở kiến là không thật. Cho nên ngoài thức như thật quán sát cực vi lượng sắc thủ là bất khả đắc. Bởi bất khả đắc nên như vậy là thành duy thức, không có một nghĩa nào cả, chỉ có tâm tĩn trụ, ngoài không phân biệt. Trong sự quán sát kỹ vì lìa sắc pháp cho nên có tướng sở đắc, nhưng mà cái gọi là đắc rốt ráo là vô sở đắc. Cho nên trong các sắc pháp nên quán vô sắc. Kia nếu chỉ có tâm không thật năng thủ cũng không sở thủ. Hai tính thủ này thật bất khả đắc. Lìa thủ xả nên tâm không hai. Quán sát kỹ như vậy cũng không có 2 tướng. Ở trong sở duyên của chân như tâm này cũng qua, tướng sở thủ kia cũng đã qua rồi, 2 không đối ngại. Do đó trong trí không hai, trụ nghĩa như thật.

Nói chỉ có tâm qua rồi, 2 không đối ngại, là trí ở trong đó mà cũng nên lìa. Cho nên trong tự tính tha tính các hữu sinh tính là bất khả đắc. Nên quán sát kỹ tính chúng sinh cũng không hòa hợp. Hoặc thủ hoặc xả 2 tính không thật đều phải lìa bỏ. Trong không đối ngại, không 2 trí, nếu trụ như vậy tức trong tất cả pháp như thật giác liễu là không có tự tính. Đó tức có thể nhập vào tối thượng thật tính, nhập vào vô phân biệt Tam-ma-địa môn. Lại nữa nếu tương ưng trụ trong không đối ngại, không 2 trí thì tức là trụ trong tối thượng thật tính. Đó là thấy Đại thừa. Như vậy cũng thấy thật tính tối thượng. Bởi thấy thật tính tối thượng nên với tất cả pháp tuệ nhãn quán không, trong trí sáng suốt đều thấy như thật.

Như các kinh nói: Thế nào là thấy thắng nghĩa đế? Nghĩa là không thấy tất cả pháp. Trong đây như thế này, nói không thấy là thắng ý lạc, chân thật không thấy, chứ không phải như thế gian những người mù bầm sinh và những người bị tối mắt, thiếu duyên hoặc

không tác ý nên đều không thấy. Các chủng tử hữu tính điên đảo kia đều không thể đoạn. Đây thì không phải vậy. Lại như nhập vô tướng định, sau hoặc khi xuất định trở lại sinh khởi chấp thủ hữu tính trở lại tham v.v... các nhóm căn bản phiền não mà không giải thoát. Nói hành tướng hữu tính chấp thủ tham v.v... các căn bản phiền não là như các kinh Thánh Nhị Đế v.v... có nói.

Như lại có người nói nhập pháp môn vô phân biệt tổng trì, trong pháp vô phân biệt lià các tướng sắc v.v..., dùng quyết định tuệ trong vô sắc quán vô sở đắc, cũng không tác ý, là thắng ý lạc, chứ không phải như vô tướng định v.v... trong pháp chấp trước các sắc v.v... tác ý mà lià. Cho nên phải biết như trước đã nói trong các sắc v.v... tác ý lià tướng. Nếu không có chính tuệ tức không thể đoạn chủng tử nghi hoặc. Ví như ở thế gian khi lửa còn là có thể đốt cháy các vật. Làm sao có được một pháp có thể lià tư, nếu không chấm dứt sở hữu? Do đó phải biết có Xa-ma-tha, trong các sở duyên tâm trụ kiên cố như lý sở tác, dùng tuệ quán sát, trí sáng suốt sinh, sáng hiện thì tối trừ trí sinh thì chướng diệt. Như người có 2 mắt tùy lượng không sai, với các phần vị chiếu sáng không khác. Trí sáng suốt xuất hiện cũng như vậy, chẳng phải trong cái sáng có tính tối, vì 2 pháp sáng tối mâu thuẫn nhau. Phải biết trong Tam-ma-địa lià tính tối cũng như vậy. Nếu không như vậy làm sao có thể trụ tâm nơi tướng một cảnh? Cho nên nếu trong Tam-ma-hứ-đa hiểu biết như thật tức có thể một mực tùy thuận chính tuệ. Những điều nói trong đây hoàn toàn không mâu thuẫn.

Lại nữa trong Tam-ma-hứ-đa nên dùng tuệ quán tướng vô sắc, với tất cả pháp đều vô sở đắc. Trong các tướng tương ưng phần vị, không tiến đến không phát ngộ, hoặc tự hoặc tha đều thấy vô tính, các tướng hữu tính phân biệt hý luận tất cả đều diệt hết. Như vậy tức trong tính vô tướng mà chính tuệ quán thấy đều được tương ưng. Hữu tâm phân biệt đều không thể lập, tức vô tính kia cũng bất khả đắc.

Nếu ở trong đó hoặc bảo rằng hữu tính mà có thể thấy thì cái thấy đó phải nên chấm dứt. Như vậy chấm dứt rồi, nếu với vô tính phân biệt chuyển thì đây cũng không phải. Giả sử hữu tính tương ưng trong 3 thời, dùng tuệ nhãn quán vô tướng vô đắc thì có gì là chấm dứt?

Nghĩa như thật, là hữu tính vô tính đều không nên phân biệt, một tính khác tính cũng không được phân biệt. Trong đó nếu ly tính với vô tính 2 phân biệt thì đều có thể soi thấu các phân biệt không. Tức năng chiếu và sở chiếu cũng vô sở hữu. Như vậy mới được tương ưng tối thượng tối thắng vô phân biệt. Trong đây nếu trụ tương ưng như vậy tức tất cả phân biệt đều có thể đoạn diệt. Các phiền não chướng, tri chướng cũng đoạn được. Trong tính bất sinh bất diệt của phiền não chướng kia, tính v.v... các điên đảo căn bản đều trừ hết.

Như các Kinh Thánh Nhị Đế v.v... nói: Như vậy trong tương ưng hành, tất cả tính v.v... phân biệt đoạn rồi, khắp tất cả tính v.v... điên đảo vô minh, tự tính phiền não chướng căn bản liền đoạn dứt. Căn bản kia đoạn rồi các phiền não chướng đều có thể đoạn.

Như trong Kinh Thánh Nhị Đế có hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường rằng: Làm sao có thể điều phục phiền não? Làm sao có thể biết rõ phiền não? Diệu Cát Tường nói: Trong thắng nghĩa đế hoàn toàn không sinh. Trong tính vô sinh của tất cả pháp kia, thế tục đều là không thật, điên đảo. cần phải chấm dứt tất cả tính làm sinh khởi phân biệt tư duy điên đảo. Nếu tư duy phân biệt kia không chấm dứt tức là có cộng tướng hữu ngã. Đã có cộng tướng hữu ngã tức sinh khởi các kiến. Nếu kiến khởi lên tức phiền não chuyển. Thiên tử nếu có thể hiểu rõ trong thắng nghĩa đế tất cả pháp là hoàn toàn không sinh. Tức thắng nghĩa đế đủ 10 thứ không điên đảo. Nếu trong thắng nghĩa đế không điên đảo tức không phân biệt. Nếu không phân biệt là được tương ưng diệt. Nếu tương ưng diệt thì cộng tướng bị ngã không thể có được. Nếu cộng tướng ngã là không thể được thì các kiến kia không thể khởi lên. Cho đến trong thắng nghĩa đế cái thấy

Niết-bàn cũng không khởi. Do như vậy nên ngay trong hạnh vô sinh tất cả phiền não đều hoàn toàn điều phục. Thiên tử phải biết! Các phiền não trong trí vô ngại của thắng nghĩa đế là rốt ráo không, rốt ráo vô tướng, rốt ráo vô tính. Biết như vậy là biết rõ phiền não. Thiên tử! Ví như rắn độc bị chú làm hại. Chúng tử phiền não cũng vậy.

Thiên tử lại hỏi: Thế nào là chúng tử phiền não? Diệu Cát Tường nói: Thiên tử! Thắng nghĩa đế kia rốt ráo trong vô tính nếu khi khởi phân biệt đối với tất cả pháp, đó tức là các chúng tử phiền não. Do đó khởi các tính điên đảo. Trong điên đảo không thể soi thấu. Cho nên nếu trong pháp sở đoạn tất cả phiền não đều đoạn, thì các trí chướng có thể chính quyết định mà trừ hết. Trí chướng đoạn rồi không có tính tương tục. Ví như khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì lia các mây ám, chiếu sáng tất cả mọi nơi không ngại. Và trí sáng thanh tịnh kia chiếu sáng thì dù sắc dù tâm tất cả tính cũng đều như vậy. Thật tính các vật quyết định thường trụ. Trong tính không tương tục, chân thật hiểu như tất cả vật tính như thật nghĩa, là trong đây vật tính làm sao có thể dùng ngôn từ nói rõ? Cho nên trong thắng nghĩa thế tục đế, như như sở thuyết, như thật liễu tri tất cả sắc tướng và các vật tính rồi, tức được Nhất thiết trí. Như vậy nói các nghĩa đoạn chướng là chứng Nhất thiết trí tối thượng thắng đạo, chứ chẳng phải như các đạo Thanh Văn. Họ không thể đoạn trừ hết các điên đảo cũng không thể chính đoạn 2 chướng.

Như Kinh Lăng-già nói: Đại Tuệ! Các người Thanh Văn kia khởi nhân dị biệt có chỗ trụ trước. Họ thấy pháp rồi chấp lấy làm Niết-bàn tự gọi được thành Phật, nhưng không thể thấy được lý pháp vô ngã. Đại Tuệ! Đó không phải giải thoát. Như vậy người Thanh Văn chỗ chứng của tự trí là chưa thật xuất ly mà cho là xuất ly. Vì dị kiến chuyển cho nên việc làm của họ không phải tương ưng đây. Việc hành đạo của họ chẳng phải chân thật giải thoát. Thế Tôn chỉ nói pháp Nhất thừa, không nói các đạo Thanh Văn. Những người Thanh

Vấn kia chỉ quán sát vô ngã ở trong uẩn và sở đắc của họ gọi là nhân vô ngã. Trong đây không phải vậy, phải quán 3 cõi tất cả duy thức. Nếu nói ngoài thức có nghĩa được vô ngã, như vậy tức là không được nhập vào trong vô nhị trí vô ngã, vì tha tính được nhập. Cho nên nếu tha tính được nhập thì đó không phải nhập vào duy thức tính.

Lại như trong phẩm Thánh xuất thế của kinh này nói: Lại nữa Phật tử phải biết 3 cõi chỉ có tâm hiện ra, tâm đó cũng không có được trung biên. Nếu nói có biên tức có sinh. Nếu nói có trung tức có trụ. Tất cả đều là tướng phân biệt. Tâm không có trung biên nên có thể nhập vào trí không 2 kia. Nhập như vậy là chân thật nhập.

Trong đây có câu hỏi là nếu như vậy thì các tương ưng phần vị sinh như thế nào? Đáp rằng do thắng nguyện lực thanh tịnh kia xuất sinh thắng thượng các thiện hạnh minh bạch như bồ thí v.v... Kia là chân thật thanh tịnh sinh ra.

Lại nữa Đại bi của Bồ-tát nếu tất cả chúng sinh chưa có thể nhập hết vào trong trí thanh tịnh các pháp vô tính, thì Bồ-tát cho đến tùy nhập vào luân hồi cũng không nhiễm tội lỗi luân hồi, thì lẽ nào trụ trong pháp tịch tĩnh không phát ngộ? Như kinh có bài tụng:

*Trong không đối ngại thấy
Trí vô ngã tối thắng.*

Cho nên nếu trong không 2 tướng nói câu không 2, đó là tối thắng, tức chân thắng ý lạc trong thắng nghĩa đế. Trong trí không 2, không đối ngại, rốt ráo không có ngã không có tự tính, tức được sở kiến tương ưng. Kiến đó là kiến không dị biệt, tất cả không phân biệt và không phát ngộ, tất cả vắng lặng.

Lại hỏi: Nếu vậy làm sao có thể khởi các hạnh tương ưng?

Đáp: Không phải vậy. Nếu thấy kia là thật thì không thể tùy thuận thắng nghĩa. Bởi vì sao? Vì trong đó không có tướng chủ thể tự tại tương ưng thì làm sao có thấy? Chỉ vì trong pháp thể tục tùy thuận

tướng cảnh giới như sắc v.v... Nếu trí sinh khởi, thức cũng tùy thuận thế gian sở hành. Cho nên phải biết trí kia là trong trí thâm hiểu có sở kiến.

Và lại chẳng phải thật có tướng chủ tể. Nếu khi trí không 2, không đối ngại sinh khởi mà như thật hiểu rõ mới có thể trong trí đó được cái thấy như thật. Chẳng phải nói tất cả pháp trong thắng nghĩa để không có tự tính mà thế tục để quyết định tương ưng. Nếu nói khác đây, đó là trí hẹp hòi thấp kém của phàm phu.

Như Kinh Thánh Nhị Đế nói: Trong thắng nghĩa để rốt ráo vô tính. Trong thế tục đạo tùy theo cũng nên quán. Nếu khác đây thì các ngu phu dị sinh, Thanh Văn Duyên Giác Bồ-tát và Phật v.v... các phần vị phải lập như thế nào? Nghĩa là vì thế tục không nhân thế tục không sinh. Nay đây không như vậy. Trong thế tục đạo tùy theo nên quán, cho nên trong thắng nghĩa để thật không có sinh. Trong thắng nghĩa để nếu có sở đắc thì như sừng thỏ. Các pháp thế tục như ảo hóa, như ảnh tượng và như tiếng vang v.v... Do như vậy cho nên thế tục duyên sinh với thắng nghĩa để trong đó vật tính chẳng phải không hòa hợp. Kia xét nét kỹ không có tính chuyển đổi. Trong đây như vậy, phải biết thế gian tất cả như ảo hóa, các nghiệp phiền não tức là nhân ảo, các chúng sinh sinh tức là chuyển thành ảo, có các phúc trí tương ưng các hành cũng là nhân ảo. Như vậy trí tương ưng tức là chuyển trong ảo.

Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói: Tu-bồ-đề! Có các Thanh Văn như ảo hóa, Duyên Giác như ảo hóa, Bồ-tát như ảo hóa, Như Lai như ảo hóa, phiền não như ảo hóa, nghiệp như ảo hóa. Tu-bồ-đề! Vì duyên đó nên tất cả pháp như ảo hóa. Các hành sai biệt như vậy và dị sinh v.v... đều như tướng ảo hóa. Ở trong ảo hóa đó nếu biết rõ đều là chấp thủ không thật. Nếu biết được như vậy là người tương ưng. Nếu chấp là thật, chấp lấy tức là ngu phu dị sinh. Như vậy cái nói là thật, là không mâu thuẫn.

Như Kinh Thánh Pháp Tập có bài tụng như sau:

*Như ảo hóa ra làm,
 Từ ảo hóa giải thoát.
 Đây nếu như biết trước,
 Chẳng chấp lấy ảo hóa.
 Nói 3 cõi là ảo,
 Phật Bồ-tát đều biết.
 Biết rồi mặc áo giáp,
 Làm lợi ích thế gian.*

Trong các việc làm như vậy nên quán thật tính. Như trước đã nói trong Xa-ma-tha. Nếu khi khởi tâm trầm hạ hay cao cử thì nên quán tất cả pháp không có tự tính. Bảy giờ nên lia tác ý cao hạ trí sẽ được thành tựu. Con đường hành đạo của người tương ứng Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na liền được đầy đủ. Cho đến có thể khởi sức tín giải, trụ Giải hạnh địa. Sau khi quán rồi muốn khởi, trở lại tư duy trong thắng nghĩa để không có tự tính. Thế tục để kia cũng trụ như vậy.

Như Kinh Bảo Vân nói: Bồ-tát làm sao được lý vô ngã? Thiện nam tử! Bồ-tát nên dùng chính trí quán sát sắc thụ tướng hành thức. Khi quán sát chúng thì sắc sinh là bất khả đắc, tập bất khả đắc, diệt bất khả đắc. Cũng như vậy thụ tướng hành thức hoặc sinh, hoặc tập, hoặc diệt đều bất khả đắc. Trong thắng nghĩa để kia hiểu rõ hành vô sinh rồi khởi tuệ quán sát không ra làm một hạnh gì mà có thủ trước trở lại. Do đó người ngu vô trí trong vô tự tính như vậy chấp có tự tính, điên đảo chấp lấy, cho nên sinh tử xoay vần không cùng tận, hiện thụ các khổ không thôi nghỉ. Bồ-tát như vậy thường khởi Đại bi không ngớt tư duy nghĩ nhớ hiện tiền ra làm, phát thắng hạnh nguyện bi mãn lợi ích. Nếu như việc làm của ta theo đó được Nhất thiết trí rồi, như thật giác liễu pháp tính rồi, sau đó xưng tán cúng dường tất cả Phật Bồ-tát. Thành sở tác rồi, từ Không bi tạng phát sinh tất cả phúc hạnh như thí v.v...

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: Nếu chư Bồ-tát như thật hiển thị, là trong tất cả chúng sinh dùng Đại bi chuyên. Niềm vui Tam-ma-địa này của ta hiển thị như thật trong tất cả pháp, vì làm thành tựu tất cả chúng sinh. Do khi khai phát Đại bi này tức được tăng thượng giới định tuệ, các học viên mãn, thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Trong đây phải biết tuệ và phương tiện là sở hành tương ưng thắng đạo của Bồ-tát, không đoạn thế tục đế, hiển thị thắng nghĩa đế. Nếu không đoạn thế tục đế tức có thể dùng Đại bi làm tiền đạo, khéo vì chúng sinh làm việc lợi ích, xa lìa điên đảo. Đó tức gọi là khéo có thể kiến lập tuệ xuất thế gian. Do đó mới thuận hành phương tiện, trong khi hành các phương tiện hiểu rõ tướng ảo, không điên đảo, dùng trí xuất thế như như, khéo tu tối thắng phương tiện, có thể trong chân thật cú nghĩa phát ý dũng mãnh xuất sinh thắng tuệ. Bồ-tát được tuệ phương tiện này rồi mới trụ tương ưng sở hành thắng đạo.

Như Kinh Vô Tận Ý nói: Thiên định vô tận mà có thể xuất sinh tuệ và phương tiện. Phải biết chỗ xuất sinh đó tức là tương ưng hành giả sở hành thắng đạo.

(QUYỂN 3 HẾT)

LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ-ĐỀ TÂM

QUYỀN 4

Lại nữa trong đây như Kinh Bảo Vân nói: Bồ-tát làm sao được pháp Đại thừa? Nghĩa là nếu Bồ-tát khéo học tất cả pháp. Kia tuy có học mà khi học và pháp sở học đều bất khả đắc. Tuy trong học quyết định vô sở đắc, và cũng không ở trong pháp nhân duyên kia mà khởi đoạn kiến.

Như Kinh Thánh Pháp Tập nói: Thế nào là các việc làm của Bồ-tát? Nghĩa là trong các việc làm thân ngữ ý của Bồ-tát, trường thời gian không bỏ tất cả chúng sinh, nội tâm phát khởi Đại bi tăng thượng, vì muốn lợi lạc các chúng sinh nên nghĩ như thế này: Nếu các hạnh ta đang làm và đã làm đều cho tất cả chúng sinh thì làm lợi ích rộng lớn an lạc. Bồ-tát tuy quán các uẩn như huyễn, nhưng trong đó cũng không sinh chán bỏ, tất cả việc làm đều không chướng ngại.

Xứ như hư không mà trong đó cũng không sinh chán bỏ, tất cả việc làm đều không chướng ngại.

Giới như độc rắn mà trong đó cũng không sinh chán bỏ, tất cả việc làm đều không chướng ngại.

Lại nữa tuy quán sắc như đám bọt nước, nhưng cũng không lìa bỏ sắc thân tướng hảo của Như Lai.

Thụ như bong bóng nước nổi, nhưng cũng không ở trong thiên định Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề của chư Như Lai xuất sinh diệu lạc mà không khởi phương tiện.

Tưởng như sóng nắng mà cũng không ở trong trí Như Lai không khởi thắng tưởng.

Hành như cây chuối nhưng cũng không ở trong tất cả Phật pháp mà không làm.

Thức như người làm trò ảo thuật nhưng cũng không ở trong 3 nghiệp trí của Như Lai là tiền đạo mà không làm. Như vậy tất cả việc làm đều không chướng ngại.

Lại nữa các kinh đều nói: Phải biết tuệ và phương tiện chính là hạnh các Bồ-tát làm. Cho nên các Bồ-tát trong vô số tất cả hạnh kia thường phát khởi tuệ và phương tiện, quán tưởng tu hành trường thời gian không gián đoạn. Như vậy tức được 12 phần vị. Các địa vị này được an lập rồi, trong các địa vị ấy thắng thượng công đức thắng đều đầy đủ.

Nói 12 phần vị, là nói Tín giải hạnh địa cho đến Phật địa. Trong các địa này chỉ trừ Phật địa, ngoài ra đều bao gồm dị sinh và Bồ-tát. Trong đây Tín giải hạnh địa, là chưa chứng được lý 2 vô ngã, một mực phát khởi kiên cố tín giải, ma chướng không thể động, sức tín giải kia cũng chưa có thể quán thật tính duy thức, chỉ ở trong pháp tín giải kiên cố lập Giải hạnh địa. Lại nữa trong các địa tùy thích hợp đều đủ vô số các công đức Tam-ma-địa tổng trì giải thoát thần thông.

Như Kinh Bảo Vân nói: An lập 4 thứ Thuận quyết trạch phần, mà 4 vị kia có duyên, trung, thượng trí quang minh xuất ra. Bốn thứ này đều quán các pháp vô ngã. Trong đó nếu có trí quang minh duyên phẩm phát sinh, đó là Noãn vị, tên định chứng được kia gọi là Minh đặc. Nếu có trí quang minh trung phẩm phát sinh, đó là

Đánh vị, tên định chứng được kia gọi là Minh tăng. Nếu có trí quang minh tối thượng ngoại vô đối ngại phát sinh, trong phân vị của tâm lia tướng năng thủ, đó gọi là Nhẫn vị, tên định chứng được kia gọi là Nhất phần nhập. Nếu trong tướng năng thủ sở thủ đều vô sở đắc, dùng trí không 2 quyết định ấn 2 thủ tướng không kia, đó gọi là Thế đệ nhất vị, tên định chứng được kia là Vô gián. Từ Vô gián này nhập duy thức tính. Trong đây tổng lược các thuyết như vậy đều gồm trong Tín giải hành địa.

Lại nữa 10 địa tức 10 phân vị. Từ trước Thế đệ nhất, Vô gián, Sơ tâm được nhập kiến đạo. Đã được Thánh tính, sinh đại hoan hỷ, cho nên nói đây là Hoan hỷ địa. Đây có thể phân chứng lý 2 vô ngã, được pháp vô tính, trí chân thật sinh, lia tất cả hý luận phân biệt. Trong đây có thể đoạn 112 hoặc do kiến đoạn, ngoài ra 3 cõi chung có 16 hoặc do tu đoạn, như ứng mà đoạn. Ở địa vị này Bồ-tát được trí bình đẳng, tự lợi lợi tha, được viên mãn Thí Ba-la-mật-đa, an trụ Tam-ma-địa. Cho đến chưa có thể xa lia hủy phạm cấu nhiễm vi tế, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên nhị địa.

Ở nhị địa kia có thể lia tất cả sự phạm giới cấu nhiễm, cho nên gọi đây là Ly cấu địa. Ở địa vị này Bồ-tát có thể xa lia mọi phạm giới cấu nhiễm vi tế, được viên mãn Giới Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa có thể thành tựu thắng Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề và Văn tổng trì, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên tam địa.

Ở tam địa kia có thể phát ra vô lượng ánh sáng thắng trí, cho nên gọi đây là Phát quang địa. Ở địa vị này Bồ-tát được khắp tất cả thắng Tam-ma-địa và Văn tổng trì, kham nhẫn các khổ. Trong Nhẫn Ba-la-mật-đa được viên mãn rồi, trong tất cả Tam-ma-bát-đề xả bỏ ái tâm. Cho đến chưa có thể rộng tu pháp Bồ-đề phần, nhưng nếu phân chia mà được thì tiến lên tứ địa.

Ở tứ địa kia tuệ của pháp Bồ-đề phần chấy có thể thiêu đốt các củi phiền não, cho nên nói đây là Diệt tuệ địa. Ở địa vị này Bồ-tát

đã lia các khuyết giảm về phân biệt ngữ, ý, khéo tu pháp Bồ-đề phần không khuyết giảm, được viên mãn Tinh tiến Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa có thể tác quán 4 đế, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên ngũ địa.

Ở ngũ địa kia, đối với sinh tử Niết-bàn dùng phương tiện khéo léo quán sát bình đẳng, thắng tu tập trong những khó thắng nhất, cho nên gọi đây là Nan thắng địa. Ở địa vị này Bồ-tát trong 4 Thánh đế có thể khéo quán sát và tu tập nhiều được viên mãn Định Ba-la-mật-đa. Từ Thuận quyết trạch phần ra đến trong địa này mới được hạnh vô tướng. Cho đến chưa có thể tác quán duyên sinh, nhưng nếu phân ia mà được thì tiến lên lục địa.

Ở lục địa kia thắng tuệ đủ rồi, có thể chuyển tất cả Phật pháp thắng hiện tiền môn, cho nên gọi đây là Hiện tiền địa. Ở địa vị này Bồ-tát có thể khéo quán sát pháp duyên sinh, được viên mãn Tuệ Ba-la-mật-đa, được hạnh vô tướng. Cho đến chưa có thể viên mãn hạnh này, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên thất địa.

Ở thất địa kia trong vô công dụng phương tiện đạo tuy chưa có thể đầy đủ để đi xa, cho nên gọi đây là Viễn hành địa. Ở địa vị này Bồ-tát quán tất cả tướng đều như ảo hóa, hiểu rõ chân thật tướng dụng, tất cả đều không trở ngại, có thể thành tựu hạnh vô tướng, được viên mãn Phương tiện Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa có thể đầy đủ hạnh vô công dụng, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên bát địa.

Ở bát địa kia các tướng dụng đều không thể động, cho nên gọi đây là Bất động địa. Ở địa vị này Bồ-tát được tốt hạnh vô tướng công dụng, được viên mãn Nguyện Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa có thể phân biệt tất cả tướng, thuyết pháp tự tại, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên cửu địa.

Ở cửu địa kia đủ tối thắng tuệ, khéo nói các pháp, cho nên gọi đây là Thiện tuệ địa. Ở địa vị này Bồ-tát được tối thắng 4 vô ngại

giải, tuệ lực tương ưng, được viên mãn Lục Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa có thể ở trong pháp hội nơi các cõi Phật tùy ứng hóa hiện thuyết pháp lợi sinh tự tại viên mãn, nhưng nếu phân chia mà được thì tiến lên thập địa.

Ở thập địa kia có thể ở trong tất cả thế giới vô biên bủa mây pháp lớn, rưới mưa cam lồ, cho nên gọi đây là Pháp vân địa. Ở địa vị này Bồ-tát thắng trí tương ưng, thuyết pháp lợi sinh, làm các việc giáo hóa đều được tự tại. Cho đến chưa có thể trong tất cả mọi nơi, tất cả tướng được trí vô ngại, nhưng nếu có thể phân chia mà được thì tiến lên Phật địa.

Các hành tướng thiết lập các địa như trên có nói trong Kinh Hòa Hợp Giải Thoát.

Lại nữa các địa này có nhiều chỗ nói rộng về tướng thanh tịnh và phân vị của uẩn v.v... sợ rườm rà nên đây trích dẫn.

Lại nữa Phật địa tức một phần vị. Ở Phật địa này tất cả thắng tướng đều đầy đủ, tất cả công đức đều viên mãn, đã có thể tột cùng khắp tất cả biên tế, không có phần vị nào hơn đây. Công đức trong Phật địa dấu chư Phật dùng ngôn từ vi diệu cũng không thể nêu lên khen ngợi một phần. Cho nên phải biết công đức chư Phật vô lượng vô biên không thể tính kể. Chi trí tự nhiên của Phật Thế Tôn quán mà tự chứng biết. Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói về công đức cũng chỉ một phần chưa thể nói hết được. Hướng chi nay tôi tạo luận này đâu dám dùng ngôn từ nào mà ca ngợi ư? Lại nữa các công đức trong Phật địa là gồm chung hết tất cả nghĩa thù thắng, như Kinh Lăng-già có nói.

Tụng:

*Cần phải hiểu rõ 3 thân là
Bao gồm tất cả thân chư Phật.
Tối thượng thắng nghĩa pháp sở y,
Cho nên khai hiển 3 thân tướng.*

Tự tính thân và chính báo thân
 Hóa thân là 3 tối thắng thượng.
 Phân biệt chư Phật có các thân,
 Sơ thân với 2 làm y chỉ.
 Đã tu khó làm hạnh hy hữu,
 Trăm thứ mài luyện an nhẫn tâm.
 Chỗ có tất cả các thiện môn,
 Đều được tích tập không bỏ sót.
 Từ vô lượng kiếp đã tu tập
 Đại thừa pháp môn tối thượng diệu.
 Tất cả chương ngại đều trừ hết,
 Diệt sạch không sót được thanh tịnh.
 Trong nhân có các chương vi tế,
 Trong quả trí lực đều nhỏ bỏ.
 Ví như vừa mở hòm châu báu,
 Rực rỡ chiếu sáng khắp tất cả.
 Tùy thuận thế gian hiện có sinh,
 Chịu khổ cần cầu Bồ-đề quả.
 Thuyết pháp hóa lợi trăm ngàn môn,
 Biến khắp tất cả làm thiện thí.
 Như Lai cao hiển lại bất động,
 An trụ thế gian Đại thánh tôn.
 Như núi Tu-di vua các núi,
 Trông thấy nguy nga cao vòi vọi.
 Vĩ đại tâm bi làm căn bản,
 Khéo xuất sinh Tam-ma-địa môn.
 Khắp trong 3 cõi hiện thân này,
 Tất cả không đâu chẳng thị hiện.
 Như vàng mặt trời phóng ánh sáng
 Khắp cả thế gian đều chiếu soi.
 Chư Phật Thánh trí diệu quang minh,

Biết được các pháp cũng như vậy.
 Chỗ chứng quả của người Thanh Văn,
 Ra khỏi thế gian là tối thắng.
 Mà trong sở đắc của Thanh Văn,
 Lại cũng chẳng bằng Duyên Giác địa.
 Duyên Giác nếu so Bồ-tát địa,
 Thì trong các phần chẳng được một.
 Bồ-tát so với Phật Như Lai,
 Trong gấp nhiều phần chẳng được một.
 Như Lai chỗ chứng quả Bồ-đề,
 Vô lượng công đức bất tư nghị.
 Nếu như thời, xír chỗ nên làm,
 Tùy thuận phương tiện mà khéo chuyển.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Năm căn thanh tịnh diệu dụng thành.
 Trong 12 vị công đức môn,
 Tất cả nghĩa đều có thể chuyển.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Tất cả ý đạo đều thanh tịnh.
 Như chỗ sở chứng đều phải biết,
 Tất cả vô cấu vô phân biệt.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Gồm các nghĩa lợi đều thanh tịnh.
 Cõi Phật thanh tịnh như chỗ ứng,
 Tất cả tự tại mà xuất hiện.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Tất cả phân biệt đều thanh tịnh.
 Thường thời chỗ làm không hư hoại,
 Khéo tu tất cả trí sự nghiệp.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Tất cả thanh tịnh khéo an trụ.

Đã được vô trụ Đại Niết-bàn,
 Viên mãn chư Phật câu thanh tịnh.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Tất cả pháp nhiễm đã thanh tịnh.
 Không xen phiền não không tì vết,
 Thường nhập hạnh diệu lạc chư Phật.
 Trong quả sở chứng tối thắng thượng,
 Tưởng như hư không đều thanh tịnh.
 Tích tập rộng lớn thắng nghĩa môn,
 Lìa các sắc tướng mà quán sát.
 Như Lai hóa tướng rất rộng lớn,
 Hạnh vô lượng này đều thanh tịnh.
 Trí Thành sở tác thật khó lường,
 Chư Phật vô cấu thắng y chỉ.

Trong đây phải biết pháp giới thanh tịnh tức chân như của tất cả pháp làm chính nhân của tự tính tất cả pháp không điên đảo, mà có thể xuất sinh chư Phật và trí của chư Phật, lìa các chướng nhiễm, thiết lập pháp môn tông trì Tam-ma-địa và vô lượng các hạnh phúc trí khác, thành tựu sự nghiệp lợi lạc tất cả chúng sinh, cho đến thành thực tất cả chúng tử vãn trì chính pháp. Tất cả các tướng như vậy đều được thành tựu.

Nói trí của chư Phật, tức là 4 trí. Đầu tiên là Đại viên kính trí. Trí này xa lìa tướng ngã ngã sở và lìa phân biệt năng thủ sở thủ, không xen tạp tất cả phiền não cấu nhiễm, trong tất cả các tướng sở duyên, sở hành, sở tri không mất không ngu, trí ảnh tượng sinh, hiện chủng nương tựa gìn giữ. Nhất thiết trí sở y thanh tịnh đó là chân như sở duyên vô phân biệt trí. Hai là Bình đẳng tính trí. Được thắng thượng sở duyên, trí này có thể quán tự tha bình đẳng, đã có thể an trụ nơi vô trụ Niết-bàn, khởi Đại từ bi tùy theo đi đến tất cả, hiện thân hiện cõi, dùng phương tiện rốt ráo tương ưng. Ba là Diệu quán

sát trí. Gồm khắp tất cả Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề, các pháp môn tông trì, trong tất cả phần vị sở trì, chuyển một cách vô ngại và có thể phát sinh báu thắng công đức, phương tiện hiện thân, khéo đoạn các nghi, tùy theo chỗ ứng có thể thuyết pháp tốt. Bốn là Thành sở tác trí. Có thể dùng các thứ phương tiện bất tư nghi, vì người khác thành thực tất cả sở tác, như ứng hóa độ tất cả chúng sinh. Các tướng như vậy là 4 trí.

Tụng:

*Phân vị 3 thân hai hai một,
Hai pháp hai báo một hóa thân.
Chư Phật thanh tịnh trong pháp giới,
Dẫu một dẫu nhiều, tính không lập.*

Ý trong đây là pháp thân thanh tịnh giống như hư không không hình tướng. Từ đó trong thân lưu xuất tất cả pháp. Tất cả đều là bạch pháp tối thắng vi diệu không tỉ dụ. Chân lý thanh tịnh là nhân Đại lợi lạc, xuất sinh tối thượng thiện lạc của Phật địa, có thể viên mãn biến pháp vô tận, lại có thể đầy đủ diệu tuệ thanh tịnh, tức có thể thành tựu tâm Đại Bồ-đề.

Trên đây là sơ lược sưu tập các đoạn văn cốt yếu trong các kinh, giải thích nghĩa của tâm Bồ-đề. Chỉ có Phật Bồ-tát có thể tận cùng tri kiến./.

(QUYỂN 4 TRỌN BỘ HẾT)

SỐ 1665

**LUẬN PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG
CHÍNH ĐẲNG CHÍNH GIÁC
TRONG KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
(Cũng có tên Du-già Tổng Trì Thích Môn
Nói Nghĩa Tâm Bồ-đề Quán Hạnh Tu Hành)**

*Đại Quảng Trí Đại Hưng Thiện tự
Tam tạng Sa-môn Bất Không dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Đại Quảng Trí A-xà-lê nói: Nếu có người thượng căn thượng trí không ưa pháp ngoại đạo và Nhị thừa, có đại độ lượng, mạnh mẽ sắc bén không mê hoặc thì nên tu Phật thừa phát tâm như vậy: Tôi nay chí cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề không cầu các quả khác. Thệ tâm quyết định, làm ma cung chấn động, 10 phương chư Phật đều chứng tri, thường ở trong cõi người cõi trời thụ lạc thắng diệu, sinh ở nơi đâu đều nghĩ nhớ không quên. Nếu nguyện thành các thân Bồ-tát trong Du-già cũng gọi là phát tâm Bồ-đề.

Sao gọi chư tôn này đều đồng Phật thân Đại Tì-lô-giá-na?

Như người tham danh làm quan phát tâm cầu làm quan, sửa soạn cho hạnh làm quan. Người tham của cải phát tâm cầu của cải, làm việc kinh doanh tài lợi. Tất cả những ai muốn cầu thiện hoặc ác đều trước mong tâm rồi sau thành ý chí. Vì vậy người cầu Bồ-đề phát

tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-đề. Đã phát tâm như vậy rồi thì phải biết hành tướng của tâm Bồ-đề.

Hành tướng của tâm Bồ-đề có 3 môn phân biệt. Chư Phật Bồ-tát xưa trong nhân địa tu hành phát tâm này rồi, lấy thắng nghĩa, hạnh nguyện và Tam-ma-địa làm giới, cho đến thành Phật không lúc nào quên.

Duy trong pháp chân ngôn tức thân thành Phật, cho nên nói Tam-ma-địa trong các giáo pháp quyết mà không nói.

1. Là hạnh nguyện.
2. Là thắng nghĩa.
3. Là Tam-ma-địa.

1. Hạnh nguyện. Nghĩa là người tu tập thường tâm niệm như thế này: Ta phải làm lợi ích an lạc cho hữu tình quán tất cả hàm thức trong 10 phương như chính thân mình.

Nói lợi ích nghĩa là khuyên phát tất cả hữu tình đều được an trụ vô thượng Bồ-đề, quyết không đem pháp Nhị thừa mà khiến người hành chân ngôn được độ. Biết tất cả hữu tình đều gồm có Như Lai tạng tính, đều có khả năng an trụ vô thượng Bồ-đề, cho nên không đem pháp Nhị thừa mà khiến được độ. Vì vậy Kinh Hoa Nghiêm nói: Không có một chúng sinh nào không đầy đủ trí tuệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng điên đảo chấp trước mà không chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, vô ngại trí sẽ hiện tiền.

Nói an lạc nghĩa là người tu hành tức biết tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật không dám khinh mạn. Lại nữa trong pháp môn Đại bi càng phải cứu giúp. Chúng sinh cầu điều chi đều cấp cho, dầu thân mạng cũng không lẩn tiếc để cho chúng an mạng sống còn, khiến được sung sướng. Khi đã gần gũi rồi, tin tưởng lời thầy, nhân sự tương thân đó mà dẫn dắt. Chúng sinh ngu mê, người hành chân ngôn dùng phương tiện dẫn dắt mà không được cưỡng ép.

2. Thắng nghĩa. Nghĩa là quán tất cả pháp không có tự tính. Vì sao không tự tính? Nghĩa là phạm phu chấp trước tiếng khen, lợi dưỡng, phương tiện sinh sống để cầu an thân mà phóng túng trong 3 độc và 5 thứ dục lạc. Người hành chân ngôn thật nhầm chán những thứ đó, thật đáng lia bỏ.

Lại nữa các ngoại đạo luyện tiệt thân mạng hoặc dùng thuốc để giúp được sống lâu trên cõi tiên, hoặc được sinh lên cõi trời mà cho là cứu cánh. Người hành chân ngôn phải quán thấy các nghiệp lực của chúng nếu hết, chưa lia 3 cõi, phiền não vẫn còn, tội nghiệp đời trước chưa hết khi ác niệm nổi lên thì đắm chìm biển khổ khó thể thoát ra. Phải biết pháp của ngoại đạo cũng đồng như ảo hóa, như chiêm bao, như sóng nắng vậy.

Lại nữa người Nhị thừa thì Thanh Văn chấp 4 đế, Duyên Giác chấp 12 nhân duyên. Biết 4 đại, 5 âm cuối cùng rồi tiêu diệt, khởi chán lia một cách sâu sắc, phá chấp chúng sinh, siêng tu bản pháp, lập chứng quả kia thẳng đến Niết-bàn cho là cứu cánh. Người hành chân ngôn phải quán thấy người Nhị thừa tuy phá chấp về người nhưng còn pháp chấp, chỉ biết thức tĩnh lự không biết gì khác.

Lại nữa thành quả vị khô thân diệt trí mà thẳng đến Niết-bàn như cõi hư không rộng lớn lặng lẽ thường trống vắng. Người có định tính khó có thể phát sinh, nhưng phải đợi mãn kiếp hạn mới phát sinh. Nếu người không định tính thì không luận kiếp hạn, hễ gặp duyên thì liền hồi tâm hướng Đại thừa. Từ hóa thành khởi là đã siêu vượt 3 cõi. Nghĩa là tin Phật từ kiếp trước nên nhờ chư Phật Bồ-tát dùng phương tiện liền phát tâm Đại thừa mới từ ban đầu Thập tín xuống trải khắp các vị, trải 3 vô số kiếp tu các khổ hạnh khó làm rồi được thành Phật. Đã biết Thanh Văn, Duyên Giác trí tuệ hẹp hòi yếu kém cũng không thể yêu thích.

Lại nữa có chúng sinh phát tâm Đại thừa tu hạnh Bồ-tát, trong các pháp môn không pháp môn nào không tu khắp. Lại trải qua 3

kiếp A-tăng-kì tu Lục độ vạn hạnh đều đầy đủ rồi chứng Phật quả mà thành từ lâu xa. Đây là do sở tập pháp tán trí có thứ tự. Nay người hành chân ngôn đã quán như trước, rồi lại phát tâm làm lợi ích an lạc tất cả chúng sinh trong chúng sinh giới, đem Đại bi quyết định, vĩnh viễn vượt qua ngoại đạo và cảnh giới Nhị thừa, lại tu pháp Du-già thắng thượng, có thể từ phạm nhập Phật vị, cũng siêu xuất cảnh giới Thập địa Bồ-tát.

Lại nữa hiểu sâu tất cả pháp không có tự tính. Vì sao không có tự tính trước đã trình bày. Phạm pháp mê muội là từ vọng tưởng sinh, cho đến lần nữa thành vô lượng vô biên phiền não luân hồi trong 6 nẻo. Nếu giác ngộ rồi, vọng tưởng dứt trừ, các thứ pháp diệt, nên không có tự tính.

Lại nữa chư Phật từ bi, từ chân như khởi diệu dụng cứu vớt chúng sinh, ứng bệnh cho thuốc, đưa ra các pháp môn tùy theo phiền não đối trị bên mê đưa lên bờ giác. Pháp cũng phải xả, vì không tự tính. Như Kinh Đại Tì-lô-giá-na Thành Phật nói: Các pháp không có tướng, là tướng hư không. Quán tướng như vậy rồi gọi là thắng nghĩa Bồ-đề tâm. Phải biết tất cả pháp không, đã ngộ pháp bản vô sinh, tâm thể tự như, không thấy thân tâm, trụ nơi tịch diệt bình đẳng, trí cứu cánh chân thật khiến không thoái mất. Nếu khởi vọng tâm biết mà không theo, nếu khi vọng dứt, nguồn tâm trống vắng, muôn đức đều đủ, diệu dụng vô cùng. Do đó 10 phương chư Phật lấy thắng nghĩa hạnh nguyện làm giới. Chỉ có người đủ tâm này mới có thể chuyển pháp luân, tự tha đều lợi. Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

*Bi quang tuệ là chủ,
 Phương tiện cộng tương ưng.
 Tin hiểu tâm thanh tịnh,
 Như Lai sức vô lượng.
 Trí vô ngại hiện tiền,
 Tự ngộ chẳng do ai.*

*Đầy đủ đồng Như Lai,
 Phát tâm này tối thắng.
 Phật tử mới phát tâm,
 Tâm diệu bảo như vậy
 Thì siêu vượt phàm phu,
 Nhập hành xứ của Phật.
 Sinh vào nhà Như Lai,
 Chúng tộc không tì vết.
 Cùng bình đẳng với Phật,
 Quyết thành Vô thượng giác.
 Vừa sinh tâm như vậy,
 Liên được vào Sơ địa.
 Tâm an lạc không động,
 Ví như Đại sơn vương.*

Lại nữa theo Kinh Hoa Nghiêm nói: Từ Sơ địa cho đến Thập địa trong mỗi địa mỗi địa đều lấy Đại bi làm chủ. Như Vô Lượng Thọ Quán Kinh nói: Tâm Phật là Đại từ bi.

Lại nữa Kinh Niết-bàn nói: Nam mô Thuần-đà, thân tuy thân người, tâm đồng tâm Phật.

Lại nói:

*Thương xót thế gian Đại y vương, '
 Thân và trí tuệ đều vắng lặng.
 Trong không ngã pháp có chân ngã,
 Cho nên kính lễ Vô thượng tôn.
 Phát tâm rốt ráo hai không khác,
 Như vậy hai tâm trước tâm khó.
 Mình chưa được độ trước độ người,
 Nên tôi đánh lễ Sơ phát tâm.
 Phát tâm rồi làm thầy người trời,
 Hơn cả Thanh Văn và Duyên Giác.*

*Phát tâm như vậy vượt 3 cõi,
Cho nên được gọi rất cao tột.*

Như Kinh Đại Tì-lô-giá-na nói: Bồ-đề là nhân, Đại bi là căn, phương tiện là cứu cánh.

3. Tam-ma-địa. Nghĩa là người tu hành chân ngôn quán như vậy rồi làm sao có thể chứng vô thượng Bồ-đề?

Phải biết pháp nhĩ nên trụ tâm Đại Bồ-đề của Phổ Hiền. Tất cả chúng sinh vốn có Tát-đỏa, vì bị phiền não tham sân si trói buộc cho nên chur Phật Đại từ bi dùng trí thiện xảo nói pháp Du-già rất sâu bí mật này, khiến người tu hành trong nội tâm quán vàng trắng trắng. Do tác quán này chiếu thấy bản tâm thanh tịnh vắng lặng, như ánh sáng trắng tròn đầy khắp hư không, không phân biệt nơi nào, cũng gọi là giác liễu, cũng gọi là tịnh pháp giới, cũng gọi là biển thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, có thể hàm chứa vô lượng các thứ trân bảo Tam-ma-địa rõ ràng trắng sạch như trăng tròn.

Vì sao?

Vì tất cả hữu tình đều có tâm Phổ Hiền. Ta thấy tự tâm hình như vàng trắng.

Vì sao lấy vàng trắng làm ví dụ?

Vì trăng tròn thể sáng giống như tâm Bồ-đề. Phạm vàng trắng có 16 phần dụ cho 16 Đại Bồ-tát từ Kim cương Tát-đỏa đến Kim cương quyền trong Du-già. Các vị Phật trong 5 phương đều biểu thị 1 trí.

Phương Đông Phật A-súc, do thành Đại viên kính trí nên cũng gọi Kim cương trí.

Phương Nam Phật Bảo Sinh, do thành Bình đẳng tính trí nên cũng gọi Quán đánh trí.

Phương Tây Phật A-di-đà, do thành Diệu quan sát trí nên cũng gọi Liên hoa trí, cũng gọi Chuyển pháp luân trí.

Phương Bắc Phật Bất Không Thành Tựu, do thành Thành sở tác trí nên cũng gọi Yết-ma trí.

Trung ương Phật Tì-lô-giá-na, do thành Pháp giới trí làm gốc. Bốn Phật trí trên đây xuất sinh 4 Ba-la-mật Bồ-tát.

Bốn Bồ-tát tức kim bảo pháp nghiệp, là mẹ sinh thành dưỡng dục 3 đời tất cả các hiền thánh, từ đó trong sự ẩn thành thể tính của pháp giới lưu xuất ra 4 Phật.

Bốn phương Như Lai đều thâm nhiếp 4 Bồ-tát.

Phương Đông Phật A-súc thâm nhiếp 4 Bồ-tát là Kim cương Tát-đỏa, Kim cương vương, Kim cương ái và Thiện tai.

Phương Nam Phật Bảo Sinh thâm nhiếp 4 Bồ-tát là Kim cương bảo, Kim cương quang, Kim cương tràng, và Kim cương tiếu.

Phương Tây Phật A-di-đà thâm nhiếp 4 Bồ-tát là Kim cương pháp, Kim cương lợi, Kim cương nhân và Kim cương ngữ.

Phương Bắc Phật Bất Không Thành Tựu thâm nhiếp 4 Bồ-tát là Kim cương nghiệp, Kim cương hộ, Kim cương nha và Kim cương quyền. Bốn phương Phật đều có 4 Bồ-tát là 16 Đại Bồ-tát.

Trong 37 vị trừ 5 Phật, 4 Ba-la-mật và sau 4 nhiếp, 8 cúng dường, chỉ lấy 16 Đại Bồ-tát là các vị 4 phương Phật thâm nhiếp.

Lại nữa, trong Kinh Ma-ha Bát-nhã, từ nội không đến vô tính tự tính không cũng có 16 nghĩa. Trong tâm chất của tất cả hữu tình có một phần tịnh tính, đầy đủ các hạnh, thể rất vi diệu trắng sáng, cho đến 6 nẻo luân hồi biến đổi không biến đổi, như 1 phần 16 của mặt trăng. Một phần tướng sáng kia của mặt trăng, nếu về ban đêm chỉ vì ánh sáng mặt trời đoạt mất tính sáng của nó nên không hiện. Sau khi có trăng non, ngày ngày tăng dần đến ngày 15 thì tròn đầy không có gì chướng ngại. Vì vậy người tu quán trước tiên dùng chữ A phát khởi phần sáng trong bản tâm, tức dần dần khiến trắng sáng rõ ràng chứng Vô sinh trí.

Chữ A là nghĩa của tất cả pháp vốn không sinh. Theo Tì-lô-giá-na Kinh Sớ Thích, chữ A có 5 nghĩa:

1. Chữ A (âm ngắn) là tâm Bồ-đề.
2. Chữ A (âm ngân dài) là hạnh Bồ-đề.
3. Chữ Âm (âm dài) là nghĩa chứng Bồ-đề.
4. Chữ Ác (âm ngắn) là nghĩa của Niết-bàn.
5. Chữ Ác (âm ngân dài) là nghĩa của đầy đủ trí phương tiện.

Lại nữa, đem chữ A phối hợp giải thích 4 chữ “khai, thị ngộ, nhập” trong Kinh Pháp Hoa thì Khai Phật tri kiến là khai mở cả 2 Bồ-đề Niết-bàn như chữ A đầu tiên, là nghĩa của tâm Bồ-đề.

Chữ Thị là chỉ bày tri kiến của Phật, như chữ A thứ hai, là nghĩa của hạnh Bồ-đề.

Chữ Ngộ là giác ngộ tri kiến của Phật, như thứ ba chữ Âm, là nghĩa của chứng Bồ-đề.

Chữ Nhập là nhập vào tri kiến của Phật.

Như thứ tư chữ Ác, là nghĩa của Bát-niết-bàn.

Chung lại mà nói thành tựu đầy đủ là thứ năm chữ Ác, là nghĩa của trí viên mãn phương tiện thiện xảo.

Tán dương chữ A, nghĩa của tâm Bồ-đề có tụng như sau:

*Tám cánh bạch liên một pháp môn,
Rực rỡ chữ A sắc sáng tròn.
Trí thiên đồng nhập Kim cương phược,
Như Lai tịch tĩnh trí vô biên.*

Gặp chữ A là quyết định quán chữ A, phải quán tịnh thức tròn sáng. Nếu vừa mới thấy là thấy chân thẳng nghĩa đế, nếu thường thấy tức là nhập Bồ-tát Sơ địa, nếu dần dần tăng trưởng là chu biến pháp giới lượng đồng hư không, co duỗi tự tại sẽ đủ Nhất thiết trí.

Phàm người hành 3 mật, chứng ngộ nghĩa của 5 tướng thành thân.

Nói 3 mật là:

1. Thân mật, như kết ấn triệu thỉnh thánh chúng.
2. Ngữ mật, như mật tụng các câu chân ngôn rõ ràng phân minh không sai lầm.
3. Ý mật, như trụ Du-già tương ứng mặt trăng sáng trắng trong sạch quán tâm Bồ-đề.

Tiếp đến rõ 5 tướng thành thân là:

1. Tâm thông suốt.
2. Tâm Bồ-đề.
3. Tâm Kim cương.
4. Thân Kim cương.
5. Chứng vô thượng Bồ-đề được thân Kim cương kiên cố.

Nhưng đầy đủ 5 tướng này mới thành thân của bản tôn tròn sáng. Đó tức là thân Phổ Hiền, cũng là tâm Phổ Hiền, đồng với chư Phật 10 phương, cũng là 3 đời tu hành chứng có trước sau và đạt ngộ cũng không quá khứ vị lại hiện tại.

Phàm tâm con người như đóa sen búp, tâm Phật như trăng tròn. Nếu quán tưởng được thành thì 10 phương cõi nước hoặc tịnh hoặc uế, loài hàm thức trong 6 nẻo, hành vị trong 3 thừa và 3 đời cõi nước thành hoại, nghiệp chúng sinh sai biệt, hành tướng nhân địa của Bồ-tát, 3 đời chư Phật đều hiện chứng thân bản tôn trong đó đầy đủ tất cả hạnh nguyện Phổ Hiền. Cho nên Kinh Đại Tì-lô-giá-na nói: Tâm chân thật như vậy cho nên Phật nói rõ.

Hỏi: Trước nói người Nhị thừa có pháp chấp nên không được thành Phật, nay lại khiến tu tâm Bồ-đề Tam-ma-địa thì có gì sai biệt?

Đáp: Người Nhị thừa vì có pháp chấp nên lâu lắm mới chứng lý, trầm không trệ tịch, hạn bằng kiếp số sau mới phát tâm Đại thừa.

Lại nữa trong thừa tán thiện môn trái vô số kiếp cho nên đủ để chán lìa không thể y chỉ. Nay người hành chân ngôn đã phá nhân pháp 2 chấp, tuy có thể chính kiến trí chân thật, nhưng hoặc vì vô thủy gián cách chưa thể chứng được trí Nhất thiết trí của Như Lai, muốn cầu diệu đạo thứ lớp tu trì từ phàm nhập vào Phật vị, tức Tam-ma-địa này có thể đạt tới tự tính chư Phật, ngộ pháp thân chư Phật, chứng pháp giới thể tính trí, thành tự tính thân, thụ dụng thân, biến hóa thân, đấng lưu thân của Phật Đại Tì-lô-giá-na. Vì người tu hành chưa chứng nên lý phải tu trì. Cho nên Kinh Đại Tì-lô-giá-na nói Tất-địa từ tâm sinh. Như Kinh Kim Cương Đỉnh Du-già nói: Bồ-tát thành tựu nhất thiết nghĩa trước tiên ngồi tòa Kim cương chứng đạo vô thượng, rồi nhờ chư Phật trao cho tâm địa này mới có thể chứng quả. Tất cả người ngày nay nếu tâm quyết định như giáo tu hành, không phải khởi tòa mà Tam-ma-địa hiện tiền thành tựu thân bản tôn. Cho nên pháp thứ lớp cúng dường trong Kinh Đại Tì-lô-giá-na nói: Nếu không có sức mạnh rộng tăng ích, thì trụ pháp chỉ quán tâm Bồ-đề. Phật nói trong đó đầy đủ vạn hạnh, dần dần đủ pháp thuần tịnh trong sáng. Tâm Bồ-đề này có thể hàm tàng pháp công đức của tất cả chư Phật. Cho nên nếu tu chứng xuất hiện tức là đạo sư cho tất cả. Nếu trở về gốc tức là cõi nước Mật Nghiêm, không phải rời khỏi tòa mà có thể thành tựu tất cả việc.

Tán dương tâm Bồ-đề rằng:

*Nếu ai cầu Phật tuệ,
Thông suốt tâm Bồ-đề.
Ngay thân cha mẹ sinh,
Chứng địa vị Đại giác./.*

(HẾT)

SỐ 1666
LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

*Bồ-tát Mã Minh tạo luận
Tam tạng pháp sư Chân Đế dịch.
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Quy mạng khắp 10 phương,
Biết khắp nghiệp tối thắng,
Sắc vô ngại tự tại,
Đấng Đại bi cứu đời.
Và Phật thân thể tướng,
Pháp tính biến chân như,
Chứa vô lượng công đức.
Người như thật tu hành,
Vì muốn khiến chúng sinh,
Trừ nghi xả tà chấp,
Khởi chính tín Đại thừa,
Giống Phật không tuyệt dứt.*

Luận:

Có pháp có thể phát khởi tín căn Đại thừa nên phải nói pháp ấy.

Nói pháp ấy có 5 phần.

Những gì là 5?

1. Phần nhân duyên.

2. Phân lập nghĩa.
3. Phân giải thích.
4. Phần tín tâm tu hành.
5. Phần khuyên tu lợi ích.

Trước tiên nói về phần nhân duyên.

Hỏi: Vì nhân duyên gì tạo luận này?

Đáp: Vì có 8 nhân duyên.

Những gì là 8?

1. Nhân duyên chung là muốn làm cho chúng sinh lia tất cả khổ được vui cứu cánh chứ không cầu danh lợi và sự tôn kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai để chúng sinh hiểu đúng không sai lầm.

3. Vì muốn làm cho chúng sinh có thiện căn thuần thực có thể kham nhận pháp Đại thừa lòng tin không thoái lui.

4. Vì muốn làm cho chúng sinh có ít căn lành tu tập tín tâm.

5. Vì muốn chỉ bày phương tiện tiêu nghiệp chướng ác, khéo giữ tâm mình, xa lìa ngu si kiêu mạn, thoát khỏi lưới tà.

6. Vì muốn chỉ bày tu tập chỉ quán, đối trị lỗi lầm của tâm phàm phu và Nhị thừa.

7. Vì muốn chỉ bày phương tiện chuyên niệm để sinh nơi trước Phật thì quyết định không thoái tín tâm.

8. Vì muốn chỉ bày lợi ích để khuyên tu hành.

Vì các nhân duyên trên nên tạo luận.

Hỏi: Trong kinh đã có đủ các pháp này, sao phải nói lại?

Đáp: Trong kinh tuy có pháp này nhưng vì chúng sinh căn hạnh không đồng, tiếp nhận khác nhau hiểu khác nhau.

Nghĩa là khi Như Lai còn tại thế, chúng sinh căn cơ linh lợi, người năng thuyết là Như Lai thì thân tâm siêu việt, khi viên âm diễn nói khác loại đều hiểu nên không phải tạo luận. Còn sau khi Như Lai diệt độ, có chúng sinh có thể do tự sức mình nghe rộng mà hiểu được, có chúng sinh cũng dùng sức mình nghe ít mà hiểu nhiều, có chúng sinh không có trí lực phải do luận giải rộng mới hiểu, cũng có chúng sinh lại cho rằng văn luận giải nhiều làm rối rắm, chỉ thích nắm lấy văn luận ít mà bao gồm nhiều nghĩa là có thể hiểu được. Vì vậy nên luận này muốn tóm thâu vô biên nghĩa của pháp rộng lớn sâu xa của Như Lai, đó là lý do phải làm luận này.

Đã nói xong phần nhân duyên, tiếp đến nói về phần lập nghĩa.

Về Đại thừa nói chung có 2 loại.

Những gì là hai?

Một là pháp. Hai là nghĩa.

Nói pháp, tức là tâm chúng sinh. Tâm đó bao gồm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Căn cứ nơi tâm này mà hiển thị nghĩa của Đại thừa.

Bởi vì sao?

Vì tướng chân như của tâm ấy là biểu thị cái thể của Đại thừa. Tướng nhân duyên sinh diệt của tâm ấy có thể biểu thị tướng dụng của tự thể Đại thừa.

Phần nói nghĩa có ba.

Những gì là ba?

1. Thể lớn. Nghĩa là chân như của tất cả pháp là bình đẳng không tăng giảm.

2. Tướng lớn. Nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Dụng lớn. Nghĩa là có thể sinh nhân quả thiện của tất cả thế gian xuất thế gian. Tất cả chư Phật vốn đã vận dụng, tất cả Bồ-tát đều vận dụng pháp này mà đạt tới địa vị Như Lai.

Đã nói xong phần lập nghĩa. Tiếp đến nói phần giải thích.

Phần giải thích có ba.

Những gì là ba?

1. Hiện thị chính nghĩa.
2. Đối trị tà chấp.
3. Phân biệt tướng phát tâm tiến tu chính đạo.

Hiện thị chính nghĩa, nghĩa là nơi một tâm pháp có 2 mặt.

Hai mặt ấy là gì?

Một là tâm chân như và hai là tâm sinh diệt. Hai mặt ấy mặt nào cũng bao gồm tất cả pháp.

Nghĩa này là thế nào?

Là 2 mặt này không tách rời nhau. Tâm chân như là cái thể chung bao quát tướng của pháp giới đồng nhất. Nghĩa là tâm tính không sinh không diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai khác, nếu lìa vọng niệm thì không có tất cả các tướng cảnh giới. Do vậy tất cả pháp xưa nay lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không biến đổi khác, không thể phá hoại, chỉ là một tâm nên gọi là chân như. Bởi tất cả lời nói đều là giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm, không thể thủ đắc.

Nói chân như, cũng không có tướng. Nghĩa là cái tột cùng của ngôn ngữ là nhân lời nói mà phá bỏ lời nói. Còn cái thể chân như này thì không gì có thể phá bỏ. Bởi tất cả các pháp đều chân, không gì có thể thành lập. Bởi tất cả các pháp đều là như, phải biết tất cả pháp là không thể nói, không thể nghĩ. Do đó gọi là chân như.

Hỏi: Nếu có nghĩa như vậy thì các chúng sinh làm sao tùy thuận mà ngộ nhập được?

Đáp: Nếu biết tất cả các pháp tuy nói ra mà thực sự không ai có khả năng nói, không gì có thể nói, tuy nghĩ mà không ai có khả năng nghĩ, không gì có thể nghĩ. Đó gọi là tùy thuận. Nếu lìa tâm niệm thì gọi là ngộ nhập.

Lại nữa, chân như này theo lời nói mà phân biệt thì có 2 nghĩa.

Thế nào là hai?

1. Là như thật không, vì có thể bày tỏ một cách rất ráo đúng như thật.

2. Là như thật bất không, vì nó có tự thể đầy đủ công đức của tính vô lậu.

Gọi là không, vì bản lai không tương ưng với tất cả pháp nhiễm. Nghĩa là rời tướng sai biệt của tất cả pháp, do không có tâm niệm hư vọng. Phải biết tự tính chân như không có tướng có, không có tướng không, không có tướng không có không không, không có tướng cũng có cũng không, không có tướng một, không có tướng khác, không có tướng không một không khác, không có tướng cũng một cũng khác. Nói tóm lại do tất cả chúng sinh có vọng tâm, mỗi niệm mỗi niệm phân biệt, tất cả đều không tương ưng; vậy nên nói là không. Nếu rời lìa vọng tâm, thì không có gì có thể gọi là không.

Gọi là bất không, vì khi đã rõ thể tính của các pháp là không, không có hư vọng, thì đó là chân tâm thường hằng không thay đổi, đầy đủ các pháp thanh tịnh nên gọi là bất không. Bất không đó cũng không có tướng có thể thủ đắc, bởi cảnh giới ly niệm chỉ có thật chứng mới tương ưng mà thôi.

Tâm sinh diệt là do Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt. Nghĩa là bất sinh bất diệt hòa hợp với sinh diệt, không một không khác, gọi

đó là thức A-lê-da. Thức này có 2 nghĩa, có thể gồm thâu tất cả các pháp và phát sinh tất cả các pháp.

Thế nào là hai?

1. Là nghĩa của giác.
2. Là nghĩa của bất giác.

Nói nghĩa của giác, là nói cái thể của tâm lìa niệm. Cái tướng lìa niệm đó bằng với hư không, không chỗ nào không cùng khắp. Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai. Căn cứ pháp thân này mà nói thì gọi là bản giác. Bởi vì sao? Vì nghĩa của bản giác là đối lại với nghĩa của thủy giác mà nói. Mà thủy giác thì đồng với bản giác.

Nghĩa của thủy giác là do bản giác mà có bất giác. Do bất giác nên nói có thủy giác. Lại do giác ngộ tốt cùng nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác. Do không giác ngộ tốt cùng nguồn tâm nên gọi là phi cứu cánh giác.

Nghĩa đó thế nào?

Như người phạm phu giác biết niệm trước là ác, nên ngăn được niệm sau không cho khởi. Tuy cũng gọi giác, nhưng vẫn là bất giác.

Như quán trí của Nhị thừa và các Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ nơi tướng niệm khác, tướng niệm không khác. Do xả bỏ tướng thô phân biệt chấp trước nên gọi là tương tự giác.

Như Pháp thân Bồ-tát v.v... giác ngộ nơi tướng niệm trụ, tướng niệm không trụ. Do lìa bỏ tướng thô phân biệt nên gọi là tùy phần giác.

Như các Bồ-tát bậc cùng tột, đầy đủ phương tiện, một niệm tương ưng, giác tâm mới khởi. Nhưng tâm không có tướng ban đầu bởi xa lìa động niệm vi tế, nên thấy được tâm tính, tâm liền thường

trụ, nên gọi là cứu cánh giác. Cho nên kinh nói: Nếu có chúng sinh có thể quán vô niệm, tức là hướng về Phật trí.

Lại nữa có thể biết tâm khởi không có tướng ban đầu. Mà nói biết tướng ban đầu, tức là nói vô niệm. Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là giác, bởi từ bản lai, niệm niệm nối nhau, chưa từng lìa niệm bao giờ, nên gọi là vô thủy vô minh. Nếu được vô niệm thì biết được tướng sinh, trụ, dị, diệt của tâm, bởi vô niệm là bình đẳng. Mà thật sự cũng không có thủy giác nào khác, bởi vì 4 tướng đều đồng thời hiện hữu và không độc lập, bởi bản lai bình đẳng, đồng một tính giác.

Lại nữa, bản giác theo nhiệm phân biệt, mà sinh 2 tướng, và cùng với bản giác không tách rời nhau.

Hai tướng ấy là gì?

1. Là tướng thanh tịnh của trí.
2. Là tướng không thể nghĩ bàn của nghiệp.

Tướng thanh tịnh của trí là theo sức huân tập của chính pháp, như thật tu hành, đầy đủ phương tiện nên phá được tướng hòa hợp của thức, diệt được tướng tương tục của tâm, hiển hiện pháp thân, trí hoàn toàn thanh tịnh.

Nghĩa đó thế nào?

Nghĩa là bởi tất cả tướng của tâm thức đều là vô minh. Tướng vô minh lại không tách rời tính giác, không thể hủy hoại, cũng không phải không thể hủy hoại.

Như nước biển lớn, do gió làm động sóng. Tướng nước và tướng gió không tách rời nhau, nhưng nước không có tính động. Nếu gió ngừng thì tướng động liền diệt, còn tính ướt thì không mất.

Tự tính thanh tịnh tâm của chúng sinh cũng vậy, do gió vô minh làm động. Tâm và vô minh đều không hình tướng, không tách rời

nhau, nhưng tâm không có tính động. Nếu vô minh diệt thì sự tương tục diệt, còn tính trí thì không mất.

Tướng không thể nghĩ bàn của nghiệp là y nơi tướng thanh tịnh của trí có thể tạo ra tất cả cảnh giới thắng diệu. Nghĩa là cái tướng vô lượng công đức, thường không tuyệt dứt, tùy theo căn chúng sinh, tự nhiên khế hợp mà hiện nhiều lợi ích.

Lại nữa, thể tướng của bản giác có 4 nghĩa lớn sánh bằng hư không, như mặt gương trong sạch.

Thế nào là bốn?

1. Là mặt gương của Như thật không. Nghĩa là xa lìa tất cả tướng của tâm và cảnh giới. Không pháp nào có thể hiện, vì chẳng phải nghĩa của giác chiếu.

2. Là mặt gương của Nhân huân tập. Nghĩa là Như thật bất không. Tất cả cảnh giới thế gian đều hiện ra trong gương, mà không có gì ở trong ra không có gì ở ngoài vào, không mất không hư, một tâm thường trú, bởi tất cả các pháp là tính chân thật. Lại nữa, bởi tất cả pháp nhiệm không thể nhiễm, thể của trí không lay động, đầy đủ vô lậu mà huân tập cho chúng sinh.

3. Là mặt gương của Pháp xuất ly. Nghĩa là pháp bất không, vượt ra ngoài chướng phiền não, chướng sở tri, rời bỏ tướng hòa hợp của thức chỉ thuần trong sáng thanh tịnh.

4. Là mặt gương của Duyên huân tập. Nghĩa là y nơi mặt gương của Pháp xuất ly, soi khắp tâm chúng sinh, khiến tu thiện căn và tùy theo niệm mà thị hiện.

Nói nghĩa của bất giác, nghĩa là do không biết như thật rằng pháp chân như là một, nên tâm bất giác khởi lên mà có niệm. Cái niệm không có tự tướng, không rời bản giác. Cũng như người mê vì chấp phương hướng nên mới có mê, nếu rời phương hướng thì không

có mê. Chúng sinh cũng vậy, dựa vào giác nên có mê, nếu rời tính giác thì không có bất giác. Do có cái tâm vọng tưởng bất giác biết được danh nghĩa, nên vì đó mà nói chân giác. Nếu rời tâm bất giác thì không thể nói có tự tướng chân giác.

Lại nữa, do bất giác nên sinh 3 tướng. Ba tướng đó kết hợp không rời với bất giác kia.

Ba tướng đó là gì?

1. Là tướng của nghiệp vô minh. Do bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp. Giác thì chẳng động, động thì có khổ, vì quả không rời nhân.

2. Là tướng năng kiến. Do tâm động nên có năng kiến, không động thì không có kiến.

3. Là tướng cảnh giới. Do năng kiến nên cảnh giới giả dối hiện ra, lia kiến thì không có cảnh giới.

Do có duyên cảnh giới nên lại sinh ra 6 tướng.

Sáu tướng là gì?

1. Là tướng trí. Do cảnh giới, tâm khởi phân biệt ưa thích và không ưa thích.

2. Là tướng liên tục. Do tướng trí nên sinh cảm giác khổ vui. Cảm giác khởi niệm, liên tục không gián đoạn.

3. Là tướng chấp thủ. Do cảnh giới duyên niệm của tướng liên tục duy trì những sự khổ vui mà tâm sinh chấp trước.

4. Là tướng chấp danh tự. Do vọng chấp mà phân biệt tướng danh ngôn giả dối.

5. Là tướng khởi nghiệp. Do danh ngôn, chấp trước theo danh ngôn mà gây các nghiệp.

6. Là tướng nghiệp buộc khổ. Nghĩa là do nghiệp mà chịu quả báo, không được tự tại.

Phải biết vô minh có thể sinh ra tất cả pháp nhiễm, bởi tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác.

Lại nữa, giác với bất giác có 2 tướng.

Hai tướng là gì?

1. Là tướng đồng.
2. Là tướng khác.

Nói tướng đồng là như các thứ đồ gốm, đều đồng là tướng của bụi đất. Cũng vậy, các nghiệp huyễn của vô lậu, vô minh đều đồng là tướng của tính chân như.

Cho nên trong kinh theo nghĩa của chân như đó mà nói tất cả chúng sinh bản lai thường trụ nhập pháp Niết-bàn Bồ-đề, không phải là tướng tu được, không phải là tướng tạo tác được. Hoàn toàn không có gì được cả, cũng không có sắc tướng có thể thấy. Nhưng có thấy sắc tướng là chỉ do nghiệp nhiễm giả tạo ra, chứ không phải tính bất không của trí sắc, bởi tướng của trí không thể thấy được.

Nói tướng khác là như các thứ đồ gốm, mỗi thứ mỗi thứ không giống nhau. Cũng vậy vô lậu và vô minh tùy theo nhiễm huyễn khác nhau mà tính nhiễm huyễn khác nhau.

Lại nữa, nhân duyên sinh diệt, nghĩa là chúng sinh do tâm, ý, ý thức chuyên.

Nghĩa đó thế nào?

Do thức A-lê-da mà nói có vô minh bất giác khởi lên. Thấy được, hiện được, chấp thủ cảnh giới, khởi niệm liên tục nên gọi là ý.

Ý đó lại có 5 tên gọi.

Năm tên gọi là gì?

1. Tên là nghiệp thức. Nghĩa là do sức vô minh bất giác tâm động.

2. Tên là chuyển thức. Nghĩa là do tâm động mà có tướng năng kiến.

3. Tên là hiện thức. Nghĩa là có thể hiện ra tất cả cảnh giới. Ví như gương sáng hiện ra các hình ảnh. Hiện thức cũng vậy, tùy theo đối cảnh 5 trần đến thì liền hiện, không có trước sau, bởi trong tất cả thời đều tự động khởi lên, như thường hiện tiền vậy.

4. Tên là trí thức. Nghĩa là phân biệt các pháp nhiệm tịnh.

5. Tên là tương tục thức. Do niệm niệm tương ứng nhau không gián đoạn, duy trì các nghiệp thiện ác trong vô lượng đời quá khứ không cho mất, lại có thể thành tựu quả báo khổ vui hiện tại và vị lai không sai trái, và có thể làm cho những gì đã trải qua, hiện giờ bỗng nhiên nhớ lại, và bất chợt vọng nghĩ đến những việc chưa xảy ra trong tương lai.

Cho nên 3 cõi là giả dối, chỉ do tâm tạo ra. Là tâm không có cảnh giới 6 trần.

Nghĩa đó là thế nào?

Là vì tất cả các pháp đều do tâm khởi vọng niệm sinh ra, nên tất cả sự phân biệt là phân biệt tự tâm. Song tâm không thấy tâm, tâm không có tướng gì có thể thấy.

Phải biết tất cả cảnh giới thế gian đều do vọng tâm vô minh của chúng sinh mà tồn tại. Cho nên tất cả pháp như bóng trong gương, không có tự thể có thể nắm bắt được. Đó chỉ là hư vọng nơi tâm, do tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt.

Lại nữa, nói ý thức, tức là nói cái tương tục thức này. Bởi các phàm phu, chấp trước sâu nặng, chấp ngã, ngã sở và các vọng chấp

theo sự mà vin cái nọ bắt cái kia, phân biệt 6 trần, nên gọi là ý thức, cũng gọi là phân ly thức, cũng gọi là phân biệt sự thức. Thức này là do nghĩa kiến ái phiền não tăng trưởng.

Do huân tập của vô minh mà khởi ra thức, nghĩa đó không phải phạm phu biết được, cũng không phải trí tuệ Nhị thừa hiểu được. Phải Bồ-tát từ bắt đầu được chính tín phát tâm quán sát, nếu chứng được pháp thân thì biết được phần ít, nhưng cho đến cứu kính địa của Bồ-tát cũng không biết hết được, duy có Phật mới biết rõ cùng tột.

Bởi vì sao ? Vì tâm ấy tự tính bản lai thanh tịnh mà có vô minh, bị vô minh nhiễm mà có nhiễm tâm, tuy có nhiễm tâm mà thường không biến đổi. Cho nên nghĩa này duy có Phật mới biết được.

Nghĩa đó là tâm tính thường không có niệm nên gọi là bất biến. Bởi không thấu suốt lý một pháp giới nên tâm không tương ứng mà bỗng nhiên niệm khởi lên nên gọi là vô minh.

Nhiễm tâm có 6 thứ.

Sáu thứ là những gì?

1. Là chấp tương ưng nhiễm. Theo giải thoát của Nhị thừa và bậc tín tương ưng thì được xa lìa.

2. Là bất đoạn tương ưng nhiễm. Do bậc tín tương ưng, tu học phương tiện, rời bỏ dần dần, khi đến bậc tịnh tâm thì rời bỏ rất ráo.

3. Là phân biệt trí tương ưng nhiễm. Do bậc cụ giới rời bỏ dần dần, đến bậc vô tướng phương tiện thì rời bỏ rất ráo.

4. Là hiện sắc bất tương ưng nhiễm. Do sắc tự tại thì rời bỏ được.

5. Là năng kiến tâm bất tương ưng nhiễm. Do bậc tâm tự tại thì rời bỏ được.

6. Là căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm. Do tột cùng bậc Bồ-tát được vào bậc Như Lai thì rời bỏ được.

Về nghĩa không rõ lý một pháp giới thì từ bậc tín tương ưng, quán sát tu học mà đoạn, vào bậc tịnh tâm thì rời bỏ từng phần, đến bậc Như Lai mới rốt ráo rời bỏ hết.

Nói nghĩa của tương ưng, nghĩa là tâm niệm pháp khác nhau. Nhưng do nhiễm tịnh sai khác mà tướng biết tướng duyên đồng nhau.

Nói nghĩa của bất tương ưng, tức là tâm bất giác mà thường không khác biệt, vì tướng biết tướng duyên không đồng nhau.

Lại nữa, nghĩa của nhiễm tâm, gọi là phiền não ngại vì có thể chướng ngại chân như căn bản trí. Nghĩa của vô minh, gọi là trí ngại, vì có thể chướng ngại thể gian tự nhiên nghiệp trí.

Nghĩa này là thế nào?

Nghĩa là do nhiễm tâm mà thấy, mà hiện, mà vọng chấp cảnh giới, trái với tính bình đẳng. Bởi tất cả pháp thường vắng lặng, không có tướng sinh khởi. Nhưng vô minh bất giác, giả dối trái với pháp nên không thể được cái trí tùy thuận rõ biết tất cả cảnh giới thể gian.

Lại nữa, có 2 thứ tướng phân biệt sinh diệt.

Hai thứ tướng là những gì?

1. Là thô, tương ưng với tâm.
2. Là tế, không tương ưng với tâm.

Lại nữa, cái thô trong thô là cảnh giới phàm phu. Cái tế trong thô và cái thô trong tế là cảnh giới Bồ-tát. Cái tế trong tế là cảnh giới Phật.

Hai thứ sinh diệt này vô minh huân tập mà có. Đó là do nhân và do duyên. Do nhân là nghĩa của bất giác. Do duyên là nghĩa của cảnh giới giả tạo. Nếu nhân diệt thì duyên diệt. Nhân diệt thì tâm bất tương ưng diệt. Duyên diệt thì tâm tương ưng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì sao lại tương tục? Nếu tương tục thì làm sao nói rốt ráo diệt?

Đáp: Nói diệt là chỉ cái tướng của tâm diệt, chứ không phải cái thể của tâm diệt. Như gió nương nơi nước mà có tướng động. Nếu nước diệt thì tướng gió dứt mất, không chỗ nương. Bởi nước không diệt nên tướng gió tương tục. Chỉ gió diệt nên tướng động theo đó mà diệt, chứ không phải nước diệt.

Vô minh cũng vậy, nương nơi thể của tâm mà động. Nếu thể của tâm mà diệt thì chúng sinh tuyệt mất không chỗ nương. Bởi cái thể không diệt nên tâm được tương tục. Chỉ cái si mê diệt nên tướng của tâm diệt theo, chứ không phải tâm trí diệt.

Lại nữa, vì có nghĩa của 4 pháp huân tập nên pháp nhiễm pháp tịnh không ngớt khởi lên.

Bốn pháp là những gì?

1. Là pháp tịnh gọi là chân như.
2. Là tất cả nhân của nhiễm, gọi là vô minh.
3. Là vọng tâm, gọi là nghiệp thức.
4. Là cảnh giới vọng, tức 6 trần.

Nghĩa huân tập là giống như y phục vốn không có mùi thơm, nhưng nếu người ta dùng hương thơm xông ướp thì có mùi thơm.

Nghĩa của huân tập này cũng như vậy. Pháp tịnh chân như, thật sự không có nhiễm, chỉ vì vô minh huân tập nên có tướng nhiễm. Pháp nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp tịnh, nhưng dùng chân như huân tập thì có dụng tịnh.

Thế nào là huân tập khởi pháp nhiễm không dứt?

Nghĩa là do pháp chân như nên có vô minh, do có vô minh là cái nhân của pháp nhiễm nên liền huân tập chân như. Do sự huân tập

ấy nên có vọng tâm. Do có vọng tâm nên liền huân tập vô minh và do đó không rõ pháp chân như nên niệm bất giác khởi hiện ra cảnh giới vọng. Do có cái duyên của pháp nhiễm cảnh giới vọng nên liền huân tập vọng tâm, khiến cho khởi niệm chấp trước tạo các thứ nghiệp, chịu tất cả các thứ khổ nơi thân tâm.

Huân tập của cảnh giới vọng có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập tăng trưởng các niệm.
2. Là huân tập tăng trưởng sự chấp thủ.

Huân tập của vọng tâm có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập căn bản nghiệp thức, phải chịu cái khổ sinh diệt của các A la hán, Bích-chi-phật và tất cả Bồ-tát.
2. Là huân tập tăng trưởng phân biệt sự thức, phải chịu nghiệp hệ khổ của phàm phu.

Huân tập của vô minh có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập căn bản, do có thể thành tựu nghĩa của nghiệp thức.
2. Là huân tập khởi kiến ái, do có thể thành tựu nghĩa của phân biệt sự thức.

Thế nào là huân tập khởi ra pháp tịnh không dứt?

Nghĩa là do có pháp chân như nên huân tập được vô minh. Do sức nhân duyên huân tập ấy nên khiến vọng tâm chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn. Do nhân duyên chán khổ cầu vui của vọng tâm ấy nên liền huân tập chân như, tự tin tính mình, biết tâm vọng động, chứ không có cảnh giới tiền trần, và tu pháp viễn ly. Do như thật

biết không có cảnh giới tiền trần nên dùng nhiều phương tiện khởi tùy thuận tu hành, không chấp thủ, không nghĩ nhớ, cho đến nhờ sức huân tập lâu ngày mà vô minh diệt. Do vô minh diệt nên tâm không khởi lên nữa. Do tâm không khởi lên nên cảnh giới theo đó mà diệt. Do nhân duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết sạch, gọi là được Niết-bàn, thành tựu nghiệp tự nhiên.

Huân tập của vọng tâm có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập của phân biệt sự thức. Nghĩa là do phàm phu và Nhị thừa chán cái khổ sinh tử nên tùy khả năng mà lần hồi tiến đến đạo vô thượng.

2. Là huân tập của ý. Nghĩa là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, mau chóng đến Niết-bàn.

Huân tập của chân như có 2 nghĩa.

Hai nghĩa ấy như thế nào?

1. Là huân tập của tướng tự thể.

2. Là huân tập của dụng.

Huân tập của tướng tự thể là từ vô thủy đến nay đầy đủ các pháp vô lậu.

Huân tập của dụng là sẵn đủ cái tính tạo ra cảnh giới của nghiệp không thể nghĩ bàn. Do sự huân tập thường xuyên của 2 nghĩa ấy và do có sức huân tập đó, nên có thể khiến chúng sinh chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn, tự tin thân mình có pháp chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu có nghĩa như vậy thì tất cả chúng sinh đều được chân như huân tập một cách bình đẳng, sao lại có người tin, người không tin, có vô số chuyện trước sau khác nhau? Lẽ ra tất cả đều phải đồng

thời tự biết có pháp chân như, siêng năng tu phương tiện và bình đẳng nhập Niết-bàn chứ?

Đáp: Chân như vốn là một, nhưng có vô lượng vô biên vô minh bản lai tự tính khác nhau, dày mỏng không đồng. Lại có những đẳng thượng phiền não khác nhau, dựa vào vô minh mà khởi lên hơn cả số cát sông Hằng. Lại có những phiền não ngã kiến ái nhiễm khác nhau, dựa vào vô minh mà khởi lên. Tất cả những phiền não dựa vào vô minh mà khởi lên, có trước có sau khác nhau vô lượng như thế, chỉ Như Lai mới biết được.

Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân, có duyên. Nhân duyên đầy đủ mới thành tựu. Như tính lửa trong cây là nguyên nhân chính của lửa. Nhưng nếu không ai biết, không nhờ phương tiện thì cái cây không thể tự đốt được.

Chúng sinh cũng vậy, tuy có sức huân tập của chính nhân, nhưng nếu không gặp chư Phật Bồ-tát và thiện tri thức v.v... để làm cái duyên, mà tự đoạn được phiền não, vào được Niết-bàn là không có chuyện đó.

Nếu tuy có sức ngoại duyên mà pháp tịnh bên trong chưa có sức huân tập, thì cũng không thể hoàn toàn chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn.

Nếu nhân duyên đầy đủ, nghĩa là tự mình có sức huân tập, lại được nguyện từ bi của chư Phật Bồ-tát hộ trì, thì có thể khởi tâm chán khổ, tin có Niết-bàn và tu tập thiện căn. Do tu tập thiện căn thành tựu nên khi gặp chư Phật Bồ-tát chỉ dạy đường tu lợi lạc, mới có thể tu tiến hướng về đạo Niết-bàn.

Huân tập của dụng tức là cái sức ngoại duyên đối với chúng sinh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa. Lược nói có 2 thứ.

Hai thứ là những gì?

1. Là duyên sai biệt.
2. Là duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, là người đó nương nơi chư Phật Bồ-tát v.v... từ khi mới phát ý cầu đạo cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian đó hoặc được trông thấy, hoặc nghĩ nhớ đến, hoặc được chư Phật Bồ-tát hiện làm quyến thuộc cha mẹ bà con, hoặc làm người giúp việc, hoặc làm bạn quen biết, hoặc làm oan gia, hoặc khởi 4 nhiếp pháp, cho đến làm tất cả vô lượng các duyên để phát khởi sức Đại bi huân tập, có thể khiến chúng sinh đó tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy, hoặc nghe, đều được lợi ích.

Duyên đó có 2 thứ.

Hai thứ đó là những gì?

1. Là duyên gần, vì mau được độ.
2. Là duyên xa, vì lâu mới được độ.

Hai duyên xa và gần đó, phân tích ra lại có 2 thứ.

Hai thứ đó là những gì?

1. Là duyên tăng trưởng các hành.
2. Là duyên tiếp thụ chính pháp.

Duyên bình đẳng, là tất cả chư Phật Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, tự nhiên thường xuyên huân tập không rời bỏ, dùng cái sức trí đồng thể, tùy theo chúng sinh thấy nghe như thế nào mà hiện các tác nghiệp. Nghĩa là chúng sinh nương nơi Tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật.

Phân biệt các thể dụng của huân tập ấy lại có 2 thứ.

Hai thứ ấy là những gì?

1. Là chưa tương ưng. Nghĩa là các phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát mới phát tâm v.v... dùng ý, ý thức mà huân tập, dựa vào sức

tin mà tu hành, chưa được tâm vô phân biệt tương ưng với thể của chân như, chưa được nghiệp tự tại tu hành tương ưng với dụng của chân như.

2. Là đã tương ưng. Nghĩa là các vị pháp thân Bồ-tát đã được tâm vô phân biệt tương ưng với trí và dụng của chư Phật, thì chỉ nương nơi pháp lực, tự nhiên tu hành, huân tập chân như mà diệt vô minh.

Lại nữa, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngớt huân tập, cho đến sau khi thành Phật mới dứt. Pháp tịnh huân tập thì tội đời vị lai không bao giờ dứt.

Nghĩa đó như thế nào?

Nghĩa là do pháp chân như thường huân tập nên vọng tâm liền diệt, pháp thân hiển hiện, khởi huân tập của dụng nên không dứt.

Lại nữa, về tướng tự thể của chân như thì nơi tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát và chư Phật, đều không thêm bớt, không phải thời trước sinh, không phải thời sau diệt, rốt ráo thường hằng; từ xưa đến nay tính tự viên mãn, đầy đủ tất cả công đức. Nghĩa là tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh, có nghĩa soi khắp pháp giới, có nghĩa nhận biết chân thật, có nghĩa tự tính thanh tịnh tâm, có nghĩa thường lạc ngã tịnh, có nghĩa tự tại trong lành không biến đổi, có nghĩa đầy đủ Phật pháp, không lìa, không đoạn, không khác, không thể nghĩ bàn như thể quá hơn số cát sông Hằng, cho đến đầy đủ tất cả, không thiếu sót một nghĩa nào, nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Như Lai pháp thân.

Hỏi: Trên đây nói cái thể của chân như bình đẳng, lìa tất cả tướng. Sao nay lại nói cái thể ấy có nhiều thứ công đức?

Đáp: Tuy thật có các công đức ấy mà không có tướng khác nhau, bình đẳng đồng một mùi vị là chỉ có một chân như.

Nghĩa đó như thế nào?

Do không phân biệt, lia các tướng phân biệt nên không có hai.

Lại do nghĩa gì có thể nói là sai biệt?

Do dựa vào tướng sinh diệt của nghiệp thức mà biểu thị.

Biểu thị như thế nào?

Bởi tất cả pháp bản lai là duy tâm, thật không có gì để khởi niệm, nhưng do có vọng tâm nên bất giác khởi niệm thấy các cảnh giới nên gọi là vô minh.

Tâm tính không khởi, tức là nghĩa của ánh sáng đại trí tuệ. Nếu tâm khởi cái thấy thì liền có tướng không thấy. Tâm tính lia được cái thấy, tức soi khắp pháp giới.

Nếu tâm có động thì không nhận biết chân thật, không có tự tính, không phải thường, không phải lạc, không phải ngã, không phải tịnh, mà đối lại là nóng bức, rầu rĩ, suy đồi, biến đổi, không tự tại, cho đến đủ các vọng nhiễm còn hơn số cát sông Hằng.

Tâm tính không động thì có các tướng tịnh công đức hiện ra còn hơn số cát sông Hằng.

Nếu tâm có khởi lên, lại thấy có pháp tiền cảnh có thể suy niệm thì có chỗ thiếu. Như vậy các pháp tịnh, có vô lượng công đức tức là nhất tâm, không có suy niệm, cho nên đầy đủ, được gọi là pháp thân tàng chứa Như Lai.

Lại nữa, cái dụng của chân như, nghĩa là chư Phật Như Lai, trong khi ở địa vị tu nhân phát Đại từ bi, tu các pháp Ba-la-mật, nhiếp hóa chúng sinh, lập thế nguyện lớn muốn độ thoát hết tất cả chúng sinh, không hạn kiếp số, tận cùng vị lai, vì lấy tất cả chúng sinh làm thân mình, mà cũng không chấp thủ tướng chúng sinh.

Đó là vì nghĩa gì?

Vì biết như thật tất cả chúng sinh với thân mình đều đồng một chân như bình đẳng, không sai khác. Do có trí đại phương tiện như vậy, trừ diệt vô minh, thấy pháp thân bản lai, tự nhiên mà có các dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, tức cùng với chân như bình đẳng cùng khắp mọi nơi.

Lại nữa, cũng không có cái tướng dụng có thể có được. Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là pháp thân, là thân của trí tướng. Đệ nhất nghĩa đế không có cảnh giới của thế đế, lia các thi vi tạo tác, chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe mà được lợi ích nên gọi là dụng.

Dụng của chân như có 2 thứ.

Hai thứ là những thứ gì?

1. Là do nơi phân biệt sự thức, là chỗ mà tâm phàm phu và Nhị thừa thấy được, gọi là ứng thân. Vì họ không biết do chuyển thức hiện ra, thấy từ ngoài đến, chấp lấy những phần loại của sắc tướng nên không biết hết được.

2. Là do nơi nghiệp thức, nghĩa là chỗ thấy của tâm các Bồ-tát, từ khi mới phát tâm cho đến địa vị rốt ráo, gọi là báo thân. Thân ấy có vô lượng sắc, sắc có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hình hảo, chỗ ở y báo cũng có vô lượng trang nghiêm, theo sự thị hiện, không có biên giới, không có cùng tột, rời tướng phần loại, theo chỗ sở ứng, thường được duy trì không hư không mất. Các công đức như vậy đều nhân sự huân tập của các hạnh vô lậu Ba-la-mật v.v... và sự huân tập không thể nghĩ bàn mà thành tựu đầy đủ vô lượng tướng vui nên gọi là báo thân.

Lại nữa, phàm phu thấy thân Phật là thấy cái sắc thô, tùy theo 6 đường chúng sinh thấy khác nhau, có nhiều thứ dị loại, không phải là tướng thụ lạc nên gọi là ứng thân.

Lại nữa, các Bồ-tát mới phát tâm thấy được thân Phật là do tin sâu pháp chân như nên thấy được phần ít, biết các sắc tướng trang

nghiêm kia không đến không đi, lia các phần loại, chỉ do tâm hiện, không rời chân như. Nhưng các Bồ-tát đó còn tự phân biệt mình với Phật khác nhau do chưa hội nhập địa vị pháp thân. Nếu được tịnh tâm thì chỗ thấy vi diệu, cái dụng chuyển thành thù thắng, cho đến tột cùng địa vị Bồ-tát thì thấy được rốt ráo. Nếu rời nghiệp thức thì không có kiến tướng, bởi pháp thân chư Phật không có sắc tướng, đây kia cùng thấy nhau.

Hỏi: Nếu pháp thân chư Phật lia các sắc tướng, thì sao lại hiện được sắc tướng?

Đáp: Tức là pháp thân đó là cái thể của sắc tướng nên hiện được sắc tướng. Nghĩa là sắc và tâm bản lai không hai. Bởi cái tính của sắc tức là trí, nên sắc thể không hình gọi là trí thân. Bởi cái tính của trí tức là sắc, nên gọi là pháp thân cùng khắp tất cả mọi nơi. Các sắc hiện ra không có giới hạn, tùy tâm có thể thị hiện 10 phương thế giới, vô lượng Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi khác nhau, nhưng đều không giới hạn, không ngăn ngại nhau. Điều đó không phải tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đó là nghĩa tự tại dụng của chân như.

Tiếp theo là làm rõ ý nghĩa thế nào là từ sinh diệt môn nhập vào chân như môn.

Nghĩa là suy tìm sắc và tâm nơi thân 5 ấm. Cảnh giới 6 trần đều rốt ráo không có niệm, mà tâm thì không có hình tướng, cho nên tìm cầu khắp 10 phương, cũng không thể có được.

Như người mê lầm bảo phương Đông là phương Tây, nhưng thật sự phương hướng không chuyển đổi.

Chúng sinh cũng vậy, do vô minh mê lầm bảo tâm là niệm, nhưng thật sự tâm thì không động. Nếu có khả năng quán sát biết tâm không khởi niệm thì liền được tùy thuận vào chân như môn.

Đối trị tà chấp, là tất cả tà chấp đều do kiến chấp về ngã. Nếu lìa bỏ ngã thì không có tà chấp.

Kiến chấp về ngã này có 2 thứ.

Hai thứ là những thứ gì?

1. Là kiến chấp về nhân ngã.
2. Là kiến chấp về pháp ngã.

Kiến chấp về nhân ngã, theo tâm phạm phu, có 5 thứ.

Năm thứ là những gì?

1. Là nghe kinh nói: Pháp thân Như Lai rốt ráo vắng lặng, giống như hư không. Do không biết nói vậy là để phá chấp liền cho rằng hư không là tính của Như Lai.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ tướng hư không là pháp giả dối, thể rỗng không thật, do đối lại với sắc mà có cái tướng có thể thấy, khiến tâm sinh diệt. Do tất cả các pháp bản lai là tâm, thật không có ngoại sắc và nếu không có ngoại sắc thì cũng không có tướng hư không.

Nghĩa là tất cả cảnh giới đều duy tâm vọng khởi nên có. Nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới diệt, chỉ có một chân tâm, không chỗ nào không cùng khắp. Đó gọi là nghĩa cứu cánh của tính trí rộng lớn của Như Lai, chứ không phải như tướng hư không.

2. Là nghe kinh nói: Cái thể của các pháp thể gian rốt ráo là rỗng không, cho đến các pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo là rỗng không, bản lai tự là rỗng không, lìa tất cả tướng. Do không biết nói vậy là để phá chấp, liền cho rằng cái tính của chân như Niết-bàn chỉ là rỗng không.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ pháp thân chân như tự thể chẳng phải rỗng không, mà đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Là nghe kinh nói: Như Lai tạng không có thêm bớt, tự thể đầy đủ tất cả các pháp công đức. Do không hiểu thấu, liền cho rằng Như Lai tạng có các sắc pháp và tâm pháp có tự tướng khác nhau.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rõ là dựa theo nghĩa chân như mà nói như vậy và do nghĩa pháp nhiệm sinh diệt mà nói là khác nhau.

4. Là nghe kinh nói: Tất cả pháp nhiệm sinh tử thế gian đều do Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp không lìa chân như. Do không hiểu thấu nên cho rằng tự thể Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp sinh tử thế gian.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu cái nghĩa Như Lai tạng bản lai chỉ có các công đức thanh tịnh, còn hơn cả sỏi cát sông Hằng, không lìa, không dứt, không khác chân như. Bởi các pháp nhiệm phiền não hơn cả sỏi cát sông Hằng chỉ là giả có, tính vốn tự rỗng không, bản lai chưa hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu Như Lai tạng tự thể có các pháp giả dối mà khi chúng ngộ lại vĩnh viễn dứt được vọng là không có chuyện đó..

5. Là nghe kinh nói: Do Như Lai tạng mà có sinh tử, do Như Lai tạng mà được Niết-bàn. Do không hiểu thấu nên lại cho rằng chúng sinh có bắt đầu. Do chấp có cái bắt đầu nên lại cho rằng Niết-bàn Như Lai chứng được, cũng có cái cuối cùng phải hết và Như Lai sẽ trở lại làm chúng sinh.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu rằng Như Lai tạng không có cái thời trước Như Lai tạng, và cái tướng vô minh cũng không có cái bắt đầu. Nếu nói

ngoài 3 cõi, còn có chúng sinh bắt đầu phát khởi, tức là nói theo ngoại đạo.

Lại nữa, Như Lai tạng cũng không có cái thời sau Như Lai tạng, nên Niết-bàn mà chư Phật đã chứng tương ưng với Như Lai tạng, cũng không có thời sau.

Kiến chấp về pháp ngã, là do Nhị thừa độn căn nên Như Lai vì họ chỉ nói nhân vô ngã. Do nói không rõ ráo nên họ thấy có pháp 5 ấm sinh diệt mà sợ hãi sinh tử, vọng chấp lấy Niết-bàn.

Làm sao đối trị?

Phải hiểu pháp ngũ ấm tự tính không sinh nên không có diệt, bản lai là Niết-bàn.

Lại nữa, rõ ráo lia vọng chấp là phải biết pháp nhiệm pháp tịnh đều đối đãi nhau, không thể nói có tự tướng. Cho nên tất cả pháp xưa nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, không thể nói rõ ráo cái tướng của các pháp được. Vậy mà có nói ra thì phải biết đó là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn lời nói để dắt dẫn chúng sinh. Nhưng chỉ thú đều là lia niệm, qui về chân như. Vì đã khởi niệm các pháp là khiến tâm sinh diệt, không vào được thật trí.

Phân biệt tướng phát tâm tu hành hướng về Phật đạo, nghĩa là tất cả các Bồ-tát đều phát tâm tu hành hướng về cái đạo mà tất cả chư Phật đã chứng.

Nói sơ lược, phát tâm có 3 thứ.

Ba thứ là những gì?

1. Là thành tựu chính tín mà phát tâm.
2. Là giải hành phát tâm.
3. Là chứng phát tâm.

Thành tựu chính tín mà phát tâm, là theo hạng người nào, tu hạnh gì thì thành tựu được chính tín và có thể phát tâm. Nghĩa là với chúng sinh trong bất định tụ có sức thiện căn huân tập, tin nghiệp báo, có thể khởi thập thiện, chán khổ sinh tử, mong cầu vô thượng Bồ-đề, được gặp chư Phật, đích thân phụng sự cúng dường, tu hành tín tâm trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu nên được chư Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc do Đại bi mà tự phát tâm, hoặc nhân chính pháp sắp diệt, do nhân duyên hộ pháp mà tự phát tâm.

Những người thành tựu chính tín mà phát tâm như vậy sẽ vào chính định tụ, quyết không thoái lui. Đó được gọi là ở trong dòng giống Như Lai, tương ứng với chính nhân.

Nếu có chúng sinh thiện căn ít ỏi, từ lâu xa đến nay phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật, cũng được cúng dường, nhưng chỉ phát khởi hạt giống nhân thiên, hoặc hạt giống Nhị thừa, và dẫu có cầu pháp Đại thừa thì căn cũng bất định, khi tiến khi thoái.

Hoặc có người cúng dường chư Phật chưa trải qua một vạn kiếp, trong đó gặp duyên cũng có phát tâm, nghĩa là hoặc thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhân cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhân người Nhị thừa dạy bảo khiến phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những người phát tâm như vậy đều là bất định, gặp nhân duyên xấu, có thể thoái lui rơi vào địa vị Nhị thừa.

Lại nữa, thành tựu chính tín mà phát tâm là phát những tâm gì?

Nói sơ lược có 3 thứ.

Ba thứ là những gì?

1. Là tâm ngay thẳng, tức chính niệm pháp chân như.
2. Là tâm sâu xa, tức ưa gom góp tất cả các hạnh lành.
3. Là tâm Đại bi, tức muốn cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Ở trên đã nói pháp giới là một tướng, thể của Phật không hai, sao không chỉ cần niệm chân như mà còn nhờ đến cầu học các hạnh lành?

Đáp: Ví như ngọc báu Đại Ma-ni, thể tính trong sáng mà có quặng bản. Nếu ai chỉ nghĩ tính quý báu mà không dùng phương tiện mài dũa thì không bao giờ được viên ngọc trong suốt.

Pháp thể chân như của chúng sinh cũng vậy, trong sạch mà có vô lượng phiền não nhiễm bản. Nếu ai chỉ nghĩ chân như mà không dùng nhiều phương tiện tu tập thì cũng không được sự trong sạch. Do có vô lượng sự nhiễm bản cùng khắp tất cả pháp, nên cần tu tất cả hạnh lành để đối trị. Nếu ai tu hành tất cả pháp lành thì tự nhiên quy thuận pháp chân như.

Về phương tiện, nói sơ lược có 4 thứ.

Bốn thứ là những gì?

1. Là phương tiện thực hành căn bản. Nghĩa là quán tất cả pháp là tự tính không sinh, lìa nơi vọng kiến, không trụ sinh tử, quán tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất. Từ đó khởi lòng Đại bi, tu các phúc đức nhiếp hóa chúng sinh, không trụ Niết-bàn, bởi thuận theo pháp tính nên không trụ.

2. Là phương tiện ngăn chặn. Nghĩa là biết xấu hổ hối lỗi thì có thể ngăn chặn tất cả pháp ác, không cho tăng trưởng, bởi thuận theo pháp tính nên lìa các lỗi lầm.

3. Là phương tiện làm phát khởi và tăng trưởng căn lành. Nghĩa là ân cần cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật. Do tâm thuần hậu yêu kính Tam bảo nên tín tâm được tăng trưởng và có khả năng quyết chí cầu đạo Vô thượng. Lại nhân được sức hộ trì của Phật Pháp Tăng nên tiêu nghiệp chướng, căn lành không thoái lui, do thuận theo pháp tính mà lìa các si chướng.

4. Là phương tiện Đại nguyện bình đẳng. Nghĩa là phát nguyện hóa độ tất cả chúng sinh đến tột cùng đời vị lai, không bỏ sót và rất ráo khiến được vô dư Niết-bàn, do thuận theo pháp tính nên không tuyệt dứt.

Pháp tính rộng lớn, cùng khắp tất cả chúng sinh, bình đẳng không hai, không phân biệt đây kia, rất ráo tịch diệt. Bồ-tát phát tâm này thì thấy được một phần ít pháp thân. Do thấy được pháp thân nên theo nguyện lực, có thể hiện ra 8 tướng làm lợi ích chúng sinh. Đó là tướng từ cõi trời Đâu-suất xuống, vào thai, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn.

Nhưng vị Bồ-tát đó chưa gọi là pháp thân, do các nghiệp hữu lậu, từ vô lượng đời quá khứ đến nay, chưa dứt hẳn và theo chỗ sinh, còn tương ứng với một ít khổ, là do có sức tự tại của Đại nguyện chứ không phải do nghiệp ràng buộc.

Như trong kinh nói có khi thoái lui sa vào nẻo ác, nhưng không phải thật có thoái lui. Chỉ vì các sơ học Bồ-tát chưa vào địa vị chính định tự mà giải đãi nên nói như vậy để làm cho e sợ và khiến dũng mãnh tinh tiến.

Lại Bồ-tát đó, một khi đã phát tâm rồi, thì không còn khiếp nhược, tuyệt đối không sợ sa vào hàng Nhị thừa. Dầu nghe phải tu hành siêng năng khó nhọc trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì mới được Niết-bàn cũng không khiếp sợ, do đã tin biết tất cả pháp bản lai là tự tính Niết-bàn.

Giải hành phát tâm là phải biết chuyển thắng. Bởi Bồ-tát này từ khi bắt đầu được chính tín đến nay, khi kiếp A-tăng-kì thứ nhất sắp đầy đủ, thì đối với pháp chân như, sự nhận hiểu sâu sắc đã hiện tiền và chỗ tu tập đều đã lìa tướng. Do biết thể của pháp tính là không xan tham nên tùy thuận tu hành Đản Ba-la-mật. Do biết pháp tính là không nhiễm, lìa lỗi 5 dục nên tùy thuận tu hành Thi Ba-la-mật. Do

biết pháp tính là không khô, lia các giận hờn sâu não nên tùy thuận tu hành Săng-đề Ba-la-mật. Do biết pháp tính không có tướng thân tâm, lia giải đãi nên tùy thuận tu hành Ti-lê-da Ba-la-mật. Do biết pháp tính thường định, thể không loạn động nên tùy thuận tu hành Thiên Ba-la-mật. Do biết thể của pháp tính sáng suốt, lia vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Chúng phát tâm là các Bồ-tát, từ tịnh tâm địa cho đến cứu kính địa, chúng cảnh giới gì?

Đó là chân như. Do dựa vào chuyên thức mà gọi là cảnh giới, chứ chỗ chúng ở đây không có cảnh giới, chỉ có cái trí chân như gọi là pháp thân mà thôi. Bồ-tát này, trong khoảng một niệm, có thể đến khắp 10 phương vô lượng thế giới cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ để khai thị dắt dẫn làm lợi ích cho chúng sinh, chứ không dựa vào văn tự. Hoặc vì các chúng sinh khiếm nhược mà thị hiện vượt bậc, chóng thành chính giác. Hoặc vì các chúng sinh biếng nhác trễ nãi, mà nói ta sẽ thành tựu Phật đạo sau vô lượng kiếp A-tăng-kì.

Các vị lại có thể thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng thật sự thì các Bồ-tát, chủng tính và căn đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chúng cũng bình đẳng, không có pháp vượt bậc, bởi vì tất cả Bồ-tát đều trải qua 3 kiếp A-tăng-kì. Chỉ vì tùy theo chúng sinh trong thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn cơ dục vọng khác nhau nên Bồ-tát thị hiện ra làm cũng khác nhau.

Lại nữa, tướng phát tâm của các Bồ-tát này có 3 tướng tâm vi tế.

Ba tướng tâm vi tế là những gì?

1. Là chân tâm, tức tâm không phân biệt.
2. Là phương tiện tâm, tức tâm tự nhiên làm lợi ích cho khắp chúng sinh.

3. Là nghiệp thức tâm, là tâm còn những khởi diệt vi tế.

Lại nữa, Bồ-tát này khi công đức thành tựu viên mãn, ở cõi trời Sắc cứu cánh, thị hiện thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian.

Nghĩa là do một niệm tương ưng với tuệ thì vô minh liền hết, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên có nghiệp không thể nghĩ bàn, có thể hiện khắp 10 phương làm lợi ích chúng sinh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm thức hành vi sai khác cũng vô biên. Những cảnh giới như vậy thật không giới hạn, khó biết khó hiểu, nếu đoạn vô minh, không còn tâm tưởng, thì làm sao rõ được mà gọi là Nhất thiết chủng trí ?

Đáp: Tất cả cảnh giới bản lai là một tâm, lia các tướng niệm. Do chúng sinh vọng thấy cảnh giới, nên tâm có giới hạn. Do vọng khởi ra tướng niệm, không xứng hợp với pháp tính, nên không thể rõ biết. Chư Phật Như Lai lia thấy, lia tướng, không đâu không cùng khắp. Tâm chân thật tức là tính của các pháp. Tự thể của tâm soi tỏ tất cả vọng pháp, có cái dụng lớn của trí và vô lượng phương tiện, tùy theo chúng sinh thể nào mới hiểu được, thì đều có thể khai thị các thứ pháp nghĩa. Cho nên được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, hiện ra được ở tất cả mọi nơi làm lợi ích chúng sinh, và tất cả chúng sinh nếu được thấy thân Phật, được xem thần thông biến hóa của Phật, hoặc được nghe Phật dạy thì không ai không được lợi ích, vậy sao thế gian phần nhiều không thấy được Phật?

Đáp: Pháp thân chư Phật Như Lai bình đẳng cùng khắp tất cả mọi nơi, không có tác ý nên gọi là tự nhiên, chỉ do tâm chúng sinh mà thị hiện. Tâm chúng sinh như gương soi, nếu gương bản thì hình sắc không hiện được. Tâm chúng sinh cũng vậy, nếu nhiễm bản thì pháp thân không hiện.

Đến đây đã nói xong phần giải thích.

Tiếp theo nói đến phần tín tâm tu hành. Trong đó dựa vào chúng sinh chưa nhập chính định tụ mà nói tín tâm tu hành.

Tín tâm là những gì và tu hành như thế nào?

Nói sơ lược, có 4 thứ tín tâm.

Bốn tín tâm là những gì?

1. Là tin căn bản, nghĩa là thích nghĩ nhớ pháp chân như.
2. Là tin Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ việc gần gũi cúng dàng cung kính, để phát khởi căn lành, mong cầu Nhất thiết trí.
3. Là tin Pháp có lợi ích lớn, thường nghĩ tu hành các pháp Ba-la-mật.
4. Là tin Tăng chân chính tu hành được pháp tự lợi lợi tha, thường thích gần gũi các chúng Bồ-tát, cầu học các hạnh như thật.

Có 5 môn tu hành có thể thành tựu tín tâm này.

Năm môn là những gì?

1. Là bố thí. 2. Là trì giới. 3. Là nhẫn nhục. 4. Là tinh tiến. 5. Là chỉ quán.

Tu pháp môn bố thí như thế nào?

Là nếu có ai đến cầu xin, thì tùy sức mà bố thí tài vật mình có để bỏ tính xan tham của mình và làm cho người kia vui vẻ. Nếu thấy ai ách nạn, bị khủng bố, áp bức nguy khốn, thì tùy khả năng của mình, làm cho người kia không còn sợ hãi. Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, thì tùy khả năng hiểu biết của mình, phương tiện nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ đến tự lợi lợi tha, hồi hướng đạo Bồ-đề.

Tu pháp môn trì giới như thế nào?

Là không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói đâm thọc, không lời ác độc, không nói dối, không nói lời thêu dệt, xa lìa tham lam, ganh ghét, lừa dối, dua nịnh, giận dữ, tà kiến.

Nếu là người xuất gia thì còn vì để bề gãy phiền não mà phải rời xa nơi ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh như Đầu-đà, thiếu dục tri túc. Dù mắc tội nhỏ, cũng sinh tâm e sợ, xấu hổ hối cải. Không được xem nhẹ cấm giới Như Lai đã chế, thường giữ gìn để tránh cơ hiềm, không làm cho chúng sinh vọng khởi tội lỗi.

Tu pháp môn nhẫn nhục như thế nào?

Là nên nhẫn nhịn trước sự quấy rối của người khác, không ôm lòng báo oán và cũng phải chịu được trước những điều lợi, hại, chê, khen, tâng bốc, chế giễu, khổ, vui v.v...

Tu pháp môn tinh tiến như thế nào?

Là đối với các việc thiện, tâm không lười biếng thoái thoát, lập chí kiên cường, xa lìa khiếp nhược. Phải nghĩ từ quá khứ xa xưa đến nay, luống chịu tất cả nỗi khổ lớn nơi thân tâm mà chẳng được ích lợi gì. Cho nên cần phải siêng năng tu các công đức tự lợi lợi tha để chóng thoát các khổ.

Lại nữa, nếu có người, tuy tu hành tín tâm, nhưng do từ đời trước có những nghiệp chướng, tội ác nặng nề, hoặc bị tà ma quỷ quái quấy phá, hoặc bị nhiều công việc thế gian ràng buộc, hoặc bị bệnh tật làm cho đau đớn, tóm lại có nhiều chướng ngại như vậy thì phải dùng mãnh siêng năng, ngày đêm 6 buổi lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề, thường xuyên không nghỉ, không bỏ để được khỏi các chướng và tăng trưởng căn lành.

Tu pháp môn chỉ quán như thế nào?

Chỉ, nghĩa là chấm dứt tất cả các tướng cảnh giới, thuận theo nghĩa quán của Xa-ma-tha. Quán, nghĩa là phân biệt tướng nhân duyên sinh diệt, thuận theo nghĩa quán của Tì-bát-xá-na.

Thuận theo như thế nào?

Là dùng 2 nghĩa ấy, tu tập dần dần, không rời bỏ nhau để cả 2 đều song song hiện tiền.

Nếu tu pháp chỉ thì ở chỗ tĩnh lặng, ngồi ngay ngắn, giữ chính ý, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào không, không dựa vào địa, thủy, hỏa, phong, cho đến không dựa vào sự thấy nghe hay biết, theo niệm mà trừ hết tất cả các tướng đồng thời cũng loại bỏ ý tưởng đoạn trừ. Vì tất cả các pháp xưa nay không có tướng, niệm niệm không sinh, niệm niệm không diệt. Cũng không được tùy tâm mà nghĩ đến cảnh giới bên ngoài. Rồi sau dùng tâm mà trừ tâm.

Nếu tâm bồn đảo tán loạn, thì phải thu giữ lại, trụ nơi chính niệm. Phải biết chính niệm đó là chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài.

Lại nữa, ngay nơi cái tâm đó cũng không có tự tướng, niệm niệm không thể nhận được. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy, đi lại lui tới, hoặc làm việc gì, thì trong tất cả thời thường nhớ đến phương tiện thuận theo mà quán sát. Tập lâu thuần thục thì tâm được an trụ; do tâm an trụ nên dần dần mạnh mẽ sắc bén, thuận theo đó được nhập vào chân như Tam-muội, dẹp sâu phiền não, tín tâm tăng trưởng, chóng thành bất thoái. Chỉ trừ những hạng người nghi hoặc, không tín, phi báng, ngã mạn, lười biếng, hoặc bị những nghiệp chướng tội nặng, thì không thể nhập chân như Tam-muội được.

Lại nữa, do chân như Tam-muội đó mà biết pháp giới là một tướng. Nghĩa là pháp thân tất cả chư Phật cùng với thân chúng sinh là bình đẳng không hai. Đó gọi là Nhất hành Tam-muội. Phải biết

chân như là căn bản của Tam-muội, cho nên nếu ai tu pháp chân như Tam-muội thì dần dần sinh được vô lượng Tam-muội.

Có chúng sinh không có sức mạnh của căn lành, bị các tà ma ngoại đạo, quỷ thần, mê hoặc làm rối loạn. Như trong lúc ngồi thiền, chúng hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện các tướng nam nữ xinh đẹp, thì nên niệm cảnh giới duy tâm để diệt trừ, cuối cùng không khuấy phá được. Hoặc chúng hiện hình dạng chư thiên, hình dạng Bồ-tát hoặc cả hình dạng Như Lai, tướng tốt đầy đủ. Hoặc chúng nói thần chú, nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Hoặc chúng nói bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán, không thân, không nhân không quả, nói rớt ráo rỗng không vắng lặng là chân thật Niết-bàn. Hoặc chúng làm cho người ta biết những việc quá khứ đời trước cùng những việc vị lai, được tha tâm thông, được biện tài vô ngại có thể khiến cho chúng sinh tham trước những việc danh lợi thế gian. Hoặc chúng làm cho người ta khi giận khi vui, tính tình bất thường, làm cho có nhiều lòng từ ái, ngu nhiều, bệnh nhiều; hoặc làm cho cái tâm biếng nhác bỗng dưng khởi tinh tiến, rồi sau lại phế bỏ, sinh tâm nghi nhiều, lo nhiều, không tin. Hoặc chúng làm cho bỏ pháp tu hành thù thắng trước đây mà tu các tạp nghiệp, hay là

mắc vào nhiều thứ ràng buộc về thế sự. Chúng cũng có thể làm cho được các Tam-muội phần nào giống như chân thật Tam-muội, nhưng đều là Tam-muội của ngoại đạo, chứ không phải chân thật Tam-muội. Hoặc chúng cũng làm cho người ta trong 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày cho đến 7 ngày ở trong định, tự nhiên được những thức ăn uống thơm ngon, trong tâm vui thích, không đói không khát, khiến người ưa đắm. Hoặc chúng cũng làm cho người ta ăn không chùng mực, khi nhiều khi ít, nhan sắc biến đổi.

Vì có những sự thể trên đây, người tu hành thường phải dùng trí tuệ quán sát, chớ để tâm mình mắc vào lưới tà, phải siêng tu chính niệm, không chấp trước mới có thể lìa xa các nghiệp chướng đó.

Phải biết các thứ Tam-muội mà ngoại đạo có, đều không tách rời lòng kiến ái ngã mạn, do còn tham đắm những danh lợi cung kính của thế gian.

Chân như Tam-muội thì không bám trụ cái thấy, không bám trụ chỗ sở đắc. Cho đến khi xuất định cũng không biếng lười, ngã mạn, cho nên các phiền não, đã có từ trước, dần dần giảm bớt.

Nếu các phàm phu không tu tập pháp Tam-muội này mà vào được chủng tính Như Lai, là chuyện không thể có. Bởi tu các thiện định Tam-muội thế gian, phần nhiều khởi say đắm, lại do ngã kiến, hệ thuộc vào 3 cõi, chung cùng với ngoại đạo, cho nên nếu rời sự hộ trì của thiện tri thức thì sẽ khởi lên những kiến chấp ngoại đạo.

Lại nữa, người siêng năng chuyên tâm tu tập Tam-muội này, hiện tại sẽ được 10 thứ lợi ích.

Mười lợi ích là những gì?

1. Được chư Phật Bồ-tát 10 phương hộ niệm.
2. Không bị các tà ma ác quỷ khủng bố.
3. Không bị 95 thứ quỷ thần ngoại đạo mê hoặc, phá rối.
4. Xa lìa sự phi báng chính pháp rất sâu, nghiệp chướng tội nặng dần dần giảm bớt.
5. Diệt tất cả nghi hoặc và các ý nghĩ xấu ác.
6. Tăng trưởng lòng tin đối với cảnh giới Như Lai.
7. Xa lìa mọi lo buồn khổ não, ở trong sinh tử, dũng mãnh không khiếp sợ.
8. Tâm nhu hòa, lìa bỏ lòng kiêu mạn, không bị kẻ khác quấy rối.
9. Tuy chưa được định, song trong tất cả thời, tất cả cảnh giới, có thể giảm bớt phiền não, không ưa thích thế gian.

10. Nếu được Tam-muội thì không bị tất cả các thứ âm thanh bên ngoài làm kinh động.

Lại nữa, nếu người tu hành chỉ tu pháp chỉ, thì tâm chìm lặng, hoặc sinh lười biếng, không thích các điều thiện, xa lìa Đại bi, nên cần phải tu quán.

Người tu tập pháp quán phải quán tất cả các pháp hữu vi thế gian là không thể dừng trụ, biến đổi hư hoại trong giây lát, quán tất cả tâm hành đều niệm niệm sinh diệt, do đó nên khổ. Phải quán tất cả các pháp quá khứ, có thể nhớ được, đều mơ màng như chiêm bao. Phải quán tất cả các pháp hiện tại, có thể nghĩ được, đều như ánh sáng điện chớp. Phải quán tất cả các pháp vị lai, có thể suy được, đều như mây bồng nhiên nổi lên. Phải quán tất cả các thân thể gian đều bất tịnh, có nhiều thứ như nhớp, không một cái gì đáng ưa thích.

Như vậy rồi phải nghĩ tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều do vô minh huân tập, làm cho tâm sinh diệt, mà đã phải chịu những khổ lớn nơi thân tâm. Hiện tại có vô lượng bức bách và vị lai cái khổ cũng không biết đến chừng nào. Chúng sinh như vậy khó rời khó bỏ cái khổ mà không biết, rất đáng thương thay.

Suy nghĩ như vậy thì phải dũng mãnh ngay, lập thế nguyện lớn, nguyện cho tâm mình, do lìa phân biệt, mà tu hành tất cả các công đức lành cùng khắp 10 phương, đến tột cùng đời vị lai, dùng vô lượng phương tiện cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não, khiến được cái vui Đệ nhất nghĩa của Niết-bàn.

Do phát nguyện như vậy nên trong mọi thời, mọi nơi, có những điều thiện gì, thì tùy khả năng mình mà tu học không bỏ, tâm không biếng nhác. Chỉ trừ lúc tọa thiền thì chuyên tu pháp chỉ, còn trong tất cả các thời khác, đều phải quán sát việc nên làm, việc không nên làm, lúc đi, lúc đứng, lúc nằm, lúc dậy, đều nên song song tu tập chỉ quán.

Nghĩa là tuy nghĩ các pháp tự tính không sinh, nhưng lại nghĩ ngay nhân duyên hòa hợp thì quả báo khổ vui của các nghiệp lành dữ không hư không mất. Tuy nghĩ đến nhân duyên nghiệp báo lành dữ nhưng cũng nghĩ ngay tự tính của nó là bất khả đắc.

Nếu tu pháp chỉ thì đối trị được việc phạm phu chấp trước thế gian và có thể xả bỏ được kiến chấp khiếm nhược của Nhị thừa.

Nếu tu pháp quán thì đối trị được cái lỗi hẹp hòi của Nhị thừa không khởi Đại bi, và xa lìa được việc phạm phu không tu căn lành.

Do các nghĩa đó nên hai pháp chỉ quán giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu không đủ cả chỉ quán thì không vào được đạo Bồ-đề.

Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này, muốn cầu chính tín mà tâm khiếm nhược, vì sợ ở trong thế giới Ta-bà này không thường được gặp chư Phật để đích thân phụng sự cúng dường, nên tín tâm khó thành tựu, ý muốn thoái lui, thì nên biết rằng Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp hộ trì tín tâm.

Nghĩa là nhờ nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, mà tùy nguyện được sinh vào cõi Phật phương khác, thường được thấy Phật, hằng lìa ác đạo.

Như kinh nói: Nếu ai chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, hồi hướng căn lành đã tu để cầu nguyện sinh về thế giới ấy, thì liền được vãng sinh và nhờ được thấy Phật nên không thoái lui.

Nếu quán được pháp thân chân như của đức Phật kia và thường siêng năng tu tập, cuối cùng sẽ được vãng sinh vì đã trụ nơi chính định.

Đã nói xong phần tu hành tín tâm.

Tiếp đến nói về phần lợi ích để khuyên tu.

Như vậy pháp Đại thừa là kho tàng sâu kín của chư Phật, tôi đã tổng quát nói xong. Nếu có chúng sinh muốn sinh được chính tín và không phí báng cảnh giới rất sâu của Như Lai để vào con đường Đại thừa, thì nên giữ lấy Luận này, suy nghĩ tu tập cuối cùng có thể đến được đạo vô thượng.

Nếu ai nghe pháp này rồi, không sinh lòng khiếp nhược, thì phải biết người đó quyết định sẽ nối dòng giống Phật, chắc chắn được chư Phật thụ ký.

Giả sử có người giáo hóa chúng sinh đầy khắp 3 ngàn Đại thiên thế giới, khiến tu hành Thập thiện, cũng không bằng người trong khoảng thời gian một bữa ăn, chân chính suy nghĩ pháp này. Công đức người sau hơn công đức người trước rất nhiều, không thể lấy gì ví dụ được.

Lại nữa, nếu có người giữ Luận này, quán sát tu hành, dầu chỉ trong một ngày một đêm, công đức người ấy vô lượng vô biên, không thể nói xiết. Dầu cho tất cả chư Phật 10 phương, mỗi mỗi đều khen ngợi công đức ấy trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-ki cũng không hết được. Bởi vì sao? Vì công đức của pháp tính không hết, nên công đức người ấy cũng như vậy, là không có bờ bến.

Nếu có chúng sinh, đối với Luận này, chê bai không tin thì tội báo phải chịu khổ não lớn trong vô lượng kiếp.

Cho nên chúng sinh chỉ nên tín ngưỡng, không nên phỉ báng, đã rất hại mình còn hại người khác, làm tuyệt dứt tất cả hạt giống Tam bảo, bởi tất cả Như Lai đều do pháp này mà được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát đều nhân tu hành pháp này mà vào được trí tuệ của Phật.

Phải biết các Bồ-tát quá khứ đã do pháp này mà thành tựu được tín tâm thanh tịnh, các Bồ-tát hiện tại nay do pháp này mà thành tựu

được tín tâm thanh tịnh, các Bồ-tát vị lai cũng sẽ do pháp này mà thành tựu được tín tâm thanh tịnh. Cho nên chúng sinh phải siêng năng tu học.

*Chư Phật rất sâu nghĩa rộng lớn,
Nay đã từng phần nói tổng quát.
Hồi hướng công đức như pháp tính,
Làm lợi ích tất cả chúng sinh./*

(HẾT)

SỐ 1667
LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN
QUYỂN THƯỢNG

*Bồ-tát Mã Minh tạo luận
 Tam tạng Thật-xoa-nan-đà dịch,
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Kính lễ 10 phương Phật
 Khấp làm lợi ích lớn,
 Trí vô ngại tự tại,
 Đáng cứu hộ thế gian.
 Và biến thể tướng kia,
 Lý pháp nghĩa vô ngã.
 Thánh tăng đức vô biên,
 Bạc cần cầu chính giác.
 Vì muốn khiến chúng sinh
 Trừ nghi bỏ tà chấp,
 Khởi tin nói giống Phật,
 Nên con làm luận này.*

Luận:

Vì muốn phát khởi lòng tin thanh tịnh vào Đại thừa, dứt các nghi ám tà chấp của chúng sinh, làm cho dòng giống Phật liên tục không dứt nên tạo luận này.

Có pháp có thể phát sinh tín căn Đại thừa cho nên phải thuyết minh pháp đó.

Thuyết minh được chia làm 5 phần:

1. Tác nhân.
2. Lập nghĩa.
3. Giải thích.
4. Tu tín.
5. Lợi ích.

Trong đây phần tác nhân có 8:

1. Tướng chung là làm cho chúng sinh lìa khổ được vui, chứ không vì tham cầu lợi dưỡng.

2. Làm rõ thật nghĩa căn bản của Như Lai khiến các chúng sinh hiểu đúng.

3. Làm cho chúng sinh thiện căn thành thực không thoái tín tâm đủ sức đảm nhiệm pháp Đại thừa.

4. Làm cho chúng sinh có ít thiện căn phát khởi tín tâm không thoái lui.

5. Làm cho chúng sinh tiêu trừ nghiệp chướng, điều phục tâm mình thoát khỏi 3 độc.

6. Làm cho chúng sinh tu tập đúng pháp chỉ quán, đối trị lỗi lầm của tâm phàm phu Tiểu thừa.

7. Làm cho chúng sinh tư duy như lý của pháp Đại thừa, được sinh trước mặt Phật, quyết không thoái lui lòng tin Đại thừa.

8. Làm rõ lợi ích của sự tin ưa Đại thừa, khuyến loài hàm thức quy hướng.

Nghĩa các câu trên đây tuy trong các kinh Đại thừa đều có đủ, nhưng do căn cơ giáo hóa và ý muốn không đồng, nhân duyên để hiểu có khác, vì vậy mà tạo luận.

Thế là thế nào?

Nghĩa là khi Như Lai tại thế chúng sinh được giáo hóa thì căn cơ linh lợi, Phật thì sắc tâm thù thắng, một lời Phật nói ra có vô biên ý nghĩa nên không phải luận.

Sau khi Phật Niết-bàn có người có thể dùng tự lực xem kinh ít mà hiểu nghĩa nhiều, có người phải đem sức mình xem rộng các kinh mới hiểu, có người không có trí lực nhờ người khác luận rộng ra mới hiểu được, cũng có người tự mình không có trí lực sợ nói rộng nghe nhiều, chỉ muốn luận tóm lược mà bao gồm nghĩa rộng lớn để chính mình tu hành. Tôi nay vì hạng người sau cùng, sơ lược tóm thâu vô biên nghĩa rất sâu thù thắng nhất của Như Lai mà tạo luận này.

Thế nào là phần lập nghĩa?

Là Đại thừa sơ lược có 2 thứ: Hữu pháp và pháp.

Nói hữu pháp, là tâm của tất cả chúng sinh. Tâm này tóm thâu tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Do tâm đây mà hiển thị nghĩa của Đại thừa. Bởi vì tướng chân như của tâm này là chỉ cho cái thể của Đại thừa. Cho nên tướng nhân duyên sinh diệt của tâm này có thể hiển thị thể tướng dụng của Đại thừa.

Nói pháp thì sơ lược có 3 thứ:

1. Thể đại, nghĩa là chân như của tất cả pháp dù ở trong nhiễm hay ở trong tịnh, tính vẫn thường bình đẳng, không thêm bớt sai khác.

2. Tướng đại, nghĩa là Như Lai tạng vốn đầy đủ vô lượng vô biên tính công đức.

3. Dụng đại, nghĩa là có thể sinh tất cả nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian. Cho nên tất cả chư Phật vốn vận dụng pháp này, tất cả Bồ-tát đều do pháp này mà vào địa vị Phật.

Thế nào là phân giải thích?

Đây có 3 thứ: hiển thị thật nghĩa, đối trị tà chấp, và phân biệt tướng tu hành chính đạo.

Trong đây, hiển thị thật nghĩa, tức là do nơi một tâm mà có 2 môn. Đó là tâm chân như môn và tâm sinh diệt môn.

Hai môn này mỗi môn đều bao gồm tất cả pháp, vì 2 môn này không tách rời nhau.

Tâm chân như, tức là thể của pháp môn đại tổng tướng của tất cả pháp giới. Vì bản tính của tâm không sinh không diệt. Tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai khác. Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng cảnh giới sai khác. Cho nên các pháp xưa nay tính lìa ngôn ngữ, vẫn tự không thể nói rõ, lìa tâm phan duyên không có các tướng, rốt ráo bình đẳng hằng không biến đổi không thể phá hoại, chỉ là một tâm gọi là chân như.

Bởi chân như nên từ bản lai không thể nói, không thể phân biệt. Tất cả lời nói chỉ là giả chẳng phải thật, chỉ theo vọng niệm mà không thực có.

Nói chân như cũng không có tướng. Chỉ là trong cùng cực của tất cả ngôn thuyết là dùng lời nói bác bỏ lời nói, chẳng phải thể tính chân như có chút gì có thể bác bỏ hay có chút gì để thành lập.

Hỏi: Nếu vậy chúng sinh làm sao tùy thuận ngộ nhập?

Đáp: Nếu biết tuy nói tất cả pháp mà không có người nói ra, không có pháp được nói. Tuy nghĩ tất cả pháp mà không có ai nghĩ không có pháp được nghĩ tới. Bấy giờ sự đuổi theo vọng niệm đều hết gọi là ngộ nhập.

Lại nữa, chân như là dựa vào ngôn thuyết thiết lập thì có 2 nghĩa:

1. Chân thật không, là rốt ráo xa lìa tướng không thật, làm rõ thật thể.
2. Chân thật bất không, là có tự thể, bản tính đầy đủ vô biên công đức.

Lại nữa, chân thật không là từ bản lai không tương ưng với tất cả nhiễm pháp, lìa tướng sai biệt của tất cả pháp cho nên không có tâm hư vọng phân biệt. Phải biết chân như chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng phải tướng có không, chẳng phải tướng chẳng có không, chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải tướng một khác, chẳng phải tướng chẳng phải một khác.

Nói tóm lược là vì cái vọng tâm phân biệt của tất cả chúng sinh, không thể chạm xúc được nên lập ra là không. Căn cứ theo thật đạo lý thì vọng niệm chẳng phải có, không tính cũng không bởi cái bị ngăn chận là không mà cái khả năng ngăn chận cũng không.

Nói chân thật bất không, là do không có vọng niệm tức hiển thị cái chân tâm thường hằng không biến đổi, viên mãn pháp thanh tịnh nên gọi bất không. Cái bất không cũng không có tướng bất không bởi không phải do tâm vọng niệm tạo ra mà chỉ trí lìa niệm chứng được mà thôi.

Tâm sinh diệt môn, nghĩa là dựa vào Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt chuyển. Cái không sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, 2 cái đó chẳng phải một chẳng phải khác, gọi đó là thức A-lại-da. Thức này có 2 nghĩa là khả năng giữ tất cả pháp và khả năng phát sinh tất cả pháp.

Lại có 2 nghĩa, là nghĩa của giác và nghĩa của bất giác.

Nói nghĩa của giác là Đệ nhất nghĩa của tâm. Tính của nó lìa tất cả tướng vọng niệm. Vì lìa tất cả tướng vọng niệm nên sánh bằng cõi hư không, không đâu không cùng khắp.

Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai. Căn cứ pháp thân này mà nói tất cả Như Lai là bản giác.

Bởi đối đãi với thủy giác mà lập ra bản giác. Nhưng thủy giác tức là bản giác chứ không phải lập lên bởi một giác nào khác.

Thủy giác là do bản giác mà có bất giác. Do bất giác nên nói có thủy giác.

Lại nữa giác ngộ nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác. Không giác ngộ nguồn tâm nên gọi là phi cứu cánh giác. Như người phạm phu, niệm trước bất giác khởi phiền não, niệm sau chế ngự không cho sinh. Đây tuy gọi là giác mà tức là bất giác.

Như người phạm phu và Bồ-tát sơ nghiệp biết cái thể của hữu niệm vô niệm có khác nhau để xả bỏ thô phân biệt cho nên gọi là tương tự giác.

Như pháp thân Bồ-tát biết niệm hay vô niệm đều không có tướng, xả bỏ trung phẩm phân biệt nên gọi là tùy phần giác.

Nếu vượt quá Bồ-tát địa, đầy đủ cứu cánh đạo, nhất niệm tương ưng giác tâm sơ khởi mới gọi là giác, xa lìa tướng giác vĩnh viễn hết rốt ráo các vi tế phân biệt, tâm căn bản tính thường trụ hiện tiền, đó là Như Lai, gọi là cứu cánh giác.

Cho nên kinh nói: Nếu có chúng sinh quán được tất cả vọng niệm là vô tướng, tức chứng được trí tuệ của Như Lai.

Lại nữa, nói tâm sơ khởi là chỉ tùy theo thể tục mà nói, chứ cầu cái sơ tướng là hoàn toàn không thể được. Tâm còn không có làm gì có sơ.

Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là giác, bởi lẽ từ vô thủy đến nay hằng có vô minh vọng niệm liên tục chưa từng rời bỏ. Nếu dứt vọng niệm tức biết tâm tướng sinh trụ dị diệt đều không có tướng. Bởi trong một tâm, trước, sau, đồng thời, đều không tương ưng vì

không tự tính. Biết như vậy rồi thì biết thủy giác là không thể có được vì nó không khác bản giác.

Lại nữa bản giác theo nhiệm sinh ra 2 tướng khác nhau: tướng trí thanh tịnh và tướng dụng không thể nghĩ bàn.

Tướng trí thanh tịnh, nghĩa là theo sự huân tập của chính pháp, như thật tu hành công hạnh viên mãn, phá vỡ sự hòa hợp của thức, diệt tướng chuyển thức, hiển hiện trí thanh tịnh của pháp thân.

Tất cả tướng của tâm thức là tướng vô minh. Tướng vô minh đó với bản giác chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có thể hoại, cũng chẳng phải không thể hoại.

Như nước biển và sóng chẳng phải một chẳng phải khác. Sóng là do gió động, chẳng phải tính nước động. Nếu gió ngừng thì sóng hết động chứ chẳng phải tính nước diệt mất.

Chúng sinh cũng vậy. Tự tính thanh tịnh tâm do gió vô minh động làm nổi lên sóng thức. Như vậy 3 thứ đều không hình tướng, chẳng phải một chẳng phải khác.

Nhưng tính tịnh tâm là căn bản của thức động. Khi vô minh diệt động thức cũng diệt theo nhưng trí tính không hoại.

Tướng dụng không thể nghĩ bàn, nghĩa là do trí thanh tịnh có thể sinh khởi tất cả cảnh giới thắng diệu thường không tuyệt dứt.

Nghĩa là thân Như Lai đầy đủ công đức vô lượng thắng thượng, tùy theo căn cơ chúng sinh mà thị hiện thành tựu vô lượng lợi ích.

Lại nữa tướng của bản giác có 4 nghĩa lớn như hư không, giống như một gương sáng:

1. Nghĩa lớn của chân thật không, như gương sáng hư không. Nghĩa là tất cả tướng cảnh giới của tâm và tướng giác đều không thể có được.

2. Nghĩa lớn của chân thật bất không, như gương sáng hư không. Nghĩa là tính của tất cả pháp viên mãn thành tựu, không thể hoại. Tướng cảnh giới của tất cả thế gian đều hiện trong đó, thường trụ một tâm không ra không vào không mất không hoại, tất cả pháp nhiệm không thể nhiệm, thể của trí đầy đủ, vô biên vô lậu công đức làm nhân huân tập tất cả tâm chúng sinh.

3. Nghĩa lớn của chân thật bất không lia tướng, như gương sáng hư không. Nghĩa là 2 chướng phiền não và sở tri vĩnh viễn dứt, hòa hợp thức diệt, bản tính thanh tịnh thường an trụ.

4. Nghĩa lớn của chân thật bất không thị hiện như gương sáng hư không. Nghĩa là dựa vào pháp lia chướng mà theo đó ứng hóa, hiện các thứ sắc thanh của Như Lai khiến chúng sinh tu hành các thiện căn.

Nghĩa của bất giác, nghĩa là từ vô thủy đến nay không biết như thật rằng pháp chân thật là một, nên tâm bất giác khởi thành ra có vọng niệm. Nhưng vọng niệm đó tự nó không có thật tướng và không rời bản giác.

Giống như người theo phương hướng mà mê lầm. Mê cái không có tự tướng mà không rời phương hướng. Chúng sinh cũng vậy, do nơi giác mà có bất giác vọng niệm mê sinh. Nhưng cái bất giác kia tự không có thật tướng, không tách rời bản giác, lại do đối đãi với bất giác mà nói chân giác. Bất giác đã không có thì chân giác cũng loại trừ.

Lại nữa, do nơi giác mà có bất giác sinh ra 3 tướng không tách rời nhau:

1. Tướng của nghiệp vô minh. Bởi do bất giác tâm động thành nghiệp. Giác thì không động, động tức có khổ vì quả không tách rời nhân.

2. Tướng năng kiến. Nghĩa là do tâm động nên thấy có cảnh giới, không động thì không thấy.

3. Tướng của cảnh giới. Nghĩa là do năng kiến mà tướng vọng kiến hiện ra, lia năng kiến thì không có cảnh.

Do duyên cảnh giới hư vọng nên lại sinh ra 6 tướng:

1. Tướng trí. Nghĩa là duyên cảnh giới sinh tâm yêu thích không yêu thích.

2. Tướng liên tục. Nghĩa là do tướng trí mà có cảm giác khổ vui, ý niệm về tướng khổ vui tương ưng không dứt.

3. Tướng chấp trước. Nghĩa là do ý niệm về cảm giác khổ vui liên tục mà sinh chấp trước.

4. Tướng chấp các tên gọi. Nghĩa là do chấp trước phân biệt tên gọi v.v... mà lập nên các tướng.

5. Tướng khởi nghiệp. Nghĩa là do chấp tên gọi v.v... mà khởi các nghiệp khác nhau.

6. Tướng nghiệp buộc khổ. Nghĩa là do nghiệp chịu khổ không được tự tại.

Cho nên phải biết tất cả pháp nhiễm đều không có tướng, đều do vô minh sinh khởi.

Lại nữa giác với bất giác có 2 tướng là đồng nhau và khác nhau.

Tướng đồng nhau là như các loại đồ gốm đều đồng tướng đất. Cũng vậy các huyễn dụng của vô lậu vô minh đều đồng là tướng của chân như. Cho nên Phật nói tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay thường nhập Niết-bàn Bồ-đề, không phải là tướng tu được, không phải tướng có thể sinh ra, hoàn toàn không có gì được cả.

Không có sắc tướng có thể thấy. Phải biết thấy sắc tướng đều là theo huyễn dụng của nhiễm mà ra, không phải tướng bất không của trí sắc, bởi trí tướng là không thể có được.

Nói tướng khác nhau là như nhiều thứ đồ gồm khác nhau. Đây cũng vậy tướng huyền dụng của vô lậu và vô minh đều khác nhau.

Lại nữa, nhân duyên của sinh diệt nghĩa là chúng sinh do tâm, ý thức chuyển.

Nghĩa này là thế nào?

Nghĩa là do thức A-lại-da mà nói vô minh bất giác khởi lên có thể thấy, có thể hiện, có thể thủ lấy cảnh giới phân biệt liên tục nên gọi là ý.

Ý đó lại có 5 tên khác nhau:

1. Nghiệp thức. Nghĩa là sức của vô minh làm cho bất giác tâm động.

2. Chuyển thức. Nghĩa là do động tâm mà thấy có cảnh tướng.

3. Hiện thức. Nghĩa là hiện tướng tất cả các cảnh giới. Giống như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng vậy. Như 5 đối cảnh đến thì liền hiện, không có trước sau, không do công sức.

4. Trí thức. Nghĩa là phân biệt các pháp nhiệm tịnh sai biệt.

5. Tương tục thức. Nghĩa là thường xuyên tác ý tương ưng không dứt, duy trì một cách tự nhiên không làm hỏng mất các nghiệp thiện ác quá khứ, làm chín muồi quả báo khổ vui trong hiện tại vị lai không cho sai sót, làm bỗng nhiên nhớ lại những gì đã qua hoặc vọng sinh phân biệt những gì chưa xảy đến. Cho nên trong 3 cõi tất cả đều lấy tâm làm tự tính, lìa tâm không có cảnh giới 6 trần.

Bởi vì sao?

Vì tất cả các pháp do tâm làm chủ từ vọng niệm khởi. Tất cả mọi phân biệt đều phân biệt nơi tự tâm. Nhưng tâm không thấy tâm, không có tướng để thấy. Cho nên phải biết tất cả tướng của cảnh giới thế gian đều do vô minh vọng niệm của chúng sinh mà được thành

lập. Như hình ảnh trong gương không có tự thể, chỉ do tâm phân biệt hư vọng chuyển. Vì tâm sinh thì các thứ pháp sinh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt.

Nói ý thức, nghĩa là tất cả phạm phu do tương tục thức chấp ngã ngã sở mà vọng thủ 6 thứ cảnh giới. Cũng gọi là phân ly thức, cũng gọi là phân biệt sự thức, vì do kiến ái v.v... huân tập mà tăng trưởng.

Vô thủy vô minh huân tập mà sinh khởi thức, điều đó không phải trí tuệ phạm phu hay Nhị thừa có thể biết được. Giải hành địa Bồ-tát mới học quan sát, pháp thân Bồ-tát thì có thể biết được một phần ít, cho đến cứu cánh địa còn chưa biết hết được, chỉ có Như Lai mới có thể rõ thấu.

Nghĩa này là thế nào?

Vì tâm tính bản lai thanh tịnh, vì sức của vô minh nên tướng của nhiễm tâm hiện ra. Tuy có nhiễm tâm mà thường sáng sạch không biến đổi.

Lại nữa, vì bản tính là vô phân biệt cho nên tuy sinh khởi khắp tất cả cảnh giới mà không biến đổi. Do không biết lý một pháp giới nên không tương ưng, vô minh phân biệt khởi nên sinh các nhiễm tâm. Nghĩa đó rất sâu khó lường chỉ có Phật, ngoài ra không ai biết được.

Nhiễm tâm này có 6 thứ:

1. Chấp tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này Thanh Văn, Duyên Giác và các Bồ-tát bậc tín tương ưng có thể xa lìa.

2. Bất đoạn tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này sức tu tập siêng năng của tín địa Bồ-tát có thể lìa bỏ một phần ít, đến tịnh tâm địa mới hết vĩnh viễn và không sót.

3. Phân biệt trí tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này từ cụ giới địa cho đến cụ tuệ địa có thể lìa bỏ một phần ít, đến vô tướng hành địa mới hết vĩnh viễn.

4. Hiện sắc bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này thì sắc tự tại địa lìa bỏ được.

5. Kiến tâm bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này thì tự tại địa trừ diệt được.

6. Căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm. Nhiễm tâm này từ Bồ-tát cứu cánh địa nhập vào Như Lai địa trừ diệt được.

Về nghĩa không rõ lý một pháp giới thì bắt đầu từ tín địa quán sát khởi hành, đến tịnh tâm địa có thể lìa bỏ một phần ít, nhập Như Lai địa mới hết vĩnh viễn.

Nghĩa của tương ưng, nghĩa là tâm phân biệt khác nhau, nhiễm tịnh phân biệt khác nhau, nhưng tướng biết và tướng duyên như nhau.

Nghĩa của bất tương ưng, nghĩa là tức tâm bất giác thường không riêng khác, mà tướng biết tướng duyên không giống nhau.

Nhiễm tâm, là phiền não chướng có thể chướng ngại chân như căn bản trí.

Vô minh, là sở tri chướng, có thể chướng ngại thế gian nghiệp tự tại trí.

Nghĩa này là thế nào?

Là vì nhiễm tâm chấp trước vô lượng cảnh giới hư vọng của năng thủ sở thủ trái với tính bình đẳng của tất cả pháp. Tính của tất cả pháp là bình đẳng, tịch diệt không có tướng sinh, do vô minh bất giác mà có vọng trái với giác. Cho nên đối với nghiệp dụng sai biệt các thứ cảnh giới của tất cả thế gian đều không biết được như thật.

Lại nữa tướng sinh diệt của tâm phân biệt có 2 thứ:

1. Thô, tức tâm tương ưng.
2. Tế, tức tâm bất tương ưng.

Thô trong thô là cảnh trí của phàm phu.

Tế trong thô và thô trong tế là cảnh trí của Bồ-tát.

Hai tướng này đều do sức huân tập của vô minh dựa vào nhân và dựa vào duyên khởi lên. Nhân là bất giác, duyên là vọng cảnh. Nhân diệt thì duyên diệt. Duyên diệt nên tâm tương ưng diệt. Nhân diệt nên tâm bất tương ưng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì làm sao tiếp tục? Còn nếu tiếp tục thì làm sao nói diệt?

Đáp: Đúng vậy. Nay nói diệt là chỉ tướng của tâm diệt không phải thể của tâm diệt. Như nước do gió có tướng động, vì gió diệt nên tướng động liền diệt chứ không phải thể của nước diệt. Nếu nước diệt thì tướng động phải mất, vì không còn nương tựa và không có chỗ dựa. Bởi thể của nước không diệt nên tướng động tiếp tục. Chúng sinh cũng vậy, do sức của vô minh làm cho tâm động. Vô minh diệt thì tướng động liền diệt, chẳng phải thể của tâm diệt. Nếu tâm diệt thì chúng sinh dứt mất vì không nương tựa cũng không có chỗ nương tựa. Bởi thể của tâm không diệt nên tâm động tiếp tục.

Lại nữa, do nghĩa của 4 pháp huân tập nên pháp nhiễm tịnh khởi không dứt.

1. Pháp tịnh, tức chân như.
2. Nhân của nhiễm, tức vô minh.
3. Vọng tâm, tức nghiệp thức.
4. Vọng cảnh, tức 6 trần.

Nghĩa của huân tập, là như áo mặc của thế gian vốn không có mùi, tùy theo xông ướp mà có mùi. Tính của pháp tịnh chân như vốn không có nhiễm, do vô minh huân tập nên có nhiễm. Pháp nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp tịnh, do chân như huân tập nên nói có cái dụng thanh tịnh.

Vì sao pháp nhiễm huân tập không dứt?

Là vì do chân như nên khởi vô minh làm nhân các nhiễm, rồi cái vô minh này liền huân tập lại chân như. Đã huân tập rồi thì sinh tâm vọng niệm. Tâm vọng niệm này trở lại huân tập vô minh. Do huân tập nên không rõ pháp chân như, do bất giác nên hiện cảnh giới vọng. Do sức huân tập của tâm vọng niệm nên sinh các thứ chấp trước khác nhau tạo các nghiệp khác nhau thân tâm thụ các khổ báo.

Vọng cảnh huân tập có 2 nghĩa:

1. Huân tập tăng trưởng phân biệt.
2. Huân tập tăng trưởng chấp thủ.

Vọng tâm huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập làm tăng trưởng nghiệp thức căn bản khiến A-la-hán, Bích-chi-phật và tất cả Bồ-tát chịu khổ sinh diệt.
2. Huân tập làm tăng trưởng sự thức phân biệt khiến các phàm phu thụ nghiệp buộc khổ.

Vô minh huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập căn bản làm thành tựu nghĩa của nghiệp thức.
2. Huân tập kiến ái làm thành tựu nghĩa của sự thức phân biệt.

Thế nào là không ngót huân tập pháp tịnh?

Nghĩa là do chân như huân tập nơi vô minh, do sức nhân duyên huân tập nên khiến tâm vọng niệm chán khổ cầu vui Niết-bàn. Do nhân duyên cái vọng tâm chán khổ cầu vui này trở lại huân tập chân như, do huân tập nên tự tin thân mình có pháp chân như bản tính thanh tịnh, biết tất cả cảnh giới là duy tâm thì rất ráo không còn vọng động. Bởi biết như thật như vậy nên tu pháp xa lìa, khởi nhiều thứ hạnh tùy thuận, không phân biệt không chấp thủ, trái vô lượng kiếp A-tăng-ki do sức tập quen mà vô minh diệt. Vô minh diệt nên tâm không khởi tướng. Tâm không khởi nên tướng cảnh giới diệt. Như vậy tất cả nhân nhiễm, duyên nhiễm cho đến quả nhiễm, tướng

của tâm đều diệt gọi là được Niết-bàn thành tựu các thứ nghiệp dụng tự tại.

Vọng tâm huân tập có 2 nghĩa:

1. Huân tập của phân biệt sự thức.khiến tất cả phàm phu Nhị thừa chán khổ sinh tử, tùy năng lực tiến tu đạo vô thượng.

2. Huân tập của ý khiến các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh mau chóng ngộ nhập vô trụ Niết-bàn.

Chân như huân tập cũng có 2 nghĩa:

1. Huân tập của thể.

2. Huân tập của dụng.

Huân tập của thể, nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng vô lậu. Huân tập của dụng, nghĩa là đầy đủ cái cảnh giới thù thắng khó nghĩ bàn. Hai tính chất này thường xuyên huân tập tâm chúng sinh khiến các chúng sinh chán khổ sinh tử cầu vui Niết-bàn, tự tin bản thân mình có pháp chân thật mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu tất cả chúng sinh đồng có chân như và đều được huân tập thì sao có kẻ tin người không tin? Từ mới phát tâm cho đến Niết-bàn có vô lượng sai biệt trước sau không đồng nhau, lẽ ra tất cả đều phải đồng thời bình đẳng nhập Niết-bàn chứ?

Đáp: Tuy tất cả chúng sinh đều bình đẳng có chân như, nhưng từ vô thủy đến nay có vô lượng vô biên vô minh dày mỏng khác nhau còn nhiều hơn số cát sông Hằng. Các phiền não ngã kiến ngã ái trói buộc cũng như vậy, chỉ có trí của Như Lai mới biết được, cho nên khiến tin có sai khác trước sau là như vậy.

Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân có duyên. Đủ nhân duyên mới thành sự. Như tính lửa trong cây. Cái nhân chính là lửa đó nếu không ai biết, hoặc biết mà không thi công mà muốn cho có lửa ra thiêu đốt cây cối là không có chuyện đó. Chúng sinh cũng vậy, tuy có

cái thể chân như là sức chính nhân huân tập, nhưng không có duyên gặp Phật, Bồ-tát, thiện tri thức, hoặc không tu thắng hạnh, không sinh trí tuệ không đoạn phiền não mà được Niết-bàn là không có chuyện đó.

Lại nữa, tuy có duyên thiện tri thức nhưng giả như bên trong không có sức huân tập của chân như thì cũng không thể chán khổ sinh tử cầu vui Niết-bàn. Phải đủ nhân duyên mới được như vậy.

Sao gọi là đầy đủ?

Nghĩa là tự trong sự liên tục có sức huân tập như được chư Phật Bồ-tát từ bi hộ trì mới có thể chán khổ sinh tử tin có Niết-bàn, trồng các căn lành tu tập thành thực, lại được gặp chư Phật Bồ-tát chỉ dạy đường tu lợi lạc, khiến tu thắng hạnh cho đến thành Phật nhập Niết-bàn.

Huân tập của dụng, tức là cái sức ngoại duyên của chúng sinh có vô lượng nghĩa. Nói sơ lược có 2 thứ:

1. Duyên sai biệt.
2. Duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, nghĩa là các chúng sinh từ mới phát tâm cho đến thành Phật nhờ Phật Bồ-tát thiện tri thức tùy chỗ thích hợp hóa độ mà hiện thân, hoặc làm cha mẹ hoặc làm vợ con, hoặc làm quyến thuộc, hoặc làm người giúp việc, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm oan gia, hoặc lại thị hiện hình tượng Thiên vương, hoặc dùng Tứ nhiếp, hoặc dùng Lục độ cho đến tất cả Bồ-đề hành duyên, dùng tâm Đại bi nhu nhuyễn, phúc trí tạng rộng lớn huân tập làm cho tất cả chúng sinh được hóa độ khiến chúng thấy nghe nghĩ nhớ hình tượng Như Lai v.v... mà thêm lớn căn lành.

Duyên này có 2:

1. Duyên gần thì mau chứng Bồ-đề.
2. Duyên xa thì lâu xa mới chứng.

Hai duyên này lại có 2 thứ khác nhau:

1. Duyên tăng trưởng các hành.
2. Duyên nhập đạo.

Duyên bình đẳng, nghĩa là tất cả chư Phật Bồ-tát đem trí tuệ bình đẳng, chí nguyện bình đẳng muốn cứu giúp tất cả chúng sinh liên tục tự nhiên không tuyệt dứt. Do trí tuệ và nguyện lực này huân tập chúng sinh khiến chúng nghĩ nhớ chư Phật Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe mà làm việc lợi ích, nhập tinh Tam-muội tùy chỗ đoạn chướng được con mắt vô ngại, trong mỗi niệm mỗi niệm bình đẳng hiện thấy vô lượng chư Phật và Bồ-tát trong tất cả thế giới.

Sự huân tập của thể và dụng này lại có 2 thứ:

1. Chưa tương ưng.
2. Đã tương ưng.

Chưa tương ưng, nghĩa là phạm phu Nhị thừa và Bồ-tát sơ phát tâm dùng ý, ý thức mà huân tập, chỉ dựa vào sức tin mà tu hành, chưa thể tu hành bằng tâm vô phân biệt, vì chưa tương ưng được với thể của chân như, chưa tu hành được tự tại nghiệp vì chưa tương ưng được với dụng của chân như.

Đã tương ưng, nghĩa là pháp thân Bồ-tát được tâm vô phân biệt, tương ưng với tự thể của tất cả Như Lai, được tự tại nghiệp vì tương ưng với trí dụng của tất cả Như Lai, chỉ theo pháp lực tu hành tự nhiên vì huân tập chân như diệt vô minh.

Lại nữa, huân tập nhiễm thì từ vô thủy đến nay không đoạn, thành Phật mới đoạn. huân tập tịnh thì cho đến tội vị lai hoàn toàn không đoạn vì pháp chân như huân tập cho nên vọng tâm thì diệt pháp thân thì hiển hiện, dụng huân tập khởi nên không có đoạn.

Lại nữa tướng của tự thể chân như thì ở nơi tất cả phạm phu Thanh Văn Duyên Giác Bồ-tát chư Phật không có thêm bớt, rất

ráo thường còn chẳng phải thời trước sinh thời sau diệt, từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả công đức. Có nghĩa trí tuệ lớn sáng suốt, có nghĩa soi khắp pháp giới, có nghĩa hiểu biết như thật, có nghĩa bản tính tâm thanh tịnh, có nghĩa thường lạc ngã tịnh, có nghĩa tự tại vắng lặng không biến đổi. Có như vậy Phật pháp không thể nghĩ bàn không tuyệt dứt còn hơn số cát sông Hằng chẳng phải đồng chẳng phải khác. Do nghĩa này gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân.

Hỏi: Trên nói chân như lia tất cả tướng, sao nay nói đầy đủ tất cả các công đức?

Đáp: Tuy thật có đủ tất cả công đức nhưng tướng không khác nhau. Tất cả các pháp ấy đều đồng một mùi vị, một chân như, không có 2 tính, lia tướng phân biệt. Do tướng sinh diệt của nghiệp thức mà lập tất cả tướng khác nhau đó.

Lập như thế nào?

Nghĩa là do tất cả pháp bản lai duy tâm, thật không có phân biệt, vì bất giác nên tâm phân biệt khởi lên thấy có cảnh giới, gọi là vô minh. Tâm tính bản tịnh, vô minh không khởi, tức nơi chân như lập nghĩa trí tuệ lớn sáng suốt.

Nếu tâm tính thấy cảnh, tức là có tướng không thấy. Tâm tính không thấy, tức không gì không thấy. Đó là nơi chân như lập nghĩa soi khắp pháp giới.

Nếu tâm có động, tức chẳng phải hiểu biết chân thật, chẳng phải bản tính thanh tịnh, chẳng phải thường lạc ngã tịnh, chẳng phải vắng lặng. Đó là biến đổi không tự tại. Từ đó khởi đủ các tạp nhiễm hư vọng còn hơn số cát sông Hằng.

Do tâm tính không động nên lập nghĩa hiểu biết chân thật. Cho đến nghĩa của tướng công đức thanh tịnh còn hơn số cát sông Hằng.

Nếu tâm có khởi động, thấy có cảnh hữu dư có thể phân biệt tìm cầu thì trong nội pháp có chỗ không đủ. Bởi vô biên công đức tức là tự tính một tâm, không thấy có pháp hữu dư đáng tìm cầu cho nên đầy đủ không tuyệt dứt pháp chư Phật không thể nghĩ bàn, còn hơn cát sông Hằng chẳng khác cũng chẳng phải một. Cho nên nói chân như là Như Lai tạng, cũng gọi là pháp thân Như Lai.

Lại nữa, cái dụng của chân như, nghĩa là tất cả chư Phật trong thời kỳ tu nhân, phát Đại từ bi tu hành các hạnh Lục độ, Tứ nhiếp, quán vật đồng với mình đều khắp cứu thoát, cho đến tận cùng đời vị lai không kể số kiếp, hiểu rõ như thật, tự tha bình đẳng, mà cũng không chấp thủ tướng chúng sinh, dùng trí phương tiện lớn như vậy diệt vô thủy vô minh, chứng bản pháp thân, tự do khởi nghiệp không thể nghĩ bàn, khởi các tác dụng tự tại cùng với chân như khắp pháp giới mà không có thấy có tướng dụng.

Bởi vì sao? Vì tất cả Như Lai chỉ là pháp thân Đệ nhất nghĩa đế không có tác dụng của cảnh giới thế đế, chỉ tùy theo sự thấy nghe của chúng sinh mà có các tác dụng bất đồng.

Dụng này có 2:

1. Dựa vào phân biệt sự thức. Nghĩa là cái mà tâm phàm phu Nhị thừa thấy, đó là hóa thân. Họ không biết là do hình ảnh của chuyển thức hiện, thấy cái sắc tướng có giới hạn chấp lấy từ bên ngoài, nhưng hóa thân Phật thì không có hạn lượng.

2. Dựa vào nghiệp thức. Nghĩa là các Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến bậc cứu cánh, cái mà tâm thấy được đó là thụ dụng thân. Thân có vô lượng sắc. Sắc có vô lượng tướng. Tướng có vô lượng hình hảo. Chỗ trụ xứ là dựa nơi quả báo đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Tùy chỗ ứng hiện có vô lượng vô biên không giới hạn không dứt, chẳng phải những gì thấy ở ngoài tâm. Các công đức này đều do các hạn vô lậu Ba-la-mật huân tập và sự huân tập không thể nghĩ bàn

mà được thành tựu đầy đủ tướng công đức vô biên hỷ lạc, nên cũng gọi là báo thân.

Lại nữa, cái mà phàm phu thấy đó là thô dụng, tùy theo 6 nẻo chúng sinh thấy có khác nhau, không có tướng vui công đức vô biên, nên gọi là hóa thân.

Cái mà Bồ-tát sơ phát tâm thấy, đó là cái dụng trung phẩm do thâm tín chân như nên thấy được một phần ít, biết thân Như Lai là không đi không đến không tuyệt mất, chỉ là bóng dáng của tâm hiện ra không tách rời chân như. Nhưng bậc Bồ-tát này còn chưa lìa bỏ được vi tế phân biệt vì chưa nhập vào địa vị pháp thân.

Bồ-tát tịnh tâm thì thấy cái dụng vi tế. Như vậy chuyển thắng cho đến Bồ-tát bậc cứu cánh mới thấy trọn vẹn.

Cái dụng vi tế này là thụ dụng thân. Do có nghiệp thức mới thấy thụ dụng thân. Nếu lìa nghiệp thức thì không thấy. Tất cả Như Lai đều là pháp thân, không có sắc tướng sai biệt đây kia thấy nhau.

Hỏi: Nếu pháp thân Phật không có các sắc tướng sai biệt thì sao có thể hiện ra các sắc?

Đáp: Vì pháp thân là thật thể của sắc nên có thể hiện các sắc. Nghĩa là từ bản lai sắc và tâm là không hai. Bởi bản tính của sắc tức tự tính của tâm, gọi là trí thân. Bởi bản tính của tâm tức tự tính của sắc, gọi là pháp thân. Dựa nơi pháp thân này, tất cả Như Lai hiện các sắc thân, biến mãn khắp mọi nơi không gián đoạn. Mười phương Bồ-tát tùy năng lực mình, tùy nguyện lạc của mình thấy vô lượng thụ dụng thân, vô lượng cõi nước trang nghiêm khác nhau, không chướng ngại nhau cũng không tuyệt dứt. Sắc thân hiện ra đó, tâm, ý, thức của tất cả chúng sinh không thể suy lường, vì đó là cái dụng rất sâu tự tại của chân như.

Lại nữa, để làm cho chúng sinh từ tâm sinh diệt môn hội nhập chân như môn nên khiến quán tướng của sắc v.v... không thành tựu.

Thế nào là không thành tựu?

Nghĩa là phân tích sắc thô dần dần cho đến thành bụi nhỏ. Lại dùng phương phân tích vi trần này. Cho nên dù thô dù tế, tất cả các sắc chỉ là ảnh tượng phân biệt của vọng tâm thật sự là không có.

Suy tìm các uẩn cho đến sát-na, tìm tướng của sát-na này, chẳng phải riêng có một pháp vô vi cũng như vậy. Là nơi pháp giới là hoàn toàn không thể được. Cũng vậy, tất cả các pháp trong 10 phương, phải biết đều như vậy. Giống như người mê gọi phương Đông là phương Tây nhưng thật sự phương hướng không chuyển đổi. Chúng sinh cũng vậy, vì mê vô minh nên gọi tâm là động mà kỳ thật không động. Nếu biết cái động tâm tức không còn sinh diệt, liền được nhập vào chân như môn.

(QUYỀN THƯỢNG HẾT)

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

QUYÊN HẠ

Đối trị tà chấp, nghĩa là tất cả tà chấp không thứ nào không do ngã kiến khởi. Nếu lìa ngã kiến thì không có tà chấp.

Ngã kiến có 2 thứ:

1. Nhân ngã kiến.
2. Pháp ngã kiến.

Nhân ngã kiến, theo phàm phu có 5 thứ:

1. Như kinh nói: Pháp thân Như Lai rốt ráo vắng lặng giống như hư không. Phàm phu nghe vậy không rõ nghĩa lý liền chấp tính của Như Lai giống như hư không thường hằng có khắp nơi. Để trừ chấp đó, phải hiểu rõ tướng hư không chỉ là phân biệt, thật không thể có, do hữu kiến hữu đối, đối đãi với sắc rồi đem tâm phân biệt mà gọi là hư không. Sắc đã chỉ là vọng tâm phân biệt nên phải biết hư không cũng không có tự thể. Tất cả tướng của cảnh chỉ là vọng tâm phân biệt. Nếu lìa vọng tâm tức tướng cảnh giới diệt. Chỉ có tâm chân như không đâu không cùng khắp. Đó là nghĩa của tính Như Lai như hư không, chẳng phải cái rỗng không là thường hằng là có.

2. Như kinh nói: Tất cả pháp thế gian rốt ráo là rỗng không, cho đến các pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo là rỗng không, bản tính như vậy lìa tất cả tướng. Phàm ngu nghe vậy không rõ nghĩa lý, liền

chấp cho rằng pháp chân như Niết-bàn chỉ là rỗng không chẳng có gì cả. Để trừ chấp đó phải hiểu rõ pháp thân chân như tự thể chẳng phải rỗng không, mà đầy đủ vô lượng tính công đức.

3. Như kinh nói: Như Lai tạng không có thêm bớt, tự thể đầy đủ tất cả các tính công đức. Phàm ngu nghe rồi không hiểu nghĩa lý đó, liền cho rằng Như Lai tạng có các sắc pháp và tâm pháp có tự tướng khác nhau. Để trừ chấp này phải hiểu rõ chân như vốn không có pháp nhiệm sai biệt, mà có vô biên tướng công đức, chứ không phải tướng nhiệm.

4. Như kinh nói: Tất cả các pháp tạp nhiễm thế gian đều do Như Lai tạng khởi lên, tất cả các pháp không khác chân như. Phàm ngu nghe vậy không hiểu nghĩa lý cho rằng tự thể Như Lai tạng có đủ tất cả các pháp nhiễm của thế gian. Để trừ chấp này phải hiểu rõ nghĩa Như Lai tạng bản lai có đủ công đức thanh tịnh, còn hơn cả số cát sông Hằng, không khác chân như. Bởi các pháp nhiễm phiền não hơn cả số cát sông Hằng chỉ là giả có, không có tự tính, bản lai chưa hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu Như Lai tạng tương ưng với pháp nhiễm mà khi chứng ngộ dứt được vọng nhiễm là không có chuyện đó.

5. Như kinh nói: Do Như Lai tạng mà có sinh tử và được Niết-bàn. Phàm ngu nghe vậy không hiểu nghĩa lý, lại cho rằng do Như Lai tạng mà sinh tử có bắt đầu. Do chấp có cái bắt đầu nên lại cho rằng Niết-bàn cuối cùng phải hết. Để trừ chấp này phải hiểu rõ là Như Lai tạng không có cái thời trước để vô minh dựa vào đó mà có sinh tử bắt đầu. Nếu nói ngoài 3 cõi, còn có chúng sinh bắt đầu phát khởi, tức là nói theo ngoại đạo, không phải Phật giáo.

Vì Như Lai tạng cũng không có cái thời sau, để dựa vào đó 4 thứ kiến chấp nhân ngã sinh. Cho nên nơi đây an lập 4 thứ đó.

Kiến chấp về pháp ngã, là do Nhị thừa độn căn. Thế Tôn chỉ họ nói nhân vô ngã. Họ liền đối với 5 uẩn sinh diệt mà hoàn toàn chấp

trước rồi sợ hãi sinh tử, vọng thủ Niết-bàn. Để trừ chấp này phải hiểu rõ bản tính pháp 5 âm không sinh, không sinh nên cũng không có diệt, không diệt nên bản lai là Niết-bàn.

Nếu hoàn toàn lìa bỏ chấp trước phân biệt là thì biết tất cả pháp nhiệm pháp tịnh đều đối đãi nhau mà thành lập. Cho nên phải biết tất cả pháp xưa nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, hoàn toàn không thể nói cái tướng của các pháp được. Vậy mà có nói ra để chỉ bày dạy dỗ thì phải biết đó là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn lời nói để dắt dẫn chúng sinh khiến lìa bỏ ngôn ngữ văn tự mà ngộ nhập chân thật. Nếu theo lời nói mà chấp nghĩa thì thêm vọng tưởng phân biệt, không sinh thật trí không được Niết-bàn.

Phân biệt tướng tu hành chính đạo, nghĩa là chính nhân tất cả Như Lai đặc đạo, tất cả Bồ-tát phát tâm tu tập đều khiến hiện tiền.

Nói sơ lược, phát tâm có 3 tướng:

1. Tín thành tựu phát tâm.
2. Giải hành phát tâm.
3. Chứng phát tâm.

Tín thành tựu phát tâm, là theo địa vị nào, tu hạnh gì thì thành tựu được chính tín và có thể phát tâm. Phải biết hạng người này dựa vào bất định tụ, pháp huân tập sức thiện căn, nên tin nghiệp quả, tu hành con đường thập thiện, chán khổ sinh tử, cầu vô thượng giác, được gặp chư Phật và chư Bồ-tát, đích thân phụng sự cúng dường, tu hành các hạnh, trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu. Từ đó về sau hoặc được sức giáo hóa của chư Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc do Đại bi mà tự phát tâm, hoặc nhân chính pháp sắp diệt, vì hộ pháp mà tự phát tâm.

Những người đã phát tâm như vậy sẽ nhập chính định tụ, quyết không thoái lui, trụ trong chủng tính Phật, tương ưng thẳng nhân.

Hoặc có chúng sinh từ lâu xa đến nay thiện căn ít ỏi, phiền não sâu dày che lấp tâm tính, tuy gặp chư Phật và chư Bồ-tát phụng sự cúng dường, nhưng chỉ gieo trồng hạt giống nhân thiên, hoặc hạt giống Nhị thừa, và dẫu có cầu đạo Đại Bồ-đề nhưng căn bất định, khi tiến khi thoái.

Hoặc có người gặp Phật và chư Bồ-tát, cúng dường phụng sự, tu hành các hạnh nhưng chưa trải đủ một vạn kiếp, trong khoảng đó gặp duyên mà phát tâm.

Gặp được những duyên gì?

Là hoặc thấy hình tướng Phật mà phát tâm, hoặc nhân cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhân người Nhị thừa dạy bảo khiến phát tâm, hoặc thấy người khác mà phát tâm. Những người phát tâm như vậy đều là bất định, nếu gặp duyên xấu, có thể thoái lui rơi vào địa vị Nhị thừa.

Lại nữa, tín thành tựu phát tâm nói sơ lược có 3 thứ:

1. Phát tâm ngay thẳng, tức như lý chính niệm pháp chân như.
2. Phát tâm sâu xa, ưa gom góp tất cả các hạnh lành.
3. Phát tâm Đại bi, nguyện cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh.

Hỏi: Tất cả chúng sinh, tất cả các pháp đều đồng một pháp giới không có 2 tướng. Căn cứ theo lý thì chỉ cần chính niệm chân như cần chi tu tất cả hạnh lành cứu tất cả chúng sinh?

Đáp: Không phải vậy. Như ngọc báu Ma-ni, bản tính sáng sạch mà nằm trong quặng bần. Giả sử có người chỉ nghĩ nhớ tính quý báu mà không dùng phương tiện, không ra sức thi công, muốn có viên ngọc trong suốt là điều không thể được.

Pháp chân như cũng vậy, thể tuy sáng sạch đầy đủ công đức mà bị vô biên khách trần làm nhiễm bần. Giả sử có người chỉ nghĩ nhớ mà không dùng nhiều phương tiện tu tập các hạnh, muốn cầu sự trong

sạch là lý không thể được. Cho nên phải tập hợp tất cả thiện hạnh cứu tất cả chúng sinh lia khách trần ô nhiễm kia để hiển lộ pháp chân như.

Sơ lược có 4 thứ phương tiện thực hành:

1. Phương tiện tu hành căn bản. Nghĩa là quán tất cả pháp bản tính không sinh, lia nơi vọng kiến, không trụ sinh tử. Lại nữa, quán tất cả pháp do nhân duyên hòa hợp, nghiệp quả không mất, khởi Đại bi, tu các hiện hạnh nhiếp hóa chúng sinh, không trụ Niết-bàn. Bởi chân như lia tướng sinh tử Niết-bàn. Hạnh này lấy sự tùy thuận làm căn bản, gọi là phương tiện tu hành căn bản.

2. Phương tiện có thể ngăn chặn. Nghĩa là biết xấu hổ và hối lỗi có thể ngăn chặn tất cả pháp ác, không cho tăng trưởng. Bởi chân như lia tất cả tướng lỗi lầm. Tùy thuận chân như ngăn chặn các ác, gọi là phương tiện có thể ngăn chặn.

3. Phương tiện làm sinh trưởng căn lành. Nghĩa là đối với Tam bảo khởi tâm kính ái, tôn trọng, cúng dường lễ bái, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chính tín tăng trưởng cho đến chí cầu vô thượng Bồ-đề, được sức hộ trì của Phật Pháp Tăng nghiệp chướng thanh tịnh, căn lành không thoái lui. Bởi chân như lia tất cả chướng đũa tất cả công đức. Tùy thuận chân như tu hành thiện nghiệp, gọi là phương tiện làm sinh trưởng căn lành.

4. Phương tiện Đại nguyện bình đẳng. Nghĩa là phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh đến tột cùng đời vị lai, không bỏ sót và rút ráo khiến an trụ vô dư Niết-bàn. Bởi biết tất cả pháp bản tính không hai, đây kia bình đẳng, rút ráo vắng lặng. Tùy thuận chân như phát 3 thế nguyện lớn này, gọi là phương tiện Đại nguyện bình đẳng.

Bồ-tát khi phát tâm như vậy thì thấy được một phần ít pháp thân, có thể tùy theo nguyện lực, hiện 8 tướng. Đó là từ cung trời Đâu-suất xuống, vào thai, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành Phật, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn. Nhưng chưa được gọi là pháp

thân, bởi các nghiệp hữu lậu, từ vô lượng đời quá khứ đến nay, chưa dứt hẳn, hoặc do ác nghiệp thụ một ít khổ, hoặc do nguyện chứ không phải bị ràng buộc lâu.

Như trong kinh nói Bồ-tát tin thành tựu phát tâm có khi thoái lui sa vào nẻo ác, đó là chỉ vì các vị sơ học tâm nhiều giải đãi không nhập địa vị chính định tụ nên nói vậy để làm tăng tiến dũng mãnh chứ chẳng phải thật nói.

Lại Bồ-tát đó, một khi đã phát tâm rồi, tự lợi lợi tha tu các khổ hạnh tâm không khiếm nhược, còn không sợ sa vào Nhị thừa hưởng chi là đường ác. Dầu nghe phải tu hành khổ hạnh khó làm trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì mới thành Phật cũng không khiếm sợ, hưởng chi có khởi tâm Nhị thừa và đọa nẻo ác. Bởi đã quyết định tin tất cả pháp bản lai tự tính Niết-bàn.

Giải hành phát tâm là phải biết chuyển thắng. Bởi Bồ-tát này từ khi bắt đầu được chính tín đến nay, khi kiếp A-tăng-kì thứ nhất sắp đầy đủ, thì đối với pháp chân như hiểu được sâu sắc, tu tập tất cả hạnh đều không chấp trước.

Bồ-tát này biết pháp tính là tướng không xan tham, tức thanh tịnh thí độ, nên tùy thuận tu hành Đàn-na Ba-la-mật. Biết pháp tính là tướng lia cảnh 5 dục không phá giới, là thanh tịnh giới độ, nên tùy thuận tu hành Thi Ba-la-mật. Biết pháp tính là tướng không khổ não, lia các giận hờn, tức thanh tịnh nhẫn độ, nên tùy thuận tu hành Săng-đề Ba-la-mật. Biết pháp tính lia tướng thân tâm, không có giải đãi là thanh tịnh tiến độ, nên tùy thuận tu hành Tì-lê-da Ba-la-mật. Biết pháp tính không động, không loạn là thanh tịnh thiên độ, nên tùy thuận tu hành Thiên-na Ba-la-mật. Biết pháp tính lia các si ám là thanh tịnh tuệ độ, nên tùy thuận tu hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Chúng phát tâm là các Bồ-tát, từ tịnh tâm địa cho đến cứu kính địa, chứng cảnh giới gì?

Đó là chân như. Do dựa vào chuyên thức mà gọi là cảnh giới, chứ trong thật chứng không có tướng cảnh giới. Bồ-tát này dùng trí vô phân biệt chứng chân như pháp thân lia ngôn thuyết, nên trong khoảng một niệm, có thể đến khắp 10 phương vô lượng thế giới cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ để làm lợi ích chúng sinh, mà không cầu tiếng khen hay đẹp. Hoặc vì các chúng sinh khiếm nhược mà thị hiện Đại tinh tiến vượt vô lượng kiếp chóng thành chính giác. Hoặc vì các chúng sinh biếng nhác trễ nãi nên nói ta trải qua vô lượng kiếp A-tăng-kì tu hành khổ hạnh mới thành Phật.

Thị hiện vô số phương tiện như vậy đều vì lợi ích tất cả chúng sinh, nhưng thật sự thì các Bồ-tát, chủng tính và căn đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chỗ chứng cũng bình đẳng, không có pháp vượt bậc, bởi vì tất cả Bồ-tát đều phải trải qua 3 kiếp A-tăng-kì mới thành chính giác. Chỉ vì tùy theo chúng sinh trong thế giới không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn cơ dục vọng khác nhau nên Bồ-tát thị hiện tu hành cũng khác nhau.

Trong chứng phát tâm của các Bồ-tát này có 3 thứ tâm:

1. Chân tâm, vì không phân biệt.
2. Phương tiện tâm, vì tự nhiên làm việc lợi tha.
3. Nghiệp thức tâm, vì khởi diệt vi tế.

Lại nữa, Bồ-tát này 2 thứ phúc đức trí tuệ trang nghiêm viên mãn, ở cõi trời Sắc cứu cánh, được thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian. Do một niệm tương ưng với tuệ thì gốc vô minh liền hết, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, tự nhiên có nghiệp không thể nghĩ bàn, hóa độ khắp chúng sinh trong 10 phương vô lượng thế giới.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành sai khác cũng vô biên. Những cảnh giới như vậy thật không giới hạn, khó biết

khó hiểu, nếu đoạn vô minh, không còn tâm tưởng, thì làm sao rõ được tất cả mọi thứ mà thành Nhất thiết chủng trí ?

Đáp: Tất cả cảnh giới vọng, tính của nó bản lai là lý chỉ có một tâm. Tất cả chúng sinh chấp trước cảnh giới vọng, không thể biết được tính Đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp.

Chư Phật Như Lai không chấp trước thì có thể hiện thấy thật tính các pháp mà có Đại trí soi tỏ tất cả nhiễm tịnh sai biệt bằng vô lượng vô biên phương tiện khéo léo, tùy theo đó làm lợi lạc chúng sinh. Cho nên tâm vọng niệm mọi thứ diệt rồi, tức thành Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Nếu chư Phật có vô biên phương tiện có thể tự nhiên hiện ra được trong 10 phương làm lợi ích chúng sinh, thì tại sao chúng sinh không thường thấy Phật, hoặc thấy thần thông biến hóa của Phật, hoặc nghe Phật thuyết pháp?

Đáp: Như Lai thật có các phương tiện như vậy nhưng chúng sinh phải tâm thanh tịnh mới hiện thân. Như gương soi nếu bản thì hình sắc không hiện, trừ bản thì hiện. Tâm chúng sinh cũng vậy, chưa lìa nhiễm bản thì pháp thân không hiện, lìa nhiễm bản thì hiện.

Làm sao tu tập tín phần?

Đây là nói theo chúng sinh chưa nhập chính định tự.

Những gì là tín tâm và làm sao tu tập?

Tín tâm có 4 thứ:

1. Tín căn bản, nghĩa là thích nghi nhớ pháp chân như.
2. Tín Phật đầy đủ vô biên công đức, thường thích đánh lễ cung kính cúng dường, để nghe chính pháp, như pháp tu hành, hồi hướng Nhất thiết trí.
3. Tín Pháp có lợi ích lớn, thường thích tu hành các pháp Ba-la-mật.

4. Tin Tăng chân chính tu hành thường cúng dường các chúng Bồ-tát chính tu các hạnh tự lợi lợi tha.

Có 5 môn tu hành có thể thành tựu tín tâm này. Đó là thí môn, giới môn, nhẫn môn, tinh tiến môn, và chỉ quán môn.

Tu thí môn như thế nào?

Là nếu thấy chúng sinh đến cầu xin, thì đem tài vật của mình tùy sức bố thí bỏ tính xan tham của mình và làm cho người kia vui vẻ. Nếu thấy chúng sinh bị ách nạn bức bách thì dùng phương tiện cứu giúp khiến không còn sợ hãi. Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, thì tùy khả năng hiểu biết của mình, tùy nghi nói cho họ.

Khi tu hành 3 thứ bố thí như vậy phải không vì cầu danh lợi, cũng không tham trước quả báo thế gian, chỉ nghĩ đến mình và người được lợi ích an lạc, hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Tu giới môn như thế nào?

Là Bồ-tát tại gia phải không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói đâm thọc, không lời ác độc, không nói dối, không nói lời thù dật, xa lìa tham lam, ganh ghét, lừa dối, dua nịnh, giận dữ, tà kiến.

Nếu là người xuất gia thì còn vì để bề gãy phiền não mà phải rời xa nơi ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, tu tập các hạnh Đầu-đà, thiếu dục tri túc. Dù mắc tội nhỏ, cũng sinh tâm e sợ, xấu hổ hối cải. Giữ gìn giới cấm Như Lai đã chế, không để cho người thấy sinh cơ hiềm, làm cho chúng sinh bỏ ác tu thiện.

Tu nhẫn môn như thế nào?

Là thấy xấu không ghét, gặp khổ không động, thường ưa quán sát cú nghĩa rất sâu.

Tu môn tinh tiến như thế nào?

Là tu hành các việc thiện, tâm không lười biếng thoái lui. Phải nghĩ từ quá vô số kiếp đến nay, vì cầu cảnh giới tham dực thế gian mà luống chịu tất cả nỗi khổ lớn nơi thân tâm rốt cuộc chẳng được chút gì. Cho nên để xa lìa khổ này trong tương lai phải tinh tiến không sinh giải đãi, Đại bi lợi ích tất cả chúng sinh.

Các sơ học Bồ-tát tuy tín tâm tu hành nhưng do từ đời trước nghiệp chướng, tội ác nặng nề nên hoặc bị tà ma quấy phá, hoặc vì việc đời ràng buộc, hoặc bệnh duyên bức bách. Những hoạn nạn như vậy không phải chỉ có một, khiến người tu hành phé bỏ việc tu thiện. Cho nên phải dũng mãnh tinh tiến, ngày đêm 6 buổi lễ bái chư Phật, tán thán cúng dường, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng vô thượng Bồ-đề, phát Đại thế nguyện thường xuyên không nghỉ, khiến ác chướng tiêu diệt thiện căn tăng trưởng.

Tu môn chỉ quán như thế nào?

Nghĩa của chỉ, là diệt hết tất cả cảnh giới hý luận. Thấy rõ tướng sinh diệt của nhân quả là nghĩa của quán.

Trước tiên tu tập riêng rẽ tăng trưởng dần dần. Cho đến khi thành tựu thì tự nhiên thực hành song song.

Nếu tu pháp chỉ thì ở nơi tĩnh lặng, ngồi ngay ngắn, giữ chính ý, không dựa vào hơi thở, không dựa vào hình sắc, không dựa vào hư không, không dựa vào địa, thủy, hỏa, phong, cho đến không dựa vào sự thấy nghe hay biết, trừ hết tất cả các tướng niệm phân biệt đồng thời cũng loại bỏ ý tưởng đoạn trừ. Vì tất cả các pháp xưa nay không có tướng, không sinh không diệt. Tâm trước dựa vào cảnh, tiếp đến rời bỏ cảnh, niệm sau dựa vào tâm rồi lại rời bỏ tâm. Đem cái tâm đuổi theo ngoại cảnh trụ giữ vào nội tâm. Sau lại khởi tâm không chấp thủ tâm tướng, bởi lìa chân như là không thể được.

Đi đứng nằm ngồi trong tất cả thời không ngớt tu hành như vậy. Dần dần được nhập vào chân như Tam-muội, cuối cùng đê bẹp được tất cả phiền não, tín tâm tăng trưởng, chóng thành bất thoái.

Nếu ôm lòng nghi hoặc, phi báng không tín, nghiệp chướng trói buộc, ngã mạn, lười biếng, những người như vậy không thể nhập chân như Tam-muội được.

Lại nữa, do Tam-muội này chứng pháp giới tướng, biết pháp thân tất cả Như Lai với thân tất cả chúng sinh đều là một tướng bình đẳng không hai. Cho nên gọi đó là Nhất tướng Tam-muội.

Nếu tu tập Tam-muội này có thể sinh vô lượng Tam-muội. Bởi chân như là nơi căn bản của tất cả Tam-muội.

Hoặc có chúng sinh ít có căn lành, bị các tà ma ngoại đạo, quỷ thần, mê hoặc làm rối loạn. Hoặc hiện hình tướng dữ ác để khủng bố tâm người. Hoặc hiện sắc đẹp mỹ miều để mê hoặc ý người. Hoặc hiện hình tượng chư thiên, hình tượng Bồ-tát hoặc cả hình Phật tướng tốt trang nghiêm. Hoặc nói tông tri, hoặc nói các độ. Hoặc giảng nói các môn giải thoát, không oán không thân, không nhân không quả, tất cả các pháp rớt ráo rỗng không vắng lặng là bản tính Niết-bàn. Hoặc làm cho người ta biết những việc quá khứ vị lai, được tha tâm thông, được biện tài diễn thuyết lưu loát khiến tham trước danh dự lợi dưỡng. Hoặc làm cho người ta khi giận khi vui, hoặc đa bi đa ái, hoặc ngủ nhiều, hoặc bệnh tật, hoặc không siêng năng, hoặc bỗng dưng khởi tinh tiến, rồi sau lại phé bỏ, hoặc sinh nhiều nghi ngờ không tin thụ. Hoặc làm cho bỏ pháp tu thắng hạnh mà tu các tạp nghiệp, ưa thích thế sự, đắm đuối tình đời. Hoặc khiến chứng đắc thiền định ngoại đạo, 1 ngày, 2 ngày cho đến 7 ngày trụ trong thiền định được hảo ẩm thực thân tâm thích khoái không biết đói khát. Hoặc lại khuyên thụ nữ sắc, hoặc khiến ăn uống khi ít khi nhiều, hoặc làm cho hình dung hoặc tốt hoặc xấu.

Nếu bị các phiền não quấy rối sẽ thoái mất thiện căn từ trước, cho nên phải quán sát kỹ càng. Phải nghĩ như vậy: Những thứ này đều do thiện căn ta mỏng manh nghiệp chướng sâu nặng nên bị ma quỷ mê hoặc. Biết như vậy rồi nghĩ rằng kia tất cả đều chỉ là tâm. Tư duy như vậy sát-na liền diệt, xa lìa các tướng, nhập chân Tam-muội.

Tâm tướng đã lìa, chân tướng cũng hết. Từ định khởi, các kiến phiền não đều không hiện hành vì đã bị sức Tam-muội phá hủy, thiện phẩm thù thắng tùy thuận tiếp nối, tất cả chướng nạn đều lìa xa, khởi Đại tinh tiến hằng không tuyệt dứt.

Nếu không tu tập pháp Tam-muội này sẽ không vào được chủng tính Như Lai, bởi các Tam-muội khác đều có tướng chung với ngoại đạo, không gặp được Phật Bồ-tát.

Cho nên Bồ-tát đối với Tam-muội này phải siêng tu tập cho thành tựu rốt ráo.

Tu tập Tam-muội này, hiện thân sẽ được 10 thứ lợi ích:

1. Thường được chư Phật Bồ-tát 10 phương hộ niệm.
2. Không bị các tà ma ác quỷ quấy rối.
3. Không bị tất cả tà đạo mê hoặc.
4. Khiến nghiệp chướng tội nặng bởi phỉ báng chính pháp, dần dần giảm bớt.
5. Diệt tất cả nghi hoặc và các ác giác quán.
6. Tăng trưởng lòng tin đối với cảnh giới Như Lai.
7. Xa lìa mọi lo buồn khổ não, ở trong sinh tử, dững mãnh không khiếp sợ.
8. Xa lìa kiêu mạn, tâm nhu hòa nhẫn nhục, thường được tất cả thế gian kính nể.

9. Dầu không ở trong định nhưng trong tất cả thời, tất cả cảnh giới, phiền não giảm nhẹ không hiện khởi.

10. Nếu ở trong định thì không bị tất cả các thứ âm thanh bên ngoài làm kinh động.

Lại nữa, nếu chỉ tu pháp chỉ, thì tâm chìm lặng, hoặc sinh lười biếng, không thích các điều thiện, xa lìa Đại bi, cho nên cần phải tu quán.

Tu như thế nào?

Nghĩa là phải quán tất cả các pháp thế gian sinh diệt không ngừng. Vì vô thường nên khổ, khổ nên không có ngã. Phải quán pháp quá khứ như chiêm bao, pháp hiện tại như điện chớp, pháp vị lai như mây bỗng nhiên nổi lên. Phải quán thân thể đều bất tịnh, có nhiều thứ trùng như hòa lẫn phiền não.

Quán các phàm ngu thấy các pháp, trong cái không có gì vọng chấp là có. Quán sát tất cả từ pháp duyên sinh, đều như huyễn rất rảo không thật. Quán Đệ nhất nghĩa để chẳng phải tâm hành không thể nói ra không thể ví dụ. Quán tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều do sức vô minh huân tập, làm cho thân tâm phải chịu vô lượng khổ lớn. Hiện tại vị lai cái khổ cũng không biết đến chừng nào. Chúng sinh ở trong đó mà không biết, rất đáng thương thay.

Quán như vậy rồi sinh trí quyết định, khởi Đại bi rộng lớn, dũng mãnh lập thế nguyện lớn, nguyện cho tâm mình, do lìa các điên đảo, đoạn dứt các phân biệt, thân cận chư Phật Bồ-tát, đánh lễ cúng dường, cung kính tán thán nghe pháp tu hành cho đến tột cùng đời vị lai không dừng nghỉ, dùng vô lượng phương tiện cứu vớt tất cả chúng sinh trong biển khổ khiến trụ nơi cái vui Đệ nhất nghĩa của Niết-bàn.

Phát nguyện như vậy rồi, trong tất cả mọi thời, tùy khả năng mình mà tu hạnh tự lợi lợi tha. Đi đứng nằm ngồi thường xuyên quan sát cái gì nên làm không nên làm. Đó gọi là tu quán.

Lại nữa, nếu chỉ tu quán thì tâm không dừng lại, sinh nhiều nghi hoặc không tùy thuận Đệ nhất nghĩa đế, không phát sinh trí vô phân biệt. Cho nên chỉ quán phải song tu. Nghĩa là mặc dầu nghĩ nhớ tất cả pháp đều không có tự tính, không sinh không diệt bản lai vắng lặng, tự tính Niết-bàn, nhưng cũng phải thấy nhân duyên hòa hợp, nghiệp báo thiện ác không mất không hoại. Tuy nghĩ nhớ nhân duyên nghiệp báo thiện ác mà cũng thấy tất cả pháp không sinh, không tự tính cho đến Niết-bàn.

Tu hành pháp chỉ thì đối trị sự đắm trước sinh tử của phàm phu, cũng đối trị sự chấp đắm sinh tử mà sinh sợ hãi của Nhị thừa.

Tu hành pháp quán thì đối trị sự không tu thiện căn của phàm phu, cũng đối trị cái lỗi tâm hẹp hòi không khởi Đại bi của Nhị thừa.

Cho nên 2 pháp chỉ quán giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu không đủ cả chỉ quán thì không được vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, sơ học Bồ-tát ở nơi thế giới Ta-bà này hoặc gặp cảnh khổ nóng lạnh gió mưa hay bất chợt nạn đói, hoặc gặp chúng sinh bất thiện đáng sợ, 3 độc trời buộc, tà kiến điên đảo mà bỏ con đường thiện làm theo pháp ác, Bồ-tát trong đó tâm sinh khiếp nhược, sợ không gặp được chư Phật Bồ-tát, sợ không thể thành tựu tín tâm thanh tịnh sinh nghi muốn thoái lui thì phải nghĩ như vậy: Chư Phật Bồ-tát 10 phương đều đắc Đại thần thông không có chướng ngại, có thể dùng các thứ phương tiện khéo léo cứu vớt tất cả chúng sinh hiểm nạn. Nghĩ như vậy rồi, phát Đại thệ nguyện, nhất tâm chuyên niệm Phật và Bồ-tát. Do sinh tâm quyết định như vậy nên mạng chung quyết được vãng sinh trong các cõi Phật, gặp Phật Bồ-tát tín tâm thành tựu hằng lia nẻo ác.

Như kinh nói: Nếu thiện nam thiện nữ chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem thiện căn này hồi

hướng nguyện sinh thì quyết định được vãng sinh và nhờ thường thấy Phật nên tín tâm tăng trưởng vĩnh viễn không thoái chuyển. Ở đó nghe pháp, quán pháp thân Phật, lần lượt tu hành được nhập địa vị chính giác.

Phần lợi ích như thế nào?

Như vậy pháp Đại thừa là kho tàng sâu kín của chư Phật, tôi đã lược nói xong. Nếu có chúng sinh muốn sinh chính tín và không chướng ngại đối với cảnh giới rất sâu của Như Lai để vào con đường Đại thừa, thì nên tiếp nhận Luận này, suy nghĩ tu tập. Phải biết người này quyết định chóng thành Nhất thiết chủng trí.

Nếu ai nghe pháp này không sinh kinh sợ, thì phải biết người đó quyết định sẽ nối dòng giống Phật, chóng được thụ ký.

Giả sử có người giáo hóa chúng sinh đầy khắp 3 ngàn Đại thiên thế giới, khiến tu hành Thập thiện, cũng không bằng người trong giây lát, chân chính suy nghĩ pháp này thì công đức hơn người trước vô lượng vô biên.

Nếu theo đúng tu hành trong một ngày một đêm, công đức cũng vô lượng vô biên, không thể nói xiết. Dầu cho tất cả chư Phật 10 phương, mỗi mỗi đều khen ngợi công đức ấy trong vô lượng vô biên kiếp A-tăng-kì cũng không hết được. Vì công đức của chân như là không bờ bến, nên công đức tu hành cũng không bờ bến.

Nếu ai phỉ báng pháp này thì bị vô lượng tội báo phải chịu khổ não lớn trong kiếp A-tăng-kì.

Cho nên đối với pháp này phải quyết định tin, chớ nên phỉ báng, đã hại mình còn hại người, làm tuyệt dứt giống Tam bảo. Tất cả chư Phật đều do pháp này tu hành thành vô thượng trí. Tất cả Bồ-tát đều do tu hành pháp này mà chứng đắc Như Lai pháp thân.

Quá khứ các Bồ-tát do pháp này mà thành tựu Đại thừa tịnh tín. Các Bồ-tát hiện tại nay thành, các Bồ-tát vị lai sẽ thành. Cho nên muốn thành tựu hạnh thù thắng tự lợi lợi tha cần phải siêng năng tu học luận này.

*Tôi nay đã giải thích
Nghĩa Đại thừa sâu rộng,
Công đức thí quần sinh,
Khiến thấy chân như pháp./.*

(QUYÊN HẠ HẾT)

MỤC LỤC

SỐ 1648: LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (Con đường giải thoát) 5

 Quyển 3..... 5

 Phẩm 6: Phân Biệt Hành..... 5

 Phẩm 7: Phân Biệt Hành Xứ..... 14

 Quyển 4..... 24

 Phẩm 8: Hành Môn 1 24

 Quyển 5..... 58

 Phẩm 8: Hành Môn 2 58

 Quyển 6..... 91

 Phẩm 8: Hành Môn 3 91

 Quyển 7..... 128

 Phẩm 8: Hành Môn 4 128

 Quyển 8..... 162

 Phẩm 8: Hành Môn 5 162

 Quyển 9..... 199

 Phẩm 9: Năm Thân Thông 199

 Phẩm 10: Phân Biệt Tuệ..... 220

 Quyển 10..... 229

 Phẩm 11: Năm Phương Tiện 1 229

 Quyển 11..... 274

 Phẩm 11: Năm Phương Tiện 2 274

 Phẩm 12: Phân Biệt Đế 1 285

 Quyển 12..... 305

 Phẩm 12: Phân Biệt Đế 2 305

SỐ 1649: LUẬN TAM DI ĐỀ BỘ..... 337

 Quyển Thượng..... 337

 Quyển Trung..... 352

 Quyển Hạ..... 366

SỐ 1650: LUẬN BÍCH CHI PHẬT NHÂN DUYÊN..... 382

 Quyển Thượng..... 382

 Quyển Hạ..... 400

SỐ 1651: LUẬN THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN 419

SỐ 1652 [SỐ 1653]: LUẬN DUYÊN SINH	425
SỐ 1654: LUẬN NHÂN DUYÊN TÂM	444
SỐ 1655: LUẬN CHỈ QUÁN MÔN TỤNG	449
SỐ 1656: LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÍNH	460
SỐ 1657: LUẬN THỦ TRƯỢNG	527
SỐ 1658: LUẬN CHƯ GIÁO QUYẾT ĐỊNH DANH NGHĨA	536
SỐ 1659: LUẬN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM KINH	541
Quyển Thượng.....	541
Phẩm 1: Khuyên Phát Tâm	541
Phẩm 2: Phát Tâm	544
Phẩm 3: Thệ Nguyện	548
Phẩm 4: Đàn Ba-La-Mật	552
Phẩm 5: Thi Ba-La-Mật	556
Phẩm 6: Sẵn-Đề Ba-La-Mật.....	560
Quyển Hạ.....	564
Phẩm 7: Ti-Lê-Da Ba-La-Mật.....	564
Phẩm 8: Thiền Ba-La-Mật	567
Phẩm 9: Bát-Nhã-Ba-La-Mật	572
Phẩm 10: Pháp Môn Như Thật	575
Phẩm 11: Không, Vô Tướng	578
Phẩm 12: Công Đức Tri	581
SỐ 1660: LUẬN BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG.....	585
Quyển 1.....	585
Quyển 2.....	606
Quyển 3.....	623
Quyển 4.....	639
Quyển 5.....	658
Quyển 6.....	675
SỐ 1661: LUẬN BỒ ĐỀ TÂM LY TƯỚNG.....	691
SỐ 1662: KINH BỒ ĐỀ HÀNH (Bodhicaryāvatāra).....	702
Quyển 1.....	702
Phẩm 1: Ca Ngợi Tâm Bồ-Đề (I. Bodhicittānuśaṃsā)	702
Phẩm 2: Tâm Bồ-đề thí cúng dường (II. Pāpadeśanā).....	707
Phẩm 3: Hộ Giới (V. Samprajanyarakṣaṇa)	709
Quyển 2.....	723
Phẩm 4: Tâm Bồ-Đề Nhẫn Nhục Ba-La-Mật-Đa (VI. Kṣāntipāramitā) ...	723
Phẩm 5: Tâm Bồ-Đề Tinh Tiến Ba-La-Mật-Đa (VII. Vīryapāramitā)	740
Quyển 3.....	751
Phẩm 6: Tâm Bồ-Đề Tĩnh Lự Ba-La-Mật-Đa (VIII. Dhyānapāramitā).....	751

Quyển 4.....	775
Phẩm 7: Tâm Bồ-Đề Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa (IX. Prajñāpāramitā).....	775
Phẩm 8: Tâm Bồ-Đề Hồi Hướng (X. Pariṇāmanā).....	796
SỐ 1663: BỒ ĐỀ TÂM QUÁN THÍCH.....	805
SỐ 1664: LUẬN QUẢNG THÍCH BỒ-ĐỀ TÂM.....	809
Quyển 1.....	809
Quyển 2.....	818
Quyển 3.....	827
Quyển 4.....	836
SỐ 1665: LUẬN PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG CHÍNH ĐẲNG CHÍNH GIÁC TRONG KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ (Cũng có tên Du-Già Tổng Trì Thích Môn Nói Nghĩa Tâm Bồ-Đề Quán Hạnh Tu Hành).....	845
SỐ 1666: LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN.....	855
SỐ 1667: LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN.....	894
Quyển Thượng.....	894
Quyển Hạ.....	915